Bộ Kinh Trung [Trung Kinh Bộ] - Quyển 2. Năm Mươi Kinh Giữa [Majjhimapaṇṇāsapāḷi] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha d

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN 2. Năm Mươi Kinh Giữa (Majjhimapaṇṇāsapāḷi)

ii • Bộ Kinh Trung QUYỂN 2

Về Bản Dịch MN - Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có những chỗ tham chiếu các bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato và của PTS. - Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh MN này có 03 QUYỂN (PHẦN) được gọi là QUYỂN 1 [Năm Mươi Kinh Đầu], QUYỂN 2 [Năm Mươi Kinh Giữa], và QUYỂN 3 [Năm Mươi Kinh Cuối]. Mỗi Quyển có 05 Chương, mỗi chương có 10 bài kinh (riêng Chương 5 của QUYỂN 3 có 12 bài kinh). Do vậy toàn Bộ Kinh MN có 152 bài kinh, với QUYỂN 3 có 52 bài kinh. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như MA, MṬ ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ... + Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh MN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một hay vài bài kinh, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách- nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật. + Bộ Kinh MN có cấu trúc đơn giản, bắt đầu từ kinh 1 cho tới kinh 152

iv • Bộ Kinh Trung QUYỂN 2

chứ không gồm quá nhiều Phần, Chương, Nhóm, Tiểu Nhóm như trong các bộ kinh SN hay AN. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị thong thả hãy đọc từ kinh kinh đầu cho đến kinh cuối (như đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy). + Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào,

chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh. Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa đại thảm dịch Covid-19 (PL 2565) (dịch xong và in giữa năm 2021)

MỤC LỤC

Chương 1. Chương “Những Gia Chủ” ..... 1 51. KINH KANDARAKA ..... 3 52. KINH NGƯỜI TỪ AṬṬHAKANĀGARA ..... 17 53. KINH HỌC NHÂN ..... 31 54. KINH POTALIYA ..... 39 55. KINH JĪVAKA ..... 49 56. KINH UPĀLI ..... 53 57. KINH NGƯỜI THEO HẠNH CON CHÓ ..... 73 58. KINH HOÀNG TỬ ABHAYYA ..... 81 59. KINH NHIỀU LOẠI CẢM GIÁC ..... 85 60. KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI 91

Chương 2. Chương “Những Tỳ Kheo” ..... 109 61. KINH KHUYÊN DẠY RĀHULA Ở AMBALAṬṬHIKĀ ..... 111 62. ĐẠI KINH KHUYÊN DẠY RĀHULA ..... 117 63. TIỂU KINH MĀLUNKYA ..... 125 64. ĐẠI KINH MĀLUNKYA ..... 131 65. KINH BHADDĀLI ..... 139 66. KINH VÍ DỤ CHIM CÚT..... 151 67. KINH Ở CĀTUMĀ ..... 163 68. KINH Ở NAḶAKAPĀNA ..... 171 69. KINH GULISSĀNI..... 179 70. KINH Ở KĪṬĀGIRI 185

Chương 3. Chương “Những Du Sĩ” ..... 195 71. KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ TAM MINH ..... 197 72. KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ NGỌN LỬA..... 201 73. ĐẠI KINH DẠY VACCHAGOTTA..... 207 74. KINH DĪGHANAKHA (X)..... 217 75. KINH MĀGANDIYA ..... 223 76. KINH SANDAKA ..... 237 77. ĐẠI KINH SAKULUDĀYIN ..... 251 78. KINH SAMAṆAMAṆḌIKĀ ..... 275 79. TIỂU KINH SAKULUDĀYIN

..... 283 80. KINH VEKHANASSA 295

Chương 4. Chương “Những Nhà Vua” ..... 299 81. KINH GHAṬĪKĀRA ..... 301 82. KINH RAṬṬHAPĀLA..... 311 83. KINH MAKHĀDEVA ..... 331 84. KINH MADHURĀ ..... 339 85. KINH HOÀNG TỬ BỒ-ĐỀ ..... 347 86. KINH ANGULIMĀLA ..... 355 87. KINH ÁI SINH ..... 365 88. KINH TẤM VẢI NGOẠI NHẬP ..... 371 89. KINH NHỮNG BẢO THÁP GIÁO PHÁP ..... 377 90. KINH KAṆṆAKATTHALA 385

Chương 5. Chương “Những Bà-la-môn” ..... 395 91. KINH BRAHMĀYU..... 397

Bộ Kinh Trung QUYỂN 2 • vii

92. KINH SELA ..... 413 93. KINH ASSALĀYANA ..... 423 94. KINH GHOṬAMUKHA ..... 435 95. KINH CANKĪ ..... 441 96. KINH ESUKĀRĪ ..... 457 97. KINH DHĀNAÑJĀNI ..... 465 98. KINH VĀSEṬṬHA..... 473 99. KINH SUBHA ..... 485 100. KINH SANGĀRAVA 499

BẢNG VIẾT TẮT ..... 505 PHẦN CHÚ THÍCH ..... 507 TÓM TẮT CÁC KINH 579

viii • Bộ Kinh Trung QUYỂN 2

Chương 1. Chương “Những Gia Chủ” (Gahapati-vagga)

2 • Chương 1

51. KINH KANDARAKA (Kandaraka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā, bên bờ Hồ Gaggarā, cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo. Lúc đó có Pessa, con trai người lái voi (nài tượng) và du sĩ tên Kandaraka đã đến gặp đức Thế Tôn. Pessa, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, trong khi đó Kandaraka thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta đứng qua một bên.538 Khi đứng đó, ông ta nhìn khắp Tăng Đoàn các Tỳ kheo đang ngồi im lặng hoàn toàn,539 rồi

ông nói với đức Thế Tôn:

2. “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm, thật tuyệt vời là cách Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã được dẫn dắt bởi Thầy Cồ-Đàm để thực hành cách-thức đúng đắn. Những ai từng là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc toàn-giác [giác-ngộ toàn thiện] trong quá khứ, cùng lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi Thầy Cồ-Đàm. Và những ai sẽ là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác trong tương lai, cùng lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi Thầy Cồ-Đàm.”540

3. “Đúng như vậy, này Kandaraka, đúng như vậy! Những ai từng là những bậc Thế Tôn, là A-la-hán, bậc toàn-giác trong quá khứ, cao lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi ta. Và những ai sẽ là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác trong tương lai, cao lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi ta. “Bởi vì, này Kandaraka, trong Tăng Đoàn các Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã

đạt tới mục-tiêu đích thực, đã phá hủy những gông-cùm của (trói buộc vào) sự hiện-hữu, và là những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. Và trong Tăng Đoàn này có những Tỳ kheo trong giai đoạn tu học bậc cao (bậc học nhân), có giới-hạnh ổn định, sống một đời sống có giới- hạnh ổn định, sáng-trí, sống một đời sống có sự sáng-trí. Họ an trú với những cái tâm được thiết lập tốt trong bốn nền tảng chánh-niệm.541 Bốn đó là gì? Ở đây, này Kandaraka, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.”

4. Sau khi điều này được nói ra, Pessa, con trai người nài voi, đã nói: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách bốn nền tảng chánh- niệm đã được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn: để dẫn đến sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua buồn-sầu và than-khóc, để làm phai biến sự đau-thương và ưu-phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn. Bởi vì, thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia áo trắng cũng có những lúc an trú với tâm mình được thiết lập tốt trong bốn nền tảng chánh-niệm này.542 Ở đây, thưa Thế Tôn, chúng con cũng an trú quán thân trong thân … những cảm-giác trong những cảm- giác … tâm trong tâm …

những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách giữa sự rối ren, sự suy đồi, và những sự lừa dối của con người, đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của chúng sinh. Vì nhân loại

là một sự rối ren ẩn hiểm (khó lường) nhưng ở thú vật thì phơi bày đủ thấy (dễ lường). Thưa Thế Tôn, con có thể nài luyện một con voi để được thuần hóa, và trong những chuyến đi về ở Campā, con voi đó sẽ cho thấy mọi trò xạo, trò lừa (hai mặt), sự giả dối, và sự gian xảo [mà nó có thể làm].543 Nhưng những người được gọi là những nô bộc, những người đưa tin, và những người giúp việc cư xử lúc bằng thân, lúc bằng lời-nói thì khác, nhưng trong tâm thì khác. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách giữa sự rối ren, sự suy đồi, và những sự lừa dối của con người, đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của chúng sinh. Vì nhân loại là một sự rối ren ẩn hiểm nhưng ở thú vật thì phơi bày đủ thấy.

5. “Đúng như vậy, này Pessa, đúng là vậy! Nhân loại là một sự rối ren ẩn hiểm còn thú vật thì phơi bày đủ thấy. Này Pessa, có bốn loại người được thấy có trong thế gian.544 Bốn đó là gì? (i) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân. (ii) Ở đây có loại người hành xác người khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. (iii) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác người khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. (iv) Ở đây có loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác người khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. Vì người đó không hành xác bản thân hay người khác, người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng [thiêng liêng, siêu xuất].545 Loại người nào trong bốn loại đó làm hài lòng tâm trí của anh, này Pessa?” “Thưa Thế Tôn, ba loại người đầu không làm hài lòng tâm trí của con, nhưng loại cuối cùng làm hài lòng tâm trí của con.”

6. “Nhưng, này Pessa, tại sao ba loại người đầu không làm hài lòng tâm trí của anh?”

“Thưa Thế Tôn, (i) loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân thì hành hạ và đày đọa chính mình là cho dù mình muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. Và (ii) loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác thì hành hạ và đày đọa chúng sinh khác là những người muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. Và (iii) loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác thì hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác cho dù cả mình và chúng sinh khác đều

muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. (iv) Nhưng loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng—thì không hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác, bởi vì cả mình và chúng sinh khác đều muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này làm hài lòng tâm trí của con. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con đi đây. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm" "Này Pessa, các anh cứ tùy tiện đi". Rồi Pessa, con trai người nài vi, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

7. Không lâu sau khi anh ta đi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, Pessa, con trai người nài voi, là có trí, anh ta có trí tuệ lớn. Nếu anh ta ngồi lâu thêm chút nữa cho đến khi ta giảng giải xong chi tiết về bốn loại người này, thì anh ta sẽ được thêm nhiều ích-lợi

KINH KANDARAKA • 7

lớn lao. Nhưng dù chỉ như vậy anh ta cũng đã được nhiều ích-lợi lớn lao."546 "Thưa Thế Tôn, đây là lúc; thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc để đức Thế Tôn giảng giải chi tiết về bốn loại người này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ điều đó." "Này các Tỳ kheo, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"—"Dạ. thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

8. (i) "Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân?547 Ở đây có (những) người đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch, không đến khi được mời, không dừng khi được yêu cầu; người đó không nhận thức ăn được mang cho hay thức ăn được nấu cho mình hay nhận lời mời đến ăn; người đó không nhận gì được cho từ trong nồi, trong bát, trước mái hiên nhà, đưa qua cây gậy, đưa qua cái chày, từ hai người đang ăn, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở giữa những đàn ông, từ chỗ thức ăn được quảng bá để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; người đó không nhận ăn cá hay thịt, người đó không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men. Người đó nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; người đó nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng … người đó nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Người đó sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày … nhờ bảy chén bảy ngày; người đó nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày … một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, người đó thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định. Người đó là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Người đó sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; người đó sống nhờ ăn trái cây rụng. Người đó mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi,

bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh

8 • Chương 1

dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ. Người đó là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Người đó là người luôn đứng, không ngồi. Người đó là người ngồi xổm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xổm. Người đó là người dùng nệm gai nhọn; người đó lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Người đó sống theo đuổi sự thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Đó là những cách khác nhau người đó đã theo đuổi sự thực hành khổ hạnh hành hạ và hành xác bản thân. Đây được gọi là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

9. (ii) “Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có (những) người là người giết thịt cừu, người giết thịt heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người sắn bắn, người đánh bắt cá, người trộm cắp, người đao phủ, người cai ngục, hoặc người làm những nghề vấy máu khác. Đây được gọi là những người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

10. (iii) “Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có người là một vị vua thánh thiện được phong vương [được xứ dầu trên đầu] hay một bà-la-môn giỏi giang.548 Sau khi đã cho xây một đền mới để cúng tế ở phía đông kinh thành, và sau khi cạo bỏ râu tóc, mặc y-phục làm bằng da thú thô, và bôi trơn thân người bằng bơ và dầu, cào xước lưng mình bằng sừng hươu, ông ta bước vào đền cúng tế cùng với hoàng hậu chánh phi và thầy tế bà-la-môn cấp cao. Ở đó ông nằm xuống trên chỗ nền đất rải đầy cỏ. Nhà vua sống nhờ uống sữa từ núm vú thứ nhất của một con bò cái cùng màu, hoàng hậu uống sữa từ núm vú thứ hai, và thầy tế bà-la- môn cấp cao uống sữa từ núm vú thứ ba; sữa từ núm vú thứ tư họ đem đổ vào lửa, và con bò cái thì sống nhờ phần còn lại. Ông vua nói như vầy:

KINH KANDARAKA • 9

‘Hãy giết nhiều bò đực để cúng tế, giết nhiều bị đực thiến để cúng tế, hãy giết nhiều bò cái tơ để cúng tế, giết nhiều dê để cúng tế, giết nhiều cừu để cúng tế, hãy chặt thật nhiều cây để làm những cột cúng tế, hãy thật cắt nhiều cỏ để làm cỏ cúng tế.’ Rồi những nô bộc, những người đưa tin, và những người giúp việc phải làm những việc chuẩn bị, với nước mắt ràn rụa trên mặt, phải làm theo do bị thúc ép bởi những sự đe dọa trừng phạt và bởi sự sợ-hãi. Đây được gọi là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

11. (iv) “Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi

sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân mình cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng?549

12. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn-Giác [đã giác-ngộ toàn thiện], đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ (Phật), bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết.

13. [1] “Ví dụ một gia chủ [hay con trai của ông ta] hay người được sinh ra trong họ tộc khác nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người

đó đạt được niềm-tin vào Như Lai. Có được niềm-tin đó, người đó suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

14. [2] “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo; (1) sau khi dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, hiền hậu, người đó sống tha thương bi-mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi dẹp bỏ gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp (lấy những thứ không được cho); chỉ nhận lấy thứ được cho, chỉ trông chờ thứ được cho; bằng sự không gian-cắp người đó sống an trú trong sự trong-sạch (thanh bần, liêm khiết). (3) Sau khi dẹp bỏ việc dâm-dục (quan hệ tính dục), người đó giữ giới sống độc- thân, sống tách-ly, kiềm chế và không làm hành vi tính dục nào. “(4) Sau khi dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, (làm người) đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói hiểm-độc, người đó kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người khác, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó ưa thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó

kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng

lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói như đáng nghe đáng nhớ, hợp lý, đúng mực, và có ích lợi. "(8) Người đó kiêng cữ sự phá-hoại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ sự ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp (phi thời). (9) Người đó kiêng cữ sự tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch và những màn diễn không phù hợp. (10) Người đó kiêng cữ sự đeo vòng hoa, sự làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, sự tôn tạo mình bằng son phấn. (11) Người đó kiêng cữ sự dùng ghế ngồi và giường nằm cao và sang. (12) Người đó kiêng cữ sự nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ sự nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ sự nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ sự nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ sự nhận gà vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ sự nhận voi, trâu, bò, ngựa hay ngựa cái (gia súc). Người đó kiêng cữ sự nhận ruộng đồng hay đất đai. (13) Người đó kiêng cữ sự làm những việc lặt vặt đây đó (không phải phận sự) hoặc đi báo tin cho người này người nọ (theo kiểu rảnh rang, ngoài phận sự). (14) Người đó kiêng cữ sự mua bán buôn bán. (15) Người đó kiêng cữ sự cân gian, đong lận, lừa lọc tiền bạc. (16) Người đó kiêng cữ sự chấp nhận tiền đút lót, sự lừa gạt, lừa đảo, và gian trá. (17) Người đó kiêng cữ sự làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành.

15. [3] "Người đó hài lòng với y-phục che thân, hài lòng với thức-ăn được cho (khất thực) để nuôi giữ bụng (khỏi đói yếu), và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay; tương tự vậy, một Tỳ kheo Tỳ kheo biết hài lòng với y-phục để che thân và thức-ăn được cho để nuôi giữ bụng, và dù có đi tới đâu người đó cũng chỉ mang theo y-phục và bình-bát khất thực. Sau khi có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh (giới hạnh) như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc phi tội lỗi (không bị chê trách).

16. [4] "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết

một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn tâm, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn tâm. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục).

17. [5] "Người đó trở thành người hành động với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới hoặc đang đi lại; người hành động với sự rõ-biết khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự rõ-biết khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự rõ-biết khi đang mặc y-phục hoặc khi đang mang cà sa và bình bát; người hành động với sự rõ-biết khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự rõ-biết khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng.

18. [6] "Sau khi (i) có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh thánh thiện như vậy, và (ii) có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, và (iii) có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết thánh thiện như vậy, người đó lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc

cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.

19. [7] "Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. "Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân), người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận. "Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. "Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. "Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ (nghi), người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

20. [8] "Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ

(hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'.

21. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ)

và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'.

22. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".'

23. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'.

24. "(5) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó (có thể) nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn ra, nhiều đại kiếp thế giới co lại và giãn ra: (người đó nhớ rõ): 'Một lúc đó mình được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của mình như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của mình như vậy, tuổi thọ của mình như vậy; và mình chết từ chỗ đó, mình tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... mình được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của mình như kia, trải nghiệm sướng và khổ của mình như kia, tuổi thọ của mình như kia; và mình chết từ chỗ kia đó, mình tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng mình đã

được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

25. (6) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó (có thể) nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và

người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy.

26. (7) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là:

'Đây là những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt những ô-nhiễm'.

27. (8) "Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Tâm được giải- thoát.' Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

28. "Này các Tỳ kheo, đây là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân mình cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

52. KINH NGƯỜI TỪ AṬṬHAKANĀGARA (Aṭṭhakanāgara Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở chỗ Xóm Tre (Beluvagāmaka) gần Vesālī (Tỳ-xá-li).

2. Bấy giờ vào lúc đó có gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara (Bát thành) đã đến Pāṭaliputta (thành Ba-la-lị-phất) vì công việc hay lý do khác. Sau đó ông đã đến gặp một Tỳ kheo trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Kukkuṭa, và sau khi kính chào vị Tỳ kheo, ông ngồi xuống một bên và hỏi vị Tỳ kheo đó: "Thưa thầy, ngài Ānanda hiện sống ở đâu? Tôi muốn gặp thầy Ānanda." "Này gia chủ, thầy Ānanda đang sống ở Xóm Tre gần Vesālī."

3. Sau khi gia chủ Dasama đã làm xong công việc của mình ở Pāṭali- putta, ông đã đến gặp thầy Ānanda ở Xóm Tre gần Vesālī. Sau khi kính chào thầy ấy, ông ngồi xuống một bên và hỏi thầy ấy: "Thưa thầy Ānanda, có một điều (giáo lý, pháp tu) nào được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô- nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó?"550 "Có đó, này gia chủ, thực sự có một điều như vậy đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn." "Cái gì là một điều đó, thưa thầy Ānanda?"

4. "Ở đây, này gia chủ: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc

(lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định (jhāna) thứ nhất này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý (do tâm tư).551 Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm- dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).552 Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm bởi do sự tham-muốn Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó,553 thì với sự (đã) tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) người đó sẽ trở thành bậc tái sinh một cách tự động [trong (một trong) năm Cõi Trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên, chỗ tái sinh của những bậc thánh Bất-lai)] và từ cõi đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết- bàn) chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây là một điều đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

5. "Lại nữa: (2) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ hai này là có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong đó, người đó sẽ đạt tới sự

tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

6. "Lại nữa: (3) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ ba này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

7. "Lại nữa: (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ tư này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố- ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô- thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

8. (5) "Lại nữa: (i) 'Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn

[quảng đại], bao la [phóng đại, khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm thông qua tâm-từ là có điều- kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó

đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ mà người đó chưa đạt tới trước đó.

9. –11. (6) “Lại nữa: (ii) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (7) (iii) sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (8) (iv) sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: ‘Sự giải- thoát này của tâm thông qua tâm-bi … tâm-hỷ … tâm-xả là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.’ Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - “Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ mà người đó chưa đạt tới trước đó.

KINH NGƯỜI TỪ AṬṬHAKANĀGARA • 21

12. “Lại nữa, (9) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa- dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên].’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: ‘Tầng chứng đắc ‘không vô biên xứ’ này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.’ Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - “Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ mà người đó chưa đạt tới trước đó.

13. “Lại nữa, (10) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: ‘Tầng chứng đắc ‘thức vô biên xứ’ này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.’ Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa. - “Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ mà người đó chưa đạt tới trước đó.

14. “Lại nữa, (11) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của

thức, [nhận thức rằng:] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: ‘Tầng chứng đắc ‘vô sở hữu xứ’ này là có điều- kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.’ Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.554 - “Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ mà người đó chưa đạt tới trước đó.”

15. Sau khi thầy Ānanda đã nói xong, gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã thưa với thầy ấy: “Thưa thầy Ānanda, giống như một người đang tìm cửa đi vào một kho báu được giấu kín cùng một lúc gặp được mười một cửa dẫn vào kho báu được giấu kín đó. Cũng giống như vậy, trong khi con đang tìm một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử, con đã cùng một lúc gặp được mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử.555 Giống như một người có một ngôi nhà có mười một cửa và khi ngôi nhà bị hỏa hoạn người đó có thể thoát ra một cách an toàn thông qua bất kỳ cửa nào trong mười một cửa đó. Cũng giống như vậy, con có thể thoát khỏi một cách an toàn thông qua một trong mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử đó. Thưa thầy, những người theo giáo phái khác thậm chí còn tìm cách thu học phí cho sư thầy của họ; vậy tại sao con không cúng dường cho thầy Ānanda (vì sự chỉ dạy này của thầy)?”

16. Rồi gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã mời tựu Tăng đoàn những Tỳ kheo từ Pāṭaliputta và từ Vesālī, và đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng những Tỳ kheo bằng nhiều loại món ăn ngon lành. Ông đã dâng tặng mỗi Tỳ kheo hai bộ cà sa và dâng tặng thầy Ānanda ba bộ, và ông đã cho xây một tịnh xá trị giá năm trăm556 (cúng dường) cho thầy Ānanda.

53. KINH HỌC NHÂN (Sekha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Rồi những người họ Thích-Ca ở Ka- pilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ở đây một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi đức Thế Tôn sử dụng nó trước tiên, sau này những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó. Điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”557

3. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi thấy đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, họ ra về và đi tới hội trường mới đó. Họ trải kín hội trường bằng những tấm lót và chuẩn bị những chỗ ngồi, và họ đặt một bình nước lớn và treo một đèn dầu. Rồi họ đến gặp đức Thế Tôn và thưa: "Thưa Thế Tôn, hội trường đã được phủ kín bằng những tấm lót và những chỗ ngồi đã được chuẩn bị, một bình nước lớn đã được đặt và một đèn dầu đã được treo lên. Mong Thế Tôn tùy tiện đến."

4. Rồi đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến hội trường mới đó. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống cạnh cây cột trung tâm, mặt nhìn hướng đông. Và những Tỳ kheo rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía tây, mặt nhìn hướng

đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi sau lưng Phật). Và những người họ tộc Thích-Ca ở Kapilavatthu đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía đông, mặt nhìn hướng tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi hướng đối diện Phật).

5. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người họ Thích-Ca họ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp gần hết cả đêm, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Ānanda: "Này Ānanda, hãy nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về những người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (bậc học nhân) là những người đã nhập vào (dòng thánh) đạo.558 Lưng của ta đang đau. Ta sẽ cho nó nghỉ ngơi." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa làm gối đầu và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm, với chân trái đặt chồng lên chân phải, có chánh-niệm và hoàn toàn rõ-biết, sau khi đã để ý trong tâm về thời điểm thức dậy.

6. Rồi thầy Ānanda đã nói với ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca như vầy: "Này chú Mahānāma, ở đây một đệ tử thánh thiện là có được giới- hạnh, phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), tiết độ trong ăn uống, và hết mình vì sự tỉnh-thức; người đó có được bảy phẩm- chất tốt; và người đó là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].

7. (1) "Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là có được giới- hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây là cách một một đệ tử thánh thiện là có được giới-hạnh.

8. (2) “Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng. Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục). Đây là cách một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

9. (3) “Và theo cách nào là một một đệ tử thánh thiện tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một đệ tử thánh thiện sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.’

10. (4) “Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức? Ở đây, trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, một đệ tử thánh thiện sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) người đó sẽ nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức.

11. (5) “Và theo cách nào là một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm chất tốt? Ở đây, (i) một đệ tử thánh thiện có niềm-tin; người đó đặt niềm- tin vào sự sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc A-la- hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn’

12. (ii) “Người đó có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó biết xấu-hổ về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết xấu-hổ về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.

13. (iii) “Người đó biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó biết sợ-hãi về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết sợ-hãi về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.559

14. (iv) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết— những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc

KINH NGƯỜI TỪ AṬṬHAKANĀGARA • 27

bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

15. (v) “Người đó nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và để đảm nhận những trạng thái thiện lành; người đó là ổn định, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ lảng việc tu dưỡng những trạng thái thiện lành.

16. (vi) “Người đó có sự chánh-niệm; người đó có được sự chánh-niệm và sự thiện-khéo cao nhất; người đó có thể nhớ và nhớ lại những điều mình đã làm hay đã nói từ lâu.560

17. (vii) “Người đó là có trí; có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi sinh và biến diệt, loại trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ.561 Đó là cách một một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất tốt.

18. (6) “Và theo cách nào một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), là trạng thái không còn sướng hay khổ và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời). Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này.

19. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy đã trở thành một người (1) có

được giới-hạnh, (2) là người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), (3) là người tiết độ trong ăn uống, (4) là người hết mình vì sự tỉnh-thức; (5) là người đó có được bảy phẩm-chất tốt; (6) là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (vào sự hiện-hữu)'. "Ví dụ có một con gà với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã che, ấp, và nuôi dưỡng đúng cách.562 Cho dù nó không ước: 'Ôi, mong những con gà con của ta sẽ dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn!' thì những con gà con cũng có khả năng dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn. Cũng giống như vậy, khi một đệ tử thánh thiện như vậy … thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học-nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc'.

20. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời) đó:563 người đệ tử thánh thiện này có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh) … [giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình với những phương diện và những đặc điểm của chúng. Đây là sự phá-vỡ đầu tiên giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

21. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài (thiên nhãn minh), người đệ tử thánh thiện này có thể nhìn thấy những

chúng sinh chết đi và tái sinh (thiên nhãn minh) … [giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 25] … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy. Đây là sự phá-vỡ thứ hai giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

22. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Đây là sự phá-vỡ thứ ba giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.564

23. "Khi một đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó tiết độ trong ăn uống, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó hết mình vì sự tỉnh-thức, điều đó là thuộc

về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó có được bảy phẩm-chất tốt, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó.565

24. “Khi người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh) … với những phương diện và đặc điểm của chúng, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực (minh, chân trí) của người đó. Khi, với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) … người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó. Khi, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-

thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh), điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó.

25. “Người đệ tử thánh thiện như vậy được gọi là ‘đã hoàn thiện về trí- biết đích thực, hoàn thiện về đức-hạnh, hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh’. Và đoạn thi kệ này đã được xướng lên bởi vị trời Brahmā Sa- nankumāra: ‘Người họ tộc mà thánh thiện thì được coi là Người tốt nhất trong những người của dòng dõi; Nhưng bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người Là bậc đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh.’

“Giờ đoạn thi kệ đã được Brahmā Sanankumāra xướng một cách hay khéo, không phải bị xướng dở tệ; nó có một ý nghĩa và không phải vô nghĩa; và nó đã được tán đồng bởi đức Thế Tôn.”566

26. Rồi đức Thế Tôn đã ngồi dậy và nói với thầy Ānanda như vầy: “Tốt, tốt, này Ānanda! Thật tốt lành rằng thầy đã nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo.”

17. Đó là lời thầy Ānanda đã nói. Vị Sư Thầy đã tán đồng. Những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của thầy Ānanda.

53. KINH HỌC NHÂN (Sekha Sutta)

27. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

28. Bấy giờ, vào lúc đó có một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Rồi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa

Thế Tôn, ở đây một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi đức Thế Tôn sử dụng nó trước tiên, sau này những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó. Điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”567

29. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi thấy đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, họ ra về và đi tới hội trường mới đó. Họ trải kín hội trường bằng những tấm lót và chuẩn bị những chỗ ngồi, và họ đặt một bình nước lớn và treo một đèn dầu. Rồi họ đến gặp đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, hội trường đã được phủ kín bằng những tấm lót và những chỗ ngồi đã được chuẩn bị, một bình nước lớn đã được đặt và một đèn dầu đã được treo lên. Mong Thế Tôn tùy tiện đến.”

30. Rồi đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến hội trường mới đó. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống cạnh cây cột trung tâm, mặt nhìn hướng đông. Và những Tỳ kheo rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía tây, mặt nhìn hướng

đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi sau lưng Phật). Và những người họ tộc Thích-Ca ở Kapilavatthu đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía đông, mặt nhìn hướng tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi hướng đối diện Phật).

31. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người họ Thích-Ca họ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp gần hết cả đêm, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, hãy nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về những người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (bậc học nhân) là những người đã nhập vào (dòng thánh) đạo.568 Lưng của ta đang đau. Ta sẽ cho nó nghỉ ngơi.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa làm gối đầu và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm, với chân trái đặt chồng lên chân phải, có chánh-niệm và hoàn toàn rõ-biết, sau khi đã để ý trong tâm về thời điểm thức dậy.

32. Rồi thầy Ānanda đã nói với ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca như vầy: “Này chú Mahānāma, ở đây một đệ tử thánh thiện là có được giới- hạnh, phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), tiết độ trong ăn uống, và hết mình vì sự tỉnh-thức; người đó có được bảy phẩm- chất tốt; và người đó là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].

33. (1) “Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là có được giới- hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại

trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây là cách một một đệ tử thánh thiện là có được giới-hạnh.

KINH HỌC NHÂN • 33

34. (2) “Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng. Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục). Đây là cách một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

35. (3) “Và theo cách nào là một một đệ tử thánh thiện tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một đệ tử thánh thiện sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.’

34 • Chương 1

36. (4) “Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức? Ở đây, trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, một đệ tử thánh thiện sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) người đó sẽ nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức.

37. (5) “Và theo cách nào là một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm chất tốt? Ở đây, (i) một đệ tử thánh thiện có niềm-tin; người đó đặt niềm- tin vào sự sự giác-ngộ của Như

Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc A-la- hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn’

38. (ii) “Người đó có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó biết xấu-hổ về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết xấu-hổ về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.

39. (iii) “Người đó biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó biết sợ-hãi về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết sợ-hãi về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.569

40. (iv) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết— những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc

bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

41. (v) “Người đó nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và để đảm nhận những trạng thái thiện lành; người đó là ổn định, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ lảng việc tu dưỡng những trạng thái thiện lành.

42. (vi) “Người đó có sự chánh-niệm; người đó có được sự chánh-niệm và sự thiện-khéo cao nhất; người đó có thể nhớ và nhớ lại những điều mình đã làm hay đã nói từ lâu.570

43. (vii) “Người đó là có trí; có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi sinh và biến diệt, loại trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ.571 Đó là cách một một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất tốt.

44. (6) “Và theo cách nào một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), là trạng thái không còn sướng hay khổ và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời). Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này.

45. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy đã trở thành một người (1) có

được giới-hạnh, (2) là người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), (3) là người tiết độ trong ăn uống, (4) là người hết mình vì sự tỉnh-thức; (5) là người đó có được bảy phẩm-chất tốt; (6) là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (vào sự hiện-hữu)’. “Ví dụ có một con gà với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã che, ấp, và nuôi dưỡng đúng cách.572 Cho dù nó không ước: ‘Ôi, mong những con gà con của ta sẽ dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có khả năng dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn. Cũng giống như vậy, khi một đệ tử thánh thiện như vậy … thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học-nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’.

46. “Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời) đó:573 người đệ tử thánh thiện này có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh) … [giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình với những phương diện và những đặc điểm của chúng. Đây là sự phá-vỡ đầu tiên giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

47. “Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài (thiên nhãn minh), người đệ tử thánh thiện này có thể nhìn thấy những

chúng sinh chết đi và tái sinh (thiên nhãn minh) … [giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 25] … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy. Đây là sự phá-vỡ thứ hai giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

48. “Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Đây là sự phá-vỡ thứ ba giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.574

49. “Khi một đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó tiết độ trong ăn uống, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó hết mình vì sự tỉnh-thức, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó có được bảy phẩm-chất tốt, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó.575

50. “Khi người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh) … với những phương diện và đặc điểm của chúng, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực (minh, chân trí) của người đó. Khi, với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) … người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó. Khi, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-

thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh), điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó.

51. “Người đệ tử thánh thiện như vậy được gọi là ‘đã hoàn thiện về trí- biết đích thực, hoàn thiện về đức-hạnh, hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh’. Và đoạn thi kệ này đã được xướng lên bởi vị trời Brahmā Sa- nankumāra: ‘Người họ tộc mà thánh thiện thì được coi là Người tốt nhất trong những người của dòng dõi; Nhưng bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người Là bậc đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh.’

“Giờ đoạn thi kệ đã được Brahmā Sanankumāra xướng một cách hay khéo, không phải bị xướng dở tệ; nó có một ý nghĩa và không phải vô nghĩa; và nó đã được tán đồng bởi đức Thế Tôn.”576

52. Rồi đức Thế Tôn đã ngồi dậy và nói với thầy Ānanda như vầy: “Tốt, tốt, này Ānanda! Thật tốt lành rằng thầy đã nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo.” Đó là lời thầy Ānanda đã nói. Vị Sư Thầy đã tán đồng. Những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của thầy Ānanda.

54. KINH POTALIYA (Potaliya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Anguttarāpa trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Āpaṇa.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Āpaṇa để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Āpaṇa, sau khi trở về

sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã đến một khu vườn để an trú qua ngày. Sau khi đi vô khu vườn, đức Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây.

3. Gia chủ Potaliya, trong khi đang đi dạo mát, ăn mặc đầy đủ, dép quai sau và dù che nắng, cũng đi vô khu vườn đó, và sau khi đi vô khu vườn, ông đến chỗ đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích." Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm mới gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, nhưng ông vẫn im lặng. Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích." Và lần thứ hai gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ- đàm gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, nhưng ông vẫn im lặng. Lần thứ ba đức Thế Tôn nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích." Và lần thứ ba gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, ông nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, điều đó không phù hợp và không đúng cách nếu thầy gọi tôi là 'gia chủ'." "Này gia chủ, chú có những phương diện, những hình tướng, và những

dấu hiệu của một gia chủ." "Cho dù vậy, này Thầy Cồ-đàm, nhưng tôi đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự việc ở đời." "Này gia chủ, theo cách nào là chú đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự việc ở đời?" "Thầy Cồ-Đàm, tôi đã cho đi mọi của cải, lúa gạo, vàng, bạc cho con cái kế thừa. Tôi không còn khuyên dạy hay trách rầy chúng về những vấn đề như vậy, tôi chỉ sống cần có thức ăn và quần áo mà thôi. Đó là cách tôi đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự đời." "Này gia chủ, 'sự cắt bỏ mọi sự đời' (sự dứt bỏ, lìa bỏ mọi sự việc thế gian) như chú mới mô tả là một chuyện, nhưng theo Giới Luật của Thánh Nhân thì 'sự cắt bỏ mọi sự đời' là chuyện khác." "Thưa thầy, cái gì là 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân? Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp, chỉ cho tôi 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân là gì." "Vậy thì, này gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói". "Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. "Này gia chủ, theo Giới Luật của Thánh Nhân có tám điều dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời'. Tám đó là gì? Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát-sinh sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không gian-cắp, sự gian-cắp sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự nói-thật nói đúng, sự nói-dối nói láo sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự nói lời không hiểm-độc ma mãnh, sự nói lời hiểm-độc ma mãnh sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không ham muốn và không tham lam, 577 sự ham muốn và sự tham lam sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không lăng mạ và không chửi mắng, sự lăng mạ và chửi mắng sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không sân giận và không bực bội, sự sân giận và bực bội sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không kiêu ngạo, sự kiêu ngạo sẽ được dẹp bỏ. Đây là tám điều theo Giới Luật

của Thánh Nhân, được nói ra ngắn gọn chứ không được giảng giải chi tiết, sẽ dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời'."

5. "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu, vì lòng bi-mẫn, nếu đức Thế Tôn giảng giải chi tiết cho tôi về tám điều theo Giới Luật của Thánh Nhân để dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời' mới được đức Thế Tôn nói ra ngắn gọn mà không giảng giải chi tiết." "Vậy thì, này gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói" "Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

6. (1) "'Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát-sinh sẽ được dẹp bỏ.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Ở đây, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Tôi đang thực hành cách để dẫn tới sự dẹp bỏ và cắt bỏ những gông-cùm mà do chúng (nên) tôi có thể dính vào sự sát-sinh. Nếu tôi sát-sinh, tôi sẽ khiển trách mình vì đã làm vậy; người hiền trí, sau khi đã tìm hiểu được, sẽ chỉ trích tôi vì đã làm vậy; và khi thân tan rã, sau khi chết, do sát-sinh nên bị tái sinh trong một nơi-đến bất hạnh. Nhưng chính bản thân sự sát-sinh này là một gông-cùm và một chướng-ngại.578 Và những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não có thể khởi sinh do sát-sinh, nhưng những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não không khởi sinh nhờ kiêng cữ sát-sinh.' Do chiếu theo điều như vậy nên đã nói: 'Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát- sinh sẽ được dẹp bỏ.'

7. (2) "'Với chỗ dựa là sự không gian-cắp, sự gian-cắp sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

8. (3) "'Với chỗ dựa là sự nói-thật nói đúng, sự nói-dối nói láo sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

9. (4) "'Với chỗ dựa là sự nói lời không hiểm-độc ma mãnh, sự nói lời hiểm-độc ma mãnh sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

10. (5) "'Với chỗ dựa là sự không ham muốn và không tham lam, sự

ham muốn và tham lam sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

11. (6) "'Với chỗ dựa là sự không lăng mạ và không chửi mắng, sự lăng mạ và chửi mắng sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

12. (7) "'Với chỗ dựa là sự không sân giận và không bực bội, sự sân giận và bực bội sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

13. (8) "'Với chỗ dựa là sự không kiêu ngạo, sự kiêu ngạo sẽ được dẹp bỏ.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Ở đây, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Tôi đang thực hành cách để dẫn tới sự dẹp bỏ và cắt bỏ những gông-cùm mà do chúng (nên) tôi có thể dính vào sự kiêu-ngạo. Nếu tôi kiêu-ngạo, tôi sẽ khiển trách mình vì đã làm vậy; người hiền trí, sau khi đã tìm hiểu được, sẽ chỉ trích tôi vì đã làm vậy; và khi thân tan rã, sau khi chết, do sự kiêu- ngạo nên bị tái sinh trong một nơi-đến bất hạnh. Nhưng chính bản thân sự kiêu-ngạo này là

một gông-cùm và một chướng-ngại. Và những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não có thể khởi sinh do sự kiêu-ngạo, nhưng những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não không khởi sinh nhờ kiêng cữ sự kiêu-ngạo.' Do chiếu theo điều như vậy nên đã nói: 'Với chỗ dựa là sự không kiêu-ngạo, sự kiêu-ngạo sẽ được dẹp bỏ.'579

14. "Tám điều này theo Giới Luật của Thánh Nhân sẽ dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời' giờ đã được đức Thế Tôn giảng giải chi tiết. Nhưng 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân vẫn chưa được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt." "Thưa thầy, theo cách nào là 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt? Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp, chỉ cho tôi cách mà 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt." "Này gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói" "Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều

này:

15. "Này gia chủ, ví dụ một con chó, bị đói và yếu, đang đứng chực ở hàng bán thịt.580 Rồi người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] có thể quăng cho con chó một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Liệu con chó đó có được hết đói và yếu với một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu, hay không?" "Không, thưa thầy. Vì sao? Vì đó chỉ là một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Cuối cùng con chó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi." "Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một khúc xương; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất,581 ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

16. "Này gia chủ, ví dụ một con kền kền (linh thứu), một con diệc, hay một con diều hâu gắp một miếng thịt và bay đi, rồi những con còn lại sẽ đuổi theo nó, (dùng mỏ) cắn mổ nó và (dùng móng vuốt) cào bấu nó. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu con linh thứu, hay con diệc, hay con diều hâu đó không mau lẹ buông bỏ miếng thịt đó, thì nó có thể bị (tấn công) chết hay bị đau khổ như chết vì miếng thịt đó phải không?" "Đúng vậy, thưa thầy" "Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một miếng thịt; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ

đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

17. “Này gia chủ, ví dụ một người cầm một ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy và đi ngược gió. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người đó không mau lẹ buông bỏ ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy đó, ngọn đuốc sẽ đốt cháy bàn tay hay cánh tay hay những chỗ khác trên thân người đó, thì có thể bị chết hay bị đau khổ như chết vì ngọn đuốc đó phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một ngọn đuốc đang cháy (ngược gió); chúng mang lại một ít sự thỏa- thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

18. “Này gia chủ, ví dụ có một hố than sâu hơn chiều cao con người chứa đầy than đang cháy, nhưng không có lửa ngọn hay khói. Rồi một người đến đó, là người muốn sống và không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ, rồi có hai lực sĩ nắm chặt hai tay anh ta và lôi anh ta đến chỗ hố than. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Thì người đó có sẽ cố giằng co kháng cự đủ kiểu (để thoát khỏi) phải không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì anh ta biết nếu mình bị đẩy xuống hố than thì anh ta có thể sẽ chết hay đau khổ như chết vì hố than đó.” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví

như một hố than đang cháy; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí- tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

19. “Này gia chủ, ví dụ một người nằm mơ thấy những khu vườn rất đẹp, những khu rừng rất đẹp, những đồng cỏ rất đẹp, và những hồ nước rất đẹp, rồi tới khi thức dậy anh ta thấy chẳng có gì cả. Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một giấc mơ; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

20. “Này gia chủ, ví dụ một người vay mượn những đồ đạc—như một chiếc xe rất đẹp và những thứ vòng vàng trang sức—rồi anh ta đi tới chợ, những chủ nhân của những thứ mà anh ta vay mượn cũng đến đó. Rồi mọi người nhìn thấy anh ta, họ nói: “Này ông bà, đó là một người giàu có! Đó là cách những người giàu có thụ hưởng sự giàu có của họ!’ Rồi những chủ nhân khi thấy anh ta liền lấy lại những thứ của họ. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Điều đó dư đủ làm cho anh ta trở nên chán nản phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy. Vì sao? Bởi vì những chủ nhân sẽ lấy lại những thứ đó của họ.” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những thứ vay mượn tạm bợ;

chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

21. "Này gia chủ, ví dụ có một vườn cây rậm rạp không xa làng mạc hay phố thị, trong đó có một cây sai trái trĩu quả nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Rồi một người đến đó đang cần trái cây, đang tìm kiếm trái cây, đang đi tìm trái cây, và người đó đi vô khu vườn đó và nhìn thấy cái cây sai trái đó. Ngay đó anh ta nghĩ: 'Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta biết cách trèo cây, vậy ta sẽ trèo lên cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.' Và anh ta làm vậy. Rồi một người thứ hai đến đó … (tương tự người thứ nhất) … Ngay đó anh ta nghĩ: 'Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta không biết cách trèo cây, vậy ta sẽ chặt gốc cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.' Và anh ta làm vậy. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người thứ nhất đã trèo lên cây mà không mau lẹ trèo xuống, khi cây ngã anh ta sẽ bị gảy tay hay gảy chân hay bị chỗ khác trên thân, thì do vậy có thể bị chết hay đau khổ như chết phải không?" "Đúng vậy, thưa thầy". "Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những trái cây trên cây cao; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất, ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

22. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời) (của Tứ thiền), người đệ tử thánh thiện này (có thể) nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh), đó là, một lần sinh, hai lần sinh … [Giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 24] … Như vậy người đó đã nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ

của mình với những phương diện và những đặc điểm của chúng.

23. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả, người đệ tử thánh thiện này (có thể) nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … [Giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 25] … người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy. (thiên nhãn minh)

24. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này

người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh).

25. “Đến lúc này, này gia chủ, ‘sự cắt bỏ mọi sự đời’ theo Giới Luật của Thánh Nhân đã được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Chú có nhìn thấy bên trong chú có ‘sự cắt bỏ mọi sự đời’ đúng theo Giới Luật của Thánh Nhân khi nó đã được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt như vậy hay không?” “Thưa thầy, tôi là ai mà có được ‘sự cắt bỏ mọi sự đời’ hoàn toàn và tất cả mọi mặt đúng như sự đó theo Giới Luật của Thánh Nhân? Thật tình, thưa thầy, tôi còn xa để với tới ‘sự cắt bỏ mọi sự đời’ như vậy theo Giới Luật của Thánh Nhân khi nó được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt. Bởi vì, thưa thầy, mặc dù những du sĩ các giáo phái khác không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã tưởng họ là những người thuần chủng;582 cho dù họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã cấp dưỡng cho họ bằng những thức ăn của những người thuần chủng; cho dù họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã đặt họ ở chỗ của những người thuần chủng. Nhưng cho dù những Tỳ kheo là những người thuần chủng, chúng tôi đã tưởng họ không phải là những người thuần chủng; cho dù họ là những người thuần chủng, chúng tôi đã cấp

dưỡng cho họ thức ăn của những người không thuần chủng; cho dù họ là những người thuần chủng, chúng tôi đã đặt họ ở chỗ những người không thuần chủng. Nhưng từ giờ, thưa thầy, vì những du sĩ các giáo phái khác không phải là những người thuần chủng, chúng tôi hiểu rằng họ không phải là những người thuần chủng; vì họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi sẽ cấp dưỡng cho họ những thức ăn của những người không thuần chủng; vì họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi sẽ đặt họ ở chỗ của những người không thuần chủng. Thưa thầy, đức Thế Tôn đã khích lệ trong tôi tình thương-mến dành cho những sa-môn, niềm-tin dành cho những sa-môn, sự tôn-kính dành cho những sa-môn.

26. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

55. KINH JĪVAKA (Jīvaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của anh Jīvaka Komārabhacca.583

2. Rồi anh Jīvaka Komārabhacca đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, anh ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

3. “Thưa Thế Tôn, con nghe điều này: ‘Họ giết sinh vật vì sa-môn Cồ- đàm; sa-môn Cồ-đàm biết và ăn thịt (họ nấu) cho ông ta từ những con vật bị giết vì ông ta.’ Thưa Thế

Tôn, những người nói như vậy có phải là nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với sự thật? Có phải họ đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?"

4. "Này Jīvaka, những ai nói như vậy là không nói đúng điều được nói bởi ta, mà diễn dịch sai lời của ta bằng điều không đúng và trái với sự thật.

5. "Này Jīvaka, ta nói rằng có ba trường hợp thịt không được ăn: khi đã thấy, đã nghe, hoặc đã nghi ngờ [rằng con vật đã bị giết thịt vì mình]. Ta nói rằng thịt không được ăn trong ba trường hợp này. Ta nói rằng có ba trường hợp thịt có thể được ăn: khi không thấy, không nghe, và không nghi ngờ [con vật đã bị giết thịt vì mình]. Ta nói rằng thịt có thể được ăn trong ba trường hợp này.584

6. "Ở đây, này Jīvaka, có Tỳ kheo sống nương nhờ vào làng xóm hay thị trấn. Người đó (sống) an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng

đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Rồi một gia chủ [hay con trai ông ta] đến gặp và mời Tỳ kheo đó đến dùng bữa cơm ngày mai. Tỳ kheo đó sẽ nhận lời nếu thầy đó thích. Khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của gia chủ đó và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ đã phục vụ thầy đó bằng thức ăn cúng dường. Thầy đó không nghĩ: 'Thật tốt rằng gia chủ đã phục vụ mình với thức ăn ngon! Phải chi sau này gia chủ cũng phục vụ mình với thức ăn ngon như vậy!' Thầy đó không nghĩ như vậy. Thầy đó ăn thức ăn cúng dường mà không bị trói buộc vào nó, không say mê với nó, và hoàn toàn không dính vào nó, nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Anh nghĩ sao, này Jīvaka? Vậy có phải Tỳ kheo đó chọn lấy sự khổ đau cho mình, hay cho người khác, hay cho cả mình và cho người?"—"Không phải, thưa Thế Tôn."—"Vậy có phải lúc đó Tỳ kheo đó duy trì (nuôi) bản thân bằng thức ăn phi tội lỗi?"

7. "Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, con đã nghe điều này: 'Trời Brahmā an trú trong tâm-từ'. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là chứng nhân nhìn thấy được (nhân chứng sống) của con đối với điều đó; vì đức Thế Tôn an trú trong tâm-từ." "Này Jīvaka, mọi sự tham, sân, si (vì nó) làm khởi sinh sự ác-ý thì đã bị trừ bỏ bởi Như Lai, đã bị cắt bỏ nó tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai.585 Nếu lời anh nói là theo nghĩa đó, thì ta đồng ý với anh." "Thưa Thế Tôn, lời con nói chính xác là theo nghĩa đó."

8. –10. "Ở đây, này Jīvaka, một Tỳ kheo sống nương nhờ vào làng xóm hay thị trấn. Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai,

phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một

cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Rồi một gia chủ [hay con trai ông ta] đến gặp và mời Tỳ kheo đó đến dùng bữa cơm ngày mai. Tỳ kheo đó sẽ nhận lời nếu thầy đó thích … Vậy có phải Tỳ kheo đó chọn lấy sự khổ đau cho mình, hay cho người khác, hay cho cả mình và cho người?”—“Không phải, thưa Thế Tôn.”—“Vậy có phải lúc đó Tỳ kheo đó duy trì bản thân bằng thức ăn phi tội lỗi?”

11. “Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, con đã nghe điều này: ‘Trời Brahmā an trú trong tâm-từ’. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là chứng nhân nhìn thấy được của con đối với điều đó; vì đức Thế Tôn an trú trong tâm-từ.” “Này Jīvaka, mọi sự tham, sân, si (vì nó) làm khởi sinh sự hung-dữ hay sự bất-mãn hay sân thì đã bị trừ bỏ bởi Như Lai rồi, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai.586 Nếu lời anh nói là theo nghĩa đó, thì ta đồng ý với anh.” “Thưa Thế Tôn, lời con nói chính xác là theo nghĩa đó.”

12. “Nếu ai giết hại một sinh vật vì Như Lai hay đệ tử của Như Lai, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước trong năm trường hợp. (i) Khi người đó nói: ‘Hãy bắt sinh vật đó’, đây là trường hợp thứ nhất người đó tạo nhiều thất-phước. (ii) Khi sinh vật đó nếm trải sự khổ đau và đau buồn khi bị dắt đi bởi dây thắt cổ, đây là trường hợp thứ hai người đó tạo nhiều thất- phước. (iii) Khi người đó nói: “Hãy giết sinh vật đó”, đây là trường hợp thứ ba người đó tạo nhiều thất-phước. (iv) Khi sinh vật đó đang nếm trả sự đau đớn và đau buồn khi đang bị giết, đây là trường hợp thứ tư người đó tạo nhiều thất-phước. (v) Khi người đó dùng (nấu, cúng) thứ thịt không được phép cúng đó cho Như Lai hay đệ tử của Như Lai, đây là trường hợp thứ năm người đó tạo nhiều thất-phước. Ai giết thịt một sinh vật vì Như Lai hay đệ tử của Như Lai thì tạo nhiều thất-phước trong năm trường hợp đó.”

13. Sau khi điều này được nói ra, anh Jīvaka Komārabhacca đã nói với

đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Những Tỳ kheo duy trì bản thân bằng thức ăn được phép ăn. Những Tỳ kheo duy trì bản thân bằng thức ăn không tội lỗi. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! … Từ hôm nay kính mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”587

56. KINH UPĀLI (Upāli Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāḷandā trong khu Vườn Xoài của (gia chủ) Pāvārika.

2. Bấy giờ, vào lúc đó Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta đang ở Nāḷandā cùng với một đoàn lớn những người Ni-kiền-tử. Rồi, khi Ni-kiền-tử tên Dīgha Tapassī588 đã đi quanh khất thực ở Nāḷandā và sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ông ta đến khu Vườn Xoài của Pāvārika để gặp đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên. Khi ông đứng đó, đức Thế Tôn đã nói với ông: “Có mấy chỗ ngồi, này ông Tapassī, hãy ngồi xuống nếu ông thích.”

3. Sau khi điều này được nói ra, ông Dīgha Tapassī đã chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với ông: “Này Tapassī, có bao nhiêu loại nghiệp mà ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp [hành động] xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp [hành động] xấu ác?” “Này bạn Cồ-đàm, Ni-kiền-tử Nātaputta không quen dùng chữ ‘nghiệp, nghiệp’ để mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác; Ni-kiền-tử Nātaputta chỉ quen dùng chữ ‘gậy, gậy’ để mô tả.”589 “Vậy thì, này Tapassī, có bao nhiêu loại gậy mà ông Ni-kiền-tử Nāta- putta đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?” “Này bạn Cồ-đàm, Ni-kiền-tử Nātaputta đã mô tả ba loại gậy cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác; đó là, gậy thân, gậy lời-nói, và gậy tâm.”590 “Vậy thì, này Tapassī, gậy thân là một thứ, gậy lời-nói là thứ khác, và gậy tâm là thứ khác nữa, phải không?”

“Này bạn Cồ-đàm, gậy thân là một thứ, gậy lời-nói là thứ khác, và gậy tâm là thứ khác nữa.” “Trong ba loại gậy, này Tapassī, như đã được phân tích và phân biệt, loại gậy nào ông Ni-kiền-tử Nātaputta mô tả là đáng trách [đáng quở, đáng chê] nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: gậy thân, hay gậy lời-nói, hay gậy tâm?” “Này bạn Cồ-đàm, trong ba loại gậy, như đã được phân tích và phân biệt, Ni-kiền-tử Nātaputta mô tả gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy.” “Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?” “Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm” “Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?” “Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm” “Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?” “Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm” Vậy đó, đức Thế Tôn đã làm cho Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī bảo lưu câu nói đến lần thứ ba.

4. Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã hỏi đức Thế Tôn: “Còn ông, này bạn Cồ-đàm, có bao nhiêu loại gậy mà ông đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?” “Này Tapassī, Như Lai không quen dùng chữ ‘gậy, gậy’ để mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác. Như Lai chỉ quen dùng chữ ‘nghiệp, nghiệp’ để mô tả.” “Nhưng, này bạn Cồ-đàm, có bao nhiêu nghiệp ông mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?” “Này Tapassī, ta mô tả ba loại nghiệp cho sự thực hiện nghiệp xấu ác,

cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: đó là, nghiệp thân (thân nghiệp), nghiệp lời-nói (khẩu nghiệp), và nghiệp tâm (tâm nghiệp).” “Vậy thì, này bạn Cồ-đàm, nghiệp thân là một thứ, nghiệp lời-nói là thứ khác, và nghiệp tâm là thứ khác nữa, phải không?” “Này Tapassī, nghiệp thân là một thứ, nghiệp lời-nói là thứ khác, và nghiệp tâm là thứ khác nữa.” “Trong ba loại nghiệp, này bạn Cồ-đàm, như đã được phân tích và phân biệt, loại nghiệp nào ông mô tả là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: nghiệp thân, hay nghiệp lời-nói, hay nghiệp tâm?” “Này bạn Tapassī, trong ba loại nghiệp, như đã được phân tích và phân biệt, Như Lai mô tả nghiệp tâm là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn nghiệp thân và nghiệp lời-nói thì không đến nỗi như vậy.”591 “Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?” “Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī” “Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?” “Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī” “Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?” “Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī” Vậy đó, Ni-kiền-tử đã làm cho đức Thế Tôn bảo lưu câu nói đến lần thứ ba, sau đó ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về và đi đến chỗ ông Ni-kiền-tử Nātaputta (là giáo chủ của ông ta).

5. Bấy giờ, vào lúc đó ông Ni-kiền-tử Nātaputta đang ngồi với một hội chúng lớn những người tại gia đến từ Bālaka được dẫn đầu bởi gia chủ Upāli. Ni-kiền-tử Nātaputta nhìn thấy Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đang đến từ xa, và hỏi ông ta: “Ông từ chỗ nào đến đây vào lúc giữa trưa vậy, này

Tapassī?” “Tôi đến từ chỗ có mặt sa-môn Cồ-đàm, thưa ngài.” “Ông có nói chuyện qua lại với sa-môn Cồ-đàm phải không, này Tapassī?” “Tôi có nói chuyện qua lại với sa-môn Cồ-đàm, thưa ngài.” “Chuyện ông nói với ông ấy là gì, này Tapassī?” Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã kể lại cho Ni-kiền-tử Nātaputta toàn bộ câu chuyện mà ông đã nói với đức Thế Tôn.

6. Sau khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói với ông: “Tốt, tốt, này Tapassī! Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy.”

7. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đã nói với Ni-kiền-tử Nātaputta: “Tốt, tốt, thưa ngài, [về phần của ngài] Dīgha Tapassī! Ngài Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy. Giờ thì, thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa- môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của ngài). Nếu sa-môn Cồ- đàm cứ khăng khăng bảo lưu điều mà ngài Dīgha Tapassī đã làm ông ta đã bảo lưu (ba lần) như vậy: thì giống như một người khỏe

mạnh có thể túm lấy lông con cừu có lông dài và lôi tới, lôi lui và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ nấu rượu khỏe mạnh quăng một cái sàng hèm to vào trong bể

nước, và túm lấy góc của nó và lôi tới, lôi lui, và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ trộn hèm nấu rượu túm lấy góc một cái rổ lọc và xốc xuống, xốc lên và xốc ngược nó lên; cũng như vậy, cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ xốc xuống, xốc lên và xốc ngược ông ta. Và giống như một con voi sáu mươi tuổi nhảy ào xuống ao sâu và nghịch chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu dưới đó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu với sa-môn Cồ-đàm.592 Thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của ngài).” “Này gia chủ, hãy đến và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của tôi). Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ- đàm.”

8. Sau khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã nói với Ni-kiền-tử Nātaputta: “Thưa ngài, tôi không đồng ý rằng gia chủ Upāli nên [cố gắng] bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.” “Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli. Này gia chủ, cứ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ-đàm.” Lần thứ hai … Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta … (y như trên và giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta vẫn nói lại như trên) … Này gia chủ, cứ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ-đàm.”

9. “Dạ, thưa ngài”, gia chủ Upāli đáp lại, và ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi kính chào Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ Nātaputta ở phía bên phải, ông ta đi ra, và đi đến chỗ đức Thế Tôn ở khu Vườn Xoài. Đến nơi, sau khi lễ chào đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải ngài Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến đây?” “Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến đây, này gia chủ.” “Thưa ngài, ngài có cuộc nói chuyện qua lại với ngài ấy?” “Ta có cuộc nói chuyện qua lại với ông ấy, này gia chủ.” “Chuyện ông nói với ông ấy là gì, thưa ngài?” Đức Thế Tôn đã kể lại cho gia chủ Upāli toàn bộ cuộc nói chuyện với Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī.

10. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đã nói với đức Thế Tôn: “Tốt, tốt, thưa ngài, [về phần của] Dīgha Tapassī! Ngài Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng

đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy." "Này gia chủ, nếu ông tranh luận dựa trên sự thật, thì chúng ta sẽ nói chuyện ít nhiều về điều này." "Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật, thưa ngài, vậy chúng ta hãy đối thoại ít nhiều về điều này."

11. [1] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ở đây, ví dụ khi ông Ni-kiền-tử Nigaṇṭha bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần như chết [bởi một căn bệnh cần phải trị nó bằng nước lạnh mà ông ta đã thề không uống] và có thể ông ta từ chối uống nước lạnh [mặc dù trong tâm rất muốn uống nó] và chỉ uống nước nóng [được phép uống, và giữ đúng lời thề tránh nước lạnh bằng thân và lời-nói]. Do ông ta không chịu uống nước lạnh nên ông ta có

thể chết. Vậy, này gia chủ, ông Ni-kiền-tử Nātaputta sẽ mô tả sự tái sinh của ông ta [xảy ra] ở đâu?" "Thưa ngài, có (cõi trời của) những thiên thần được gọi là 'dính-tâm'; ngài ấy sẽ tái sinh vào chỗ đó. Vì sao? Bởi vì khi ngài ấy chết ngài ấy vẫn còn dính [trói buộc] trong tâm."593 "Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật, thưa ngài, vậy chúng ta hãy đối thoại ít nhiều về điều này.'" "Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không đến nỗi như vậy."594

12. [2] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ở đây có Ni-kiền-tử có thể được kiềm chế bởi bốn sự kiềm chế—được kiềm chế đối với tất cả nước, hết mình vì sự kiềm chế đối với tất cả điều ác, giũ bỏ tất cả điều ác, được bao trùm (thấm đẫm) bởi sự giũ bỏ tất cả điều ác595—nhưng rồi, khi đi lại tới lui người đó có thể vô tình làm hại hay gây chết những sinh vật bé tí. Trong trường hợp như vậy ông Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố quả là gì đối với người đó?" "Thưa ngài, ngài Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố những việc không cố-ý là không đáng trách (không xấu ác, không tội lỗi)." "Nhưng, này gia chủ, nếu một người cố-ý làm việc đó?" "Thì việc đó là rất đáng trách, thưa ngài." "Nhưng ông Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố sự cố-ý là thuộc phần [gậy] nào trong [ba gậy] đó?" "Thuộc gậy tâm, thưa ngài."596 "Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! "Này gia

chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …'" "Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không

đến nỗi như vậy.”

13. [3] “Ông nghĩ sao, này gia chủ? Thị trấn Nāḷandā là thành công và phát đạt phải không, nó nhiều dân và đông đúc phải không?” “Đúng vậy, thưa ngài.” “Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ví dụ một người đến đây vung kiếm và nói như vầy: ‘Trong một phút, trong một giây, tôi sẽ làm tất cả mọi chúng sinh trong thị trấn Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một núi thịt.’ Ông nghĩ sao, này gia chủ, liệu người đó có làm được vậy không?” “Thưa ngài, dù có mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, thậm chí năm mươi người cũng không thể làm tất cả mọi chúng sinh trong thị trấn Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một núi thịt trong một giây hay một phút, chỉ một mình kẻ nhỏ nhặt đó thì làm được gì?” “Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ví dụ có sa-môn hay bà-la-môn nào đến đây đã có được năng-lực tâm linh [thần thông] và đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, và nói như vầy: ‘Tôi sẽ biến thị trấn Nāḷandā này thành tro tàn bằng một hành-động thù ghét của tâm.’ Ông nghĩ sao, này gia chủ, liệu sa- môn hay bà-la-môn đó có thể làm được vậy không?” “Thưa ngài, một sa-môn hay bà-la-môn như vậy đã có được năng-lực tâm linh và đã đạt được sự làm-chủ cái tâm thì có khả năng biến tới mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, thậm chí năm mươi cái thị trấn Nāḷandā thành tro tàn bằng một hành-động thù ghét của tâm, chỉ một thị trấn Nāḷandā nhỏ nhặt này thì tính làm gì?” “Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông

mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: ‘Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …’” “Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không đến nỗi như vậy.”

14. [4] “Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ông đã từng nghe những khu rừng Daṇḍaka, rừng Kālinga, rừng Mejjha, và rừng Mātanga trở thành rừng theo cách nào không?”597—“Có, thưa ngài.”—“Nếu ông đã từng nghe, vậy những khu rừng trở thành rừng theo cách nào?”—“Thưa ngài, tôi nghe rằng chúng trở thành rừng bởi phương tiện là một hành-động thù ghét của tâm của những bậc nhìn-thấy (tức những sa-môn, những ẩn sĩ đắc định thần thông).” “Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: ‘Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …’”

15. “Thưa Thế Tôn, thiệt tình con đã hài lòng và mãn nguyện với ví dụ đầu tiên mà đức Thế Tôn đã nói ra. Tuy nhiên con đã nghĩ con nên tiếp tục phản đối đức Thế Tôn như vậy vì con mong muốn nghe được những giải pháp khác nhau của đức Thế Tôn đối với vấn đề này. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Thưa Thế Tôn, nay con xin quy y

nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

16. "Này gia chủ, hãy nên điều tra tìm hiểu thấu suốt. Việc điều tra tìm hiểu thấu suốt sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông."

62 • Chương 1

"Thưa Thế Tôn, Thế Tôn nói vậy con thậm chí càng thêm hài lòng và mãn nguyện. Bởi vì những người giáo phái khác, khi có được con là một đệ tử của họ, họ sẽ mang cờ xí đi khắp thị trấn Nāḷandā để công bố rằng: 'Gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của chúng tôi.' Nhưng, ngược lại, đức Thế Tôn thì nói với con rằng: 'Này gia chủ, hãy nên điều tra tìm hiểu thấu suốt. Việc điều tra tìm hiểu thấu suốt sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông.' Vậy là, thưa Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

17. "Này gia chủ, gia đình ông từ lâu đã ủng hộ cúng dường những Ni- kiền-tử và ông nên xem xét việc tiếp tục cúng dường thức ăn cho họ mỗi khi họ đến." "Thưa Thế Tôn, Thế Tôn nói vậy con thậm chí càng thêm hài lòng và mãn nguyện. Thưa Thế Tôn, con từng nghe họ đồn rằng sa-môn Cồ-đàm đã nói như vầy: 'Quà cúng chỉ nên được cúng cho ta; quà cúng không nên được cúng cho những người khác. Quà cúng chỉ nên được cúng cho đệ tử của ta; quà cúng không nên được cúng cho đệ tử của những người khác.' Nhưng, ngược lại, Thế Tôn thì khuyên con nên (tiếp tục) cúng dường các thứ cho những Ni-kiền-tử. Dù sao chúng con cũng biết những lúc (đúng đắn) để làm điều đó. Vậy là, thưa Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

18. Rồi đức Thế Tôn đã ban cho gia chủ Upāli sự chỉ dẫn để tu tiến, trong đó có sự chỉ dạy về sự bố-thí, về giới-hạnh, về những cõi trời; đức Thế Tôn giảng giải về sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và niềm chân-phúc của sự từ-bỏ (chúng). Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của gia chủ Upāli đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn

KINH UPĀLI • 63

chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ)". "Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi gia chủ Upāli ngồi đó, tầm-nhìn trong sạch không tỳ vết của Giáo Pháp đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)."598 "Rồi gia chủ Upāli đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt tới Giáo Pháp Dhamma, đã hiểu Giáo Pháp, đã biết Giáo Pháp; ông đã vượt qua sự nghi- ngờ, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự

bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.599 Rồi ông đã thưa với đức Thế Tôn: “Giờ, thưa Thế Tôn, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Này gia chủ, ông cứ tùy tiện đi.”

19. Rồi gia chủ Upāli, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, ông đi ra và về nhà. Tới nhà ông nói với người gác cổng: “Này chú gác cổng, kể từ hôm này tôi đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và tôi mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Nếu có Ni-kiền-tử nào đến đây, hãy nói với người đó như vầy: ‘Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ông, nếu ông cần thức ăn cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông.’”— “Dạ, thưa gia chủ”, người gác cổng đáp lại.

20. Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã nghe tin: “Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm.” Ông đến gặp ông Ni-kiền-tử Nātaputta để báo lại: “Thưa ngài, tôi đã nghe như vầy: ‘Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm.’ “Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli.” Lần thứ hai … Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta “Thưa ngài, tôi đã nghe như vầy: ‘Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm.’ “Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli.” “Thưa ngài, vậy để tôi đi tìm hiểu liệu gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không?” “Đi đi, này Tapassī, và tìm hiểu liệu gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không.”

21. Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến nhà gia chủ Upāli. Người gác cổng nhìn thấy ông đi đến từ xa và nói với ông: “Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni- kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ngài, nếu ông cần thức ăn cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông.” “Này anh bạn, tôi không cần thức ăn cúng dường”, ông nói, và ông ta quay lưng ra về, và đến chỗ Ni-kiền-tử Nātaputta để báo lại: “Thưa ngài,

quả đúng thật là gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Thưa ngài, ngài đã không đồng tình với tôi khi tôi đã thưa (cảnh báo) với ngài rằng: 'Thưa ngài, tôi không đồng ý rằng gia chủ Upāli nên [cố gắng] bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.' Và giờ, thưa ngài, gia chủ Upāli của ngài đã bị chuyển đạo bởi sa-môn Cồ-đàm bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!" "Điều đó là không thể, này Tapassī ..." Lần thứ hai ... Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta: "Thưa ngài, quả đúng thật là gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Thưa ngài, ngài đã không đồng tình với tôi khi tôi đã thưa (cảnh báo) với ngài rằng: ... bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!" "Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli. Giờ ta sẽ đích thân đi và tìm hiểu liệu ông ta đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không."

22. Rồi tự ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã cùng một đoàn lớn những Ni- kiền-tử đi đến nhà của gia chủ Upāli. Người gác cổng nhìn thấy ông đi đến từ xa và nói với ông: "Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ- đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni- kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ngài, nếu ông cần thức ăn cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông." "Này anh gác cổng, hãy vô gặp gia chủ Upāli và nói với ông ấy: 'Thưa gia chủ, có ngài Ni-kiền-tử Nātaputta đang đứng ở ngoài cổng cùng với

một đoàn lớn những Ni-kiền-tử; ngài ấy muốn gặp gia chủ.'" "Dạ, thưa ngài", người gác cổng đáp lại, và anh ta vô gặp gia chủ Upāli và nói lại: "Thưa gia chủ, có ngài Ni-kiền-tử Nātaputta đang đứng ở ngoài cổng cùng với một đoàn lớn những Ni-kiền-tử; ngài ấy muốn gặp gia chủ." "Trong trường hợp như vậy, này chú gác cổng, hãy dọn những chỗ ngồi ở sân sảnh phía trong cổng chính." "Dạ, thưa gia chủ", người gác cổng đáp lại, và sau khi đã dọn sẵn những chỗ ngồi trong sân sảnh phía trong cổng chính, anh ta quay lại thưa với gia chủ Upāli: "Thưa gia chủ, những chỗ ngồi đã dọn sẵn trong sân sảnh phía trong cổng chính. Mời gia chủ cứ tùy tiện đến."

23. Rồi gia chủ Upāli đến sân sảnh phía trong cổng chính và ngồi xuống chỗ ngồi cao nhất, tốt nhất ở đó. Rồi ông nói với người gác cổng: "Này chú gác cổng, giờ hãy ra ngoài thưa với ông ấy: 'Thưa ngài, gia chủ Upāli nói: "Thưa ngài, ngài có thể vào nếu muốn."'" "Dạ, thưa ngài", người gác cổng đáp lại và ra nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta. Rồi Ni-kiền-tử Nātaputta đã cùng đoàn lớn những Ni-kiền-tử đi vô sân sảnh phía trong cổng chính.

24. Trước đây, mỗi khi gia chủ Upāli nhìn thấy Ni-kiền-tử Nātaputta đi đến từ xa ông thường bước ra đón gặp, dùng vạt áo trên của mình để phủi bụi chỗ ngồi cao nhất, tốt

nhất ở đó, và sau khi chỉnh đốn chỗ ngồi, gia chủ mời ông ta ngồi xuống chỗ ngồi đó. Nhưng giờ thì gia chủ ngồi ở chỗ ngồi cao nhất tốt nhất đó và nói với ông Ni-kiền-tử Nātaputta: “Thưa ngài, có mấy chỗ ngồi; hãy ngồi xuống nếu ngài thích.”

25. Sau khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói: “Này gia chủ, ông điên rồi, ông là kẻ ngu. Ông đã nói với tôi: ‘Thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm’, nhưng rốt cuộc ông quay về sau khi mình bị bắt dính trong mẻ lưới lớn của giáo thuyết

của ông ta. Giống như một người nói đi thiến người khác nhưng rốt cuộc quay về sau khi mình bị người kia thiến. Giống như một người nói đi chọt mắt người khác những rốt cuộc quay về sau khi mình bị người kia chọt mù mắt. Cũng giống như vậy, này gia chủ, ông nói với tôi: ‘Thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm’, nhưng rốt cuộc quay về sau khi mình bị bắt dính trong mẻ lưới lớn của giáo thuyết của ông ta. Này gia chủ, giờ ông đã bị chuyển đạo bởi sa-môn Cồ-đàm bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!”

26. “Thật phúc lành là cái ‘bùa thuật chuyển đạo’ đó, thưa ngài; thật tốt lành là cái ‘bùa thuật chuyển đạo’ đó!600 Thưa ngài, nếu những người thân và họ hàng của tôi được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những thánh nhân được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những bà-la-môn … tất cả những thương-nông … tất cả những bần-lao hạ tiện được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, những trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Thưa ngài, đối với điều này, tôi sẽ cho ngài một ví dụ, vì những người có trí ở đây hiểu được ý nghĩa của một điều khẳng định thông qua phương tiện ví dụ.

27. “Thưa ngài, lúc xưa có một bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, và ông ta có một vợ trẻ là một nữ bà-la-môn đang mang thai và sắp tới lúc sinh con. Rồi cô ta nói với ông ấy: ‘Này bà-la-môn, hãy mua một con khỉ nhỏ ngoài chợ và mang về để chừng sau làm bạn chơi đùa với con của chúng ta.’ Ông ta trả lời: ‘Này phu nhân, hãy đợi đến sau khi cô sinh xong đứa bé. Nếu cô sinh con trai, ta sẽ ra chợ mua một con khỉ đực nhỏ về để làm bạn chơi đùa với con trai nhỏ của cô; nếu cô sinh con gái, ta sẽ ra chợ mua một con khỉ cái nhỏ về để làm bạn chơi đùa với con gái nhỏ của cô.’ Lần thứ hai cô ta yêu cầu và cũng nhận được câu trả

lời y hệt. Lần thứ ba cô lại yêu cầu. Rồi, do tâm trí ông ta đã bị dính ái tình với cô ta, ông ta đã đi ra chợ và mua một con khỉ đực nhỏ mang về, và nói với cô ta: ‘Tôi đã mua con khỉ đực nhỏ này ngoài chợ và mang về để chừng sau làm bạn chơi đùa với đứa bé của cô.’ Rồi cô ta nói với ông: ‘Này bà-la-môn, hãy mang con khỉ này đến chỗ Rattapāṇi

con trai người thợ nhuộm và nói anh ta: “Này anh Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực nhỏ này được nhuộm màu vàng sơn dầu, rồi đập và ép cho trơn mượt cả hai bên.”’ Rồi, do tâm trí ông ta đã bị dính ái tình với cô ta, ông ta mang con khỉ đực nhỏ đến chỗ Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm, và nói: ‘Này anh Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực nhỏ này được nhuộm màu vàng sơn dầu, rồi đập và ép cho trơn mượt cả hai bên.’ Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm mới nói với ông bà-la-môn: ‘Thưa ngài, con khỉ đực nhỏ này thì nhuộm được nhưng đập và ép cho trơn mượt hai bên thì không được.’ Cũng giống như vậy, thưa ngài, giáo thuyết của những Ni-kiền-tử ngu xuẩn thì mang lại sự thích thú cho những người ngu nhưng đối với những người có trí thì không được, và nó sẽ không đứng vững được khi bị đập (kiểm chứng, ứng dụng) hay bị ép (điều tra, xem xét). “Rồi, thưa ngài, một lần khác bà-la-môn đó mang một bộ đồ mới đến chỗ Rattapāṇi con trai thợ nhuộm và nói: ‘Này anh Rattapāṇi, tôi muốn bộ quần áo này được nhuộm màu vàng sơn dầu và được đập và ép cho trơn mượt cả hai bên.’ Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm nói với ông bà-la- môn: ‘Thưa ngài, bộ quần áo này thì nhuộm được, và đập và ép cho trơn mượt hai bên thì cũng được.’ Cũng giống như vậy, thưa ngài, giáo thuyết của đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc toàn giác, thì mang lại sự thích thú cho những người có trí nhưng đối với những người ngu thì không được, và nó sẽ đứng vững khi bị đập (kiểm chứng, ứng dụng) và khi bị ép (điều tra, xem xét).”

28. “Này gia chủ, cả hội chúng này và nhà vua đều biết ông như vầy: ‘Gia chủ Upāli là một đệ tử của Ni-kiền-tử Nātaputta’. Vậy chúng tôi sẽ coi ông là đệ tử của ai?”

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y trên một vai, ông chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn đang ở, và nói với ông Ni-kiền-tử Nātaputta:

29. “Trong trường hợp như vậy, thưa ngài, hãy nghe tôi là đệ tử của ai: Bậc ấy là Bậc Trí đã loại bỏ si-mê, Đã dẹp bỏ những ‘sự hoang-dại trong tâm’,601 là người thắng trận; Bậc ấy không còn biết khổ đau, đã bình-tâm hoàn hảo, Chín chắn về giới-hạnh, về trí-tuệ siêu xuất; Vượt trên mọi sự cám-dỗ,602 bậc ấy không còn ố-nhiễm: Bậc ấy là Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy. Không còn sự nghi-ngờ, bậc ấy an trú hài-lòng, Từ chối những lợi lộc thế gian, là một bình chứa niềm hoan-hỷ; Là người đã làm xong bổn phận sa-môn, người mang thân cuối cùng; Bậc ấy là hoàn toàn vô song và hoàn toàn vô tỳ vết: Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy. Bậc ấy không còn nghi-ngờ, và thiện thạo, Người tuân giữ kỷ luật và người dẫn dắt xuất sắc. Không ai có thể vượt qua những phẩm-hạnh chói lọi của bậc ấy; Không đắn đo khi nói: bậc ấy là người chiếu sáng; Sau khi đã trừ sạch sự tự-cao, bậc ấy là anh hùng: Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy. Là dẫn đàn, bậc ấy là không thể được đo lường, Sự thâm sâu của bậc ấy là không thể đo được, Bậc ấy đã đạt tới sự im-lặng;603 Người mang lại sự an toàn, người sở hữu trí-biết, Bậc ấy đứng ở trong Giáo Pháp, được kiềm chế ở bên trong; Sau khi vượt qua mọi sự trói buộc, bậc ấy được giải thoát: Bấc ấy là Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy. Là con voi ngà thanh sạch, sống ở nơi hẻo lánh,

Với những gông-cùm đều bị phá vỡ, đã hoàn toàn tự do;
Thiện khéo về thảo luận, thấm nhuần trong trí-tuệ,
Đã hạ xuống lá-cờ,604 bậc ấy không còn tham dục;
Sau khi đã thuần hóa bản thân, bậc ấy không còn phóng-tâm:605
Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.
Là bậc nhất trong những bậc nhìn-thấy,606
Không còn suy tính giả lừa, đã đạt được ba loại trí-biết,
Đã đạt tới sự thánh thiêng;
Với tâm đã được thanh lọc, là bậc thầy về thuyết giảng,
Bậc ấy luôn sống tĩnh lặng, là người tìm ra trí-biết;
Là bậc ưu tiên nhất của những người cúng dường,
Bậc ấy luôn luôn đầy năng lực:
Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.
Bậc ấy là Thánh Nhân đã tu tập về tâm,
Người đã đạt được mục-tiêu và thuyết giảng sự-thật;
Được phú cho sự chánh-niệm và sự minh-sát thấu suốt,
Bậc ấy không còn dựa tới hay dựa lui;607
Không còn sự lay chuyển, đã đạt tới sự làm-chủ:
Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.
Bậc ấy hành xử chân chính và an trú trong thiền,
Bên trong không bị ô-nhiễm, trong sự tinh khiết hoàn hảo;
Bậc ấy độc lập và tất thảy không sợ-hãi,608
Sống tách ly ẩn dật, đã đạt tới đỉnh cao;
Sau khi đã vượt qua chính mình, bậc ấy dẫn dắt chúng ta vượt qua:
Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.
Có sự định-tâm [sự vắng-lặng] cao nhất, với trí-tuệ bao quát,
Là người có trí-tuệ lớn lao; đã sạch hết mọi tham;
Bậc ấy là Như Lai, bậc ấy là bậc Phúc Lành,
Bậc vô đối thủ, bậc vô song;
Bậc ấy đầy bản lĩnh (dày dạn), thiện thạo về tất cả:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy. Bậc ấy đã đoạn trừ dục-vọng và trở thành bậc Giác Ngộ, Đã thổi sạch mọi hơi khói, đã hoàn toàn vô nhiễm; Bậc nhất đáng cúng dường, hùng mạnh hơn mọi quỷ thần (dạ xoa), Bậc hoàn thiện nhất trong mọi người, vượt khỏi sự ước đoán; Bậc vĩ đại nhất về sự hoành tráng, đã đạt tới đỉnh cao vinh quang: Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy."

30. "Này gia chủ, ông đã sáng tác bài ca ngợi về sa-môn Cồ-đàm từ khi nào vậy?" "Thưa ngài, giả sử có một đống lớn nhiều loại hoa, và rồi một người làm vòng hoa khôn ngoan

[hay người học việc của ông ta] rất muốn kết nối chúng thành một vòng hoa nhiều màu sắc; cũng giống như vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn có nhiều phẩm-hạnh đáng ca ngợi, nhiều trăm phẩm- hạnh đáng ca ngợi. Vậy, thưa ngài, ai mà không muốn ca ngợi người đáng được ca ngợi?"

31. Rồi, do Ni-kiền-tử Nātaputta không thể nào chịu được sự tôn vinh này được dành cho đức Thế Tôn, nên ông đã tức học máu nóng từ miệng.609

57. KINH NGƯỜI THEO HẠNH CON CHÓ (Kukkuravatika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của những người Koliya có tên là Haliddavasana.

2. Rồi có Puṇṇa, con trai họ tộc Koliya, là một khổ sĩ theo hạnh con bò, và có Seniya, một khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó, cùng đến gặp đức Thế Tôn.610 Puṇṇa, khổ sĩ hạnh con bò, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; còn Seniya, khổ sĩ khỏa thân hạnh con chó, chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, cũng ngồi xuống một bên cuộn người lại như một con chó. Puṇṇa, khổ sĩ hạnh con bò, đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, anh Seniya này là một khổ sĩ khỏa thân hạnh con chó, là người làm điều khó làm: anh ta ăn thức ăn sau khi đổ xuống đất. Anh ta từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con chó. Vậy nơi đến (tái sinh) của anh ấy là gì? Đường tương lai của anh ấy là gì?"—"Đủ rồi, này Puṇṇa, cứ để vậy đi. Đừng hỏi ta điều đó nữa."— Lần thứ hai … Lần thứ ba Puṇṇa, khổ sĩ hạnh con bò, lại nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, ông Seniya này là một khổ sĩ khỏa thân hạnh con chó, là người làm điều khó làm: anh ta ăn thức ăn sau khi đổ xuống đất. Anh ta từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con chó. Vậy nơi đến (tái sinh) của anh ấy là gì? Đường tương lai của anh ấy là gì?" "Được rồi, này Puṇṇa, do ta chắc rằng ta không thể khuyên anh được nữa cho dù ta đã nói: 'Đủ rồi, này Puṇṇa, cứ để vậy đi. Đừng hỏi ta điều đó nữa', nên ta sẽ trả lời cho anh.

3. "Ở đây, có người tu tập hạnh con chó một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập thói-quen như chó một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập tâm như chó một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập hành-vi như chó một cách đầy đủ và liền tục. Sau khi đã làm vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài chó. Nhưng nếu người đó

có cách-nhìn sai lạc như vầy: 'Bằng giới-hạnh này hay đời sống tu sĩ này hay đời sống tâm kinh này tôi sẽ trở thành một [đại] thiên thần hay một [tiểu] thiên thần],thì đây là cách-nhìn sai lạc (tà kiến) thuộc phần người đó. Giờ, ta nói, có hai nơi đến dành cho người có cách-nhìn sai lạc: địa ngục hay cõi súc sinh.611 Do vậy, này Puṇṇa, nếu hạnh con chó của người đó có thành công, điều đó sẽ dẫn người đó (tái sinh) trong loài chó; nếu hạnh con chó của người đó thất bại, điều đó dẫn người đó (tái sinh) trong địa ngục."

4. Sau khi điều này được nói ra, Seniya, khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó, đã òa khóc và nước mắt tuôn trào. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Puṇṇa, con trai họ tộc Koliya, khổ sĩ theo hạnh con bò: “Này Puṇṇa, do ta chắc rằng ta không thể khuyên anh được nữa cho dù ta đã nói: ‘Đủ rồi, này Puṇṇa, cứ để vậy đi. Đừng hỏi ta điều đó nữa’, nên ta đã trả lời cho anh.” [Rồi Seniya khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó đã nói:] “Thưa Thế Tôn, con khóc không phải bởi vì đức Thế Tôn đã nói điều này cho con, mà bởi vì con từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con chó này. Thưa Thế Tôn, anh Puṇṇa này, con trai họ tộc Koliyan, là một khổ sĩ theo hạnh con bò. Anh ta từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con bò đó. Vậy nơi đến (tái sinh) của anh ấy là gì? Đường tương lai của anh ấy là gì?” “Đủ rồi, Seniya, cứ để vậy đi. Đừng hỏi ta điều đó nữa.” Lần thứ hai … Lần thứ ba Seniya, khổ sĩ khỏa thân hạnh con chó, lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, anh Puṇṇa này, con trai hộ tộc Koliya, là một khổ sĩ hạnh con bò. Anh ta từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con bò. Vậy nơi đến (tái sinh) của anh ấy là gì? Đường tương lai của anh ấy?” “Được rồi, này Puṇṇa, do ta chắc rằng ta không thể khuyên anh được nữa mặc dù ta đã nói: ‘Đủ rồi, này Puṇṇa, cứ để vậy đi. Đừng hỏi ta điều đó nữa’, vậy ta sẽ trả lời cho anh.

5. “Ở đây, này Seniya, có người tu tập hạnh con bò một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập thói-quen như bò một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập tâm như bò một cách đầy đủ và liền tục; người đó tu tập hành-vi như bò một cách đầy đủ và liền tục. Sau khi đã làm vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài bò. Nhưng nếu người đó có cách-nhìn sai lạc như vầy: ‘Bằng giới-hạnh này hay đời sống tu sĩ này hay đời sống tâm linh này tôi sẽ trở thành một [đại] thiên thần hay một [tiểu] thiên thần’, đó là cách-nhìn sai lạc (tà kiến) thuộc phần người đó. Giờ, ta nói, có hai nơi đến đối với người có cách-nhìn sai lạc: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Do vậy, này Seniya, nếu hạnh con bò của anh ta thành công, điều đó sẽ dẫn anh ta tới (sự tái sinh) trong số loài bò; nếu hạnh con bò của anh ta thất bại, điều đó sẽ dẫn anh ta tới (sự tái sinh) trong địa ngục.”

6. Sau khi điều này được nói ra, Puṇṇa, con trai họ tộc Koliya, khổ sĩ theo hạnh con bò đã òa khóc và nước mắt tuôn trào. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Seniya khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó: ‘Này Seniya, do ta không thể khuyên anh được nữa cho dù ta đã nói: ‘Đủ rồi, này Seniya, cứ để vậy. Đừng hỏi ta điều đó nữa’, nên ta đã trả lời anh.” [Rồi Puṇṇa khổ sĩ theo hạnh con bò đã nói:] “Thưa Thế Tôn, con khóc không phải bởi vì điều đức Thế Tôn đã nói điều này với con, mà bởi vì con từ lâu đã đảm nhận và thực hành hạnh con bò này. Thưa Thế Tôn, con có niềm-tin vào đức Thế Tôn như vầy: ‘Đức Thế Tôn là có năng lực chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể dẹp bỏ hạnh con bò này và để anh Seniya này, khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó, có thể dẹp bỏ hạnh con chó đó.’” “Vậy thì, này Puṇṇa, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng vào điều ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, anh ta đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

7. “Này Puṇṇa, có bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? Có nghiệp tối

với kết quả tối; có nghiệp sáng với kết quả sáng; có nghiệp tối có sáng có với kết quả tối có sáng có; và có nghiệp không tối không sáng với kết quả không tối không sáng, là nghiệp dẫn tới sự tiêu diệt nghiệp.

8. (1) “Và, này Puṇṇa, cái gì là nghiệp tối với kết quả tối? Ở đây có người tạo ra sự tạo-tác của thân gây khổ đau (thân hành dữ), sự tạo-tác của lời-nói gây khổ đau (khẩu hành dữ), sự tạo-tác của tâm gây khổ đau (tâm hành dữ).612 Sau khi đã tạo ra thân hành dữ, khẩu hành dữ, tâm hành dữ, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới dữ (đầy khổ đau).613 Sau khi đã bị tái sinh trong một cảnh giới dữ, những sự tiếp-xúc dữ (gây khổ đau) sẽ tiếp xúc người đó. Khi bị tiếp xúc bởi những sự tiếp-xúc dữ, người đó cảm nhận những cảm-giác dữ, chỉ toàn khổ đau, như trong trường hợp những chúng sinh trong địa ngục. Như vậy là sự tái-hiện (tái sinh) của một chúng sinh bởi do một chúng sinh: một người tái sinh thông qua (tùy theo, bởi) những nghiệp mình đã làm.614 Sau khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc sẽ tiếp xúc người đó. Do vậy ta mới nói chúng sinh là người thừa tự của những nghiệp của họ. Đây được gọi là nghiệp tối với kết quả tối.

9. (2) “Và, này Puṇṇa, cái gì là nghiệp sáng với kết quả sáng? Ở đây có người tạo ra sự tạo-tác của thân không gây khổ đau (thân hành lành), sự tạo-tác của lời-nói không gây khổ đau (khẩu hành lành), sự tạo-tác của tâm không gây khổ đau (thân hành lành).615 Sau khi đã tạo ra thân hành lành, khẩu hành lành, tâm hành lành, người đó sẽ được tái sinh trong cảnh giới lành (không khổ đau).616 Sau khi đã được tái sinh trong một cảnh giới lành, những sự tiếp-xúc lành (không gây khổ đau) sẽ tiếp xúc người đó. Khi được tiếp xúc bởi những sự tiếp-xúc lành, người đó cảm nhận những cảm-giác lành, chỉ toàn sướng, như trong trường hợp những thiên thần Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên). Như vậy là sự tái-hiện (tái sinh) của một chúng sinh bởi do một chúng sinh: một người tái sinh thông qua (tùy theo, bởi) những nghiệp mình đã làm. Sau khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc sẽ tiếp xúc người đó. Do vậy ta mới nói chúng sinh là người thừa tự của những nghiệp của họ. Đây được gọi là nghiệp sáng với kết quả sáng.

10. (3) “Và, này Puṇṇa, cái gì là nghiệp tối có sáng có với kết quả tối có sáng có? Ở đây có người tạo ra sự tạo-tác của thân gây khổ đau có và không gây khổ đau có (thân nghiệp dữ có lành có), sự tạo-tác của lời-nói gây khổ đau có và không gây khổ đau có (khẩu nghiệp dữ có lành có), sự tạo-tác của tâm gây khổ đau có và không gây khổ đau có (tâm nghiệp dữ có lành có).617 Sau khi đã tạo ra thân hành dữ có lành có, khẩu hành dữ có lành có, tâm hành dữ có lành có, người đó sẽ được tái sinh trong cảnh giới dữ có lành có (vừa có khổ đau, vừa có sung sướng). Sau khi đã bị tái sinh trong một cảnh giới dữ có lành có, những sự tiếp-xúc dữ có lành có (vừa có gây khổ đau, vừa có không gây khổ đau) sẽ tiếp xúc người đó. Khi bị tiếp xúc bởi những sự tiếp-xúc dữ có lành có, người đó cảm nhận những cảm-giác dữ có lành có, vừa có khổ đau vừa có sung sướng, như trong trường hợp những chúng sinh là người và một số thiên thần và một

số chúng sinh trong những cảnh giới thấp hơn. Như vậy là sự tái-hiện (tái sinh) của một chúng sinh bởi do một chúng sinh: một người tái sinh thông qua (tùy theo) những nghiệp mình đã làm. Sau khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc sẽ tiếp xúc người đó. Do vậy ta mới nói chúng sinh là người thừa tự của những nghiệp của họ. Đây được gọi là nghiệp tối có sáng có.

11. (4) "Và, này Puṇṇa, cái gì là nghiệp không tốt không sáng với kết quả không tối không sáng, là nghiệp dẫn tới sự tiêu diệt nghiệp? Trong đó, sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối với kết quả tối, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng với kết quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp tối có sáng có với kết quả tối có sáng có: đây được gọi là nghiệp không tối không sáng với kết quả không tối không sáng, là nghiệp dẫn tới sự tiêu diệt nghiệp.618 "Đây là bốn loại nghiệp được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp."

12. Sau khi điều này được nói ra, Puṇṇa, con trai họ tộc Koliya, khổ sĩ theo hạnh con bò, đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn!

Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Từ hôm nay kính mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

13. Nhưng Seniya, khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó, thì đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Con xin thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), con xin thụ nhận toàn bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo)."

14. "Này Seniya, một người trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm.619 Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, thì họ duyệt cho người đó thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo. Nhưng ở đây ta nhận thấy có sự khác biệt cá nhân trong vấn đề này."620

15. "Thưa Thế Tôn, nếu những ai trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với họ, thì các Tỳ kheo duyệt cho họ thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo, vậy thì con sẽ sống trong thời gian tập sự bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, thì các Tỳ kheo duyệt cho con thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo."

16. Rồi Seniya, khổ sĩ khỏa thân theo hạnh con chó đã thụ nhận sự xuất gia dưới đức Thế Tôn, và thụ nhận toàn bộ giới. Và, không lâu sau khi thụ toàn bộ giới, sống một

mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Seniya, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực

tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Seniya đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

58. KINH HOÀNG TỬ ABHAYYA (Abhayarājakumāra Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Lúc đó có hoàng tử Abhaya621 đã đến gặp ông Ni-kiền-tử Nātaputta, và sau khi kính chào ông, hoàng tử ngồi xuống một bên. Lúc đó ông Ni- kiền-tử Nātaputta đã nói với hoàng tử:

3. "Này hoàng tử, hãy đến bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm, và tin tốt về hoàng tử sẽ được lưu truyền được như vầy: 'Hoàng tử Abhaya đã bác bỏ được giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm, người đầy thần lực và uy lực.'" "Nhưng, thưa ngài, làm cách nào tôi bác bỏ được giáo thuyết của người đó?" "Này hoàng tử, hãy đến chỗ sa-môn Cồ-đàm và nói: 'Thưa ông, có phải Như Lai nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác?' Nếu sa-môn Cồ-đàm, sau khi bị hỏi vậy và trả lời: 'Này hoàng tử, Như Lai có nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác' thì hãy nói với ông ta: 'Vậy thì, thưa ông, cái gì là sự khác nhau giữa ông và một người bình thường? Vì những người bình thường cũng thường nói ra những lời không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác.' Nhưng nếu sa-môn Cồ-đàm, sau khi bị hỏi vậy và trả lời: 'Này hoàng tử, Như Lai không nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác' thì hãy nói với ông ta: 'Vậy thì, thưa ông, tại sao ông lại nói rủa về ông Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) rằng: "Đề-bà-đạt-đa bị đọa trong những cảnh khổ đau, Đề-bà-đạt-đa sẽ bị đọa trong địa ngục, Đề-bà- đạt-đa sẽ bị đọa [trong địa ngục] suốt một đại kiếp, Đề-bà-đạt-đa là không thể tu sửa được"? Đề-bà-đạt-đa đã tức giận và bất đồng với ông về lời rủa đó của ông.' Sau khi sa-môn Cồ-đàm đã bị hoàng tử đặt trong thế của câu

hỏi hai sừng (hai lưỡi, tiến thoái lưỡng nan) này, ông ta sẽ không thể nào ói nó ra hay nuốt nó xuống. Giống như một lưỡi giáo bằng sắt mắc kẹt trong cổ họng một người, thì ông ta không thể nào ói nó ra hay nuốt nó xuống; cũng giống như vậy, này hoàng tử, khi sa-môn Cồ-đàm bị đặt trong thế của câu hỏi hai sừng này, ông ta không thể nào ói nó ra hay nuốt nó xuống."

4. “Được rồi, thưa ngài”, hoàng tử Abhaya đáp lại. Rồi hoàng tử đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào ông Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ ông ta ở hướng bên phải mình, và đi ra, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, hoàng tử ngồi xuống một bên, và nhìn mặt trời, và nghĩ: “Bữa nay giờ này đã quá trễ để bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn. Ta sẽ bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn ở nhà ta vào ngày mai.” Rồi hoàng tử nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn nhận lời mới của tôi đến dùng cơm vào ngày mai cùng với ba Tỳ kheo khác.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

5. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, hoàng tử Abhaya đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Rồi, khi đêm đã qua, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y- phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của hoàng tử Abhaya, và đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi, đích thân hoàng tử đã phục vụ và làm hài lòng đức Thế Tôn bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát qua một bên, hoàng tử Abhaya chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

6. “Thưa Thế Tôn, Như Lai có nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác hay không?” “Này hoàng tử, không có câu trả lời một-chiều cho điều đó.” “Thưa Thế Tôn, vậy là những Ni-kiền-tử đã bị lạc trong vấn đề này.” “Này hoàng tử, tại sao ngài nói câu: ‘Thưa Thế Tôn, vậy là những Ni-

kiền-tử đã bị lạc đề trong vấn đề này?’”622 Rồi hoàng tử Abhaya đã kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với ông Ni-kiền-tử Nātaputta.

7. Bấy giờ, vào lúc đó có đứa bé đang nằm sấp trên hai đùi của hoàng tử Abhaya. Đức Thế Tôn mới nói với hoàng tử Abhaya: “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Giả sử, trong khi ngài hay bà vú của ngài không để ý đến đứa bé, đứa bé đưa cây tăm hay hột tiêu vô trong miệng nó, ngài sẽ làm gì với nó?” “Thưa Thế Tôn, tôi sẽ lấy nó ra. Nếu tôi không thể lấy được nó ra ngay, tôi sẽ dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải móc lấy nó ra cho dù có làm chảy máu họng đứa bé. Vì sao vậy? Bởi vì tôi có lòng bi-mẫn đối với đứa bé (nếu không cố lấy nó ra thì đứa bé sẽ nuốt cây tăm hay bị nghẹn hột tiêu rất nguy hiểm cho tính mạng).

8. “Cũng giống như vậy, này hoàng tử, (i) loại lời nói nào Như Lai biết là không đúng thực, không chính xác, và không ích lợi và nó cũng không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (ii) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, nhưng không ích lợi và nó cũng không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (iii) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, và có ích lợi, nhưng nó không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [có ích]: lời nói như vậy Như Lai biết thời điểm nào thích hợp để dùng nó.623 (iv) Loại lời nói nào Như Lai biết là không đúng thực, không chính xác, và không ích lợi, nhưng nó nghe nhã nhặn và dễ chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (v) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, nhưng không ích lợi, mà nó nghe nhã nhặn và dễ chịu

đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (vi) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, và có ích lợi, và nó cũng nghe nhã nhặn và dễ chịu đối với người khác [có ích]: lời nói như vậy Như Lai biết thời điểm nào thích hợp để dùng nó. Vì sao vậy?

Vì Như Lai có lòng bi-mẫn đối với chúng sinh."

9. "Thưa Thế Tôn, khi những bậc thánh học thức, những bà-la-môn học thức, những gia chủ học thức, và những sa-môn học thức, sau khi hình thành một câu hỏi, họ đến gặp đức Thế Tôn và đặt câu hỏi, vậy đã có sẵn trong tâm của đức Thế Tôn ý nghĩ này hay không: 'Nếu họ đến gặp ta và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời như vầy'? Hay câu trả lời chỉ xảy đến với Như Lai ngay lúc họ hỏi?"

10. "Này hoàng tử, ta sẽ hỏi lại ngài một câu. Cứ trả lời nếu ngài thấy được. Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Ngài có giỏi biết về những bộ phận của chiếc xe ngựa hay không?"—"Có, thưa Thế Tôn" "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Khi người ta đến gặp hỏi ngài: 'Bộ phận này của chiếc xe tên là gì?', vậy đã có sẵn trong tâm ngài ý nghĩ 'Nếu họ đến gặp ta và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời như vầy'? Hay câu trả lời chỉ xảy đến với ngài ngay lúc họ hỏi?" "Thưa Thế Tôn, tôi được biết là một người giỏi biết về các bộ phận của xe ngựa. Tất cả các bộ phận của một xe ngựa đã được biết rõ (thấu rõ) bởi tôi. Câu trả lời sẽ xảy đến với tôi ngay lúc họ hỏi."

11. "Cũng giống như vậy, này hoàng tử, khi những bậc thánh học thức, những bà-la-môn học thức, những gia chủ học thức, và những sa-môn học thức, sau khi hình thành một câu hỏi, họ đến gặp Như Lai để và đặt câu hỏi, câu trả lời xảy đến với Như Lai ngay lúc họ hỏi. Vì sao vậy? Vì yếu- tố các thứ (pháp giới) đó đã được hoàn toàn thâm nhập (thấu rõ) bởi Như Lai, nhờ sự thâm nhập hoàn toàn như vậy nên câu trả lời sẽ xảy đến với Như Lai ngay lúc đó."624

12. Sau khi điều này được nói ra, hoàng tử Abhaya đã nói: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ- Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

59. KINH NHIỀU LOẠI CẢM GIÁC (Bahuvedanīya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).

2. Lúc đó người thợ mộc tên Pañcakanga625 đã đến gặp Ngài Udāyin, và sau khi kính chào thầy ấy, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi thầy ấy:

3. "Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn?" "Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng (dễ chịu; lạc thọ); cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), cảm- giác trung tính (không khổ không

sướng; vô ký thọ). Đây là ba loại cảm- giác đã được nói bởi đức Thế Tôn. Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī: “Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác sướng và cảm-giác khổ. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm.” (nghĩa của câu cuối này: coi chú thích 617 ở mục 10 bên dưới)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn giữ nguyên ý mình; và lần thứ hai và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga vẫn giữ nguyên ý mình, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

4. Ngài Ānanda đã nghe được cuộc nói chuyện của họ. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn và sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ câu chuyện giữa thầy Udāyin và thợ mộc Pañcakanga. Sau khi thầy Ānanda kể xong, đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

5. “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng là đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm- giác … sáu loại cảm-giác … mười tám loại cảm-giác … ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, đó là cách Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].626 “Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vả, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt thân từ.

6. “Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đó là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là khoái-lạc giác-quan.

7. (1) “Cho dù ai nói ‘Đây là sự khoái-lạc và vui-thú cao nhất mà chúng

sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó.

8. (2) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ii) 'Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh- phúc trước.

9. (3) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái ǵ là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh- niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: "Người đó buông-xả, có chánh- niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' Đây là loại hạnh- phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

10. (4) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có

một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.627

11. (5) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (v) 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới); (nên từ đây trở lên được gọi là những tầng vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên',

một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

12. (6) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vi) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

13. (7) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vii) 'Lại nữa:

'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không- có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

14. (8) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (viii) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

15. (9) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ix) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

16. "Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vầy: 'Sa-môn Cồ-đàm nói về trạng thái diệt thọ tưởng [chấm-dứt nhận-thức và cảm- giác] và ông ta khăng khăng nó nằm trong sự hạnh-phúc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?' Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: 'Này các bạn, đức Thế Tôn mô tả sự sướng (lạc) không phải là chỉ nói về cảm-giác sướng (lạc thọ). Nhưng thay vì vậy, Như Lai mô tả mọi sự sướng là sự sướng, cho dù có ở đâu hay theo cách nào chúng được thấy có.'"628 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

60. KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI (Apaṇṇaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một khu làng của những bà-la-môn Kosala tên là làng Sālā.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya), là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Kosala cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo và đã đến làng Sālā. Giờ tin đồn tốt lành về sa- môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la- môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó.

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng về đức Thế Tôn để lễ chào và ngồi xuống một bên; một số xưng tên và họ của mình trước đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

4. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn mới hỏi họ: "Này các gia chủ, có vị

thầy nào là đáng tán đồng đối với quý vị, trong đó, dựa vào những lý lẽ (chính đáng) quý vị đã đạt được niềm-tin vào vị thầy đó, hay không?"629 "Không, thưa ngài, không có vị thầy nào là đáng tán đồng đối với chúng tôi, trong đó, dựa vào những lý lẽ chúng tôi đã đạt được niềm-tin vào vị thầy đó." "Này các gia chủ, do các vị chưa tìm thấy vị thầy nào đáng tán đồng, thì các vị có thể đảm nhận và thực hành một 'giáo lý không thể lầm-lỗi' (bất khả sai lầm, chắc chắn đúng, không thể chối cãi, nhất định công nhận được, không sai trật);630 bởi vì sau khi 'giáo lý không thể lầm-lỗi' được chấp nhận và đảm nhận, nó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các vị. Và cái gì là 'giáo lý không thể lầm-lỗi' đó?631

(i. Thuyết hư-vô)

5. (A) "Này các gia chủ, có một số tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (cách-nhìn, kiến) như vầy: ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu

nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']632

6. (B) "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói như vầy: ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái

sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] "Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

7. (A.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạng thái thiện lành niềm chân- phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

8. (A.ii) "Do thực sự có thế giới khác, nên ai nắm giữ quan-điểm 'không có thế giới khác' là có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự có thế giới khác, nên ai ý định 'không có thế giới khác' là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự có thế giới khác, nên ai khẳng định 'không có thế giới khác' là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự có thế giới khác, nên ai nói 'không có thế giới khác' là ngược lại với những A-la-hán là người biết thế giới khác. Do thực sự có thế giới khác, nên ai thuyết phục những người khác 'không có thế giới khác' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi.633 Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận

một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xảy ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

9. (A.iii) “Về điều này một người có trí suy xét như vầy: ‘(i) Nếu không có thế giới khác, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn.634 (ii) Nhưng nếu có thế giới khác, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu không có thế giới khác đi chăng nữa: thì tại ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết hư-vô (thuyết phi hiện-hữu và phi nghiệp báo).635 (b) Nhưng mặt khác, nếu có thế giới khác, thì tôi coi như đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí quở trách, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy ‘giáo lý không thể lầm-lỗi’ này một cách sai lầm theo cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.’636

10. (B.i) “Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

11. (B.ii) “Do thực sự có thế giới khác, nên ai nắm giữ quan-điểm ‘có thế giới khác’ là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự có thế

giới khác, nên ai ý định ‘có thế giới khác’ là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự có thế giới khác, nên ai khẳng định ‘có thế giới khác’ là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự có thế giới khác, nên ai nói ‘có thế giới khác’ là không đối ngược với những A-la-hán là người biết thế giới khác. Do thực sự có thế giới khác, nên ai thuyết phục những người khác ‘có thế giới khác’ là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chân pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

12. (B.iii) “Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) ‘Nếu có thế giới khác, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không,

tôi giả sử rằng (a) nếu không có thế giới khác đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết xác-nhận (thuyết hiện-hữu và có nghiệp báo).637 (b) Nhưng mặt khác, nếu có thế giới khác, thì tôi coi như đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.'638

96 • Chương 1

(ii. Thuyết không-làm-gì)

13. (A) "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm là vầy:639 (đối với họ) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.']

14. (B) "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói rằng: (đối với họ) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập … nói-dối nói láo—người làm vậy là gây tội ác. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng

KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI • 97

dường, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.'] "Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và

bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

15. (A.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô- nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

16. (A.ii) "Do thực sự hành-động có hậu quả (nghiệp có nghiệp quả), cho nên ai nắm giữ quan-điểm 'hành-động không có hậu quả' là có cách- nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai ý định 'hành-động không có hậu quả' là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai khẳng định 'hành-động không có hậu quả' là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai nói 'hành-động không có hậu quả' là ngược lại với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý 'hành-động có hậu quả'. Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai thuyết phục những người khác 'hành-động không có hậu quả' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi. Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối ngược với những bậc thánh, sự thu-

yết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xỷ ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

17. (A.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: '(i) Nếu hành-động không có hậu quả gì, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn. (ii) Nhưng nếu hành-động là có hậu quả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu như hành-động không có hậu quả đi chăng nữa: thì tại ngay trong kiếp này tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết không-làm-gì (thuyết phi tác nghiệp, phi tạo nghiệp). (b) Nhưng mặt khác, nếu hành-động có hậu quả, thì tôi đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí chỉ trích, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy một cách sai lầm 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này theo một

cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.’

18. (B.i) “Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI • 99

19. (B.ii) “Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai nắm giữ quan- điểm ‘hành-động có hậu quả’ là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai ý định ‘hành-động có hậu quả’ là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai khẳng định ‘hành-động có hậu quả’ là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai nói ‘hành-động có hậu quả’ là không đối ngược với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý ‘hành-động có hậu quả’. Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai thuyết phục những người khác ‘hành-động có hậu quả’ là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chánh pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

20. (B.iii) “Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) ‘Nếu hành-động có hậu quả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu hành động không có hậu quả đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết có-làm (thuyết tác nghiệp, tạo nghiệp; thuyết có nghiệp có quả). (b) Nhưng mặt khác, nếu hành-động có hậu quả, thì coi như tôi đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy ‘giáo lý không

100 • Chương 1

thể lầm-lỗi’ này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.’

(iii. Thuyết phi nhân-duyên)

21. (A) “Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm như vầy:640 (đối với họ) [‘Không có nhân [nguyên-nhân] hay duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không phải có nhân hay duyên. Không có nhân hay duyên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không phải có nhân hay duyên. Không có năng-lực, không có sự nỗ-lực (tinh tấn), không có sức-mạnh của con người, không có sự chịu-khó của con người. Tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực, và sự nỗ-lực; tất cả đều đã được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên; họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.’] 641

22. (B) “Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói như vầy: ‘Có nhân [nguyên-nhân] và duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm do có nhân và duyên. Có nhân và duy- ên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc nhờ có nhân và duyên. Có năng-lực, có sự nỗ-lực (tinh tấn), có sức-mạnh của con người, có sự chịu-khó của con người. Không phải rằng tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực, và sự nỗ-lực; cũng không phải rằng tất cả đều được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên; không phải rằng họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.’ “Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?”—“Đúng, thưa ngài.”

23. “Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thu-

yết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

24. (A.ii) “Do thực sự có nhân duyên, nên ai nắm giữ quan-điểm ‘không có nhân duyên’ là có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự có nhân duyên, nên ai ý định ‘không có nhân duyên’ là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự có nhân duyên, nên ai khẳng định ‘không có nhân duyên’ là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự có nhân duyên, nên ai nói ‘không có nhân duyên’ là ngược lại với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý nhân-duyên. Do thực sự có nhân duyên, nên ai thuyết phục những người khác ‘không có nhân duyên’ là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi. Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối ngược với

những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xảy ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

25. (A.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: '(i) Nếu không có nhân duyên gì, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn. (ii) Nhưng nếu có nhân duyên, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a)

nếu như không có nhân duyên đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết phi nhân duyên (thuyết không có nhân duyên). (b) Nhưng mặt khác, nếu có nhân duyên, thì coi như tôi đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí chỉ trích, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách sai lầm theo cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.'

26. (B.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

27. (B.ii) "Do thực sự có nhân duyên, nên ai nắm giữ quan-điểm 'có nhân duyên' là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự có nhân duyên, nên ai ý định 'có nhân duyên' là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự có nhân duyên, nên ai khẳng định 'có nhân duyên' là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự có nhân duyên, nên ai nói 'có nhân duyên' là không đối ngược với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý nhân-duyên. Do thực sự có nhân duyên, nên ai thuyết phục những người khác 'có nhân duyên' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chánh pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và

cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

28. (B.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Nếu có nhân duyên, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu không có nhân duyên đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết nhân-duyên. (b) Nhưng mặt khác, nếu có nhân duyên, thì coi như tôi đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.'

(iv. Không có những cõi vô-sắc giới)

29. "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): 'Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới.'642

30. "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói (B): 'Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới.' "Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

31. "Về điều này, một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Những tu sĩ và

bà-la-môn này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (A) ["Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới"], nhưng tôi chưa thấy điều đó (là đúng hay sai). Và những tu sĩ và bà-la-môn kia nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B) ["Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới"], nhưng tôi cũng chưa biết điều đó (là đúng hay sai). (ii) Giả sử, khi chưa biết và chưa thấy, tôi chọn đại một phía và tuyên bố: "Chỉ điều này là đúng thực, mọi điều khác là sai", thì làm như vậy là không phù hợp đối với tôi. (iii) (a) Giờ, theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì vẫn chắc chắn khả năng tôi sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần của cõi sắc-giới đẹp đẽ, là những thiên thần có-tâm.643 (b) Nhưng theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì chắc chắn có khả năng tôi sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần thuộc những cõi vô-sắc giới, là những thiên thần chỉ gồm có nhận-thức. "Những sự chiến đấu [sự dùng gậy gộc và vũ khí …], những sự tranh cãi, ẩu đả, tranh chấp, chống đối, sự nói lời độc ác ma mãnh, và sự nói dối nói láo … được thấy chỉ xảy ra dựa trên những sắc-thân trong những cõi có sắc-thân (như

cõi người, những cõi trời sắc-giới), nhưng không hề có trong những cõi vô-sắc giới.' Sau khi đã quán chiếu điều này, người đó thực hành cách tu dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) đối với những sắc-thân, dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt những sắc-thân.644

(v. Không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu)

32. "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): 'Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu.'645

33. "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói (B): 'Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu'. "Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và

bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

34. "Về điều này, một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nhưng tôi chưa thấy điều đó (là đúng hay sai). Và những tu sĩ và bà-la-môn kia nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nhưng tôi cũng chưa biết điều đó (là đúng hay sai). (ii) Giả sử, khi chưa biết và chưa thấy, tôi chọn đại một phía và tuyên bố: "Chỉ điều này là đúng thực, mọi điều khác là sai", thì làm như vậy là không phù hợp đối với tôi. (iii) (a) Giờ, theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì vẫn chắc chắn có khả năng sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần của cõi vô-sắc giới, là những thiên thần chỉ gồm có nhận-thức. (b) Nhưng theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì chắc chắn có khả năng tôi sẽ ngay trong kiếp này chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn). "Quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"] là gần với tham-dục, gần với sự ràng-buộc, gần với sự thích-thú, gần với sự nắm-giữ, gần với sự dính-chấp (thủ); nhưng quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"] là gần với sự vô-tham, gần với sự không còn ràng-buộc, gần với sự không còn thích-thú, gần với sự không còn nắm-giữ, gần với sự không còn dính-chấp (diệt thủ).' Sau khi đã quán chiếu như vầy, người đó thực hành cách tu dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) đối với sự hiện-hữu, dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt sự hiện-hữu.646

(Bốn loại người)

35. "Này các gia chủ, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (i) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự

thực hành hành xác bản thân. (ii) Ở đây có loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. (iii) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. (iv) Ở đây có loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. Vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, nên người này ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng [thiêng liêng, siêu xuất].

36. (i) “Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân? Ở đây có (những) người đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch … [tiếp tục giống kinh MN 51, mục 8] … Đó là những cách khác nhau người đó đã sống theo đuổi sự thực hành hành hạ và hành xác bản thân. Đây được gọi là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

37. (ii) “Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có (những) người là người giết thịt cừu, người giết thịt heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người sắn bắn, người đánh bắt cá, người trộm cắp, người đao phủ, người cai ngục, hoặc người làm những nghề vấy máu khác … [tiếp tục giống kinh MN 51, mục 9] … Đây được gọi là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

38. (iii) “Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có người là một vị vua thánh thiện được phong vương [được xứ dầu trên đầu] hay một

bà-la-môn giỏi giang … [giống kinh MN 51, mục 10] … và những người giúp việc phải làm những việc chuẩn bị, với nước mắt ràn rụa trên mặt, phải làm theo do bị thúc ép bởi những sự đe dọa trừng phạt và bởi sự sợ- hãi. Đây được gọi là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

39. (iv) “Này các gia chủ, cái gì là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác; vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, nên người này ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân- phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng?

40.–55. “Ở đây, này các gia chủ, một Như Lai khởi sinh trong thế gian này … [tiếp tục giống kinh MN 51, mục 12-27] … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã

được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

56. "Này các gia chủ, đây được gọi là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân- phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng."

57. Sau khi điều này được nói ra, những bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương

tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ chúng con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

Chương 2. Chương "Những Tỳ Kheo" (Bhikkhu-vagga)

61. KINH KHUYÊN DẠY RĀHULA Ở AMBALAṬṬHIKĀ (Ambalaṭṭhikārāhulovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó ngài Rāhula (La-hầu-la) đang sống ở Amba- laṭṭhikā.647 Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi phiên thiền và đến gặp thầy Rāhula ở Ambalaṭṭhikā. Thầy Rāhula nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến từ xa, và dọn chỗ ngồi và đặt nước rửa chân. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và rửa chân. Thầy Rāhula kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

3. Rồi đức Thế Tôn để lại chút xíu nước trong chậu nước và hỏi thầy Rāhula: "Này Rāhula, thầy có thấy chút xíu nước còn lại trong chậu nước không?"—"Dạ có, thưa Thế Tôn"—"Này Rāhula, những người không biết xấu-hổ khi cố ý nói dối thì phẩm chất sa-môn (sa-môn hạnh, phẩm hạnh tu sĩ) của họ chỉ còn lại chút xíu như vậy."

4. Rồi đức Thế Tôn đổ bỏ chút xíu nước còn lại đó và hỏi thầy Rāhula: "Này Rāhula, thầy có thấy chút xíu nước đã được đổ bỏ không?"—"Dạ có, thưa Thế Tôn"—"Này Rāhula, những người không biết xấu-hổ khi cố ý nói dối coi như đã vứt bỏ phẩm chất sa-môn của họ như vậy."

5. Rồi đức Thế Tôn lật úp chậu nước xuống và hỏi thầy Rāhula: "Này Rāhula, thầy có thấy chậu nước này đã bị lật úp xuống không?"—"Dạ có, thưa Thế Tôn"—"Này Rāhula, những người không biết xấu-hổ khi cố ý nói dối coi như đã lật úp phẩm chất sa-môn

của họ như vậy.”

6. Rồi đức Thế Tôn lại lật ngửa chậu nước lên và hỏi thầy: “Này Rāhula, thầy có thấy chậu nước trống và rỗng này không?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Này Rāhula, những người không biết xấu-hổ khi cố ý nói dối coi như phẩm chất sa-môn của họ là trống không và rỗng tuếch như vậy.”

7. “Này Rāhula, ví dụ có con voi ngà hoàng gia có hai ngà dài như cán cày, đầy đủ tầm vóc, được khéo nuôi, đã quen chiến trận. Trong trận chiến nó sẽ thi hành nhiệm vụ bằng hai bàn chân trước và hai bàn chân sau, bằng phần thân trước và phần thân sau, bằng đầu và tai, bằng ngà và đuôi, nhưng không dùng (chừa lại, giữ, bảo vệ) phần thân mình. Rồi người cưỡi voi nghĩ: ‘Con voi ngà hoàng gia này có hai ngà dài như cán cày … thi hành nhiệm vụ bằng hai bàn chân trước và hai bàn chân sau … nhưng không dùng phần thân mình. Nó chưa bỏ thí mạng sống của mình.’ Nhưng khi con voi ngà hoàng gia … thi hành nhiệm vụ bằng hai bàn chân trước và hai bàn chân sau, bằng phần thân trước và phần thân sau, bằng đầu và tai, bằng ngà và đuôi, và bằng cả phần thân mình, người cưỡi voi lại nghĩ: ‘Con voi ngà hoàng gia này có hai ngà dài như cán cày … thi hành nhiệm vụ bằng hai bàn chân trước và hai bàn chân sau … bằng cả phần thân mình. Nó đã bỏ thí cả mạng sống của mình. Giờ thì chẳng có điều gì mà nó không làm.’ Cũng giống như vậy, này Rāhula, khi một người tu không biết xấu-hổ khi cố ý nói dối, thì chẳng có điều gì mà người đó không làm, ta nói vậy. Do vậy, này Rāhula, thầy nên tu tập như vầy: ‘Tôi sẽ không nói-dối, dù là nói chơi vui.’

8. “Thầy nghĩ sao, này Rāhula? Mục đích cái gương là gì?” “Để phản chiếu, thưa Thế Tôn”. “Cũng giống như vậy, này Rāhula, một hành-động bằng thân chỉ nên làm sau khi đã quán chiếu (suy xét) nhiều lần (lặp đi lặp lại); một hành- động bằng lời-nói chỉ nên làm sau khi đã quán chiếu nhiều lần; một hành- động bằng tâm chỉ nên làm sau khi đã quán chiếu nhiều lần.

9. “Này Rāhula, khi thầy muốn làm một hành-động bằng thân, thầy nên quán chiếu về hành-động đó như vầy: ‘Liệu hành-động ta muốn làm bằng thân có dẫn tới khổ đau cho ta, hay dẫn tới khổ đau cho người khác, hay dẫn tới khổ đau cho cả ta và người khác? Một hành-động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những kết quả khổ đau phải không?’ Khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta muốn làm bằng thân này sẽ dẫn

tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những kết quả khổ đau’, thì thầy nhất định không nên làm một hành-động bằng thân như vậy. Nhưng khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta muốn làm bằng thân này sẽ không dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân thiện lành có những hệ quả an lạc, có những kết quả an lạc’, thì thầy có thể làm một hành-động bằng thân thiện lành như vậy.

10. “Cũng vậy, này Rāhula, trong khi thầy đang làm một hành-động bằng thân, thầy nên quán chiếu về hành-động đó như vầy: ‘Liệu hành- động ta muốn làm bằng thân có dẫn tới khổ đau cho ta, hay dẫn tới khổ đau cho người khác, hay dẫn tới khổ đau cho cả ta và người khác? Một hành-động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những kết quả khổ đau phải không?’ Khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta đang làm bằng thân này sẽ dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những kết quả khổ đau’, thì thầy nhất định dừng ngay hành-động bằng thân như vậy. Nhưng khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta đang làm bằng thân này sẽ không dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân thiện lành có những hệ quả an lạc, có những kết quả an lạc’, thì thầy có thể tiếp tục làm hành-động bằng thân thiện lành như vậy.

11. “Cũng vậy, này Rāhula, sau khi thầy đã đã làm một hành-động bằng thân, thầy nên quán chiếu về hành-động đó như vầy: ‘Liệu hành-động ta đã làm bằng thân đã dẫn tới khổ đau cho ta, hay đã dẫn tới khổ đau cho người khác, hay đã dẫn tới khổ đau cho cả ta và người khác? Một hành- động thân bất thiện đã có những hệ quả khổ đau, đã có những kết quả khổ đau phải không?’ Khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta đã làm bằng thân này đã dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người

khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân bất thiện đã có những hệ quả khổ đau, đã có những kết quả khổ đau’, thì thầy nên thú nhận về hành-động bằng thân đó, công khai nó, và giải bày ra cho vị Sư Thầy hoặc những đồng đạo hiền trí của thầy trong đời sống tâm linh. Sau khi đã thú nhận nó, đã công khai nó, và đã giải bày nó ra, thầy nên đảm nhận sự kiềm-chế trong tương lai.648 Nhưng khi thầy quán chiếu, nếu thầy biết: ‘Hành-động ta đã làm bằng thân này đã không dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác; đúng là một hành-động thân thiện lành đã có những hệ quả an lạc, đã có những kết quả an lạc’, thì thầy có thể an trú hạnh phúc và hoan hỷ, tu tập suốt ngày đêm trong những trạng thái thiện lành.

12. “Này Rāhula, khi thầy muốn làm một hành-động bằng lời-nói … [tiếp tục tương tự như mục 9 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “lời-nói”] … thầy có thể làm một hành-động bằng lời-nói như vậy.

13. “Cũng vậy, này Rāhula, trong khi thầy đang làm một hành-động bằng lời-nói … [tiếp tục tương tự như mục 10 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “lời-nói”] … thầy có thể tiếp tục làm hành-động bằng lời-nói như vậy.

14. “Cũng vậy, này Rāhula, trong khi thầy đã làm một hành-động bằng lời-nói … [tiếp tục tương tự như mục 11 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “lời-nói”] … thầy có thể an trú hạnh-phúc và hoan-hỷ, tu tập suốt ngày đêm trong những trạng thái thiện lành.

15. “Này Rāhula, khi thầy muốn làm một hành-động bằng tâm … [tiếp tục tương tự như mục 9 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “tâm”] … thầy có thể làm một hành-động bằng tâm như vậy.

16. “Cũng vậy, này Rāhula, trong khi thầy đang làm một hành-động bằng tâm … [tiếp tục tương tự như mục 10 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “tâm”] … thầy có thể tiếp tục làm hành-động bằng tâm như vậy.

17. “Cũng vậy, này Rāhula, trong khi thầy đã làm một hành-động bằng

tâm … [tiếp tục tương tự như mục 11 ở trên, chỉ thay chữ “thân” bằng chữ “tâm”]649 … thầy có thể an trú hạnh phúc và hoan hỷ, tu tập suốt ngày đêm trong những trạng thái thiện lành.

18. “Này Rāhula, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã thanh lọc hành-động thân, hành-động lời-nói, và hành-động tâm của họ, thì tất cả họ đều đã làm bằng cách quán chiếu (suy xét) nhiều lần (lặp đi lặp lại) như vậy. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thanh lọc hành- động thân, hành-động lời-nói, và hành-động tâm của họ, thì tất cả họ đều sẽ làm bằng cách quán chiếu nhiều lần như vậy. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đang thanh lọc hành-động thân, hành-động lời-nói, và hành-động tâm của họ, thì tất cả họ đều đang làm bằng cách quán chiếu nhiều lần như vậy. Do vậy, này Rāhula, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ thanh lọc hành-động thân, hành-động lời-nói, và hành- động tâm của chúng ta bằng cách quán chiếu nhiều lần về chúng như vậy.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

116 • Chương 2

62. ĐẠI KINH KHUYÊN DẠY RĀHULA (Mahārāhulovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.650 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Ngài Rāhula cũng mặc y- phục, mang theo bình bát và cà sa, đi theo sau đức Thế Tôn.

3. Rồi đức Thế Tôn quay đầu lại và nói với thầy Rāhula như vầy:651 “Này Rāhula, mọi thể-sắc dù là dạng gì, thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, ở bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần, tất cả mọi thể- sắc nên được nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.” “Chỉ riêng thể-sắc thôi phải không, thưa Thế Tôn? “Này Rāhula, thể-sắc, và cả cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều như vậy.”

4. Rồi thầy Rāhula suy xét như vầy: “Ai còn muốn đi vô phố thị để khất thực hôm nay trong khi chính mình mới được khuyên dạy bởi đức Thế Tôn?” Vì vậy thầy ấy quay lại

và ngồi xuống dưới một gốc cây, ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. (Tức là, khi được đích thân Phật khuyên dạy hay khởi xướng một đề mục tu thì điều đó rất đáng quý để ưu tiên thực tập ngay, chuyện cơm nước lúc đó chỉ là nhỏ nhặt).

5. Ngài Xá-lợi-phất nhìn thấy thầy ấy ngồi đó và đã nói với thầy ấy như vầy: "Này Rāhula, hãy tu tập 'sự chánh-niệm hơi-thở'. Khi 'sự chánh- niệm hơi-thở' được tu tập, điều đó sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao."652

6. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Rāhula ra khỏi phiên thiền và đến gặp

đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn:

7. "Thưa Thế Tôn, theo cách nào 'sự chánh-niệm hơi-thở' được tu tập và tu dưỡng, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?"

(Bốn yếu-tố lớn)

8. "Này Rāhula,653 Cái gì là yếu-tố đất [cứng]? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc về bản thân, là thể cứng, được làm cứng, bị dính-chấp; thứ thuộc sắc-uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp; đó là, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, ruột, màng treo, thành phần của bao tử, phân, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là thể cứng, được làm cứng, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố đất bên-trong. Bây giờ cả yếu-tố đất bên-trong và yếu-tố đất bên- ngoài đều chỉ là yếu-tố đất. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê thích; tỉnh mê) với yếu-tố đất và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố đất.

9. "Này Rāhula, cái gì là yếu-tố nước [lỏng]? Yếu-tố nước có thể là ở bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố nước ở bên-trong? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc bản thân, là nước, là thể nước, và bị dính-chấp; đó là, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước nhày, nước bọt, nước mũi, nhớt các khớp xương, nước tiểu, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là thể nước, như nước, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố nước bên-trong. Bây giờ cả yếu-tố nước bên-trong và bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố nước. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố nước và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố

nước.

10. “Và này Rāhula, cái gì là yếu-tố lửa [nhiệt]? Yếu-tố lửa là thuộc về bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố lửa ở bên-trong? Mọi thứ ở bên- trong, thuộc về bản thân, là lửa, là thể nhiệt, và bị dính-chấp; đó là, thứ bởi nó thân người được làm ấm, già đi, và được tiêu hao, và thứ bởi nó những thứ được ăn vào, được uống vào, được tiêu dùng, và được nếm sẽ được tiêu hóa hoàn toàn, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là lửa, là thể nhiệt, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố lửa ở bên-trong. Bây giờ cả yếu-tố lửa bên-trong và ở bên-ngoài đều chỉ là yếu- tố lửa. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố lửa và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố lửa.

11. “Này Rāhula, cái gì yếu-tố gió [khí]? Yếu-tố gió có thể là thuộc bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố gió ở bên-trong? Mọi thứ ở bên- trong, thuộc bản thân, là gió, thể khí, và bị dính-chấp; đó là, những hơi gió đi lên, những hơi gió đi xuống, những hơi gió trong bụng, những hơi gió trong ruột, những hơi gió luồn trong tứ chi, hơi thở vô và hơi thở ra, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc về bản thân, là gió, thể khí, và bị dính-chấp. Đây được gọi là yếu-tố gió ở bên-trong. Bây giờ cả yếu-tố gió ở bên-trong và ở bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố gió. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí- tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố gió và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố gió.

12. “Này Rāhula, cái gì là yếu-tố không gian [rỗng]?654 Yếu-tố không gian có thể là thuộc bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố không gian ở bên-trong? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc bản thân, là không gian, như

không gian, và bị dính-chấp, đó là, những lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, và [đường rỗng như bao tử, ruột] trong đó thứ gì được ăn, được uống, được tiêu dùng, và được nếm được nuốt xuống, và trong đó nó gom tụ, và trong đó nó được thải ra bên dưới cùng, hoặc mọi thứ khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là không gian, như không gian, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố không gian ở bên-trong. Bây giờ cả yếu-tố không gian ở bên-trong và ở bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố không gian. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố không gian và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố không gian.

13. “Này Rāhula, hãy tu thiền giống như đất (hiền, xả, không thiên vị); vì khi thầy tu thiền giống như đất, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.655 Giống như người ta quăng đổ những thứ dù sạch và dơ dáy như phân thải, nước tiểu, nước bọt, mủ, máu lên đất, và đất vẫn không thấy ghê sợ,

nhục nhã, hay ghê tởm vì điều đó. Cũng giống như vậy, này Rāhula, hãy tu thiền giống như đất; vì khi thầy tu thiền giống như đất, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.

14. “Này Rāhula, hãy tu thiền giống như nước; vì khi thầy tu thiền giống như nước, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó. Giống như người ta dùng nước giặt rửa những thứ dù sạch hay dơ dáy như phân thải, nước tiểu, nước bọt, mủ, máu, và nước vẫn không thấy ghê sợ, nhục nhã, hay ghê tởm vì điều đó. Cũng giống như vậy, này Rāhula, hãy tu thiền giống như nước; vì khi thầy tu thiền giống như nước, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.

15. “Này Rāhula, hãy tu thiền giống như lửa; vì khi thầy tu thiền giống như lửa, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm

thầy và ở lại trong đó. Giống như người ta dùng lửa để đốt những thứ dù sạch hay dơ dáy như phân thải, nước tiểu, nước bọt, mủ, máu, và lửa vẫn không thấy ghê sợ, nhục nhã, hay ghê tởm vì điều đó. Cũng giống như vậy, này Rāhula, hãy tu thiền giống như lửa; vì khi thầy tu thiền giống như lửa, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.

16. “Này Rāhula, hãy tu thiền giống như gió; vì khi thầy tu thiền giống như gió, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó. Giống như người ta dùng gió để thổi những thứ dù sạch hay dơ dáy như phân thải, nước tiểu, nước bọt, mủ, máu, và gió vẫn không thấy ghê sợ, nhục nhã, hay ghê tởm vì điều đó. Cũng giống như vậy, này Rāhula, hãy tu thiền giống như gió; vì khi thầy tu thiền giống như gió, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.

17. “Này Rāhula, hãy tu thiền giống như không gian; vì khi thầy tu thiền giống như không gian, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó. Giống như không gian không được thiết lập (không trụ) ở bất cứ đâu. Cũng giống như vậy, này Rāhula, hãy tu thiền giống như không gian; vì khi thầy tu thiền giống như không gian, những sự tiếp-xúc dễ chịu và khó chịu sẽ không xâm chiếm tâm thầy và ở lại trong đó.

18. “Này Rāhula, hãy tu thiền về tâm-từ; vì khi thầy tu thiền về tâm-từ, mọi sự ác-ý sẽ bị dẹp bỏ.

19. “Này Rāhula, hãy tu thiền về tâm-bi; vì khi thầy tu thiền về tâm-bi, mọi sự hung-dữ sẽ bị dẹp bỏ.

20. “Này Rāhula, hãy tu thiền về tâm-(tùy) hỷ; vì khi thầy tu thiền về tâm-hỷ, mọi sự bất hài-lòng (bất mãn) sẽ bị dẹp bỏ.

21. “Này Rāhula, hãy tu thiền về tâm-xả; vì khi thầy tu thiền về tâm-xả, mọi sự sân-bực sẽ bị dẹp bỏ.

122 • Chương 2

22. “Này Rāhula, hãy tu thiền về sự ô-uế (sự không sạch, sự không hấp dẫn của thân); vì khi thầy tu thiền về sự ô-uế, mọi tham-dục sẽ bị dẹp bỏ.

23. “Này Rāhula, hãy tu thiền về ‘sự nhận-thức về sự vô-thường’; vì khi thầy tu thiền về ‘sự nhận-thức về sự vô-thường’, sự tự-ta (ngã mạn, ta- đây) sẽ bị dẹp bỏ.

24. “Này Rāhula, hãy tu thiền về ‘sự chánh-niệm hơi-thở’. Khi ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Và theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?

25. “Ở đây, này Rāhula, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, hay đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập chánh-niệm ở trước mặt, có chánh-niệm, người đó thở-vô; có chánh-niệm, người đó thở-ra.

26. [1] “Thở vô dài, người đó hiểu: ‘Tôi thở vô dài’; hoặc thở ra dài, người đó hiểu ‘Tôi thở ra dài’. Thở vô ngắn, người đó hiểu: ‘Tôi thở vô ngắn’; hoặc thở ra ngắn, người đó hiểu ‘Tôi thở ra ngắn’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô trải nghiệm toàn thân’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi thở ra trải nghiệm toàn thân’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vào làm lắng dịu sự tạo-tác của thân (thân hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra làm lắng dịu sự tạo-tác của thân’. 656

27. [2] “Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô trải nghiệm sự ho- an-hỷ’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra trải nghiệm sự hoan- hỷ’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô trải nghiệm sự hạnh- phúc’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra trải nghiệm sự hạnh- phúc’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra trải nghiệm sự tạo-tác của tâm’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm (tâm hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm.’

ĐẠI KINH KHUYÊN DẠY RĀHULA • 123

28. [3] “Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô trải nghiệm cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra trải nghiệm cái tâm’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô làm hoan-hỷ cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra làm hoan-hỷ cái tâm’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô tập-trung (định) cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra tập-trung cái tâm’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô giải-thoát cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra giải-thoát cái tâm’.

29. [4] “Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô quán sát sự vô- thường’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra quán sát sự vô- thường’. Người đó tập luyện như vầy:

‘Tôi sẽ thở vô quán sát sự phai- biến’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra quán sát sự phai-biến’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô quán sát sự chấm-dứt’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra quán sát sự chấm-dứt’. Người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở vô quán sát sự từ-bỏ’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tôi sẽ thở ra quán sát sự từ-bỏ’.

30. “Này Rāhula, đó là cách ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Khi ‘sự chánh- niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thậm chí những hơi-thở vô và hơi-thở ra cuối cùng khi chúng chấm dứt cũng được biết, không phải không được biết.”657 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

124 • Chương 2

63. TIỂU KINH MĀLUNKYA (Cūḷamālunkya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi lúc đó, khi Ngài Māluṅkyāputta đang một mình thiền định, ý- nghĩ sau đây đã khởi sinh trong tâm thầy ấy: “Những quan-điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn tuyên bố, đã bị bỏ qua và bị từ chối bởi đức Thế Tôn, đó là những vấn đề: (1) ‘thế giới là trường tồn’ hay (2) ‘thế giới là không trường tồn’?; (3) ‘thế giới là hữu hạn’ hay (4) ‘thế giới là vô hạn’?; (5) ‘linh hồn và thân thể là một’ hay (6) ‘linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác’?; và (7) ‘sau khi chết một Như Lai còn hiện hữu’ hay (8) ‘sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu’?; (9) ‘sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu’ hay (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’. Đức Thế Tôn đã không tuyên bố rõ về những điều này cho ta, và ta không đồng ý và không chấp nhận sự việc này, do vậy ta phải đi gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn như vậy nghĩa là sao. Nếu đức Thế Tôn tuyên bố rõ với ta rằng (1) ‘thế giới là trường tồn’ hoặc ‘thế giới là không trường tồn’ … hay (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, thì ta sẽ sống đời sống tâm linh theo (dưới sự dẫn dắt của) đức Thế Tôn; còn nếu đức Thế Tôn không tuyên bố rõ ràng với ta về những điều đó, thì ta sẽ bỏ tu hoàn tục.”:

3. Rồi, vào buổi cuối chiều, ngài Māluṅkyāputta đứng dậy khỏi chỗ thiền và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa: “Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con đang ngồi thiền một mình, ý-nghĩ này đã khởi sinh trong tâm con: ‘Những quan-điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn tuyên bố … (những quan-điểm (1)-(10)

126 • Chương 2

như đoạn kế trên) …

“Nếu Thế Tôn không tuyên bố về những điều này cho con, thì con sẽ bỏ tu và hoàn tục.’ Nếu Thế Tôn biết (1) ‘thế giới là trường tồn’, mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con ‘thế giới

là trường tồn'; nếu Thế Tôn biết (2) 'thế giới là không trường tồn', mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con 'thế giới là không trường tồn'; còn nếu Thế Tôn không biết và không thấy 'thế giới là trường tồn' hay 'thế giới là không trường tồn', thì sẽ là ngay thẳng khi một người không biết và không thấy nói rằng: 'Tôi không biết và không thấy.' "Nếu Thế Tôn biết (3) 'thế giới là hữu hạn' ... (4) 'thế giới là vô hạn'?; (5) 'linh hồn là thân thể là một' ... (6) 'linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác'?; và (7) 'sau khi chết một Như Lai còn hiện hữu' ... (8) 'sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu'?; (9) 'sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu' ... (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', mong Thế Tôn hãy nói rõ điều đó với con. Còn nếu Thế Tôn không biết và không thấy (3) 'thế giới là hữu hạn' ... (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì sẽ là ngay thẳng khi một người không biết và không thấy nói rằng: 'Tôi không biết và không thấy.'"

4. "Sao vậy, này Māluṅkyāputta, có bao giờ ta nói với thầy rằng: 'Này Māluṅkyāputta, hãy đến đây sống đời sống tâm linh theo ta thì ta sẽ tuyên bố rõ cho thầy (1) "thế giới là trường tồn" hoặc (2) "thế giới là không trường tồn" ... hoặc (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Vậy có bao giờ thầy nói với ta rằng: 'Con sẽ sống đời sống tâm linh theo Thế Tôn, thì Thế Tôn sẽ tuyên bố rõ với con (1) "thế giới là trường tồn" hoặc "thế giới là không trường tồn" ... hoặc (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', hay không?"—"Dạ không, thưa Thế

Tôn"—"Như vậy thì, hỡi con người lầm lạc kia, thầy là ai và thầy đang từ bỏ cái gì?

5. "Này Māluṅkyāputta, cho dù có ai nói như vầy: 'Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố rõ với tôi (1) "thế giới là trường tồn" ... hoặc (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì những điều đó cũng đâu được tuyên bố bởi Như Lai, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi. (tức ai cũng phải chết cho dù 10 điều đó đúng hay không, vì chúng chẳng liên quan gì đến đời sống tâm linh và đạo quả của người tu theo Phật). "Này Māluṅkyāputta, giả sử có một người bị trúng mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng của người đó mời lương y tới chữa trị cho người đó. Nhưng người đó cứ nói: 'Tôi sẽ không để cho lương y rút mũi tên độc này ra cho đến khi nào tôi biết rõ (1) người bắn tôi là ai, là người giai cấp chiến-sĩ, hay bà-la-môn, hay nông-thương, hay hạ-tiện.' Và người đó lại nói: 'Tôi sẽ không để cho lương y rút mũi tên độc ra cho đến khi nào tôi biết rõ (2) tên tuổi và họ tộc của người đã bắn tôi; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (3) người bắn tôi là cao, thấp, hay vừa; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (4) người bắn tôi có da đen, da nâu, hay da vàng; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (5) người bắn tôi sống ở làng nào, thị trấn nào, thành phố nào; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (6) cái cung dùng để bắn tôi là loại cung vòng hay loại cung nỏ; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (7) sợi dây cung dùng để bắn tôi được làm từ sợi xơ, sợi lau sậy, sợi gân, sợi cây gai, hay từ sợi vỏ cây; ... cho đến khi nào tôi biết rõ

(8) mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ cây rừng hay cây trồng; … cho đến khi nào tôi biết rõ (9) đuôi mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ loại lông chim nào—lông kền kền, lông con diệc, lông chim ưng, hay lông cò; … cho đến khi nào tôi biết rõ (10) mũi tên dùng để bắn tôi được quấn bằng sợi gân nào—gân bò, gân trâu, gân nai, hay gân khỉ; … cho đến khi nào tôi biết rõ (11) đầu mũi tên dùng để bắn tôi là dạng gì—đầu nhọn hay đầu bén như dao cạo, đầu cong hay có gai cạnh, hay dạng giống răng bò,

hay dạng như dao mổ.' "Thì tất cả những điều này vẫn không được biết rõ, và trong khi đó người đó vẫn phải chết thôi. Cũng giống như vậy, này Māluṅkyāputta, cho dù có ai nói rằng: 'Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố rõ với tôi rằng: (1) "thế giới là trường tồn" … hoặc hoặc (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì những điều đó cũng đâu được tuyên bố bởi Như Lai, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi.

6. "Này Māluṅkyāputta, nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (1) 'thế giới là trường tồn', thì đời sống tâm linh không thể được sống; và nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (2) 'thế giới là không trường tồn', thì đời sống tâm linh không thể được sống. Cho dù có quan-điểm (1) 'thế giới là trường tồn' hay (2) quan-điểm 'thế giới là không trường tồn', (cho dù chấp có hay chấp không), thì trước mắt vẫn luôn có 'sự sinh, có sự già, có sự bệnh, có sự chết, có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng', mà ở đây và bây giờ ta đang đi chỉ dạy về sự tiêu-diệt tất cả những sự đó. "Nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (3) 'thế giới là hữu hạn' … (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì đời sống tâm linh không thể được sống (không thể tu được, bởi vì nếu còn những quan-điểm như vậy thì đâu có chánh- kiến để tu tập). Cho dù có quan-điểm (3) 'thế giới là hữu hạn' … hay (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', (cho dù có chấp có hay chấp không), thì trước mắt vẫn luôn có 'sự sinh, có sự già, có sự bệnh, có sự chết, có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng', mà ở đây và bây giờ ta đang đi chỉ dạy về sự tiêu-diệt tất cả những sự đó.

7. "Này Māluṅkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố (làm rõ) coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố. [1] Và những gì là điều ta đã không

tuyên bố? Đó là những vấn đề như: (1) 'Thế giới là trường tồn'—Ta đã không tuyên bố … (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu'—Ta đã không tuyên bố.

8. "Vì sao ta đã không tuyên bố về những điều này? Bởi vì chúng không ích lợi, không thuộc những nền-tảng của đời sống tâm linh (không phải là căn bản của sự tu hành), nó không dẫn đến sự tỉnh-ngộ, không dẫn đến sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không tuyên bố về những điều

này.

9. [2] “Và những gì là điều ta đã tuyên bố? ‘Đây là sự khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là nguồn-gốc khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’—Ta đã tuyên bố.

10. Vì sao ta đã tuyên bố rõ về những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, thuộc những nền-tảng của đời sống tâm linh (là căn bản của sự tu hành), nó dẫn đến sự tỉnh-ngộ, dẫn đến sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã tuyên bố rõ về những điều này. “Bởi vậy, này Mālunkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố thì coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Mālunkyāputta hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.658

64. ĐẠI KINH MĀLUNKYA (Mahāmālunkya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) như đã được ta chỉ dạy không?” Sau khi điều này được nói ra, ngài Mālunkyāputta trả lời: “Thưa Thế Tôn, con nhớ năm gông-cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”659 “Nhưng, này Mālunkyāputta, theo cách nào thầy nhớ năm gông-cùm thấp hơn như đã được ta chỉ dạy?” “Thưa Thế Tôn, con nhớ ‘quan-điểm có danh tính’ (thân kiến) là một gông-cùm thấp hơn thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘sự nghi-ngờ’ là một gông-cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ) là một gông-cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘tham-dục’ là một gông-cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘sự ác-ý’ là một gông- cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Thưa Thế Tôn, theo cách này con nhớ năm gông-cùm thấp hơn như đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”

3. “Này Mālunkyāputta, từ đâu từ ai mà thầy nhớ ta đã chỉ dạy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) này theo cách đó?660 Liệu những du sĩ giáo phái khác không bác bỏ thầy bằng ‘ví dụ về đứa bé’ như vầy hay sao? Vì một đưa bé sơ sinh mềm yếu đang nằm sấp còn chưa có ý niệm về ‘danh tính’ thì cách nào mà ‘danh tính’ có thể khởi sinh trong nó? Nhưng có khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra cái ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) thì nằm bên trong nó.661 Một đứa trẻ sơ sinh đang nằm sấp còn chưa có ý niệm ‘những giáo lý’,662 thì làm cách nào sự nghi-ngờ về giáo lý

có thể khởi sinh trong nó? Nhưng có khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự nghi-ngờ có nằm trong nó. Một đứa trẻ sơ sinh đang nằm sấp còn chưa có ý niệm ‘những tục lệ giới cấm’, thì làm cách nào ‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và

những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) có thể khởi sinh trong nó? Nhưng có khuynh-hướng tiềm ẩn 'sự dính- chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) nằm bên trong nó. Một đứa trẻ sơ sinh đang nằm sấp còn chưa có ý niệm 'những dục-lạc', thì làm cách nào tham-dục có thể khởi sinh trong nó? Nhưng có khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-dục nằm bên trong nó. Một đứa trẻ sơ sinh đang nằm sấp còn chưa có ý niệm 'chúng sinh', thì làm cách nào sự ác-ý đối với chúng sinh có thể khởi sinh trong nó? Nhưng có khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ác-ý nằm bên trong nó. Liệu những du sĩ giáo phái khác không bác bỏ thầy bằng 'ví dụ về đứa bé' như vậy hay sao?"

4. Ngay lúc đó, ngài Ānanda đã nói: "Thưa Thế Tôn, giờ là lúc, thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc để đức Thế Tôn chỉ dạy năm gông-cùm thấp hơn. Sau khi nghe được lời chỉ dạy từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói" "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

5. "Ở đây, này Ānanda, một người phàm phu không được chỉ dạy không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, (i) sống với một cái tâm bị ám muội và bị chi phối bởi 'quan-điểm có danh tính' (thân kiến), và người đó không hiểu được đúng như nó thực là cái gì là sự thoát-khỏi 'quan-điểm có danh tính' đã khởi sinh; và khi 'quan-điểm có danh tính' đó trở thành thói quen và không được bứng bỏ bên trong người đó, thì đó là một gông-cùm thấp hơn. Người đó (ii) sống với một cái tâm

bị ám muội và bị chi phối bởi 'sự nghi-ngờ' … (iii) bởi 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới- cấm thủ) … (iv) bởi 'tham-dục' … (v) bởi 'sự ác-ý', và người đó không hiểu được đúng như nó thực là cái gì là sự thoát-khỏi sự ác-ý đã khởi sinh; và khi sự ác-ý đó trở thành thói quen và không được bứng bỏ bên trong người đó, thì đó là một gông-cùm thấp hơn.

6. "Một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, (i) không sống với một cái tâm bị ám muội hay bị chi phối bởi 'quan-điểm có danh tính' (thân kiến), và người đó hiểu được đúng như nó thực là cái gì là sự thoát- khỏi 'quan-điểm có danh tính' đã khởi sinh; và (cái gông-cùm là) 'quan-điểm có danh tính' đó cùng với khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra nó sẽ được dẹp bỏ trong người đó.663 Người đó (ii) không sống với một cái tâm bị ám muội hay bị chi phối phối bởi 'sự nghi-ngờ' … (iii) bởi 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới cấm thủ) … (iv) bởi 'tham-dục' … (v) bởi 'sự ác-ý', và người đó không hiểu được đúng như nó thực là cái gì là sự thoát-khỏi sự ác-ý đã khởi sinh; và (cái gông-cùm là) sự ác-ý đó cùng với khuynh- hướng tiềm ẩn (tùy

miên) tạo ra nó sẽ được dẹp bỏ trong người đó.

7. “Này Ānanda, có một con đường, có một phương cách để dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn; nếu ai không dựa vào con đường đó, không dựa vào phương cách đó mà biết hay thấy hay dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là không thể. Giống như có một cây lớn đứng có gỗ lõi, nếu ai không cắt qua lớp vỏ cây và lớp gỗ mềm mà cắt qua lớp gỗ lõi—điều đó là không thể. Cũng giống như vậy, có một con đường … không dựa vào phương cách đó mà biết hay thấy hay dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là không thể. “Này Ānanda, có một con đường, có một phương cách để dẹp bỏ năm

gông-cùm thấp hơn; nếu ai dựa vào con đường đó, dựa vào phương cách đó mà biết và thấy và dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là có thể. Giống như có một cây lớn đứng có gỗ lõi, nếu ai cắt qua lớp vỏ cây và lớp gỗ mềm thì cắt qua lớp gỗ lõi—điều đó là có thể. Cũng giống như vậy, có một con đường … dựa vào phương cách đó mà biết và thấy và dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là có thể.

8. “Này Ānanda, giả sử sông Hằng nước tràn đầy tới mép bờ đến mức con quạ (đứng trên bờ) có thể uống được, và rồi có một người yếu ớt đến đó nghĩ rằng: ‘Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn’, nhưng người đó đâu thể bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt cái ‘quan-điểm có danh-tánh’ (thân kiến), nếu tâm của người đó không tiến nhập vào Giáo Pháp và không đạt được niềm tự-tin, sự vững-vàng, và sự kiên-định, thì người đó có thể được coi như một người yếu ớt vậy. “Này Ānanda, sông Hằng nước tràn đầy nước tới hai mép bờ đến mức con quạ cũng uống được, và rồi có một người khỏe mạnh đến đó nghĩ rằng: ‘Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn’; và người đó có thể thể bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt cái ‘quan-điểm có danh-tánh’ (thân kiến), nếu tâm của người đó tiến nhập vào Giáo Pháp và đạt được niềm tự-tin, sự vững-vàng, và sự kiên-định, thì người đó có thể được coi như một người mạnh khỏe.

9. “Và, này Ānanda, cái gì là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn? Ở đây, bằng sự tách-ly khỏi sự thu-nạp (sanh y),664 bằng sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện, bằng sự làm lắng dịu những quán-tính (tập khí) của thân; (1) ‘hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có

đi kèm bởi ý-nghĩ ban đầu (tầm) và sự soi-xét nó (tứ), có yếu tố hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’. “Trong (trạng thái Nhất thiền) đó, mọi thứ (trạng thái, hiện tượng) thuộc thân-sắc, cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), người đó (quán sát) nhìn thấy chúng đều là vô thường, là khổ, như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, một sự

khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.665 Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện-tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất-tử như vầy: 'Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng lặn những sự tạo-tác cố ý (các hành), sự từ bỏ tất cả mọi dính-mắc (ràng buộc), sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn'.666 Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, rồi nhờ chính sự mong-muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó,667 cùng với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc được tái sinh một cách tự phát [vào một trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc Bất-lai)], và từ ở đó sau đó sẽ chứng luôn Niết-bàn chứ không còn quay lại (tái sinh) thế gian nữa. Đây là con đường, phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.

10. –12. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba ... (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ ... một Tỳ kheo người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. "Trong (trạng thái Tứ thiền) đó, mọi thứ thuộc thân-sắc, cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện-tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất-tử ... Đây là con đường,

phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.

13. (5) "Lại nữa: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác-ý) tới những nhận-thức về sự đa- dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ của không gian vô biên (không vô biên xứ)'. "Trong (trạng thái Không vô biên xứ) đó, mọi thứ (hiện tượng, trạng thái) thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức,668 người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất-tử ... Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.

14. (6) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ của không gian vô biên, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ).' "Trong (trạng thái Thức vô biên xứ) đó, mọi thứ thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất-tử ... Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.

15. (7) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] 'không có gì', người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở

hữu xứ).’ “Trong (trạng thái Vô sở hữu xứ) đó, mọi thứ thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường là khổ, như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, một sự khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện-tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất-tử như vầy: ‘Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự

làm lắng lặn những sự tạo-tác cố ý (các hành), sự từ bỏ mọi sự dính-mắc, sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn’. Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô- nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, rồi nhờ chính sự mong-muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó, cùng với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc được tái sinh một cách tự phát [vào một trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc Bất-lai)], và từ ở đó sau đó sẽ chứng luôn Niết-bàn chứ không còn quay lại (tái sinh) thế gian nữa. Đây là con đường, phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.”

16. “Thưa Thế Tôn, nếu đây là con đường, là phương cách dẫn tới sự dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn, vậy thì theo cách nào một số Tỳ kheo ở đây [thì được cho là] đạt được sự giải-thoát của tâm và một số [thì được cho] đạt được sự giải-thoát nhờ trí-tuệ?” “Này Ānanda, sự khác nhau ở chỗ các căn của họ, ta nói vậy.”669 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

65. KINH BHADDĀLI (Bhaddāli Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta ăn một bữa duy nhất (trong ngày). Nhờ làm vậy, ta không bị bệnh và đau, và ta hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái.670 Này các Tỳ kheo, hãy ăn một bữa duy nhất. Nếu làm vậy, các thầy cũng sẽ không bị bệnh và đau, và các thầy hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái.”

3. Sau khi điều này được nói ra, ngài Bhaddāli đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con không muốn ăn một bữa duy nhất; vì nếu con làm vậy, con có sự lo lắng và lo âu về điều đó.”671 “Vậy thì, này Bhaddāli, ăn một phần ở chỗ thầy được mời và mang một phần đi chỗ khác để ăn. Nhờ ăn theo cách đó, thầy sẽ duy trì (nuôi) được bản thân.” “Thưa Thế Tôn, con cũng không muốn ăn theo cách đó; vì nếu làm vậy, con cũng có sự lo lắng và lo âu về điều đó.”672

4. Vậy là, trong khi giới luật tu hành này đang được quy định [công bố] bởi đức Thế Tôn,673 trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, thầy

Bhaddāli tuyên bố từ chối tuân theo nó. Vậy là thầy Bhaddāli đã không có mặt trước đức Thế Tôn suốt cả ba tháng kỳ an cư mùa mưa, bởi vì thầy ấy là một người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy [Phật].

5. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đang tham gia may một bộ cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ: "Sau khi bộ cà sa may xong, khi hết ba tháng an cư mùa mưa, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành."

6. Rồi thầy Bhaddāli đã đến gặp các Tỳ kheo đó, chào hỏi qua lại, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên. Sau đó họ nói với thầy ấy: "Này đạo hữu, bộ cà sa này đang được may cho đức Thế Tôn. Sau khi bộ cà sa may xong, khi hết ba tháng an cư mùa mưa, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Đạo hữu Bhaddāli, thầy hãy chú tâm đúng đắn tới điều thông báo này. Đừng để về sau càng khó khăn hơn cho thầy."

7. "Dạ, này các đạo hữu", thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, con đã phạm vào một tội, trong đó con thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy, rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi đức Thế Tôn, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, con đã tuyên bố từ chối tuân theo nó. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của con, coi đó là điều để con giữ- giới sau này."

8. "Chắc chắn là vậy, này Bhaddāli, thầy đã vi phạm một tội trong đó thầy thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy, rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi ta, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, thầy đã tuyên bố từ chối tuân theo nó. Nhưng vì thầy đã nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội và muốn tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, chúng tôi chấp nhận nó (lời thú tội và sự hứa tu sửa). Bởi vì điều đó là (cho thấy) sự phát triển trong giới luật của Thánh Nhân (tức Giới luật Tăng đoàn) rằng người tu nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội, tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và thực thi (đảm nhận) sự giữ-giới trong tương lai."

9. "Này Bhaddāli, lúc đó thầy đã không nhận biết (ý thức) về điều này 'Đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī: rồi đức Thế Tôn sẽ biết về tôi về điều này "Tỳ kheo tên là Bhaddāli là người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy."' Thầy đã không nhận biết như vậy. "Cũng vậy, lúc đó thầy đã không nhận biết về điều này 'Nhiều Tỳ kheo

đã đến trú ở Sāvatthī trong kỳ an cư mùa mưa này: rồi họ sẽ biết về tôi về điều này "Tỳ kheo tên là Bhaddāli là người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy."' Thầy đã không nhận biết như vậy. "Cũng vậy, lúc đó thầy đã không nhận biết về điều này 'Nhiều Tỳ kheo ni đã đến trú ở Sāvatthī trong kỳ an cư mùa mưa này: rồi họ sẽ biết về tôi về điều này "Tỳ kheo tên là Bhaddāli là người không thực hiện sự tu tập theo

Giáo Pháp của Vị Thầy.”’ Thầy đã không nhận biết như vậy. “Cũng vậy, lúc đó thầy đã không nhận biết về điều này ‘Nhiều đệ tử tại gia nam … Nhiều đệ tử tại gia nữ đang sống ở Sāvatthī: rồi họ sẽ biết về tôi về điều này “Tỳ kheo tên là Bhaddāli là người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.”’ Thầy đã không nhận biết như vậy. “Cũng vậy, lúc đó thầy đã không nhận biết về điều này: ‘Nhiều tu sĩ và bà-la-môn của những giáo phái khác đã đến trú ở Sāvatthī trong kỳ an cư mùa mưa này: rồi họ sẽ biết về tôi như vầy: “Tỳ kheo tên là Bhaddāli là người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.”’ Thầy đã không nhận biết như vậy.

10. “Thưa Thế Tôn, con đã phạm vào một tội, trong đó con thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy, rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi đức Thế Tôn, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, con đã tuyên bố từ chối tuân theo nó. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn mong Thế Tôn tha thứ tội này của con, coi đó là điều để con giữ-giới sau này.” “Chắc chắn là vậy, này Bhaddāli, thầy đã vi phạm một tội trong đó thầy thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy, rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi ta, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, thầy đã tuyên bố từ chối tuân theo nó.

11. “Thầy nghĩ sao, này Bhaddāli? Ví dụ một Tỳ kheo ở đây là bậc đã được giải-thoát bằng cả hai cách (sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ),674 và ta nói với người đó: ‘Này Tỳ kheo, hãy làm

tấm ván lót cho ta đi qua chỗ bùn.’ Liệu người đó có đi qua một mình,675 hay né thân đi chỗ khác, hay nói ‘Không’, hay không?” “Không có vậy, thưa Thế Tôn” “Thầy nghĩ sao, này Bhaddāli? Ví dụ có một Tỳ kheo ở đây là người đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ … là một người thân-chứng … là người đã đạt tới cách-nhìn … là người đã được giải-thoát nhờ niềm-tin … là người tu trì theo Giáo Pháp (người căn trí) … là người tu trì theo niềm-tin (người căn tín), và ta nói với người đó: ‘Này Tỳ kheo, hãy làm tấm ván lót cho ta đi qua chỗ bùn.’ Liệu người đó có đi qua một mình, hay né thân đi chỗ khác, hay nói ‘Không’, hay không?” “Không có vậy, thưa Thế Tôn”

12. “Thầy nghĩ sao, này Bhaddāli? Vào lúc đó thầy có là người đã được giải-thoát bằng cả hai cách … là người đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ … là một người thân-chứng … là người đã đạt tới cách-nhìn … là người đã được giải-thoát nhờ niềm-tin … là người tu trì theo Giáo Pháp (người căn trí) … là người tu trì theo niềm-tin (người căn tín) hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn” “Này Bhaddāli, vào lúc đó có phải thầy là người trống rỗng, nông cạn, và lầm lỗi?”

13. “Dạ đúng, thưa Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, con đã phạm vào một tội, trong đó con thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy, rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi đức Thế Tôn, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, con đã tuyên bố từ chối tuân theo nó. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của con, coi đó là điều để con giữ giới sau này.” “Chắc chắn là vậy, này Bhaddāli, thầy đã vi phạm một tội trong đó thầy thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy,

rằng trong khi giới luật tu hành này đang được quy định bởi ta, trong khi Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang đảm nhận sự tu tập này, thầy đã tuyên bố từ chối tuân theo nó. Nhưng vì

thầy đã nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội và muốn tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, chúng tôi chấp nhận nó. Bởi vì điều đó là (cho thấy) sự phát triển trong giới luật của Thánh Nhân rằng người tu nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội, tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và thực thi sự giữ-giới trong tương lai."

14. (a) "Ở đây, này Bhaddāli, có Tỳ kheo không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy. Người đó suy xét như vầy: 'Giả sử tôi lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm—có lẽ tôi sẽ chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác- biệt về trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) xứng đáng của những bậc thánh.' Rồi người đó lui về một nơi trú ở tách-ly như vậy. Khi người đó sống thu mình như vậy, vị Sư Thầy chỉ trích người đó, những đồng đạo hiền trí trong đời sống tâm linh sau khi điều tra tìm hiểu cũng chỉ trích người đó, những thiên thần cũng chỉ trích người đó. Sau khi bị chỉ trích như vậy bởi vị Sư Thầy, bởi những đồng đạo hiền trí trong đời sống tâm linh, bởi những thiên thần, và bởi chính mình, người đó không chứng ngộ một trạng thái siêu nhân nào, hay một sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

15. (b) "Ở đây, này Bhaddāli, có Tỳ kheo thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy. Người đó suy xét như vầy: 'Giả sử tôi lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm—có lẽ tôi sẽ chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh.' Rồi người đó lui về một nơi trú ở tách-ly như vậy. Khi người đó sống thu mình như vậy, vị Sư Thầy không chỉ trích người đó, những đồng đạo hiền trí trong đời sống tâm linh sau khi điều tra tìm hiểu cũng không chỉ trích người đó, những thiên thần cũng không chỉ trích người đó. Sau khi không bị chỉ trích bởi vị Sư Thầy, bởi những đồng đạo hiền trí trong đời sống tâm linh, bởi những

thiên thần, và bởi chính mình, người đó chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh.

16. (i) "Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

17. (ii) “Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một Tỳ kheo người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

18. “Khi tâm người đó đã đạt-định như vậy, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), người đó hướng nó tới trí-biết về sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh) … [giống kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

19. “Khi tâm người đó đã đạt-định như vậy, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ … đã đạt tới mức không thể bị khích động, người đó hướng nó tới trí-biết về sự chết đi và tái sinh của chúng sinh … [giống kinh MN 51, mục 25] … Với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy. Vì sao

vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

20. “Khi tâm của người đó đã đạt định như vậy, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ … đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’… [giống kinh MN 51, mục 26] … Người đó hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt những ô-nhiễm’. Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.

21. “Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm của/do sự hiện- hữu (hữu lậu), khỏi ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Vì sao vậy? Vì đó là cách xảy ra đối với người thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy.”

22. Lúc đó thầy Bhaddāli đã hỏi: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân, cái gì là lý do tại sao họ có hành động phản đối một Tỳ kheo nào đó ở đây bằng cách liên tục khiển trách Tỳ kheo đó? Cái gì là nguyên nhân, cái gì là lý do, tại sao họ có hành động phản đối một Tỳ kheo nào đó ở đây bằng cách liên tục khiển trách Tỳ kheo đó?”

23. (i) “Ở đây, này Bhaddāli, có Tỳ kheo là một người thường xuyên phạm vào nhiều tội. Khi người đó bị những Tỳ kheo khác khiển trách sửa sai, thì người đó cứ tránh né

quanh co, nói lái qua chuyện khác, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay cú; người đó không tiến hành đúng đắn, người đó không tuân theo, người đó không làm rõ bản thân, người đó không chịu nói: 'Tôi sẽ làm (tu sửa) để Tăng Đoàn được hài lòng'. Trong trường hợp này, các Tỳ kheo khác nghĩ rằng: 'Tỳ kheo này khi bị những Tỳ kheo khác khiển trách ... người đó không chịu nói: "Tôi sẽ làm (tu

sửa) để Tăng Đoàn được hài lòng". Giờ sẽ tốt lành nếu các quý thầy xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này không được giải quyết (giải tội) quá nhanh chóng.' Và những Tỳ kheo xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này không được giải quyết quá nhanh chóng.

24. (ii) "Nhưng, ở đây, này Bhaddāli, có Tỳ kheo là một người thường xuyên phạm vào nhiều tội. Khi người đó bị những Tỳ kheo khác khiển trách sửa sai, thì người đó không tránh né quanh co, hay nói lái qua chuyện khác, và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, hay cay cú; người đó tiến hành đúng đắn, người đó tuân theo, người đó làm rõ bản thân, người đó nói: 'Tôi sẽ làm (tu sửa) để Tăng Đoàn được hài lòng'. Trong trường hợp này, các Tỳ kheo sẽ nghĩ rằng: 'Tỳ kheo này khi bị những Tỳ kheo khác khiển trách ... người đó nói: "Tôi sẽ làm (tu sửa) để Tăng Đoàn được hài lòng". Giờ sẽ tốt lành nếu các quý thầy xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này được giải quyết (giải tội) nhanh chóng.' Và những Tỳ kheo xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này được giải quyết nhanh chóng.

25. (iii) "Ở đây, có Tỳ kheo là một người thỉnh thoảng phạm tội và không nhiều tội lỗi. Khi người đó bị những Tỳ kheo khác khiển trách sửa sai, người đó cứ tránh né quanh co ... [lặp lại như mục 23 ở trên] ... Và những Tỳ kheo xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này không được giải quyết quá nhanh chóng.

26. (iv) "Nhưng, ở đây, có Tỳ kheo là một người thỉnh thoảng phạm tội nhưng nhiều tội lỗi. Khi người đó bị những Tỳ kheo khác khiển trách sửa sai, người đó không tránh né quanh co ... [lặp lại như mục 24 ở trên] ... Và những Tỳ kheo xem xét Tỳ kheo này theo một cách để cho vụ xử phạt Tỳ kheo này được giải quyết nhanh chóng.

27. (v) "Ở đây, có Tỳ kheo tiến bộ nhờ một mức độ của niềm-tin và sự mến mộ.676 Trong trường hợp này các Tỳ kheo suy xét như vầy: 'Này các đạo hữu, Tỳ kheo này tiến bộ nhờ một mức độ của niềm-tin và sự mến-

mộ. Hãy làm sao để thầy ấy không bị mất đi mức độ của niềm-tin và sự mến-mộ đó, vì thầy ấy có thể mất đi nếu chúng ta có hành động phản đối thầy ấy bằng cách liên tục khiển trách (kỷ luật) thầy ấy.' Ví dụ có một người chỉ có một mắt; rồi những bạn bè và đồng nghiệp, những người thân và họ hàng của người đó sẽ nên bảo vệ mắt của người đó, họ nghĩ: 'Hãy làm sao để anh ta không mất đi một mắt còn lại của mình'. Cũng giống như vậy, có Tỳ kheo tiến bộ nhờ một mức độ của niềm-tin và sự mến-mộ ... 'Hãy làm sao để thầy ấy không bị mất đi mức độ niềm-tin và sự mến- mộ, vì thầy ấy có thể

mất đi nếu chúng ta có hành động phản đối thầy ấy bằng cách liên tục khiển trách (kỷ luật) thầy ấy.'

28. "Đây là nguyên nhân, đây là lý do tại sao họ có hành động phản đối một Tỳ kheo nào đó ở đây bằng cách liên tục khiển trách Tỳ kheo đó. Đây là nguyên nhân, đây là lý do, tại sao họ không có hành động phản đối một Tỳ kheo nào đó ở đây bằng cách liên tục khiển trách Tỳ kheo đó."

29. "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân, cái gì là lý do tại sao trước kia chỉ có ít giới-luật tu hành (giới luật để tu học, học giới) mà nhiều Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán)? Cái gì là nguyên nhân, cái gì là lý do tại sao bây giờ có nhiều giới-luật tu hành nhưng ít Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng?"

30. "Đó là cách nó đã xảy ra, này Bhaddāli. Khi chúng sinh đang suy đồi và Giáo Pháp đích thực (chân Pháp) đang biến mất, thì cần có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng có ít Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng. Vị Thầy [Phật] đã từng không quy định [công bố] giới-luật tu hành cho những đệ tử cho đến khi có những sự việc xảy ra là cơ sở cho những ô-nhiễm phát sinh [thể hiện, bộc lộ] ở đây trong Tăng Đoàn;677 nhưng khi có những sự việc là cơ sở cho những ô-nhiễm phát sinh ở đây trong Tăng Đoàn thì Vị Thầy mới quy định [công bố] giới-luật tu hành cho những đệ tử để ngăn phòng những sự việc đó là cơ sở cho những ô- nhiễm phát sinh.

31. "Những sự việc là cơ sở cho những ô-nhiễm đã không phát sinh

[không thể hiện, không bộc lộ] ở đây trong Tăng Đoàn khi Tăng Đoàn chưa đạt tới sự lớn-lao (phát triển, tăng trưởng); nhưng khi Tăng Đoàn đã đạt tới sự lớn-lao thì những sự việc là cơ sở cho những ô-nhiễm đã phát sinh ở đây trong Tăng Đoàn, lúc đó Vị Thầy phải quy định những giới- luật cho những đệ tử để ngăn phòng những sự việc đó là cơ sở cho những ô-nhiễm phát sinh.

32. "Những sự việc là cơ sở cho những ô-nhiễm đã không phát sinh ở đây trong Tăng Đoàn khi Tăng Đoàn chưa đạt tới sự đỉnh cao về lợi-lộc … đỉnh cao về danh-tiếng … sự học-thuật lớn lao … sự nổi-tiếng lâu ngày; nhưng khi Tăng Đoàn đã đạt tới sự nổi tiếng lâu ngày thì những sự việc là cơ sở cho những ô-nhiễm đã phát sinh ở đây trong Tăng Đoàn, lúc đó Vị Thầy phải quy định những giới-luật cho những đệ tử để ngăn phòng những sự việc đó là cơ sở cho những ô-nhiễm phát sinh.

33. "Này Bhaddāli, có một số ít người như thầy, khi ta giảng một bài thuyết giảng Giáo Pháp ta có dùng ví dụ con ngựa non thuần chủng. Thầy có nhớ không, này Bhaddāli?" "Không, thưa Thế Tôn." "Thầy có biết lý do gì (khiến cho thầy không nhớ) hay không?" "Thưa Thế Tôn, (lý do là) con từ lâu đã không thực hiện sự tu tập theo Giáo Pháp của Vị Thầy." "Đó không phải nguyên nhân duy nhất hay lý do duy nhất. Nhưng là vầy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của thầy, từ lâu ta đã biết thầy như vầy: 'Khi ta đang giảng dạy Giáo Pháp, con người lầm lạc này không chú ý lời giảng, không chú tâm tới lời giảng, không tham gia bằng tất cả tâm mình, không nhiệt tình để tai lắng nghe

Giáo Pháp.’ Cho dù vậy, này Bhaddāli, ta vẫn giảng cho thầy bài thuyết giảng Giáo Pháp dùng ví dụ con ngựa non thuần chủng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Bhaddāli đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều

này:

34. “Này Bhaddāli, ví dụ có một người luyện ngựa khôn ngoan có được một con ngựa non thuần chủng tốt đẹp. Trước tiên ông làm cho con ngựa quen dần với sự mang hàm thiết (để xỏ dây cương). Trong khi con ngựa đang được làm cho quen dần với sự mang hàm thiết, do đang làm điều nó chưa bao giờ làm trước đó nên nó giật người, vùng vằn, và giãy nảy, nhưng nhờ lặp lại đều đặn và thực hiện dần dần, nó trở nên bình an trong hành động đó.678 “Sau khi con ngựa non được bình an với hành động đó, người luyện ngựa làm thêm cho con ngựa quen dẫn với sự mang yên cương. Trong khi con ngựa đang được làm cho quen dần với sự yên cương, do đang làm điều nó chưa bao giờ làm trước đó nên nó giật người, vùng vằn, và giãy nảy, nhưng nhờ lặp lại đều đặn và thực hiện dần dần, nó trở nên bình an trong hành động đó. “Sau khi con ngựa non được bình an với hành động đó, người luyện ngựa làm thêm cho con ngựa quen dần với sự giữ đúng bước, với sự chạy trong vòng tròn, với sự giặm chân sau, với sự đi nước kiệu, với sự phi nước đại, với những phẩm chất hoàng gia, với di sản hoàng gia, với tốc độ cao nhất, với đội hình cao nhất, với sự lịch thiệp cao nhất. Trong khi con ngựa đang được làm cho quen dần với những điều này, do đang làm điều nó chưa bao giờ làm trước đó nên nó giật người, vùng vằn, và giãy nảy, nhưng nhờ lặp lại đều đặn và thực hiện dần dần, nó trở nên bình an trong những hành động đó. “Sau khi con ngựa non được bình an với những hành động đó, người luyện ngựa thưởng thêm cho nó sự chà gội và chải lông cho bóng mượt. Sau khi một con ngựa non thuần chủng đẹp đẽ có được mười yếu tố, nó xứng đáng là của nhà vua, để phục vụ nhà vua, và được coi là thuộc những yếu tố của hoàng gia.

35. “Cũng giống như vậy, này Bhaddāli, khi một Tỳ kheo có được mười phẩm chất, người đó là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón,

đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Mười đó là gì? Ở đây, này Bhaddāli, một Tỳ kheo có được chánh-kiến của bậc vô học nhân,679 chánh tư-duy của bậc vô học nhân, chánh-ngữ của bậc vô học nhân, chánh- nghiệp của bậc vô học nhân, chánh-mạng của bậc vô học nhân, chánh tinh-tấn của bậc vô học nhân, chánh-niệm của bậc vô học nhân, chánh- định của bậc vô học nhân, chánh-tri của bậc vô học nhân, và chánh giải-thoát của bậc vô học nhân.680 Khi một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này, người đó là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Bhaddāli hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

66. KINH VÍ DỤ CHIM CÚT (Laṭukikopama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Anguttarāpa trong một thị trấn của họ có tên là Āpaṇa. 2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Āpaṇa để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Āpaṇa, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã đến một khu vườn để an trú qua ngày. Sau khi đi vô khu vườn, đức Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày. 3. Vào buổi sáng đó, ngài Udāyin mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, cũng đi vô thị trấn Āpaṇa để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Āpaṇa, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy cũng đến khu vườn đó để an trú qua ngày. Sau khi đi vô khu vườn, thầy ấy ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày. 4. Rồi, trong khi thầy Udāyin đang một mình thiền định, ý-nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy ấy: “Bao nhiêu trạng thái khổ đau đức Thế Tôn đã giúp chúng ta loại bỏ! Bao nhiêu trạng thái an lạc đức Thế Tôn đã mang lại cho chúng ta! Bao nhiêu trạng thái bất thiện đức Thế Tôn đã giúp chúng ta loại bỏ! Bao nhiêu trạng thái thiện lành đức Thế Tôn đã mang lại cho chúng ta!” 5. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Udāyin đã ra khỏi giờ thiền, và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: 6. “Ở đây, thưa Thế Tôn, trong khi con đang một mình thiền định, ý- nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy ấy: ‘Bao nhiêu trạng thái khổ đau đức Thế Tôn đã giúp chúng ta loại bỏ! … Bao nhiêu trạng thái thiện lành đức Thế Tôn đã mang lại cho chúng ta!’ Thưa Thế Tôn, trước đây chúng con thường ăn vào buổi chiều, ăn vào buổi sáng, hay ăn suốt ngày ngoài thời gian quy định (ăn uống phi thời, không theo giới luật). (i) Rồi có lần đức

Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: ‘Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ bữa ăn trong ngày ngoài thời gian quy định.’681 Thưa Thế Tôn, con đã thất vọng và buồn bã, nghĩ rằng: ‘Những người tại gia có niềm-tin bố thí nhiều loại thức ăn tốt trong ngày ngoài giờ quy định, nhưng đức Thế Tôn lại nói chúng ta dẹp bỏ nó, bậc Phúc Lành nói chúng ta từ bỏ nó.’ Vì lòng kính mến và kính trọng đối với đức Thế Tôn, và vì sự xấu-hổ và sợ-hãi việc làm sai trái, chúng con đã dẹp bỏ bữa ăn trong ngày ngoài thời gian quy định. “Rồi chúng con chỉ ăn bữa tối (sau buổi chiều) và bữa sáng. (ii) Rồi có lần đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: ‘Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ bữa ăn tối ngoài giờ quy định.’ Thưa Thế Tôn, con thất vọng và buồn bã, nghĩ rằng: ‘Đức Thế Tôn lại nói chúng ta dẹp bỏ bữa ăn (tối) lớn hơn trong hai bữa ăn của chúng con, bậc Phúc Lành nói chúng ta từ bỏ nó.’ Thưa Thế Tôn, (vì lúc còn ăn bữa tối nên) khi có người đã nhận được ít cháo canh trong ngày và người đó phải nói: ‘Phải cất nó đi và tất cả chúng ta sẽ cùng ăn vào bữa tối.’ [Cho nên hầu hết] những món ăn đều được dọn ra ăn ban đêm, ít khi được ăn vào ban ngày (sau giữa trưa). Vì lòng kính mến và kính trọng đối với đức Thế Tôn, và vì sự xấu-hổ và sợ- hãi việc làm sai trái, chúng con đã dẹp bỏ bữa ăn tối ngoài thời gian quy định. “Thưa Thế Tôn, (vì lúc còn ăn bữa tối nên) đã từng xảy ra sự cố những Tỳ kheo đi bộ khất thực trong đêm tối mịt đã bước rớt xuống ao nước dơ, rớt xuống cống thải, đi trúng vô bụi gai nhọn, và tông vào những con bò đang ngủ; họ đụng phải những kẻ côn đồ mới vừa phạm tội ác hoặc đang tính phạm tội ác, và họ cũng bị những phụ nữ gạ tình dụ dỗ. Thưa Thế Tôn, có lần con đã đi khất thực trong

đêm tối mịt. Một phụ nữ đang rửa bình nước chợt thấy con khi trời chớp nhá tia sáng, cô ta đã hoảng sợ và hét lên: ‘Tha cho tôi, có quỷ dữ chỗ tôi!’ Con liền nói cô ta: ‘Thưa chị, tôi không phải là quỷ dữ, tôi là một Tỳ kheo đang đợi xin thức ăn bố thí.’— ‘Vậy cha Tỳ kheo chết đi, mẹ Tỳ kheo chết đi!682 Này ông Tỳ kheo, tốt hơn ông kiếm dao mổ heo cắt cái bụng ông đi còn hơn chỉ vì cái bụng mà

ông rình mò xin ăn trong đêm tối khuất mày khuất mặt như vậy!’ Thưa Thế Tôn, khi con nhớ lại và suy nghĩ: ‘Bao nhiêu trạng thái khổ đau đức Thế Tôn đã giúp chúng ta loại bỏ! Bao nhiêu trạng thái an lạc đức Thế Tôn đã mang lại cho chúng ta! Bao nhiêu trạng thái bất thiện đức Thế Tôn đã giúp chúng ta loại bỏ! Bao nhiêu trạng thái thiện lành đức Thế Tôn đã mang lại cho chúng ta!’” 7. “Cũng giống như vậy, này Udāyin, có mấy con người lầm lạc ở đây, khi ta nói ‘Hãy dẹp bỏ điều này’, họ nói lại: ‘Cái gì, chỉ điều lặt vặt này ư, chỉ điều nhỏ nhặt này mà cũng cấm sao? Sa-môn này (tức Phật) quá khắc khe!’ Và họ không dẹp bỏ điều đó và họ tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu-tập. Đối với họ điều (được khuyên bỏ) này cứ như một sợi dây chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch, (khó dẹp bỏ được). 8. “Này Udāyin, ví dụ một con chim cút mái bị cột bởi một sợi dây leo đang mục nát và chờ bị hại, bị bắt, hay bị giết. Giờ nếu có ai nói rằng: ‘Sợi giây leo đang mục nát đối với con chim cút mái là yếu, yếu ớt, đang mục nát, không chắc chắc, nên nó sẽ không bị hại, bị bắt, hay bị giết.’ Người đó nói có đúng không?” “Không, thưa Thế Tôn. Đối với con chim cút mái đó, sợi dây leo đang mục nát là chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch, nên nó sẽ bị hại, bị bắt, hay bị giết.” “Cũng giống như vậy, này Udāyin, có mấy con người lầm lạc ở đây, khi ta nói ‘Hãy dẹp bỏ điều này’ … họ không dẹp bỏ điều đó và họ tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu- tập. Đối với họ điều (được khuyên bỏ) này trở nên như một sợi dây chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch. (khó dẹp bỏ được) 9. “Này Udāyin, có những người họ tộc ở đây, khi ta nói ‘Hãy dẹp bỏ điều này Udāyin’, họ nói lại: ‘Cái gì, chỉ điều lặt vặt này, chỉ điều nhỏ nhặt này đức Thế Tôn nói chúng ta dẹp bỏ, bậc Phúc Lành nói chúng ta

dẹp bỏ!’ Và họ dẹp bỏ điều đó và họ không tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu-tập. Sau khi đã dẹp bỏ điều đó, họ sống thư thái an ổn, sống nhờ những bố thí những người khác, với một cái tâm [vô tư] như tâm con nai rừng. Đối với họ, điều (được khuyên bỏ) đó chỉ như một sợi dây yếu, yếu ớt, đang mục nát, không gì chắc. (dễ dẹp bỏ) 10. “Này Udāyin, ví dụ một con voi ngà hoàng gia với hai ngà dài như cán cày, đầy đủ tầm vóc, được khéo nuôi, đã quen chiến trận, bị cột bởi những sợi dây da to chắc, nhưng chỉ cần xoay thân mình một chút con voi cũng có thể bứt đứt những sợi dây rồi muốn đi đâu tùy thích. Giờ có ai nói rằng: ‘Những sợi dây da to chắc đó đối với con voi ngà hoàng gia này là chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch.’ Người đó nói có đúng không?” “Không, thưa Thế Tôn. Những sợi dây to chắc đó đối với con voi ngà hoàng gia này là yếu, yếu ớt, đang

mục nát, không gì chắc.” “Cũng giống như vậy, này Udāyin, có những người họ tộc ở đây, khi ta nói ‘Hãy dẹp bỏ điều này’ … họ dẹp bỏ điều đó và họ không tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu-tập. Sau khi đã dẹp bỏ điều đó, họ sống thư thái an ổn, sống nhờ những bố thí những người khác, với một cái tâm [vô tư] như tâm con nai rừng. Đối với họ, điều (được khuyên bỏ) đó chỉ như một sợi dây yếu, yếu ớt, đang mục nát, không gì chắc. (dễ dẹp bỏ) 11. “Này Udāyin, ví dụ có một người nghèo nàn, không xu dính túi, bần cùng, và ông ta có một cái túp lều tồi tàn trống hoắc quạ cũng tới ở được, chẳng phải chỗ tốt đẹp gì, và một tấm lót nằm làm từ sợi liễu gai, chẳng phải giường chiếu tốt đẹp gì, và một ít gạo và hột bí trong hủ, chẳng phải gạo đậu ngon lành gì, và một bà vợ như phù thủy già, chẳng phải vợ hiền vợ đẹp gì. Rồi ông ta nhìn thấy một Tỳ kheo trong một tịnh xá đang ngồi dưới bóng cây, hai bàn tay đã rửa sạch sau khi đã ăn bữa trưa ngon lành, đang dành hết bản thân cho sự tu tập phần tâm bậc cao (tức thiền

định). Ông có thể nghĩ: ‘Trạng thái của sa-môn này thật đáng thích! Trạng thái sa-môn này thật lành mạnh! Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành!’ Nhưng giờ do không khả năng dẹp bỏ những thứ của mình—là một cái túp lều tồi tàn trống hoắc quạ cũng tới ở được, chẳng phải chỗ tốt đẹp gì … và một bà vợ như phù thủy già, chẳng phải vợ hiền vợ đẹp gì—nên ông ta không khả năng cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Giờ nếu có ai nói rằng: ‘Những sợi dây trói buộc—một cái túp lều tồi tàn trống hoắc quạ cũng tới ở được, chẳng phải chỗ tốt đẹp gì … và một bà vợ như phù thủy già, chẳng phải vợ hiền vợ đẹp gì—đối với ông ta sợi dây đó là yếu, yếu ớt, đang mục nát, không gì chắc.’ Người đó nói có đúng không?” “Không, thưa Thế Tôn. Những sợi dây trói buộc—một cái túp lều tồi tàn trống hoắc quạ cũng tới ở được, chẳng phải chỗ tốt đẹp gì … và một bà vợ như phù thủy già, chẳng phải vợ hiền vợ đẹp gì—đối với ông ta sợi dây đó là chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch.” (khó dẹp bỏ được) “Cũng giống như vậy, này Udāyin, có mấy con người lầm lạc ở đây, khi ta nói ‘Hãy dẹp bỏ điều này’ … họ không dẹp bỏ điều đó và họ tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu- tập. Đối với họ điều (được khuyên bỏ) này trở nên như một sợi dây chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch. 12. “Này Udāyin, ví dụ có một gia chủ [hay con trai ông ta] giàu có, nhiều của cải và tài sản, có rất nhiều vàng thỏi, rất nhiều kho lúa, rất nhiều ruộng đồng, rất nhiều đất đai, rất nhiều vợ, và rất nhiều nô lệ nam và nữ. Rồi ông ta nhìn thấy một Tỳ kheo trong một tịnh xá đang ngồi dưới bóng cây, hai bàn tay đã rửa sạch sau khi đã ăn bữa trưa ngon lành, đang dành hết bản thân cho sự tu tập phần tâm bậc cao (tức thiền định). Ông có thể nghĩ: ‘Trạng thái của sa-môn này thật đáng thích! Trạng thái sa-môn này thật lành mạnh! Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và

từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành!' Và giờ có khả năng dẹp bỏ những thứ của mình—là nhiều thứ của cải và tài sản … và rất nhiều nô lệ nam và nữ—nên ông ta có khả năng cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Giờ nếu có ai nói rằng: 'Những sợi dây trói buộc ông ta—nhiều của cải và tài sản … và rất nhiều nô lệ nam và nữ—đối với ông ta sợi dây đó là chắc, to cứng, dai, không mục đứt, và giống như một cái ách nặng chịch.' Người đó nói có đúng không?" "Không, thưa Thế Tôn. Những sợi dây trói buộc—nhiều của cải và tài sản … và rất nhiều nô lệ nam và nữ—đối với ông ta sợi dây đó là yếu, yếu ớt, đang mục nát, không gì chắc." (dễ dẹp bỏ). "Cũng giống như vậy, này Udāyin, có những người họ tộc ở đây, khi ta nói 'Hãy dẹp bỏ điều này' … họ dẹp bỏ điều đó và họ không tỏ thái độ vô lễ đối với ta cũng như đối với những Tỳ kheo khác mong muốn tu-tập. Sau khi đã dẹp bỏ điều đó, họ sống thư thái an ổn, sống nhờ những bố thí những người khác, với một cái tâm [vô tư] như tâm con nai rừng. Đối với họ, điều (được khuyên bỏ) đó chỉ như một sợi dây yếu, yếu ớt, đang mục nát, không gì chắc. (dễ dẹp bỏ). 13. "Này Udāyin, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?683 14. (1) "Ở đây, này Udāyin, có người thực hành phương cách để dẫn tới sự dẹp bỏ những sự thu-nạp (sanh y; sự thu nhập), để dẫn tới sự từ bỏ những sự thu-nạp.684 Khi người đó đang thực hành phương cách này, những ký ức và những ý định nối kết với những sự thu-nạp này bám riết người đó. Người đó để mặc chúng; người đó không dẹp bỏ chúng, không loại bỏ chúng, không trừ khử chúng, không hủy diệt chúng. Ta gọi người như vậy là bị gông cùm, không phải không bị gông cùm. Vì sao vậy? Vì ta đã biết sự đa-dạng (khác biệt) riêng của các căn trong người này. 15. (2) "Ở đây, này Udāyin, có người thực hành phương cách này để dẫn tới sự dẹp bỏ những sự thu-nạp, để dẫn tới sự từ bỏ những sự thu-nạp.

Khi người đó thực hành phương cách này, những ký ức và ý định nối kết với những sự thu-nạp bám riết người đó. Nhưng người đó không để mặc chúng; người đó dẹp bỏ chúng, loại bỏ chúng, trừ khử chúng, hủy diệt chúng. Ta gọi người như vậy là không bị gông cùm, không phải bị gông cùm. Vì sao vậy? Vì ta đã biết sự đa-dạng riêng của các căn trong người này.685 16. (3) "Ở đây, này Udāyin, có người thực hành phương cách này để dẫn tới sự dẹp bỏ những sự thu-nạp, để dẫn tới sự từ bỏ những sự thu-nạp. Khi người đó thực hành phương cách này, những ký ức và ý định nối kết với những sự thu-nạp bám riết người đó vào lúc này lúc khác thông qua những lần rớt chánh-niệm. Sự chánh-niệm của người đó có thể chậm khởi sinh, nhưng (khi nó khởi sinh) người đó nhanh chóng dẹp bỏ chúng, loại bỏ chúng, trừ khử chúng, hủy diệt chúng.686 Giống như một hay hai giọt nước rớt xuống một dĩa sắt đã được nung nóng cả ngày, sự rớt xuống có thể chậm nhưng (khi chạm tới dĩa sắt) chúng sẽ nhanh chóng bốc hơi cái xèo và biến mất. Cũng giống như vậy, ở đây có người thực hành phương cách này … Sự chánh-niệm của người đó có thể chậm khởi sinh, nhưng (khi nó khởi sinh) người đó nhanh chóng dẹp bỏ chúng, loại bỏ chúng, trừ khử chúng, hủy diệt chúng. Ta gọi người như vậy là bị gông cùm, không phải không bị gông cùm. Vì sao vậy? Vì ta đã biết sự đa-dạng riêng của các căn trong người này. 17. (4) "Ở đây, này Udāyin, có người, sau

khi hiểu được sự thu-nạp là gốc rễ của mọi sự khổ, rút lui bản thân khỏi những sự thu-nạp, và được giải-thoát trong sự tiêu diệt sự thu-nạp (diệt sanh y). Ta gọi người như vậy là không bị cùm, không bị gông-cùm.687 Vì sao vậy? Vì ta đã biết sự đa- dạng riêng của các căn trong người này. 18. “Này Udāyin, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận

biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. 19. “Bây giờ, này Udāyin, sự sướng (lạc) và vui (hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan thì được gọi là khoái-lạc giác quan (dục lạc)—đó là loại khoái-lạc phàm tục, thô tục, và không thánh thiện. Ta nói rằng loại khoái-lạc này không nên được theo đuổi, rằng nó không nên được tu tập, rằng nó không nên được tu dưỡng, rằng nó nên được sợ-hãi. 20. “Ở đây, này Udāyin: (i) ‘Tách ly hoàn toàn khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư … 21. “Đây được gọi là niềm hạnh-phúc của sự từ-bỏ, niềm hạnh-phúc của sự tách-ly, niềm hạnh-phúc của sự bình-an, niềm hạnh-phúc của sự giác-ngộ.688 Ta nói rằng loại hạnh-phúc này là nên được theo đuổi, rằng nó nên được tu tập, rằng nó nên được tu dưỡng, rằng không nên sợ nó. 22. “Ở đây, này Udāyin: (i) ‘Tách ly hoàn toàn khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … Giờ trạng thái này, ta nói, vẫn thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển (còn lay chuyển, động vọng).689 Và cái gì trong đó thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển? Đó là ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ, sự soi xét) chưa chấm dứt trong đó, đó là thứ thuộc về loại trạng thái còn động chuyển. 23. “Ở đây, này Udāyin: (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị

thiền) … Giờ trạng thái này, ta nói, vẫn thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển. Và cái gì trong đó thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển? Đó là sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) chưa chấm dứt trong đó, đó là thứ thuộc về loại trạng thái còn động chuyển. 24. “Ở đây, này Udāyin: (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … Giờ trạng thái này, ta nói, vẫn thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển. Và cái gì trong đó thuộc về loại trạng thái còn bị động chuyển? Đó là sự hạnh-phúc của sự buông-xả (lạc trú xả) chưa chấm dứt trong đó, đó là thứ thuộc về loại trạng thái còn động chuyển. 25.

“Ở đây, này Udāyin: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một Tỳ kheo người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Giờ trạng thái này, ta nói, là thuộc loại trạng thái không còn động chuyển (bất động, bất lay động). 26. “Ở đây, này Udāyin: (i) ‘Tách ly hoàn toàn khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … Ta nói, (Nhất thiền) đó là chưa đủ.690 Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 27. “Ở đây, này Udāyin: (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (Nhị thiền) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (Nhị thiền) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 28. “Ở đây, này Udāyin: (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền). (Tam thiền) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (Tam thiền) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó?

29. “Ở đây, này Udāyin: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một Tỳ kheo một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … (Tứ thiền) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (Tứ thiền) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 30. “Ở đây, này Udāyin: (v) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận- thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va- chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên (không vô biên xứ).’ (Không vô biên xứ) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (không vô biên xứ) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 31. “Ở đây, này Udāyin: (vi) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ).’ (Thức vô biên xứ) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (thức vô biên xứ) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 32. “Ở đây, này Udāyin: (vii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ).’ (Vô sở hữu xứ) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (vô sở hữu xứ) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó? 33. “Ở đây, này Udāyin: (viii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ).’ (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) đó vượt qua nó. Nhưng ta nói, (phi tưởng phi phi tưởng xứ) đó vẫn chưa đủ. Ta nói, hãy bỏ nó đi; ta nói, hãy vượt qua nó. Và cái gì (trạng thái nào) vượt qua nó?

34. “Ở đây, này Udāyin: (ix) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng).’691 (Diệt thọ tưởng) vượt qua nó. Như vậy, ta nói, ngay cả phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng dẹp bỏ. Này Udāyin, vậy thầy có thấy còn gông-cùm nhỏ hay lớn nào mà ta chưa nói thầy hãy dẹp bỏ không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Udāyin hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

67. KINH Ở CĀTUMĀ (Cātumā Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Cātumā trong một vườn cây chiêu liêu (cây bàng hôi).

2. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm Tỳ kheo được dẫn đầu bởi ngài Xá- lợi-phất và ngài Đại Mục-kiền-liên đã đến Cātumā để gặp đức Thế Tôn. Trong khi những Tỳ kheo đến thăm đang chào hỏi qua lại với các Tỳ kheo đang cư trú ở đó, và trong khi họ đang chuẩn bị chỗ nghỉ và xếp dọn bình bát và cà sa qua một bên, họ rất lớn tiếng và ồn ào.

3. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Ngài Ānanda như vầy: “Này Ānanda, ai là những người lớn tiếng và ồn ào như vậy? Người ta có thể nghĩ họ là những người đang ngư dân đang la hô bán cá.”692 “Thưa Thế Tôn, họ là năm trăm Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên đã đến Cātumā để gặp đức Thế Tôn. Và trong khi những Tỳ kheo đến thăm đang chào hỏi qua lại với các Tỳ kheo đang cư trú ở đó, và trong khi họ đang chuẩn bị chỗ nghỉ và xếp dọn bình bát và cà sa qua một bên, họ rất lớn tiếng và ồn ào.”

4. “Vậy, này Ānanda, hãy đến nhân danh ta nói với những Tỳ kheo đó rằng Sư Thầy cho gọi các thầy.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đi đến chỗ những Tỳ kheo đó và nói với họ: “Sư Thầy mới cho gọi các thầy.” “Dạ được, thưa đạo hữu”, họ đáp lại, và họ đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi xong, đức Thế Tôn mới hỏi họ: “Này các Tỳ kheo, vì sao các thầy lớn tiếng và ồn ào như vậy? Người ta có thể nghĩ các thầy là những ngư dân đang la hô bán cá.” “Thưa Thế Tôn, chúng có gồm năm trăm Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, chúng con mới đến Cātumā để

gặp đức Thế Tôn. Và trong khi chúng con là những Tỳ kheo đến thăm đang chào hỏi qua lại với các Tỳ kheo đang cư trú ở đó, và trong khi đang chuẩn bị chỗ nghỉ và xếp dọn bình bát và cà sa qua một bên, chúng con đã rất lớn tiếng và ồn ào.”

5. “Này các Tỳ kheo, hãy đi đi, ta đuổi các thầy đó. Các thầy không nên sống gần chỗ ta.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại, và họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, họ để lại các thứ thuộc những chỗ trú đó, và lấy bình bát và cà sa, họ rời khỏi đó.

6. Bấy giờ, lúc đó có những người họ Thích-Ca (Sakya) ở Cātumā đã tụ họp trong hội trường của họ vì công việc làm ăn hay này nọ. Sau khi nhìn thấy những Tỳ kheo đang đi đến từ xa, họ ra gặp họ và hỏi: "Thưa các thầy, các thầy đi đâu vậy?" "Này các đạo hữu, Đoàn Tỳ kheo này đã bị đức Thế Tôn đuổi đi." "Vậy quý thầy hãy ngồi xuống đây chút đã. Có lẽ chúng ta sẽ có thể lấy lại lòng tin của đức Thế Tôn." "Dạ, thưa các đạo hữu", họ đáp lại.

7. Rồi những người họ Thích-Ca ở Cātumā đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn ưa thích Đoàn Tỳ kheo đó; thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đón tiếp Đoàn Tỳ kheo đó; thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn giờ hãy giúp đỡ Đoàn Tỳ kheo đó giống như đức Thế Tôn đã từng giúp đỡ Tăng Đoàn trước giờ. Thưa Thế Tôn, ở đây có những Tỳ kheo mới, họ vừa mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không có cơ hội gặp đức Thế Tôn, có thể xảy ra những thay đổi hay biến đổi trong họ (như nản chí, bỏ tu). Thưa Thế Tôn, giống như những cây chồi non nếu không gặp nước thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong chúng (như khô héo, chết đi); cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, ở đây có những Tỳ kheo mới, họ vừa mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới

Luật này. Nếu họ không có cơ hội gặp đức Thế Tôn, có thể xảy ra những thay đổi hay biến đổi trong họ. Thưa Thế Tôn, giống như một con bò non khi không gặp được mẹ nó thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong nó (như lạc đường, gặp nguy hiểm); cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, ở đây có những Tỳ kheo mới, họ vừa mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không có cơ hội gặp đức Thế Tôn, có thể xảy ra những thay đổi hay biến đổi trong họ. Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn ua thích Đoàn Tỳ kheo đó; thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đón tiếp Đoàn Tỳ kheo đó; thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giúp đỡ Đoàn Tỳ kheo đó như đức Thế Tôn đá từng giúp Tăng Đoàn trước giờ."

8. Rồi vị trời Brahmā Sahampati693 bằng tâm mình biết được ý-nghĩ trong tâm của đức Thế Tôn, nên nhanh như một người khỏa mạnh duỗi hay co cánh tay, vị trời biến mất khỏi cõi trời Brahma (Phạm thiên) và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Rồi vị trời xếp lại phần y trên một vai, chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn, và thưa:

9. "Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn ưa thích Đoàn Tỳ kheo đó; thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn đón tiếp Đoàn Tỳ kheo đó … [như trên] … như đức Thế Tôn đã từng giúp đỡ Tăng Đoàn trước giờ."

10. Những người họ Thích-Ca ở Cātumā và vị trời Brahmā Sahampati đã có thể lấy lại lòng tin của Thế Tôn bằng ví dụ những cây chồi non và con bò non.

11. Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các đạo hữu, hãy đứng dậy, mang theo bình bát và cà sa. Lòng tin của đức Thế Tôn đã được phục hồi bởi những người họ Thích-Ca ở Cātumā và vị trời Brahmā Sahampati bằng ví dụ những cây chồi non và con bò tơ."

12. “Dạ, thưa đạo hữu”, họ đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, mang theo bình bát và cà sa, họ đến chỗ đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới hỏi thầy Xá-lợi- phất: “Này Xá-lợi-phất, thầy đã nghĩ sao khi Đoàn Tỳ kheo đó bị ta đuổi đi?”

“Thưa Thế Tôn, con nghĩ như vầy: ‘Đoàn Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn đuổi đi. Đức Thế Tôn giờ sẽ an trú không làm gì, dành hết cho sự an trú lạc trú tại đây và bây giờ, và chúng con giờ cũng sẽ an trú không làm, dành hết cho sự an trú lạc trú tại đây và bây giờ.’” “Thôi đi Xá-lợi-phất, thôi đi! Thầy không nên dung dưỡng ý nghĩ như vậy thêm lần nào nữa.”694

13. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy Đại Mục-kiền-liên: “Này Mục-kiền- liên, thầy đã nghĩ sao khi Đoàn Tỳ kheo đó bị ta đuổi đi?” “Thưa Thế Tôn, con nghĩ như vầy: ‘Đoàn Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn đuổi đi. Đức Thế Tôn giờ sẽ an trú không làm gì, dành hết cho sự an trú lạc trú tại đây và bây giờ, và giờ thầy Xá-lợi-phất và con sẽ coi ngó Đoàn Tỳ kheo.’” “Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên! Hoặc ta sẽ coi ngó Tăng Đoàn, hoặc Xá- lợi-phất hay Mục-kiền-liên sẽ coi ngó Tăng Đoàn.”

14. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự sợ-hãi được trông chờ bởi những người lội xuống nước.695 Bốn đó là gì? Đó là: sự sợ sóng nước, sự sợ cá sấu, sự sợ nước xoáy, và sự sợ cá mập. Đây là bốn loại sự sợ-hãi có thể được trông chờ bởi người lội xuống nước.

15. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn loại sự sợ-hãi có thể được trông chờ bởi những người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và Giới Luật này. Bốn đó là gì? Đó là: sự sợ-hãi như sợ sóng nước, sự sợ-hãi như sợ cá sấu, sự sợ-hãi như sợ nước xoáy, và sự sợ-hãi như sợ cá mập.

16. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sợ-hãi như sợ sóng nước? Ở đây có người họ tộc đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã biết suy xét: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); tôi là một nạn nhân của khổ, là một con

mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được, có thể chứng ngộ được].’ Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những đồng đạo trong đời sống tâm linh khuyên bảo (giáo giới, khởi xướng) và chỉ dạy người đó như vầy: ‘Thầy nên đi tới và đi lui như vầy; thầy nên nhìn trước và nhìn ngang như vầy; thầy nên co và duỗi tay chân như vầy; thầy nên mặc cà-sa may nhiều mảnh (từ vải cắt hay giẻ rách), mang bình bát và cà sa như vầy.’ Rồi người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi ta còn sống tại gia, ta đã khuyên bảo và chỉ dạy những người khác, rồi giờ những người [những Tỳ kheo] này nghĩ rằng họ có thể khuyên bảo và chỉ dạy ta, trong khi trông họ chỉ giống như con cháu của ta.’ (Vì thấy như: trứng mà dạy vịt, con

nít mà dạy người lớn). Và do vậy người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Người đó được gọi là người đã bỏ tu hoàn tục bởi vì người đó thấy sợ-hãi như sợ sóng nước. “Sự sợ-hãi như sợ sóng nước” là cách nói để chỉ (sự sợ-hãi đối với) sự tức-giận và bực-mình (vì ý nghĩ mình bị những Tỳ kheo nhỏ tuổi hơn khuyên dạy này nọ).

17. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sợ-hãi như sợ cá sấu? Ở đây có người họ tộc đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã biết suy xét: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được, có thể chứng ngộ được].’ Rồi, sau khi đã xuất gia như vậy, những đồng đạo trong đời sống tâm linh khuyên bảo và chỉ dạy người đó như vầy: ‘Thứ này thầy dùng được, thứ kia không được dùng; thứ này thầy ăn được, thứ kia không được ăn; thứ này thầy nếm được, thứ kia không được nếm; thứ này thầy uống được; thứ kia không được uống.696 Thầy có thể dùng thứ nào được cho phép, thầy không thể dùng thứ gì không được cho phép; thầy có thể ăn thứ nào được cho phép, thầy không thể ăn thứ gì không được cho phép; thầy có thể nếm thứ nào được cho phép, thầy không thể nếm thứ gì không được cho phép; thầy có thể uống

thứ nào được cho phép, thầy không thể uống thứ gì không được cho phép. Thầy có thể dùng thức ăn trong thời gian quy định, thầy không thể dùng thức ăn ngoài thời gian quy định (phi thời); thầy có thể ăn thức ăn trong thời gian quy định, thầy không thể ăn thức ăn ngoài thời gian quy định; thầy có thể nếm thức ăn trong thời gian quy định, thầy không thể nếm thức ăn ngoài thời gian quy định; thầy có thể uống trong thời gian quy định, thầy không thể uống ngoài thời gian quy định.’697 “Rồi người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi ta còn sống tại gia, ta dùng … ăn … nếm … uống bất cứ thứ gì ta thích và không dùng … ăn … nếm … uống thứ gì ta không thích. Ta dùng … ăn … nếm … uống bất cứ thứ gì dù được cho phép hay không được cho phép. Ta dùng … ăn … nếm … uống bất cứ thứ gì dù đúng giờ hay ngoài giờ. Rồi giờ, khi những gia chủ có niềm-tin bố thí nhiều loại thức ăn tốt trong ngày mà ngoài giờ quy định, nhưng những người [những Tỳ kheo] này cứ như bịt miệng ta không cho ăn.’ Và do vậy người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Người đó được gọi là người đã bỏ tu hoàn tục bởi vì người đó thấy sợ-hãi như sợ cá sấu. “Sự sợ-hãi như sợ cá sấu” là cách nói để chỉ sự ham ăn ham uống.

18. (3) “Này các Tỳ kheo, cái gì là sự sợ-hãi như sợ nước xoáy? Ở đây có người họ tộc đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã biết suy xét: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được, có thể chứng ngộ được].’ Rồi, sau khi đã xuất gia như vậy, vào mỗi buổi sáng người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thôn làng hay thị trấn để khất thực với thân không được phòng hộ, với lời- nói không được phòng hộ, với sự chánh-niệm không được thiết lập, và với các căn cảm-nhận không được kiềm chế.

Người đó nhìn thấy gia chủ [hay con trai ông ta] có và được chu cấp với đủ năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) đang thụ hưởng bản thân với chúng. Người đó suy xét như vầy: 'Trước kia, khi còn sống tại gia, ta cũng có và được chu cấp đủ năm dây

khoái-lạc giác quan (dục lạc) và ta thụ hưởng bản thân với chúng. Giờ gia đình ta có sự giàu có; vậy ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có và vừa làm việc công đức.' Và do vậy người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Người đó được gọi là người đã bỏ tu hoàn tục bởi vì người đó thấy sợ-hãi như sợ nước xoáy. "Sự sợ-hãi như sợ nước xoáy" là cách nói để chỉ năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc).

19. (4) "Này các Tỳ kheo, cái gì là sự sợ-hãi như sợ cá mập? Ở đây có người họ tộc đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, họ đã biết suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm- dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được, có thể chứng ngộ được].' Rồi, sau khi đã xuất gia như vậy, vào mỗi buổi sáng người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô trong làng hay thị trấn để khất thực với thân không được phòng hộ, với lời-nói không được phòng hộ, với sự chánh-niệm không được thiết lập, và với các căn cảm-nhận không được kiềm chế. Người đó nhìn thấy một phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh và hở hang. Khi người đó nhìn thấy một phụ nữ như vậy, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Vì tâm người đó bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Người đó được gọi là người đã bỏ tu hoàn tục bởi vì người đó thấy sợ-hãi như sợ cá mập. "Sự sợ-hãi như sợ cá mập" là cách nói để chỉ phụ-nữ.

20. "Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự sợ-hãi có thể được trông chờ bởi những người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và Giới Luật này." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

68. KINH Ở NAḶAKAPĀNA (Naḷakapāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Kosala (Kiều-tất-la), ở Naḷakapāna, trong khu rừng Palāsa.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có những người họ tộc rất nổi tiếng vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành dưới đức Thế Tôn—ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), ngài Nandiya, ngài Kimbila, ngài Bhagu, ngài Kuṇḍadhāna, ngài Revata, ngài Ānanda, và những người họ tộc rất nổi tiếng khác.

3. Và lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi giữa xung quanh là Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Rồi, khi nói về những người họ tộc đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, những người họ tộc đó vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành dưới ta—họ có ưa thích đời sống tâm linh không?" Sau khi điều

này được hỏi, các Tỳ kheo im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba, khi nói về những người họ tộc đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, những người họ tộc đó vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành dưới ta—họ có ưa thích đời sống tâm linh không?” Lần thứ hai và lần thứ ba, các Tỳ kheo vẫn im lặng.

4. Rồi đức Thế Tôn đã suy xét như vầy: “Hay ta hỏi thẳng những người họ tộc đó?” Rồi đức Thế Tôn đã hỏi thầy A-nậu-lâu-đà như vầy: “Này A-nậu-lâu- đà, tất cả các thầy có ưa thích đời sống tâm linh không?” “Chắc chắn có, thưa Thế Tôn, chúng con ưa thích đời sống tâm linh.”

5. “Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà! Điều đó là đúng đắn đối với tất cả các thầy là những người vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời

sống xuất gia tu hành ưa thích đời sống tâm linh. Khi các thầy vẫn còn là những người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời, có thể say đắm trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), nhưng các thầy đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Không phải bởi do vua chúa ép các thầy phải xuất gia, hay do phường trộm cướp ép, hay do bị nợ nần, sợ hãi, hay chỉ do muốn (đi tu) để kiếm sống. Thay vì vậy, có phải các thầy vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành sau khi đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được, có thể chứng ngộ được]’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

6. “Này A-nậu-lâu-đà, những gì cần phải được làm bởi một người đã xuất gia như vậy? (1) Trong thời gian khi người đó vẫn chưa đạt được yếu tố hỷ [hoan-hỷ] và lạc [hạnh phúc] có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, và cũng chưa đạt tới trạng thái nào bình-an hơn đó,698 thì: sự thèm-khát (tham dục) xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự ác-ý xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự bất-an và hối-tiếc xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự nghi-ngờ xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự bất-mãn (không biết hài lòng) xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó, sự mệt-mỏi xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó. Điều đó xảy ra như vậy trong thời gian người đó vẫn chưa đạt được yếu tố hỷ và lạc có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan và tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, và cũng chưa đạt tới trạng thái nào bình-an hơn đó. (2) Sau khi người đó đạt được yếu tố hỷ và lạc có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan và tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay trạng thái nào bình-an hơn đó, thì: sự thèm-khát (tham dục) không xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó; sự ác-ý … sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … sự

bất-an và hối-tiếc … sự nghi-ngờ … sự bất-mãn … sự mệt-mỏi không xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó. Điều đó xảy ra như vậy sau khi người đó đạt được yếu tố hỷ và lạc có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan và tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay trạng thái nào bình-an hơn đó.

7. “Rồi, này A-nậu-lâu-đà, có phải tất cả các thầy đã nghĩ về ta theo cách này: ‘Như Lai chưa trừ bỏ “những ô-nhiễm vốn làm ô nhiễm, đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai”. Đó là lý do tại sao Như Lai sử-dụng một thứ sau khi đã quán chiếu, chịu-đựng một thứ khác sau khi quán chiếu, tránh-né một thứ khác sau khi quán chiếu, và trừ-bỏ một thứ khác sau khi quán chiếu’?”699 “Không phải, thưa Thế Tôn, chúng con không nghĩ về Thế Tôn theo cách đó. Chúng con nghĩ về Thế Tôn theo cách này: ‘Như Lai đã trừ bỏ “những ô-nhiễm vốn làm ô nhiễm, đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai”. Đó là lý do tại sao Như Lai sử-dụng một thứ sau khi đã quán chiếu, chịu- đựng một thứ khác sau khi quán chiếu, tránh-né một thứ khác sau khi quán chiếu, và trừ-bỏ một thứ khác sau khi quán chiếu’.” “Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà! Như Lai đã trừ bỏ “những ô-nhiễm vốn làm ô nhiễm, đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai”; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Giống như một cây cọ đã bị chặt đứt ngang phần trên; cũng giống như vậy, Như Lai đã trừ bỏ “những ô- nhiễm vốn làm ô nhiễm … đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai.

8. “Này A-nậu-lâu-đà, thầy nghĩ sao? Khi một đệ tử qua đời Như Lai tuyên bố về sự tái sinh của người đó: ‘Người đó đã tái sinh trong một nơi

như vầy …’, Như Lai tuyên bố như vậy là vì [nhìn thấy] mục đích gì?”700 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

9. “Này A-nậu-lâu-đà, khi một đệ tử qua đời Như Lai tuyên bố về sự tái sinh của người đó như vầy như vậy không phải vì mục đích để lừa gạt người khác hay vì mục đích tâng bốc người khác hay vì mục đích có được ‘lợi, vinh, danh’, hay vì ý nghĩ ‘để mọi người biết về ta là vầy là vậy’. Mà vì để cho những người họ tộc thành tín được cảm hứng và được làm hoan hỷ bởi những điều cao quý, khi họ nghe được điều đó, họ sẽ hướng tâm họ tới trạng thái như vậy, và điều đó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.

10. (a) “Ở đây, một Tỳ kheo B nghe được như vầy: ‘Tỳ kheo tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy đó: “Thầy đó đã được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (A-la-hán)”’.701 Và Tỳ kheo B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo A: ‘Đức-hạnh của thầy đó là như vầy, trạng thái [thiền định] của thầy đó là như vậy,

trí-tuệ của thầy đó là như vậy, sự an trú [trong sự chứng đắc] của thầy đó là như vậy, sự giải- thoát của thầy đó là như vậy.' Sau khi tưởng nhớ lại niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của Tỳ kheo A, Tỳ kheo B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một Tỳ kheo B có sự an trú thư thái.

11. (b) "Ở đây, một Tỳ kheo B nghe được như vầy: 'Tỳ kheo tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy đó: "Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), thầy đó đã tự động tái sinh [trong một trong năm Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát niết-bàn) chứ không còn quay lại thế gian từ cõi đó nữa."' Và Tỳ kheo B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo A ... Tỳ kheo B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo

cách này một Tỳ kheo B có sự an trú thư thái.

12. (c) "Ở đây, một Tỳ kheo B nghe được như vầy: 'Tỳ kheo tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy đó: "Với sự (đã) tiêu diệt ba gông- cùm thấp hơn, và đã làm giảm thiểu 'tham, sân, si', thầy đó đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại một lần nữa để làm nên sự diệt-khổ."' Và Tỳ kheo B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo A ... Tỳ kheo B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một Tỳ kheo B có sự an trú thư thái.

13. (d) "Ở đây, một Tỳ kheo B nghe được như vầy: 'Tỳ kheo tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy đó: "Với sự (đã) tiêu diệt ba gông- cùm thấp hơn, thầy đó đã trở thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi đọa đày, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình."' Và Tỳ kheo B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo A ... Tỳ kheo B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một Tỳ kheo B có sự an trú thư thái.

14. (a) "Ở đây, một Tỳ kheo ni B nghe được như vầy: 'Tỳ kheo ni tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ni đó: "Ni đó đã được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (A-la-hán)"'. Và Tỳ kheo ni B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo ni A: 'Đức-hạnh của ni đó là như vầy, trạng thái [thiền định] của ni đó là như vậy, trí-tuệ của ni đó là như vậy, sự an trú [trong sự chứng đắc] của ni đó là như vậy, sự giải-thoát của ni đó là như vậy.' Sau khi tưởng nhớ lại niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của Tỳ kheo ni A, Tỳ kheo ni B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một Tỳ kheo ni B có sự an trú thư thái.

15. (b) "Ở đây, một Tỳ kheo ni B nghe được như vầy: 'Tỳ kheo ni tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ni đó: "Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), ni đó đó đã tự động tái sinh [trong một trong năm Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) chứ không còn quay lại thế gian từ cõi đó nữa." ...

16. (c) “Ở đây, một Tỳ kheo ni B nghe được như vầy: ‘Tỳ kheo ni tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ni đó: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, và đã làm giảm thiểu ‘tham, sân, si’, ni đó đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại một lần nữa để làm nên sự diệt- khổ.” …

17. (d) “Ở đây, một Tỳ kheo ni B nghe được như vầy: ‘Tỳ kheo ni tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ni đó: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, ni đó đó đã trở thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi đọa đày, đã định xong vận mệnh, với sự giác- ngộ là đích-đến của mình.”’ Và Tỳ kheo ni B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về Tỳ kheo ni A … Tỳ kheo ni B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một Tỳ kheo ni B có sự an trú thư thái.

18. (b) “Ở đây, một nam đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nam đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ông ta như vầy: “Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), ông ta đã tự động tái sinh [trong một trong năm Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát niết-bàn) chứ không còn quay lại thế gian từ cõi đó nama.” …

19. (c) “Ở đây, một nam đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nam đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ông ta như vầy: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, và đã làm giảm thiểu ‘tham, sân, si’, ông ta đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại một lần nữa để làm nên sự diệt-khổ.” …

20. (d) “Ở đây, một nam đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nam đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ông ta như vầy: ‘Nam đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về ông ta: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, ông đó đã trở thành bậc thánh Nhập- lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi đọa đày, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình.”’ Và nam đệ tử tại gia B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về ông ta: ‘Đức-hạnh của ông ta là như

vầy, trạng thái [thiền định] của ông ta là như vậy, trí-tuệ của ông ta là như vậy, sự an trú [trong sự chứng đắc] của ông ta là như vậy, sự giải-thoát của ông ta là như vậy.’ Sau khi tưởng nhớ lại niềm-tin, giới-hạnh, sự học- hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của ông A, nam đệ tử tại gia B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một nam đệ tử tại gia B có sự an trú thư thái.

21. (b) “Ở đây, một nữ đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nữ đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về cô ta như vầy: “Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), cô ta đã tự động tái sinh [trong một trong năm Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát niết-bàn) chứ không còn quay lại thế gian từ cõi đó nữa.” …

22. (c) “Ở đây, một nữ đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nữ đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về cô ta như vầy: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, và đã làm giảm thiểu ‘tham, sân, si’, cô ta đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay

lại một lần nữa để làm nên sự diệt-khổ.” …

23. (d) “Ở đây, một nữ đệ tử tại gia B nghe được như vầy: ‘Nữ đệ tử tại gia tên A đã chết; đức Thế Tôn đã tuyên bố về cô ta như vầy: “Với sự (đã) tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn, cô đó đã trở thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi đọa đày, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình.”’Và nữ đệ tử tại gia B đã từng tự mình nhìn thấy hoặc nghe thấy về cô ta: ‘Đức-hạnh của cô ta là như vầy, trạng thái [thiền định] của cô ta là như vậy, trí-tuệ của cô ta là như vậy, sự an trú [trong sự chứng đắc] của cô ta là như vậy, sự giải-thoát của cô ta là như vậy.’ Sau khi tưởng nhớ lại niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của cô A, nữ đệ tử tại gia B hướng tâm mình tới trạng thái như vậy. Theo cách này một nữ đệ tử tại gia B có sự an trú thư thái.

24. “Như vậy, này A-nậu-lâu-đà, khi một đệ tử qua đời Như Lai tuyên bố về sự tái sinh của người đó như vầy như vậy không phải vì mục đích để

lừa gạt người khác hay vì mục đích tâng bốc người khác hay vì mục đích có được ‘lợi, vinh, danh’, hay vì ý nghĩ ‘để mọi người biết về ta là vầy là vậy’. Mà vì để cho những người họ tộc thành tín được cảm hứng và được làm hoan hỷ bởi những điều cao quý, khi họ nghe được điều đó, họ sẽ hướng tâm họ tới trạng thái như vậy, và điều đó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy A-nậu-lâu-đà hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

69. KINH GULISSĀNI (Gulissāni Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo tên là Gulissāni, là người sống tu trong rừng nhưng có hành-vi lơi lỏng (thiếu giới-hạnh), đã đến thăm và ở lại trong chỗ Tăng Đoàn vì một số công việc. Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo về Tỳ kheo Gulissāni đó như vầy:

3. (1) “Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó phải nên tôn trọng và lễ độ đối với những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Nếu người đó không tôn trọng và không lễ độ đối với những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không tôn trọng và không lễ độ đối với những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn phải nên tôn trọng và lễ độ đối với những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh.

4. (2) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó phải nên thiện khéo trong hành-vi tốt đối với những chỗ ngồi như vầy:

‘Tôi sẽ ngồi theo một cách để không chen lấn các Tỳ kheo trưởng lão và không từ chối nhường chỗ ngồi cho các Tỳ kheo mới.’ Nếu người đó không thiện khéo trong hành-vi tốt đối với những chỗ ngồi như vậy, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn thậm chí không biết cái gì là

hành-vi tốt đối với những chỗ ngồi như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn phải nên thiện khéo trong hành-vi tốt đối với những chỗ ngồi.

5. (3) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó không nên đi vô làng quá sớm hay trở về quá trễ [trong ngày]. Nếu người đó đi vô làng quá sớm và trở về quá trễ, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn đi vô làng quá sớm và trở về quá trễ như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn không nên đi vô làng quá sớm và trở về quá trễ.

6. (4) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó không nên ghé thăm (giao lưu) những gia đình trước bữa ăn hay sau bữa ăn (của họ).702 Nếu người đó ghé đến những gia đình trước hay sau bữa ăn, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn quen thói ghé đến những gia đình vào những lúc không đúng quy định (phi thời), cứ như vậy từ lúc đến chỗ Tăng Đoàn?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn không nên ghé đến những gia đình trước hay sau bữa ăn.

7. (5) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó không nên bất an (trạo cữ) và lăng xăng. Nếu người đó bất an và lăng xăng, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn bất an và lăng xăng, cứ như vậy từ lúc đến chỗ Tăng Đoàn?’ Vì sẽ có những người nói

điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn không nên bất an và lăng xăng.

8. (6) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó không nên tán gẫu và nói lung tung. Nếu người đó tán gẫu và nói lung tung, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn tán gẫu và nói năng lung tung như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người

như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn không nên tán gẫu và nói lung tung.

9. (7) “Khi một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn, người đó nên là người dễ được sửa sai (dễ khuyên bảo) và nên giao lưu với những đạo hữu tốt. Nếu người đó là khó được sửa sai (khó khuyên bảo) và giao lưu với những đạo hữu xấu, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn khó được sửa sai và giao lưu với những đạo hữu xấu như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn nên là người dễ được sửa sai và giao lưu với những đạo hữu tốt.

10. (8) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác quan, sáu căn). Nếu người đó không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không biết phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn nên biết phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

11. (9) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên tiết độ trong ăn uống. Nếu người đó không tiết độ trong ăn uống, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không biết tiết độ trong ăn uống như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng khi đến chỗ Tăng Đoàn và đang ở trong Tăng Đoàn nên tiết độ trong ăn uống.

12. (10) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên tận tụy (dành hết thời gian) vì sự tỉnh-thức. Nếu người đó không tận tụy vì sự tỉnh-thức, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không tận tụy vì sự tỉnh-thức?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên tận tụy vì sự tỉnh-thức.

13. (11) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên nỗ-lực tu tập (tinh tấn). Nếu người đó không nỗ-lực, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không nỗ-lực tu tập?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên nỗ-lực tu tập.

14. (12) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên được thiết lập trong sự chánh-niệm. Nếu người đó không có chánh-niệm, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không có chánh-niệm?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người

như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên được thiết lập trong sự chánh-niệm.

15. (13) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên thiền đạt-định. Nếu người đó không đạt-định, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà

ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn không thiền đạt-định?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên đạt-định.

16. (14) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên có trí. Nếu người đó vô trí, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn vô trí như vậy?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên có trí.

17. (15) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo Giáo Pháp bậc cao và Giới Luật bậc cao.703 Có những Tỳ kheo sẽ hỏi một Tỳ kheo sống tu trong rừng câu hỏi về Giáo Pháp bậc cao và Giới Luật bậc cao. Nếu khi được hỏi, người đó không trả lời được, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn khi được hỏi câu hỏi về Giáo Pháp bậc cao và Giới Luật bậc cao thì ông ấy không trả lời được?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo Giáo Pháp bậc cao và Giới Luật bậc cao.

18. (16) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc (sắc giới).704 Có những Tỳ kheo sẽ hỏi một Tỳ kheo sống tu trong rừng câu hỏi về sự giải-thoát bình an và vô sắc, vượt trên những thể sắc. Nếu khi được hỏi, người đó không trả lời được, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn khi được hỏi câu hỏi về sự giải-thoát bình an và vô sắc, vượt trên những thể sắc thì ông ấy không trả lời được?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc.

19. (17) “Một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo

trạng thái siêu nhân. Có những Tỳ kheo sẽ hỏi một Tỳ kheo sống tu trong rừng câu hỏi về trạng thái siêu nhân. Nếu khi được hỏi, người đó không trả lời được, thì sẽ có những người nói về người đó: ‘Ông thầy sống tu trong rừng này đã chứng đắc tới gì bằng sự ở một mình trong rừng, mà ở đây cứ tự ý làm gì thì làm, còn khi được hỏi câu hỏi về trạng thái siêu nhân thì ông ấy không trả lời được?’ Vì sẽ có những người nói điều này về người như vậy, cho nên một Tỳ kheo sống tu trong rừng nên áp dụng bản thân theo

trạng thái siêu nhân.”705

20. Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên đã hỏi thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, những điều này chỉ nên được đảm nhận và tu tập bởi những Tỳ kheo sống tu trong rừng hay bởi cả những Tỳ kheo sống tu gần thôn làng?” “Này đạo hữu Mục-kiền-liên, những điều này nên được đảm nhận và tu tập bởi những Tỳ kheo sống tu trong rừng, vậy chúng càng phải nên được đảm nhận và tu tập bởi những Tỳ kheo sống tu gần thôn làng.”

70. KINH Ở KĪṬĀGIRI (Kīṭāgiri Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kāsi cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

2. “Này các Tỳ kheo, ta kiêng ăn buổi tối. Nhờ làm vậy, ta không bị bệnh và đau, và ta hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái. Này các Tỳ kheo, hãy kiêng ăn buổi tối. Nếu làm vậy, các thầy cũng sẽ không bị bệnh và đau, và các thầy hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái.”706 “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại.

3. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đang đi du hành qua nhiều chặng ở xứ dân Kāsi, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến một thị trấn của người Kāsi được gọi là thị trấn Kīṭāgiri. Ở đó, đức Thế Tôn đã trú ở trong thị trấn Kīṭāgiri này của người Kāsi.

4. Bấy giờ, vào lúc đó có những Tỳ kheo theo (Tỳ kheo) Assaji và (Tỳ kheo) Punabbasuka cũng đang ở Kīṭāgiri.707 Rồi một số Tỳ kheo đó đã đến gặp họ và nói với họ: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn và Tăng Đoàn những Tỳ kheo giờ đã kiêng ăn buổi tối. Nhờ làm vậy, họ không bị bệnh và đau, và họ hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái. Này các đạo hữu, hãy kiêng ăn buổi tối. Nếu làm vậy, các thầy cũng sẽ không bị bệnh và đau, và các thầy hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái.” Sau khi điều này được nói ra, những Tỳ kheo theo Assaji và Punabbasuka đã nói lại với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, chúng tôi ăn buổi chiều, ăn buổi sáng, và ăn trong ngày ngoài giờ quy định. Nhờ làm vậy, chúng tôi không bị bệnh và đau, và chúng tôi hưởng được sự nhẹ nhàng, sức mạnh, và sự an trú thoải mái. Vậy tại sao chúng tôi phải dẹp bỏ [một ích lợi] nhìn thấy được ngay tại đây và bây giờ để theo đuổi [một ích lợi nào đó] chỉ đạt được trong tương lai? Chúng tôi sẽ

ăn buổi chiều, ăn buổi sáng, và ăn trong ngày ngoài thời gian quy định.”

5. Vì những Tỳ kheo không thể thuyết phục được những Tỳ kheo theo Assaji và Punabbasuka, nên họ đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và kể lại tất cả chuyện đã xảy ra, và nói thêm: “Thưa Thế Tôn, vì chúng con không thể nào thuyết phục những Tỳ kheo theo Assaji và Punabbasuka, nên chúng con mới báo lại vấn đề này với đức Thế Tôn.”

6. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với số Tỳ kheo đi theo Assaji và Punabbasuka rằng Sư Thầy cho gọi họ.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến chố số Tỳ kheo theo Assaji và Punabbasuka, và nói họ: “Này các đạo hữu, Sư Thầy mới cho gọi các thầy.” “Được, này đạo hữu”, họ đáp lại, và họ đi đến chỗ đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ: “Này các Tỳ kheo, có đúng thật là khi có những Tỳ kheo đến gặp và nói với các thầy: ‘Này các đạo hữu, đức Thế Tôn và Tăng Đoàn những Tỳ kheo giờ đã kiêng ăn buổi tối … Này các đạo hữu, hãy kiêng ăn buổi tối …’, thì các thầy đã nói lại các Tỳ kheo đó rằng: ‘Này các đạo hữu, chúng tôi ăn buổi tối … Vậy tại sao chúng tôi phải dẹp bỏ [một ích lợi] nhìn thấy được ngay tại đây và bây giờ để theo đuổi [một ích lợi nào đó] chỉ đạt được trong tương lai? Chúng tôi sẽ ăn buổi chiều, ăn buổi sáng, và ăn trong ngày ngoài thời gian quy định’, đúng vậy không”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn” “Này các Tỳ kheo, các thầy có từng biết ta đã dạy Giáo Pháp theo cách này hay không: ‘Những gì người này nếm trải, dù là sướng hay khổ hay trung tính, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những trạng thái thiện gia tăng’?”708—“Dạ không biết, thưa Thế Tôn.”

7. “Này các Tỳ kheo, các thầy có từng biết ta đã dạy Giáo Pháp theo

cách này hay không: (a) ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác sướng, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm (dựa trên sự tại gia, phàm tục); (ii) nhưng có người khác cảm nhận một loại cảm-giác sướng khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những trạng thái thiện gia tăng’ (dựa trên sự xuất gia, thoát tục).709 (b) ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác khổ, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm; (ii) nhưng có người khác cảm nhận một loại cảm-giác khổ khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những trạng thái thiện gia tăng’. (c) ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác trung tính, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm; (ii) nhưng có người khác cảm nhận một loại cảm-giác trung tính khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những trạng thái thiện gia tăng’?”—“Dạ có biết, thưa Thế Tôn”.

8. “Tốt, này các Tỳ kheo.710 (a) Giả sử nếu ta không biết, không nhìn thấy, không tìm thấy, không chứng ngộ, không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác sướng, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm’, mà ta lại nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác sướng như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng bởi vì ta đã biết, đã nhìn thấy, đã tìm thấy, đã chứng ngộ, đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác sướng như vậy’. “Giả sử nếu ta không biết, không nhìn thấy, không tìm thấy, không chứng ngộ, không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (ii) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác sướng khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những cảm-giác thiện gia

tăng’, mà ta lại nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại cảm-giác sướng như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng bởi vì ta đã biết, đã nhìn thấy, đã tìm thấy, đã chứng ngộ, đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại cảm-giác sướng như vậy’.

9. (b) Giả sử nếu ta không biết … không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác khổ, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm’, mà ta lại nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác khổ như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng bởi vì ta đã biết … đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác khổ như vậy’.

“Giả sử nếu ta không biết … không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (ii) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác khổ khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những cảm-giác thiện gia tăng’, mà ta lại nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại cảm-giác khổ như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng bởi vì ta đã biết … đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại cảm- giác khổ như vậy’.

10. (c) Giả sử nếu ta không biết … không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (i) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác trung tính, thì những trạng thái bất thiện gia tăng trong người đó và những trạng thái thiện gia giảm’, mà ta lại nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác trung tính như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng bởi vì ta đã biết … đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy dẹp bỏ loại cảm-giác trung tính như vậy’.

“Giả sử nếu ta không biết … không tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: ‘Ở đây, (ii) có người sau khi cảm nhận một loại cảm-giác trung tính khác, thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những cảm-giác thiện gia tăng’, mà ta lại nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại

cảm-giác trung tính như vậy’ thì có hợp tình hợp lý không?”—“Không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng bởi vì ta đã biết … đã tiếp xúc bằng trí-tuệ như vầy: … (như kế trên) … nên ta mới nói: ‘Hãy chứng nhập và an trú trong trong loại cảm- giác trung tính như vậy’.

11. “Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả những Tỳ kheo rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú; ta cũng không nói về tất cả những Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

12. “Ta không nói về những Tỳ kheo là những A-la-hán [đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì phải làm, đã đặt xuống gánh

nặng, đã đạt tới mục-tiêu đích thực, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng] rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong việc của họ với sự chuyên- chú; họ không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật.

13. “Ta nói về những Tỳ kheo là những học-nhân (là những người đang trong sự tu-tập bậc cao) [tâm của họ chưa đạt tới mục-tiêu, và họ vẫn đang khát nguyện đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’] rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi những thầy đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và biết nuôi dưỡng các căn tâm linh của họ, thì ngay trong kiếp này, họ có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với những Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

14. “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người được thấy có trong thế gian.711 Bảy đó là gì? Đó là: người được giải-thoát bằng cả hai cách, người được giải-thoát bằng trí-tuệ, người thân chứng, người đạt tới tầm-nhìn, người

được giải-thoát nhờ niềm-tin, người tu trì theo Giáo Pháp (trí căn), và người tu trì theo niềm-tin (tín căn).

15. (1) “Cái gì là loại người được giải-thoát bằng cả hai cách? Ở đây có người (i) tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc (sắc giới), và (ii) người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người được giải-thoát bằng cả hai cách.712 Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì người đó đã làm xong việc của mình với sự chuyên-chú; người đó không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật.

16. (2) “Cái gì là loại người được giải-thoát bằng trí-tuệ? Ở đây có người không tiếp xúc bằng thân và không an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người được giải-thoát bằng trí-tuệ.713 Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì thầy đó đã làm xong việc của mình với sự chuyên-chú; người đó không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật.

17. (3) “Cái gì là loại người thân chứng? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc (sắc giới), nhưng người đó mới tiêu diệt được một số ô- nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người thân chứng.714 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và biết nuôi

dưỡng các căn tâm linh của mình, thì ngay trong kiếp này, người đó có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối

với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

18. (4) “Cái gì là loại người đã đạt tới cách-nhìn? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó mới tiêu diệt một số ô- nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ, và người đó đã ôn-lại và xem-xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai. Loại người này được gọi là người đã đạt tới cách-nhìn (chánh kiến).715 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

19. (5) “Cái gì là loại người được giải-thoát nhờ niềm-tin? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó mới tiêu diệt một số ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ, và niềm-tin của người đó được gieo trồng, được bắt rễ, và được thiết lập trong Như Lai. Loại người này được gọi là người được giải-thoát nhờ niềm-tin (tín giải thoát).716 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết- quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

20. (6) “Cái gì là loại người tu trì theo Giáo Pháp (người căn trí)? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó chưa tiêu diệt được ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó, nhưng người đó chấp nhận những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai sau khi đã suy-xét chúng một cách đầy đủ bằng trí-tuệ. Thêm nữa, người đó có những phẩm-

chất: căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tấn căn), căn chánh-niệm (niệm căn), căn chánh-định (định căn), và căn trí-tuệ (tuệ căn). Loại người này được gọi là người tu trì theo Giáo Pháp.717 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

21. (7) “Cái gì là loại người tu trì theo niềm-tin (người căn tín)? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó chưa tiêu diệt được ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó, nhưng người đó có đủ niềm-tin (thành tín) và lòng thương-mến đối với Như Lai. Thêm nữa, người đó có những phẩm-chất: căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tấn căn), căn chánh-niệm (niệm căn), căn chánh-định (định căn), và căn trí-tuệ (tuệ căn). Loại người này được gọi là người tu trì theo Giáo Pháp. Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và biết nuôi dưỡng các căn tâm linh của mình, thì ngay trong kiếp này, người đó có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú.

(Con đường tu tập tiến-dần)

22. “Này các Tỳ kheo, ta không nói rằng trí-biết cuối cùng được thành tựu tất cả trong lập tức (trong một lúc, một phát; kiểu đốn ngộ). Ngược lại, trí-biết cuối cùng chỉ được thành tựu bằng sự tu-học tiến dần, bằng sự thực-hành tiến dần, bằng sự tiến-bộ dần dần (tiệm ngộ).

(Mười ba bước)

23. “Và theo cách nào là trí-biết cuối cùng được thành tựu bằng sự tu- học tiến dần, bằng sự thực-hành tiến dần, bằng sự tiến-bộ dần dần? Ở đây một người (1) có niềm-tin [vào một sư thầy] (2) đến thăm sư thầy; sau khi đến thăm vị thầy, người đó (3) có sự kính trọng đối với thầy; sau khi có sự kính trọng đối với thầy, người đó (4) biết để tai lắng nghe, là người (5) lắng nghe Giáo Pháp; sau khi để tai lắng nghe Giáo Pháp, người đó (6) ghi nhớ nó; người đó (7) xem-xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ; sau khi đã xem xét ý nghĩa của chúng, người đó đạt được sự (8) chấp-nhận có suy xét đối với những giáo lý đó; sau khi người đó đã đạt được một sự chấp-nhận có suy xét về những giáo lý đó, (9) sự nhiệt-tâm khởi phát trong người đó; sau khi sự nhiệt tâm đã khởi phát, người đó (10) áp dụng ý-chí của mình; sau khi đã dụng ý-chí của mình, người đó (11) dò-xét kỹ lưỡng; sau khi đã dò-xét kỹ lưỡng, người đó (12) chuyên-cần tu (tinh cần); sau khi đã chuyên-cần tu, (13) người đó bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng và nhìn thấy nó bằng cách thâm nhập nó bằng trí-tuệ.718

24. “Này các Tỳ kheo, nếu chưa có niềm-tin [vào một sư thầy],719 và chưa có sự đến thăm, và chưa có sự kính trọng sư thầy, và chưa có sự để tai lắng nghe, và chưa có sự lắng nghe Giáo Pháp, và chưa có sự ghi nhớ Giáo Pháp, và chưa có sự xem-xét ý nghĩa, và chưa có sự chấp-nhận có suy xét đối với những giáo lý, và chưa có sự nhiệt-tâm, và chưa có sự áp dụng ý-chí, và chưa có sự dò-xét kỹ lưỡng, và chưa có sự chuyên-cần tu. Này các Tỳ kheo, như vậy là các thầy đã lạc đường lạc đạo; này các Tỳ kheo, như vậy là

các thầy đã đang thực hành cách thức sai lạc. Này các Tỳ kheo, như vậy những con người lầm lạc này đã đi lạc khỏi Giáo Pháp và Giới Luật bao xa rồi?

25. “Này các Tỳ kheo, có một câu bốn ngữ, và khi nó được đọc ra một người có trí hiểu được ngay.720 Này các Tỳ kheo, ta sẽ đọc cho các thầy nghe. Hãy cố gắng hiểu nó.” “Thưa Thế Tôn, chúng con là ai mà hiểu được Giáo Pháp?”

194 • Chương 2

26. “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị thầy là người quan tâm những thứ vật chất, là người thừa tự về những thứ vật chất, dính mắc vào những thứ vật chất, thì cũng không đúng đắn nếu [những đệ tử của ông ta] mặc cả như vầy: ‘Nếu chúng con được cái này, chúng con sẽ làm điều đó; nếu chúng con không được cái này, chúng con không làm điều đó’; huống chi [vị thầy ở đây] là Như Lai, là bậc đã hoàn toàn xa lìa những thứ vật chất?

27. “Này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thành tín là người quyết định (ý định, ý muốn) sẽ thấu đạt Giáo Pháp của Vị Thầy, thì lẽ tự nhiên người đó sẽ hành xử bản thân như vầy: ‘Đức Thế Tôn là Sư Thầy, ta là một đệ tử; đức Thế Tôn biết, ta không biết.’ Đối với một đệ tử thành tín là người quyết định sẽ thấu đạt Giáo Pháp của Vị Thầy, thì Giáo Pháp của Vị Thầy là bồi dưỡng và làm mới (cho người đó). Đối với một đệ tử thành tín là người quyết định sẽ thấu đạt Giáo Pháp của Vị Thầy, thì lẽ tự nhiên người đó sẽ hành xử bản thân như vầy: ‘Quyết tâm, cho dù chỉ còn da, gân và xương, và cho dù thịt và máu khô cạn trên thân này, ta sẽ không lơi lỏng sự nỗ-lực chừng nào ta chưa chứng đắc điều có thể được chứng đắc bởi sức người, bởi sự nỗ-lực của con người, và bởi sự kiên-chí của con người.’721 Đối với một đệ tử thành tín là người quyết định sẽ thấu đạt Giáo Pháp của Vị Thầy, thì một trong hai kết-quả có thể được trông chờ: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp (thủ) thì thánh quả Bất-lai.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

Chương 3. Chương “Những Du Sĩ” (Paribbājaka-vagga)

196 • Chương 3

71. KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ TAM MINH (Tevijjavacchagotta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong khu Rừng Lớn trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ Vacchagotta đang ở khu Tịnh Xá (của các) Du Sĩ, thuộc khu (địa danh) Ekapuṇḍarīka [Cây Xoài Duy Nhất Có Hoa Sen Trắng].722

3. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Vesālī. Hay ta đến chỗ du sĩ Vac- chagotta trong Tịnh Xá Du Sĩ, thuộc khu Ekapuṇḍarīka.”

4. Rồi đức Thế Tôn đã đến chỗ du sĩ Vacchagotta trong Tịnh Xá Du Sĩ, thuộc khu Ekapuṇḍarīka. Du sĩ Vacchagotta nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến và nói với đức Thế Tôn: “Chào đức Thế Tôn mới đến. Mời Thế Tôn vào! Đã lâu kể từ lần trước đức Thế Tôn có cơ hội đến đây. Mời Thế Tôn ngồi; chỗ ngồi đã dọn sẵn.” Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và du sĩ Vacchagotta chọn một chỗ ngồi, ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

5. “Thưa Thế Tôn, tôi đã nghe (người ta nói) điều này: ‘Sa-môn Cồ- đàm là toàn trí và nhìn-thấy tất cả, có sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy: “Cho dù khi vị ấy đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, sự- biết và sự-thấy vẫn liên tục và không gián đoạn có mặt đối với vị ấy.”’723 Thưa Thế Tôn, những người nói như vậy có phải là nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với sự thật? Có phải họ đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?” “Này Vaccha, những ai nói như vậy là không nói đúng điều được nói bởi ta, mà diễn dịch sai lời của ta bằng điều không đúng và trái với sự

thật.”724

6. “Thưa Thế Tôn, theo cách nào tôi có thể trả lời rằng tôi đã nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với sự thật? Theo cách nào tôi có thể giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?” “Này Vaccha, nếu trả lời rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm có ba loại trí-biết đích thực (tam minh)’, thì ông đang nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời của ta bằng những điều trái với sự thật. Ông đang giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán.

7. “Bởi vì, tùy theo ta muốn, ta có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta, đó là, một lần sinh, hai lần sinh … [tiếp tục tương tự kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, ta đã nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. (túc mạng minh)

8. “Và, tùy theo ta muốn, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ … [tiếp tục tương tự kinh MN 51, mục 25] … (thiên nhãn minh)

9. “Và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này ta đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm. (lậu tận minh).

10. “Nếu trả lời rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm có ba loại trí-biết đích thực (tam minh)’, thì ông đang nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời của ta bằng những điều trái

với sự thật. Ông đang giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người

KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ TAM MINH • 199

khác) phê phán."

11. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Vacchagotta đã hỏi đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, có gia chủ nào không dẹp bỏ gông-cùm của sự gia chủ mà khi thân tan rã, sau khi chết, đã làm nên sự diệt-khổ?"725 "Này Vaccha, không có gia chủ nào khi chưa dẹp bỏ gông-cùm sự gia chủ mà khi thân tan rã, sau khi chết, đã làm nên sự diệt-khổ."

12. "Thầy Cồ-Đàm, có gia chủ nào không dẹp bỏ gông-cùm của sự gia chủ mà khi thân tan rã, sau khi chết, đã đi lên cõi trời?" "Này Vaccha, không chỉ có một trăm hay hai hay ba hay bốn hay năm trăm, mà rất nhiều những gia chủ chưa dẹp bỏ gông-cùm của sự gia chủ khi thân tan rã, sau khi chết, đã lên cõi trời."

13. "Thầy Cồ-Đàm, có Ājīvaka (người ngoại đạo, Ni-kiền-tử) nào, khi thân tan rã, sau khi chết, đã làm nên sự diệt-khổ?"726 "Này Vaccha, không có Ājīvaka nào, khi thân tan rã, sau khi chết, đã làm nên sự diệt-khổ."

14. "Thầy Cồ-Đàm, có Ājīvaka nào khi thân tan rã, sau khi chết, đã lên cõi trời?" "Này Vaccha, khi ta nhớ lại chín mươi mốt đại kiếp trước, ta không nhớ có Ājīvaka nào khi thân tan rã, sau khi chết, đã lên cõi trời, chỉ trừ có một người, và người này đã nắm giữ thuyết hành-động có quả về mặt đạo đức, tức thuyết nghiệp có nghiệp quả."727

15. "Thì ra là vậy, thưa thầy Cồ-Đàm, rằng nhóm giáo phái đó không có ai [trống không] ngay cả cơ hội lên cõi trời." "Đúng là vậy, này Vaccha, rằng nhóm giáo phái đó không có ai ngay cả cơ hội lên cõi trời." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Du sĩ Vacchagotta hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

200 • Chương 3

72. KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ NGỌN LỬA (Aggivacchagotta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi du sĩ Vacchagotta đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và hỏi đức Thế Tôn:

3. "Là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan-điểm: (1) 'Thế giới là bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai'?" "Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy."

4. "Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (2) 'Thế giới là không bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai'?" "Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy."

5. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (3) ‘Thế giới là hữu hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

6. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (4) ‘Thế giới là vô hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

7. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (5) ‘Linh hồn và thể xác là một: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?”728 “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

8. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (6) ‘Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

9. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (7) ‘Sau khi chết Như Lai còn hiện hữu: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?”729 “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

10. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (8) ‘Sau khi chết Như Lai không còn hiện hữu: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

11. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (9) ‘Sau khi chết Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

12. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm, có phải Thầy Cồ-Đàm nắm giữ quan- điểm: (10) ‘Sau khi chết Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’?” “Này Vaccha, ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.”

13. “Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm? Khi Thầy Cồ-Đàm được hỏi [lần lượt mười câu hỏi này], thầy đều trả lời: ‘Ta không nắm giữ quan-điểm như vậy.’ Như vậy Thầy Cồ-Đàm nhìn thấy sự nguy-hại nào mà thầy không nhận lấy cái nào trong những quan-điểm do suy đoán này?”

14. “Này Vaccha, cái quan-điểm do suy đoán cho rằng ‘Thế giới là bất diệt’ là một mớ rối của những quan điểm, sự hoang dại của những quan điểm, sự uốn ẹo của những quan điểm, sự chao đảo của những quan điểm, một gông-cùm của những quan điểm. Nó bị bao vây bởi sự khổ, bởi sự

phiền não, bởi sự tuyệt vọng, và bởi sự sốt não, và nó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Cái quan-điểm do suy đoán cho rằng “Thế giới là không bất diệt … ‘Thế giới là hữu hạn’ … ‘Thế giới là vô hạn’ … ‘Linh hồn và thế xác là một’ … ‘Linh hồn là một thứ

và thế xác là thứ khác' … 'Sau khi chết một Như Lai hiện hữu … 'Sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu' … 'Sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu' … 'Sau khi chết một Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu' là một mớ rối của những quan điểm, sự hoang dại của những quan điểm, sự uốn ẹo của những quan điểm, sự chao đảo của những quan điểm, một gông-cùm của những quan điểm. Nó bị bao vây bởi sự khổ, bởi sự phiền não, bởi sự tuyệt vọng, và bởi sự sốt não, và nó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết- bàn. "Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, ta không nhận lấy cái nào trong những quan-điểm do suy đoán này."

15. "Như vậy Thầy Cồ-Đàm có hề nắm giữ một quan-điểm do suy đoán nào không?" "Này Vaccha, 'quan-điểm do suy đoán' là thứ Như Lai đã dẹp bỏ đi. Này Vaccha, vì Như Lai đã nhìn thấy730 điều này: 'Này là thể-sắc (sắc), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là nhận- thức (tưởng), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là những sự tạo-tác cố-ý (hành), này là sự khởi-sinh của chúng, này là sự biến-diệt của chúng; này là thức (thức), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.' Do vậy, ta nói, bằng sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ và sự từ bỏ tất cả những sự nhìn-nhận này nọ, tất cả những sự nghĩ-ngợi, tất cả sự tạo nên cái 'ta' (ngã kiến), sự tạo nên cái 'của-ta' (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy

miên ngã mạn), Như Lai được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ)."

16. "Thầy Cồ-Đàm, khi tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó [sau khi chết] tái hiện (tái sinh) ở đâu?" "Này Vaccha, chữ 'tái hiện' không áp dụng ở đây."731 "Thầy Cồ-Đàm, nếu vậy là người đó không tái hiện?" "Này Vaccha, chữ 'không tái hiện' không áp dụng ở đây." "Thầy Cồ-Đàm, vậy là người đó vừa tái hiện vừa không tái hiện?" "Này Vaccha, chữ 'vừa tái hiện vừa không tái hiện' không áp dụng ở đây." "Thầy Cồ-Đàm, vậy là người đó không tái hiện cũng không phải không tái hiện?" "Này Vaccha, chữ 'không tái hiện cũng không phải không tái hiện' không áp dụng ở đây."

17. "Khi Thầy Cồ-Đàm được hỏi [lần lượt bốn câu hỏi này], thầy đều [lần lượt] trả lời: "Này Vaccha, chữ [đó] không áp dụng ở đây." Thầy Cồ- Đàm, ở đây tôi đã rơi vào sự hoang-mang, ở đây tôi đã rơi vào sự ngu-mờ, và niềm-tin tôi đã từng tích được trong những cuộc nói chuyện trước kia với Thầy Cồ-Đàm giờ đã biến mất."

18. "Này Vaccha, điều đó đủ để gây cho ông sự hoang-mang, đủ để gây cho ông sự ngu-mờ. Bởi vì, này Vaccha, Giáo Pháp này là thâm sâu, khó nhìn thấy và khó hiểu được, (nó là) bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được bằng lý trí, (nó là) vi tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. Ông khó mà hiểu được nó khi ông còn nắm giữ một quan-điểm khác, chấp nhận một giáo-lý khác, chấp thuận một một giáo-lý khác, theo đuổi một sự tu-tập khác, và theo một vị thầy khác (khác đạo). Giờ tới phiên ta, này Vaccha, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời theo ý ông.

19. “Này Vaccha, ông nghĩ sao? Ví dụ lửa đang cháy trước mặt ông.

KINH DẠY VACCHAGOTTA VỀ NGỌN LỬA • 205

Ông có biết: ‘Lửa này đang cháy trước mặt tôi’ hay không’?” “Tôi có biết, thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Này Vaccha, nếu ai hỏi ông: ‘Lửa này đang cháy trước mặt ông tùy thuộc (nhờ) vào cái gì?’—khi được hỏi vậy, ông sẽ trả lời ra sao?” “Thầy Cồ-Đàm, khi được hỏi vậy, tôi sẽ trả lời: ‘Lửa này đang cháy tùy thuộc vào nhiên liệu là cỏ và củi.’” “Nếu lửa trước mặt ông bị tắt đi, ông có biết: ‘Lửa này trước mặt tôi đã bị tắt đi’ hay không?” “Tôi có biết, Thầy Cồ-Đàm.” “Này Vaccha, nếu ai hỏi ông: ‘Khi lửa trước mặt ông bị tắt đi, nó đi về hướng nào: về hướng đông, tây, nam, hay bắc?’—khi được hỏi vậy, ông sẽ trả lời ra sao?” “Câu hỏi đó không áp dụng ở đây, Thầy Cồ-Đàm. Lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu cỏ và củi. Khi nó cháy hết, nếu nó không có thêm nhiên liệu, không còn có nhiên liệu, thì nó được coi là đã tắt đi.”

20. “Cũng giống như vậy, này Vaccha, Như Lai đã dẹp bỏ sắc-thân (sắc) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai;732 bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Này Vaccha, Như Lai đã được giải- thoát khỏi sự suy đoán (sự coi là, sự nhận định) tính theo sắc-thân, bậc ấy là thâm sâu, không thể đo lường và khó thể đo đạc như đại dương. Chữ ‘bậc ấy tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy không tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy vừa tái hiện vừa không tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy không tái hiện cũng không phải không tái hiện’ không áp dụng ở đây.733 Như Lai đã dẹp bỏ cảm-giác (thọ) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ nhận-thức (tưởng) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ những sự tạo-tác cố ý (hành) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ thức (thức) mà những người mô tả Như

206 • Chương 3

Lai dùng nó để mô tả Như Lai; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Này Vaccha, Như Lai đã được giải-thoát khỏi sự suy đoán (sự coi là, sự nhận định) tính theo sắc-thân, bậc ấy là thâm sâu, không thể đo lường và khó thể đo đạc như đại dương. Chữ ‘bậc ấy tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy không tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy vừa tái hiện vừa không tái hiện’ không áp dụng ở đây; chữ ‘bậc ấy không tái hiện cũng không phải không tái hiện’ không áp dụng ở đây.”

21. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Vacchagotta đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-Đàm, giống như một cây sāla lớn không xa khu làng hay thị trấn, và sự vô-thường đã làm hư hao nhánh và lá của nó, phần vỏ cây và phần gỗ mềm của nó; đến nỗi sau đó, do bị tước hết những nhánh và lá, phần vỏ cây và phần gỗ mềm, và giờ thành sạch-trơn, chỉ còn lại phần gỗ-lõi (quý giá); cũng giống như vậy, bài thuyết giảng này của Thầy Cồ-Đàm đã tước hết những nhánh và lá, phần vỏ cây và gỗ mềm, và giờ thành trong-sạch, chỉ còn lại phần cốt-lõi (quý giá).

22. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

73. ĐẠI KINH DẠY VACCHAGOTTA (Mahāvacchagotta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

3. “Tôi đã có những cuộc nói chuyện với Thầy Cồ-Đàm đã từ lâu. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-Đàm chỉ dạy cho tôi điều thiện và điều bất thiện một cách ngắn gọn.” “Này Vaccha, ta có thể chỉ dạy cho ông điều thiện và điều bất thiện một cách ngắn gọn và một cách chi tiết. Giờ ta sẽ dạy cho ông điều thiện và điều bất thiện một cách ngắn gọn. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói” “Dạ, thầy”, ông đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. “Này Vaccha, tham là bất thiện, vô-tham là thiện; sân là bất thiện, vô-sân là thiện; si là bất thiện, vô-si là thiện. Theo cách này có ba điều là bất thiện và ba điều là thiện.

5. “Sát-sinh là bất thiện, kiêng cữ sát-sinh là thiện; gian-cắp là bất thiện, kiêng cữ gian-cắp là thiện; tà-dâm tà dục là bất thiện, kiêng cữ tà-dâm tà dục là thiện; nói-dối nói láo là bất thiện, kiêng cữ nói-dối nói láo là thiện; nói lời độc-ác ma mãnh là bất thiện, kiêng cữ nói lời độc-ác ma mãnh là thiện; nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bất thiện, kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là thiện; nói lời tầm-phào tán dóc là bất thiện, kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc là thiện; sự thèm-khát (tham-dục) là bất thiện, không thèm-khát là thiện; sự ác-ý là bất thiện, không ác-ý là thiện; cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bất thiện, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là thiện. Theo cách này có

mười điều là bất thiện và mười điều là thiện.

6. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai, thì Tỳ kheo đó là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã tiêu diệt những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

7. (i) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, có Tỳ kheo nào, đệ tử của thầy Cồ-Đàm, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)?”734 “Này Vaccha, không chỉ có một trăm, hai, ba, bốn, hay năm

trăm, mà rất nhiều Tỳ kheo, những đệ tử của ta, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm."

8. (ii) "Ngoài Thầy Cồ-Đàm và những Tỳ kheo, có Tỳ kheo ni nào, đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm?" "Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều Tỳ kheo ni, những đệ tử của ta, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm."

9. (iii) "Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, và những Tỳ kheo ni, có nam đệ tử tại gia nào (ưu-bà-tắc), đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-

cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa?" (nam cư sĩ chứng quả Bất-lai)735 "Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nam đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa."

10. (iv) "Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, có đệ tử tại gia nam nào, đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống thụ hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan], là người thực hiện sự chỉ giáo của vị thầy, đáp ứng lời khuyên dạy của vị thầy, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?"736 (nam cư sĩ chứng quả Nhất-lai và Nhập-lưu) "Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nam đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang thụ hưởng những dục-lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của ta, đáp ứng lời khuyên dạy của ta, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn- dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy."

11. (v) "Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, có nữ đệ tử tại gia nào (ưu-bà-di), đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái

sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư

thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa?" (nữ cư sĩ chứng quả Bất-lai) "Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nữ đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang sống đời sống độc- thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa.".

12. (vi) "Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, có nữ đệ tử tại gia nào, đệ tử Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của vị thầy, đáp ứng lời khuyên dạy của vị thầy, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?" (nữ cư sĩ chứng quả Nhất-lai và Nhập-lưu) "Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nữ đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang thụ hưởng những dục-lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của ta, đáp ứng lời khuyên dạy của ta, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn- dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy."

13. (i) "Thầy Cồ-Đàm, nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm đã thành tựu trong Giáo Pháp này trong Giáo Pháp này mà không có những Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm và có những Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (ii) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm và những Tỳ kheo đã thành tựu trong

Giáo Pháp này mà không có những Tỳ kheo ni thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, và có những Tỳ kheo ni thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (iii) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, và những Tỳ kheo ni đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, và có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (iv) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, thì thì đời

sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, và có những nam đệ tử tại gia đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (v) “Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống

độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (vi) “Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, và có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó.

14. “Giống như sông Hằng là nghiêng về biển, đổ về biển, chảy về biển, và chảy tới biển; cũng giống như vậy, hội chúng của Thầy Cồ-Đàm có những người xuất gia và những người tại gia là nghiêng về Niết-bàn, đổ về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn, và chảy tới Niết-bàn.

15. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Con xin thụ giới xuất gia dưới Thầy Cồ-Đàm, con xin thụ toàn bộ giới (đại thọ giới).”

16. “Này Vaccha, một người trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, thì họ duyệt cho người đó thụ nhận giới xuất gia (thành sa-di) và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ

kheo. Nhưng ở đây ta nhận thấy có sự khác biệt cá nhân trong vấn đề này." "Thưa Thế Tôn, nếu những ai trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với họ, thì các Tỳ kheo duyệt cho họ thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo, vậy thì con sẽ sống trong thời gian tập sự bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, thì các Tỳ kheo duyệt cho con thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo."

17. Rồi du sĩ Vacchagotta đã thụ nhận sự xuất gia dưới đức Thế Tôn, và thụ nhận toàn bộ giới. Và, không lâu sau khi thụ toàn bộ giới, nửa tháng sau khi thụ toàn bộ giới, thầy Vacchagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con đã chứng ngộ những gì có thể được chứng ngộ bằng trí-biết của một đệ tử là học-nhân [trong giai đoạn tu học bậc cao], bằng trí-biết đích thực của một đệ tử là học-nhân. Kính mong đức Thế Tôn chỉ dạy thêm Giáo Pháp cho con."737

18. "Trong trường hợp đó, này Vaccha, hãy tu tập thêm hai sự: sự vắng-lặng (thiền định) và sự minh-sát (thiền quán). Khi hai sự này—sự vắng-lặng và sự minh-sát—được tu tập hơn nữa, chúng sẽ dẫn tới sự thâm nhập của nhiều yếu-tố (giới).

19. (1) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể) vận dụng được nhiều loại thần thông [năng lực siêu thường] khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; quý vị hiện hình và biến hình; quý vị đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và

mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.738

20. (2) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể), bằng yếu tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần'— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

21. (3) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể) hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không

bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát'— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

22. (4) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể) nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh), đó là: … [giống mục 24, MN 51] … Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của tôi'— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

23. (5) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể), với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn

thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình … [giống mục 25, MN 51] … tôi có thể hiểu được những chúng sinh chết đi và tái sinh tùy theo những nghiệp của mình'— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

24. (6) "Nếu thầy muốn như sau: 'Ước gì tôi (có thể) bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người một đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)— thì thầy sẽ đạt được năng-lực đó để chứng bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp."

25. Rồi, thầy Vacchagotta, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

26. Không lâu sau đó, sau khi sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Vacchagotta, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Vacchagotta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

27. Bấy giờ, nhân lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi gặp đức Thế Tôn. Thầy Vacchagotta nhìn thấy họ đang đến từ xa. Sau khi nhìn thấy họ, thầy đến gặp họ và hỏi: "Các quý thầy đang đi đâu vậy?" "Này đạo hữu, chúng tôi đang đến gặp đức Thế Tôn."

“Trong trường hợp đó, nhờ quý thầy hãy đến nhân danh tôi kính lễ với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, thưa giùm rằng: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vacchagotta xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn.’ Và thưa giùm: ‘Đức Thế Tôn đã được phụng sự [tôn thờ] bởi tôi, bậc Phúc Lành đã được phụng sự bởi tôi.’”739 “Dạ được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi họ đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Vacchagotta (gửi lời) kính lễ đức Thế Tôn với đầu thầy ấy cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thầy ấy nói: ‘Đức Thế Tôn đã được phụng sự bởi con, bậc Phúc Lành đã được phụng sự bởi con.’”

28. “Này các Tỳ kheo, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của Tỳ kheo Vacchagotta, ta đã biết về thầy ấy: ‘Tỳ kheo Vacchagotta đã chứng ngộ ba loại trí-biết đích thực (tam minh) và có năng-lực và uy-lực thần thông lớn lao.’ Và tất cả những thiên thần cũng nói ta điều này: ‘Tỳ kheo Vacchagotta đã chứng đắc ba loại trí-biết đích thực và có năng-lực và uy- lực thần thông lớn lao.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn.

74. KINH DĪGHANAKHA (X) (Dīghanakha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong chỗ Hang Heo Rừng, trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu).

2. Lúc đó du sĩ Dīghanakha đã đến đó gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn.740 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-Đàm, giáo thuyết và quan-điểm của tôi là: (a) ‘Với tôi không điều nào là chấp nhận được.’”741 “Này Aggivessana, chí ít thì quan-điểm (a) này của ông là chấp nhận được đối với ông chứ?” “Thầy Cồ-Đàm, nếu có điều (A) ‘quan-điểm (a) này là chấp nhận được đối với tôi’, thì điều (A) đó cũng y như vậy, thì nó cũng y như vậy.”742

3. “Được rồi, này Aggivessana, có nhiều người trong thế gian nói: ‘Điều đó cũng y như vậy, nó cũng y hệt như vậy’ (vẫn đáng hoài nghi, không bằng lòng), nhưng họ không dẹp bỏ quan-điểm đó và họ vẫn nhận thêm quan-điểm khác. Có ít người trong thế gian nói: ‘Điều đó cũng y như vậy, nó cũng y như vậy’, và họ dẹp bỏ quan-điểm đó và không nhận thêm quan-điểm khác.743

4. “Này Aggivessana, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm: (b) ‘Với tôi mọi điều là chấp nhận được.’ Có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm: (a) ‘Với tôi không điều nào là chấp nhận được.’ Và có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan- điểm: (c) ‘Với tôi có điều là chấp nhận được, có điều là không chấp nhận được.’744 Trong số này, (b) quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng ‘Với tôi mọi điều là chấp nhận được’ là gần với tham-dục, gần với sự trói-buộc, gần với sự mê-thích, gần với sự nắm-giữ, gần với sự dính-chấp. (a) Quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng ‘Với tôi không điều

nào là chấp nhận được' thì gần với sự vô-tham, gần với sự không trói- buộc, gần với sự không còn mê-thích, gần với sự không nắm-giữ, gần với sự không dính-chấp."

5. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Dīghanakha đã nhận xét: "Thầy Cồ-Đàm đã tán thành quan-điểm của tôi, Thầy Cồ-Đàm nói lời đề cao quan-điểm của tôi." "Này Aggivessana, (c) đối với những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng 'Với tôi có điều là chấp nhận được, có điều là không chấp nhận được.'—thì vế đầu của họ là gần với tham-dục, gần với sự trói-buộc, gần với sự mê-thích, gần với sự nắm-giữ, gần với sự dính-chấp; còn vế sau thì gần với sự vô- tham, gần với sự không trói-buộc, gần với sự không còn mê-thích, gần với sự không nắm-giữ, gần với sự không dính-chấp.

6. "Giờ, này Aggivessana, một người có trí trong số những tu sĩ và bà- la-môn cho rằng (b) ['Mọi điều đều là chấp nhận được'] suy xét như vầy:745 'Nếu tôi cố chấp quan-điểm của tôi "Mọi điều đều là chấp nhận được" và tuyên bố: "Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai" thì tôi có thể đụng phải hai loại người khác: tu sĩ hay bà-la-môn cho rằng (a) ['Không điều nào là chấp nhận được'] và tu sĩ hay bà-la-môn cho rằng (c) ['Có điều là chấp nhận được, có điều là không chấp nhận được']. Tôi có thể đụng phải hai loại người này, và khi có sự đụng độ, thì có tranh chấp; khi có sự tranh chấp, thì có sự tranh cãi; khi có sự tranh cãi, thì có sự bực tức.' Vậy đó, sau khi nhìn thấy trước mình sẽ đụng phải, sẽ tranh chấp, sẽ tranh cãi, và sẽ bực tức, người đó dẹp bỏ quan-điểm (b) đó và không nhận lấy quan-điểm nào khác. Đây là cách đi đến sự dẹp bỏ những quan-điểm này; đây là cách đi đến sự từ bỏ những quan-điểm này.

7. "Một người có trí trong số những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (a) suy xét như vầy: 'Nếu tôi cố chấp quan điểm (a) của tôi thì tôi có thể đụng phải hai loại người khác: tu sĩ hay bà-la-môn cho rằng (b) và tu sĩ và bà- la-môn cho rằng (c). Tôi có thể đụng phải hai loại người này, và khi có sự đụng độ, thì có tranh chấp; khi có sự tranh chấp, thì có sự tranh cãi; khi có

sự tranh cãi, thì có sự bực tức.' Vậy đó, sau khi nhìn thấy trước mình sẽ đụng phải, sẽ tranh chấp, sẽ tranh cãi, và sẽ bực tức, người đó dẹp bỏ quan-điểm (a) đó và không nhận lấy quan-điểm nào khác. Đây là cách đi đến sự dẹp bỏ những quan-điểm này; đây là cách đi đến sự từ bỏ những quan-điểm này.

8. "Một người có trí trong số những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (c) suy xét như vầy: 'Nếu tôi cố chấp quan điểm (c) của tôi thì tôi có thể đụng phải hai loại người khác: tu sĩ hay bà-la-môn cho rằng (a) và tu sĩ và bà- la-môn cho rằng (b). Tôi có thể đụng phải hai loại người này, và khi có sự đụng độ, thì có tranh chấp; khi có sự tranh chấp, thì có sự tranh cãi; khi có sự tranh cãi, thì có sự bực tức.' Vậy đó, sau khi nhìn thấy trước mình sẽ đụng phải, sẽ tranh chấp, sẽ tranh cãi, và sẽ bực tức, người đó dẹp bỏ quan-điểm (c) đó và không nhận lấy quan-điểm nào khác. Đây là cách đi đến sự dẹp bỏ những quan-điểm này; đây là cách đi đến sự từ bỏ những quan-điểm này.

9. "Giờ, này Aggivessana,746 thân này được tạo từ vật chất (thể sắc), gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại), được sinh thành bởi mẹ và cha, được nuôi lớn bằng cơm và cháo, và sẽ bị

sự vô-thường, sẽ bị cọ xát và hư hao, sẽ bị tan hoại và tan rã. Nó nên được coi là vô thường, là khổ, như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, một sự khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Khi một người coi thân này như vậy, người đó sẽ dẹp bỏ tham muốn với thân, sự luyến ái đối với thân, sự phục tùng đối với thân.

10. “Này Aggivessana, có ba loại cảm-giác: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Trong lúc một người cảm nhận cảm-giác sướng, người đó không cảm nhận cảm-giác khổ hay cảm-giác trung tính; người đó cảm nhận chỉ cảm-giác sướng. Trong lúc một người cảm nhận cảm-giác khổ, người đó không cảm nhận cảm- giác sướng hay cảm-giác trung tính; người đó cảm nhận chỉ cảm-giác khổ. Trong lúc một người cảm nhận cảm-giác trung tính, người đó không cảm

nhận cảm-giác sướng hay cảm-giác khổ; người đó cảm nhận chỉ cảm-giác trung tính.

11. “Này Aggivessana, cảm-giác sướng là vô-thường, có điều-kiện (hữu vi), khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị hủy, bị phai biến, biến mất, và chấm dứt. Cảm-giác khổ là vô-thường, có điều-kiện, khởi sinh tùy thuộc, sẽ bị hủy, bị phai biến, biến mất, và chấm dứt. Cảm-giác trung tính là vô-thường, có điều-kiện, khởi sinh tùy thuộc, sẽ bị hủy, bị phai biến, biến mất, và chấm dứt.

12. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê-thích] với cảm-giác sướng, tỉnh-ngộ với cảm-giác khổ, tỉnh-ngộ với cảm-giác trung tính. Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

13. “Này Aggivessana, một Tỳ kheo có tâm được giải-thoát như vậy thì không còn ngã theo (quan điểm) nào và không còn tranh chấp với ai; vị ấy sử dụng lời-nói đang được dùng trong thế gian mà không cố chấp theo nó.”747

14. Bấy giờ, lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đang đứng sau đức Thế Tôn và hầu quạt đức Thế Tôn. Rồi thầy ấy đã nghĩ: “Đúng là đức Thế Tôn đã nói với chúng ta sự dẹp-bỏ những điều (quan điểm) này là thông qua trí-biết trực tiếp; đúng là bậc Phúc Lành đã nói với chúng ta sự từ-bỏ những điều này là thông qua trí-biết trực tiếp.” Trong khi thầy Xá-lợi-phất đã suy xét điều này, thông qua sự không còn dính-chấp, tâm thầy ấy được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc).748

15. Nhưng trong du sĩ Dīghanakha đã khởi sinh tầm-nhìn vô nhiễm không còn dính bụi về Giáo Pháp: “Mọi thứ bị khởi sinh thì phải bị chấm dứt” (có sinh là có diệt). Du sĩ Dīghanakha đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt

tới Giáo Pháp Dhamma, đã hiểu Giáo Pháp, đã biết Giáo Pháp; ông đã vượt qua sự nghi-ngờ, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.749

16. Rồi ông đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

75. KINH MĀGANDIYA (Māgandiya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Kuru trong một thị trấn của người Kuru có tên là thị trấn Kammāsadhamma, trên thảm cỏ trong phòng đốt lửa (phòng sưởi) của một bà-la-môn thuộc họ tộc Bhāradvāja.

2. Rồi, và buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Kammāsadhamma để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Kammāsadhamma, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi một khu rừng để an trú qua ngày. Sau khi đi vô khu rừng, đức Thế Tôn ngồi xuống dưới một gốc cây để an trú qua ngày.

3. Rồi du sĩ Māgandiya, khi đang đi dạo mát đã đến chỗ phòng đốt lửa của bà-la-môn thuộc họ tộc Bhāradvāja. Ở đó ông nhìn thấy một thảm cỏ đã dọn sẵn, nên ông hỏi bà-la-môn: "Thảm cỏ này trong phòng đốt lửa của Thầy Bhāradvāja đã được dọn sẵn cho ai vậy? Trông nó giống như chỗ nằm của một sa-môn."

4. "Thầy Māgandiya, có sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích- Ca, đã xuất gia khỏi một gia tộc Thích-Ca. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ- đàm đang được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.' Chỗ nằm này đã được dọn sẵn cho Thầy Cồ-Đàm đó."

5. "Này Thầy Bhāradvāja, thực là một cảnh ghớm ghiếc khi chúng tôi nhìn thấy chỗ nằm của một người hủy diệt sự phát triển,750 đó là Thầy Cồ- Đàm."

"Hãy cẩn thận với lời ông nói, này Thầy Māgandiya, hãy cẩn thận với lời ông nói! Nhiều thánh nhân trí thức, bà-la-môn trí thức, gia chủ trí thức, và sa-môn trí thức có niềm-tin trọn vẹn vào Thầy Cồ-Đàm, và đã được Thầy Cồ-Đàm chỉ dẫn trong phương

cách vốn là thánh thiện, trong Giáo Pháp vốn là thiện lành." "Thầy Bhāradvāja, ngay cả khi chúng tôi gặp giáp mặt Thầy Cồ-Đàm, chúng tôi cũng nói thẳng mặt ông ta rằng: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hủy diệt sự phát triển.' Vì sao vậy? Bởi điều đó đã được nói rõ trong một bài thuyết giảng của chúng tôi." "Nếu Thầy Māgandiya không phản đối, tôi có thể kể lại điều này cho Thầy Cồ-Đàm không?" "Thầy Bhāradvāja cứ thoải mái kể lại. Cứ nói lại điều tôi đã nói."

6. Trong lúc đó, với tai thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhĩ thông), đức Thế Tôn đã nghe được cuộc nói chuyện này giữa bà-la-môn họ tộc Bhāradvāja và du sĩ Māgandiya. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi phiên thiền, đến chỗ phòng đốt lửa của bà-la- môn, và ngồi xuống thảm cỏ đã được trải sẵn. Rồi bà-la-môn họ Bhāradvāja đã ra gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi ông: "Này Bhāradvāja, chú đã có cuộc nói chuyện với du sĩ Māgandiya về cái thảm cỏ này phải không?" Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đã kinh ngạc và dựng tóc gáy, ông đáp lại: "Chúng tôi đã muốn kể cho Thầy Cồ-Đàm toàn bộ chuyện đó, nhưng Thầy Cồ-Đàm đã biết trước rồi."

7. Nhưng cuộc nói chuyện giữa đức Thế Tôn và bà-la-môn họ Bhāradvāja bị gián đoạn, bởi vì du sĩ Māgandiya khi đang đi dạo mát đã đến chỗ phòng đốt lửa của bà-la-môn và bước vô gặp đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với ông:

8. "Này Māgandiya, mắt ưa thích những hình-sắc, thích thú những hình-sắc, vui thích những hình-sắc; mà nó đã bị thuần phục bởi Như Lai, bị canh phòng, bị bảo hộ, và bị kiềm chế, và Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp để kiềm-chế nó. Có phải liên hệ với điều này nên ông đã nói: 'Sa-môn Cồ- đàm là một người hủy diệt sự phát triển'?" "Thầy Cồ-Đàm, chính do liên hệ với điều này nên tôi đã nói: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hủy diệt sự phát triển'. Vì sao vậy? Bởi vì điều đó đã được lưu truyền trong các kinh kệ (của chúng tôi)." "Tai ưa thích những âm-thanh … Mũi ưa thích những mùi-hương … Lưỡi ưa thích những mùi-vị … Thân ưa thích những thứ chạm-xúc được … Tâm ưa thích những đối-tượng của tâm, thích thú những đối-tượng của tâm, vui thích những đối-tượng của tâm; mà nó đã bị thuần phục bởi Như Lai, bị canh phòng, bị bảo hộ, và bị kiềm chế, và Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp để kiềm-chế nó. Có phải liên hệ với điều này nên ông đã nói: 'Sa- môn Cồ-đàm là một người hủy diệt sự phát triển'?" "Thầy Cồ-Đàm, chính do liên hệ với điều này nên tôi đã nói: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hủy diệt sự phát triển'. Vì sao vậy? Bởi vì điều đó đã được lưu truyền trong các kinh kệ (của chúng tôi)."

9. "Này Māgandiya, ông nghĩ sao? Ở đây, có người trước kia thụ hưởng bản thân với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những hình-sắc, đúng như chúng thực là, người đó liền dẹp bỏ

dục-vọng đối với những hình-sắc, loại bỏ cơn-sốt đối với những hình-sắc, và an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ông sẽ nói gì về người đó, này Māgandiya?"—"Không nói gì cả, Thầy Cồ- Đàm." "Này Māgandiya, ông nghĩ sao? Ở đây, có người trước kia thụ hưởng bản thân với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương

được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những thư hữu-hình chạm xúc, đúng như chúng thực là, người đó sẽ dẹp bỏ dục- vọng đối với những thứ chạm-xúc được, loại bỏ cơn-sốt đối với những thứ chạm-xúc được, và an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ông sẽ nói gì về người đó, này Māgan- diya?"—"Không nói gì cả, Thầy Cồ-Đàm."

10. "Này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia, ta cũng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây (thứ, loại) khoái-lạc giác quan (dục lạc): với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những âm- thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Ta có ba cung điện, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, và một cho mùa hè. Ta sống trong cung điện mùa mưa suốt bốn tháng mùa mưa, thụ hưởng bản thân với những nữ nhạc công, không ai trong họ là nam, và ta không đi xuống những cung điện thấp hơn kia.751 "Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan (dục lạc), ta đã dẹp bỏ dục-vọng đối với khoái-lạc giác quan (dục ái), ta đã loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, và ta an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ta nhìn thấy những chúng sinh khác chưa thoát khỏi tham-muốn vì khoái-lạc giác quan, đang bị cắn xé [nhai nuốt] bởi dục-vọng vì khoái- lạc giác quan, đang bốc cháy bởi sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, đang say đắm trong khoái-lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ gì với họ, ta cũng không còn ưa thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. Vì sao vậy?

Bởi vì, này Māgandiya, có một sự khoái-lạc ngoài những khoái-lạc giác quan, ngoài những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt qua cả niềm hạnh-phúc cõi trời.752 Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó.

11. "Này Māgandiya, ví dụ một gia chủ [hay con trai gia chủ], giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản, và được chu cấp và ưu đãi đầy đủ năm dây khoái-lạc giác-quan: Những

hình-sắc được nhận biết bởi mắt … Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ chạm-xúc được được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Sau khi đã hành xử tốt thiện trong (ba nghiệp) thân, lời-nói và tâm, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể được tái sinh trong một nơi-đến hạnh phúc, trong cõi trời trong số những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi); và ở đó, được vây quanh bởi đoàn tiên nữ trong khu Vườn Nandana (Khoái Lạc Viên), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác-quan của cõi trời. Giả sử người đó nhìn xuống thấy một gia chủ đang thụ hưởng bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác quan [ở cõi người]. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Liệu thiên thần trẻ đó, được vây quanh bởi đoàn tiên nữ trong khu Vườn Nandana, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác quan ở cõi trời, mà còn ghen tỵ với những khoái-lạc giác quan ở cõi người hay còn bị cám dỗ bởi những khoái-lạc giác quan ở cõi người, hay không?" "Không đâu, Thầy Cồ-Đàm. Vì sao không? Bởi vì những khoái-lạc giác quan ở cõi trời thì siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn những khoái-lạc giác quan ở cõi người."

12. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia, ta cũng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái- lạc giác quan: với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những thứ

hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan, ta đã dẹp bỏ dục-vọng đối với khoái-lạc giác quan (dục ái), ta đã loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, và ta an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ta nhìn thấy những chúng sinh khác chưa thoát khỏi tham-muốn vì khoái-lạc giác quan, đang bị cắn xé bởi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, đang bốc cháy bởi sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, đang say đắm trong khoái-lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ gì với họ, ta cũng không còn ưa thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Māgandiya, có một sự khoái-lạc ngoài những khoái-lạc giác quan, ngoài những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt qua cả niềm hạnh-phúc cõi trời. Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó.

13. "Này Māgandiya, xưa có một người bệnh cùi với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng sự, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó, và bằng cách dùng thuốc trị, người đó có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi người đó có thể gặp một người bệnh cùi khác, với chân tay bị đau

nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Liệu người đó có đi ghen tỵ với người bệnh cùi kia vì người kia đang hơ đốt (được đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy hoặc vì người kia đang được dùng thuốc chữa trị, hay không?" "Không đâu, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì khi có bệnh thì mới cần có

lửa than cháy nóng và cần có thuốc trị, và khi không còn bệnh thì đâu còn cần lửa than cháy nóng hay cần có thuốc trị."

14. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia ... [giống đoạn cuối mục 12 kế trên] ... Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó.

15. "Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó, và bằng cách dùng thuốc trị, người đó có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi có hai người mạnh bạo nắm lấy hai tay của người đó và lôi người đó tới chỗ hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Người đó sẽ cố gồng thân vùng vẫy mọi hướng để cố thoát, đúng không?" "Dạ đúng, thưa Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Vì nếu đụng tới lửa là thực sự đau đớn, bị thiêu nóng, và bị đốt cháy." "Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Có phải chỉ bây giờ lửa này khi đụng tới mới bị đau đớn, bị thiêu nóng và đốt cháy; hay lửa trước kia khi đụng tới cũng bị đau đớn, bị thiêu nóng và bị đốt cháy như vậy?" "Thưa Thầy Cồ-đàm, lửa bây giờ khi đụng tới bị đau đớn, bị thiêu nóng và đốt cháy; và lửa trước kia khi đụng tới cũng bị đau đớn, bị thiêu nóng và bị đốt cháy như vậy. Nhưng chỉ vì trước kia người đó là một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, lúc đó các giác-quan không cảm nhận đúng đắn, cho nên mặc dù lửa khi đụng tới là đích thực đau đớn nhưng người đó đã nhận thức là sướng-khoái." (chỉ vì lửa nóng làm đã ngứa thân da người cùi).

16. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia những khoái-lạc giác quan (dục lạc) khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, như bị thiêu sốt và bị đốt cháy; sau này những khoái-lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy; và hiện tại những khoái-lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy. Nhưng những người không được tự do khỏi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan (dục ái), những người đang bị cắn xé bởi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bốc cháy bởi sự sốt- não vì khoái-lạc giác quan, là vì họ đang có các giác-quan [bị hư bại] không nhận biết đúng đắn; cho nên mặc dù

những khoái-lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, nhưng họ đã nhận thức sai lầm đó là sung-sướng.753

17. “Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy; khi người đó càng cào gãi những chỗ lỡ loét và càng hơ đốt thân mình trên lửa thì những chỗ lỡ loét càng thêm dơ dáy, càng thêm hôi thối, và càng bị nhiễm trùng, nhưng người đó vẫn thấy có một mức độ thỏa-thích và thích-thú trong việc cào gãi và hơ đốt những chỗ lỡ loét đó. “Cũng giống như vậy, này Māgandiya, những người không được tự do khỏi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bị cắn xé bởi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bốc cháy với cơn sốt những khoái-lạc giác quan, vẫn say đắm trong những khoái-lạc giác quan; khi họ càng say đắm trong những khoái-lạc giác quan, thì dục-vọng vì khoái-lạc giác quan (dục ái) của họ càng gia tăng, và họ càng bị đốt cháy bởi cơn sốt khoái-lạc giác quan, nhưng họ cứ thấy có một mức độ thỏa- mãn và thích-thú trong năm dây khoái-lạc giác quan đó.

18. “Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Ông đã từng thấy hay nghe có một ông vua hay một quan thần thụ hưởng bản thân, được chu cấp và ưu đãi với năm dây khoái-lạc giác quan, là người không dẹp bỏ dục-vọng vì

khoái-lạc giác quan (dục ái), không loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan mà có thể an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an, hoặc ai có thể, hoặc ai sẽ có thể an trú như vậy?”—“Không có ai như vậy, thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Tốt, này Māgandiya. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe có một ông vua hay quan thần … [như đoạn kế trên] … hoặc ai có thể, hoặc ai sẽ có thể an trú như vậy. Ngược lại, này Māgandiya, những tu sĩ và bà-la-môn nào là người đã an trú, hoặc an trú, hoặc sẽ an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), tất cả họ đều làm được vậy sau khi đã hiểu được nguồn- gốc, sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan, đúng như chúng thực là, và chính là sau khi đã dẹp bỏ dục-vọng vì khoái-lạc giác quan (dục ái) và loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan nên họ có thể an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an.”

19. Rồi tới điểm này đức Thế Tôn đã thốt ra lời cảm hứng này: “Lợi lộc lớn nhất là sức khỏe, Hạnh phúc lớn nhất là Niết-bàn, Đạo tốt nhất là Bát Chi Thánh Đạo Vì nó dẫn tới sự Bất Tử.” Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Māgandiya đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm, thật tuyệt vời là cách điều đó đã được diễn đạt một cách hay khéo bởi Thầy Cồ-Đàm: ‘Lợi lộc lớn nhất là sức khỏe, Hạnh phúc lớn nhất là Niết-bàn’ Chúng tôi cũng đã từng nghe những du sĩ trước đây, là những vị thầy và là những vị thầy của những vị thầy, có nói bài thi kệ này (với hai dòng), và nó giống ý như vậy, thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Nhưng, này Māgandiya, khi ông nghe những du sĩ trước đây, là những vị thầy và những vị thầy của những vị thầy, nói bài thi kệ này, thì

cái gì là sức khỏe đó, cái gì là Niết-bàn đó?" Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Māgandiya đưa bàn tay sờ chân tay của mình và nói: "Thầy Cồ-Đàm, đây là sức khỏe đó, đây là Niết-bàn đó; vì giờ tôi khỏe mạnh và hạnh phúc và không gì làm đau đớn tôi."754

20. "Này Māgandiya, giả sử có một người mù bẩm sinh không thể nhìn thấy những hình-sắc tối hay sáng; không thể nhìn thấy màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng; không thể nhìn thấy chỗ bằng phẳng hay chỗ không bằng phẳng; không thể nhìn thấy những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng. Người đó có thể nghe một người có mắt sáng đến rao rằng: 'Này các ông bà, thật tốt thay, cái áo trắng này đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ!', và người đó có thể muốn tìm mua một áo trắng. Rồi một người lừa gạt đưa cho người đó một cái áo dính dơ và nói: 'Này anh bạn, cái áo trắng này đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ.' Và người đó chấp nhận và mặc áo đó, và hài lòng với nó, người đó còn thốt ra lời thỏa mãn như vầy: 'Thật tốt thay, cái áo trắng này đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ!'. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Khi người mù bẩm sinh đó chấp nhận cái áo dơ dáy đó, mặc nó, và hài lòng với nó, và còn thốt ra lời thỏa mãn như vậy—liệu người đó làm vậy là do biết và thấy, hay chỉ do niềm-tin vào người có mắt sáng kia?" "Thưa Thế Tôn, người đó làm vậy là do không biết và không thấy, chỉ do niềm-tin vào người có mắt sáng kia mà thôi."

21. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, những du sĩ của những giáo phái khác là mù và không nhìn thấy. Họ không biết sức khỏe (nghĩa là gì trong bài kệ đó), họ không biết Niết-bàn, nhưng họ lại thốt ra bài kệ đó như vầy: 'Lợi lộc lớn nhất là sức khỏe, Hạnh phúc lớn nhất là Niết-bàn' Bài thi kệ này đã được nói ra bởi những bậc Tu Thành (A-la-hán), những bậc Toàn-giác, như vầy:

"Lợi lộc lớn nhất là sức khỏe, Hạnh phúc lớn nhất là Niết-bàn, Đạo tốt nhất là Bát Chi Thánh Đạo Vì nó dẫn tới sự Bất Tử." Giờ nó đã dần dần được phổ biến trong những người phàm thường.755 Và này Māgandiya, cho dù thân này là như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, và một sự khổ đau, khi đề cập tới thân này ông lại nói: 'Thầy Cồ-Đàm, đây là sức khỏe, đây là Niết-bàn.' Này Māgandiya, ông không có tầm-nhìn thánh thiện là phương tiện để ông có thể biết được (nghĩa của chữ) sức khỏe và Niết-bàn."

22. "Tôi có niềm-tin vào Thầy Cồ-Đàm như vầy: 'Thầy Cồ-Đàm có năng lực chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi đi đến biết được sức khỏe và Niết-bàn.'" "Này Māgandiya, ví dụ có một người mù bẩm sinh không thể nhìn thấy những hình-sắc tốt hay sáng … mặt trời, hay mặt trăng. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó, nhưng bằng cách dùng thuốc trị, tầm-nhìn (thị lực) của người đó không khởi sinh hay được làm trong sạch (khỏi sự mù). Ông nghĩ sao, này Māgandiya, có phải vị lương y chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng hay không?"—"Đúng vậy, thưa Thầy

Cồ-Đàm”—“Cũng giống như vậy, này Māgandiya, nếu mà ta chỉ dạy Giáo Pháp cho ông như vầy: ‘Đây là sức khỏe, đây là Niết-bàn’, thì ông cũng không biết được sức khỏe là gì hay nhìn thấy Niết-bàn là gì, và điều đó chỉ gây sự mệt mỏi và thất vọng cho ta mà thôi.”

23. “Tôi có niềm-tin vào Thầy Cồ-Đàm như vầy: ‘Thầy Cồ-Đàm có năng lực chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi đi đến biết được sức khỏe và Niết-bàn.’” “Này Māgandiya, ví dụ có một người mù bẩm sinh không thể nhìn thấy những hình-sắc tối hay sáng … mặt trời, hay mặt trăng. Người đó có thể nghe một người có mắt sáng đến rao rằng: ‘Này các ông bà, thật tốt

thay, cái áo trắng này đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ!’, và người đó có thể tìm mua một áo trắng. Rồi người lừa gạt đưa cho người đó một cái áo dính dơ và nói: ‘Này anh bạn, cái áo trắng này đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ.’ Và người đó chấp nhận và mặc áo đó. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó—[thuốc giúp ói ra và thuốc tẩy độc, thuốc cao (trị mắt) và thuốc trị đường mũi]—và bằng cách dùng thuốc trị, tầm-nhìn (thị lực) của người đó khởi sinh và được làm trong sạch (khỏi sự mù). Ngay khi có sự khởi sinh tầm-nhìn (thị lực) của người đó, thì sự mong-muốn và ưa-thích đối với cái áo dơ dáy đó liền bị dẹp bỏ; rồi người đó có thể bùng lên sự phẫn nộ và thù hận đối với người đàn ông kia và nghĩ rằng ông ta đáng bị giết, như vầy: ‘Đúng thiệt lâu nay tôi cứ bị lừa, bị gạt, bị gian lận bằng cái áo dơ dáy bởi ông này khi ông vẫn luôn nói: “Này anh bạn, cái áo trắng này cho anh, nó đẹp, không vết dơ, và sạch sẽ.”’

24. “Cũng giống như vậy, này Māgandiya, nếu ta chỉ dạy Giáo Pháp cho ông như vầy: ‘Đây là sức khỏe, đây là Niết-bàn’, ông có thể biết được sức khỏe là gì và nhìn thấy Niết-bàn là gì. Ngay khi có sự khởi sinh tầm-nhìn của ông, thì sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính chấp (năm thủ uẩn) liền bị dẹp bỏ. Rồi có lẽ ông sẽ nghĩ: ‘Đúng thiệt lâu nay tôi cứ bị lừa, bị gạt, bị gian lận bởi cái tâm này. Bởi vì khi dính-chấp, chính là ta dính chấp theo sắc-thân (sắc), chính là ta dính chấp theo cảm-giác (thọ), chính là ta dính chấp theo nhận-thức (tưởng), chính là ta dính chấp theo những sự tạo-tác cố ý (hành), chính là ta dính chấp theo thức (thức).756 Khi có sự dính-chấp (thủ) như vậy là điều-kiện (duyên), thì có [xảy ra] sự hiện-hữu (hữu); khi có sự hiện-hữu là điều-kiện, thì có sự sinh-ra (sinh); khi có sự sinh-ra thì có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’”

25. “Tôi có niềm-tin vào Thầy Cồ-Đàm như vầy: ‘Thầy Cồ-Đàm có năng lực chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi đi đến biết được sức khỏe và Niết-bàn.’”

“Vậy thì, này Māgandiya, hãy giao lưu với những người chân thực. Khi ông giao lưu với những người chân thực, ông sẽ nghe được Giáo Pháp chân thực (chân Pháp). Khi ông

nghe được Giáo Pháp chân thực, ông sẽ tu tập đúng theo Giáo Pháp chân thực. Khi ông tu tập đúng theo Giáo Pháp chân thực, ông sẽ tự mình biết và thấy như vầy: 'Đây là những căn bệnh, những ung nhọt, và những gai nhọn; nhưng tại đây những căn bệnh, những ung nhọt, và những gai nhọn này chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].757 Với sự chấm dứt sự dính-chấp (thủ) của ta, thì có [xảy ra sự] chấm- dứt sự hiện-hữu (hữu); khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh); khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.'"

26. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Māgandiya đã nói: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Con xin thụ giới xuất gia dưới Thầy Cồ- Đàm, con xin thụ toàn bộ giới (đại thọ giới)."

27. "Này Māgandiya, một người trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, thì họ duyệt cho người đó thụ nhận giới xuất gia (thành sa-di) và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo. Nhưng ở đây ta nhận thấy có sự khác biệt cá nhân trong vấn đề này." "Thưa Thế Tôn, nếu những ai trước đây thuộc giáo phái khác và giờ có mong muốn thụ giới xuất gia và toàn bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này thì phải sống trong thời gian thực tập bốn năm. Khi hết bốn năm,

nếu các Tỳ kheo hài lòng với họ, thì các Tỳ kheo duyệt cho họ thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo, vậy thì con sẽ sống trong thời gian tập sự bốn năm. Khi hết bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, thì các Tỳ kheo duyệt cho con thụ nhận giới xuất gia và thụ nhận toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo."

28. Rồi du sĩ Māgandiya đã thụ nhận sự xuất gia dưới đức Thế Tôn, và thụ nhận toàn bộ giới. Rồi, không lâu sau khi thụ toàn bộ giới, sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Māgandiya, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người một đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Māgandiya đã trở thành một trong những vị A-la- hán.

76. KINH SANDAKA (Sandaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kos- ambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ Sandaka đang ở chỗ (được gọi là) Hang Động Cây Pilakkha cùng với một hội chúng lớn những du sĩ.

3. Rồi, vào buổi cuối chiều, ngài Ānanda ra khỏi chỗ thiền và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, hãy đến Ao Nước Devakaṭa để coi hang động.”—“Dạ được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Rồi thầy Ānanda đã đi đến chỗ Ao Nước Devakaṭa cùng với một số Tỳ kheo.

4. Bấy giờ, lúc đó có du sĩ Sandaka đang ngồi với một hội chúng lớn những du sĩ, họ đang làm náo động, ồn ào và lớn tiếng nói đủ thứ chuyện tầm phào vô nghĩa,758 như nói chuyện về những vua chúa, trộm cướp, quan chức, quân đội, những nguy hiểm, những trận chiến, thức ăn, thức uống, quần áo, giường chiếu, vòng hoa, dầu thơm, họ hàng, xe cộ, làng xóm, thị trấn, thành phố, xứ sở, những phụ nữ, những anh hùng, đường xá, giếng nước, người chết, những thứ lặt vặt, nguồn gốc thế gian, nguồn gốc biển cả, những này là vậy hay những kia là không vậy. Rồi du sĩ Sandaka nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy thầy ấy, ông ta kêu hội chúng của mình giữ im lặng như vầy: “Này các vị, hãy im lặng; này các vị, đừng làm ồn ào. Đây có sa-môn Ānanda đang đến, là một đệ tử của sa-môn Cồ-đàm đang có mặt ở Kosambī này. Những vị đó thích sự im lặng; họ được giới hạnh về sự im lặng; họ đề cao sự im lặng. Có lẽ, nếu ông ta thấy hội chúng của chúng ta là hội chúng im lặng, thì ông ta sẽ nghĩ đến việc tham gia với chúng ta.” Những du sĩ liền im lặng.

5. Thầy Ānanda đến gặp du sĩ Sandaka; ông ta nói với thầy ấy: “Mời Thầy Ānanda vào! Xin chào đón Thầy Ānanda! Đã lâu kể từ lần trước Thầy Ānanda có cơ hội đến đây. Mời Thầy Ānanda ngồi; chỗ ngồi đây đã sẵn.”

Thầy Ānanda ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và du sĩ Sandaka chọn một chỗ ngồi thấp và ngồi xuống một bên. Sau khi ông làm vậy xong, thầy Ānanda đã hỏi ông ta: “Này Sandaka, vì thảo luận gì mà các bạn ngồi cùng với nhau ở đây? Và cuộc thảo luận đang dang dở của các bạn là gì?” “Thầy Ānanda, hãy tạm bỏ qua cuộc thảo luận mà chúng tôi đang ngồi cùng với nhau. Lát nữa Thầy Ānanda nghe lại cũng được. Giờ sẽ tốt lành nếu Thầy Ānanda ban cho chúng tôi một bài nói chuyện về Giáo Pháp của vị thầy của mình.” “Được rồi, này Sandaka, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói”. “Dạ được”, ông ta đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

6. “Này Sandaka, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán [đã tu-thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện], đã tuyên bố về [1] bốn ‘đường-lối (cách tu, cách thực hành, đạo) phủ định sự sống đời sống tâm linh’ và [2] bốn loại ‘đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được đường-lối đích thực (chân đạo), chính là Giáo Pháp thiện lành (thiện Pháp).”759 - [1] “Nhưng, Thầy Ānanda, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố cái gì là bốn ‘đường-lối phủ định đời sống tâm linh’, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được

đường-lối đích thực (chân đạo), chính là Giáo Pháp thiện lành?"

7. (i) "Ở đây, này Sandaka, có sư thầy nắm giữ giáo thuyết và quan- điểm (A): (đối với ông) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào

trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác. Cá- nhân này chỉ gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại).760 Sau khi người đó chết, (yếu-tố) đất trở về và nhập lại với thể [thân]-đất; nước trở về và nhập lại với thể-nước; nhiệt (lửa) trở về và nhập lại với thể-nhiệt; khí (gió) trở về và nhập lại với thể-khí; các căn (thuộc phần tâm thần, để cảm nhận, nhận biết, ý định, ý thức...) thì được chuyển qua hư-không. [Bốn] người đàn ông khiêng cái giá quan tài với một người chết nằm trong đó là năm. Lời tụng cúng chẳng bay tới đâu xa hơn nghĩa địa; chỉ còn lại xương trắng; lễ thiêu xác kết thúc bằng tro tàn. Bố thí (cho đi) là triết lý của kẻ ngu. Khi có ai khẳng định triết lý là-có [sự cho đi, bố thí, cúng dường...] thì đó là lời sáo rỗng, giả dối. Kẻ ngu và người khôn gì rồi cũng đều bị cắt bỏ và diệt vong với thân tan rã; sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.']

8. "Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: 'Sư thầy này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (A): [(đối với ông) 'Không thứ gì (cần nên) được cho đi ... sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.'] Nếu lời ông thầy này nói là đúng thực, thì tất cả chúng ta ở đây đều như nhau, chúng ta cùng đứng ngang nhau: cho dù tôi là người không thực hành [giáo lý này] và anh kia thì đã thực hành nó; cho dù tôi là người không sống [đời sống tâm linh này] và anh kia thì đã sống nó.761 Nhưng tôi thì không nói rằng cả tôi và các chú đều sẽ bị cắt đứt và hủy diệt khi thân tan rã, rằng sau khi chết chúng ta đều chẳng còn hiện-hữu. Bởi vì nếu (đúng như ông thầy này nói) như vậy thì cũng bằng thừa (vô dụng, cớ gì) ông phải (thực hành khổ hạnh) đi khỏa thân, đầu cạo trọc, hành hạ bản thân trong tư thế chỉ ngồi chồm hổm (ngồi xổm), và nhổ râu nhổ tóc; trong khi tôi đây, sống ở nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương xứ Ba-la-nại (Benares), mang vòng hoa, sức dầu thơm và phấn sáp, và nhận dùng vàng bạc, rồi cũng gặt hái định mệnh giống hệt, đường tương lai giống hệt như của ông thầy này. Vậy tôi sẽ biết được gì và thấy được gì nếu tôi sống đời sống tâm linh theo ông thầy này?' Do vậy, sau khi người đó thấy rằng 'đường-lối này là phủ định sự sống đời sống tâm linh', người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

9. "Đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố 'đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh' thứ nhất này, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ

không đạt được đường-lối đích thực, chính là Giáo Pháp thiện lành.

10. (ii) “Lại nữa, này Sandaka, ở đây có sư thầy nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B): (đối với ông) ‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người hành động vậy không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’

11. “Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: ‘Sư thầy này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B): [(đối với ông) ‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động … cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’] Nếu lời ông thầy này nói là đúng thực, thì tất cả chúng ta ở đây đều như nhau, chúng ta cùng đứng ngang nhau: cho dù tôi là người không thực hành [giáo lý này] và anh kia thì đã thực hành nó; cho dù tôi là người không sống [đời sống

tâm linh này] và anh kia thì đã sống nó. Nhưng tôi thì không nói rằng cả tôi và các chú đều sẽ bị cắt đứt và hủy diệt khi thân tan rã, rằng sau khi chết chúng ta đều chẳng còn hiện-hữu. Bởi vì nếu (đúng như ông thầy này nói) như vậy thì cũng bằng thừa (vô dụng, cớ gì) ông phải (thực hành khổ hạnh) … Vậy tôi sẽ biết được gì và thấy được gì nếu tôi sống đời sống tâm linh theo ông thầy này?’ Do vậy, sau khi người đó thấy rằng ‘đường-lối này là phủ định sự sống đời sống tâm linh’, người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

12. “Đức Thế Tôn, là người biết và thấy … đã tuyên bố ‘đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh’ thứ hai này ...

13. (iii) “Lại nữa, này Sandaka, ở đây có sư thầy nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (C): (đối với ông) ‘Không có nhân [nguyên-nhân] hay duy- ên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không phải có nhân hay duyên. Không có nhân hay duyên cho sự thanh- lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không phải có nhân hay duyên. Không có năng-lực, không có sự nỗ-lực (tinh tấn), không có sức- mạnh của con người, không có sự cố-gắng của con người. Tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực, và sự

nỗ-lực; đều đã được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên, họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.'

14. "Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: 'Sư thầy này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (C): [(đối với ông) 'Không có nhân [nguyên-nhân] hay duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh … họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.'] Nếu lời ông thầy này nói là đúng thực, thì tất cả chúng ta ở đây đều như nhau, chúng ta cùng đứng ngang nhau: cho dù tôi là người không thực hành [giáo lý này] và anh kia thì đã thực hành nó; cho dù tôi là người không sống [đời sống tâm linh này] và anh kia thì đã sống nó. Nhưng tôi thì không nói rằng cả tôi và các chú đều sẽ bị cắt đứt và hủy diệt khi thân tan rã, rằng sau khi

chết chúng ta đều chẳng còn hiện-hữu. Bởi vì nếu (đúng như ông thầy này nói) như vậy thì cũng bằng thừa (vô dụng, cớ gì) ông phải (thực hành khổ hạnh) … Vậy tôi sẽ biết được gì và thấy được gì nếu tôi sống đời sống tâm linh theo ông thầy này?' Do vậy, sau khi người đó thấy rằng 'đường-lối này là phủ định sự sống đời sống tâm linh', người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

15. "Đức Thế Tôn, là người biết và thấy … đã tuyên bố 'đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh' thứ ba này …

16. (iv) "Lại nữa, này Sandaka, ở đây có sư thầy nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (D): (đối với ông):762 ['Có bảy thân này vốn không được làm ra, không được sinh ra, không được tạo ra, không có người tạo ra (đấng sáng tạo), trơ cằn, đứng yên như những đỉnh núi, đứng yên như những cột nhà. Chúng không di chuyển hay thay đổi hay cản trở lẫn nhau. Không thân nào có khả năng [gây ra, tạo ra] sự sướng hay khổ hay sướng và khổ cho những thân khác. Bảy đó là gì? Đó là thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, sự sướng, sự khổ, và linh hồn là thứ bảy. Bảy thân này là không được làm ra, không được sinh ra, không được tạo ra … Trong đó, không có người giết, không có người tàn sát, không có người nghe, không có người nói, không có người nhận biết, không có người thân mật. Cho dù ai có chặt đầu người khác bằng kiếm bén cũng không phải là lấy mạng người đó; chỉ là lưỡi kiếm đi qua không gian giữa bảy thân mà thôi. (Tùy theo cách phân loại) Có 1.4 triệu chủng loài chính trong hệ chúng sinh, và 6.000 loại, và 600 loại; có 500 loại nghiệp, và 05 loại nghiệp, và 03 loại nghiệp, và toàn nghiệp và bán nghiệp; có 62 đường tu, 62 đoạn kiếp (trong một đại kiếp), 06 giai cấp, 08 cảnh (giai đoạn) của kiếp người, 4.900 sự mưu sinh, 4.900 loại khổ sĩ (ngoại đạo, ājivika), 4.900 loại du sĩ, 4.900 chỗ trú của loài rồng (naga), 2.000 căn, 3.000 địa ngục, 36 yếu-tố (giới) có bụi đất tụ thành (trần giới), 07 giống có tri giác, 07 giống không có tri giác, 07 giống không có vỏ bọc; 07 loại thiên thần, 07 loại người, 07 loại quỷ thần, 07 hồ, 07 gió, 07 loại vực sâu (lớn), 700 loại vực sâu (nhỏ), 07 loại mộng (lớn), 700 loại mộng (nhỏ); và có 8.400 đại kiếp những kẻ ngu

và người trí đều phải trôi giạt và luân hồi tái sinh trong đó trước khi họ làm được sự chấm-dứt khổ; (tức dù có tu hành gì gì cũng không được giải thoát sớm hơn số lượng kiếp đã định của vòng luân-hồi). Không có chuyện kiểu như vầy: "Bằng giới-hạnh này hay đời sống tâm linh (sự tu hành) này tôi sẽ làm cho nghiệp chưa chín muồi chín muồi và tiêu hủy nghiệp đã chín muồi khi nó tới." Chuyện đó là không có! Sự sướng và khổ đã được định lượng. Vòng luân-hồi đã được định hạn, không có chuyện tăng thêm hay rút ngắn nó; không có tiến thêm hay lùi lại. Giống như một trái chỉ cuộn khi bị quăng ra nó cứ chạy tới khi bung hết chỉ thì dừng lại; cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi đã lang thang và trôi giạt (hết vòng luân-hồi) sẽ làm được sự chấm-dứt khổ.'] (tức là, cho dù có tu hành gì gì cũng không thể giải thoát sớm hơn vòng luân-hồi đã được định hạn).

17. "Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: 'Sư thầy này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (D): [(đối với ông): ['Có bảy thân này vốn không được làm ra ... cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi đã lang thang và trôi giạt (hết vòng luân-hồi) sẽ làm được sự chấm-dứt khổ.'] Nếu lời ông thầy này nói là đúng thực, thì tất cả chúng ta ở đây đều như nhau, chúng ta cùng đứng ngang nhau: cho dù tôi là người không thực hành [giáo lý này] và anh kia thì đã thực hành nó; cho dù tôi là người không sống [đời sống tâm linh này] và anh kia thì đã sống nó. Nhưng tôi thì không nói rằng cả tôi và các chú đều sẽ bị cắt đứt và hủy diệt khi thân tan rã, rằng sau khi chết chúng ta đều chẳng còn hiện-hữu. Bởi vì nếu (đúng như ông thầy này nói) như vậy thì cũng bằng thừa (vô dụng, cớ gì) ông phải (thực hành khổ hạnh) đi khỏa thân, đầu cạo trọc, hành hạ bản thân trong tư thế chỉ ngồi chồm hổm (ngồi xổm), và nhổ râu nhổ tóc; trong khi tôi đây, sống ở nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương xứ Ba-la-nại (Benares), mang vòng hoa, sức dầu thơm và phấn sáp, và nhận dùng vàng bạc, rồi cũng gặt hái định mệnh giống hệt, đường tương lai giống hệt như của ông thầy này. Vậy tôi sẽ biết được gì và thấy được gì nếu tôi sống đời sống tâm linh theo ông thầy này?' Do vậy, sau khi người đó thấy rằng

'đường-lối này phủ định sự sống đời sống tâm linh', người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

18. "Đức Thế Tôn, là người biết và thấy ... đã tuyên bố 'đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh' thứ tư này ...

19. "Này Sandaka, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố về [1] 'bốn đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh' này, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được đường-lối đích thực, chính là Giáo Pháp thiện lành."

20. "Thật kỳ diệu, Thầy Ānanda, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố về 'bốn đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh' ... - [2] "Nhưng, Thầy Ānanda, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố cái gì là 'bốn loại đời sống tâm linh không có sự

yên-ủi’, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được đường-lối đích thực, chính là Giáo Pháp thiện lành?”

21. (i) “Ở đây, này Sandaka, có sư thầy tuyên bố mình là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả, có sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy (E): ‘Cho dù khi ta đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, trí-biết và tầm- nhìn vẫn liên tục và không gián đoạn có mặt đối với ta.’763 Nhưng ông thầy này lại hay đi vô trúng nhà trống (không có ai để khất thực), ông ta không có thức ăn khất thực, một con chó cắn ông ta, ông ta gặp phải voi dữ (hoang), ngựa dữ, bò dữ, ông ta hỏi tên và họ của một người nữ hay người nam, ông ta hỏi tên thôn làng hay thị trấn, và đường để đi đến đó. Khi ông ta được hỏi: ‘Vậy là sao?’, ông ta trả lời (chống chế): ‘Tôi phải đi vô nhà trống, đó là lý do tôi đã đi vô đó. Tôi phải không có thức ăn khất thực, đó là lý do tôi đã không có thức ăn khất thực. Tôi phải bị chó cắn, đó là lý do tôi đã bị chó cắn. Tôi phải gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, đó là lý do tôi đã gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ. Tôi phải hỏi tên và họ của người nữ hay

người nam, đó là lý do tôi đã hỏi tên và họ của người nữ hay người nam. Tôi phải hỏi tên thôn làng hay thị trấn, và đường để đi đến đó, đó là lý do tôi đã hỏi tên thôn làng hay thị trấn, và đường để đi đến đó.’

22. “Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: ‘Sư thầy này tuyên bố mình là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả, có sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy (E) … Khi được hỏi: “Vậy là sao?” … đó là lý do tôi đã hỏi tên thôn làng hay thị trấn, và đường để đi đến đó.”’ Do vậy, sau khi người đó thấy rằng ‘đời sống tâm linh này là không có sự yên-ủi’ (tức đời sống tu hành kiểu đó là không đúng đắn, không có chánh quả và sự an lạc), người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

23. “Đức Thế Tôn, là người biết và thấy … đã tuyên bố ‘đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’ thứ nhất này …

24. (ii) “Lại nữa, này Sandaka, ở đây có (F) sư thầy là một người bảo thủ truyền thống, coi truyền thống truyền miệng là sự thật; ông thầy đó chỉ dạy Giáo Pháp bằng những điều được truyền miệng, bằng những huyền thoại được truyền miệng, bằng sự thẩm quyền của những kinh sách (coi các bộ kinh điển là ‘chân lý’, là ‘kinh’). Nhưng khi sư thầy là một người bảo thủ truyền thống, coi truyền thống truyền miệng là sự thật, lại có điều được truyền tốt, có điều được truyền tệ,764 có điều là đúng, có điều là sai.

25. “Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: ‘Sư thầy này là một người bảo thủ truyền thống … có điều là đúng, có điều là sai.’ Do vậy, sau khi người đó thấy rằng ‘đời sống tâm linh này là không có sự yên-ủi’, người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

26. “Đức Thế Tôn, là người biết và thấy … đã tuyên bố ‘đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’ thứ hai này …

27. (iii) “Lại nữa, này Sandaka, ở đây có (G) sư thầy là một người lý luận (lý giải, theo lý lẽ), một người truy vấn tìm hiểu. Ông thầy đó chỉ dạy Giáo Pháp được mổ xẻ phân tách bằng sự lý luận, theo sau dòng truy vấn đã xảy đến với ông ta. Nhưng khi sư thầy là một người lý luận, một người

truy vấn tìm hiểu, có điều được lý luận tốt, có điều được lý giải tệ, có điều là đúng, có điều là sai.

28. “Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: ‘Sư thầy này là một người lý luận … có điều là đúng, có điều là sai.’ Do vậy, sau khi người đó thấy rằng ‘đời sống tâm linh này không có sự yên-ủi’, người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

29. “Đức Thế Tôn, là người biết và thấy … đã tuyên bố ‘đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’ thứ ba này …

30. (iv) “Lại nữa, này Sandaka, ở đây có (H) sư thầy là ngu si và đần độn. Bởi vì ông ta là ngu si và đần độn, nên khi được hỏi câu hỏi như vầy và như vậy, ông ta lại léo lưỡi, lươn lẹo: ‘Tôi đâu nói điều đó như vầy. Và tôi đâu nói điều đó như vậy. Và tôi đâu nói điều đó là khác. Và tôi đâu nói điều đó không phải vậy. Và tôi đâu nói điều đó không không phải vậy.’765

31. “Về điều này một người có trí biết suy xét như vầy: ‘Sư thầy này là ngu si và đần độn … [do vậy] ông ta lại léo lưỡi, lươn lẹo …’ Do vậy, sau khi người đó thấy rằng ‘đời sống tâm linh này không có sự yên-ủi’, người đó liền quay lưng khỏi nó và rời bỏ nó.

32. “Đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố ‘đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’ thứ tư này, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được đường-lối đích thực, chính là Giáo Pháp thiện lành.

33. “Này Sandaka, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố về [2] ‘bốn loại đời sống tâm linh không có sự yên-ủi’ này, trong đó một người có trí chắc chắn không sống đời sống tâm linh đó, hoặc nếu người đó sống nó, người đó sẽ không đạt được đường- lối đích thực, chính là Giáo Pháp thiện lành.”

34. “Thật kỳ diệu, Thầy Ānanda, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã tuyên bố về ‘bốn

đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh’ … - [3] “Nhưng, Thầy Ānanda, đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khẳng định, đã tuyên bố cái gì mà theo đó một người có trí chắc chắn sẽ sống đời sống tâm linh, và trong khi đang sống nó sẽ đạt được đường-lối đích thực (chân đạo), chính là Giáo Pháp thiện lành?”

35. –42. “Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán, bậc Toàn-Giác … [như kinh MN 51, mục 12-19] … người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

43. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại này, (chúng) là những ố- nhiễm [sự bất hoàn thiện] của tâm làm suy yếu trí-tuệ: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’—Một người có trí chắc chắc sẽ sống đời sống tâm linh với một sư thầy mà dưới/theo vị thầy đó một đệ tử chứng đắc một sự khác-biệt cao siêu như vậy, và trong khi đang sống nó người đó đạt được đường-lối đích thực (chân đạo), đó chính là Giáo Pháp thiện lành (thiện Pháp).

44. –46. “Lại nữa: (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … (iii) người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).—Một người có trí chắc chắc sẽ sống đời sống tâm linh với một sư thầy mà dưới/theo vị thầy đó một đệ tử chứng đắc một sự khác-biệt cao siêu như vậy …

47. (v) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó

hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó (có thể) nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.—Một người có trí chắc chắc sẽ sống đời sống tâm linh với một sư thầy mà dưới/theo vị thầy đó một đệ tử chứng đắc một sự khác-biệt cao siêu như vậy …

48. (vi) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh) … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 25] … Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy.

49. (vii) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 26] … Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt những ô-nhiễm.’

50. (viii) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải- thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’—Một người có trí chắc chắn sẽ sống đời sống tâm linh với một sư thầy mà dưới/theo vị thầy đó một đệ tử chứng đắc một sự

khác-biệt cao siêu như vậy, và trong khi đang sống nó người đó đạt được đường-lối đích thực (chân đạo), đó chính là Giáo Pháp thiện lành (thiện Pháp).”

51. “Nhưng, Thầy Ānanda, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã phá hủy những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, người đó có còn thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) hay không?” “Này Sandaka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm … đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì người đó không còn khả năng phạm vào năm trường hợp. Một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì không còn khả năng cố ý sát-sinh; người đó không còn khả năng cố ý gian-cắp, đó là lấy thứ không được cho; người đó không còn khả năng dâm-dục; người đó không còn khả năng nói-sai nói dối một cách có ý thức; người đó không còn khả năng thụ hưởng những thứ khoái-lạc giác quan bằng cách tích trữ (thực phẩm, vật dụng …) như đã từng làm trong thời còn sống tại gia.766 Khi một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm … … đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì người đó không còn khả năng phạm vào năm trường hợp này nữa.”767

52. “Nhưng, Thầy Ānanda, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt những ô-nhiễm … thì cái ‘sự-biết và sự-thấy của người đó rằng những ô- nhiễm của mình đã bị tiêu diệt (lậu tận)’ có mặt liên tục và không gián đoạn đối với người đó dù người đó đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, hay không?” “Này Sandaka, về điều đó tôi sẽ cho chú một ví dụ, vì những người có trí ở đây có thể hiểu ý nghĩa của một lời khẳng định (sự thật) thông qua phương thiện ví dụ. Giả sử tay và chân của một người đều bị cắt. Cho dù người đó đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, thì tay và

chân của người đó đã bị cắt liên tục và không gián đoạn, nhưng người đó chỉ biết điều đó khi nào người đó xem xét (để ý) lại sự thật đó; (tức những lúc người đó đang nghĩ về những điều khác thì tâm không để ý đến sự thật các tay chân đã bị cắt, nhưng khi nào người đó để ý tới sự thật đó thì người đó biết rõ các tay chân đã bị cắt). Cũng giống như vậy, này Sanda- ka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt những ô-nhiễm … thì ‘sự biết và sự thấy của người đó rằng những ô-nhiễm của mình đã bị tiêu diệt’ không phải có mặt liên tục và không gián đoạn đối với người đó cho dù người đó đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức; thay vì vậy, người đó biết ‘những ô-nhiễm của

ta đã bị tiêu diệt' mỗi khi người đó xem xét lại sự thật đó."768

53. "Thầy Ānanda, có bao nhiêu người đã giải thoát769 trong Giáo Pháp và Giới Luật này?" "Này Sandaka, không chỉ có một trăm hay hai trăm, ba trăm, bốn trăm, hay năm trăm, mà có rất nhiều người giải thoát trong Giáo Pháp và Giới Luật này." "Thật kỳ diệu, Thầy Ānanda, thật tuyệt vời! Ở đây không có sự tâng bốc Giáo Pháp của mình và không có sự chê bai Giáo Pháp của người khác; ở đây có giáo lý của Giáo Pháp trong phạm vi (tầm) đầy đủ của nó, và có rất nhiều người giải thoát. Nhưng ngoài kia có những Ājīvaka (những người ngoại đạo), như những đứa con đã chết của những bà mẹ của họ, cứ tâng bốc bản thân mình và chê bai những người khác, và họ chỉ công nhận có ba người giải thoát, đó là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, và Makkhali Gosāla."770

54. Rồi du sĩ Sandaka mới nói với hội chúng của ông ta: "Đi nào, các vị. Đời sống tâm linh nên được sống theo/dưới sa-môn Cồ-đàm. (Cho dù) bây giờ (đến nước này) chúng ta cũng chưa dễ gì buông bỏ được 'lợi, vinh, danh'." Đó là cách du sĩ Sandaka đã khởi xướng cho hội chúng của mình hãy đi sống đời sống tâm linh theo/dưới đức Thế Tôn.

77. ĐẠI KINH SAKULUDĀYIN (Mahāsakuludāyi Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số du sĩ rất nổi tiếng cũng đang sống ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc đó, trong khu ở của những du sĩ—đó là ông Annabhāra, Varadhara, và du sĩ Sakuludāyin, cùng với những du sĩ nổi tiếng khác.

3. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ: "Vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Hay ta đến chỗ du sĩ Sakuludāyin ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc, trong khu ở của những du sĩ."

4. Rồi đức Thế Tôn đã đến Chỗ Kiếm Ăn của bầy Sóc, trong khu ở của những du sĩ. Vào lúc đó du sĩ Sakuludāyin đang ngồi cùng với một hội chúng lớn những du sĩ, họ đang làm náo động, ồn ào … [giống kinh MN 76 kế trên, mục 4] … Rồi du sĩ Sakuludāyin nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, ông ta kêu hội chúng của mình giữ im lặng như vầy: "Này các vị, hãy im lặng; này các vị, đừng làm ồn ào. Đây có sa-môn Cồ-Đàm đang đến. Vị này thích sự im lặng và đề cao sự im lặng. Có lẽ, nếu sa-môn Cồ-đàm thấy hội chúng của chúng ta là hội chúng im lặng, thì vị ấy sẽ nghĩ đến việc tham gia với chúng ta." Những du sĩ liền im lặng.

5. Đức Thế Tôn đến chỗ du sĩ Sakuludāyin, du sĩ Sakuludāyin nói: "Mời đức Thế Tôn vào! Xin chào đón đức Thế Tôn! Đã lâu kể từ lần trước đức Thế Tôn có cơ hội đến đây. Mời đức Thế Tôn ngồi; chỗ ngồi đây đã sẵn." Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và du sĩ Sakuludāyin

chọn một chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Sau khi đã xong, đức Thế Tôn hỏi ông ta: “Này Udāyin, vì thảo luận gì mà các chú đang ngồi cùng với nhau ở đây? Và cuộc thảo luận đang dang dở của các chú là gì?”

6. “Thưa Thế Tôn, hãy tạm bỏ qua cuộc thảo luận mà chúng tôi đang ngồi cùng với nhau. Lát nữa đức Thế Tôn nghe lại cũng được. Giờ, trong mấy ngày gần đây, khi những tu sĩ và bà-la-môn thuộc những giáo phái khác nhau cùng gặp nhau và ngồi với nhau trong hội trường tranh luận, chủ đề này đã khởi lên: ‘Đó là lợi ích cho dân chúng Anga và Magadha, đó là lợi ích lớn lao cho dân chúng Anga và Magadha khi có những tu sĩ và bà-la-môn này, gồm những giáo chủ của những giáo đoàn, những nhóm đoàn, những đạo sư của các nhóm đoàn, những người sáng lập danh tiếng và nổi tiếng của những giáo phái được nhiều người coi là những vị thánh, đã đến trú ngụ suốt kỳ An Cư Mùa Mưa ở Rājagaha. Có Pūraṇa Kassapa này, là giáo chủ của một giáo đoàn, đạo sư của một nhóm đoàn, là một người sáng lập danh tiếng và nổi tiếng của một giáo phái được nhiều người coi là một vị thánh. Cũng có Makkhali Gosāla này … Có Ajita Kesakambalin này … Có Pakudha Kaccāyana này … Có Sañjaya Belaṭṭhiputta này … Có Ni-kiền-tử Nātaputta này, là giáo chủ của một giáo đoàn, đạo sư của một nhóm đoàn, là một người sáng lập danh tiếng và nổi tiếng của một giáo phái được nhiều người coi là một vị thánh: ông ta cũng đến để trú ngụ qua kỳ An Cư Mùa Mưa ở Rājagaha. Cũng có Sa- môn Cồ-đàm, là giáo chủ của một giáo đoàn, đạo sư của một nhóm đoàn, là một người sáng lập danh tiếng và nổi tiếng của một giáo phái được nhiều người coi là một vị thánh: ông ta cũng đến để trú ngụ qua kỳ An Cư Mùa Mưa ở Rājagaha. “Giờ, trong số những tu sĩ và bà-la-môn đáng kính, là những giáo chủ của những giáo đoàn … được nhiều người coi là những vị thánh, ai là người được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi những đệ tử của mình? Và, sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó, theo cách nào họ sống nhờ dựa vào người đó?’

“Ngay đó có người lại nói điều này: ‘Pūraṇa Kassapa này là giáo chủ của một giáo đoàn … được nhiều người coi là một vị thánh, nhưng ông ta không được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi những đệ tử của ông; những đệ tử của ông cũng không sống nhờ dựa vào ông, sau khi tôn vinh và tôn trọng ông. Có lần Pūraṇa Kassapa đang chỉ dạy Giáo Pháp của ông cho một hội chúng gồm mấy trăm tín đồ. Lúc đó một số đệ tử của ông đã làm ồn ào như vầy: “Này các ông, đừng hỏi Pūraṇa Kassapa câu hỏi này. Ông ta không biết đâu. Chúng tôi thì biết. Hãy hỏi chúng tôi câu hỏi đó. Chúng tôi sẽ trả lời cho các ông.” Khi xảy ra như vậy Pūraṇa Kas- sapa không có cách để xử lý, mặc dù ông đã phất tay và than vãn: “Này các vị, hãy yên lặng, đừng làm ồn ào. Họ đâu hỏi các vị. Họ đang hỏi tôi. Tôi sẽ trả lời họ.” Thật sự, nhiều đệ tử của ông đã rời bỏ ông sau khi họ bác bỏ giáo thuyết của ông như vầy: “Ông không hiểu Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu Giáo Pháp và Giới Luật này. Làm sao ông có thể hiểu Giáo Pháp và Giới Luật này? Cách của ông là sai. Cách của tôi là đúng. Tôi thì nhất quán. Ông không nhất quán. Điều lẽ ra nên được nói trước, ông lại nói sau. Điều lẽ ra nên được nói sau, ông lại nói trước. Điều ông đã nghĩ kỹ càng hóa ra toàn bị lộn ngược. Giáo thuyết của ông bị

bác bỏ. Ông đã bị chứng minh là sai. Hãy đi học lại cho tốt hơn, hoặc đi mà tự gỡ rối bản thân mình nếu có thể!" Như vậy Pūraṇa Kassapa không được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi những đệ tử của mình, những đệ tử của ông cũng không sống nhờ dựa vào ông, sau khi tôn vinh và tôn trọng ông. Thật sự, ông ta bị khinh dễ bằng sự khinh dễ (của họ) đối với Giáo Pháp của ông.' "Và có người lại nói điều này: 'Makkhali Gosāla này … Ajita Kesa- kambalin này … Pakudha Kaccāyana này … Sañjaya Belaṭṭhiputta này … Ni-kiền-tử Nātaputta này là giáo chủ của một giáo đoàn … nhưng ông ta không được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi những đệ tử của ông; những đệ tử của ông cũng không sống nhờ dựa vào ông , sau khi tôn vinh và tôn trọng ông. Thật sự, ông ta bị kinh dễ bởi sự khinh dễ (của họ) đối với Giáo Pháp của ông.'

"Và có người lại nói điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm này là giáo chủ của một giáo đoàn … được nhiều người coi là một vị thánh. Ông ta được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi những đệ tử của mình, và những đệ tử của ông sống nhờ dựa vào ông, sau khi tôn vinh và tôn trọng ông. Có lần sa-môn Cồ-đàm đang chỉ dạy Giáo Pháp của ông cho một hội chúng gồm mấy trăm đệ tử thì có một đệ tử của ông lỡ tằng hắng giọng. Ngay đó một trong những đồng đạo của người đó đã hấc vào ống chân người đó [như để nhắc rằng]: "Này thầy, hãy yên lặng, đừng làm ồn; đức Thế Tôn, vị Sư Thầy, đang chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng ta." Khi sa-môn Cồ-đàm đang chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng gồm mấy trăm tín đồ, thì thời đó không có tiếng ồn nào như tiếng ho hay tằng hắng từ những đệ tử của ông ta. Vì hội chúng lớn đó giữ im lặng trong sự trông đợi: "Chúng ta hãy lắng nghe Giáo Pháp đức Thế Tôn đang sắp chỉ dạy." Giống như có một người ở ngã tư đường sắp ép ra loại mật ong tinh khiết ngon lành và một nhóm đông người đang giữ im lặng trong sự trông đợi (để được coi hay được chia); cũng giống như vậy, khi sa-môn Cồ-đàm đang chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng gồm mấy trăm tín đồ, thì trong thời đó không có tiếng ồn nào như tiếng ho hay tằng hắng từ những đệ tử của ông ta. Vì hội chúng lớn đó giữ im lặng trong sự trông đợi: "Chúng ta hãy lắng nghe Giáo Pháp đức Thế Tôn đang sắp chỉ dạy." Và ngay cả những đệ tử của ông là những người đã bỏ lại những đồng đạo của mình để quay lại đời sống thấp tục—ngay cả họ cũng đề cao Vị Thầy và Giáo Pháp và Tăng Đoàn; họ chỉ chê trách bản thân chứ không chê trách người khác, họ nói: "Chúng tôi không may mắn, chúng tôi ít phước đức; vì cho dù chúng tôi đã xuất gia tu hành trong một Giáo Pháp được tuyên thuyết hay khéo như vậy nhưng chúng tôi đã không thể sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết cho hết trọn kiếp này của mình." Sau khi trở thành những người làm công quả trong các tự viện hay những đệ tử tại gia, họ nhận lãnh và sống theo năm giới-hạnh. Như vậy sa-môn Cồ-đàm được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi những đệ tử của ông, và những đệ tử của ông sống nhờ dựa vào ông, sau khi tôn vinh và tôn trọng.'"

7. "Nhưng, này Udāyin, ông nhìn thấy có bao nhiêu phẩm-chất trong ta mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và sống nhờ dựa vào ta, sau

khi tôn vinh và tôn trọng ta?”

8. “Thưa Thế Tôn, tôi nhìn thấy năm phẩm-chất trong đức Thế Tôn mà vì đó những đệ tử của đức Thế Tôn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính đức Thế Tôn, và sống nương dựa vào đức Thế Tôn, sau khi tôn vinh và tôn trọng đức Thế Tôn. Năm đó là gì? (i) Thứ nhất, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn ăn-ít và nói lời đề cao sự ăn-ít; điều này tôi nhìn thấy là phẩm- chất thứ nhất của đức Thế Tôn mà vì đó những đệ tử của đức Thế Tôn tôn vinh … và sống nương dựa vào đức Thế Tôn, sau khi tôn vinh và tôn trọng đức Thế Tôn. (ii) Lại nữa, đức Thế Tôn hài-lòng với mọi thứ y-phục và nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ y-phục … (iii) Lại nữa, đức Thế Tôn hài-lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực và nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực … (iv) Lại nữa, đức Thế Tôn hài- lòng với mọi thứ chỗ-ở và nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ chỗ- ở … (v) Lại nữa, đức Thế Tôn trú ở tách-ly (ẩn dật) và nói lời đề cao sự trú ở tách-ly; điều này tôi nhìn thấy là phẩm-chất thứ năm của đức Thế Tôn … Thưa Thế Tôn, đây là năm phẩm-chất tôi nhìn thấy trong đức Thế Tôn mà vì đó những đệ tử của đức Thế Tôn tôn vinh … và sống nương dựa vào đức Thế Tôn, sau khi tôn vinh và tôn trọng đức Thế Tôn.”

9. “Này Udāyin, (i) giả sử những đệ tử của ta đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và đã sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta, với ý nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-đàm ăn-ít và nói lời đề cao sự ăn-ít.’ Giờ có những đệ tử của ta là những người sống mỗi ngày chỉ ăn một chén thức ăn hay nửa chén, chỉ ăn một trái bilva hay nửa trái, trong khi ta có lúc ăn cả một bình bát thức ăn khất thực hay thậm chí nhiều hơn. Như vậy nếu những đệ tử của ta tôn vinh … với ý nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-đàm ăn-ít và nói lời đề cao sự ăn-ít’, thì những đệ tử đó của ta, là những người sống mỗi ngày chỉ ăn một chén thức ăn hay nửa chén … không nên tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta vì phẩm-chất này của ta, họ cũng không nên sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.

“Này Udāyin, (ii) giả sử những đệ tử của ta đã tôn vinh … và đã sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta, với ý nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-đàm hài-lòng với mọi thứ y-phục và nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ y-phục.’ Giờ có những đệ tử của ta là những người mặc y cà-sa may nhiều mảnh, là những người mặc y áo làm từ vải thô; họ lượm giẻ rách từ nghĩa địa, đống rác, hay từ những tiệm hàng, may vá thành y áo và mặc chúng. Nhưng ta có lúc mặc y áo được cúng dường bởi những gia chủ, những y áo mịn màng đến nỗi lông tơ bí đỏ cũng không thể sánh bằng. Như vậy nếu những đệ tử của ta tôn vinh … với ý nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-đàm hài-lòng với mọi thứ y-phục và nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ y-phục’, thì những đệ tử đó của ta, là những người mặc y cà-sa may nhiều mảnh, những người mặc y áo vải thô … không nên tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta vì phẩm-chất này của ta, họ cũng không nên sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.. “Này Udāyin, (iii) giả sử những đệ tử của ta đã tôn vinh … và đã sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta, với ý nghĩ: ‘Sa-môn Cồ- đàm hài-lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực và nói lời đề cao sự biết hài-

lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực.' Giờ có những đệ tử của ta là những người chỉ ăn thức ăn khất thực, những người luôn đi hết một vòng khất thực không gián đoạn từ nhà này đến nhà khác, là những người ưa thích đi khất thực thức ăn; sau khi đã vào nhà dân họ sẽ không đồng ý ngay cả khi được mời ngồi xuống (để dùng cơm, để nói chuyện). Nhưng ta có lúc theo lời mời của họ ăn những bữa ăn với nhiều thứ cơm và nhiều nước sốt và nhiều cà ri. Như vậy nếu những đệ tử của ta tôn vinh ... với ý nghĩ: 'Sa- môn Cồ-đàm hài-lòng với mọi thức thức-ăn khất thực và nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ thức ăn khất thực', thì những đệ tử đó của ta, là những người chỉ ăn thức ăn khất thực ... không nên tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta vì phẩm-chất này của ta, họ cũng không nên sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta. "Này Udāyin, (iv) giả sử những đệ tử của ta đã tôn vinh ... và đã sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta, với ý nghĩ: 'Sa-môn

Cồ-đàm hài-lòng với mọi thứ chỗ-ở và nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ chỗ-ở.' (như chỗ tạm trú, tịnh xá, chỗ nghỉ, chỗ ngủ, cốc, phòng, nhà hoang, nhà kho, lều trống, gốc cây, đống rơm ...). Giờ những đệ tử của ta là những người sống trú ở gốc cây và những người sống ngoài trời, là những người không dùng một mái che cả tám tháng [trong năm]. Nhưng ta có lúc sống trong những lâu đài có tường cong được trát vữa ở bên trong và bên ngoài, được che chắn khỏi gió lạnh, được bảo vệ bởi thanh cài chốt cửa, với các cửa sổ được đóng kín. Như vậy nếu những đệ tử của ta tôn vinh ... với ý nghĩ: 'Sa-môn Cồ-đàm hài-lòng với mọi thứ chỗ-ở và nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ chỗ-ở', thì những đệ tử đó của ta, là những người sống dưới gốc cây và những người sống ngoài trời ... không nên tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta vì phẩm-chất này của ta, họ cũng không nên sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta. "Này Udāyin, (v) giả sử những đệ tử của ta đã tôn vinh ... và đã sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta, với ý nghĩ: 'Sa-môn Cồ- đàm trú ở tách-ly (ẩn dật) và nói lời đề cao sự trú ở tách-ly.' Giờ những đệ tử của ta là những người sống tu trong rừng, những người sống ở những chỗ-ở xa xôi hẻo lánh, là những người đã sống thu mình ở những chỗ-ở trong rừng và chỉ quay lại giữa Tăng chúng nửa tháng một lần để tụng đọc Pātimokkha [Giới Luật Tỳ kheo]. Nhưng ta có lúc sống với xung quanh là những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và đệ tử tại gia nữ, những vua chúa và quan thần, những người giáo phái khác và những đệ tử của họ. Như vậy nếu những đệ tử của ta có ý nghĩ: 'Sa-môn Cồ-đàm trú ở tách-ly (ẩn dật) và nói lời đề cao sự trú ở tách-ly', thì những đệ tử đó của ta, là những người sống tu trong rừng ... không nên tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta vì phẩm-chất này của ta, họ cũng không nên sống nhờ dựa vào ta, sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.

10. "Tuy nhiên, này Udāyin, vì có năm phẩm-chất khác mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta. Năm đó là gì?

(i. Giới hạnh bậc cao)

11. “Này Udāyin, ở đây những đệ tử của ta kính trọng ta vì phần giới- hạnh bậc cao (tăng thượng) như vầy: ‘Sa-môn Cồ-đàm là đức hạnh, bậc ấy có được đống (uẩn) giới-hạnh cao nhất.’ Đây là phẩm-chất thứ nhất mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.

(ii. Trí biết và tầm nhìn)

12. “Lại nữa, này Udāyin, những đệ tử của ta kính trọng ta vì trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) siêu xuất của ta như vầy: ‘Khi sa-môn Cồ- đàm nói “Ta biết”, bậc ấy thực sự biết; khi bậc ấy nói “Ta thấy”, bậc ấy thực sự thấy. Sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp thông qua sự trí-biết trực tiếp của mình, không phải không thông qua trí-biết trực tiếp; bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp với cơ sở nhân-duyên, không phải không có cơ sở nhân-duyên; bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp theo cách thức để thuyết-phục, không phải theo cách thức không để thuyết-phục.’ Đây là phẩm-chất thứ hai mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh …

(iii. Trí tuệ bậc cao)

13. “Lại nữa, này Udāyin, những đệ tử của chúng ta kính trọng ta vì trí- tuệ bậc cao (siêu trí) của ta như vầy: ‘Sa-môn Cồ-đàm là người có trí; bậc ấy có được đống (uẩn) trí-tuệ cao nhất. Không thể nào bậc ấy không nhìn thấy trước những hàm ý (hệ luận) của một điều khẳng định771 hay bậc ấy không thể bác bỏ những giáo thuyết (sai) của những người khác bằng lý lẽ đúng đắn.’ Chú nghĩ sao, này Udāyin? Liệu những đệ tử của ta, sau khi biết và thấy như vậy, có chen ngang hay ngắt lời ta hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Ta không trông đợi sự chỉ dạy từ những đệ tử của ta; mà luôn luôn, những đệ tử của ta trông đợi sự chỉ dạy của ta. Đây là phẩm-chất thứ ba mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh …

(iv. Bốn diệu đế)

14. “Lại nữa, này Udāyin, khi những đệ tử của ta đã gặp phải sự khổ và trở thành những nạn nhân của khổ, con mồi của khổ, họ đến gặp ta và hỏi ta về diệu đế về khổ. Khi được hỏi, ta giảng giải cho họ diệu đế về khổ, và ta làm thỏa mãn tâm trí của họ bằng sự giảng giải của ta. Họ hỏi ta về diệu đế về nguồn-gốc khổ … diệu đế về sự chấm-dứt khổ … diệu đế về con- đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Khi được hỏi, ta giảng giải cho họ diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, và ta làm thỏa mãn tâm trí của họ bằng sự giảng giải của ta. Đây là phẩm-chất thứ tư mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh …

(v. Những cách thức tu tập những trạng thái thiện) (1. Bốn Nền-Tảng Chánh-Niệm)

15. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập bốn nền tảng chánh-niệm [Tứ niệm xứ].772 Ở đây một Tỳ kheo an trú quán sát (quán niệm)

thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … Người đó an trú quán sát tâm trong tâm … Người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- phiền (ưu) đối với thế giới.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.773

(2. Bốn Sự Chuyên-Cần Tu Đúng Đắn)

16. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập bốn loại sự chuyên-cần tu đúng đắn [Tứ chánh cần]. Ở đây (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng

thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(3. Bốn Cơ-Sở Thần Thông)

17. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập bốn cơ-sở (để tạo ra) thần thông (năng lực tâm linh) [Tứ thần túc]. Ở đây (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định- tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự chuyên- cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm … (iv) … sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành).—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(4. Năm Căn)

18. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập năm căn tâm linh [Ngũ căn]. Ở đây một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin (tín căn), nó dẫn tới sự bình an, dẫn tới sự sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực (tinh tấn căn) … căn định-tâm (định căn) … căn chánh- niệm (niệm căn) … căn trí-tuệ (tuệ căn), nó dẫn tới sự bình an, dẫn tới sự giác-ngộ.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết- cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(5. Năm Năng-Lực)

19. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập năm năng-lực [Ngũ lực]. Ở đây một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin (tín lực), nó dẫn tới sự bình an, dẫn tới sự sự giác-ngộ. Người đó

tu tập năng lực nỗ-lực (tinh tấn lực) … năng lực định-tâm (định lực) … năng lực chánh-niệm (niệm lực) … căn trí-tuệ (tuệ lực), nó dẫn tới sự bình an, dẫn tới sự giác-ngộ.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(6. Bảy Chi Giác-Ngộ)

20. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập bảy chi giác-ngộ [Thất giác chi]. Ở đây một Tỳ kheo tu tập (i) sự chánh-niệm là một chi giác-ngộ, dựa vào sự tách-ly (sự ở tách-ly, sự ẩn dật, sự lánh trần), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập (ii) sự điều-tra những hiện-tượng (trạch pháp) là một chi giác-ngộ … (iii) sự nỗ-lực (tinh tấn) là một chi giác-ngộ … (iv) sự hoan-hỷ (hỷ) là một chi giác-ngộ … (v) sự tĩnh-lặng (khinh an) là một chi giác-ngộ … (vi) sự định-tâm (định) là một chi giác-ngộ … (vii) sự buông-xả (xả) là một chi giác-ngộ, dựa vào sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí- biết trực tiếp.

(7. Bát Thánh Đạo)

21. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập Con-đường Tám phần Thánh thiện [Bát Chi Thánh Đạo]. Ở đây một thứ tu tập cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú- tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định).—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(8. Tám Sự Giải-Thoát)

22. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách

thức tu tập tám sự giải-thoát.774 (i) Có được sắc-thân, người tu nhìn thấy những hình-sắc: đây là sự giải-thoát thứ nhất. (ii) Không nhận thức hình- sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài: đây là sự giải-thoát thứ hai. (iii) Người tu chỉ tụ chú vào sự-đẹp: đây là sự giải-thoát thứ ba. (iv) Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên (không vô biên xứ):

đây là sự giải-thoát thứ tư. (v) Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ của không gian vô biên, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ): đây là sự giải-thoát thứ năm. (vi) Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] 'không có gì', người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). Đây là sự giải-thoát thứ sáu. (vii) Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Đây là sự giải-thoát thứ bảy. (viii) Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, người đó chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Đây là sự giải-thoát thứ tám.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(9. Tám Cơ-Sở Để Vượt Trên)

23. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập tám cơ-sở để vượt trên [Tám thắng xứ].775 (i) Sau khi nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp và xấu; bằng sự vượt trên chúng, người đó nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ nhất để vượt trên.776 (ii) Sau khi nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên

ngoài, là vô hạn, đẹp và xấu; bằng sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ hai để vượt trên. (iii) Không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp và xấu; bằng sự vượt trên chúng, người đó nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ ba để vượt trên.777 (iv) Không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp và xấu; bằng sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ tư để vượt trên. (v) Không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình- sắc ở bên ngoài, là xanh, thuộc màu xanh, xanh về ngoại hình, với ánh xanh. Giống như một bông gai xanh, nó là xanh, thuộc màu xanh, xanh về ngoại hình, với ánh xanh, hoặc giống như vải lụa lụa Benares (Ba-la-nại) cả hai mặt được trơn láng, là xanh, thuộc màu xanh, xanh về ngoại hình, với ánh xanh. Cũng giống như vậy, không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài … với ánh xanh; bằng sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ năm để vượt trên. (vi) Không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vàng, thuộc màu vàng, vàng về ngoại hình, có ánh vàng. Giống như một bông kaṇṇikāra, nó là vàng, thuộc màu vàng, vàng về ngoại hình, có ánh vàng, hoặc giống như vải lụa Benares cả hai mặt được trơn láng, nó là vàng, thuộc màu vàng, vàng về ngoại hình, có ánh vàng. Cũng giống như vậy, không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài … có ánh vàng; bằng sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ sáu để vượt

trên. (vii) Không nhận thức hình- sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là đỏ, thuộc màu đỏ, đỏ về ngoại hình, có ánh đỏ. Giống như một bông bụp, là đỏ, thuộc màu đỏ, đỏ về ngoại hình, có ánh đỏ, hoặc giống như vải lụa Benares cả hai mặt được trơn láng, nó là đỏ, thuộc màu đỏ, đỏ về ngoại hình, có ánh đỏ. Cũng giống như vậy, không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài ... có ánh đỏ; bằng

sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ bảy để vượt trên. (viii) Không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là trắng, thuộc màu trắng, trắng về ngoại hình, có ánh trắng. Giống như sao mai, là trắng, thuộc màu trắng, trắng về ngoại hình, có ánh trắng, hoặc giống như vải lụa Benares cả hai mặt được trơn láng, nó là trắng, thuộc màu trắng, trắng về ngoại hình, có ánh trắng. Cũng giống như vậy, không nhận thức hình-sắc ở bên trong, người tu nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài ... có ánh trắng; bằng sự vượt trên chúng, người tu nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy.' Đây là cơ-sở thứ tám để vượt trên.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(10. Mười Kasiṇa)

24. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập mười cơ-sở kasiṇa [Mười kasiṇa xứ].778 (i) Người tu quán sát kasiṇa-đất ở trên, dưới, dọc ngang, là liền lạc (không bị chia cắt) và vô lượng. (ii) Người tu khác quán sát kasiṇa-nước ... (iii) Người tu khác quán sát kasiṇa-lửa ... (iv) Người tu khác quán sát kasiṇa-gió ... (v) Người tu khác quán sát kasiṇa-xanh ... (vi) Người tu khác quán sát kasiṇa-vàng ... (vii) Người tu khác quán sát kasiṇa-đỏ ... (viii) Người tu khác quán sát kasiṇa-trắng ... (ix) Người tu khác quán sát kasiṇa-không gian ... (x) Người tu khác quán sát kasiṇa-thức ở trên, dưới, dọc ngang, là liền lạc và vô hạn.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(11. Bốn Jhāna)

25. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức tu tập bốn jhāna [Bốn tầng thiền định sắc-giới]. (1) Ở đây: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có

niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh- phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó. - "Giống như một người thợ tắm rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] đổ dồn bột tắm vào một thau kim

loại, và rưới đều nước, nhào nặn đều cho đến khi hơi nước ướt thấm hết cục bột tắm đó, nhào thấm ướt nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột nhào không rỉ nước ra. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách-ly đó.' 779

26. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định- tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt-định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt-định đó. - "Giống như có một hồ nước, mạch nước chảy vào từ bên dưới, và không có dòng chảy vào nào từ phía đông, tây, nam, hoặc bắc, và cũng không được bổ sung nước mưa trong mọi lúc, rồi mạch nước mát chảy vào từ bên dưới làm cho nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm cái hồ, tới mức không có một chỗ nào của cả hồ không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt-định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có một bộ phận nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được

sinh ra từ sự đạt-định đó.

27. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' Người đó tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ. - "Giống như, trong một hồ sen có bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng, nhiều cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước nằm chìm dưới mặt nước, và nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm chúng từ ngọn tới gốc, tới mức không có một bộ phận nào của những cây sen đó không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ.

28. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an

trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. - "Giống như một người đang ngồi được quấn kín bằng vải trắng từ đầu đến chân, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm (phủ kín) bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, người

đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. —Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(12. Trí-Biết Minh Sát)

29. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để hiểu được như vầy:780 'Thân này của ta, được tạo từ vật chất (thể sắc), gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại), được sinh thành bởi mẹ và cha, được nuôi lớn bằng cơm và cháo, và sẽ bị sự vô-thường, sẽ bị cọ xát và hư hao, sẽ bị tan hoại và tan rã, và thức này của ta được trợ giúp bởi nó (dựa vào nó) và gắn liền với nó.' - "Giống như có một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu. Rồi một người có mắt sáng, cầm lên tay, có lẽ xem xét nó (rõ rệt) như vầy: 'Đây là một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu.' Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức (rõ rệt) để hiểu như vầy: 'Thân này của ta … sẽ bị sự vô-thường, sẽ bị cọ xát và hư hao, sẽ bị tan hoại và tan rã, và thức này của ta được trợ giúp bởi nó (dựa vào nó) và gắn liền với nó.'—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(13. Thân Được Làm Bằng Tâm)

30. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể tạo ra từ thân này một thân khác có hình-sắc, được làm bằng tâm, với đầy đủ tứ chi, không thiếu căn nào.

- "Giống như một người rút một cây sậy ra khỏi ống vỏ, và nghĩ như vầy: 'Đây là ống vỏ, đây là cây sậy; ống vỏ là một thứ (thân), cây sậy là một thứ (thân) khác; chính từ ống vỏ cây sậy đã được rút ra'; hoặc giống như một người rút thanh kiếm ra khỏi vỏ kiếm, và nghĩ: 'Đây là thanh kiếm, đây là vỏ kiếm; thanh kiếm là một thứ, vỏ kiếm là thứ khác; chính từ vỏ kiếm thanh kiếm đã được rút ra'; hoặc giống như một người rút một con rắn ra khỏi lớp vỏ da (lột xác) của nó, và nghĩ: 'Đây là con rắn, đây là vỏ da; con rắn là

một thứ, vỏ da là thứ khác; từ vỏ da con rắn đã được rút ra'. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể tạo ra từ thân này một thân khác có hình-sắc, được làm bằng tâm, với đầy đủ tứ chi, không thiếu căn nào.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(14. Những Loại Thần Thông)

31. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể vận dụng nhiều năng-lực siêu thường khác nhau [Thần thông biến hóa; biến hóa thông] như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; họ hiện hình và biến hình; họ đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; họ dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'. - "Giống như một người thợ gốm lành nghề [hay người phụ việc của ông ta] có thể chế tạo và chế tác từ đất sét đã được chuẩn bị kỹ bất kỳ hình dạng bình gốm nào ông ta muốn; hoặc giống như một thợ chế tác ngà voi có thể chế tạo và chế biến từ ngà voi đã được chuẩn bị kỹ bất kỳ chế tác bằng ngà voi nào ông ta muốn; hoặc giống như một người thợ vàng có thể chế tạo và chế biến từ vàng đã được chuẩn bị kỹ bất kỳ chế tác bằng vàng

nào ông ta muốn. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể vận dụng nhiều loại năng-lực siêu thường khác nhau … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí- biết trực tiếp.

(15. Tai Thiên Thánh)

32. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ, với yếu tố tai thiên thánh [Thiên nhĩ thông], đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần. - "Giống như một người thổi kèn mạnh mẽ có thể dễ dàng làm cho ông ta được nghe thấy (bởi người khác) ở khắp bốn phương. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể, với yếu tố tai thiên thánh … nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần. —Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(16. Hiểu Được Tâm Của Người Khác)

33. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác, của những người khác, của những cá nhân khác, sau khi dùng tâm mình bao trùm tâm của họ [Tha tâm thông]. Họ hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là

tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm

không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát. - "Giống như một người nam hay nữ—trẻ, trẻ trung, và ưa thích đồ trang sức làm đẹp—khi soi nhìn khuôn mặt mình trong một tấm gương sạch hay trong một chậu nước trong, nếu có một dấu vết (khuyết điểm) nào trên mặt sẽ biết: 'Có dấu vết' hoặc nếu không có dấu vết nào sẽ biết: 'Không có dấu vết'. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể hiểu được ... một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

(17. Nhớ Lại Những Kiếp Quá Khứ)

34. "Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể nhớ lại những cõi kiếp của họ trong quá khứ [Túc mạng minh], đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn- ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (họ nhớ được) 'Một lúc đó tôi được đặt tên như vậy, thuộc tôi tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của tôi như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của tôi như vậy, tuổi ttôi của tôi như vậy; và tôi chết từ chỗ đó, tôi tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục ... tôi được đặt tên như kia, thuộc tôi tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của tôi như kia, trải nghiệm sướng và khổ của tôi như kia, tuổi ttôi của tôi như kia; và tôi chết từ chỗ kia đó, tôi tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng tôi đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của tôi.' - "Giống như một người đi từ làng mình qua làng khác và quay trở về lại làng mình. Người đó có thể nhớ lại: 'Tôi đã đi từ làng mình qua làng đó, và ở đó tôi đã đứng như vậy, đã ngồi như vậy, đã nói như vậy, đã im

lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã qua làng khác nữa, và ở đó tôi đã đứng như vậy ... đã im lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã quay trở lại làng mình.' Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của họ ... (họ nhớ được) 'Một lúc đó tôi được đặt tên như vậy ... Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của tôi.'—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết

trực tiếp.

(18. Mắt Thiên Thánh)

35. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể, với yếu tố mắt thiên thánh [Thiên nhãn minh], đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, họ nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và họ hiểu được cách những chúng sinh sống, chết và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy. - “Giống như có hai ngôi nhà có cửa và một người có mắt sáng đứng

giữa hai ngôi nhà, người đó nhìn thấy mọi người đi vào và đi ra hai ngôi nhà, đi qua đi lại hai ngôi nhà. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và họ hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí- biết trực tiếp.

(19. Sự Tiêu Diệt Ô-Nhiễm)

36. “Lại nữa, này Udāyin, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm [Lậu tận minh]. - “Giống như có một hồ nước trên núi, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, đến mức một người sáng mắt đứng trên bờ có thể nhìn thấy những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và thấy cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ, thì người đó có thể nghĩ (hiểu): ‘Đây là hồ nước, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, và có những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và có cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ’. Cũng giống như vậy, ta đã tuyên bố cho những đệ tử của ta cách thức để họ có thể, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm.—Và nhờ đó nhiều đệ tử của ta an trú sau khi

đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp.

37. “Này Udāyin, đây là phẩm-chất thứ năm [v. (1-19)] mà vì đó những đệ tử của ta tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.

38. “Này Udāyin, đây là năm phẩm-chất mà vì đó những đệ tử của ta tôn

vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta, và sống nương dựa vào ta sau khi tôn vinh và tôn trọng ta.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Du sĩ Udāyin đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

78. KINH SAMAṆAMAṆḌIKĀ (Samaṇamaṇḍikā Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta đang ở trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi hoàng hậu) Mallikā, (được gọi) là “trang hoa viên Tinduka một hội trường” dành cho những cuộc đàm luận về giáo thuyết,781 cùng với một đoàn lớn những du sĩ, nhiều tới ba trăm du sĩ.

2. Ông thợ mộc Pañcakanga ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Rồi ông ta nghĩ: “Giờ không hợp lúc đến gặp đức Thế Tôn; đức Thế Tôn vẫn đang trong thời ẩn trú thiền định. Và cũng không hợp lúc đến gặp những Tỳ kheo đáng kính; họ vẫn đang trong thời ẩn trú thiền định. Hay ta đến chỗ Tịnh Xá Mallikā, tới chỗ du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta?” Và ông ta đã đến chỗ Tịnh Xá Mallikā.

3. Bấy giờ, vào lúc đó du sĩ Uggāhamāna đã ngồi cùng với một đoàn lớn những du sĩ, họ đang làm náo động, ồn ào và lớn tiếng nói đủ thứ chuyện tầm phào vô nghĩa … [như mục 4, kinh MN 76 ở trên] … Du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta nhìn thấy ông thợ mộc Pañcakanga đang đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy ông thợ mộc, ông ta kêu hội chúng của mình giữ im lặng như vầy: “Này các vị, hãy im lặng; này các vị, đừng làm ồn ào. Đây có ông thợ mộc Pañcakanga đang đến, là một trong những đệ tử mặc áo trắng của sa-môn Cồ-đàm, ông ta đang có mặt ở Sāvatthī này. Những vị này thích sự im lặng; họ được giới hạnh về sự im lặng; họ đề cao sự im lặng. Có lẽ, nếu ông ta thấy hội chúng của chúng ta là hội chúng im lặng, thì ông ta sẽ nghĩ đến việc tham gia với chúng ta.” Những du sĩ liền im lặng.

4. Thợ mộc Pañcakanga đến chỗ du sĩ Uggāhamāna và chào hỏi qua lại với ông ta. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông thợ mộc ngồi xuống một bên. Du sĩ Uggāhamāna nói với ông:

5. “Này ông thợ mộc, khi một người có được bốn phẩm-chất, tôi mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng. Bốn đó là gì? Ở đây, người đó không làm những

hành-động bằng thân xấu ác (tà nghiệp), người đó không nói những lời-nói xấu ác (tà ngữ), người đó không có những ý-định xấu ác (tà tư duy), và người đó không sống bằng sự mưu- sinh xấu ác (tà hạnh). Khi một người có được bốn phẩm-chất này, tôi mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng."

6. Rồi thợ mộc Pañcakanga không đồng ý cũng không phản đối với lời nói của du sĩ Uggāhamāna. Không đồng ý cũng không phản đối, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, nghĩ rằng: "Ta sẽ học ý nghĩa của lời tuyên bố này khi gặp mặt đức Thế Tôn."

7. Sau đó ông đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ câu chuyện giữa ông và du sĩ Uggāhamāna. Ngay đó đức Thế Tôn nói:

8. "Này chú thợ mộc, nếu đúng là như vậy thì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp cũng đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng, theo như lời tuyên bố của du sĩ Uggāhamāna. Vì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'thân' lấy đâu có thể làm hành-động xấu ác nào bằng thân ngoài cái sự chỉ nằm cựa quậy? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'lời-nói' lấy đâu có thể nói ra lời-nói xấu ác ngoài cái sự chỉ nằm la khóc? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'ý-định' lấy đâu có thể có những ý-định xấu ác ngoài cái sự chỉ nằm hờn dỗi này nọ? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'sự mưu-sinh' lấy đâu có thể có sự sống bằng sự mưu-sinh xấu ác gì ngoài cái sự chỉ bú sữa từ vú mẹ? Này chú thợ mộc, nếu đúng là như vậy thì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp cũng đã thành tựu về điều là

thiện lành … theo như lời tuyên bố của du sĩ Uggāhamāna. "Này chú thợ mộc, khi một người có bốn phẩm-chất, ta mô tả người đó không phải là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng, mà chỉ như người cùng loại với một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp. Bốn đó là gì? Ở đây, người đó không làm những hành động thân xấu ác, người đó không nói những lời-nói xấu ác, người đó không có những ý-định xấu ác, và người đó không sống bằng sự mưu-sinh xấu ác. Khi một người có được bốn phẩm-chất này, ta mô tả người đó không phải là đã thành tựu về điều là thiện lành … mà chỉ như người cùng loại với một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp.

9. "Này chú thợ mộc, khi một người có được mười phẩm-chất, ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng. (a) "[Nhưng trước tiên] ta nói, điều đó phải được hiểu như vầy:782 'Đây là những thói quen bất thiện' và như vầy: 'Những thói quen bất thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những thói quen bất thiện'. (a') Và ta nói, điều này

phải được hiểu như vầy: 'Đây là những thói quen thiện' và như vầy: 'Những thói quen thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những thói quen thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những thói quen thiện'. (b) "Và ta nói, điều này phải được hiểu như vầy: 'Đây là những ý định bất thiện' và như vầy: 'Những ý định bất thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những ý định bất thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những ý định bất thiện'. (b') Và ta nói, điều này phải được hiểu như vầy: 'Đây là những ý định thiện' và như vầy:

'Những ý định thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những ý định thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những ý định thiện'.

10. (a) "Cái gì là những thói quen bất thiện? Đó là những hành động bằng thân (thân nghiệp) bất thiện, những hành động bằng lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và sự mưu-sinh xấu ác. Đây được gọi là những thói quen bất thiện. "Và những thói quen bất thiện này khởi sinh từ đâu? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ tâm. Tâm nào? Cho dù tâm là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có tâm bị tác động bởi tham, sân, si. Những thói quen bất thiện khởi sinh từ chỗ này. "Và những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được khẳng định như vầy: Ở đây một Tỳ kheo dẹp bỏ hành vi thân sai trái và tu tập hành vi thân tốt thiện; người đó dẹp bỏ hành vi lời- nói sai trái và tu tập hành vi lời nói tốt thiện; người đó dẹp bỏ hành vi tâm sai trái và tu tập hành vi tâm tốt thiện; người đó dẹp bỏ sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) và có được sự sống bằng sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng).783 Chính ở đây những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ. "Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện? Ở đây (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong- muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-

lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện.784

11. (a') "Cái gì là những thói quen thiện? Đó là những hành động thân thiện lành, những hành động lời-nói thiện lành, và sự làm trong sạch sự mưu-sinh. Đây được gọi là những thói quen thiện. "Và những thói quen thiện khởi sinh từ cái gì? Nguồn gốc của

chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ tâm. Tâm nào? Dù có tâm là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có tâm bị ác động bởi tham, sân, si. Những thói quen thiện bắt nguồn từ chỗ này. “Và những thói quen thiện này chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây một Tỳ kheo là có đức-hạnh, nhưng người đó không nhìn nhận mình với đức-hạnh của mình, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí- tuệ ở đó những thói quen thiện chấm dứt sạch sẽ.785 “Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm dứt những thói quen thiện? Ở đây (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện.786

12. (b) “Cái gì là những ý định bất thiện? Đó là ý định tham-dục, ý định ác-ý, và ý định hung-dữ. Đây được gọi là những ý định bất thiện. “Và những ý định bất thiện khởi sinh từ cái gì? Nguồn gốc của chúng

được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ nhận-thức (tưởng). Nhận-thức nào? Cho dù nhận-thức là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có nhận-thức do/của tham-dục, nhận-thức do ác- ý, nhận-thức do hung-dữ. Những ý định bất thiện khởi sinh từ chỗ này. “Và những ý định bất thiện chấm sứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’. Chính tại đây những ý định bất thiện chấm dứt sạch sẽ.787 “Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện? Ở đây (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện.788 (b’) “Cái gì là những ý định thiện? Đó là ý định từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), và ý định không hung-dữ (từ bi). Đây được gọi là những ý định thiện? “Và những ý định thiện này khởi sinh từ đâu? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là

khởi sinh từ nhận-thức (tưởng). Nhận-thức nào? Cho dù nhận-thức là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có nhận-thức do/của sự không tham-dục, nhận- thức do sự không ác-ý, nhận-thức do sự không hung-dữ. Những ý định

thiện khởi sinh từ chỗ này. “Và những ý định thiện chấm sứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’789 “Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện? Ở đây (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện.790

13. “Giờ, này chú thợ mộc, khi một người có được mười phẩm-chất nào thì ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng? Ở đây, một Tỳ kheo có được chánh-kiến của bậc vô-học nhân,791 chánh-tư-duy của bậc vô-học nhân, chánh-ngữ của bậc vô-học nhân, chánh-nghiệp của bậc vô-học nhân, chánh-mạng của bậc vô-học nhân, chánh-tinh-tấn của bậc vô-học nhân, chánh-niệm của bậc vô-học nhân, chánh-định của bậc vô-học nhân, chánh-trí của bậc vô-học nhân, và chánh-giải-thoát của bậc vô-học nhân. Khi một người có được mười phẩm-chất này, thì ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Ông thợ mộc Pañcakanga đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

79. TIỂU KINH SAKULUDĀYIN (Cūḷasakuludāyi Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ Sakuludāyin cũng đang sống ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc đó, trong khu ở của những du sĩ, cùng với một hội chúng lớn những du sĩ.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ: “Vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Hay ta đến chỗ du sĩ Sakuludāyin ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy

Sóc, trong khu ở của những du sĩ.”

3. –4 Rồi đức Thế Tôn đã đến Chỗ Kiếm Ăn của bầy Sóc, trong khu ở của những du sĩ. Vào lúc đó du sĩ Sakuludāyin đang ngồi cũng với một hội chúng lớn những du sĩ, họ đang làm náo động, ồn ào và lớn tiếng nói đủ thứ chuyện tầm phào vô nghĩa … [tiếp tục giống kinh MN 76 ở trên, mục 4 và mục 5] … “Này Udāyin, vì thảo luận gì mà các chú đang ngồi cùng với nhau ở đây? Và cuộc thảo luận đang dang dở của các chú là gì?”

5. “Thưa Thế Tôn, hãy tạm bỏ qua cuộc thảo luận mà chúng tôi đang ngồi cùng với nhau. Lát nữa đức Thế Tôn nghe lại cũng được. Thưa Thế Tôn, khi tôi không đến hội chúng này, thì hội chúng này chỉ ngồi nói đủ thứ chuyện tầm phào vô nghĩa. Nhưng sau khi tôi đến hội chúng này, thì hội chúng ngước nhìn tôi, nghĩ rằng: ‘Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp mà sa- môn Udāyin sẽ thuyết giảng cho chúng ta.’ Tuy nhiên, sau khi đức Thế Tôn đến đây, thì cả tôi và hội chúng này đều ngước nhìn Thế Tôn, nghĩ rằng: ‘Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp mà đức Thế Tôn sẽ thuyết giảng cho chúng ta.’”

6. “Vậy thì, này Udāyin, hãy gợi ý điều gì ta nên nói về nó.” “Thưa Thế Tôn, trong mấy ngày nay có người tuyên bố mình là toàn-

trí và nhìn thấy tất-cả, có sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy: ‘Cho dù khi ta đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, trí-biết và tầm- nhìn vẫn liên tục và không gián đoạn có mặt đối với ta.’ Khi tôi hỏi ông ta một câu hỏi về quá khứ, ông ta lại nói quanh co, lái câu chuyện qua chủ đề khác, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Rồi niềm hoan-hỷ đối với Thế Tôn đã khởi lên trong tôi như vầy: ‘À, chắc chắn đức Thế Tôn, chắc chắc chỉ có đức Thế Tôn là biết rành về những điều đó.’” “Nhưng, này Udāyin, ai là người đã tuyên bố mình là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả … nhưng khi ông hỏi ông ta một câu hỏi về quá khứ, ông ta lại nói quanh co, lái câu chuyện qua chủ đề khác, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng.?” “Đó là (giáo chủ) Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta, thưa Thế Tôn.”

7. “Này Udāyin, nếu có ai có thể [‘nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình (túc mạng minh), đó là một lần sinh, hai lần sinh … (giống kinh MN 51, mục 24) … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng’], thì người đó có thể hỏi ta một câu hỏi về quá khứ hoặc ta có thể hỏi ông ta một câu hỏi về quá khứ, và rồi ông ta có thể làm thỏa mãn tâm trí ta bằng câu trả lời của ông cho câu hỏi của ta hoặc ta có thể làm thỏa mãn tâm trí ông ta bằng câu trả lời của ta cho câu hỏi của ông ta. Nếu ai có thể [‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … (giống kinh MN 51, mục 25) … người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy’], thì người đó có thể hỏi ta một câu hỏi về tương lai hoặc ta có thể hỏi ông ta một câu hỏi về tương lai, và rồi ông ta có thể làm thỏa mãn tâm trí ta bằng câu trả lời của ông cho câu hỏi của ta hoặc ta có thể làm thỏa mãn tâm trí ông ta bằng câu trả lời của ta cho câu hỏi của ông ta. Nhưng này

Udāyin, hãy thôi để ý quá khứ, thôi để ý tương lai. Ta sẽ chỉ dạy cho các chú Giáo Pháp rằng: ‘Khi cái này có

mặt, cái kia xảy ra; với sự khởi sinh của cái này, cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, cái kia không xảy ra; với sự chấm dứt của cái này, cái kia chấm dứt.’”792

8. “Thưa Thế Tôn, tôi còn không thể nhớ lại những phương diện và đặc điểm của kiếp hiện tại mà tôi mới trải qua, lấy đâu tôi có thể [‘nhớ được nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là, một lần sinh, hai lần sinh … với những phương diện và đặc điểm của chúng’], như đức Thế Tôn có thể làm? Và tôi còn không thể nhìn thấy một tôi yêu tinh bằng bùn, lấy đâu tôi có thể [‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ’], như đức Thế Tôn có thể làm? Nhưng, thưa Thế Tôn, khi Thế Tôn mới nói với tôi: ‘Nhưng này Udāyin, hãy thôi để ý quá khứ, thôi để ý tương lai. Ta sẽ chỉ dạy cho các chú Giáo Pháp rằng: “Khi cái này có mặt, cái kia xảy ra; với sự khởi sinh của cái này, cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, cái kia không xảy ra; với sự chấm dứt của cái này, cái kia chấm dứt.”’— thì điều đó càng mờ mịt hơn đối với tôi. Có lẽ, thưa Thế Tôn, tôi chỉ làm thỏa mãn tâm trí của Thế Tôn bằng cách trả lời câu hỏi về phần giáo thuyết của những vị thầy của mình mà thôi.”

9. “Được rồi, này Udāyin, điều gì được dạy trong giáo thuyết của những vị thầy của chú?” “Thưa Thế Tôn, điều được dạy trong giáo thuyết của thầy tôi là: ‘Đây là sự huy hoàng hoàn hảo, đây là sự huy hoàng hoàn hảo!’” “Nhưng, này Udāyin, điều đó được dạy trong giáo thuyết của những vị thầy của chú, vậy cái gì là sự huy hoàng hoàn hảo?” “Thưa Thế Tôn, sự huy hoàng (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo nghĩa là tối cao không còn [không bị vượt qua bởi] sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn.”

“Nhưng, này Udāyin, cái gì là sự huy hoàng là tối cao không có sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn?” “Thưa Thế Tôn, sự huy hoàng đó (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo tối cao không còn sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn.”

10. “Này Udāyin, có lẽ chú cứ nói lòng vòng dong dài kiểu này. Chú nói: ‘Thưa Thế Tôn, sự huy hoàng (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo nghĩa là tối cao không có sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn’ nhưng chú không chỉ ra được sự huy hoàng đó (đích thực) là gì. Ví dụ có người nói: ‘Tôi yêu mến cô gái đẹp nhất xứ.’ Rồi người ta hỏi người đó: ‘Này anh bạn, anh có biết rõ cô gái đẹp nhất xứ mà anh yêu mến đó là ai không—thuộc giai cấp chiến-sĩ hay giai cấp bà-la-môn hay giai cấp thương-nông hay giai cấp bần-lao hạ tiện?’ và anh ta trả lời: ‘Không biết’. Rồi họ hỏi anh ta: ‘Này anh bạn, anh có biết rõ cô gái đẹp nhất xứ mà anh yêu mến đó là gì không—tên và họ cô ta? … Cô ta là cao hay thấp hay vừa? … Cô ta có da đen hay nâu hay vàng? … Cô ta sống ở làng nào hay thị xã nào hay thành phố nào? và anh ta trả lời: ‘Không biết’. Rồi họ hỏi anh ta: ‘Này anh bạn, vậy là anh yêu mến một cô gái đẹp nhất xứ mà anh chưa từng biết hay

gặp phải không? và anh ta trả lời: 'Đúng vậy'. Chú nghĩ sao, này Udāyin, chuyện là như vậy, hóa ra lời của người đó là vô nghĩa tầm phào phải không?" "Chắc chắn vậy, thưa Thế Tôn, chuyện là vậy, hóa ra lời của người đó là vô nghĩa tầm phào." "Nhưng, này Udāyin, cũng theo kiểu như vậy chú đã nói: 'Sự huy hoàng (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo nghĩa là tối cao không có sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn' chứ chú không chỉ ra được sự huy hoàng đó (đích thực) là gì."

11. "Thưa Thế Tôn, giống như một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, nằm trên vải gấm đỏ thì luôn tỏa sáng, phát sáng, và chiếu sáng, sự huy hoàng của bản ngã [còn sống] thì không bị hư tổn [thường hằng, không hư bệnh] sau khi chết."793

12. "Này Udāyin, chú nghĩ sao? Viên ngọc lưu ly này tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, nằm trên vải gấm đỏ thì luôn tỏa sáng, phát sáng, và chiếu sáng hay một con đom đóm trong màn đêm tốt mịt—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Con đom đóm trong màn đêm tối mịt, thưa Thế Tôn."

13. "Chú nghĩ sao, này Udāyin? Con đom đóm này trong màn đêm tối mịt hay ngọn đèn dầu trong đêm tối mịt—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Ngọn đèn dầu trong màn đêm tối mịt, thưa Thế Tôn."

14. "Chú nghĩ sao, này Udāyin? Ngọn đèn dầu này trong màn đêm tối mịt hay một đống lửa lớn trong đêm tối mịt—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Đống lửa lớn trong màn đêm tối mịt, thưa Thế Tôn."

15. "Chú nghĩ sao, này Udāyin? Đống lửa lớn trong màn đêm tốt mịt hay sao mai lúc gần sáng trên bầu trời trong không mây—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Sao mai lúc gần sáng trên bầu trời trong không mây, thưa Thế Tôn."

16. "Chú nghĩ sao, này Udāyin? Sao mai lúc gần sáng trên bầu trời trong không mây hay trăng tròn lúc giữa đêm rằm bố-tát [Uposatha] trên bầu trời trong không mây—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Trăng tròn lúc giữa đêm rằm bố-tát trên bầu trời trong không mây."

17. "Chú nghĩ sao, này Udāyin? Trăng tròn lúc giữa đêm rằm bố-tát trên bầu trời trong không mây hy mặt trời tròn lúc giữa trưa trên bầu trời trong không mây vào mùa thu trong tháng cuối cùng của mùa mưa—trong hai thứ này, thứ nào đưa ra sự huy hoàng siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn?"—"Mặt trời tròn lúc giữa trưa trên bầu trời trong không mây vào mùa thu trong tháng cuối cùng của mùa mưa, thưa Thế Tôn."

18. "Trên cả sự huy hoàng này, này Udāyin, ta biết về rất nhiều thiên thần [sự huy hoàng của họ] mà sự phát sáng của mặt trời và mặt trăng không sánh bằng, nhưng ta

vẫn chưa nói rằng ‘không có sự huy hoàng nào cao hơn và tuyệt vời hơn sự huy hoàng (của mặt trăng và mặt trời) đó’. Còn chú thì nói về sự huy hoàng còn thấp hơn và tồi hơn cả sự huy hoàng của một con đom đóm là một ‘sự huy hoàng hoàn hảo’, nhưng cũng không chỉ ra được sự huy hoàng đó là gì.”

19. “Đức Thế Tôn đã kết thúc cuộc thảo luận này; bậc Phúc Lành đã kết thúc cuộc thảo luận này.” “Nhưng, này Udāyin, tại sao chú nói vậy?” “Thưa Thế Tôn, điều này được dạy trong giáo thuyết của thầy tôi: ‘Đây là sự huy hoàng hoàn hảo, đây là sự huy hoàng hoàn hảo.’ Nhưng khi bị dồn hỏi và vấn hỏi và tra hỏi bởi đức Thế Tôn về giáo thuyết của thầy tôi, thì chúng tôi lòi ra thành trống không, sáo rỗng, và sai lầm.”

20. “Là sao, này Udāyin, có cảnh giới toàn sướng (chỉ có sướng không khổ, toàn lạc, toàn hạnh phúc) nào không? Có phương cách thực hành nào để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng?” “Thưa Thế Tôn, điều này được dạy trong giáo thuyết của thầy tôi: ‘Có một cảnh giới toàn sướng; có một phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng.’”

21. “Nhưng, này Udāyin, cái gì là phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, có người kiêng cữ sát-sinh; sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ gian-cắp; sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục, người đó kiêng cữ tà-dâm tà dục; sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cứ nói-dối nói láo; hoặc theo cách khác, người đó đảm nhận và thực hành một số loại sự tu hành. Đây là phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng.”

22. “Chú nghĩ sao, này Udāyin? Trong thời khi người đó dẹp bỏ sự sát-

sinh và kiêng cữ sát-sinh, thì cái ‘ta’ của người đó chỉ cảm nhận sướng hay cả sướng và khổ?” “Cả sướng và khổ, thưa Thế Tôn.” “Chú nghĩ sao, này Udāyin? Trong lúc khi người đó dẹp bỏ sự gian- cắp và kiêng cữ gian-cắp … khi người đó dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục và kiêng cữ tà-dâm tà dục … khi người đó dẹp bỏ sự nói-dối nói láo và kiêng cữ nói-dối nói láo, thì cái ‘ta’ của người đó chỉ cảm nhận sướng hay cả sướng và khổ?” “Cả sướng và khổ, thưa Thế Tôn.” “Chú nghĩ sao, này Udāyin? Trong lúc người đó đảm nhận và thực hành một số loại sự tu hành, thì cí ‘ta’ của người đó chỉ cảm nhận sướng hay cả sướng và khổ?” “Cả sướng và khổ, thưa Thế Tôn.” “Chú nghĩ sao, này Udāyin? Vậy có phải sự chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng xảy ra bằng cách thực hành theo một con đường có sướng lẫn khổ, hay không?”

23. “Đức Thế Tôn đã kết thúc cuộc thảo luận này; bậc Phúc Lành đã kết thúc cuộc thảo luận này.” “Nhưng, này Udāyin, tại sao chú nói vậy?” “Thưa Thế Tôn, điều này được dạy trong giáo thuyết của thầy tôi: ‘Có một cảnh giới toàn sướng; có một phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng.’ Nhưng khi bị dồn hỏi và vấn hỏi và tra hỏi bởi đức Thế Tôn về giáo thuyết của thầy tôi, thì chúng tôi lòi ra thành trống không, sáo rỗng, và sai lầm. Nhưng là sao, thưa Thế Tôn, có cảnh giới toàn sướng nào không? Có phương cách thực hành nào để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng?”

24. “Này Udāyin, có một cảnh giới toàn sướng; có một phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng.”

“Thưa Thế Tôn, cái gì là phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng?”

25. “Ở đây, này Udāyin: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … Đây là phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng. “Thưa Thế Tôn, đó không phải là phương cách thực hành để chứng ngộ một cảnh giới toàn sướng; tại thời điểm (chứng nhập) đó thì một cảnh giới toàn sướng đã được chứng ngộ xong. “Không phải vậy, này Udāyin, tại thời điểm đó thì một cảnh giới toàn sướng chưa được chứng ngộ xong; đó chỉ là phương cách thực hành để chứng ngộ nó.”

26. Sau khi điều này được nói ra, hội chúng của du sĩ Sakuludāyin làm ồn ào, nói rất lớn tiếng và ồn ào: “Chúng tôi bị lạc đường cùng với những giáo thuyết của các vị thầy của mình! Chúng tôi bị lạc đường cùng với những giáo thuyết của các vị thầy của mình! Chúng tôi chẳng biết điều gì cao hơn đó cả!”794 Rồi du sĩ Sakuludāyin kêu những du sĩ đó hãy giữ im lặng, và ông hỏi đức Thế Tôn:

27. “Thưa Thế Tôn, ở thời điểm nào thì một cảnh giới toàn sướng được chứng ngộ?” “Ở đây, này Udāyin: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Người đó sống với những

thiên thần đã khởi sinh trong một cảnh giới toàn sướng và nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ.795 Chính tại thời điểm này thì một cảnh giới toàn sướng đã được chứng ngộ.”

28. “Thưa Thế Tôn, chắc chắn là vì mục đích chứng ngộ cảnh giới toàn sướng nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới/theo Thế Tôn.” “Không phải vì mục đích chứng ngộ cảnh giới toàn sướng mà những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta. Này Udāyin, còn những trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn [cảnh giới giới toàn sướng đó] và chính vì mục đích chứng ngộ chúng nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.” “Thưa Thế Tôn, những trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn đó là gì mà vì chúng những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn?”

29.–36. “Ở đây, này Udāyin, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 12–19] … người đó thanh lọc tâm mình khỏi

sự nghi-ngờ.

37. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại, đó là những sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện] của tâm vốn là suy yếu trí-tuệ: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … Này Udāyin, đây là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.

38.–40. “Lại nữa: (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Này Udāyin, đây cũng là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.

41. (v) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ

uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình, đó là một lần sinh, hai lần sinh … [giống kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. Này Udāyin, đây cũng là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.

42. (vi) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh) … [giống kinh MN 51, mục 25] … Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy. Này Udāyin, đây cũng là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.

43. (vii) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … [giống kinh MN 51, mục 26] … Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm.’ Này Udāyin, đây cũng là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.

44. (viii) “Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải- thoát khỏi ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô minh lậu). Khi

tâm được giải-thoát, thì có sự biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Này Udāyin, đây cũng là một trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ nó nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta. “Này Udāyin, đó là những trạng thái cao hơn và tuyệt vời hơn mà vì mục đích chứng ngộ chúng nên những Tỳ kheo đã sống đời sống tâm linh dưới ta.”

45. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Sakuludāyin đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Thưa Thế Tôn, con muốn thụ nhận giới xuất gia (thành sa-di) dưới đức Thế Tôn, con muốn thụ nhận toàn bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).”

46. Sau khi điều này được nói ra, hội chúng của du sĩ Sakuludāyin đã nói với ông như vầy: “Thầy Udāyin, đừng sống đời sống tâm linh dưới/theo sa-môn Cồ-đàm. Thầy Udāyin, thầy đã từng là một sư thầy, sao giờ có thể sống như một học trò. Vì Thầy Udāyin mà làm vậy chẳng khác gì một cái bình nguyên (chứa nước) thành một cái bình lủng (chảy rỉ nước). Thầy Udāyin, đừng đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ- đàm. Thầy Udāyin, thầy đã từng là một sư thầy, sao giờ có thể sống như một học trò.” Đó là cách hội chúng của du sĩ Sakuludāyin đã cản trở ông ta để không đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.796

80. KINH VEKHANASSA (Vekhanassa Sutta)

1. “Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có du sĩ Vekhanassa đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn.797 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên và trước mặt đức Thế Tôn ông đã thốt ra lời cảm thán này: “Đây là sự huy hoàng hoàn hảo, đây là sự huy hoàng hoàn hảo!” “Nhưng, này Kaccāna, tại sao chú lại nói: Đây là sự huy hoàng hoàn hảo, đây là sự huy hoàng hoàn hảo!?” “Thầy Cồ-Đàm, sự huy hoàng đó (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo nghĩa là tối cao không còn [không bị vượt qua bởi] sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn.” “Nhưng, này Kaccāna, cái gì là sự huy hoàng tối cao không có sự huy hoàng nào cao hơn hay tuyệt vời hơn?” “Thầy Cồ-Đàm, sự huy hoàng đó (được gọi) là sự huy hoàng hoàn hảo nghĩa là tối cao không còn sự huy hoàng

nào cao hơn hay tuyệt vời hơn.”

3. –11. “Này Kaccāna, có lẽ chú cứ nói lòng vòng dong dài kiểu này … [Tiếp tục lời kinh và ví dụ như kinh MN 79 kế trên, từ mục 10–18] … chứ chú không chỉ ra được sự huy hoàng đó (đích thực) là gì.

12. “Này Kaccāna, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc).798 Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đó là năm

dây khoái-lạc giác-quan. “Bây giờ, sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là khoái-lạc giác-quan. Như vậy khoái- lạc giác quan [khởi sinh] thông qua những khoái-lạc giác quan, nhưng vượt trên khoái-lạc giác quan có một sự khoái-lạc nằm trên đỉnh của sự cảm khoái giác quan, và đó được tuyên bố là cao nhất trong những khoái- lạc.”799

13. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Vekhanassa đã nói: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm, thật tuyệt vời là cách điều đó đã được giảng giải bởi thầy Cồ-Đàm như vầy: ‘Như vậy khoái-lạc giác quan [khởi sinh] thông qua những khoái-lạc giác quan, nhưng vượt trên khoái-lạc giác quan có một sự khoái-lạc nằm trên đỉnh của sự cảm khoái giác quan, và đó được tuyên bố là cao nhất trong những khoái-lạc.’” “Này Kaccāna, khi chú còn nắm giữ một quan-điểm khác, chấp nhận một giáo-lý khác, chấp thuận một một giáo-lý khác, theo đuổi một sự tu- tập khác, và theo một vị thầy khác (đạo) thì chú khó mà biết được cái gì là sự cảm-khoái (dục) hay cái gì là khoái-lạc giác quan (dục lạc), hay cái gì là sự khoái-lạc nằm trên đỉnh của sự cảm khoái giác quan. Nhưng những Tỳ kheo nào là A-la-hán, đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu đích thực, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—chính họ sẽ biết được cái gì là sự cảm-khoái (dục) hay cái gì là khoái-lạc giác quan (dục lạc), hay cái gì là sự khoái-lạc nằm trên đỉnh của sự cảm khoái giác quan.”

14. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ đã tức giận và không hài lòng, và ông ta đã mắng chửi, chê bai, và chỉ trích đức Thế Tôn, ông nói: “Sa- môn Cồ-đàm sẽ bị đánh bại.” Rồi ông nói với đức Thế Tôn: “Vậy là ở đây có những tu sĩ và bà-la-môn, là những người không biết quá khứ và không nhìn thấy tương lai nhưng tuyên bố: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã

được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Điều họ nói hóa ra là đáng nực cười; nó hóa ra chỉ là lời nói, trống không, và sáo rỗng.”

15. “Nếu có những tu sĩ và bà-la-môn nào, không biết quá khứ và không thấy tương lai nhưng tuyên bố: ‘Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’, thì theo lẽ đó họ có thể bị bài bác. Hơn nữa, này Kaccāna, hãy thôi để ý quá khứ và thôi để ý tương lai. Hãy để một người có trí đến đây, là người trung thực và chân thành, một người chánh trực. Ta chỉ dẫn người đó, ta chỉ dạy người đó Giáo Pháp theo cách mà bằng sự thực hành như đã được chỉ dẫn người đó sẽ mau chóng tự mình biết và thấy rằng: ‘Thực sự (Giáo Pháp) đó đã đúng đắn đi đến sự giải-thoát khỏi sự trói buộc, đó là, khỏi sự trói buộc của vô-minh.’ Ví dụ, này Kaccāna, có một đứa trẻ con non nớt còn nằm sấp, bị bó khăn chặt [khắp tứ chi] và thứ năm là cổ; và sau đó, sau khi lớn lên và sự trưởng thành của các căn, những sự bó buộc đó được nới ra, và rồi tự nó biết được ‘Tôi được tự do’ và không còn sự bó buộc nữa. Cũng giống như vậy, hãy để một người có trí đến đây … sẽ mau chóng tự mình biết và thấy rằng: ‘Thực sự (Giáo Pháp) đó đã đúng đắn đi đến sự giải-thoát khỏi sự trói buộc, đó là, khỏi sự trói buộc của vô-minh.’”

16. Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Vekhanassa đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … [tiếp tục như kinh MN 74, mục 19] … Nay con xin nương tựa Thầy Cồ-Đàm và Giáo Pháp và Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

298 • Chương 3

Chương 4. Chương “Những Nhà Vua” (Rājavagga-vagga)

300 • Chương 4

81. KINH GHAṬĪKĀRA (Ghaṭīkāra Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cũng với một đoàn lớn những Tỳ kheo.

2. Lúc đó đức Thế Tôn rẽ khỏi đường lộ chính, và đến ở một chỗ, đức Thế Tôn đã mỉm cười. Ý nghĩ này đã xảy đến với ngài Ānanda: “Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do.” Vì vậy thầy ấy chỉnh lại phần y áo trên một vai và chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn: “Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do.”

3. “Này Ānanda, thuở xưa chỗ này là một phố thị phồn thịnh và đông đúc tên là Vebhalinga, có nhiều dân cư và đông người. Bấy giờ đức Thế Tôn Ca-Diếp [Kassapa; Đức Phật Ca-Diếp], bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã sống gần phố thị Vebhalinga này. Thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã có tu viện của bậc ấy; thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã ngồi và khuyên dạy Tăng Đoàn những Tỳ kheo.”

4. Rồi thầy Ānanda đã gấp tư áo cà sa của mình, và đặt nó xuống, thưa với đức Thế Tôn: “Vậy, thưa Thế Tôn, kính mời đức Thế Tôn ngồi xuống. Như vậy chỗ này đã được dùng

bởi hai bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.” Đức Thế Tôn đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được làm sẵn và nói với thầy Ānanda như vầy:

5. “Này Ānanda, thuở xưa chỗ này là một phố thị phồn thịnh và đông đúc tên là Vebhalinga, có nhiều dân cư và đông người. Bấy giờ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã sống gần phố thị Vebhalin- ga này. Thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã có tu viện của bậc ấy; thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn

Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã ngồi và khuyên dạy Tăng Đoàn những Tỳ kheo.”

6. “Ở Vebhalinga đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, có một người cúng dường (đàn-na, thí chủ), là người cúng dường chính (đại thí chủ), là một người thợ gốm tên là Ghaṭīkāra. Thợ gốm Ghaṭīkāra có một người bạn, là bạn thân của anh ta, là một môn sinh bà-la-môn tên là Jotipāla.800 “Một ngày nọ thợ gốm Ghaṭīkāra đã nói với môn sinh bà-la-môn Jotipāla như vầy: ‘Jotipāla thân mến, chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.’ Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: ‘Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?’801 “Lần thứ hai và lần thứ ba thợ gốm Ghaṭīkāra nói: ‘Này Jotipāla thân mến, chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la- hán, bậc toàn-giác.’ Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: ‘Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?’— ‘Vậy thì, này Jotipāla thân mến, chúng ta hãy lấy xơ mướp và mang theo bột tắm ra sông để tắm.’—‘Rất được đó’, Jotipāla đáp lại.

7. “Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla lấy xơ mướp và mang theo bột tắm ra sông để tắm. Rồi Ghaṭīkāra nói với Jotipāla: ‘Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.’ Môn sinh bà-la- môn Jotipāla trả lời: ‘Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?’ “Lần thứ hai và lần thứ ba thợ gốm Ghaṭīkāra nói: ‘Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp …’ Và lần thứ hai và lần thứ ba

môn sinh bà-la-môn Jotipāla đều trả lời: ‘Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?’

8. “Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra tay nắm kéo dây lưng của môn sinh bà-la- môn Jotipāla và nói: ‘Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc

toàn-giác.’ Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: ‘Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?’

9. “Rồi, sau khi môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã gội đầu xong, thợ gốm Ghaṭīkāra đã nắm tóc anh ta và nói:802 ‘Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.’ “Rồi môn sinh bà-la-môn Jotipāla nghĩ: ‘Thật kỳ lạ, thật lạ thường rằng thợ gốm Ghaṭīkāra, người có gia cảnh thấp hơn, lại nắm tóc ta sau khi chúng tôi gội đầu xong! Chắc đây không phải là vấn đề đơn giản.’ Và anh ta nói với thợ gốm Ghaṭīkāra: ‘Anh làm vậy là quá lố rồi, này Ghaṭīkāra thân mến?’—‘Này Jotipāla thân mến, tôi đã làm quá lố như vầy; bởi vì tôi quá tin chắc sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác!’—‘Được rồi, này Ghaṭīkāra, hãy bỏ tôi ra. Chúng ta sẽ đến gặp ông ấy.’

10. “Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Ghaṭīkāra, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên; trong khi Jotipāla chỉ chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Rồi Ghaṭīkāra đã thưa với đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác: ‘Thưa Thế Tôn, đây là môn sinh bà-la-môn Jotipāla, bạn của con, một người bạn thân. Mong Thế Tôn chỉ dạy Giáo

Pháp cho anh ấy.’ “Rồi đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp. Khi kết thúc bài thuyết giảng, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn Ca-Diếp, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, họ giữ đức Thế Tôn Ca-Diếp ở hướng bên phải của mình, và ra về.

11. “Sau đó Jotipāla đã hỏi Ghaṭīkāra: ‘Này Ghaṭīkāra thân mến, giờ anh đã nghe được Giáo Pháp này, tại sao anh không từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?’—‘Jotipāla thân mến, anh không biết tôi còn phải nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa và già yếu của mình sao?’—‘Vậy thì, Ghaṭīkāra thân mến của tôi, tôi sẽ rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’

12. “Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thợ gốm Ghaṭīkāra đã thưa với đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác: ‘Thưa Thế Tôn, đây là môn sinh bà-la-môn Jotipāla, bạn của con, một người bạn thân. Mong đức Thế Tôn ban cho anh ấy giới xuất gia.’ Và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã thụ lãnh giới xuất gia (thành sa-di) từ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, và anh ấy cũng thụ lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).803

13. “Rồi không lâu sau khi môn sinh bà-la-môn Jotipāla thụ lãnh toàn-bộ giới, đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, sau khi đã trú lại Vebhalinga đủ lâu theo ý

mình đã định, lên đường đi du hành tới xứ Bena- res (Ba-la-nại). Sau khi đã đi từng chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Benares, và ở đó đức Thế Tôn đã đến trú ở trong khu Vườn Nai ở Isipat- ana (Isipatana có nghĩa là 'nơi những thiên thần hạ thế').

14. "Bấy giờ vua Kikī của xứ Kāsi đã nghe tin: 'Hình như đức Thế Tôn

Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã đến Benares và đang trú ở trong khu Vườn Nai ở Isipatana.' Vậy là ông cho chuẩn bị mấy cỗ xe hoàng gia, và lên xe, và đi từ Benares với đầy đủ sự uy nghi của hoàng gia để đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Nhà vua đi hết con đường có thể đi bằng xe, rồi ông xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ vua Kikī của xứ Kāsi bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp.

15. "Khi kết thúc bài thuyết giảng, vua Kikī của xứ Kāsi đã thưa: 'Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn cùng Tăng Đoàn những Tỳ kheo nhận lời mời của con đến dùng bữa trưa ngày mai.' Và đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chấp nhận, nhà vua đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, nhà vua ra về.

16. "Rồi, khi đêm đã qua, vua Kikī của xứ Kāsi đã cho chuẩn bị nhiều loại thức ăn trong tư dinh của của nhà vua—cơm gạo đỏ với những hạt màu sẫm được nhặt ra, cùng với nhiều loại nước xốt và cà ri—và nhà vua đã cho báo thời gian cho đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác, như vầy: 'Thưa Thế Tôn, đã đến giờ, bữa cơm đã sẵn sàng.'

17. "Rồi, lúc đó vào buổi sáng, đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đi đến tư dinh của vua Kikī của xứ Kāsi, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, vua Kikī của xứ Kāsi đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo với nhiều loại món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, vua Kikī của xứ Kāsi chọn một chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn chấp nhận từ con một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở

Benares; sẽ có sự phụng sự như vậy dành cho Tăng Đoàn.'—'Đủ rồi, nhà vua, nơi cư trú của ta để an cư Mùa Mưa đã được (người khác) chu cấp rồi.' "Lần thứ hai và lần thứ ba vua Kikī của xứ Kāsi lại thưa: 'Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn chấp nhận từ con một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở Benares; sẽ có sự phụng sự như vậy dành cho Tăng Đoàn.'— 'Đủ rồi, nhà vua, nơi cư trú của ta để an cư Mùa Mưa đã được chu cấp rồi.' "Nhà vua nghĩ: 'Đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác không nhận từ ta một nơi cư trú để an cưa Mùa Mưa ở Benares', và nhà vua đã rất thất vọng và buồn bã.

18. “Rồi nhà vua lại hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, có phải Thế Tôn có người cúng dường tốt hơn con?’—‘Đúng rồi, này đại vương. Có một phố thị tên là Vebhalinga, có một thợ gốm tên Ghaṭīkāra đang sống ở đó. Anh ta là một người cúng dường của ta, người cúng dường chính. Này đại vương, giờ ngài nghĩ: “Đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác không không nhận từ ta một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở Benares”, và ngài đã thất vọng và buồn bã; nhưng người thợ gốm Ghaṭīkāra thì không và sẽ không như vậy. Thợ gốm Ghaṭīkāra đã quy y nương tựa theo Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Anh ta kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Anh ta có niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và anh ta có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân. Anh ta không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn- gốc của sự khổ, về sự chấm-dứt sự khổ, và về con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ. Anh ta ăn mỗi ngày một bữa, anh ta giữ giới sống độc-thân, anh ta có đức hạnh, thuộc tính cách tốt thiện. Anh ta đã dẹp bỏ ngọc và vàng, anh ta đã từ bỏ vàng và bạc. Anh ta không dùng cuốc hay dùng tay để đào lấy đất làm đất sét; anh ta sẵn lòng lấy đất ở bờ sông do chó hay chuột đào lên để mang về làm đồ gốm; khi làm một thứ đồ gốm anh ta nói: “Những

ai thích có thể đặt vào bát gốm những hạt gạo đã chọn hay những hạt đậu đã chọn hay những hạt đậu lăng đã chọn, và mang đi được thứ họ thích.”804 Anh ta nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa và già yếu của mình. Sau khi đã tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), anh ta là người sẽ tái sinh tự động [trong một trong những Cõi Trời Trong-Sạch (năm cõi Tịnh cư thiện của bậc thánh Bất-lai)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) luôn chứ không còn quay lại thế gian nữa.

19. “‘Trong một lần khi ta đang sống ở Vebhalinga, vào buổi sáng, ta mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, ta đi đến chỗ cha mẹ của Ghaṭīkāra và hỏi họ: “Thưa ông bà, anh thợ gốm đã đi đâu rồi?”—“Thưa Thế Tôn, người cúng dường của Thế Tôn đã đi rồi; nhưng hãy cứ lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn.” “‘Ta đã làm vậy và đi khỏi. Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ anh ta: “Ai đã lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn và đi khỏi vậy?”—“Này con yêu, đó là đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã lấy.” “‘Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: “Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác đã có sự tin tưởng ở mình!” Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần.

20. “‘Trong một lần khác khi ta đang sống ở Vebhalinga, vào buổi sáng, ta mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, ta đi đến chỗ cha mẹ của Ghaṭīkāra và hỏi họ: “Thưa ông bà, anh thợ gốm đã đi đâu rồi?”—“Thưa Thế Tôn, người cúng dường của Thế Tôn đã đi rồi; nhưng hãy cứ lấy cháo trong tô lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn.” “‘Ta đã làm vậy và đi khỏi. Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ anh ta: “Ai đã lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn và đi khỏi vậy?”—“Này con yêu, đó là đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã lấy.”

"'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: "Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác đã có sự tin tưởng ở mình!" Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần.

21. "'Trong một lần khác khi ta đang sống ở Vebhalinga, chòi ở của ta bị thủng dột. Rồi ta đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, hãy đi kiếm lấy ít cỏ tranh ở nhà của thợ gốm Ghaṭīkāra."—"Thưa Thế Tôn, không có cỏ tranh ở nhà của thợ gốm Ghaṭīkāra; có mái cỏ tranh trên xưởng gốm của anh ta."—"Này các Tỳ kheo, hãy đến đó và gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm của thợ gốm Ghaṭīkāra." "'Họ đã làm vậy. Rồi cha mẹ của thợ gốm đã hỏi các Tỳ kheo: "Ai đang gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm vậy?"—"Thưa cô, chòi ở của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang bị thủng dột."—"Vậy cứ lấy đi, thưa các thầy, hãy gỡ đi, thưa các thầy đáng mến!" "'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ của anh ta: "Ai đã gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm vậy?"—"Này con yêu, đó là các Tỳ kheo đã làm; chòi ở của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang bị thủng dột. "'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: "Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác đã có sự tin tưởng ở mình!" Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần. Rồi xưởng gốm đó vẫn nguyên vẹn suốt ba tháng với bầu trời là mái che nhưng mưa không rớt vào. Người thợ gốm Ghaṭīkāra là như vậy đó.' "'Điều đó là ích lợi cho Ghaṭīkāra, đó là ích lợi lớn lao cho anh ta rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác tin cậy vào anh ta.' "Rồi vua Kikī của xứ Kāsi vua đã gửi tới cho thợ gốm Ghaṭīkāra năm trăm xe gạo đỏ cùng với những nguyên liệu làm nước xốt. Rồi những người của vua Kikī của xứ Kāsi đã đến gặp Ghaṭīkāra và nói với anh ta:

'Thưa anh, có năm trăm xe gạo đỏ cùng với những nguyên liệu làm nước xốt đã được gửi tới cho anh bởi vua Kikī của xứ Kāsi; xin vui lòng nhận lấy.'—'Nhà vua rất bận bịu và có nhiều việc phải làm. Tôi có đủ rồi. Hãy dành những thứ này cho nhà vua.'805

22. "Bây giờ, này Ānanda, thầy có thể nghĩ như vầy: 'Chắc chắn, môn sinh bà-la-môn trong thời kiếp đó là một ai khác.' Nhưng thầy không nên nghĩ vậy. Chính ta là môn sinh bà-la-môn Jotipāla trong thời kiếp đó." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

82. KINH RAṬṬHAPĀLA (Raṭṭhapāla Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kuru cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, lúc đó đức Thế Tôn đã đến một thị trấn của người Kuru tên là thị trấn Thullakoṭṭhita.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita đã nghe tin: “Sa-môn Cồ- đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Kosala cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo và đã đến Thullakoṭṭhita. Giờ tin đồn tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà- la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó.”

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng về đức Thế Tôn để lễ chào và ngồi xuống một bên; một số xưng tên và họ của mình trước đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp.

312 • Chương 4

4. Bấy giờ, vào lúc đó có một người họ tộc tên là Raṭṭhapāla, con trai của một họ tộc đứng đầu ở thị trấn Thullakoṭṭhita đó, đang ngồi trong hội chúng.806 Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với anh ta: “Theo tôi hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: tôi cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

5. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita, sau khi đã được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp, đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, họ ra về.

6. Không lâu sau khi họ đã đi, người họ tộc Raṭṭhapāla đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, anh ta ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo như con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: con cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Con muốn thụ lãnh giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con muốn thụ lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).” “Này Raṭṭhapāla, anh đã được cha mẹ cho phép xuất gia tu hành hay chưa?” “Dạ chưa, thưa

Thế Tôn, con chưa được cha mẹ cho phép.” “Này Raṭṭhapāla, những Như Lai không ban sự xuất gia cho bất cứ ai chưa được cha mẹ cho phép.” “Thưa Thế Tôn, con sẽ cố làm cho cha mẹ cho phép con rời bỏ đời sống tại gia để xuất gia tu hành.”

7. Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức

Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và ra về. Anh ta đến gặp cha mẹ và thưa với họ: “Thưa cha mẹ, theo như con hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: con cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Hãy cho phép con rời khỏi nhà để sống đời sống xuất gia tu hành.” Sau khi anh ta nói điều này, cha mẹ anh ta đã trả lời: “Này con Raṭṭhapāla thân yêu, con là con trai duy nhất, đứa con thương yêu của cha mẹ. Con đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; con chẳng biết gì về khổ cực, này con yêu Raṭṭhapāla.807 Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?” Lần thứ hai … lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla thưa với cha mẹ của anh ta: “Thưa cha mẹ, theo như con hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn … Hãy cho phép con rời khỏi nhà để sống đời sống xuất gia tu hành.” Lần thứ ba cha mẹ anh ta vẫn trả lời: “Này con Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?” Rồi, sau khi không được cha mẹ cho phép xuất gia, người họ tộc Raṭṭhapāla đã nằm xuống nền nhà và nói: “Con sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia.”

8. Rồi cha mẹ của người họ tộc Raṭṭhapāla đã nói với anh ta: “Này con Raṭṭhapāla thân yêu, con là con trai duy nhất, đứa con thương yêu của cha mẹ. Con đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; con chẳng biết gì về khổ cực, này con yêu Raṭṭhapāla. Này con Raṭṭhapāla, hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình.

Khi con ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình, con có thể hạnh phúc vừa thụ hưởng dục lạc và làm những việc công đức. Cha mẹ không cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?” Sau khi điều này được nói ra, người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng. Lần thứ hai … Lần thứ ba cha mẹ anh ta đã nói: “Này con Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?” Lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

9. Rồi cha mẹ của anh ta đã gặp bạn bè của anh ta và nói với họ: “Này các bạn của tộc tử Raṭṭhapāla, Raṭṭhapāla đã nằm xuống nền nhà và nói: ‘Con sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia.’ Này các bạn của Raṭṭhapāla, nhờ các cháu hãy đến gặp tộc tử Raṭṭhapāla và nói với nó: ‘Này anh bạn Raṭṭhapāla, anh là con trai duy nhất của cha mẹ anh … Hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân … Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ anh còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?’”

10. Rồi những bạn bè của anh ta đã đến gặp anh ta và nói với anh ta: “Này anh bạn Raṭṭhapāla, anh là anh trai duy nhất, đứa anh thương yêu của cha mẹ anh. Anh đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; anh chẳng biết gì về khổ cực, này anh bạn Raṭṭhapāla. Này anh bạn Raṭṭhapāla, hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình. Khi anh ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình, anh có thể hạnh phúc vừa thụ hưởng dục lạc và làm những việc công đức. Cha mẹ sẽ không cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi

sống đời xuất gia như vậy?” Sau khi điều này được nói ra, người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng. Lần thứ hai … Lần thứ ba bạn bè của anh ta đã nói: “Này anh bạn Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ anh còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?” Lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

11. Rồi bạn bè của của anh ta đã gặp cha mẹ anh ta và nói với họ: “Thưa hai bác, tộc tử Raṭṭhapāla vẫn đang nằm trên nền nhà và nói: ‘Tôi sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia.’ Giờ nếu hai bác không cho phép anh ấy xuất gia, anh ấy sẽ thà chết ngay tại đó. Nhưng nếu hai bác cho anh ấy xuất gia, sau này hai bác sẽ còn gặp lại anh ấy. Và nếu anh ấy không thấy thích đời sống xuất gia, anh ấy còn đi đâu khác mà không trở về nhà? Vậy hãy cho phép anh ấy rời bỏ gia đình để sống đời xuất gia.” “Này các cháu thân yêu, vậy thì chúng ta đành cho phép tộc tử Raṭṭhapāla rời bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Nhưng (với điều kiện) sau khi xuất gia nó phải về thăm cha mẹ của nó.” Rồi bạn bè của người họ tộc Raṭṭhapāla đã đến gặp và nói với anh ta: “Dậy đi, này anh bạn Raṭṭhapāla. Cha mẹ anh cho phép anh rời bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Nhưng sau khi xuất gia, anh phải về thăm cha mẹ của mình.”

12. Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đứng dậy, và sau khi đã lấy lại sức lực (sau thời gian nằm vạ không ăn uống), anh ta đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con đã được phép của cha mẹ cho con rời bỏ gia đình để sống đời sống xuất gia. Kính mong đức Thế Tôn ban cho con giới xuất gia.” Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đã nhận lãnh giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, và anh ta nhận lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).

13. Rồi, không lâu sau khi thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới, nửa tháng sau

đó sau khi thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới, đức Thế Tôn, sau khi đã trú ở Thullakoṭṭhita một thời gian như đã định trước, lên đường đi đến Sāvatthī (Xá-vệ). Sau khi đã đi từng chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Sāvat- thī, và ở đó đức Thế Tôn đã trú ở trong trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍi- ka).

14. Không lâu sau đó: nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ngay trong kiếp này, thầy Raṭṭhapāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này thầy ấy đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.808 Thầy ấy hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Và thầy Raṭṭhapāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

15. Sau đó thầy Raṭṭhapāla đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, con muốn về thăm cha mẹ, nếu Thế Tôn cho phép con.” Rồi đức Thế Tôn đã bằng tâm mình thâm nhập những ý nghĩ trong tâm của thầy Raṭṭhapāla. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng người họ tộc Raṭṭhapāla đã không còn có thể bỏ tu hoàn tục, đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Raṭṭhapāla, thầy có thể tùy tiện mà đi.”

16. Rồi thầy Raṭṭhapāla đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Rồi thầy ấy thu xếp chỗ ở của mình, và mang theo bình bát và cà sa, lên đường du hành theo hướng về cố hương Thullakoṭṭhita. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng thầy ấy cũng đến Thullakoṭṭhita. Ở đó thầy ấy đã trú ở Thullakoṭṭhita trong Khu Vườn Migācīra của vua Koravya. Rồi, vào buổi sáng, thầy ấy mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Thullakoṭṭhita để khất thực. Khi thầy ấy đang đi khất thực từ nhà này sang

nhà khác trong thị trấn Thullakoṭṭhita, thầy đã đến nhà cha của mình.

17. Bấy giờ, vào lúc đó cha của thầy Raṭṭhapāla đang ngồi ở gian phòng cửa chính để người ta cắt tóc. Khi nhìn thấy thầy Raṭṭhapāla đang bước đến từ xa, ông ta nói: “Con trai duy nhất của chúng tôi, đứa con yêu dấu và thương yêu, đã bị những sa-môn trọc đầu xui khiến xuất gia rồi.” Rồi tại chính căn nhà của cha mình thầy Raṭṭhapāla đã không nhận được thức ăn bố thí hay lời từ chối lịch sự nào; thay vì vậy, thầy chỉ nhận được sự ngược đãi.

18. Rồi một nữ nô tỳ của một trong những người họ hàng của thầy ấy đang đi đổ bỏ chỗ cháo cũ. Khi nhìn thấy vậy, thầy Raṭṭhapāla đã nói với cô ta: “Thưa chị, nếu chị đổ bỏ chỗ đó, vậy chị đổ vào bình bát của tôi đây.” Trong khi cô ấy đổ cháo cũ vô bình bát, cô nhận ra những tướng nét trên bàn tay, bàn chân, và giọng nói của thầy ấy. Rồi cô đến

chỗ mẹ của thầy và nói: “Thưa phu nhân, bà nên biết rằng cậu trai Raṭṭhapāla của chủ nhân của tôi đã đến đây.” “Ơn trời! Nếu điều ngươi nói là đúng thì ta sẽ cho người hết phận nô tỳ!” Rồi mẹ của thầy Raṭṭhapāla đến chỗ chồng bà và nói: “Này gia chủ, ông nên biết, mấy đứa nói rằng tộc tử Raṭṭhapāla đã đến đây.”

19. Ngay sau đó thầy Raṭṭhapāla đang ngồi ăn chỗ cháo cũ cạnh bức tường của một nơi trú ở. Cha của thầy đã đến chỗ thầy và nói: “Này Raṭṭhapāla, con yêu dấu, chắc chắn có … vậy mà sao con lại ngồi đây ăn cháo cũ!809 Bộ con không có nhà của mình để về sao?” “Này gia chủ, làm sao chúng tôi có thể có nhà cửa sau khi chúng tôi đã từ bỏ nhà cửa để đi sống đời xuất gia? Chúng tôi là xuất gia, này gia chủ. Chúng tôi đến nhà của gia chủ, nhưng không nhận được thức ăn bố thí hay lời từ chối lịch sự; thay vì vậy, chúng tôi chỉ nhận được sự ngược đãi.” “Hãy về, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, hãy cùng về nhà.”

“Đã đủ rồi, này gia chủ, tôi đã ăn xong bữa ăn hôm nay.” “Vậy thì, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, hãy đồng ý nhận lời ăn bữa cơm ngày mai nhé.” Thầy Raṭṭhapāla đồng ý trong im lặng.

20. Rồi, sau khi biết thầy Raṭṭhapāla đã đồng ý, cha của thầy đã quay về nhà mình, ở đó ông cho chất đống ra vàng tiền và vàng thỏi thành đống lớn và lấy chiếu phủ lên lên. Rồi ông nói với một trong những người vợ trước kia của thầy Raṭṭhapāla: “Này con dâu, hãy trang điểm theo cách mà Raṭṭhapāla thấy con là đáng quý và đáng yêu.”

21. Rồi đêm đã qua, cha của thầy Raṭṭhapāla đã cho chuẩn bị nhiều loại món ăn ngon khác nhau và đã thông báo thời gian cho thầy Raṭṭhapāla: “Đã đến lúc, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, bữa cơm đã sẵn sàng.”

22. Rồi, vào buổi sáng, thầy Raṭṭhapāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà cha của mình, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi cha của thầy cho mở đống vàng tiền và vàng thỏi, và nói: “Này Raṭṭhapāla yêu dấu, đây là phần gia tài từ mẹ con; còn gia tài từ cha con nữa và còn gia tài của tổ tiên nữa. Này Raṭṭhapāla yêu dấu, con có thể vừa hưởng thụ sự giàu có và vừa làm công đức. Này con yêu dấu, hãy bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, thụ hưởng sự giàu có và làm công đức.” “Này gia chủ, nếu gia chủ nghe theo lời khuyên của tôi, thì hãy cho chất đống vàng tiền và vàng thỏi lên xe và đem đổ xuống giữa sông Hằng. Vì sao vậy? Bởi vì, này gia chủ, chính do những thứ tiền tài này nên khởi sinh cho gia chủ sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

23. Rồi những người vợ trước kia của thầy Raṭṭhapāla đã nắm bàn chân của thầy và nói với thầy: “Hỡi trưởng nam của gia chủ của tôi, những thiên nữ trông ra sao mà vì họ phu quân phải đi sống đời sống tâm linh như vậy?” “Chúng tôi không sống đời sống tâm linh vì (để gặp được) những thiên nữ (trên cõi trời), thưa các chị.”

“Kìa, trưởng nam Raṭṭhapāla của gia chủ của chúng tôi mới gọi chúng tôi bằng ‘chị’ kìa”, họ la lên rồi ngất xỉu luôn.

24. Rồi thầy Raṭṭhapāla mới nói với cha của thầy: “Này gia chủ, nếu gia chủ bố thí bữa ăn, vậy hãy bố thí. Đừng quấy rối chúng tôi nữa.” “Vậy thì ăn cơm, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, bữa cơm đã dọn sẵn.” Rồi, cha của thầy Raṭṭhapāla đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng thầy ấy bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi thầy Raṭṭhapāla đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, thầy ấy đứng dậy và thốt ra bài thi kệ sau đây:

25. “Nhìn xem giống như một búp bê được tô vẽ,810
Chỉ là tấm thân được tạo nên bởi những sự đau đớn,
Là thứ bệnh, chỉ là một thứ phải âu lo,
Không có sự bền chắc thường hằng.
Nhìn xem giống như một hình nhân được tô vẽ,
Với kim hoàng và bông tai,
Chỉ là một bộ xương được bọc bởi da,
Và được làm cho hấp dẫn bởi trang phục bên ngoài.
Hai bàn chân được tô điểm bởi sáp màu,
Và phấn tô đầy trên mặt:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.
Tóc nó được uốn thành tám lọn
Và phấn sáp tô đầy hai mắt:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.
Một tấm thân ô uế được trang điểm kỹ càng,
Giống như một hộp son phấn mới được sơn:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.

Như người bẫy hươu cài đặt cạm bẫy,
Nhưng hươu này không chảy vào cái bẫy;
Chúng tôi chỉ ăn mồi và giờ ra về,
Để lại những thợ săn than trách ai oán.”

26. Sau khi thầy Raṭṭhapāla đã đứng dậy và thốt ra những dòng thi kệ này, thầy ấy ra về và đến chỗ Khu Vườn Migācīra và ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày.

27. Rồi Vua Koravya nói với người gác vườn như vầy: “Này ông gác vườn, hãy dọn dẹp Khu Vườn Migācīra để ta có thể tới đó viếng thăm ngắm cảnh.”—“Dạ, thưa bệ hạ”, người gác vườn đáp lại. Bấy giờ, khi người gác vườn đang dọn dẹp Khu Vườn Migācīra, ông nhìn thấy ngài Raṭṭhapāla ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày. Khi nhìn thấy thầy ấy, ông chạy đến báo với Vua Koravya: “Thưa bệ hạ, Khu Vườn Migācīra đã được

dọn dẹp. Ở đó đang có Raṭṭhapāla, con trai của gia tộc đứng đầu ở Thullakoṭṭhita này, người mà bệ hạ đã luôn nói lời ca ngợi;811 ngài ấy đang ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày.” “Này ông gác vườn, hôm nay lo khu vườn như vậy là đủ rồi; giờ chúng ta sẽ đến kính lễ Thầy Raṭṭhapāla.”

28. Rồi nhà vua nói: “Hãy đem phân phát hết những thức ăn đã được nấu trong cung ngày hôm nay.” Vua Koravya cho chuẩn bị một số xe ngựa trong triều, rồi nhà vua leo lên một chiếc, theo sau là những chiếc khác, lái ra khỏi thành Thullakoṭṭhita với đầy đủ uy nghi của vương triều để đến gặp Ngài Raṭṭhapāla. Vua cho xe ngựa chạy hết quãng đường xe ngựa có thể đi được, rồi sau đó xuống xe đi bộ, theo sau là các quan thần quan trọng nhất, để đến nơi gặp Ngài Raṭṭhapāla. Nhà vua chào hỏi với thầy Raṭṭhapāla, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, nhà vua đứng qua một bên và nói: “Ở đây có nệm yên voi, xin mời Thầy Raṭṭhapāla ngồi lên.” “Không cần đâu, thưa đại vương. Hãy ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên miếng nệm của tôi rồi.” Rồi Vua Koravya ngồi xuống chỗ ngồi đã

chuẩn bị sẵn, và nói:

29. “Thầy Raṭṭhapāla, có bốn loại sự mất mát. Do bị bốn sự mất mát đó nên có một số người đã cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn đó là gì? Đó là sự mất mát vì tuổi già, sự mất mát vì đau bệnh, sự mất mát tài sản, và sự mất mát người thân thuộc.

30. (1) “Và cái gì là sự mất mát vì tuổi già? Ở đây, thưa thầy Raṭṭhapāla, có người bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời. Người đó suy xét như vầy: ‘Ta đã già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã gần hết tuổi đời, đang tới giai đoạn cuối đời. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới hoặc gia tăng của cải đã làm ra trước đây. Chắc ta phải nên cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mất vì tuổi già, cho nên người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ “Đây được gọi là sự mất mát vì tuổi già. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, còn đang trong thời xuân sắc của cuộc đời. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì tuổi già. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

31. (2) “Và cái gì là sự mất mát vì đau bệnh? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Người đó suy xét như vầy: ‘Ta bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát vì đau bệnh … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát vì đau bệnh. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn chưa bị đau bệnh đau khổ gì; thầy vẫn còn hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất

mát vì đau bệnh. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

32. (3) “Và cái gì là sự mất mát tài sản? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của người đó bị tiêu tán. Người đó suy xét như vầy: ‘Trước đây ta giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của ta đã bị tiêu tán. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát tài sản … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát tài sản. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla là con trai của một gia tộc đứng đầu (giàu có) trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mất tài sản gì. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

33. (4) “Và cái gì là sự mất mát người thân? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng. Dần dà số người thân của người đó cũng bị ít đi. Người đó suy xét như vầy: ‘Trước đây ta có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hàng. Dần dà số người thân của ta bị ít đi. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát người thân … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát người thân. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla còn nhiều bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng trong thành Thullakoṭṭhi- ta này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát người thân nào. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

34. “Thưa Thầy Raṭṭhapāla, đó là bốn loại sự mất mát. Do họ đã bị bốn loại mất mát đó nên họ cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla chưa bị

sự mất mát nào trong số đó. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?”

35. “Này đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáo Pháp đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe (bốn điều đó), tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn điều tóm tắt đó là gì?

36. (1) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi’:812 đây là tóm tắt thứ nhất về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết và thấy điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (2) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ’:813 đây là tóm tắt thứ hai về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … (3) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi’:814 đây là tóm tắt thứ ba về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … (4) ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng’:815 đây là tóm tắt thứ tư về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người

biết và thấy …

37. “Đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáp Pháp đã được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe bốn điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

38. (1) “Thầy Raṭṭhapāla mới nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.’ Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?” “Ngài nghĩ sao, đại vương? Khi ngài còn tuổi hai mươi hay hai lăm, giỏi giang về cưỡi voi, giỏi về cưỡi ngựa, giỏi về xe ngựa, giỏi về bắn cung, giỏi về kiếm thuật, bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, cường tráng, có thể

xông pha chiến trận, đúng không?” “Chắc chắn ta đã từng như vậy, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc ta tự hỏi liệu ta có thể có lại sức mạnh siêu thường hồi đó hay không. Ta chưa thấy ai có thể ngang hàng với sức mạnh của ta thời đó.” “Ngài nghĩ sao, đại vương? Giờ ngài có còn bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, có còn cường tráng và có thể xông pha chiến trận nữa không?” “Không, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Giờ ta bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ta nay đã bước sang tuổi tám mươi. Nhiều lúc ta muốn bước chân chỗ này nhưng nó lại vấp qua chỗ khác.” (chân tay lọng cọng, không còn nghe theo ý muốn của người già). “Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi’; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.” “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.’ Đúng thực như vậy!

39. (2) “Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn có đủ các đoàn voi chiến, đoàn ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến, sẽ phục vụ để đập tan mọi mối đe dọa đối với chúng tôi. Nhưng thầy lại nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ.’ Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?” “Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có căn bệnh mãn tính nào không?”—“Có, ta có bệnh trúng gió mãn tính, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc bị vậy, những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta đã từng đứng xung quanh ta, và nghĩ: ‘Chắc Vua Koravya sắp chết rồi, giờ Vua Koravya sắp chết rồi!’”

“Ngài nghĩ sao, này đại vương? Liệu ngài có thể ra lệnh cho họ: ‘Này những bạn bè và cận thần, những người thân và họ hàng của ta. Tất cả ai đang có mặt hãy chia sớt sự đau bệnh của ta để ta bớt đau đớn’, được hay không? Hay ngài phải tự mình chịu đựng sự khổ đau của mình?” “Ta đâu thể ra lệnh bắt những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta chia sớt như vậy được, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ta phải tự mình chịu đựng sự đau đớn của mình.” “Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú

ẩn và không có người bảo vệ'; và sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành." "Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ.' Đúng thực như vậy!

40. (3) "Thưa Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai cũng bỏ lại tất cả và ra đi.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?" "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái-lạc giác quan (dục lạc), nhưng liệu ngài có chắc chắn trong kiếp sau ngài vẫn còn được thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái-lạc giác quan giống như vậy hay không? Hay (sau khi ngài chết) những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi này của ngài, trong khi ngài phải chịu trả giá cho những nghiệp mình đã làm?" "Ta không thể chắc chắn về những gì sẽ xảy ra trong kiếp sau, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ngược lại, chắc chắn những người khác sẽ lấy hết tài sản

cơ ngơi của ta, trong khi ta phải trả giá cho những nghiệp mình đã làm." "Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành." "Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.' Đúng thực như vậy!

41. (4) "Còn bây giờ, Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao? "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có cai trị nước Kuru giàu có này không?" "Có, ta cai trị, thưa Thầy Raṭṭhapāla." "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía đông, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía đông, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có, rất sầm uất và đông dân. Có nhiều đoàn voi chiến, nhiều đoàn kỵ binh, xe chiến, và lính chiến; ở đó có nhiều vàng bạc và châu báu gồm loại còn thô và loại đã luyện chế, và có nhiều phụ nữ để lấy làm vợ. Với sức mạnh của nhà vua, ngài có thể chinh phục nước đó. Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?" "Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla." "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía tây …

từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có … Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?" "Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla." (lòng tham và dục vọng ở thế gian là không đáy) "Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành." "Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Đúng thực như vậy!

42. Đó là lời thầy Raṭṭhapāla đã nói. Và sau khi nói xong, thầy ấy nói thêm (thi kệ): "Tôi nhìn thấy những người giàu có trong thế gian, Nhưng do vô-minh không cho đi tài sản được tích lũy, Quá tham lam ôm giữ của cải của mình, Còn khao khát thêm nhiều dục-lạc. Một nhà vua đã chinh phục trái đất bằng vũ lực, Và cai trị cả lãnh địa tới tận bờ đại dương, Không thỏa mãn với bờ bên này của biển, Và thèm khát chiếm luôn bờ bên kia. Hầu hết thiên hạ cũng như vậy, đâu chỉ riêng nhà vua, Đối mặt với cái chết mà dục-vọng không vơi giảm; Đến khi lìa khỏi xác vẫn còn [những toan tính] chưa làm xong; Những tham-muốn vẫn chưa được thỏa mãn trong thế gian. Người thân thuộc của người chết thì ai oán và vò nát đầu tóc,

Họ khóc la: 'Ôi trời! Người thân yêu của chúng tôi đã chết!' Họ mang xác chết được quấn trong vải liệm, Đưa tới giàn thiêu để thiêu rụi nó. Bị quấn trong vải liệm, người chết để lại hết của cải, Bị thọc bằng những cây nhọn, người đó cháy rụi [trên giàn thiêu]. Khi người đó chết, không người thân hay bạn bè nào Có thể cho người đó một chỗ ẩn trú và nương tựa ở đây. Trong khi những người thừa tự chia chác của cải của người chết, Thì ông ta chết đi theo những nghiệp của mình; Và khi ông ta chết chẳng thứ gì có thể theo ông được; Không vợ, con, của cải, hay tài sản hoàng gia. Tuổi thọ không kéo dài nhờ của cải, Sự giàu có không đuổi được tuổi già, như thánh hiền đã nói, Không có sự bất tử, chỉ có sự vô thường đổi thay. Người giàu hay kẻ nghèo đều cảm nhận [Thần Chết] chạm tới mình, Kẻ ngu hay người trí cũng đều cảm nhận như vậy; Nhưng kẻ ngu thì hoảng sợ với sự ngu si của mình, Người có trí sẽ không run rẩy khi chạm tới mình. Ở đây trí-tuệ thì tốt hơn mọi của cải, Vì nhờ có trí-tuệ người đạt tới mục-tiêu cuối cùng. Bởi con người do vô-minh cứ làm những điều xấu ác, Trong bao nhiêu truyền kiếp chẳng đạt tới mục-tiêu nào. Khi người đó chui vào bào thai và cõi giới kế tiếp, Luân hồi liên tục trong vòng tái-sinh, Người khác có ít trí và tin tưởng theo người đó, Nên cũng chui vào bào thai và cõi giới kế tiếp. Giống như một kẻ cướp bị bắt khi hành sự, Sẽ bị làm cho khổ sở vì việc ác của mình, Cũng vậy những người sau khi chết, trong cõi giới tiếp theo,

Sẽ bị làm cho thống khổ vì những điều ác của mình. Những dục-lạc, đủ loại, ngon ngọt, khoái thú, Bằng nhiều cách phá quấy cái tâm: Nhìn thấy những nguy-hại trong những trói-buộc tham dục, Tôi đã chọn sống đời sống xuất gia, này Bệ Hạ. Như trái cây đều rụng rớt khỏi cây, con người cũng vậy, Người già người trẻ cũng rụng rớt khi thân này thân rã. Do cũng nhìn thấy điều này, này Bệ Hạ, nên tôi đã xuất gia: Đời sống sa-môn được bảo đảm là tốt hơn."

83. KINH MAKHĀDEVA (Makhādeva Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.816 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Mithilā trong khu Vườn Xoài Makhādeva.817

2. Rồi, tới một chỗ đức Thế Tôn đã mỉm cười. Ý nghĩ này đã xảy đến với Ngài Ānanda: "Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do." Vì vậy thầy ấy chỉnh lại phần y áo trên một vai và chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn: "Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do."

3. "Này Ānanda, thuở xưa tại chính nơi Mithilā này có một vị vua tên là Makhādeva. Ông là một nhà vua chân chánh, người trị vì bằng Giáo Pháp, là một vị vua lớn được thiết lập trong Giáo Pháp.818 Ông ta dẫn dắt bản thân (hành xử) theo Giáo Pháp giữa những bà-la-môn và gia chủ, giữa những người thành thị và nông thôn, và ông ta giữ giới trong những ngày Bố-tát [Uposatha] là ngày thứ mười bốn, ngày rằm, và ngày mồng tám của tháng.819

4. "Bấy giờ, vào cuối nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, Vua Makhādeva đã nói với người thợ cắt tóc: 'Này anh thợ cắt tóc, khi nào anh thấy có tóc bạc trên đầu ta, hãy nói ta biết.'—'Dạ, thưa bệ hạ', anh ta đáp lại. Và sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cát tóc thấy tóc bạc trên đầu vua King Makhādeva.820 Khi nhìn thấy chúng, anh ta nói với nhà vua: 'Những thiên sứ đã xuất hiện, thưa bệ hạ: tóc bạc được nhìn thấy đang mọc trên đầu bệ hạ.'—'Này anh thợ hớt tóc, vậy hãy lấy nhíp cẩn thận nhổ chúng và để chúng lên lòng bàn tay của ta.'—'Dạ, thưa thưa bệ hạ', anh ta đáp lại, và anh ta dùng nhíp cẩn thận nhổ chúng và đặt lên lòng bàn tay của nhà vua. "Rồi vua Makhādeva đã ban thưởng ân huệ bằng một ngôi làng cho người thợ cắt tóc, và vua gọi hoàng tử lớn nhất, tức thái tử, và nói với thái

tử: 'Này hoàng tử, những thiên sứ đã xuất hiện;821 tóc bạc đã được thấy đang mọc trên đầu ta. Ta đã thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc); giờ đến lúc đi tìm những khoái-lạc giác quan ở cõi trời. Này hoàng tử yêu dấu, hãy lên nắm vương quyền. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Và giờ, này hoàng tử yêu dấu, đến khi con thấy tóc bạc trên đầu của con, thì sau khi ban thưởng ân huệ bằng một ngôi làng cho người thợ cắt tóc, và sau khi đã dặn dò kỹ lưỡng cho hoàng tử lớn nhất, tức thái tử của con, về việc lên nắm vương

quyền, con cũng cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Hãy tiếp tục sự thực-hành tốt lành này đã được thiết lập bởi ta và đừng làm người cuối cùng thực hiện nó. Này hoàng tử yêu dấu, khi nào có hai người đang sống, người kế thừa mà vi phạm (không thực hiện, kế thừa mà không kế truyền) sự thực-hành tốt lành này—thì người đó là người cuối cùng. Vì vậy, này hoàng tử yêu dấu, ta nói với con rằng: Hãy kế tục sự thực-hành tốt lành này đã được thiết lập bởi ta và đừng là người cuối cùng.'

5. "Rồi, sau khi đã ban thưởng ân huệ bằng một ngôi làng cho người thợ cắt tóc, và sau khi đã dặn dò cẩn thận cho hoàng tử lớn nhất, tức thái tử, về việc lên nắm vương quyền, ngay trong khu Vườn Xoài Makhādeva này nhà vua đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. "Nhà vua an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. "Nhà vua an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi- mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy,

trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

6. "80 ngàn năm Vua Makhādeva chơi những trò chơi trẻ con; 80 ngàn năm ông làm phó vương nhiếp chính; 80 ngàn năm ông cai trị vương quốc; 80 ngàn năm ông sống đời sống tâm linh trong khu Vườn Xoài Ma- khādeva này sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bằng sự tu tập bốn sự an trú cõi trời (phạm trú), khi thân tan rã, sau khi chết, ông đã tái sinh trong cõi trời Brahma (phạm thiên giới).

7. –9. "Bấy giờ, vào cuối nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, thái tử của Vua Makhādeva đã nói với người thợ cắt tóc: … [tiếp tục nội dung như các mục 4–6, chỉ thay bằng "thái tử của Vua Makhādeva", cho đến:] … Bằng sự tu tập bốn sự an trú cõi trời (phạm trú), khi thân tan rã, sau khi chết, thái tử của Vua Makhādeva đã tái sinh trong cõi trời Brahma (phạm thiên giới).

10. "Những người kế tục của thái tử (cháu nội, cháu cố …) của Vua Ma- khādeva tính thành đến 80 ngàn vua kế tục, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành cũng ngay trong khu Vườn Xoài Makhādeva này. Họ cũng an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) … sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả) … không còn ác-ý.

11. “80 ngàn năm họ chơi những trò chơi trẻ con; 80 ngàn năm họ làm phó vương nhiếp chính; 80 ngàn năm họ cai trị vương quốc; 80 ngàn năm họ sống đời sống tâm linh cũng trong khu Vườn Xoài Makhādeva này sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bằng sự tu tập bốn sự an trú cõi trời (phạm trú), khi thân tan rã, sau khi chết, họ cũng đã tái sinh trong cõi trời

Brahma (phạm thiên giới).

12. “Vua Nimi là người cuối cùng trong số vua đó. Ông là một nhà vua chân chánh, người trị vì bằng Giáo Pháp, là một vị vua lớn được thiết lập trong Giáo Pháp. Ông ta dẫn dắt bản thân theo Giáo Pháp giữa những bà- la-môn và gia chủ, giữa những người thành thị và nông thôn, và ông ta giữ giới trong những ngày Bố-tát [Uposatha] là ngày thứ mười bốn, ngày rằm, và ngày mồng tám của tháng.

13. “Có lần, này Ānanda, khi những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi) đã gặp nhau và cùng ngồi với nhau trong Hội Trường Sud- hamma (Thiện Pháp), sự thảo luận này đã khởi sinh trong số họ: ‘Thưa quý vị, đó là một ích lợi cho dân chúng ở Videha, đó là một ích lợi lớn lao cho dân chúng Videha rằng Vua Nimi là một nhà vua chân chánh, người trị vì bằng Giáo Pháp, là một vị vua lớn được thiết lập trong Giáo Pháp. Ông ta dẫn dắt bản thân theo Giáo Pháp giữa những bà-la-môn và gia chủ, giữa những người thành thị và nông thôn, và ông ta giữ giới trong những ngày Bố-tát [Uposatha] là ngày thứ mười bốn, ngày rằm, và ngày mồng tám của tháng.’ “Rồi Đế-thích [Sakka], vua của những thiên thần, đã nói với các thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba: ‘Này các tiên, các tiên có muốn gặp Vua Nimi không?’—‘Thưa trời, chúng tôi muốn gặp Vua Nimi.’ “Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày rằm Bố-tát, Vua Nimi đã gội đầu tóc và bước lên gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện, ở đó ông ta ngồi xuống vì lễ trai giới Bố-tát. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã biến mất khỏi cõi trời Ba Mươi Ba và hiện ra trước mặt Vua Nimi. Vua trời nói rằng: ‘Đó là một íc lợi cho ngài, này đại vương, đó là một ích lợi lớn lao cho ngài, này đại vương. Khi những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi) đã gặp nhau và cùng ngồi với nhau trong Hội Trường Sud- hamma (Thiện Pháp), sự thảo luận này đã khởi sinh trong số họ: ‘Thưa quý vị, đó là một ích lợi cho dân chúng ở Videha … và ngày mồng tám

của tháng.’ Này đại vương, những thiên thần muốn gặp ngài. Tôi sẽ cử một xe ngựa được trạng bị với một ngàn con ngựa thuần chủng cho ngài, này đại vương. Này đại vương, hãy leo lên cỗ xe thiên thánh đó với không chút hoài nghi.’ “Vua Nimi đồng ý trong im lặng. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã biến mất tại chỗ Vua Nimi và hiện ra trước những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba.

14. “Rồi vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã nói với người lái xe ngựa Mātali: ‘Này tiên Mātali, hãy chuẩn bị cỗ xe được trang bị một ngàn con ngựa thuần chủng, và đến gặp Vua Nimi và nói: “Này đại vương, cỗ xe này với một ngàn con ngựa thuần chủng đã được cử đến cho ngài bởi vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần. Này đại vương, hãy leo lên cỗ xe thiên thánh này với không chút hoài nghi.”’ “‘Dạ, thưa trời’, người lái xe Mātali đáp lại. Và sau khi đã chuẩn bị một cỗ xe với một ngàn con ngựa thuần chủng, tiên Mātali đã đến chỗ Vua Nimi và nói: “Này đại vương, cỗ xe này với một ngàn con ngựa thuần chủng đã được cử đến cho ngài bởi vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần. Này đại vương, hãy leo lên cỗ xe thiên thánh này với không chút hoài nghi. Nhưng, này đại vương, tôi sẽ lái đại vương theo đường nào: theo đường mà trên đó những người làm điều ác sẽ nếm trải những nghiệp quả ác, hay theo đường mà trên đó những người làm điều thiện sẽ trải nghiệm những nghiệp quả thiện?’—‘Hãy lái qua cả hai đường đó, này tiên Mātali.’822

15. “Mātali đưa Vua Nimi đến Hội Trường Sudhamma. Vua trời Đế- thích, vua của những thiên thần, nhìn thấy Vua Nimi đang đến từ xa và nói với nhà vua: ‘Mời vào, này đại vương! Xin đón chào, này đại vương! Những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba, đã ngồi trong Hội Trường Sudhamma, sự thảo luận này đã khởi sinh trong số họ: “Thưa quý vị, đó là một ích lợi cho dân chúng ở Videha … và ngày mồng tám của tháng.”

Này đại vương, những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba muốn gặp ngài. Này đại vương, hãy thụ hưởng uy lực cõi trời giữa những thiên thần.’ “‘Đủ rồi, này vua trời. Hãy cho người lái xe chở ta về lại Mithilā. Ở đó ta sẽ dẫn dắt bản thân theo Giáo Pháp giữa những bà-la-môn và gia chủ, giữa những người thành thị và nông thôn, và ở đó ta sẽ giữ giới trong những ngày Bố-tát [Uposatha] là ngày thứ mười bốn, ngày rằm, và ngày mồng tám của tháng.’

16. “Rồi Vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã nói với người lái xe Mātali: ‘Này tiên Mātali, hãy chuẩn vị xe ngựa được trang bị một ngàn con ngựa thuần chủng và chở Vua Nimi trở về Mithilā.’ “‘Dạ, thưa trời’, người lái xe Mātali đáp lại. Và sau khi đã chuẩn bị cỗ xe với một ngàn con ngựa thuần chủng, tiên Mātali đã chở Vua Nimi trở lại Mithilā. Và ở đó, thực sự, Vua Nimi đã dẫn dắt bản thân theo Giáo Pháp giữa những bà-la-môn và gia chủ, giữa những người thành thị và nông thôn, và ông ta giữ giới trong những ngày Bố-tát [Uposatha] là ngày thứ mười bốn, ngày rằm, và ngày mồng tám của tháng.’

17. –19. “Rồi, vào cuối nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, thái tử của Vua Nimi đã nói với người thợ cắt tóc: … [tiếp tục nội dung như các mục 4–6, chỉ thay bằng “Vua Nimi”, cho đến:] … Bằng sự tu tập bốn sự an trú cõi trời (phạm trú), khi thân tan rã, sau khi chết, ông ta đã tái sinh trong cõi trời Brahma (phạm thiên giới).

20. “Bấy giờ Vua Nimi có một thái tử tên là Kaḷārajanaka. Thái tử này đã không xuất gia tu hành. Thái tử đã phá vỡ sự thực-hành tốt lành đó. Vậy là Vua Nimi là người cuối

cùng trong số những vị vua đã xuất gia tu hành.

21. “Bây giờ, này Ānanda, có thể thầy nghĩ như vầy: ‘Chắc chắn là, vào thời kiếp đó Vua Makhādeva, người thiết lập sự thực-hành tốt lành đó, là một người nào khác.’ Nhưng thầy không nên nghĩ vậy. Chính ta là Vua Makhādeva trong thời kiếp đó. Ta đã thiết lập sự thực-hành tốt lành đó và

những thế hệ sau đó đã kế tục sự thực-hành tốt lành đã được thiết lập bởi ta trong thời kiếp đó. Nhưng loại sự thực-hành tốt lành đó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ [không còn mê-thích], sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn, mà chỉ dẫn tới sự tái sinh trong cõi trời Brahma (phạm thiên giới). Nhưng có loại sự thực-hành tốt lành này đã được thiết lập bởi ta trong thời kiếp này, nó sẽ dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-a, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Và cái gì là sự thực-hành tốt lành đó? Đó là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn. Đây là sự thực-hành được thiết lập bởi ta trong thời này, nó dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình- an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Này Ānanda, ta nói với thầy: hãy kế tục sự thực-hành tốt lành này đã được thiết lập bởi ta và đừng làm người cuối cùng. Này Ānanda, khi nào có hai người đang sống, người kế thừa mà vi phạm (không thực hiện, kế thừa mà không kế truyền) sự thực-hành tốt lành này—thì người đó là người cuối cùng. Vì vậy, này Ānanda, ta nói với thầy rằng: Hãy kế tục sự thực-hành tốt lành này đã được thiết lập bởi ta và đừng là người cuối cùng.”823 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

84. KINH MADHURĀ (Madhurā Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahā Kaccāna] đang sống ở Madhurā trong Khu Vườn Gundā.824

2. Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã nghe tin: “Sa-môn Ca-chiên-diên đang sống ở Madhurā trong Khu Vườn Gundā. Giờ tin tốt lành về Thầy Ca-chiên-diên đã được lan truyền như vầy: ‘Thầy ấy là có trí, sáng suốt, khôn ngoan, học hiểu nhiều, nói năng rành mạch, và khả năng hùng biện; thầy ấy là trưởng lão và thầy ấy là một A-la-hán. Sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán.’”

3. Rồi Vua Avantiputta của xứ Madhurā cho chuẩn bị mấy cỗ xe hoàng gia, và lên một cỗ xe, đi ra khỏi thành Madhurā với đầy đủ sự uy nghi của hoàng gia để đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Nhà vua đi hết con đường có thể đi bằng xe, rồi ông xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông chào hỏi qua lại với thầy ấy, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói:

4. “Thầy Ca-chiên-diên, những bà-la-môn nói như vầy: ‘Những bà-la- môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp kém hơn; những bà-la-môn là giai cấp trắng trẻo nhất, những người thuộc giai cấp khác là đen đủi; chỉ những bà-la-môn được thanh lọc, những người không phải bà-la-môn thì không; chỉ những bà-la-môn là con của trời Brahmā, dòng dõi của trời Brahmā, được sinh từ miệng của trời Brahmā, được sinh từ trời Brahmā, được tạo ra bởi trời Brahmā, là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’ Thầy Ca-chiên-diên nói sao về điều này?”

5. “Này đại vương, đó chỉ là một lời nói (tiếng nói, âm thanh, lời tuyên truyền, lời ca tụng, lời vô thực) trong thế gian, rằng ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’ Và có một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

340 • Chương 4

(1) “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những quý-tộc khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những bà-la-môn, những thương-nông, và những bần-lao hạ tiện phục tùng giống vậy, có phải không?” “Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một bà-la-môn phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những bà-la-môn khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những thương-nông, những bần-lao hạ tiện, và những quý-tộc phục tùng giống vậy, có phải không?” “Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một thương-nông phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những thương-nông khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những bần-lao hạ tiện, những quý-tộc, và những bà-la-môn, phục tùng giống vậy, có phải không?” “Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một bần-lao hạ tiện phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những bần-lao hạ tiện khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những những quý-tộc, những bà-la-môn, và những thương- nông phục tùng giống vậy, có phải không?”825 “Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai

KINH MADHURĀ • 341

cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?” “Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng.” “Này đại vương, đó là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi. (2) “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một

quý-tộc sát-sinh, gian- cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, còn thèm-khát (tham), có một cái tâm ác-ý (sân), và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến, si). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?" "Thầy Ca-chiên-diên, nếu một quý-tộc làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán." "Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?" "Thầy Ca-chiên-diên, nếu một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như

vậy từ những A-la-hán." "Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?" "Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng." "Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

6. (3) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc kiêng cữ sát- sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm không ác-ý (vô sân), và nắm giữ quan-điểm đúng đắn (chánh kiến, vô si). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?" "Thầy Ca-chiên-diên, nếu một quý-tộc làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán." "Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp … nắm giữ quan-điểm đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

“Thầy Ca-chiên-diên, nếu một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán.” “Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?” “Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng.” “Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

7. (4) “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, hoặc dụ dỗ vợ người khác, và nếu người của đại vương bắt được ông ta và giải ông ta tới, và thưa: ‘Thưa bệ hạ, đây là thủ phạm; hãy ra lệnh trừng trị ông ta theo ý bệ hạ’, thì ngài sẽ xử ông ta ra sao?” “Thầy Ca-chiên-diển, chúng ta sẽ xử tử ông ta, hoặc chúng ta hình phạt ông ta, hoặc lưu đày ông ta, hoặc sẽ xử ông ta cho xứng tội. Vì sao vậy? Bởi vì ông ta đã mất tư cách trước đây của mình là một quý-tộc, và giờ chỉ được coi là một tên trộm cướp.”

8. “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương- nông … một bần-lao hạ tiện đột nhập vào nhà cửa … hoặc dụ dỗ vợ người khác, và nếu người của đại vương bắt được ông ta và giải ông ta tới, và thưa: ‘Thưa bệ hạ, đây là thủ phạm; hãy ra lệnh trừng trị ông ta theo ý bệ hạ’, thì ngài sẽ xử ông tar a sao?” “Thầy Ca-chiên-diển, chúng ta sẽ xử tử ông ta, hoặc chúng ta hình phạt ông ta, hoặc lưu đày ông ta, hoặc sẽ xử ông ta cho xứng tội. Vì sao vậy?

Bởi vì ông ta đã mất tư cách trước đây của mình là một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện, và giờ chỉ được coi là một tên trộm cướp.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?” “Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng.” “Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

9. (5) “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo. Sau khi kiêng cữ ăn vào ban đêm, người đó chỉ ăn một bữa mỗi ngày, và sống độc-thân, có đức- hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?” “Thầy Ca-chiên-diên, chúng tôi sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng tôi sẽ đứng dậy (lễ phép) vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng tôi sẽ mời người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng tôi sẽ

thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một quý-tộc, và giờ chỉ được coi là một sa-môn.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương- nông … một bần-lao hạ tiện, sau khi cạo bỏ râu tóc … có đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?” “Thầy Ca-chiên-diên, chúng tôi sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng tôi sẽ đứng dậy vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng tôi sẽ mời

người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng tôi sẽ thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện, và giờ chỉ được coi là một sa-môn.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?” “Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng.” “Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

10. Sau khi điều này được nói ra, Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã nói với thầy Đại Ca-chiên-diên: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Ca-chiên-diên! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Ca-chiên-diên! Thầy Ca-chiên-diên đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Ca-chiên-diên và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Ca-chiên- diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” “Đừng quy y nương tựa vào tôi, này đại vương. Hãy quy y nương tựa vào đức Thế Tôn là bậc mà tôi đã quy y nương tựa.” “Thầy Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang sống ở đâu?” “Này đại vương, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đã bát Niết-bàn.”

11. “Nếu chúng tôi nghe được đức Thế Tôn đó ở trong vòng mười do-

tuần (dặm Ấn), chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nếu chúng tôi nghe được đức Thế Tôn đó ở trong vòng hai mươi … ba mươi … bốn mươi … năm mươi do-tuần, chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nhưng vì đức Thế Tôn đó đã bát Niết-bàn, chúng tôi quy y nương tựa vào đức Thế Tôn, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

85. KINH HOÀNG TỬ BỒ-ĐỀ (Bodhirājakumāra Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đang sống ở xứ Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong Vườn Bhesakaḷā, trong khu Vườn Nai.

2. Bấy giờ, lúc đó một cung điện được gọi là Dinh Kokanada mới được xây xong cho Hoàng tử Bồ-Đề [Bodhi], và nó chưa được trú ở bởi một sa- môn hay bà-la-môn nào hay bất cứ người nào.826

3. Rồi Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta như vầy: “Này Sañjikāputta thân mến, hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, Hoàng tử Bồ-Đề xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.’ Rồi thưa điều này: ‘Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời dùng bữa cơm ngày mai từ Hoàng tử Bồ-Đề.’” “Dạ, thưa hoàng tử”, Sañjikāputta đáp lại, và anh ta đi đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thưa lại … (toàn bộ nội dung hoàng tử đã dặn).”

4. Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, Sañjikāputta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, và đến gặp Hoàng tử Bồ-Đề, kể lại và nói thêm: “Sa-môn Cồ-đàm đã đồng ý.”

5. Rồi đêm đã qua, Hoàng tử Bồ-Đề cho chuẩn bị nhiều món ăn ngon khác nhau ngay trong tư dinh của mình, và hoàng tử cho trải vải trắng phủ hết cầu thang cho đến bậc thang thấp nhất. Và hoàng tử nói với môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta: “Này Sañjikāputta thân mến, hãy đến chỗ đức Thế Tôn và thông báo thời gian như vầy: ‘Thưa Thế Tôn, đã đến lúc, bữa

come đã sẵn sàng.’” “Dạ, thưa hoàng tử”, Sañjikāputta đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn để thông báo như vậy.

6. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến tư dinh của Hoàng tử Bồ-Đề.

7. Bấy giờ Hoàng tử Bồ-Đề đang đứng bên ngoài mái hiên chờ đức Thế Tôn. Khi hoàng tử nhìn thấy đức Thế Tôn đang đến từ xa, hoàng tử bước ra gặp và kính lễ đức Thế Tôn; và rồi, để đức Thế Tôn đi trước, họ tiến vào Dinh Kokanada. Nhưng đức Thế Tôn đã dừng lại chỗ bậc thang thấp nhất. Hoàng tử Bồ-Đề đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con, bậc Phúc Lành cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con.” Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã im lặng.827 Lần thứ hai … Lần thứ ba Hoàng tử Bồ-Đề đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con, bậc Phúc Lành cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho

con.” Đức Thế Tôn nhìn qua Ngài Ānanda. Thầy Ānanda nói với Hoàng tử Bồ-Đề: “Này hoàng tử, hay cho gỡ tấm vải đi. Đức Thế Tôn không bước lên một tấm vải; Như Lai có sự quan-tâm dành cho những thế hệ sau này.”828

8. Vậy là Hoàng tử Bồ-Đề đã cho gỡ tấm vải đi và dọn những chỗ ngồi ở những gian trên của Dinh Kokanada. Đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bước lên Dinh Kokanada và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

9. Rồi, Hoàng tử Bồ-Đề đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi đức Thế Tôn bằng nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và dẹp bình bát qua một

bên, Hoàng tử Bồ-Đề chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, chúng con có ý nghĩ như vầy: ‘Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ.’”829

10. “Này hoàng tử, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ hoàn toàn, ta cũng từng nghĩ như vậy: ‘Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ.’

11. –14. “Sau đó, này hoàng tử, khi ta còn trẻ, là một người trẻ tóc đen còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời … [Tiếp tục như kinh MN 26, mục 15–17] … Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: ‘Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.’

15. –42. “Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó … [Tiếp tục như kinh MN 36, mục 17–44, nhưng trong kinh này các mục 18–23—tương ứng với các mục 20–25 của kinh MN 36—thì câu “Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó” không có; và trong kinh này các mục 37, 39 và 42—tương ứng với các mục 39, 41, và 44 của kinh MN 36—thì câu “Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó” không có] … điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó”

43. –53 “Ta đã đã suy xét: ‘Giáo Pháp này ta đã chứng ngộ là thâm sâu … [Tiếp tục như kinh MN 26, mục 19–29] … và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do hai Tỳ kheo đó đi khất thực mang về.

54. “Rồi nhóm năm vị Tỳ kheo, không lâu sau khi đã được ta chỉ dạy và hướng dẫn như vậy, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

55. Sau khi điều này được nói ra, Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sau khi một Tỳ kheo chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì sau bao lâu thì người đó sẽ: ‘bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?’” “Này hoàng tử, về vấn đề đó, ta sẽ hỏi lại hoàng tử một câu hỏi. Cứ trả lời nếu thấy được. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Hoàng tử có thiện thạo về kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi hay không?” “Có, thưa Thế Tôn.”

56. “Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Ví dụ có người đến đây nghĩ rằng: ‘Hoàng tử Bồ-Đề biết kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi; tôi sẽ theo hoàng tử học luyện kỹ thuật đó.’ Nếu người đó không có niềm-tin, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có niềm- tin; nếu người đó có nhiều bệnh tật, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người không bị bệnh tật; nếu người đó là giả dối và lừa lọc, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người chân thật và chân thành; nếu người đó là lười biếng, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người siêng năng nỗ lực; nếu người đó không có trí, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có trí. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Một người như vậy có thể theo hoàng tử học luyện kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cỡi voi hay không?” “Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ có một trong những khuyết-điểm nói trên, thì người đó cũng không thể theo con học luyện kỹ thuật đó, vậy nói chi tới người có cả năm khuyết-điểm đó?”

57. “Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Ví dụ có người đến đây nghĩ rằng: ‘Hoàng tử Bồ-Đề biết kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi; tôi sẽ theo hoàng tử học luyện kỹ thuật đó.’ Nếu người đó có niềm-tin, thì

người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có niềm-tin; nếu người đó không có bệnh tật, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người không bệnh tật; nếu người đó là chân thật và chân thành, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người chân thật và chân thành; nếu người đó siêng năng nỗ lực, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người siêng năng nỗ lực; nếu người đó có trí, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có trí. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Một người như vậy có thể theo hoàng tử học luyện kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cỡi voi hay không?” “Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ có một trong những phẩm- chất nói trên, thì người đó cũng có thể theo con học luyện kỹ thuật đó, vậy nói chi tới người có cả năm phẩm-chất đó?”

58. “Cũng giống như vậy, này hoàng tử, có năm yếu-tố của sự chuyên- cần tu (năm chi tinh-cần). Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có niềm-tin, người đó đặt niềm-tin vào sự giác- ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và

đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn' (2) "Rồi người đó không bị bệnh tật và đau đớn, có được hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột, và có khả năng chịu được sự căng thẳng khó nhọc của sự chuyên-cần tu. (3) "Rồi người đó là chân thật và chân thành, và thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là trước mặt vị Sư Thầy và những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. (4) "Rồi người đó là siêng năng nỗ-lực trong sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và trong sự đảm nhận những trạng thái thiện, kiên định, phát

khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) với sự kiên cố, và kiên trì trong sự tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) "Rồi người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ nhận biết sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu.

59. "Này hoàng tử, khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì trong bảy năm người đó sẽ: bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. "Nói chi tới bảy năm, này hoàng tử. Khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì trong sáu năm … năm năm … bốn năm … ba năm … hai năm … một năm … … Nói chi tới một năm, này hoàng tử … thì trong bảy tháng … sáu tháng … năm tháng … bốn tháng … ba tháng … hai tháng … một tháng … nửa tháng … … Nói chi tới nửa tháng, này hoàng tử … thì trong bảy ngày đêm … sáu ngày đêm … năm ngày đêm … bốn ngày đêm … ba ngày đêm … hai ngày đêm … một ngày đêm … … "Nói chi tới một ngày đêm, này hoàng tử. Khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì sau khi được chỉ dẫn trong buổi tối, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào sáng mai; sau khi được chỉ dẫn vào buổi sáng, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều."

60. Sau khi điều này được nói ra, Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với đức Thế Tôn: "Tuyệt vời là Đức Phật! Tuyệt vời là Giáo Pháp! Tuyệt vời là cách Giáo Pháp đã được tuyên thuyết một cách hay khéo! Bởi vì một người được chỉ dạy bữa tối có thể đạt đến sự khác-biệt vào sáng mai, và một người được chỉ dạy buổi sáng có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều."

61. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta đã nói với Hoàng tử Bồ-Đề: "Thầy Bồ-Đề nói: 'Tuyệt vời là Đức Phật! Tuyệt vời là Giáo Pháp! Tuyệt vời là cách Giáo Pháp đã được tuyên thuyết một cách hay khéo!' Nhưng Thầy Bồ-Đề không nói: 'Tôi sẽ quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo.'" "Đừng nói vậy, này Sañjikāputta thân mến, chớ nói như vậy. Tôi đã

nghe và biết được từ chính miệng mẹ của tôi rằng: Có một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó mẹ ta, bà đang mang thai, đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, bà ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, hoàng tử hay công chúa trong thai con, là ai cũng vậy, sẽ quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Mong đức Thế Tôn ghi nhớ [đứa trẻ] là một đệ tử tại gia đã quy y theo đức Thế Tôn suốt đời.' Cũng có một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong Khu Vườn Bhesakaḷā, ở khu Vườn Nai. Rồi người bảo mẫu của ta, ẳm ta bên hông cô ấy, đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cô ấy đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, Hoàng tử Bồ-Đề này quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Mong đức Thế Tôn ghi nhớ [đứa trẻ] là một đệ tử tại gia đã quy y theo đức Thế Tôn suốt đời.' Bây giờ, này Sañjikāputta thân mến, đây là lần thứ ba ta quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kính mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

86. KINH ANGULIMĀLA (Angulimāla Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào thời đó có một tên cướp trong lãnh địa của Vua Pa- senadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) tên là Angulimāla, là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay (của người bị hắn giết).830

3. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, Phật tu xếp chỗ ở của mình, rồi mang theo bình bát và cà sa, lên đường dẫn tới chỗ Angulimāla. Những người chăn bò, người chăn cừu, người cày ruộng, và người đi lại nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi trên đường dẫn tới chỗ Angulimāla, họ đã nói với đức Thế Tôn: "Này sa-môn, đừng đi đường này. Trên đường này có tên cướp Angulimāla, là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay. Những người đã đi đường này thành nhóm mười, hai mươi, ba mươi, thậm chí bốn mươi, nhưng đều bị rớt vào tay tên cướp Angulimāla." Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng đi tiếp. Lần thứ hai … Lần thứ ba những người chăn bò, người chăn cừu, người cày ruộng, và người đi lại nói với đức Thế Tôn điều này, nhưng đức Thế Tôn vẫn im lặng và đi tiếp.

4. Tên cướp Angulimāla nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, hắn nghĩ: "Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời! Những

người đi đường này thành nhóm mười, hai mươi, ba mươi, thậm chí bốn mươi, nhưng họ đều bị rớt vào tay ta. Nhưng giờ sa-môn này đi một mình, không ai đi cùng, cứ như tự ép mình (đi nộp mạng) vậy. Vậy sao ta không lấy mạng sa-môn này cho rồi?" Rồi Angulimāla mang kiếm và khiên, gòng tay kéo cung và run run, và đi theo sát đức Thế Tôn.

5. Rồi đức Thế Tôn đã thực hiện một màn thần thông khiến cho tên cướp Angulimāla, mặc dù đã chạy nhanh hết mức có thể vẫn không bắt kịp đức Thế Tôn đang đi bộ bình thường. Rồi tên cướp Angulimāla nghĩ: "Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời! Trước giờ ta có thể bắt kịp cả con voi phóng nhanh và tóm lấy nó; ta có thể bắt kịp cả con ngựa phóng nhanh và tóm lấy nó. Ta có thể bắt kịp cả chiếc xe ngựa phóng nhanh và tóm lấy nó. Ta có thể bắt kịp con hươu phóng nhanh và tóm lấy nó; nhưng bây giờ ta đang chạy nhanh hết mức có thể nhưng ta không thể bắt kịp sa-môn này đang đi bộ bình thường!" Hắn đứng lại và gọi to: "Dừng lại, sa-môn kia! Dừng lại, sa-môn kia!" "Ta đã dừng rồi, này Angulimāla, ngươi cũng dừng lại đi." Rồi tên cướp Angulimāla nghĩ: "Những sa-môn này, là những người con của họ tộc Thích-Ca, chỉ nói sự thật, khẳng định sự thật; nhưng sa- môn này khi vẫn đang đi mà ông ta lại nói: 'Ta đã dừng rồi, này Angulim- āla, ngươi cũng dừng lại đi.' Hay ta thử hỏi sa-môn này."

6. Rồi tên cướp Angulimāla nói với đức Thế Tôn bằng mấy dòng kệ
này:
"Này sa-môn, khi ông đang đi, ông lại nói ông đã dừng;
Nhưng giờ, khi tôi đã dừng, ông lại nói tôi chưa dừng.
Này sa-môn, tôi hỏi ông về ý nghĩa:
Theo cách nào ông nói ông thì đã dừng và tôi thì chưa dừng?"
"Này Angulimāla, ta thì đã dừng mãi mãi,
Ta kiêng cữ bạo lực đối với chúng sinh;
Nhưng ngươi thì không kiềm chế bạo lực đối với chúng sinh:

Do vậy ta thì đã dừng và ngươi thì chưa dừng."
"Ôi, sau bao lâu rồi vị sa-môn này, bậc hiền triết được tôn kính
Đã đến khu rừng lớn này vì tôi.831
Sau khi nghe mấy dòng kệ chỉ dạy Giáo Pháp,
Tôi sẽ thực sự từ bỏ điều ác mãi mãi."
Sau khi nói vậy, tên cướp lấy kiếm dao và vũ khí của mình
Quăng chúng xuống vực sâu
Tên cướp kính lạy dưới chân bậc Phúc Lành,
Và xin được xuất gia đi tu.
Bậc Giác-Ngộ, Bậc Thánh Hiền Đại Bi,
Vị Thầy của thế gian này có những thiên thần

Đã nói với tên cướp lời này: “Hãy đến đây, này Tỳ kheo.”
Và đó là cách tên cướp đã trở thành một Tỳ kheo.

7. Rồi đức Thế Tôn lên đường trở lại Sāvatthī cùng với Angulimāla là người hầu cận của mình. Sau khi đi thành nhiều chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến, và ở đó đức Thế Tôn sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

8. Rồi, bấy giờ đám rất đông người tụ tập trước cổng nội cung của Vua Pasenadi của xứ Kosala, rất ồn ào và lớn tiếng, họ la lên: “Thưa đức vua, tên cướp Angulimāla đang ở trong lãnh địa của đức vua; hắn là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh! Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn! Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay! Đức vua phải tiêu diệt hắn!”

9. Rồi, vào giữa trưa Vua Pasenadi của xứ Kosala đánh xe ra khỏi thành Sāvatthī cùng với đội kỵ binh gồm năm trăm người lên đường tới khu tịnh xá. Nhà vua đi hết phần đường có thể đi bằng xe, rồi sau đó xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, nhà vua ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn mới hỏi nhà vua: “Có

chuyện gì vậy, đại vương? Có phải Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) đang tấn công đại vương, hay những người Licchavi ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), hay những ông vua hung bạo khác?

10. “Thưa Thế Tôn, không phải Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha đang tấn công con, cũng không phải những người Licchavi ở Vesālī, hay những ông vua hung bạo khác. Nhưng có một tên cướp đang ở trong lãnh địa của con tên là Angulimāla, hắn là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay. Con cần phải tiêu diệt hắn.”

11. “Này đại vương, ví dụ đại vương gặp tên Angulimāla đó giờ đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; rằng người đó nay đã kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo. Sau khi kiêng cữ ăn vào ban đêm, người đó chỉ ăn một bữa mỗi ngày, và sống độc- thân, có đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?” “Thưa Thế Tôn, nếu vậy chúng con sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng con sẽ đứng dậy (lễ phép) vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng con sẽ mời người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng con sẽ thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. (Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một tên cướp, và giờ chỉ được coi là một sa-môn). Nhưng, thưa Thế Tôn, làm sao một tên thất đức, một kẻ thuộc tính cách ác như vậy mà có thể có được giới-hạnh và sự kiềm-chế như vậy?”

12. Lúc đó ngài Angulimāla đang ngồi không xa đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn mới chỉ bằng tay phải và nói với Vua Pasenadi của xứ Kosala: “Này đại vương, đây chính là Angulimāla.” Vua Pasenadi đã sợ hãi, hoảng hốt, và hoảng sợ. Biết điều này, đức

Thế Tôn đã nói với ông: “Này đại vương, đừng sợ. Chẳng có gì để đại vương sợ hãi từ người đó.” Rồi sự sợ hãi, sự hoảng hốt, và sự hoảng sợ của nhà vua đã lắng xuống. Nhà vua đến chỗ thầy Angulimāla và hỏi: “Thưa thầy, có phải thánh tăng đây thực sự là Angulimāla?” “Dạ đúng, thưa đại vương.” “Thưa thầy, cho hỏi cha thầy thuộc gia đình nào? Mẹ thầy thuộc gia đình nào?” “Thưa đại vương, cha tôi là một người họ Gagga; mẹ tôi là một người họ Mantāṇi.” “Chúc cho ‘con trai của Gagga và Mantāṇi’ [Gagga Mantāṇiputta; tức là Angulimāla] nghỉ ngơi vui lòng. Tôi sẽ cúng dường y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang cho ‘con trai của Gagga và Mantāṇi’.”

13. Ngay lúc đó thầy Angulimāla đã là một người sống tu trong rừng, người chỉ ăn thức ăn khất, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, và chỉ có tối đa ba bộ y. Nên thầy ấy trả lời: “Đã đủ rồi, thưa đại vương, ba bộ y của tôi là đầy đủ rồi.” Rồi Vua Pasenadi quay lại đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và thưa: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn đã thuần hóa những người không được thuần hóa, mang lại sự bình an cho những người không được bình an, và dẫn tới Niết-bàn những người chưa đi tới Niết-bàn. Thưa Thế Tôn, bản thân chúng con không thể thuần hóa tên cướp đó bằng vũ lực và vũ khí, nhưng đức Thế Tôn đã thuần hóa tên cướp mà không cần vũ lực hay vũ khí. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con xin phép đi về. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi.” Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

14. Rồi, vào buổi sáng, thầy Angulimāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Khi thầy đang đi bộ khất thực từ nhà này sang nhà kia trong thành Sāvatthī, thầy nhìn thấy một phụ nữ đang khó đẻ, đang đau đớn vì khó đẻ. Khi nhìn thấy vậy, thầy ấy nghĩ: “Chúng sinh sao mà đau khổ! Thực sự, chúng sinh sao mà đau khổ!”832 Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, vào buổi sáng này, con mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Khi con đang đi bộ khất thực từ nhà này sang nhà kia trong thành Sāvatthī, con nhìn thấy một phụ nữ đang khó đẻ, đang đau đớn vì khó đẻ. Khi nhìn thấy vậy, con nghĩ: “Chúng sinh sao mà đau khổ! Thực sự, chúng sinh sao mà đau khổ!”

15. “Này Angulimāla, trong trường hợp này thầy hãy vô lại thành Sāvatthī và nói với người phụ nữ đó: ‘Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này, cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!’” “Thưa Thế Tôn, nói vậy chẳng phải con đã cố ý nói dối hay sao, bởi vì con

đã từng cố ý giết rất nhiều người mà?" "Vậy thì, này Angulimāla, hãy đi vô thành Sāvatthī và nói với người phụ nữ đó: 'Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này, cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!'"833 "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Angulimāla đáp lại, và sau khi vô lại thành Sāvatthī, thầy nói với người phụ nữ đó: "Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này, cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!" Rồi người phụ nữ và đứa bé đều khỏe mạnh sau khi sinh ra.

16. Không lâu sau đó, sau khi sống một mình, thu mình, chuyên chú,

nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Angulimāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Angulimāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

17. Sau đó, vào một buổi sáng, thầy Angulimāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Bấy giờ, lúc đó có mấy người quăng đá cục vào người thầy Angulimāla, mấy người khác quăng gậy gọc vào người thầy ấy, và mấy người khác quăng miểng chậu vào người thầy ấy. Rồi, với máu chảy từ đầu bị chảy máu, bình bát bị đập bể, cà sa bị xé rách, thầy Angulimāla đã đến chỗ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và nói với thầy ấy: "Hãy chịu đựng, này bà-la-môn! Hãy chịu đựng, này bà-la-môn! Ngay tại đây và bây giờ thầy đang nếm trải quả của những nghiệp mà lẽ ra vì chúng thầy đã sẽ phải bị tra tấn trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm."834

18. Sau đó, trong khi thầy Angulimāla đang ở một mình trong nơi ẩn thiền trải nghiệm niềm chân-phúc của sự giải-thoát, thầy ấy đã thốt lên lời cảm khái này:835 "Ai đã từng sống lơ tâm phóng dật Và sau đó không còn lơ tâm phóng dật, Thì người đó chiếu sáng thế giới này, Như mặt trăng không còn bị mây mờ. Ai kiểm điểm những điều ác mình đã làm, Bằng cách làm những điều thiện, Thì người đó chiếu sáng thế giới này, Như mặt trăng không còn bị mây mờ.

Tỳ kheo trẻ là người dành hết mọi nỗ-lực
Để tu theo giáo lý của Phật,
Thì người đó chiếu sáng thế giới này,
Như mặt trăng không còn bị mây mờ.
Mong những kẻ thù của tôi nghe kinh về Giáo Pháp,
Mong họ dành hết ưu tiên theo giáo lý của Phật,

Mong những kẻ thù của tôi biết chờ đợi những bậc thiện nhân,
Là người dẫn dắt người khác nhận lấy Giáo Pháp.
Mong những kẻ thù của tôi thường xuyên biết lắng nghe,
Và nghe Giáo Pháp của những bậc thuyết giảng về sự nhẫn-nhịn,
Những ai nói lời khen ngợi sự tự-tế,
Mong họ sống theo những hành động tử-tế.
Bởi vì như vậy sẽ không muốn hại người nào,
Họ cũng không nghĩ làm hại chúng sinh khác,
Đó là những người bảo vệ tất cả chúng sinh, dù yếu hay mạnh,
Mong họ đạt được sự bình-an bao trùm.
Người làm ống thì dẫn dắt nước,
Người làm cung vót thẳng tên,
Người thợ mộc bào thẳng gỗ,
Nhưng bậc hiền trí thì tìm cách thuần phục bản thân.
Có người thuần phục bằng sự đánh đấm,
Có người thuần phục bằng gậy gọc, có người bằng roi vọt;
Nhưng tôi đã được thuần phục bởi một người,
Là người không dùng gậy gộc hay vũ khí.
'Vô-hại' là tên thật của tôi,
Cho dù tôi đã quá nguy-hiểm trong quá khứ.836
Tên thật hôm nay tôi mang mới đúng thực:
Vì tôi không còn hại chúng sinh nào nữa.
Mặc dù tôi từng sống làm tên cướp
KINH ANGULIMĀLA • 363

Với biệt danh là "Vòng đeo làm bằng ngón tay",
'Kẻ tàn ác' đó đã bị đại lũ cuốn đi rồi,
Còn tôi đã quy y theo Phật.
Mặc dù tôi từng tay nhuốm máu
Với biệt danh "Vòng đeo làm bằng ngón tay',
Hãy nhìn chỗ nương-tựa tôi đã tìm thấy:
Sự trói-buộc hiện-hữu đã được cắt đứt.
Trong khi tôi đã làm nhiều điều ác
Dẫn tới sự tái sinh trong những cõi dữ,
Nhưng nghiệp quả đã xảy đến với tôi ngay trong kiếp này,
Nên giờ tôi ăn (thức ăn của thí chủ) mà không mang nợ.837
Số đông là những người ngu và không có sự khôn ngoan,
Họ buông thả bản thân cho sự lơ tâm phóng dật.
Nhưng những người có trí thì phòng hộ sự chuyên chú,
Và coi đó là điều thiện lớn lao nhất của mình.

Đừng buông thả theo sự lơ tâm phóng dật
Đừng tìm kiếm khoái lạc trong những khoái-lạc giác quan,
Mà hãy thiền định với sự chuyên chú
Làm vậy mới đạt tới niềm chân phúc hoàn hảo.
Vậy xin mời đến với đường tôi đã chọn,
Và giữ vững nó, nó không phải là lựa chọn tồi tệ;
Trong tất cả mọi giáo lý có thể nương tựa,
Tôi đã gặp được chính loại tốt nhất.
Vậy xin mời đến với đường tôi đã chọn,
Và giữ vững nó, nó không phải là lựa chọn tồi tệ;
Tôi đã chứng ngộ ba loại trí-biết (tam minh),
Và đã làm xong tất cả những điều Phật đã dạy."
364 • Chương 4

87. KINH ÁI SINH (Piyajātika Sutta)

1. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một đứa con trai yêu dấu duy nhất của một gia chủ mới chết. Sau khi con ông chết, ông chẳng còn muốn làm việc hay ăn uống gì. Ông cứ đi vô nghĩa địa và khóc than: "Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi? Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi?"

3. Rồi gia chủ đó đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này gia chủ, các căn của chú không như các căn của một người đang làm chủ tâm của mình. Các căn của chú bị rối loạn." "Thưa thầy, làm sao các căn của tôi không bị rối loạn? Vì con trai yêu dấu duy nhất của tôi đã chết. Từ khi nó chết tôi không còn muốn làm việc hay ăn uống gì. Tôi cứ đi vô nghĩa địa và khóc than: 'Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi? Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi?' "Đúng là vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu (do ái sinh khổ; tình cảm luyến ái sinh khổ)." "Thưa thầy, ai lại nghĩ (đỗ thừa) rằng 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Thưa thầy, (nên nói) chỉ có sự hạnh phúc và vui sướng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu." Rồi, do không hài lòng với lời nói của đức Thế Tôn, không chấp nhận điều đó, gia chủ đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

4. Bấy giờ, lúc đó có mấy người cờ bạc đang chơi xí ngầu xúc xắc

366 • Chương 4

không xa chỗ đức Thế Tôn đang ở. Rồi gia chủ đó đến chỗ mấy người cờ bạc và nói: "Này các ông, tôi đã đến chỗ sa-môn Cồ-đàm, và sau khi kính lễ ông ta, tôi ngồi xuống

một bên. Sau khi tôi đã ngồi, sa-môn Cồ-đàm đã nói với tôi: 'Này gia chủ, các căn của chú không như các căn của người làm chủ tâm của mình' … [như mục 3 kế trên] …" Rồi, do không hài lòng với lời nói của sa-môn Cồ-đàm, không chấp nhận điều đó, tôi đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về." "Đúng là vậy, này gia chủ, đúng là vậy! (Nên nói) chỉ có sự hạnh phúc và vui sướng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu." Rồi gia chủ ra về nghĩ rằng: "Ta đồng ý với mấy người cờ bạc."

5. Chuyện này cuối cùng cũng đồn tới hoàng cung. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala mới nói với Hoàng Hậu Mallikā: "Này Mallikā, điều này đã được nói bởi sa-môn Cồ-đàm: 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.'" "Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy." "Cho dù sa-môn Cồ-đàm nói điều gì Mallikā cũng luôn ngưỡng mộ tán thành như vầy: 'Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy.' Giống như một học sinh luôn ngưỡng mộ tán thành bất cứ điều gì thầy của nó nói: 'Đúng là vậy, thưa thầy, đúng là vậy!'; tương tự như vậy, này Mallikā, dù sa-môn Cồ-đàm nói điều gì, Mallikā cứ luôn ngưỡng mộ tán thành như vầy: 'Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy.' Thôi hãy đi chỗ khác đi, này Mallikā!"

6. Rồi Hoàng Hậu Mallikā mới nói với bà-la-môn Nāḷijangha: "Này bà- la-môn, ông hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: 'Thưa Thế Tôn, Hoàng Hậu Mallikā xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống

bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.' Rồi thưa điều này: 'Thưa Thế Tôn, có phải đây là lời do đức Thế Tôn nói ra hay không: "Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu."?' Rồi hãy nghe kỹ điều đức Thế Tôn trả lời và về báo lại với ta; vì những Như Lai không nói điều không thật." "Dạ, thưa hoàng hậu", bà-la-môn đáp lại, và ông ta đi đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa lại … (toàn bộ nội dung hoàng tử đã dặn)."

7. "Đúng là vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy! Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu." "Này bà-la-môn, từ câu chuyện này có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ có mẹ chết. Vì mẹ cô ta chết, cô ta trở nên điên tiết, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: 'Ông có thấy mẹ tôi không? Chị có thấy mẹ tôi không?'

8. –14. “Và từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.’ Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ có cha chết … có anh chết … có chị chết … có con gái chết … có con trai chết … có chồng chết. Vì chồng ta chết, cô ta trở nên điên tiếc, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: ‘Ông có thấy chồng tôi không? Chị có thấy chồng tôi không?’

15. –21. “Và từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những

người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.’ Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một đàn ông có cha chết … có anh chết … có chị chết … có con gái chết … có con trai chết … có vợ chết. Vì vợ ông ta chết, ông ta trở nên điên tiếc, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: ‘Ông có thấy vợ tôi không? Chị có thấy vợ tôi không?’

22. “Và từ câu chuyện này có thể hiểu được cách mà ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.’ Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ đến sống chung với gia đình người thân của cô ta. Những người thân của cô ta muốn cô li dị với chồng cô ta và họ muốn gả cô ta cho một người khác mà cô không muốn. Rồi cô ta mới nói với chồng cô ta: ‘Này chồng, những người thân của tôi muốn tôi li dị chồng và họ gả tôi cho một người khác tôi không muốn.’ Rồi người chồng (vì yêu dấu vợ, muốn giữ vợ cho mình) đã chặt vợ thành hai khúc và tự mổ bụng mình chết theo, anh ta nghĩ rằng: ‘Chúng ta sẽ tái ngộ trong kiếp sau.’ Từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.”

23. Rồi, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, bà- la-môn Nāḷijangha đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về gặp Hoàng Hậu Mal- likā, và kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn.

24. Rồi Hoàng Hậu Mallikā đến gặp Vua Pasenadi của xứ Kosala và hỏi nhà vua: “Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Công chúa Vajīrī là người ngài yêu dấu phải không?” “Đúng vậy, này Mallikā, Công chúa Vajīrī là người ta yêu dấu.” “Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Nếu có sự thay đổi và biến cố838 nào xảy ra trong Công chúa Vajīrī, thì ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng’ có khởi sinh trong ngài không?”

“Sự thay đổi và biến cố trong Công chúa Vajīrī có nghĩa là sự biến đổi trong cuộc đời của ta. Làm sao mà ‘sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng’ không khởi sinh trong ta?” “Này đại vương, chính vì vậy, chính vì chiếu theo điều này, nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, mới nói rằng: ‘Sự buồn

sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.'

25.–28. "Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Thánh Hoàng Hậu Vāsabhā là người ngài yêu dấu phải không?" ... Tướng quân (hoàng tử) Viḍūḍabha là người ngài yêu dấu phải không?" ... Thiếp đây là người ngài yêu dấu phải không? ... Kāsi và Kosala là xứ sở ngài yêu dấu phải không?"839 "Đúng vậy, này Mallikā, Kāsi và Kosala là xứ sở ta yêu dấu. Nhờ có Kāsi và Kosala chúng ta dùng gỗ đàn hương Kāsi và mang vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp." "Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Nếu có sự thay đổi hay biến cố nào xảy ra ở Kāsi và Kosala, thì 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' có khởi sinh trong ngài không?" "Sự thay đổi và biến cố ở Kāsi và Kosala có nghĩa là sự biến đổi trong cuộc đời của ta. Làm sao mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' không khởi sinh trong ta?" "Này đại vương, chính vì vậy, chính vì chiếu theo điều này, nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, mới nói rằng: 'Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người (và những thứ) mình yêu dấu, khởi sinh từ những người (và những thứ) mình yêu dấu.'"

29. "Thật kỳ diệu, này Mallikā, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn đã thâm nhập bằng trí-tuệ và nhìn thấy bằng trí-tuệ! Hãy đến đây, này Mal- likā, hãy mang cho ta nước thanh tẩy."840 Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và

xếp lại phần y trên một vai, nhà vua chấp tay kính lễ về hướng đức Thế Tôn đang ở, và đọc lời cảm thán này ba lần: "Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác!"

88. KINH TẤM VẢI NGOẠI NHẬP (Bāhitika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, vào buổi sáng, ngài Ānanda mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đến Khu Vườn Phía Đông, trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra, để an trú qua ngày.

3. Bấy giờ, vào lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã cỡi voi Ekapuṇḍarīka và đi ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa. Nhà vua nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa, và nhà vua hỏi quan thượng thư Sirivaḍḍha: "Đó là thầy Ānanda, có phải không?"—"Dạ đúng, thưa đại vương, đó là thầy Ānanda."

4. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói với một người vủa ông: "Này thiện hữu, hãy đến chỗ thầy Ānanda và nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy ấy và thưa: 'Thưa thầy, Vua Pasenadi của xứ Kosala kính lễ với đầu nhà vua cúi xuống chân thầy Ānanda.' Rồi thưa điều này: 'Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin thầy nán lại chốc lát, vì lòng bi-mẫn.'"

5. “Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại, và đi đến gặp thầy Ānanda … (làm đúng như nhà vua dặn) … Rồi thưa điều này: ‘Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin nán lại chốc lát, vì lòng bi- mẫn.’

6. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng. Rồi Vua Pasenadi đã cỡi voi đi hết đoạn đường voi có thể đi được, sau đó nhà vua xuống voi và đi bộ đến chỗ thầy Ānanda. Sau khi kính lễ, nhà vua đứng qua một bên, và thưa với thầy Ānanda: “Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin

thầy ghé lại chỗ bờ sông Aciravatī, vì lòng bi-mẫn.”

7. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng. Thầy ấy đi đến chỗ bờ sông Aciravatī và ngồi xuống dưới gốc cây trên chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi vua Pasenadi đến gặp. Sau khi kính lễ, nhà vua đứng quan một bên, và thưa với thầy Ānanda: “Thưa thầy, đây là tấm thảm của voi. Mời thầy Ānanda ngồi lên đó.” “Không cần đâu, này đại vương. Đại vương ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên tấm lót của tôi rồi.”

8. Vua Pasenadi của xứ Kosala ngồi xuống chỗ ngồi đã được lót sẵn và nói: “Thưa thầy Ānanda, liệu đức Thế Tôn có hành vi bằng thân theo cách mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích (quở trách, bài bác) bởi những tu sĩ và bà-la-môn hay không?” “Này đại vương, đức Thế Tôn không hành vi bằng thân theo cách nào mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.” 841 “Thưa thầy Ānanda, liệu đức Thế Tôn có hành vi bằng lời-nói … hành vi bằng tâm theo cách mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn hay không?” “Này đại vương, đức Thế Tôn không hành vi bằng lời-nói … hành vi bằng tâm theo cách nào mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”

9. “Thật kỳ diệu, thưa thầy, thật tuyệt vời! Vì cái điều chúng tôi không thể diễn đạt đầy đủ bằng câu hỏi giờ đã được giải đáp đầy đủ bởi thầy Ānanda bằng câu trả lời cho câu hỏi đó. Chúng tôi không công nhận giá trị nào trong lời chê bai chỉ trích người khác được nói ra bởi những người ngu ngốc vô minh, những người nói mà không điều tra và đánh giá; nhưng chúng tôi công nhận giá trị của lời chê trách chỉ trích người khác được nói ra bởi những người có trí, thông minh và hiểu biết sau khi đã điều tra và đánh giá.

10. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân (thân hành) nào sẽ bị chỉ

trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi thân nào là bất thiện, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là bất thiện?” “Bất kỳ hành vi thân nào là tội lỗi [đáng chê trách], này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là tội lỗi?” “Bất kỳ hành vi thân nào là đưa đến khổ đau, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là đưa đến khổ đau?” “Bất kỳ hành vi thân nào có những kết quả khổ đau, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào có những kết quả khổ đau?” “Bất cứ hành vi thân nào dẫn đến khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người (chúng sinh) khác, hay khổ đau cho cả mình

và người khác, và bởi do hành vi đó những trạng thái bất thiện gia tăng và những trạng thái thiện gia giảm. Hành vi thân như vậy sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la- môn có trí, này đại vương.”842

11. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi lời-nói nào sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi lời-nói nào là bất thiện, này đại vương … [Tiếp tục tương tự như mục 10 kế trên, chỉ thay “thân” bằng “lời-nói”] …”

12. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi tâm nào sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi tâm nào là bất thiện, này đại vương … [Tiếp tục tương tự như mục 10 kế trên, chỉ thay “thân” bằng “tâm”] … ”

13. “Giờ, thưa thầy Ānanda, có phải đức Thế Tôn chỉ đề cao sự dẹp bỏ tất cả mọi trạng thái bất thiện?” “Này đại vương, Như Lai đã dẹp bỏ tất cả những trạng thái bất thiện và

bậc ấy có được những trạng thái thiện.”843

14. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi thân nào là thiện, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là thiện?” “Bất kỳ hành vi thân nào là không tội lỗi, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là không tội lỗi?” “Bất kỳ hành vi thân nào là không đưa đến khổ đau, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là không đưa đến khổ đau?” “Bất kỳ hành vi thân nào có những kết quả an lạc, này đại vương.” “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào có những kết quả an lạc?” “Bất cứ hành vi thân nào không dẫn đến khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người (chúng sinh) khác, hay khổ đau cho cả mình và người khác, và bởi do hành vi đó những trạng thái bất thiện gia giảm và những trạng thái thiện gia tăng. Hành vi thân như vậy sẽ không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí, này đại vương.”

15. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi lời-nói nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi lời-nói nào là thiện, này đại vương … [Tiếp tục tương tự như mục 14 kế trên, chỉ thay “thân” bằng “lời-nói”] …”

16. “Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi tâm nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?” “Bất kỳ hành vi tâm nào là thiện, này đại vương … [Tiếp tục tương tự như mục 14 kế trên, chỉ thay “thân” bằng “tâm”] … ”

17. “Giờ, thưa thầy Ānanda, có phải đức Thế Tôn chỉ đề cao sự tích tạo tất cả những trạng thái thiện?” “Này đại vương, Như Lai đã dẹp bỏ tất cả những trạng thái bất thiện và bậc ấy có được những trạng thái thiện.”

18. “Thật kỳ diệu, thưa thầy, thật tuyệt vời là cách điều đó đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy Ānanda! Và chúng tôi hài lòng và vui lòng bởi điều đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy. Thưa thầy, chúng tôi càng hài lòng và vui lòng như

vậy bởi điều đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy Ānanda nếu thầy nhận lấy voi báu này, chúng tôi xin tặng cho thầy; nếu thầy nhận lấy ngựa báu này, chúng tôi xin tặng cho thầy; nếu thầy nhận lấy huê lợi của một ngôi làng, chúng tôi xin tặng cho thầy. Nhưng, thưa thầy, chúng tôi biết những thứ này thầy Ānan- da không thể nhận lấy. Nhưng, thưa thầy, có một tấm vải ngoại nhập này của tôi,844 nó được cuộn trong cán cây dù và gửi tới cho tôi bởi Vua A-xà- thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), nó dài mười sáu sải tay và rộng tám sải tay. Mong thầy Ānanda hãy nhận nó vì lòng bi-mẫn." "Không cần đâu, này đại vương. Tôi đã có đủ ba bộ y rồi."

19. "Thưa thầy, sông Aciravatī cả thầy Ānanda và chúng tôi đều thấy khi có mây lớn mưa trên núi nguồn thì nước của sông chảy tràn hai bên bờ. Cũng giống như vậy, thưa thầy Ānanda, thầy có thể dùng tấm vải này làm ba bộ y cho thầy, còn ba bộ y cũ thầy có thể chia cho những người đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh. Theo cách này, sự cúng dường của chúng tôi sẽ chảy tràn hai chỗ. Thưa thầy Ānanda, mong thầy chấp nhận tấm vải này."

20. Thầy Ānanda nhận tấm vải. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói: "Và giờ, thưa thầy, chúng tôi đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm." "Ngài cứ tùy tiện đi, này đại vương." Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi đã hài lòng và vui mừng với

lời dạy của thầy Ānanda, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào thầy Ānanda, giữ thầy ở hướng bên phải họ và đi về.

21. Rồi không lâu sau khi nhà vua đi khỏi, thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ cuộc đối thoại với Vua Pasenadi của xứ Kosala, và trình tấm vải cho đức Thế Tôn thấy.

22. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, đó là là một ích lợi cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, đó là một ích lợi lớn lao cho Vua Pasenadi của xứ Kosala rằng nhà vua đã có được cơ hội gặp và tỏ lòng kính trọng đối với thầy Ānanda." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

89. KINH NHỮNG BẢO THÁP GIÁO PHÁP (Dhammacetiya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Thích-Ca (Sakya) ở chỗ có một thị trấn của họ tên là Medaḷumpa.

2. Bấy giờ, lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều- tất-la) đã đến Nagaraka vì công việc hay lý do khác. Rồi nhà vua đã nói với Dīgha Kārāyaṇa:845 "Này Kārāyaṇa thân mến, hãy cho chuẩn bị xe ngựa hoàng gia. Chúng ta cùng đi đến vườn ngự viên để xem một chỗ thú vị trong đó." "Dạ, thưa bệ hạ", Dīgha Kārāyaṇa đáp lại. Sau khi những cỗ xe hoàng gia đã chuẩn bị sẵn sàng, ông ta báo cho nhà vua: "Thưa bệ hạ, những xe ngựa hoàng gia đã sẵn sàng. Bệ hạ hãy tùy tiện đi."

3. Rồi Vua Pasenadi đã leo lên một cỗ xe hoàng gia, được hộ tống bởi những cỗ xe khác, ra khỏi Nagaraka với đầy đủ uy nghi hoàng gia và tiến tới chỗ ngự viên. Nhà vua đi hết

đoạn đường có thể đi bằng xe, sau đó xuống xe và đi bộ vô khu vườn ngự viên.

4. Khi đang đi dạo mát trong khu vườn, Vua Pasenadi nhìn thấy những gốc cây đẹp mát và đáng thích, yên tĩnh và không bị quấy rầy tiếng người, với một không khí tách-ly (ẩn dật), lánh xa mọi người, đáng dùng làm nơi an dưỡng tĩnh tọa. Cảnh trí ở đây làm nhà vua nhớ đến đức Thế Tôn như vầy: "Những gốc cây này đẹp mát và đáng thích, yên tĩnh và không bị quấy rầy bởi tiếng người, với một không khí tách-ly, lánh xa mọi người, đáng dùng làm nơi an dưỡng tĩnh tọa, giống những nơi chúng ta đã dùng để kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác." Rồi nhà vua nói với Dīgha Kārāyaṇa và hỏi ông ta: "Giờ bậc ấy đang ở đâu, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác?"

5. "Thưa bệ hạ, có một thị trấn của dân Thích-Ca tên là thị trấn Medaḷumpa. Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang ở đó."

"Từ Nagaraka đến Medaḷumpa bao xa?" "Không xa lắm, thưa bệ hạ, ba do-tuần.846 Giờ vẫn còn ban ngày đủ thời gian để đi đến đó." "Vậy thì, này Kārāyaṇa thân mến, hãy cho chuẩn bị những xe ngựa. Chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác." "Dạ, thưa bệ hạ", ông ta đáp lại. Sau khi những cỗ xe hoàng gia đã chuẩn bị sẵn sàng, ông ta báo cho nhà vua: "Thưa bệ hạ, những xe ngựa hoàng gia đã sẵn sàng. Bệ hạ hãy tùy tiện đi."

6. Rồi Vua Pasenadi đã leo lên một cỗ xe hoàng gia, được hộ tống bởi những cỗ xe khác, ra khỏi Nagaraka với đầy đủ uy nghi hoàng gia và đi tới thị trấn Medaḷumpa của những người Thích-Ca. Nhà vua đến đó khi trời vẫn còn sáng và tiến tới tịnh xá. Nhà vua đi hết đoạn đường có thể đi bằng xe, sau đó xuống khỏi xe và đi bộ vô khu tịnh xá.

7. Lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi qua đi lại ở ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi đến gặp họ và hỏi: "Thưa quý thầy, bậc ấy đang sống ở đâu, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác? Chúng tôi muốn gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác."

8. "Này đại vương, kia là nơi ở của đức Thế Tôn, có cửa đang đóng. Hãy lên đó yên lặng, không vội vã, bước vô mái hiên, tằng hắng giọng, và gõ nhẹ lên tấm cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho ngài." Vua Pasenadi đưa kiếm và khăn đóng cho Dīgha Kārāyaṇa giữ. Rồi Dīgha Kārāyaṇa nghĩ: "Vậy là nhà vua đi vào cuộc gặp bí mật! Và ta chờ ở đây một mình!"847 Không vội vã, Vua Pasenadi yên lặng đi lên nơi ở đó với cửa đang đóng, bước vô mái hiên, tằng hắng giọng, và gõ nhẹ lên tấm cửa. Đức Thế Tôn mở cửa.

9. Rồi Vua Pasenadi bước vào nơi ở. Đầu cúi lạy với dưới chân đức Thế Tôn, nhà vua hôn bàn chân và dùng hai tay xoa nhẹ bàn chân, đọc tên mình: "Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala; thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala."—"Nhưng, này đại vương, lý do gì

ngài đến gặp để thực hiện sự đích thân tôn vinh cao nhất như vậy và thể hiện sự thân hữu như vậy?"

10. (1) “Thưa Thế Tôn, con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’ Giờ, thưa Thế Tôn, con thấy có những tu sĩ và bà-la-môn sống đời sống tâm linh giới hạn trong mười năm, hai mười năm, ba mươi năm, hay bốn mươi năm, rồi sau đó con thấy họ ăn mặc chải cuốt và xức dầu thơm nước hoa, với râu tóc được cắt tỉa, thụ hưởng bản thân được cung cấp và chu cấp đầy đủ năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Nhưng con thấy những Tỳ kheo sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết suốt đời cho đến hơi thở cuối cùng. Thật sự, con không thấy đời sống tâm linh ở đâu khác được toàn thiện và tinh khiết như ở đây. Thưa Thế Tôn, đó là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

11. (2) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con thấy các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến-sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia-chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau.848 Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo sống trong sự hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ. Thật sự, con không thấy hội chúng ở đâu khác có sự hòa hợp như vậy. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

12. (3) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã đi dạo thăm từng khu ở (tịnh xá) này đến khu ở khác, từ khu vườn (chỗ tạm trú, khu ở) này đến khu vườn khác. Ở đó con thấy một số những tu sĩ và bà-la-môn quá gầy ốm, khắc khổ, khó coi, vàng da, những gân máu nổi rõ trên tay chân, đến mức người

ta không muốn nhìn lại họ nữa. Con đã nghĩ: ‘Chắc những vị này đang sống đời sống tâm linh trong sự bất mãn, hoặc họ đã làm nghiệp ác và (nghiệp quả) đang thể hiện (hiển lộ) nó ra, cho nên họ gầy ốm … đến nỗi người ta không muốn nhìn lại họ nữa.’ Con đến gặp họ và hỏi: ‘Tại sao các vị quá gầy ốm và khắc khổ … đến nỗi người ta không muốn nhìn lại các vị nữa.’ Họ trả lời: ‘Chúng tôi bị bệnh vàng gia do di truyền.’ Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo sống mỉm cười và phấn khởi, thật lòng ho- an hỷ, chỉ vui vầy, các căn của họ tươi tắn, sống thư thái, điềm tĩnh, sống dựa vào những thứ được bố thí, an trú với cái tâm [lánh trần] như tâm con hươu rừng. Con đã nghĩ: ‘Chắc những vị này nhận thấy (chứng ngộ) một trạng thái khác biệt cao siêu trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, là một sự thành tựu tiến dần, cho nên họ sống mỉm cười và phấn khởi … với tâm như tâm của con hươu rừng.’ Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

13. (4) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đương kim là một vị vua được phong vương [được xức dầu lên đầu], con có khả năng xử tử những người nên bị xử tử, xử phạt những người nên bị xử phạt, lưu đầy những người nên bị lưu đày. Nhưng khi con đang ngồi ở pháp đình, mọi người cứ xía vô ngắt lời con. Mặc dù con nói họ: ‘Này các quan thần, đừng xía vô ngắt lời ta khi ta đang ngồi trong pháp đình; hãy đợi đến lúc ta nói xong’, nhưng họ vẫn cứ xía vô ngắt lời con. Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo, trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng gồm mấy trăm đệ tử, thì có một đệ tử lỡ tằng hắng giọng. Ngay đó một trong những đồng đạo của người đó đã hấc vào ống chân người đó [như để nhắc rằng]: ‘Này thầy, hãy yên lặng, đừng làm ồn; đức Thế Tôn, vị Sư Thầy, đang chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng ta.’849 Con nghĩ: ‘Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là cách một hội chúng có thể được kỹ luật một cách hay khéo mà không cần vũ lực hay vũ khí gì!’ Thật sự, con không thấy hội chúng nào khác được kỷ luật hay khéo như vậy. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện,

Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

14. (5) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều bậc thánh nhân thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những triết lý của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc;850 thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những giáo thuyết của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả kích những quan-điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: ‘Sa-môn Cồ-Đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó’, họ sắp đặt (chuẩn bị) một vấn đề như vầy: ‘Chúng ta sẽ tới gặp sa-môn Cồ-Đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.’ “Rồi họ nghe tin: ‘Sa-môn Cồ-Đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.’ Họ đi tới gặp đức Thế Tôn, và đức Thế Tôn đã hướng dẫn, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được khởi xướng, được phát khởi, và được làm hoan hỷ như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn? Sự thật là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

15. (6) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều bà-la-môn thông thái, những người rất khôn khéo … Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn …’

16. (7) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều gia chủ thông thái, những người rất khôn khéo … Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn …’

17. (8) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều tu sĩ (sa-môn) thông thái, những người rất khôn khéo … họ thậm chí không còn muốn hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn? Sự thật là, họ đã hỏi xin đức Thế Tôn cho phép họ từ bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và đức Thế Tôn đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, lui về (thu mình), chuyên chú (tu tập), nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp nên ngay trong kiếp này [ngay bây giờ và tại đây] họ chứng nhập và an trú trong những mục- tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh (sự giác ngộ, sự giải thoát), mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: ‘Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ (sa-môn) dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những tu sĩ; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những bà-la-môn; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những A-la-hán. Nhưng bây giờ chúng tôi mới là những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn (đích thực), giờ chúng tôi mới là những A-la-hán. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

18. (9) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, Isidatta và Purāṇa, hai quan thị sát (thanh tra, thị vệ) của con, ăn thức ăn của con và dùng xe ngựa của con; con chu cấp nghề nghiệp cho họ và đưa họ tới vinh danh. Nhưng cho dù như vậy, họ cũng không tôn vinh con cho bằng họ tôn vinh đức Thế Tôn. Một lần con ra ngoài dẫn theo một đạo quân và trong khi đang kiểm tra hai quan thị sát, Isidatta và Purāṇa, con đã tình cờ ở trong một doanh trại chật chội. Rồi hai quan thị sát, Isidatta và Purāṇa, sau khi gần cả đêm đàm đạo về Giáo Pháp, họ nằm xuống với đầu họ đặt theo hướng mà họ nghe đức Thế Tôn đang ở, còn chân họ hướng về phía con. Con đã nghĩ: ‘Thật

kỳ diệu, thật tuyệt vời! Hai quan thị sát này, Isidatta và Purāṇa, ăn thức ăn của con và dùng xe ngựa của con; con chu cấp nghề nghiệp cho họ và đưa họ tới vinh danh. Nhưng cho dù như vậy, họ vẫn ít kính trọng con hơn kính trọng đức Thế Tôn. Chắc những người tốt này nhận thấy (chứng ngộ) một trạng thái khác biệt cao siêu trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, đó là một sự thành tựu tiến dần (một bậc chứng ngộ).’851 Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.’

19. (10) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là một quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] và con là một quý-tộc; đức Thế Tôn là một người Kosala và con là một người Kosala; đức Thế Tôn nay tám mươi tuổi và con nay tám mươi tuổi.852 Vì điều đó là như vậy, con nghĩ rằng việc thực hiện sự đích thân tôn vinh cao nhất như vậy đối với đức Thế Tôn và thể hiện sự thân hữu như vậy là đúng đắn nên làm.

20. “‘Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con đi đây. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Ngài cứ tùy tiện mà đi, này đại vương.” Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về.853

21. Rồi ngay sau khi nhà vua đã đi, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, trước khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về, Vua Pa- senadi này đã tuyên bố những bảo tháp đối với Giáo Pháp.854 Này các Tỳ kheo, hãy học những bảo tháp đối với Giáo Pháp; hãy nắm vững những bảo tháp đối với Giáo Pháp; hãy ghi nhớ những bảo tháp đối với Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, những bảo tháp đối với Giáo Pháp là ích lợi, và chúng thuộc những căn bản (nền tảng) của đời sống tâm linh.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

90. KINH KAṆṆAKATTHALA (Kaṇṇakatthala Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ujuññā, trong khu Vườn Nai Kaṇṇakatthala.

2. Bấy giờ, lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều- tất-la) đã đến Ujuññā vì công việc hay lý do khác. Rồi nhà vua nói với một người: “Này người tốt, hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, Vua Pasenadi của xứ Kosala xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.’ Và thưa điều này: ‘Thưa Thế Tôn, Vua Pasenadi của xứ Kosala xin đến gặp đức Thế Tôn sau khi dùng bữa sáng.’” “Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của nhà vua.

3. Các chị Somā và Sakulā855 đã nghe: “Hôm nay Vua Pasenadi của xứ Kosala sẽ đi gặp đức Thế Tôn sau khi nhà vua dùng bữa sáng.” Rồi, trong khi bữa ăn sáng đang được phục vụ, hai chị đã đến gặp nhà vua và nói: “Thưa bệ hạ, kính xin bệ hạ hãy nhân danh hai thiếp đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, các chị Somā và Sakulā xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.’”

4. Rồi, sau khi đã dùng xong bữa sáng, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống

một bên, và chuyển lại lời nhắn của các chị Somā và Sakulā. “Nhưng, này đại vương, các chị Somā và Sakulā không thể tìm người khác để chuyển tin hay sao?” “Thưa Thế Tôn, hai thiếp Somā và Sakulā nghe được: ‘Hôm nay Vua Pasenadi của xứ Kosala sẽ

đến gặp đức Thế Tôn sau khi nhà vua dùng xong bữa sáng' ... (nên đã đến nhờ chuyển lời kính lễ với Thế Tôn) ..." "Mong các chị Somā và Sakulā được an lạc, này đại vương."

5. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn: (i) "Thưa Thế Tôn, con đã nghe được điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm nói rằng: "Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả, là người có thể tuyên bố có được sự-biết và sự-thấy toàn vẹn; điều đó là không thể."' Thưa Thế Tôn, những người nói như vậy có phải là nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với điều đã nói? Có phải họ đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?" "Này đại vương, những người nói như vậy là không nói điều đã được nói bởi ta, mà diễn dịch sai lời của ta bằng điều không đúng và trái với điều đã nói."

6. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói với tướng quân (hoàng tử) Viḍūḍabha: "Này tướng quân, ai đã truyền chuyện này vào cung đình vậy?" "Thưa bệ hạ, đó là Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa."

7. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người: "Này anh đây, hãy nhân danh ta đến gặp Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa, và nói: 'Thưa ngài, Vua Pasenadi của xứ Kosala cho gọi ngài.'" "Dạ, thưa bệ hạ", người đó đáp lại. Anh ta đến gặp Sañjaya ... (và chuyển lời nhà vua) ...

8. Trong thời gian đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala mới hỏi đức Thế

Tôn: "Thưa Thế Tôn, có thể một điều khác đã được nói bởi đức Thế Tôn khi đề cập đến vấn đề đó, và người nghe đã hiểu sai? Đức Thế Tôn nhớ lại đã nói ra điều đó theo cách nào?" "Này đại vương, ta nhớ lại ta đã thực sự tuyên bố điều đó theo cách này: 'Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là người đồng một thời biết tất-cả, thấy tất-cả; điều đó là không thể.'"856 "Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do: 'Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là người đồng một thời biết tất-cả, thấy tất-cả; điều đó là không thể.'"

9. (ii) "Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], bà- la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Có sự khác biệt hay khác nhau nào giữa họ?" "Này đại vương, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Trong đó hai giai cấp, quý-tộc và bà-la-môn, được cho là cao siêu hơn vì người ta kính chào họ, đứng dậy vì họ, và thực hiện sự kính lễ họ và sự phục vụ cho họ."

10. "Thưa Thế Tôn, con không hỏi về kiếp này; con đang hỏi về kiếp tương lai.857 Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương- nông, và bần-lao hạ tiện. Có sự khác biệt hay khác nhau nào giữa họ?" "Này đại vương, có năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần).858 Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có niềm-tin, người đó đặt niềm-tin vào sự giác- ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những)

thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn' (2) "Rồi người đó không bị bệnh tật và đau đớn, có được hệ tiêu hóa

điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột, và có khả năng chịu được sự căng thẳng của sự chuyên-cần tu. (3) "Rồi người đó là chân thật và chân thành, và thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là trước mặt vị Sư Thầy và những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. (4) "Rồi người đó là siêng năng nỗ-lực trong sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và trong sự đảm nhận những trạng thái thiện, kiên định, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) với sự kiên cố, và kiên trì trong sự tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) "Rồi người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ nhận biết sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu. "Này đại vương, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Giờ nếu ai trong họ có được năm yếu-tố của sự chuyên- cần tu (năm chi tinh cần) này, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ."

11. "Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. (iii) Giờ nếu họ đều có được năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần) này, thì có sự khác nhau nào giữa họ về phương diện đó hay không?" "Ở đây, này đại vương, ta nói sự khác nhau giữa họ nằm ở chỗ sự khác-nhau về sự chuyên-cần tu (tinh cần) của họ. Ví dụ, (a) có hai con voi [hay hai con ngựa hay hai con bò] có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương tốt, và (b) có hai con voi có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Hai con voi (a) có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương (huấn luyện) tốt là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần

hóa, đúng không?" "Đúng, thưa Thế Tôn." "Còn hai con voi (b) có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?" "Không, thưa Thế Tôn." "Cũng giống như vậy, này đại vương, không thể nào điều có thể thành tựu được bởi người có niềm-tin, người không bị bệnh đau, người chân thật và chân thành, người siêng năng nỗ-lực và người có trí lại có thể thành tựu được bởi người không có niềm-tin, người bị bệnh đau, người giả dối và lừa lọc, người lười biếng và người không có trí."

12. "Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do." "Có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. (iv) Giờ nếu họ đều có được năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần) này,

và nếu sự chuyên-cần tu của họ là đúng đắn, thì có sự khác nhau nào giữa họ về phương diện đó hay không?" "Ở đây, này đại vương, về phương diện này, ta nói, không có sự khác nhau nào giữa họ, đó là, giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người kia. Ví dụ một người lấy cây củi cây sāka khô, đốt lửa, và tạo nhiệt; và một người khác cũng làm vậy; và rồi một người khác nữa lấy củi xoài khô, đốt lửa, và tạo nhiệt; và một người khác nữa cũng làm vậy. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Có sự khác nhau nào giữa các lửa được đốt bằng những loại củi khác nhau, đó là, lửa của người này và lửa của người khác, hoặc giữa màu lửa của người này và màu lửa của người khác, hoặc giữa sự phát nhiệt của người này và sự phát nhiệt của người khác?" "Dạ không, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này đại vương, khi lửa [tâm linh] được thắp lên bởi sự nỗ-lực (tinh tấn), được đốt sáng bởi sự chuyên-cần tu (tinh cần), thì, ta nói, không có sự khác nhau giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người khác."

13. "Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do. (v) Nhưng, thưa Thế Tôn, giờ thì sao, có những thiên thần hay không? "Này đại vương, sao ngài hỏi vậy?" "Thưa Thế Tôn, con đang hỏi liệu những thiên thần có quay trở lại trạng thái [con người] này hay không." "Này đại vương, những thiên thần nào vẫn còn dính sự ác-ý thì sẽ quay trở lại trạng thái [con người], còn những thiên thần nào không còn dính sự ác-ý thì sẽ không trở lại trạng thái con người."859

14. Sau khi điều này được nói ra, tướng quân Viḍūḍabha mới hỏi đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, liệu những thiên thần (là chúng sinh) vẫn còn dính sự ác-ý và còn quay trở lại trạng thái [con người] có thể đánh đổ hoặc trục xuất ra khỏi cõi đó những thiên thần không còn dính sự ác-ý và không còn quay lại trạng thái [con người] này, hay không?" Rồi Ngài Ānanda đã nghĩ: "Tướng Viḍūḍabha là con của Vua Pasenadi của xứ Kosala, và ta là con của đức Thế Tôn. Giờ là lúc con trai này nói với con trai kia." Thầy ấy nói với tướng Viḍūḍabha: "Này tướng quân, giờ tôi sẽ hỏi lại tướng quân một câu hỏi. Cứ trả lời nếu tướng quân thấy được. Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Có toàn cõi Vua Pasenadi của xứ Kosala trị vì, trong đó nhà vua thực thi vương quyền và sự thống trị; giờ liệu Vua Pasenadi của Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào ra khỏi cõi đó hay không, bất kể đó là tu sĩ hay bà-la-môn có công đức hay thất đức, hay có sống hay không sống đời sống tâm linh?" "Nhà vua có thể làm được, thưa thầy."

"Ngài nghĩ sao, này tướng quân? Có toàn cõi Vua Pasenadi của xứ Kosala không trị vì, trong đó nhà vua không thực thi vương quyền và sự thống trị; giờ liệu Vua Pasenadi của Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất tu sĩ hay bà-la-môn nào ra khỏi cõi đó hay không, bất kể đó là tu sĩ hay bà-la-môn có công đức hay thất đức, hay có sống hay không sống đời sống tâm linh?" "Nhà vua không thể, thưa thầy." "Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Ngài đã nghe về những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi) hay

chưa?" "Có, thưa thầy, tôi đã nghe về họ. Và Vua Pasenadi của xứ Kosala cũng đã nghe về họ." "Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Liệu Vua Pasenadi của xứ Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất họ ra khỏi cõi đó, hay không?" "Thưa thầy, Vua Pasenadi của xứ Kosala còn không thấy được những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba, lấy đâu nhà vua có thể đánh đổ hay trục xuất họ ra khỏi cõi đó?" "Cũng giống như vậy, này tướng quân, những thiên thần (là chúng sinh) vẫn còn dính sự ác-ý và còn quay trở lại trạng thái [con người] còn không thấy được những thiên thần không còn dính sự ác-ý và không còn quay lại trạng thái [con người] này, lấy đâu họ có thể đánh đổ hoặc trục xuất những thiên thần đó ra khỏi cõi đó?"

15. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã hỏi đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo này tên là gì?" "Này đại vương, tên thầy ấy là Ānanda." "Thầy Ānanda thực sự [hoan hỷ], thưa Thế Tôn, và thầy Ānanda tỏ ra [hoan hỷ]. Điều thầy Ānanda đã nói thể hiện hữu lý, điều thầy ấy đã nói được dựa trên lý do. (vi) Nhưng thưa Thế Tôn, có trời Brahmā (Phạm thiên) không?"

"Này đại vương, sao đại vương hỏi vậy?" "Thưa Thế Tôn, con đang hỏi liệu trời Brahmā có quay trở lại trạng thái [con người] này hay không." "Này đại vương, trời Brahmā nào vẫn còn dính sự ác-ý thì sẽ quay trở lại trạng thái [con người], còn trời Brahmā nào không còn dính sự ác-ý thì sẽ không trở lại trạng thái con người."

16. Rồi có người vào bẩm báo với Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa đại vương, ngài Sañjaya, bà-la-môn của họ tộc Ākāsa, đã đến." Vua Pasenadi của Kosala mới hỏi Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa: "Này bà-la-môn, ai đã truyền chuyện này vào trong cung đình?" "Thưa bệ hạ, đó là tướng quân Viḍūḍabha." Còn tướng quân Viḍūḍabha lại nói: "Thưa bệ hạ, đó là Sañjaya, bà-la- môn họ tộc Ākāsa."

17. Rồi một người đến thưa với Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa bệ hạ, giờ tới lúc phải đi." Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa Thế Tôn, (i) chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về sự toàn-trí, và đức Thế Tôn đã trả lời về sự toàn-trí; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (ii), (iii), (iv) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về sự thanh-lọc của bốn giai cấp, và đức Thế Tôn đã trả lời về sự thanh-lọc của bốn giai cấp; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (v) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về những thiên thần, và đức Thế Tôn đã trả lời về những thiên thần; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (vi) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về các vị trời Brahmā, và đức Thế Tôn đã trả lời về vị trời Brahmā; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm." "Này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi."

18. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời của đức Thế Tôn, đứng dậy chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải, nhà vua đi ra.

Chương 5. Chương “Những Bà-la-môn” (Brāhmaṇa-vagga)

91. KINH BRAHMĀYU (Brahmāyu Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành trong xứ dân Videha cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm năm trăm Tỳ kheo.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Brahmāyu đang sống ở Mithilā. Ông ta đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã vào buổi xế chiều của cuộc đời, và đã đến giai đoạn cuối; ông ta đang một trăm hai mươi tuổi. Ông ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân.860

3. Bà-la-môn Brahmāyu đã nghe tin: “Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Videha cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo. Giờ tin đồn tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó.”

4. Bấy giờ, thời đó bà-la-môn Brahmāyu có một môn sinh bà-la-môn

trẻ tên là Uttara, cũng là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) ... và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Ông ta nói với môn sinh của mình: “Này Uttara thân mến, sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) ... bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó.” Này, Uttara thân mến, hãy đến chỗ sa-môn Cồ-Đàm để tìm hiểu liệu tin đồn được lan truyền về ông ta có đúng thực hay không, và liệu sa-môn Cồ-Đàm có đúng là một bậc như vậy hay không. Như vậy nhờ qua anh chúng ta sẽ biết được về sa-môn Cồ-Đàm.”

5. “Nhưng, thưa ngài, làm cách nào tôi có thể tìm ra tin đồn đó về sa- môn Cồ-Đàm là đúng thực hay không, và sa-môn Cồ-Đàm có đúng là bậc như vậy hay không?” “Này Uttara thân mến, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân đã được truyền

dạy trong những kinh chú của chúng ta, và bậc Vĩ Nhân là người được phú cho những đặc điểm tướng số đó thì chỉ có hai nơi-đến mà thôi, không có nơi-đến khác.861 Nếu bậc đó sống đời tại gia, thì bậc ấy trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, là bậc thầy của bốn phương, bậc toàn-thắng, là người đã ổn định đất nước và có được bảy báu. Vị vua đó có bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, phụ nữ báu, quản gia báu, và quân sư báu là thứ bảy.862 Con cái của bậc đó, vượt quá một ngàn người, đều dũng cảm và anh hùng, và nghiền nát quân đội của nước khác; khắp trái đất này được bao bọc bởi đại dương, vị vua đó trị vì không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí, chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp. Nhưng nếu bậc đó từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì bậc đó trở thành một bậc A-la-hán (bậc tu thành), bậc Toàn Giác, là bậc vén mở bức màn trong thế gian.863 Nhưng, này Uttara thân mến, ta là người đã ban dạy những kinh chú đó; còn anh là người thụ nhận chúng."

6. "Dạ, thưa ngài", anh ta đáp lại. Anh đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính

chào bà-la-môn Brahmāyu, giữ thầy mình ở hướng bên phải mình và đi ra, và lên đường đến xứ dân Videha, nơi có đức Thế Tôn đang du hành qua. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và nhìn tìm ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Anh ta đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; anh ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và anh ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi. Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: "Môn sinh bà-la-môn Uttara này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; anh ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và anh ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi."

7. Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho môn sinh bà-la- môn Uttara nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ bọc.864 Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

8. Rồi môn sinh bà-la-môn Uttara nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm này được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân. Phải chăng ta nên đi theo sa-môn Cồ-đàm và quan sát hành vi của ông ta?" Rồi anh ta theo sát đức Thế Tôn suốt bảy tháng như bóng với hình, không bao giờ bỏ xa đức Thế Tôn. Rồi khi hết bảy tháng trời ở xứ người Videha, anh ta lên đường về lại Mithilā nơi có bà-la-môn Brahmāyu đang ở đó. Sau khi anh ta về tới, anh ta kính lễ thầy mình, và ngồi xuống một bên. Ngay đó bà-la-môn Brahmāyu liền hỏi anh ta: "Giỏi lắm, này Uttara

thân mến, tin đồn đã được lan truyền về sa-môn Cồ-đàm có đúng thực hay không? Và sa-môn Cồ-đàm có đúng là bậc như vậy hay không?”

9. “Thưa ngài, tin đồn đã được lan truyền về sa-môn Cồ-đàm là đúng thực, và không sai khác; và Sa-môn Cồ-đàm đúng là bậc như vậy, và không sai khác. Bậc đó có được ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. 1. Thầy Cồ-Đàm đặt bàn chân xuống một cách bằng phẳng (có bàn chân phẳng)—đây là đặc điểm tướng tốt thứ nhất của một bậc Vĩ Nhân. 2. Dưới lòng bàn chân bậc ấy có những bánh xe ngàn căm và vành xe và trục xe đầy đủ … 3. Bậc ấy có gót chân thon dài … 4. Bậc ấy có ngón tay và ngón chân dài … 5. Bậc ấy có bàn tay và bàn chân mềm mại … 6. Bậc ấy có bàn tay và bàn chân có màn bên dưới … 7. Bậc ấy có mu bàn chân vòm lên … 8. Bậc ấy có chân dài như chân linh dương … 9. Khi bậc ấy đứng thẳng không khom lưng, hai lòng bàn tay chạm được và xoa được hai đầu gối … 10. Bộ phận giới tính được che kín trong vỏ bọc … 11. Bậc ấy có màu da vàng kim, da bậc ấy có ánh kim … 12. Bậc ấy có da dẻ mịn láng, và nhờ có sự mịn láng của da nên thân không dính bụi và đất … 13. Lông mọc đơn lẻ, mỗi lông trên thân mọc đơn lẻ từ một lổ chân lông riêng … 14. Đầu sợi lông dựng đứng; có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn

nhỏ, và xoáy về hướng mặt … 15. Bậc ấy có tứ chi thẳng của một vị trời Brahmā (Phạm thiên) … 16. Bậc ấy có bảy chỗ lồi đầy … 865 17. Bậc ấy có thân mình của sư tử … 18. Khe lõm giữa hai vai được lấp đầy … 19. Bậc ấy sải tay (cân đối) của một cây đa đề; sải tay của bậc ấy bằng chiều cao của thân, và chiều cao của thân bằng sải tay của bậc ấy … 20. Bậc ấy hai vai cân bằng hai bên cổ … 21. Vị giác của bậc ấy cực kỳ nhạy bén … 866 22. Bậc ấy có hàm của sư tử … 23. Bậc ấy có bốn mươi răng … 24. Răng bậc ấy là đều cỡ như nhau … 25. Răng bậc ấy không có kẻ hở … 26. Răng bậc ấy trắng muốt … 27. Bậc ấy có lưỡi to … 28. Bậc ấy có giọng nói thiên thánh, giống như tiếng gọi của chim Karavīka … 29. Bậc ấy có mắt màu xanh thẳm … 30. Bậc ấy có lông mi như lông mi của bò cái… 31. Bậc ấy có lông mọc giữa hai chân mày, lông đó có màu trắng với ánh màu sợi bông vải mềm … 32. Bậc ấy có đầu có hình dạng như khăn đống—đây là một đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân.867 Thầy Cồ-Đàm được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân.

10. “Khi bậc ấy đi, bậc ấy bước chân phải trước. Bậc ấy không bước với quá xa hay bước chùn quá gần. Bậc ấy không không đi quá nhanh hay quá chậm. Bậc ấy đi hai đầu gối không chạm nhau. Bậc ấy bước đi hai ống chân không chạm nhau. Bậc ấy bước đi không đưa hai đùi lên cao hay hạ hai đùi xuống, không đưa chúng sát nhau hay tách chúng ra nhau. Khi bậc ấy bước đi, chỉ phần thân dưới là dao động, và bậc ấy không bước đi bằng cách cố rướn thân. Khi bậc ấy quay lại nhìn, bậc ấy không quay bằng cả thân. Bậc ấy không nhìn thẳng ngước lên; không nhìn thẳng gục xuống. Bậc ấy không

vừa đi vừa nhìn bên này bên nọ. Bậc ấy bước đi nhìn trước mặt khoảng tầm một thân lưỡi cày; xa hơn đó bậc ấy đã có sự-biết và tầm- nhìn không bị cản trở.

11. “Khi đi trong nhà, bậc ấy không rướn cao hay hạ thấp thân mình, không chồm tới hay ngã sau. Bậc ấy quay người không quá xa cũng không quá gần chỗ ngồi. Bậc ấy không chống tay lên chỗ ngồi (khi ngồi xuống). Bậc ấy không quăng mình xuống chỗ ngồi (khi ngồi xuống).

12. “Khi đang ngồi trong nhà, bậc ấy không động đậy hai bàn tay. Bậc ấy không động đậy hai bàn chân. Bậc ấy không ngồi với hai đầu gối chéo nhau. Bậc ấy không ngồi với hai ống chân chéo nhau. Bậc ấy không ngồi với tay chống cằm. Khi ngồi trong nhà bậc ấy không sợ sệt, không run sợ và rung rẩy, bậc ấy không hồi hộp. Do không sợ sệt, không run sợ hay rung rẩy, hay hồi hộp nên lông tóc bậc ấy không dựng đứng và bậc ấy chủ ý tách-ly (ẩn dật).

13. “(Trước khi nhận thức ăn) khi bậc ấy nhận lấy nước để rửa bình bát, bậc ấy không đưa bình bát lên hay xuống, không đưa tới hay đưa lui. Bậc ấy không nhận quá nhiều nước hay quá ít nước. Bậc ấy rửa bình bát không gây ra tiếng nước. Bậc ấy rửa bình bát không xoay quay bình bát. Bậc ấy không đặt bình bát xuống sàn để rửa tay: khi tay đã rửa sạch là bình bát cũng rửa sạch; và khi bình bát đã rửa sạch là tay cũng rửa sạch. Bậc ấy đổ nước khỏi bình bát không tạt quá xa, cũng không trút quá gần, cũng không hất nước văng vẩy.

14. “Khi bậc ấy nhận cơm, bậc ấy không đưa bình bát lên cao hay hạ thấp, cũng không đưa bình bát tới trước hay đưa lùi lại. Bậc ấy nhận cơm không quá ít hay quá nhiều. Bậc ấy chan thêm nước xốt vừa đủ; bậc ấy không chan quá nhiều nước xốt trong một muỗng ăn. Bậc ấy nhai trộn muỗng ăn hai hay ba lần sau đó nuốt xuống, và không có hạt cơm nào đi xuống thân mà chưa được nhai, và không có hột cơm nào còn sót lại trong miệng; sau đó bậc ấy ăn muỗng tiếp theo. Bậc ấy ăn thức ăn nếm trải mùi vị, cho dù không trải nghiệm sự tham muốn mùi vị. Thức ăn bậc ấy ăn có tám yếu tố: (i) không phải ăn để khoái thích giải trí, (ii) không phải ăn để say sưa, (iii) không phải ăn để có sắc đẹp hay (iv) để làm thân thể hấp dẫn mà (v) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (vi) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vii) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu hành); (viii) người đó tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn thư thái.’868

15. “Khi đã ăn xong và nhận nước để rửa bình bát, bậc ấy không đưa bình bát lên hay xuống hay đưa tới hay đưa lui. Bậc ấy không nhận quá nhiều nước hay quá ít nước. Bậc ấy rửa bình bát không gây ra tiếng nước. Bậc ấy rửa bình bát không xoay quay bình bát. Bậc ấy không đặt bình bát xuống sàn để rửa tay: khi tay đã rửa sạch là bình bát cũng rửa sạch; và khi bình bát đã rửa sạch là tay cũng rửa sạch. Bậc ấy đổ nước khỏi bình bát không tạt quá xa, cũng không trút quá gần, cũng không hất nước văng

vẩy.

16. “Sau đã ăn xong, bậc ấy đặt bình bát trên sàn nhà không quá xa cũng không quá gần; và bậc ấy không bất cẩn về bình bát cũng không quá bận tâm lo lắng về nó.

17. “Sau khi đã ăn xong, bậc ấy ngồi im lặng một lúc, nhưng không im lặng lâu quá thời gian nói lời chúc phúc (tùy hỷ công đức).869 Sau khi đã ăn xong và sau khi nói lời chúc phúc, bậc ấy không nói lời phê bình bữa

ăn cũng không trông đợi bữa ăn khác; bậc ấy chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người nghe bằng bài nói chuyện chỉ nói về Giáo Pháp. Sau khi bậc ấy đã làm xong vậy, bậc ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

18. “Bậc ấy không đi quá nhanh hay quá chậm, và bậc ấy không đi như người muốn bỏ đi khỏi đó.

19. “Cà sa bậc ấy mặc trên thân không quá cao, không quá thấp, cũng không quá bó chặt thân thể, không quá rộng trên thân, và gió mạnh cũng không thổi bay cà sa trên thân bậc ấy. Bụi và đất không làm dơ thân bậc ấy.

20. “Sau khi bậc ấy trở về tịnh xá, bậc ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Sau khi ngồi xuống, bậc ấy rửa hai bàn chân, cho dù bậc ấy không phải lo chải chuốc cho chân mình. Sau khi đã rửa chân, bậc ấy ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. Bậc ấy không bận (chiếm) tâm mình bằng sự làm khổ mình hay sự làm khổ người khác hay sự làm khổ cả mình và người; bậc ấy ngồi với tâm mình được thiết lập về phúc lợi của mình, về phúc lợi của người khác, và về phúc lợi của mình và người, thậm chí về phúc lợi của cả thế gian.

21. “Sau khi bậc ấy trở về tịnh xá, bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng những người nghe. Bậc ấy không tâng bốc cũng không hạ thấp hội chúng đó; bậc ấy chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người nghe bằng bài nói chuyện chỉ nói về Giáo Pháp. Lời nói phát ra từ miệng của bậc ấy có tám tính chất: rõ rệt, dễ hiểu (rõ chữ), lôi cuốn, dễ nghe (rõ tiếng), ngân lên, êm tai, sâu sắc và vang vọng. Nhưng trong khi giọng nói của bậc ấy rõ chữ tới cuối hội chúng, lời nói của bậc ấy không phát ra xa quá phạm vi hội chúng. Sau khi những người nghe đã được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bởi bậc ấy, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào bậc ấy, giữ bậc ấy ở hướng bên phải mình, và khi đi ra họ chỉ nhìn vào bậc ấy chứ không quan tâm thứ gì khác.

22. “Thưa ngài, chúng tôi đã nhìn thấy Thầy Cồ-Đàm đi, chúng tôi đã

nhìn thấy bậc ấy đứng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đi vô trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đang ngồi trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong nhà trong im lặng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ăn trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong im lặng sau khi ăn, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đi về tịnh xá, chúng tôi

đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong tịnh xá trong im lặng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng. Thầy Cồ-Đàm là như vậy; bậc ấy là như vậy, và nhiều hơn vậy nữa.”870

23. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Brahmāyu đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, và chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn và thốt ra lời cảm thán này ba lần: “Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la- hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Có lẽ một dịp nào chúng ta sẽ gặp Thầy Cồ-Đàm, có lẽ chúng ta sẽ có sự đàm đạo với bậc ấy.”

24. Rồi, theo đường du hành, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Mithilā. Ở đó đức Thế Tôn sống trong khu Vườn Xoài (của vua) Makhādeva. Những gia chủ bà-la-môn ở Mithilā đã nghe tin: “Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Videha cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm năm trăm Tỳ kheo, và giờ đang ở trong khu Vườn Xoài Makhādeva. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền … [như mục 3 ở trên] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó.”

25. Rồi những gia chủ bà-la-môn đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính chào và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số đọc tên họ của mình cho đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

26. Bà-la-môn Brahmāyu đã nghe tin: “Sa-môn Cồ-đàm, người con của

dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đã đến Mithilā, và giờ đang ở trong khu Vườn Xoài Makhādeva ở Mith- ilā.” Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã đến khu Vườn Xoài Makhādeva cùng với một số môn sinh bà-la-môn. Sau khi đến khu Vườn Xoài, ông ta nghĩ: “Sẽ không phù hợp nếu ta đến chỗ sa-môn Cồ-đàm mà không thông báo trước.” Rồi ông nói với một môn sinh bà-la-môn: “Này môn sinh bà-la-môn, hãy nhân danh ta đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi thăm sa-môn Cồ- đàm đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa. Và thưa điều này: ‘Thưa Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Brahmāyu, đã già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ngài đang ở tuổi một trăm hai mươi của mình. Ngài là một bậc thầy về Ba Kinh Vệ-đà … về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Trong tất cả những bà-la-môn sống ở Mithilā, bà-la-môn Brahmāyu được tuyên bố là bậc nhất về sự giàu có, về sự biết rõ những kinh chú, và về tuổi tác và danh tiếng. Ngài ấy muốn gặp Thầy Cồ-Đàm.’” “Dạ, thưa ngài”, môn sinh bà-la-môn đáp lại. Anh ta đến chỗ đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta đứng sang một bên và chuyển lời nhắn của thầy mình. [Đức Thế Tôn nói:] “Này môn sinh, hãy nói bà-la-môn Brahmāyu cứ tùy tiện đến gặp.”

27. Rồi môn sinh bà-la-môn trở ra gặp bà-la-môn Brahmāyu và nói: “Sa-môn Cồ-đàm đã cho phép gặp. Ngài hãy tùy tiện đến gặp.” Bà-la-môn Brahmāyu đến gặp đức Thế Tôn. Hội chúng nhìn thấy ông đang đi đến từ xa, họ lập tức nhường lối cho ông, một người nổi tiếng và danh tiếng. Rồi bà-la-môn Brahmāyu mới nói với hội chúng: “Được rồi, thưa quý thầy, mỗi người cứ ngồi xuống chỗ của mình. Tôi sẽ ngồi gần kế sa-môn Cồ-đàm.”

28. Rồi ông đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn,

và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nhìn coi ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Ông đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi.

29. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ như sau:
“Ba mươi hai đặc điểm tướng số tôi đã học
Đó là những đặc điểm của một bậc Vĩ Nhân—
Tôi vẫn chưa nhìn thấy hai bộ phận này,
Trên thân của ngài, thưa Thầy Cồ-Đàm.
Có phải thứ cần che đậy bằng vải,
Che kín trong vỏ bọc là thuộc tướng của bậc đại vĩ nhân?
Mặc dù lưỡi được gọi bằng chữ giống cái,871
Những lưỡi của ngài chắc to lớn của giống đực?
Có lẽ lưỡi của ngài cũng to lớn,
Theo như những gì chúng tôi đã được dạy?
Xin hãy thè lưỡi ra một chút,
Và như vậy, ôi bậc Nhìn Thấy, sẽ giải hết nghi ngờ của chúng tôi.
Vì phúc lợi ngay trong kiếp này
Và vì hạnh phúc trong những kiếp sau.
Và giờ chúng tôi khao khát xin phép được hỏi ngài
Về điều chúng tôi khao khát muốn biết.”
30. Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: “Bà-la-môn Brahmāyu này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ

lớn của lưỡi.” Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho bà-la-môn Brahmāyu nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ bọc.

Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

31. Rồi đức Thế Tôn đã nói những dòng thi kệ này để trả lời cho bà-lamôn Brahmāyu:
"Ba mươi hai đặc điểm tướng số bác đã học,
Đó là những đặc điểm của một bậc Vĩ Nhân—
Tất cả đều có thể tìm thấy trên thân ta:
Vì vậy, này bà-la-môn, đừng nghi ngờ gì nữa.
Những gì phải được biết ta đã trực-tiếp biết,
Những gì phải được tu ta đã tu,
Những gì phải được trừ bỏ ta đã trừ bỏ,
Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.872
Vì phúc lợi ngay trong kiếp này
Và vì hạnh phúc trong những kiếp sau.
Và giờ sự xin phép đã được cho, vậy cứ hỏi,
Về bất cứ điều gì bác khao khát muốn biết."
32. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nghĩ: "Sự xin phép đã được cho phép bởi sa-môn Cồ-đàm. Vậy ta nên hỏi bậc ấy về: điều thiện trong kiếp này hay điều thiện trong những kiếp sau?" Rồi ông nghĩ: "Mình đã giỏi về điều thiện trong kiếp này, và những người khác còn học hỏi mình về điều thiện trong kiếp này. Vậy sao mình không hỏi bậc ấy về điều thiện trong những kiếp sau?" Rồi ông đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng kệ sau: "Theo cách nào một người trở thành một bà-la-môn? Và theo cách nào một người đạt được sự-biết?873 Theo cách nào một người có ba loại trí-biết (tam minh)? Và theo cách nào một người được gọi là học giả thánh thiện?

Theo cách nào một người trở thành bậc A-la-hán? Theo cách nào người đạt tới sự toàn-vẹn? Theo cách nào một người là trí giả im lặng (bậc mâu-ni)? Và theo cách nào một người được gọi là một vị Phật?"874

33. Rồi đức Thế Tôn đã trả lời bằng những dòng kệ này:
"Ai biết được những kiếp trước của mình,
Nhìn thấy cõi trời và những cảnh giới đày đọa,
Và đã đạt được sự tiêu diệt sự sinh—
Một bậc trí hiền biết bằng trí-biết trực tiếp,
Người biết được tâm mình đã được thanh lọc,
Đã sạch hết mọi tham-dục,
Người đã trừ bỏ sự sinh-tử,
Người đã toàn-vẹn trong đời sống tâm linh,
Người đã siêu thoát khỏi mọi thứ—
Người như vậy được gọi là một vị Phật."875

34. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, ông cúi lạy với đầu dưới chân đức Thế Tôn, và ông đã hôn hai bàn chân đức Thế Tôn và dùng tay xoa nhẹ chúng, rồi đọc tên mình: "Con là bà-la-môn Brahmāyu, thưa Thầy Cồ-Đàm; con là bà-la-môn Brahmāyu, thưa Thầy Cồ-Đàm."

35. Những người trong hội chúng ở đó thấy ngạc nhiên và kỳ diệu, và họ nói: "Thật kỳ diệu, thưa các vị, thật tuyệt vời rằng sa-môn Cồ-Đàm có đại lực và đại uy, vì bà-la-môn nổi tiếng và danh tiếng Brahmāyu đã thể hiện một sự khiêm nhường hạ mình đến vậy!" Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn Brahmāyu: "Đủ rồi, này bà- la-môn, hãy đứng lên; hãy ngồi xuống chỗ ngồi của bác vì tâm của bác đã có niềm-tin vào ta." Bà-la-môn Brahmāyu đứng lên và ngồi xuống lại chỗ ngồi của mình.

36. Rồi đức Thế Tôn đã ban cho ông ta sự chỉ dẫn để tu tiến,876 trong đó

có sự chỉ dạy về sự bố-thí, về giới-hạnh, về những cõi trời; đức Thế Tôn giảng giải về sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm trong những khoái- lạc giác quan (dục lạc) và niềm chân-phúc của sự từ-bỏ (chúng). Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của bà-la-môn Brahmāyu đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp của riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm dứt khổ)". Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi bà-la-môn Brahmāyu ngồi đó, tầm-nhìn trong sạch không tỳ vết về Giáo Pháp đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ có sinh thì có diệt." Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt tới Giáo Pháp Dhamma, đã hiểu Giáo Pháp, đã biết Giáo Pháp; ông đã vượt qua sự nghi-ngờ, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.

37. Rồi ông đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." "Kính mong đức Thế Tôn, cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo, đồng ý nhận lời mời dùng cơm ngày mai từ con." Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, bà-la-môn Brahmāyu đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

38. Rồi, khi đêm đã qua, bà-la-môn Brahmāyu đã cho chuẩn bị nhiều

loại món ăn ngon trong tư gia của mình, và sau đó ông cũng báo thời gian cho đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-Đàm, đã đến giờ, bữa ăn đã sẵn sàng.” Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến nhà bà-la-môn Brahmāyu, và đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, suốt một tuần lễ, bà-la-môn Brahmāyu đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng nhiều món ăn ngon khác nhau.

39. Đến hết tuần đó, đức Thế Tôn lại lên đường đi du hành giữa xứ người Videha. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, bà-la-môn Brahmāyu đã chết. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, bà-la- môn Brahmāyu đã chết. Nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?” “Này các Tỳ kheo, bà-la-môn Brahmāyu là hiền trí, bác ấy đã chứng nhập vào con đường của Giáo Pháp, và bác ấy đã không làm phiền ta trong sự diễn dịch về Giáo Pháp. Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), bác ấy đã tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên của những bậc thánh Bất- lai)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn), không còn quay lại thế gian nữa.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

412 • Chương 5

92. KINH SELA (Sela Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.877 Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Anguttarāpa cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, [102] và cuối cùng đã đến một thị trấn của người Anguttarāpa tên là thị trấn Āpaṇa.

2. Tu sĩ tóc búi tên Keṇiya đã nghe tin: “Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Anguttarāpa cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, [103] và đã đến thị trấn Āpaṇa. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền … [như mục 3, kinh MN 91 kế trên] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó.”

3. Rồi tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ ông ta bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp. Rồi, sau khi được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, tu sĩ tóc búi đã thưa với đức Thế Tôn: “Kính mong Thầy Cồ-Đàm cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời dùng bữa cơm ngày mai từ tôi.” Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với ông ta: “Này Keṇiya, Tăng Đoàn những Tỳ kheo này lớn, [104] gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, còn chú thì đặt toàn niềm-tin vào những bà-la-môn.” Lần thứ hai tu sĩ tóc búi Keṇiya … (lặp lại lời mời) … Lần thứ hai đức Thế Tôn … (lặp lại lời từ chối) … Lần thứ ba tu sĩ tóc búi Keṇiya … (lặp lại lời mời) … Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng.

4. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về chỗ tịnh xá của mình, ở đó ông đã nói với những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng như vầy: "Này các vị, những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng của tôi, hãy nghe tôi đây. Sa-môn Cồ-đàm đã được tôi mời đến dùng bữa cơm ngày mai cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Hãy chuẩn bị mua đồ và nấu nướng giùm tôi." "Được rồi", họ đáp lại, và họ đào lò, một số chẻ củi, một số lo rửa dĩa, một số bày những khạp (lu) nước, một số dọn chỗ ngồi, trong khi tu sĩ búi tóc Keṇiya thì lo dựng rạp cổng chào.

5. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Sela đang ở tại thị trấn Āpaṇa. [105] Ông ta một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân.

6. Lúc này tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đặt toàn niềm-tin vào bà-la-môn Sela. Bà-la-môn Sela, trong khi đang đi dạo mát được hộ tống bởi ba trăm môn sinh bà-la-môn của ông ta, đã đến chỗ tịnh xá của tu sĩ tóc búi Keṇiya. Tới đó ông nhìn thấy có người đang đào lò, một số chẻ củi, một số lo rửa dĩa, một số bày những khạp nước, một số dọn chỗ ngồi, trong khi tu sĩ búi tóc Keṇiya thì lo dựng rạp cổng chào.

7. Sau khi nhìn thấy cảnh này, ông hỏi tu sĩ tóc búi Keṇiya: "Cái gì vậy, bộ Thầy Keṇiya đang tổ chức lễ rước dâu hay lễ đưa dâu? Hay có lễ cúng tế nào? Hay bộ có Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đoàn tùy tùng lớn đã được mời đến dùng bữa cơm ngày mai vậy?"

8. "Thưa Thầy Sela, không phải tôi đang tổ chức lễ rước dâu hay lễ đưa dâu, cũng không có Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đoàn tùy tùng lớn đã được mời đến dùng bữa cơm

ngày mai, mà tôi đang chuẩn bị một buổi lễ cúng dường lớn. Có Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca, là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đã đi du hành trong xứ người Anguttarāpa cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, và đã đến thị trấn Āpaṇa. [106] Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.' Thầy Cồ-Đàm đã được tôi mời đến dùng bữa cơm ngày mai cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo."

9. "Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ "Phật"?"
"Dạ, thầy Sela, tôi mới nói chữ "Phật".

“Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ “Phật”?”

“Dạ, thầy Sela, tôi mới nói chữ “Phật”.

10. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với bà-la-môn Sela: “Ngay cả cái tiếng ‘Phật’ cũng hiếm được nghe trong thế gian này (lấy đâu ra có Phật thật để được gặp). Giờ ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân đã được truyền dạy trong những kinh chú của chúng ta, và bậc Vĩ Nhân là người được phú cho những đặc điểm tướng số đó thì chỉ có hai nơi-đến mà thôi, không có nơi-đến khác. Nếu bậc đó sống đời tại gia, thì bậc ấy trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, là bậc thầy của bốn phương, bậc toàn-thắng, là người đã ổn định đất nước và có được bảy báu. Vị vua đó có bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, phụ nữ báu, quản gia báu, và quân sư báu là thứ bảy. Con cái của bậc đó, vượt quá một ngàn người, đều dũng cảm và anh hùng, và nghiền nát quân đội của nước khác; khắp trái đất này được bao bọc bởi đại dương, vị vua đó trị vì không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí, chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp. Nhưng nếu bậc đó từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì

bậc đó trở thành một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là bậc đã vén mở bức màn trong thế gian.” (giống trong mục 5 kinh MN 91 kế trên)

11. [Bà-la-môn Sela nói]: “Này Keṇiya thân thiện, Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, giờ đang sống ở đâu?” Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ tóc búi Keṇiya đưa tay phải chỉ hướng và nói: [107] “Ở hướng kia, chỗ đường ranh xanh của khu rừng, thưa Thầy Sela.”

12. Rồi bà-la-môn đã đi cùng với ba trăm môn sinh bà-la-môn đến chỗ đức Thế Tôn. Ông ta nói với những môn sinh bà-la-môn: “Này các môn sinh, hãy đến im lặng, bước chân cẩn thận; vì những bậc Thế Tôn là khó tiếp cận được, giống như một con sư tử đang độc hành. Khi ta đang nói chuyện với sa-môn Cồ-đàm, các môn sinh đừng chen vào hay ngắt lời ta, hãy đợi đến khi cuộc nói chuyện của ta (với sa-môn Cồ-đàm) đã xong.”

13. Rồi bà-la-môn Sela đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và và nhìn tìm ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Ông ta đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi. Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: “Môn sinh bà-la-môn Uttara này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi.”

14. Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho bà-la-môn Sela nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ

bọc. Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

15. Rồi bà-la-môn Sela nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm này được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân; chúng là đầy đủ, không phải không đầy đủ. Nhưng ta không biết ông ta đúng là Phật hay không. Tuy nhiên, ta đã từng nghe những bà-la-môn lão thành nói rằng theo dòng dõi truyền dạy các vị thầy, những ai là bậc A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác, sẽ bộc lộ bản thân khi người ta nói lời khen ngợi những bậc ấy. Phải chăng ta thử trực diện khen ngợi sa-môn Cồ-đàm bằng những dòng kệ hay ho." Rồi ông đã trực diện khen ngợi đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ hay ho như vầy:

16. Bà-la-môn Sela nói:
"Ôi thân hoàn hảo, khéo được sanh phú,
Hình dáng tốt và đẹp đẽ thật đáng nhìn;
Ôi bậc Thế Tôn, da ngài vàng kim,
Và răng trắng muốt; ngài thật khỏe mạnh.
Những đặc điểm tướng nét được nhìn thấy tất cả một lần,
Một người đặc biệt được khéo sanh;
Tất cả những tướng tốt được tìm thấy trên thân ngài,
Những đặc điểm này cho thấy một bậc Vĩ Nhân.
Mới mắt sáng trong, diện mạo tươi sáng,
Ôi bậc Hùng Vĩ, oai phong như một ngọn lửa,
Ngay giữa hội chúng sa-môn này,
Ngài chiếu sáng như mặt trời chói lọi.
Một Tỳ kheo thật đẹp đẽ đáng nhìn
Với làn da óng ánh vàng kim—
Với sắc đẹp hiếm thay ngài có được,
Sao ngài lại vui lòng với đời sống một sa-môn?
Ngài quá hợp để làm một vị vua, chúa tể của bậc điều ngự,

Làm một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe,
Chiến thắng khắp mọi phương
Và làm đế hoàng của Vườn Diêm-phù-nề (Jambu).878 [109]
Với những binh lực và những đại hoàng tử,
Tất cả đều cống hiến phục vụ cho ngài,
Ôi Cồ-Đàm, ngài nên thống trị

Như vị vua của loài người, như hoàng đế của tất cả vua chúa.”
17. Đức Phật nói:
“Ta đã là một vị vua, này Sela”, đức Thế Tôn đáp lại.
“Ta là một vị vua tốt thượng của Giáo Pháp;
Bằng phương tiện Giáo Pháp ta quay chuyển bánh xe,
Bánh xe đó không ai có thể chặn lại.”
18. Bà-la-môn Sela:
“Ngài tuyên bố sự toàn-giác”, bà-la-môn Sela nói,
“Ôi Cồ-Đàm, ngài mới nói với tôi,
‘Ta là một vị vua tốt thượng của Giáo Pháp;
Bằng phương tiện Giáo Pháp ta quay chuyển bánh xe.’
Ai là đại tướng của ngài, là đệ tử của ngài,
Là người đã tu theo phương cách của Vị Thầy?
Tức ai là người đã giúp ngài quay chuyển
Cái Bánh Xe Giáo Pháp được thiết lập chuyển dịch bởi ngài?”
19. Đức Phật:
“Bánh xe được thiết lập dịch chuyển bởi ta”, đức Thế Tôn trả lời,
“Đó chính là Bánh Xe Giáo Pháp tối thượng,
Xá-lợi-phất, người con của Như Lai,
Đã giúp ta trong cuộc quay chuyển bánh xe này.
Những gì phải được biết đã được trực-tiếp biết,
Những gì phải được tu tập đã được tu tập,
Những gì phải được trừ bỏ đã được trừ bỏ,

Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.
Do vậy hãy dẹp bỏ những sự nghi ngờ về ta,
Và để sự nhất quyết thay cho chúng,
Bởi vì khó thay có dịp để có được
Sự diện kiến với những bậc Toàn Giác. [110]
Ta là bậc mà sự có mặt trong thế gian này
Là hiếm thay hy hữu,
Ta là một vị Phật Toàn Giác,
Này bà-la-môn, ta là bậc lương y tối thượng.
Ta là bậc thánh thiêng, vô song,
Là bậc đã nghiền nát Ma Vương và đạo quân của hắn;
Sau khi đã đánh bại mọi kẻ thù,
Ta hoan hỷ và không còn sợ hãi.”
20. Bà-la-môn Sela:
“Này các môn sinh, hãy nghe, hãy nghe điều bậc ấy nói,

Đó là người của tầm-nhìn, một bậc lương y,
Bậc anh hùng uy dũng đã cất tiếng gầm,
Như một sư tử giữa rừng.
Ai là người, cho dù thuộc giai cấp hạ tiện,
Mà không tin bậc ấy khi nhìn thấy bậc ấy:
Rằng bậc ấy là bậc thánh thiêng, vô song,
Là bậc đã nghiền nát Ma Vương và đạo quân của hắn?
Giờ ai muốn theo ta thì theo ta,
Và ai không muốn theo ta thì cứ bỏ đi.
Bởi vì ta sẽ xuất gia theo bậc ấy,
Bậc có trí-tuệ cao siêu này."
21. Các Môn Sinh nói: "Ôi thưa thầy, nếu thầy đã chấp thuận

Giáo lý này của bậc Toàn Giác, Thì chúng tôi cũng sẽ xuất gia theo/dưới bậc ấy, Bậc trí-tuệ cao siêu này."

22. Bà-la-môn Sela:
"Ở đây có ba trăm bà-la-môn,
Là những người chấp tay lên khẩn cầu:
'Chúng con sẽ sống đời sống tâm linh
Theo/dưới đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.'"
23. Đức Phật:
"Này Sela, đời sống tâm linh đã được tuyên thuyết hay khéo,
Để nó được nhìn thấy ngay tại đây, chứ không để trì hoãn;
Người tu tập với sự chuyên-cần,
Sẽ tìm thấy một sự xuất gia đầy chánh quả."
24. Rồi bà-la-môn và hội chúng (những môn sinh bà-la-môn) của ông ta đã thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, và họ cũng thụ nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).

25. Rồi, khi đêm đã qua, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã cho chuẩn bị nhiều món ăn ngon khác nhau trong tịnh xá của ông, [111] và có báo thời gian cho đức Thế Tôn: "Thưa thầy Cồ-Đàm, giờ là lúc, bữa cơm đã sẵn sàng." Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đã đi cùng Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến tịnh xá của tu sĩ tóc búi Keṇiya, và đến đó ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát qua một bên, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Ngay đó đức Thế Tôn đã ban cho ông một bài chúc phúc bằng những dòng thi kệ sau đây:

26. "Sự cúng dường đèn đốt là huy hoàng của lửa, Sāvitrī là huy hoàng của những kinh chú Vệ-đà,

Huy hoàng của loài người, vua chúa, Là huy hoàng của những dòng sông, biển cả; Mặt trăng là huy hoàng của những ngôi sao, Mặt trời là huy hoàng của tất cả mọi thứ chiếu sáng; Công đức là huy hoàng của những ai khát nguyện có được; Tăng Đoàn là huy hoàng của những ai bố thí." Sau khi đức Thế Tôn đã ban bài chúc phúc cho ông, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

27. Rồi, không lâu sau khi thụ nhận toàn-bộ giới: nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ngay trong kiếp này, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, thầy Sela và hội chúng (những môn sinh) của thầy ấy, [112] bằng cách tự mình cứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Họ đã trực-tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và thầy Sela cùng với hội chúng của thầy ấy đã trở thành những vị bậc A- la-hán.

28. Sau đó thầy Sela cùng với hội chúng của thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi xếp lại phần y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ này: "Tám ngày đã qua, kính thưa bậc Nhìn Thấy Tất-Cả, Kể từ lúc chúng con quy y nương tựa theo Ngài. Trong bảy đêm rồi, ôi thưa đức Thế Tôn, Chúng con được thuần tu trong giáo lý của Ngài. Ngài là một vị Phật, ngài là vị Sư Thầy, Ngài là bậc Trí Giả, là bậc chinh phục Ma Vương. Sau khi đã cắt dứt mọi khuynh-hướng xấu ác (tính khí ác), Ngài đã vượt qua bờ và dẫn dắt nhân loại vượt qua.

Ngài đã vượt qua tất cả mọi dính-chấp (chấp thủ),
Ngài đã trừ bỏ tất cả mọi ô-nhiễm (lậu hoặc).
Ngài là một sư tử không còn dính-chấp,
Ngài đã dẹp bỏ sự sợ-hãi và khiếp-đảm.
Ở đây ba trăm Tỳ kheo đang đứng,
Với hai tay chấp lên tôn kính.
Ôi bậc Anh Hùng, hãy sải dài hai bàn chân,
Và để những đại chúng sinh này tôn thờ vị Sư Thầy."

93. KINH ASSALĀYANA (Assalāyana Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, bấy giờ có năm trăm bà-la-môn từ những tỉnh khác nhau cũng đang ở tại Sāvatthī vì công việc hay những lý do khác. Rồi những bà-la- môn đó nghĩ rằng: "Sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự thanh-lọc (về thân tâm, tâm linh) là làm được bởi tất cả bốn giai cấp (không phải chỉ dành riêng cho giai cấp bà-la-môn).879 Vậy nên có ai có thể tới để tranh cãi với ông ấy về sự khẳng định đó hay không?"

3. Lúc đó có một môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy về ba bộ kinh Vệ-đà, với những từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Vì vậy các bà-la-môn nghĩ: "Có có môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ … hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Anh ta có thể tới tranh cãi với sa-môn Cồ-đàm về sự khẳng định đó."

4. Khi họ tới gặp môn sinh bà-la-môn tên Assalyāana và nói với anh ta: "Thầy Assalyāana, tu sĩ Cồ-đàm này mô tả sự thanh-lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp. Vậy Thầy Assalyāana hãy đến đó để tranh cãi với sa- môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó." Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana trả lời rằng: "Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó."

Lần thứ hai những bà-la-môn nói với anh ta: … (như lần thứ nhất và thêm:) … Bởi vì 'sự tu tập của một du sĩ' đã được hoàn thành bởi Thầy Assalāyana."880 Lần thứ hai môn sinh bà-la-môn Assalāyana vẫn trả lời: "Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa- môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó." Lần thứ ba những bà-la-môn lại nói với anh ta: … (như lần thứ hai và thêm:) … Đừng để Thầy Assalāyana chưa ra trận mà đã chịu thất bại." Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalāyana trả lời: "Thưa các ngài, chắc chắc tôi không thuyết phục được các ngài sau khi tôi đã nói: 'Sa-môn Cồ-đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó.' Tuy nhiên, thưa các ngài, vì các ngài cứ nài thách nên tôi sẽ đi." Rồi môn sinh bà-la-môn Assalyāana cùng một số đông các bà-la-môn đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại. Và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn nói như vầy: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp kém hơn; những bà- la-môn là giai cấp trắng trẻo nhất, những người thuộc giai cấp khác là đen đủi; chỉ những bà-la-môn được thanh lọc, những người không phải bà-la- môn thì không; chỉ những bà-la-môn là con của trời Brahmā, dòng dõi của trời Brahmā, được sinh từ miệng của trời Brahmā, được sinh từ trời Brahmā, được tạo ra bởi trời Brahmā, là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.' Thầy Cồ-đàm nói sao về điều đó?"

5. [1] "Bây giờ, này Assalyāana, các phụ nữ bà-la-môn rõ ràng cũng có kỳ kinh nguyệt, có mang thai, sinh con, và cho con bú.881 Và những bà-la- môn đó, mặc dù đã được sinh ra từ bào thai mà vẫn luôn nói rằng: 'Những

bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’”

6. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’” [2] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Anh đã từng nghe ở vùng Yona và Kamboja882 và ở những xứ nước ngoài khác chỉ có hai giai cấp, đó là chủ và nô lệ, và tùy theo thời cuộc có khi chủ trở thành nô lệ, và nô lệ trở thành chủ đó sao?” “Dạ thưa, tôi có nghe vậy.” “Vậy thì dựa trên sức mạnh gì [luận cứ gì] hay căn cứ vào cái gì [thẩm quyền nào] mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’”

7. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” [3] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao?883 Ví dụ một người giai cấp chiến- sĩ (khattiya) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma mảnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, nói lời tầm phào tán dóc; thèm-khát (tham dục), có tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục— còn những bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao? “Ví dụ một người giai cấp thương-nông … một người giai cấp hạ-tiện bần lao sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục— còn những bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao?

“Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến-sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó nếu có sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách- nhìn sai lạc (tà kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.” “Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?”

8. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” [4] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, sự nói-dối láo, nói lời ma mãnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói lời tầm phào tán dóc, và không có sự thèm-khát (không tham dục), có một cái tâm không ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời—còn những người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần- lao hạ tiện nếu làm vậy thì không được tái sinh lên đó hay sao?” “Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho

dù đó là một người giai cấp chiến-sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

9. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [5] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có một bà-là-môn mới có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền (quốc độ, xứ sở) này, không hung-bạo và không ác-ý; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?" "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền này, không hung-dữ và không ác-ý." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

10. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [6] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện thì không làm được như vậy hay sao?" "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

11. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ

rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [7] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu trên đầu], ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những sinh cảnh (gia thế, giai cấp) khác nhau, và nói với họ rằng: 'Này các vị đến đây, ai ở đây thuộc giai cấp chiến-sĩ, hay bà-la-môn, hay hoàng-tộc, hãy cầm một que mồi lửa làm bằng gỗ tinh tốt, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt. Và ai thuộc gia đình bần-lao hạ tiện bị xã hội ruồng bỏ, thuộc gia đình làm nghề săn bắn, làm nghề đan lát chẻ tre, làm nghề làm xe, làm nghề lượm rác moi rác, hãy cầm một que mồi lửa làm từ gỗ máng nước cho chó uống, làm từ gỗ máng heo, làm từ gỗ thùng đựng rác hay làm bằng

gỗ thầu dầu, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt.' "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa (như để nấu ăn, sưởi ấm, thắp sáng...). Rồi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa sẽ không có ngọn, không có màu, và không tỏa sáng, và nó không thể được dùng cho những mục đích dùng lửa, hay sao?" "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Và khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa cũng có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất ... là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

12. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ

rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất ... là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [8] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên thuộc giai cấp chiến-sĩ lấy một con gái nhà bà-la-môn, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là người giai cấp chiến-sĩ giống cha, hay một bà-la-môn giống mẹ?" "Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai (vừa là giai cấp chiến-sĩ, vừa là bà-la-môn), thưa Thầy Cồ-đàm."

13. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên bà-la-môn lấy một con gái nhà giai cấp chiến-sĩ, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là bà-la-môn giống cha, hay người giai cấp chiến-sĩ giống mẹ?" "Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai, thưa Thầy Cồ-đàm."

14. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một con ngựa cái giao phối với một con lừa đực, và một con thú con được sinh ra. Vậy con thú con đó được gọi là con ngựa giống mẹ, hay là con lừa giống cha?" "Nó là một con la, thưa Thầy Cồ-đàm, bởi vì nó không còn là ngựa hay lừa nữa. Thầy Cồ-đàm, tôi đã nhìn ra khác-biệt trong trường hợp (ví dụ) cuối này, nhưng tôi đã không kịp nhìn ra sự khác-biệt trong hai trường hợp (ví dụ) trước."

15. [9] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la- môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng học và thông minh, còn người kia thì không siêng học cũng không thông minh. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trước trong lễ tang, hoặc trong lễ cúng dường, hoặc trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?" "Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người siêng học và thông minh, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người không siêng học cũng không thông minh thì (việc

cúng dường đó) đâu mang lại phước quả lớn lao gì?”

16. “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng năng và thông minh, nhưng thiếu đạo-đức và có tánh khí xấu ác, và người kia thì không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trong lễ tang, trong lễ cúng dường, trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?” “Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người thất-đức và có tánh khí xấu ác thì đâu mang lại phước quả lớn lao gì?”

17. “Này Assalyāana, lúc nãy đầu tiên anh đã khăng khăng dựa trên sinh cảnh (gia thế, giai cấp), và sau đó anh khăng khăng dựa trên việc học- hành kinh điển, và sau đó anh lại chuyển qua dựa trên chính căn cứ rằng ‘sự thanh-lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp’, như ta đã mô tả.” Khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana đã ngồi im lặng và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa. Biết được điều đó, đức Thế Tôn mới nói với anh ta:

18. [10] “Này Assalāyana, một thuở xưa có bảy ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn đang cùng nhau tư vấn đàm đạo trong những căn chòi lá trong rừng, quan-điểm độc hại này đã khởi sinh trong họ: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’ Bấy giờ có Devala Bóng Tối là ẩn sĩ đã nghe được điều đó.884 Rồi, ông ta chỉnh lại râu tóc, mặc y-phục màu vàng úa, mang đôi dép chắc nịch và cầm cây trượng bằng vàng, rồi anh xuất hiện trong sân đang có bảy ẩn sĩ bà-la-môn đó. Rồi, vừa đi qua đi lại trong sân có bảy ẩn sĩ bà-la-môn, ẩn sĩ Devala Bóng Tối đã nói như vầy: ‘Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu? Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu?’ Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn kia nghĩ: ‘Ai là kẻ đi qua đi lại trong sân của bảy ẩn sĩ bà-la-môn giống

như một thằng bợm trong làng và còn hỏi giọng: “Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu? Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu?” Chúng ta hãy rủa hắn đi!’ Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn đã rủa ẩn sĩ Devala Bóng Tối như vầy: ‘Biến thành tro đi, đồ đê hèn! Biến thành tro đi, đồ đê hèn!’ Nhưng khi bảy ẩn sĩ bà-la-môn càng rủa Devala Bóng Tối, thì ông ta càng trở nên phong độ, đẹp đẽ, và đẹp trai hơn. Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn lại nghĩ: ‘Sự tu hành của chúng ta là vô vọng, đời tu sĩ của chúng ta chẳng kết quả gì. Trước đây khi chúng ta rủa bất cứ ai như vầy: ‘Biến thành tro đi, đồ đê hèn! Biến thành tro đi, đồ đê hèn!’, thì kẻ đó luôn biến thành tro; nhưng giờ chúng ta càng rủa người này, thì hắn càng trở nên phong độ, đẹp đẽ, và đẹp trai hơn.’ “Sự tu hành của các ông không phải là vô vọng, đời tu sĩ của các ông không phải không kết quả. Nhưng, này các ông, hãy nên dẹp bỏ sự sân hận đối với tôi.’ “Này ông kia, chúng ta đã dẹp bỏ sân hận đối với ông. Nhưng ông là ai?’ “Các ông đã từng nghe tên ẩn sĩ Devala Bóng Tối chưa?’—‘Có nghe, này ông.’—‘Chính là tôi đây, này các ông.’ “Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn

bước đến chỗ ẩn sĩ Devala Bóng Tối và kính chào ông. Rồi ông nói với họ: ‘Này các ông, tôi nghe rằng trong khi bảy ẩn sĩ bà-la-môn đang sống trong những chòi lá trong rừng, quan-điểm độc hại này đã khởi sinh trong họ: “Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.”’—‘Đúng vậy, thưa ông.’ “‘Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết người mẹ sinh ra mình chỉ có quan hệ với đàn ông bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với đàn ông không phải bà-la-môn?’—‘Không biết, thưa ông.’ “‘Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết những người mẹ của những người mẹ suốt bảy thế hệ trước giờ chỉ quan hệ với đàn ông bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với đàn ông không phải bà-la-môn?’—‘Không

biết, thưa ông.’ “‘Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết người cha sinh ra mình chỉ có quan hệ với phụ nữ bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với phụ nữ không phải bà-la-môn?’—‘Không biết, thưa ông.’ “‘Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết những người cha của những người cha suốt bảy thế hệ trước giờ chỉ quan hệ với phụ nữ bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với phụ nữ không phải bà-la-môn?’—‘Không biết, thưa ông.’ “‘Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết sự ra đời của một phôi thai xảy ra theo cách nào hay không?’ “‘Thưa ông, chúng tôi biết cách xảy ra sự ra đời của một phôi thai. Ở đây, có sự giao phối của người mẹ và người cha, và người mẹ vào thời có thể thụ thai, và một gandhabba (hương ấm, dòng thức tái sinh) có mặt (hiện hữu). Như vậy sự ra đời của một phôi thai xảy ra nhờ sự hợp nhau của ba yếu tố này.’885 “‘Rồi, thưa các ông, liệu các ông có biết chắc gandhabba đó là (thuộc, từ) giai cấp chiến-sĩ hay bà-la-môn, hay thương-nông, hay bần-lao hạ tiện?’ “‘Thưa ông, chúng tôi không biết chắc gandhabba đó là (thuộc, từ) giai cấp chiến-sĩ hay bà-la-môn, hay thương-nông, hay bần-lao hạ tiện.’ “‘Nếu đã là vậy, này các ông, vậy các ông là gì?’ “‘Nếu đã là vậy, thưa ông, chúng tôi không biết chúng tôi là gì.’ “Bây giờ, này Assalāyana, ngay cả bảy bậc ẩn sĩ bà-la-môn thuở đó khi bị dồn hỏi và bị vấn hỏi và bị hỏi chéo bởi ẩn sĩ Devala Bóng Tối về điều khẳng định của họ về sinh cảnh (gia thế, giai cấp), họ đều không khả năng bào chữa (bảo vệ, chứng minh) được điều đó. Vậy còn anh, làm sao anh khi bị dồn hỏi và bị vấn hỏi và bị hỏi chéo bởi ta về điều khẳng định của anh về sinh cảnh (gia thế, giai cấp) mà anh lại có khả năng bào chữ được

điều đó? Còn nữa, anh là người chỉ nương dựa vào những giáo thuyết của các thầy các sư của mình, thì chưa [đủ đẳng cấp] bằng Puṇṇa là người cầm muỗng của bảy ẩn sĩ bà-la-môn đó.”886

19. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- đàm! … [Giống như mục 37, kinh MN 91 ở trên] … Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa vào Thầy Cồ-đàm cho đến cuối đời.”

94. KINH GHOṬAMUKHA (Ghoṭamukha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Udena đang sống ở Bena- res (Ba-la-nại) trong khu Vườn Xoài (của) Khemiya.

2. Bấy giờ, vào dịp đó có bà-la-môn tên Ghoṭamukha đã đến Benares vì công việc hay lý do khác. Trong khi ông đang đi dạo mát, ông đã đến khu Vườn Xoài Khemiya. Lúc đó thầy Udena đang đi qua đi lại ngoài trời. Rồi bà-la-môn Ghoṭamukha đến gặp thầy Udena và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, cùng bước đi qua lại bên cạnh thầy Udena, ông ta nói điều này: “Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia [đời sống của những du sĩ (chỉ chung tất cả ẩn sĩ, sa- môn) nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc [bởi vì tôi chưa nhìn thầy] Giáo Pháp ở đây.”

3. Sau khi điều này được nói ra, thầy Udena dừng sự đi dạo và đi về chỗ trú ở của mình, trong đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.887 Và bà-la-môn Ghoṭamukha cũng dừng đi dạo và đi theo vào chỗ trú ở đó, và ông ta đứng qua một bên. Rồi thầy Udena nói với ông ta: “Có mấy chỗ ngồi, này bà-la-môn, cứ ngồi xuống nếu chú muốn.” “Chúng tôi không ngồi xuống vì còn chờ Thầy Udena [nói ngồi xuống]. Bởi vì làm sao một người như tôi có thể ngồi xuống chỗ ngồi khi chưa được mời ngồi?”

4. Rồi bà-la-môn Ghoṭamukha chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và nói lại với thầy Udena: “Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc Giáo Pháp ở đây.” “Này bà-la-môn, nếu chú nghĩ câu nào của tôi có thể được đồng ý, thì

hãy đồng ý; nếu chú nghĩ câu nào của tôi cần được tranh luận, thì hãy tranh luận; và nếu chú không hiểu nghĩa câu nào của tôi, thì hãy hỏi: ‘Là sao, Thầy Udena? Nghĩa của điều này là gì?’ để tôi làm rõ nó cho thầy. Theo cách như vậy chúng ta có thể đàm đạo về vấn đề này.” “Thưa Thầy Udena, nếu con nghĩ câu nào của thầy có thể được đồng ý, con sẽ đồng ý; nếu tôi nghĩ câu nào của thầy cần được tranh luận, tôi sẽ tranh luận; và nếu tôi không hiểu nghĩa câu nào của thầy, tôi sẽ hỏi: ‘Là sao, thưa Thầy Udena? Nghĩa của điều này là gì?’ để thầy làm rõ nó cho tôi. Theo cách như vậy giờ chúng ta hãy cùng đàm đạo về vấn đề này.”

5. –6. “Này bà-la-môn, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? … [Tiếp tục nội dung giống tương tự trong kinh MN 51, mục 5–6] … (iv) Nhưng, thưa Thầy Udena, loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng—thì không hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác, bởi vì cả mình và chúng sinh khác đều muốn sung sướng và tránh đau khổ;

đó là lý do tại sao loại người này làm hài lòng tâm trí của con."

7. "Này bà-la-môn, có hai loại hội chúng. Hai đó là gì? Ở đây, có hội chúng (i) tham muốn ngọc ngà và trang sức và tìm kiếm nhiều vợ và con cái, nô lệ nam và nữ, đồng ruộng và đất đai, vàng và bạc. Nhưng ở đây có hội chúng (ii) thì không tham muốn ngọc ngà và trang sức, nhưng sau khi dẹp bỏ vợ con, nô lệ nam nữ, ruộng đất, vàng bạc, đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Giờ có loại người này là người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân

hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng— Trong hai loại hội chúng (mới nói ra) đó, chú có thường thấy loại người này hay không, này bà-la-môn?" "Thầy Udena, tôi thường thấy có loại người này trong hội chúng (ii) không tham muốn ngọc ngà … "

8. "Nhưng, này bà-la-môn, mới lúc nảy chúng tôi nghe [hiểu] chú nói rằng: 'Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc Giáo Pháp ở đây.'" "Đúng là vậy, thưa Thầy Udena, chính vì để học hỏi từ thầy nên tôi đã nói ra những lời đó như vậy. (Nhưng thực ra là) có đời sống xuất-gia là đúng theo Giáo Pháp; cho nên đối với tôi dường như là ở đây (loại hội chúng (ii)) , và mong Thầy Udena ghi nhớ tôi [đã nói nghĩa] như vầy. Sẽ tốt lành nếu Thầy Udena, vì lòng bi-mẫn, giảng giải cho tôi một cách chi tiết về bốn loại người mà thầy mới nói ra một cách ngắn gọn."

9. "Được rồi, này bà-la-môn, vậy chú hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói."—"Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Ghoṭamukha đáp lại. Thầy Ude- na đã nói điều này:

10.–30. (i) "Này bà-la-môn, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân? Ở đây, có người đi khỏa thân … [Tiếp tục giống như kinh MN 51, mục 8–28] … sống trải nghiệm niềm chân phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng."

31. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Ghoṭamukha đã thưa với thầy Udena: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Udena! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Udena! Thầy Udena đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt

sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Udena và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Udena ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

32. “Này bà-la-môn, đừng quy y nương tựa vào tôi. Hãy quy y nương tựa vào đức Thế Tôn, là bậc mà tôi đã quy y nương tựa vào.” “Thưa Thầy Udena, Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang sống ở đâu?” “Này bà-la-môn, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đã bát Niết-bàn.” “Nếu chúng tôi nghe được rằng Thầy Cồ-Đàm đó ở trong vòng mười do-tuần (dặm Ấn), chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nếu chúng tôi nghe được Thầy Cồ-Đàm đó ở trong vòng hai mươi … ba mươi … bốn mươi … năm mươi do-tuần, chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nhưng vì Thầy Cồ-Đàm đó đã bát Niết-bàn, chúng tôi quy y nương tựa vào Thầy Cồ-Đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, mong Thầy Udena ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

33. “Bây giờ, thưa Thầy Udena, vua của xứ Anga đã bố thí cho tôi một khoản đều đặn mỗi ngày. Hãy cho phép tôi cúng dường cho Thầy Udena một phần từ khoản đó.” “Này bà-la-môn, vua của xứ Anga đang bố thí loại gì cho chú đều đặn mỗi ngày?” “Năm trăm đồng kahāpaṇa, thưa Thầy Udena.”888 “Này bà-la-môn, chúng tôi không được phép nhận tiền bạc.” “Nếu Thầy Udena không được phép, tôi sẽ cúng dường một tịnh xá được xây cho Thầy Udena.”

“Này bà-la-môn, nếu chú định cúng dường cho tôi bằng một tịnh xá được xây cho tôi, vậy chú hãy cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta (Thành Hoa Thị).”889 “Tôi càng thêm thỏa mãn và vui lòng khi Thầy Udena đã gợi ý cho tôi cúng dường cho Tăng Đoàn. Với khoản được bố thí đều đặn này và các khoản bố thí đều đặn khác, tôi sẽ cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta.” Rồi, với khoản được bố thí đều đặn [từ vua xứ Anga mà ông đã muốn cúng dường cho Thầy Udena] và các khoản bố thí đều đặn khác [được bổ sung cộng vào], bà-la-môn Ghoṭamukha đã cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta. Và chỗ đó bây giờ được gọi là hội trường Ghoṭamukhī.

95. KINH CANKĪ (Cankī Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.890 Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một ngôi làng tên là làng Opasāda của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú ở (chỗ được gọi là) Khu Vườn của Những Thiên Thần,891 trong Vườn Cây Sāla nằm ở phía bắc của làng Opasāda

2. Bấy giờ, lúc đó có bà-la-môn tên Cankī đang cai quản làng Opasāda, là một tài sản hoàng gia có nhiều dân cư sinh sống, giàu có về đồng cỏ, đất rừng, đường thủy, và lúa gạo, là một sự ban phú của hoàng triều, một đặc ân được ban cho ông ta bởi Vua Pasenadi của xứ Kosala.

3. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda đã nghe tin: “Sa-môn Cồ- đàm … [Giống như mục 3, kinh MN 91] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó.”

4. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda đã lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla.

5. Bấy giờ là thời gian bà-la-môn Cankī đã về nghỉ trưa trên gác thượng của dinh thự của ông. Rồi ông nhìn thấy những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla. Sau khi nhìn thấy họ, ông hỏi một quan thần của ông: “Này quan thần thân thiện, tại sao những bà-la-môn ở Opasāda lại lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla?”

6. “Thưa ngài, có sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya), là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành

giữa xứ dân Kosala … [Giống mục 3. kinh MN 91 ở trên] … Họ đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm đó.” “Vậy thì, này thần quan thân thiện, hãy đến gặp những gia chủ bà-la- môn của làng Opasāda đó và nói với họ: ‘Thưa các ngài, bà-la-môn Cankī nói điều này: “Này các ngài, hãy đợi. Bà-la-môn Cankī cũng sẽ đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm.”’ “Dạ, thưa ngài”, vị quan đáp lại, và đến gặp những gia chủ bà-la-môn của làng Opasāda để chuyển lời.

7. Bấy giờ, vào lúc đó cũng có năm trăm bà-la-môn từ những xứ khác nhau đang trú ngụ ở làng Opasāda vì những công việc hay những lý do khác. Họ đã nghe tin: “Nghe nói bà-la-môn Cankī đang đi gặp sa-môn Cồ- đàm.” Rồi họ đến chỗ bà-la-môn Cankī để hỏi ông ta: “Thưa ngài, có đúng là ngài đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm không?” “Đúng vậy, này các ngài. Tôi đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm đây.”

8. “Thưa ngài, đừng đi gặp sa-môn Cồ-đàm. Này Thầy Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn. (i) Thưa ngài, bởi vì ngài được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tỳ vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vì do là như vậy, Thầy Master Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn. (ii) Thưa ngài, ngài là giàu có, với nhiều của cải và tài sản lớn lao. Thưa ngài, ngài là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân. (iii) Thưa ngài, ngài là đẹp đẽ, phong độ, và lịch thiệp, có được vẻ đẹp bậc nhất của làn da, với sắc đẹp cao nhất và diện mạo cao nhất, nổi bật đáng quý. Thưa ngài, ngài là đức hạnh, chín chắn về đức hạnh, có được đức hạnh chín chắn. (iv) Thưa ngài, ngài là

một người thuyết giảng hay khéo với sự truyền đạt hay khéo; ngài nói ra những lời lịch sự, đặc biệt, không sai lỗi, và truyền tải ý nghĩa. (v) Thưa ngài, ngài dạy những sư thầy của nhiều quần chúng, và ngài dạy việc tụng đọc những kinh chú cho ba trăm môn sinh bà-la-môn. (vi) Thưa ngài, ngài được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala. (vii) Thưa ngài, ngài được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi bà-la-môn Pokkharasāti.892 (viii) Thưa ngài, ngài cai quản hết cả vùng Opasāda, có nhiều dân cư sinh sống … một đặc ân được ban cho ngài Vua Pasenadi của xứ Kosala. Vì do là như vậy, Thầy Master Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn."

9. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Cankī đã nói cho những bà- la-môn đó: "Này các ngài, giờ hãy nghe tôi nói tại sao việc đi đến gặp sa- môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi, và tại sao việc đi đến gặp tôi là không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm. (i) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là người được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tì vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vì do là như vậy, sẽ không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm nếu đến gặp tôi; thay vì vậy, sẽ phù hợp đối với tôi nếu tôi đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm. (ii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã xuất gia sau khi bỏ đi nhiều đống vàng tiền và vàng thỏi được tồn giữ trong những kho hầm và kho gác (trong cung điện). (iii) Này các ngài, sa- môn Cồ-đàm đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành từ lúc vẫn còn trẻ, khi còn là một thanh niên tóc đen được phú cho tuổi trẻ dồi dào, trong thời xuân xanh của cuộc đời. (iv) Này các ngài, sa-môn Cồ- đàm đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành cho dù hoàng hậu mẹ và vua cha thì muốn con làm ngược lại và họ đã khóc ràng rụa nước mắt trên mặt. (v) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là đẹp đẽ, phong độ, và lịch thiệp, có được vẻ đẹp tốt nhất của làn da, với sắc đẹp bậc nhất và diện mạo bậc nhất, nổi

bật đáng quý. (vi) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là đức hạnh, với đức hạnh thánh thiện, với đức hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. (vii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là người thuyết giảng hay khéo với sự truyền đạt hay khéo; bậc ấy nói lời lịch lãm, đặc biệt, không sai lỗi và truyền tải ý nghĩa. (viii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là sư thầy của nhiều sư thầy của nhiều quần chúng. (ix) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là không còn tham-dục và không còn những sự phù phiếm cá nhân. (x) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm nắm giữ giáo thuyết về 'hành-động có tác-động về mặt đạo đức' (nghiệp có nghiệp quả của nó), 'việc-làm có hậu quả về mặt đạo đức' (hành vi có hậu quả của nó); bậc ấy không hề tìm cách làm gì gây hại cho dòng dõi những bà-la-môn. (xi) Này các ngài, sa-môn Cồ- đàm xuất gia từ một gia đình quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], từ một gia đình quý-tộc nguyên chất. (xii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm xuất gia từ một gia đình giàu có, với nhiều của cải và tài sản lớn lao. (xiii) Này các ngài, nhân dân đến

từ những vương quốc xa xôi và những tỉnh huyện xa xôi để vấn đạo với sa-môn Cồ-đàm. (xiv) Này các ngài, nhiều ngàn thiên thần đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm hết trọn kiếp. (xv) Này các ngài, tin tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ, bậc thế tôn.' (xvi) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm có được ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân. (xvii) Này các ngài, Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) và hoàng hậu và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm suốt đời. (xviii) Này các ngài, Vua Pasenadi của xứ Kosala và hoàng hậu và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm suốt đời. (xix) Này các ngài, bà- la-môn Pokkharasāti và vợ và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ- đàm suốt đời. (xx) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã đến Opasāda và đang sống ở Opasāda trong Khu Vườn Của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây

Sāla ở phía bắc của làng Opasāda. Bây giờ những tu sĩ (sa-môn) và bà-la- môn đến phố làng của chúng tôi thì đều là những vị khách của chúng tôi, và những vị khách cần được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi chúng tôi. Vì sa-môn Cồ-đàm đã đến Opasāda, bậc ấy là vị khách của chúng tôi, và khách của chúng tôi cần được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi chúng tôi. Vì do là như vậy, này các ngài, việc đến gặp tôi là không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm; thay vì vậy, việc đến gặp sa-môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi. "Này các ngài, sự ca ngợi nhiều về Thầy Cồ-Đàm như vậy tôi đã từng nghe được, nhưng sự ca ngợi về Thầy Cồ-Đàm là không chỉ giới hạn ở đó, mà sự ca ngợi về Thầy Cồ-Đàm là vô kể. Vì Thầy Cồ-Đàm có được từng mỗi yếu-tố như vậy, nên việc bậc ấy đi đến gặp tôi là không phù hợp với bậc ấy; thay vì vậy, việc tôi đi đến gặp Sa-môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi. Do vậy, này các ngài, tất cả chúng hãy cùng đi đến gặp sa-môn Cồ- đàm."

10. Rồi bà-la-môn Cankī, cùng với một đoàn lớn những bà-la-môn, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và đến nơi ông chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên.

11. Bấy giờ, vào lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi và sắp sửa xong phần nói chuyện thăm hỏi hòa nhã với những bà-la-môn rất trưởng lão. Ngay lúc đó, có một môn sinh (học trò) bà-la-môn trẻ tên Kāpaṭhika đang ngồi trong hội chúng đó. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Trong khi những bà-la-môn rất lớn tuổi đang nói chuyện với đức Thế Tôn, anh ta cứ liên tục chen vô và ngắt ngang cuộc nói chuyện của họ. Rồi đức Thế Tôn mới quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đó như vầy: "Ngài Bhāradvāja (tên họ tộc của Kāpaṭhika) đừng

nên chen vào và

ngắt ngang chuyện của những bà-la-môn rất trưởng lão trong khi họ đang nói. Ngài nên chờ đến khi chuyện của họ đã được nói xong.” Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Caṅkī đã nói với đức Thế Tôn rằng: “Thầy Cồ-đàm không cần quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika. Vị môn sinh bà-la-môn này rất uyên bác; anh ta có tài diễn đạt; anh ta là khôn trí. Anh ta có khả năng dễ dàng tham gia vào cuộc thảo luận này với Thầy Cồ-đàm.”

12. Rồi đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Vì các bà-la-môn tôn vinh anh ta như vậy thì môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika chắc hẳn thành thạo về các kinh chú ba bộ kinh Vệ-đà.” Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ: “Khi nào sa-môn Cồ-đàm đưa mắt gặp mắt ta, thì ta sẽ đặt câu hỏi.” Rồi, bằng tâm của mình đức Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika, đức Thế Tôn đưa mắt nhìn về phía anh ta. Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ rằng: “Sa-môn Cồ-Đàm đã nhìn về phía ta. Vậy ta hãy hỏi ông ta một câu hỏi.” Rồi (nghĩ vậy nên làm) anh ta nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, nói về những kinh chú cổ của bà-la-môn đã được truyền tụng bằng miệng, đã được bảo tồn trong các bộ kinh, các bà-la-môn đi đến một kết luận nhất nhất rằng: ‘Chỉ đây (các kinh kệ này) là đúng, mọi điều khác đều là sai.’ Thầy Cồ-đàm nghĩ sao về chuyện này?” “Được rồi, này Bhāradvāja: trong số những bà-la-môn có một bà-la- môn nào nói như vầy: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ- đàm.” “Rồi sao, này Bhāradvāja: vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một thầy nào, hoặc một vị thầy (sư phụ, sư ông) của một thầy nào nói như vầy: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-đàm.”

“Rồi sao, này Bhāradvāja: những ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú đó, những người soạn ra các bài kinh chú đó, những bài kinh chú của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục đọc tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà- la-môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yama- taggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu893—những ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó có bao giờ nói rằng: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-đàm.”

13. “Như vậy thì, này Bhāradvāja, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một bà-la-môn nào nói rằng: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.’ – Và trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một thầy nào, hoặc một vị thầy của một thầy nào trong bảy thế hệ thầy đã từng nói rằng: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.’ – Và những nhà ẩn sĩ bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh

chú, những người soạn ra những bài kinh chú … thậm chí những nhà ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó cũng không nói rằng: 'Chúng tôi biết điều này, chúng tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Ví như như một hàng người mù đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này Bhāradvāja, về câu khẳng định nhất nhất đó của họ, dường như những bà-la-môn cũng giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Này Bhāradvāja, anh nghĩ sao, theo tình trạng như vậy, hóa ra niềm-tin của các bà-la-môn là không có cơ sở căn cứ gì, đúng vậy không?" "Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn tôn vinh điều này không phải chỉ vì niềm-tin. Họ cũng tôn vinh vì đó là những điều đã được truyền thừa bằng miệng."

448 • Chương 5

14. "Này Bhāradvāja, đầu tiên anh khăng khăng dựa vào niềm-tin, giờ anh chuyển qua dựa vào truyền thống truyền miệng. Này Bhāradvāja, có năm điều có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Năm đó là gì? Niềm-tin, sự chấp-thuận, truyền-thống truyền miệng, sự nhận biết có lý-giải, và sự chấp nhận một quan điểm là kết quả sau khi suy-xét nó.894 Năm điều này có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Bây giờ, (i) có điều do được chấp-nhận hoàn toàn chỉ vì niềm-tin, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là sáo rỗng và sai lầm; nhưng có những điều không được chấp nhận hoàn toàn dựa vào niềm-tin, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. Lại nữa, (ii) điều do được chấp-thuận hoàn toàn … (iii) điều do được truyền bá nhiều … (iv) điều do được nhận biết nhiều … và (v) điều do được xem xét kỹ nhiều, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là sáo rỗng, và sai lầm; nhưng có điều không được chấp thuận hoàn toàn … không được truyền bá nhiều … không được nhận biết nhiều … không được xem xét kỹ nhiều, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. [Với những tình trạng như vậy] sẽ không đúng đắn (phù hợp) đối với một người có trí khôn (chỉ vì muốn) bảo vệ (duy trì) sự thật của mình (chỉ là 'sự thật' của mình, chưa chắc đúng là sự thật) mà đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.'"895

15. "Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, theo cách nào là có sự bảo vệ một sự thật?896 Theo cách nào một người bảo vệ một sự thật? Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về sự bảo vệ một sự thật." "Này Bhāradvāja, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Niềm-tin của tôi là vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Này Bhāradvāja, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật.897 "Nếu một người chấp thuận (đồng ý) một điều gì … nếu một người nhận lấy (chấp nhận) một điều gì do được truyền miệng … nếu một người

KINH CANKĪ • 449

[đạt tới một kết luận dựa trên] sự nhận biết do suy lý … nếu một người có sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét nó, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét của tôi là như vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Cũng theo cách này, này Bhāradvāja, là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật."

16. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy một người bảo vệ sự thật (của mình); theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự bảo vệ sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là sự khám-phá sự thật? Theo cách nào một người khám-phá ra sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về sự khám-phá sự thật."

17. "Ở đây, này Bhāradvāja, một Tỳ kheo có thể đang sống nương dựa vào một xóm làng hay thị trấn.898 Rồi có một gia chủ [hay con trai của ông ta] tới gặp vị Tỳ kheo đó để điều tra vị ấy về ba loại trạng thái: những trạng thái có gốc tham, những trạng thái gốc sân, và những trạng thái gốc si: (i) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc tham nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái tham đó, trong khi không biết vị ấy lại nói "Tôi biết", hoặc trong khi không nhìn thấy vị ấy lại nói "Tôi nhìn thấy", hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc tham trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính tham. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc, nó khó hiểu và khó thấy, nó bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được chỉ bằng lý giải, nó là tinh tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm tham-dục.'

18. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy đã được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc tham; tiếp theo người đó điều tra vị

Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc sân: (ii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc sân nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái sân đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc sân trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính sân. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm sân-giận.'

19. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc sân; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc si: (iii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc si nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái si đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc si trong vị Tỳ kheo này.

Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính si. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm si-mờ.'

20. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã nhìn thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái gốc si, (iv) thì người đó đặt niềm-tin vào vị ấy; với đầy sự tin tưởng như vậy, (v) người đó đến thăm và kính lễ vị thầy ấy; sau khi kính lễ vị thầy ấy, (vi) người đó lắng nghe; khi lắng nghe, (vii) người đó nghe được Giáo Pháp; sau khi nghe được Giáo Pháp, (viii) người đó ghi nhớ và xem xét ý-nghĩa của những giáo lý mà mình đã ghi nhớ; khi xem xét ý-nghĩa các giáo lý, (ix) người đó chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng; khi người đó đã chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng, (x) sự nhiệt-thành phát khởi; khi sự nhiệt-thành đã phát khởi, (xi) người đó áp dụng ý-chí; sau khi áp dụng ý- chí, (xii) người đó soi-xét kỹ;899 sau khi đã soi-xét kỹ, (xiii) người đó

chuyên-cần tu (tinh cần);900 sau khi đã chuyên-cần tu một cách kiên định, (xiv) người ấy bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng (cao nhất) và nhìn thấy nó bằng cách thâm nhập nó bằng trí-tuệ.901 Theo cách như vậy, này Bhāradvāja, là có sự khám-phá ra sự-thật; theo cách như vậy là người đó khám phá sự thật; theo cách như vậy là chúng tôi mô tả sự khám-phá sự- thật. Nhưng đó vẫn chưa có sự đạt-tới cuối cùng (rốt ráo) tới sự-thật."

21. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự khám-phá sự-thật; theo cách như vậy là một người khám-phá ra sự thật; theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự khám-phá sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào để có được sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Theo cách nào một người cuối cùng đạt tới sự-thật. Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-Đàm về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật." "Này Bhāradvāja, sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật nằm ở chỗ sự lặp-lại, sự tu-tập và tu-dưỡng những điều (những bước tu) giống như đã tu trước đó. Theo cách như vậy là có sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt tới sự-thật; theo cách như vậy chúng tôi mô tả về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật." 902

22. "Thầy Cồ-đàm, có sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt-tới sự thật; theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật. Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật." "Này Bhāradvāja, sự chuyên-cần tu (tinh cần) là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật. Nếu một người không chuyên-cần tu, thì cuối cùng người đó sẽ không đạt-tới sự-thật; nhưng vì một người chuyên-cần tu, nên người đó cuối cùng sẽ đạt tới sự-thật. Đó là lý do tại sao sự chuyên-cần tu là hữu-ích nhất để dẫn tới sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."

23. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự

chuyên-cần tu (tinh cần). Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu." "Này Bhāradvāja, sự soi-xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu. Nếu một người không soi-xét kỹ, thì người đó sẽ không chuyên-cần tu; nhưng vì người đó soi-xét kỹ, nên người đó chuyên-cần tu. Đó là lý do tại sao sự soi-xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu."

24. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự soi-xét kỹ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự soi-xét kỹ." "Này Bhāradvāja, sự áp dụng ý-chí là hữu-ích nhất cho sự soi-xét kỹ. Nếu một người không áp dụng ý-chí của mình, người đó sẽ không soi-xét kỹ; nhưng vì người đó có áp dụng ý-chí của mình, nên người đó soi-xét kỹ. Đó là lý do tại sao sự áp dụng ý-chí là hữu ích nhất cho sự soi-xét kỹ."

25. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự áp dụng ý-chí? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí." "Này Bhāradvāja, sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí. Nếu một người không phát khởi sự nhiệt-thành, người đó không áp dụng ý-chí của mình; nhưng vì người đó có phát khởi sự nhiệt-thành, nên người đó áp dụng ý-chí của mình. Đó là lý do tại sao sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí."

26. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự nhiệt- thành." "Này Bhāradvāja, sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý (từ kết quả sau khi suy xét chúng) là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành. Nếu một người không đạt được sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý, thì sự nhiệt-thành không tăng lên; nhưng vì người đó chấp nhận có suy xét những giáo lý, nên sự nhiệt-thành tăng lên. Đó là lý do tại sao sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành."

27. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự chấp- nhận có suy xét những giáo lý? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý." "Này Bhāradvāja, sự xem-xét ý nghĩa (của những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý. Nếu một người không xem-xét ý nghĩa của chúng, thì người đó sẽ không chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét; nhưng vì người đó có xem-xét ý nghĩa của chúng, nên người đó chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét. Đó là lý do tại sao sự xem-xét ý nghĩa là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý."

28. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự xem- xét ý nghĩa? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa (những giáo lý). "Này Bhāradvāja, sự ghi-nhớ (những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa (của chúng). Nếu một người không ghi-nhớ một giáo lý, thì người đó sẽ không xem-xét ý nghĩa của nó; nhưng vì người đó có ghi- nhớ giáo lý đó, nên người đó xem-xét ý nghĩa của nó. Đó là lý do tại sao sự ghi-nhớ là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa."

29. “Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự ghi- nhớ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự ghi-nhớ (những giáo lý). “Này Bhāradvāja, sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho sự ghi-nhớ (những giáo lý). Nếu một người không nghe Giáo Pháp, thì người đó sẽ không ghi-nhớ những giáo lý; nhưng vì người đó có nghe Giáo Pháp, nên người đó ghi-nhớ những giáo lý. Đó là lý do tại sao sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho việc ghi-nhớ những giáo lý.”

30. “Nhưng Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho việc nghe Giáo Pháp? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp.”

“Này Bhāradvāja, sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất việc nghe được Giáo Pháp. Nếu một người không để tai lắng-nghe, thì người đó không thực sự nghe Giáo Pháp; nhưng vì người đó để tai lắng-nghe, nên người đó thực sự nghe được Giáo Pháp. Đó là lý do tại sao sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp.”

31. “Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự để tai lắng-nghe? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe (Giáo Pháp) .” “Này Bhāradvāja, sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe. Nếu một người không tôn-trọng (người thuyết giảng), thì người đó không để tai lắng-nghe; nhưng vì người đó có tôn-trọng (người thuyết giảng), nên người đó để tai lắng-nghe. Đó là lý do tại sao sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe.”

32. “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự tôn-trọng (người thuyết pháp).” “Này Bhāradvāja, sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng (người thuyết pháp). Nếu một người không đến-thăm (không gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp], thì người đó không có sự tôn-trọng đối với vị đó; nhưng vì người đó có đến-thăm (có gặp gỡ) [vị thầy, người thuyết pháp], nên người đó có sự tôn-trọng đối với vị đó. Đó là lý do tại sao sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng đối với vị đó.”

33. “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đến- thăm (gặp gỡ)? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm điều gì hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]? “Này Bhāradvāja, niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]. Nếu niềm-tin không khởi sinh trong một người, người đó sẽ không đến-thăm (hay gặp gỡ) vị đó; nhưng vì có niềm-

tin khởi sinh bên trong người đó, nên người đó đến-thăm (gặp gỡ) vị đó. Đó là lý do tại sao niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp].”

34. “(i) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự bảo vệ một sự thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự bảo vệ một sự thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (ii) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự khám-phá sự thật’, và

Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự khám-phá sự thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (iii) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (iv) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘điều hữu-ích nhất cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (v) Bất cứ điều gì chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm, Thầy đã trả lời chúng tôi; chúng tôi đồng ý và chấp nhận những sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Thưa Thầy Cồ-đàm, trước đây chúng tôi cứ nghĩ rằng: ‘Những ông thầy tu đầu trọc, dòng giống nô bộc tăm tối được sinh ra từ bàn chân của Người Thân Tộc thì làm sao hiểu được Giáo Pháp?’903 Nhưng giờ Thầy Cồ-đàm đã thực sự làm khơi dậy trong tôi niềm thương- mến đối với các sa-môn, niềm-tin đối với các sa-môn, niềm kính-trọng đối với các sa-môn.

35. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! ... [Giống như kinh MN 91, mục 37] ... Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

456 • Chương 5

96. KINH ESUKĀRĪ (Esukārī Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Esukārī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói:

3. (I) “Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định bốn cấp phục vụ (phụng sự). Họ quy định cấp phục vụ đối với một bà-la-môn, cấp phục vụ đối với một quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], cấp phục vụ đối với một thương- nông, và cấp phục vụ đối với một bần-lao hạ tiện. Trong đó, Thầy Cồ- Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một bà-la-môn là như vầy: (i) một bà-la-môn có thể phục vụ một bà-la-môn, một quý-tộc có thể phục vụ một bà-la-môn, một thương-nông có thể phục vụ một bà-la- môn, và một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một bà-la-môn. Đó là cấp phục vụ đối với một bà-la-môn mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một quý-tộc như vầy: (ii) một quý-tộc có thể phục vụ một quý-tộc, một thương-nông có thể phục vụ một quý-tộc, và một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một quý-tộc. Đó là cấp phục vụ đối với một quý-tộc mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một thương-nông như vầy: (iii) một thương-nông có thể phục vụ một thương- nông, một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một thương-nông. Đó là cấp phục vụ đối với một thương-nông mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một bần-lao hạ tiện như vầy: (iv) chỉ có người bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một bần-lao hạ tiện; vì đâu còn ai đi phục vụ người bần-lao hạ tiện? Đó là cấp phục vụ đối

với một bần-lao hạ tiện mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ- Đàm nói sao về điều này?"

458 • Chương 5

4. "Được rồi, này bà-la-môn, bộ cả thế gian đã giao quyền cho những bà-la-môn quy định bốn cấp phục vụ này sao?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Này bà-la-môn, giống như họ cắt một miếng thịt đưa cho một người nghèo, không một xu, bần cùng và ép anh ta phải ăn và trả tiền cho miếng thịt; cũng giống như vậy, chẳng được sự đồng ý của ai hay những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào, những bà-la-môn đó tự tác quy định bốn cấp phục vụ đó.

5. "Này bà-la-môn, ta không nói tất cả nên được phục vụ, ta cũng không nói không ai cần được phục vụ. Bởi vì, (i) nếu phục vụ một người, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, thì ta nói người đó không nên được phục vụ (ví dụ phục vụ cho người đi gian cắp, tham nhũng, càng làm thêm việc thất đức là không nên). Và (ii) nếu phục vụ một người, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn, thì ta nói người đó nên được phục vụ (ví dụ phục vụ cho người từ bỏ gian cắp, tham nhũng, càng làm thêm việc phước đức là nên làm).

6. "Nếu họ hỏi một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] như vầy: 'Ông nên phục vụ người nào—(i) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, hay (ii) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn: nếu trả lời đúng đắn, một người quý-tộc sẽ trả lời như vầy: 'Tôi không nên phục vụ cho loại người (i); tôi nên phục vụ cho loại người (ii).' "Nếu họ hỏi một bà-la-môn … một người thương-nông … một người bần-lao hạ tiện như vầy: 'Ông nên phục vụ người nào—(i) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, hay (ii) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn: nếu trả lời đúng đắn, một bà-la-môn … một người thương-nông … một người bần-lao hạ tiện sẽ trả lời như vầy: 'Tôi không nên phục vụ cho loại người (i); tôi nên phục vụ cho loại người (ii).'

7. "Này bà-la-môn, ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc, ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó

KINH ESUKĀRĪ • 459

xuất thân từ gia thế quý-tộc. Ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất đẹp, ta cũng không nói một người tệ hơn bởi người đó rất đẹp. Ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất giàu, ta cũng không nói một người tệ hơn bởi người đó rất giàu.

8. "Bởi vì, này bà-la-môn, (i) một người xuất thân từ gia thế quý-tộc có thể sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, còn thèm-khát (tham), có một cái tâm ác-ý (sân), và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến, si). Do vậy ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc. "Nhưng, này bà-la-môn, một người xuất thân từ gia thế quý-tộc có thể kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói

lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm không ác-ý (vô sân), và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến, vô si). Do vậy ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc. “Ở đây, này bà-la-môn, (ii) một người rất đẹp … (iii) một người rất giàu có thể sát-sinh, gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến, si). Do vậy ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất đẹp … bởi người đó rất giàu. “Nhưng, này bà-la-môn, một người rất giàu … một người rất giàu có thể kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến, vô si). Do vậy ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó rất đẹp … người đó rất giàu.

9. “Này bà-la-môn, ta không nói tất cả nên được phục vụ, ta cũng không nói không ai cần được phục vụ. Bởi vì, nếu khi phục vụ một người, vì sự phục vụ đó niềm-tin của người đó, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của người đó gia tăng, thì ta nói người đó nên được phục vụ.”

10. (II) Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Esukārī đã nói với đức

Thế Tôn: “Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định bốn loại tài sản. Họ quy định tài sản của một bà-la-môn, tài sản của một quý-tộc, sự giàu-có của một thương-nông, và tài sản của một bần-lao hạ tiện. “Trong đó, Thầy Cồ-Đàm, (i) những bà-la-môn quy định tài sản của một bà-la-môn như vầy—là sự đi khất (khất thực, đi xin);904 một bà-la- môn khinh thường tài sản của mình, sự đi khất, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một bà-la-môn mà những bà-la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm, (ii) những bà-la-môn quy định tài sản của một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] là như vầy—là cung và (giỏ, ống đựng) tên; một quý-tộc khinh thường tài sản của mình, cung và tên, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một quý-tộc mà những bà-la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm, (iii) những bà- la-môn quy định tài sản của một người thương-nông là như vầy—là sự trồng trọt và chăn nuôi;905 một thương-nông khinh thường tài sản của mình, sự trồng trọt và chăn nuôi, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Thầy Cồ-Đàm, (iv) những bà-la-môn quy định tài sản của một bần-lao hạ tiện là như vầy—là cái liềm (để cắt cỏ, cắt lúa) và cây sào (để chăn vịt, chăn bò, hái trái cây …); một bần-lao hạ tiện khinh thường tài sản của mình, là cái liềm và cây sào, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một bần-lao hạ tiện mà những bà- la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?”

11. “Được rồi, này bà-la-môn, bộ cả thế gian đã giao quyền cho những bà-la-môn quy định bốn loại tài sản này sao?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-Đàm”—“Này bà-la-môn, giống như họ cắt một miếng thịt đưa cho một người nghèo, không một xu, bần cùng và ép anh ta phải ăn và trả tiền cho miếng thịt; cũng giống như vậy, chẳng được sự đồng ý của ai hay những tu sĩ và bà-la-môn nào, những bà-la-môn đó tự tác quy định bốn loại tài sản đó.

12. “Này bà-la-môn, ta tuyên bố Giáo Pháp thánh thiện siêu thế là tài sản của một người.906 Nhưng truy lại gia thế bên mẹ và bên cha, người đó được tính theo nơi nào người đó được tái sinh (được thụ thai, được sinh ra).907 Nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], người đó được tính là một quý-tộc; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc bà-la-môn, người đó được tính là một bà-la-môn; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc thương-nông, người đó được tính là một thương-nông; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc bần-lao hạ tiện, người đó được tính là một bần-lao hạ tiện. “Giống như lửa được tính theo điều-kiện (duyên) tùy thuộc vào đó nó cháy—khi lửa cháy tùy thuộc vào gỗ súc (thân cây), nó được tính là lửa gỗ súc; khi lửa cháy tùy thuộc vào lửa củi cành, nó được tính là lửa củi cành; khi lửa cháy tùy thuộc vào cỏ, nó được tính là lửa cỏ; khi lửa cháy tùy thuộc vào phân bò, nó được tính là lửa phân bò—cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ta tuyên bố Giáo Pháp thánh thiện siêu thế là tài sản của một người. Nhưng truy lại gia thế bên mẹ và bên cha, người đó được tính theo nơi nào người đó được tái sinh. Nếu người đó được tái sinh … trong một họ tộc bần-lao hạ tiện, người đó được tính là một bần-lao hạ tiện.

13. “Này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi gặp gỡ Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ sự sống không độc-thân (tức giữ giới độc-thân), kiêng cữ sự nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, và không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm ác-ý (vô sân), và nắm giữ quan-điểm sai lạc (chánh-kiến, vô si), thì người đó là người đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành. “Nếu ai từ một họ tộc bà-la-môn … họ tộc thương-nông … họ tộc bần- lao hạ tiện từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi gặp gỡ Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai,

người đó kiêng cữ sát-sinh … nắm giữ quan-điểm sai lạc (chánh-kiến, vô si), thì người đó là người đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành. “Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Bộ chỉ có một bà-là-môn mới có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền (quốc độ, xứ sở) này, không có hung-bạo và không ác-ý; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?” “Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], bà-la-môn, nông-thương hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền này, không hung-dữ và không ác-ý.” “Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [như mục 13 kế trên] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

14. “Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai

cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện thì không làm được như vậy hay sao?” “Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình.” “Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [như mục 13 kế trên] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

15. “Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Ví dụ một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu trên đầu], ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những sinh cảnh (gia thế, giai cấp) khác nhau … [giống nguyên mục 11 kinh MN 93 ở trên] … Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn,

có màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa.” “Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [như mục 13 kế trên] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

16. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Esukārī đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

97. KINH DHĀNAÑJĀNI (Dhānañjāni Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đang đi bộ ở khu Đồi Nam cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo. Rồi có một Tỳ kheo, sau khi đã trải qua kỳ an cư Mùa Mưa, đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất ở khu Đồi Nam, đến nơi thầy đó chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên, và thầy Xá- lợi-phất hỏi thầy đó: “Này đạo hữu, đức Thế Tôn có khỏe và mạnh không?” “Thưa đạo hữu, đức Thế Tôn khỏe và mạnh.” “Này đạo hữu, Tăng Đoàn có khỏe và mạnh không?” “Thưa đạo hữu, Tăng Đoàn cũng khỏe và mạnh.” “Này đạo hữu, bà-la-môn Dhānañjāni đang sống ở Cổng Thành Taṇḍu- lapāla có khỏe và mạnh không?” “Thưa đạo hữu, bà-la-môn Dhānañjāni cũng khỏe và mạnh.” “Này đạo hữu, ông ta có chuyên chú (tu tập) không?” “Thưa đạo hữu, làm sao ông ta có thể chuyên chú? Ông ta nhân danh nhà vua vơ vét của những gia chủ bà-la-môn và ông ta nhân danh những bà-la-môn vơ vét của nhà vua. Vợ ông ta, người có niềm-tin (vào Tam Bảo) và xuất thân từ một họ tộc có niềm-tin, đã chết và ông ta đã lấy vợ khác, một người không có niềm-tin và xuất thân từ một họ tộc không có niềm-tin.” “Này đạo hữu, đây là tin xấu chúng tôi nghe được. Thật là tin xấu khi nghe bà-la-môn Dhānañjāni đã trở thành lơ tâm phóng dật như vậy. Có lẽ

lúc nào đó chúng ta sẽ gặp bà-la-môn Dhānañjāni và nói chuyện với ông ta.”

3. Rồi, sau khi ở khu Đồi Nam một thời gian như mình đã định, thầy Xá-lợi-phất đã lên đường đi du hành về hướng Rājagaha. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng thầy ấy cũng đến Rājagaha, và ở đó thầy sống trong khu Rừng Tre, ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

4. Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Bấy giờ, lúc đó bà-la-môn Dhānañjāni đang vắt sữa bò trong một chuồng bò ở ngoại thành. Vậy là, sau khi đã đi khất thực trong thành Rājagaha, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ bà-la-môn Dhānañjāni. Bà- la-môn Dhānañjāni nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đang đến từ xa, ông ta ra gặp thầy và nói: “Thầy Xá-lợi-phất, hãy uống chút sữa tươi này cho đến giờ ăn trưa.” “Đủ rồi, này bà-la-môn, tôi đã ăn xong bữa ăn hôm này của tôi. Tôi sẽ ở dưới gốc cây kia để an trú qua ngày. Chú có thể đến đó.” “Dạ, thưa thầy”, ông đáp lại.

5. Và sau đó, sau khi đã ăn xong bữa trưa, Dhānañjāni đến chỗ thầy Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất hỏi ông: “Này Dhānañjāni, chú có chuyên chú (tu tập) không?” “Thầy Xá-lợi-phất, làm sao chúng tôi có thể chuyên chú cho được trong khi chúng tôi phải lo nuôi nấng cha mẹ, vợ con, và những người ở, những người hầu, và những người làm công; trong khi chúng tôi phải làm bổn phận của mình đối với những bạn bè và đồng nghiệp, đối với những người thân và họ hàng, đối với những khách khứa, đối với những ông bà tổ tiên đã mất, đối với những thiên thần, và đối với nhà vua; và trong khi thân này cũng cần phải được phục hồi và nuôi dưỡng?”

6. [1] “Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ví dụ ở đây có người hành xử

trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính vì (quyền lợi của) cha mẹ mình, và rồi do bởi hành vi như vậy những người cai ngục sẽ lôi người đó xuống địa ngục. Liệu người đó có khả năng [giải thoát bản thân bằng cách bào chữa như vầy:]: ‘Chính là vì cha mẹ tôi nên tôi mới hành xử trái với Giáo Pháp, nên tôi mới hành xử bất chính, vậy mong những vị cai ngục đừng lôi tôi xuống địa ngục’, hay không? Hoặc, liệu cha mẹ người đó có khả năng [giải thoát người đó bằng cách bào chữa như vầy]: ‘Chính là vì chúng tôi nên con trai mới hành xử trái với Giáo Pháp như vậy, chính vì chúng tôi nên con trai mới hành xử bất chính, mong những vị cai ngục đừng lôi con chúng tôi xuống địa ngục’, hay không?” “Dạ không được, thưa Thầy Xá-lợi-phất. Cho dù người đó có kêu khóc đến đâu, những cai ngục cũng quăng người đó xuống địa ngục.”

7. –15. “Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ví dụ ở đây có người hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính vì (quyền lợi của) vợ con mình … vì những người ở, những người hầu, và những người làm công … vì những bạn bè và đồng nghiệp … vì những người thân và họ hàng … vì những khách khứa … vì những ông bà tổ tiên đã mất … vì

những thiên thần … vì nhà vua … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình, và rồi do bởi hành vi như vậy những người cai ngục sẽ lôi người đó xuống địa ngục. Liệu người đó có khả năng [giải thoát bản thân bằng cách bào chữa như vầy:]: ‘Chính là vì vợ con tôi … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên tôi mới hành xử trái với Giáo Pháp, nên tôi mới hành xử bất chính, vậy mong những vị cai ngục đừng lôi tôi xuống địa ngục’, hay không? Hoặc, liệu những người khác có khả năng [giải thoát người đó bằng cách bào chữa như vầy]: ‘Chính là vợ con người đó … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên người đó mới hành xử trái với Giáo Pháp như vậy, chính vì vợ con người đó … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên người đó mới hành xử bất chính, mong những vị cai ngục đừng lôi người đó xuống địa ngục’, hay không?” “Dạ không được, thưa Thầy Xá-lợi-phất. Cho dù người đó có kêu khóc

đến đâu, những cai ngục cũng quăng người đó xuống địa ngục.”

16. [2] “Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ai là người tốt hơn, (i) người vì cha mẹ mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, hay (ii) người vì cha mẹ mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính?” “Thưa Thầy Xá-lợi-phất, (i) người vì cha mẹ mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, là không tốt hơn; (ii) người vì cha mẹ mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính, là tốt hơn. Hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi chân chính là tốt hơn hành vi trái với Giáo Pháp, hành vi bất chính.” “Này Dhānañjāni, có những loại công việc khác là có ích lợi và đúng theo Giáo Pháp, nhờ phương tiện đó một người có thể nuôi nấng cha mẹ mình và đồng thời vừa tránh bỏ sự làm ác, vừa thực hành công đức.

17.–25. “Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ai là người tốt hơn, (i) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, hay (ii) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính?”

26. “Thưa Thầy Xá-lợi-phất, (i) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, là không tốt hơn; (ii) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính, là tốt hơn. Hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi chân chính là tốt hơn hành vi trái với Giáo Pháp, hành vi bất chính.” “Này Dhānañjāni, có những loại công việc khác là có lợi ích và đúng theo Giáo Pháp, nhờ phương tiện đó một người có thể nuôi nấng cha mẹ mình và đồng thời vừa tránh bỏ sự làm ác, vừa thực hành công đức.”

27. Rồi bà-la-môn Dhānañjāni, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Xá-lợi-phất, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về.

28. Đến một dịp sau này bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết. Rồi ông nhờ một người: “Này người thân thiện, hãy nhân danh ta đến gặp đức

Thế Tôn, với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, bà-la-môn bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết; ông ta xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn.' Rồi, hãy nhân danh ta đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, bà-la-môn bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết; ông ta xin kính lễ thầy Xá-lợi-phất với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất.' Rồi hãy thưa thêm như vầy: 'Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, vì lòng bi mẫn.'" "Dạ, thưa ngài", người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn. Rồi anh ta đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và chuyển lạo lời nhắn, và thưa thêm: "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, vì lòng bi mẫn." Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

29. Rồi thầy Xá-lợi-phất mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, đến nơi ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với bà-la-môn Dhānañjāni: "Tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ."

30. "Thưa Thầy Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ. Giống như có một lực sĩ đang đâm chẻ đầu tôi ra bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu tôi bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu

tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ."

31. "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Cái nào là tốt hơn—địa ngục hay cõi súc sinh?"—"Cõi súc sinh, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—cõi súc sinh hay cõi hồn ma ngạ quỷ?"—"Cõi ngạ quỷ, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—cõi hồn ma ngạ quỷ hay cõi người?"—"Cõi người, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—con người hay những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương?"—"những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, thưa thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương hay những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi)?"—"những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba, thưa thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn— những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba hay những

thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma thiên)?”—“những thiên thần ở cõi trời Yāma, thưa Thầy Xá-lợi-phất.”—“Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Yāma hay những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất)?”—“những thiên thần ở cõi trời Tusita, thưa Thầy Xá-lợi-phất.”—“Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Tusita hay những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên)?”—“những thiên thần vui thích sáng tạo, thưa Thầy Xá-lợi-phất.”— “Cái nào là tốt hơn—những thiên thần vui thích sáng tạo hay những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên)?”—“những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác, thưa Thầy Xá-lợi-phất.”

32. “Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Cái nào là tốt hơn—những thiên

thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác hay (sự cộng trú trong) cõi trời Brahma (Phạm thiên)?”—“Thầy Xá-lợi-phất đã từng nói ‘cõi trời Brahma’, Thầy Xá-lợi-phất đã từng nói ‘cõi trời Brahma’.” Rồi thầy Xá-lợi-phất nghĩ: “Những bà-la-môn này đã hết lòng hướng tới cõi trời Brahma. Vậy ta chỉ chỉ dạy cho bà-la-môn Dhānañjāni này con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā?” [Và thầy nói:] “Này Dhānañjāni, tôi sẽ dạy cho chú con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”—“Dạ, thưa thầy”, ông đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

33. “Cái gì là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā? Ở đây, này Dhānañjāni: (i) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.

34. –35. “Lại nữa, này Dhānañjāni: (ii) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây cũng là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.”

36. “Vậy rồi, thưa Thầy Xá-lợi-phất, kính nhờ thầy nhân danh tôi đến kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa giùm: ‘Thưa Thế Tôn, bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần như chết; ông ấy xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế

Tôn.’” Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn (so với những sự chứng ngộ cao siêu hơn), thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm (cho ông bà-la-môn).908 Không lâu sau khi thầy Xá-lợi-phất đã đi, bà-la-môn Dhānañjāni đã chết và tái sinh trong cõi trời Brahma.

37. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm.”

38. Rồi thầy Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần như chết; ông ấy xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn.” “Này Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn, tại sao thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm?” “Thưa Thế Tôn, con đã nghĩ như vầy: ‘Những bà-la-môn này đã hết lòng hướng tới cõi trời Brahma. Vậy ta chỉ chỉ dạy cho bà-la-môn Dhānañjāni con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.’” “Này Xá-lợi-phất, bà-la-môn Dhānañjāni đã chết và đã tái sinh trong cõi trời Brahma.”909

98. KINH VĀSEṬṬHA (Vāseṭṭha Sutta)

1. [115] Tôi nghe như vầy.910 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Icchānangala, trong khu rừng gần Icchānangala.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số bà-la-môn nổi tiếng, khá giả đang ở Icchānangala, đó là, bà-la-môn Cankī, bà-la-môn Tārukkha, bà-la-môn Pokkharasāti, bà-la-môn Jāṇussoṇi, bà-la-môn Todeyya, và những bà-la- môn nổi tiếng, khá giả khác.

3. Lúc đó, trong lúc các môn sinh bà-la-môn là Vāseṭṭha Bhāradvāja đang đi dạo mát, sự thảo luận này đã khởi sinh giữa họ: “Theo cách nào một người là một bà-la-môn?” Môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja nói: “Khi một người được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tỳ vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp), thì người đó là một bà-la-môn.” Còn môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha nói: “Khi một người là đức hạnh (có giới-hạnh) và hoàn thiện những giới-cấm, thì người đó là một bà-la-môn.”

4. Nhưng bà-la-môn Bhāradvāja không thể thuyết phục môn sinh bà-la- môn Vāseṭṭha, hay môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha có thể thuyết phục môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja.

5. Rồi môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja: “Thưa ngài, sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích- Ca, là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, hiện đang sống ở Ic- chānangala, trong khu rừng gần Icchānangala. Giờ tin tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một bậc A-la- hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu- biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của

những thiên thần và loài người, bậc giác- ngộ, bậc thế tôn.’ Vậy thì, này Bhāradvāja, chúng ta hãy đến gặp sa-môn

Cồ-đàm để hỏi thầy đó về vấn đề này. Khi thầy đó trả lời, chúng ta sẽ ghi nhớ nó.”—“Được, thưa ngài”, môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja đáp lại.

6. Rồi hai môn sinh bà-la-môn, Vāseṭṭha và Bhāradvāja, đã đến gặp đức Thế Tôn và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ như vầy:

7. Vāseṭṭha nói:
1. “Người ta biết cả hai chúng tôi đều có được
Sự hiểu-biết chúng tôi tuyên bố về Ba Kinh Vệ-đà,
Và tôi là học trò của bà-la-môn Pokkharasāti
Và anh ta là học trò của bà-la-môn Tārukkha.
2. Chúng tôi đã đạt tới sự nắm vững đầy đủ
Về tất cả những điều những bậc chuyên sư Vệ-đà đã dạy;
Chúng tôi thiện thạo về triết học và văn phạm,
Chúng tôi sánh bằng các sư thầy của mình về tụng kinh chú. [117]
3. Một sự tranh chấp đã khởi sinh giữa chúng tôi, thưa thầy Cồ-đàm,
Liên quan đến sinh cảnh và giai cấp:
Bhāradvāja nói một người là một bà-la-môn do sinh cảnh gia thế,
Tôi thì cho rằng một người là bà-la-môn do hành-động.911
Này bậc Nhìn Thấy, hãy biết đây là sự tranh luận của chúng tôi.
4. Vì chúng tôi không thuyết phục được ai,
Hoặc có thể làm người kia nhìn thấy quan điểm của mình,
Nên, thưa thầy, chúng tôi đã đến đây để hỏi thầy,
Bởi thầy nổi tiếng khắp nơi là một vị Phật.
5. Như người ta ngửa bàn tay lên trời,
Hướng tới mặt trăng đang hết khuyết lại đầy,
Những người trong thế gian tôn kính thầy
Và đảnh lễ thầy, thưa thầy Cồ-Đàm.
6. Thầy Cồ-đàm, giờ chúng tôi hỏi thầy,

Là con mắt đã khởi sinh trong thế gian: Một người là bà-la-môn là tính theo hành-động, có đúng không? Hãy giảng giải cho chúng tôi là những người không biết Cách để chúng tôi nhận biết một bà-la-môn.”

8. Đức Phật nói:
7. “Này Vāseṭṭha, ta sẽ dạy cho các anh,

Những điều đúng như chúng thực là”, đức Thế Tôn nói,
“Về sự phân chia chủng loài của chúng sinh;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
8. Hãy biết: trước tiên là loài cây cỏ:
Cho dù chúng thiếu ý thức,
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh. [118]
9. Tiếp theo là loài bướm đêm và bướm ngày
Và tiếp theo loài kiến và mối:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
10. Rồi biết tới: những loài bốn chân
[Rất nhiều chủng loại] nhỏ nhút và to lớn:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
11. Rồi biết: những chủng loại có bụng là chân đi,
Cho đến loài rắn lanh lợi, lưng dài:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
12. Biết luôn: loài cá sống trong nước,
Đồng cỏ (để sinh sống) của chúng nằm dưới nước:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
476 • Chương 5

13. Biết tiếp: loài chim dùng cánh để tìm đường
Khi chúng bay sống giữa những trời không:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.
9.
14. “Trong khi trong những sinh loài có những sự khác biệt,
Làm nên những đặc điểm khác nhau giữa những loài,
Riêng trong loài người không có sự khác nhau về sinh cảnh,
Để làm nên những đặc điểm riêng giữa loài người.
15. Họ không khác nhau, đều có tóc có đầu
Cũng đều có tai có mắt
Cũng đều có miệng có mũi
Cũng đều có môi có lông mày;
16. Cũng không khác nhau, đều có vai có cổ
Cũng đều có bụng có lưng

Cũng đều có mông có ngực
Cũng đều có những bộ phận giới tính sinh dục;
17. Cũng không khác nhau, đều có ngón tay có móng tay
Cũng đều có đầu gối có bắp đùi
Cũng đều có màu da có giọng nói:
Ở đây sự sinh ra của họ không đặc điểm gì khác biệt,
Giống như những chủng loài khác có chủng loại khác nhau. [119]
18. Trong những thân thể của con người,
Không có gì khác biệt được tìm thấy.
Sự khác nhau giữa những con người
Chỉ là giọng nói mỗi người có khác.912
10. 19. “Giữa nhân loại ai mưu sinh,913 Bằng nghề nông thì được gọi là một nông dân,

Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
20. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề thủ công thì được gọi là một người thợ,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
21. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề buôn bán thì được gọi là một thương nhân,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
22. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng sự phục vụ người khác thì được gọi là một người phục vụ,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
23. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề trộm cướp thì được gọi là một kẻ trộm cướp,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
24. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng cung kiếm thì được gọi là một người lính,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.
25. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề cúng tế thì được gọi là một thầy tế,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

26. Ai cai trị dân chúng trong thị thành hay lãnh thổ
Thì được gọi là một người cai trị (quan, chúa, vua),
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
478 • Chương 5

Chứ không phải một bà-la-môn.

11.
27. “Ta không gọi ai là một bà-la-môn
Vì gia thế và dòng họ của người đó.
Nếu những chướng-ngại vẫn nằm ẩn tiềm trong người đó,
Người đó chỉ là người được người khác gọi là ‘Ngài’914
Chỉ ai không còn bị chướng-ngại và dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
28. Ai đã cắt bỏ hết những gông-cùm (kiết sử)
Và không còn bị lay chuyển bởi sự thống khổ,
Người đã chinh phục mọi sự trói-buộc, đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [120]
29. Ai đã cắt bỏ từng dây buộc và dây ách,
Cả những dây cương và dây thắng,
Đã gỡ bỏ thanh rào-cản, thành người giác-ngộ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
30. Ai nhẫn nhịn với sự nhục mạ, bạo lực, và sự trói buộc,
Mà không một chút hơi hướng của sân
Với sức mạnh của sự nhẫn-nhục đã được khéo chuẩn bị:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
31. Ai không bốc đồng tức giận,
Biết bổn phận, đức hạnh, và khiêm nhường,
Đã được điều phục, mang thân này cuối cùng:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
32. Ai như lá sen dưới trời mưa,
Hay hạt cải trên đầu mũi kim,
Không bao giờ dính một giây theo những dục-lạc:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
33. Ai ngay tại đây biết rõ trong tâm mình:
KINH VĀSEṬṬHA • 479

Mọi sự khổ đã tiêu diệt,
Đã đặt xuống gánh nặng, và đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
34. Ai có sự hiểu thâm sâu, có trí,

Có thể chỉ ra đạo từ vô đạo (phi tôn giáo)
Và đã đạt tới mục-tiêu tối thượng:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
35. Ai không còn liên lụy những người tại gia
Và cả những người xuất gia,
Là người du hành không nhà-cửa, không mong-cầu:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
36. Ai đã dẹp bỏ gậy gộc (vũ khí)
Để chống lại những chúng sinh mạnh và yếu,
Là người không giết hại hay xúi ai giết hại:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
37. Ai không bị đối kháng giữa những người đối nghịch,
Bình-an giữa những người hung bạo.
Là người không chấp-thủ giữa những người chấp-thủ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
38. Ai đã buông bỏ tất cả tham và sân,
Buông bỏ sự ngã-mạn và sự ngạo-mạn,
Như hạt cải trên đầu mũi kim:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [121]
39. Ai nói lời không gắt gỏng mà nhẹ nhàng,
Với đầy đủ nghĩa lý, luôn đúng sự thật,
Lời nói không làm buồn lòng ai:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
40. Ai trong thế gian không bao giờ gian-cắp,
Bất cứ thứ gì dù dài hay ngắn,

Dù nhỏ hay lớn, đẹp hay xấu:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
41. Ai ở bên-trong không còn những thèm-muốn
Đối với thế giới hiện tại hay thế giới tái sinh,
Là người sống không thèm-muốn và đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
42. Ai không còn sự mê-đắm
Không còn sự hoài-nghi bởi mình đã biết;
Là người đạt được chân đứng vững chắc trong sự Bất Tử:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
43. Ai đã thoát khỏi mọi sự trói-buộc đối với
Cả việc làm công đức lẫn việc làm xấu ác,
Trở thành vô-ưu, vô-nhiễm, và thanh-khiết:

Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
44. Ai thanh-khiết như vầng trăng không vết đốm,
Trong sáng và trong suốt, và ở bên-trong
Sự khoái-lạc và sự hiện-hữu đã được tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
45. Ai đã vượt qua đầm lầy
Vũng lầy, luân-hồi (saṁsāra), tất cả si-mê,
Người đã vượt qua bờ bên kia,
Và thiền trú bên trong những tầng thiền định (jhāna)
Không còn lay-động và không còn nghi-hoặc,
Đã đạt tới Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
46. Ai đã dẹp bỏ những dục-lạc,
Và lang thang du hành ở đây trong sự xuất-gia;
Với những dục-lạc và sự hiện-hữu đã tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

47. Cũng ai đã dẹp bỏ dục-ái,
Và lang thang du hành ở đây trong sự xuất-gia;
Với những dục-ái và sự hiện-hữu đã tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
48. Ai bỏ lại tất cả những ràng-buộc của cõi người,
Và đã buông bỏ những ràng-buộc với cõi trời,
Thoát-ly khỏi tất cả mọi ràng-buộc khắp nơi:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
49. Ai bỏ lại sự khoái-thích (tham) và sự bất-mãn (ưu),
Là người nguội mát và không còn chấp-thủ,
Là người hùng đã vượt thoát khỏi toàn thể thế gian:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [122]
50. Ai biết cách những chúng sinh qua đời
Và tái sinh theo nhiều kiểu khác nhau (thiên nhãn minh),
Là bậc buông-bỏ, siêu-phàm, và tỉnh-thức:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
51. Ai có nơi-đến không được biết bởi những thiên thần,
Bởi những thần linh, bởi con người,
Đó là bậc bậc A-la-hán đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận):
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
52. Ai hết thảy không còn sự cản-trở nào,
Ở trước, ở sau, hay ở giữa,

Là người không còn bị cản-trở và không còn dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
53. Người dẫn đàn, bậc anh hùng toàn thiện,
Bậc đại tiên-kiến (nhìn thấy) với chiến thắng đã dành được,
Bất lay-động, đã được thanh-tẩy, đã giác-ngộ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
54. Ai biết những cõi kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh)
482 • Chương 5

Và nhìn thấy những cõi trời và những cõi đày đọa,
Là người đã đạt tới sự chấm-dứt sự sinh:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.
55. “Vì tên tuổi và họ tộc dù được đặt cho ai,
Chỉ là những sự gán danh trong thế gian mà thôi;
Chỉ xuất phát từ những quy ước thế tục,
Những danh từ đó được đặt xưng khắp nơi.
56. Đối với ai không biết sự thực như vậy,
Thì tà-kiến khắc sâu đã từ lâu;
Do không biết, họ cứ tuyên bố với chúng ta:
‘Một người là một bà-la-môn do sinh cảnh gia thế.’
57. Không phải do sinh cảnh một người là bà-la-môn,
Cũng không do sinh cảnh một người không là bà-la-môn.
Thành một bà-la-môn là do hành-động,
Không thành một bà-la-môn là do hành-động.
58. Những ai gọi là nông dân là do việc họ làm915
Những ai là thợ thủ công do việc họ làm;
Những ai là thương nhân là do việc họ làm
Và những ai là người phục vụ cũng là do việc họ làm.
59. Và những ai gọi là những kẻ trộm cướp là do việc họ làm,
Và những ai là binh lính cũng là do việc họ làm;
Và những ai là thầy tế là do việc họ làm,
Và những ai là người cai quản cũng là do việc họ làm. [123]
60. “Do vậy đó là cách một bậc trí đích thực
Nhìn thấy hành-động đúng như nó thực là,
Là những bậc nhìn-thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi),
Họ thiện trí về nghiệp và những nghiệp quả.916
61. Nghiệp làm thế gian xoay vòng,
Nghiệp làm thế hệ này xoay chuyển.
KINH VĀSEṬṬHA • 483

Những chúng sinh đều dính kẹt bởi nghiệp Như bánh xe dính liền với trục xe. 62. Đời sống sa-môn, đời sống tâm linh, Sự tự-chủ và sự tu-tập nội tâm— Bằng cách này một người sẽ trở thành một bà-la-môn, Đây là trạng thái bà-la-môn tối thượng.917 63. Người có được ba loại trí (tam minh), Bình-an, với sự hiện-hữu đã tiêu diệt: Này Vāseṭṭha, hãy biết người đó như vậy, Như trời Brahmā (Phạm thiên) và trời Sakka (Đế-thích) hiểu rõ." 14. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ- Đàm ghi nhớ con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

99. KINH SUBHA (Subha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍi- ka).

2. Bấy giờ, vào lúc đó có môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của (bà- la-môn) Todeyya, đang đến tạm trú tại tư gia của một gia chủ ở Sāvatthī vì công việc hay lý do khác.918 Rồi môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã hỏi gia chủ của tư gia mà anh ta đang tạm trú: "Này gia chủ, tôi nghe rằng Sāvatthī không thiếu vắng những A-la-hán. Vậy có sa-môn hay bà-la-môn nào chúng ta có thể đến gặp hôm nay để bày tỏ sự tôn trọng của chúng ta?" "Thưa ngài, bậc Thế Tôn này đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài có thể đến gặp để bày tỏ sự tôn trọng đối với bậc Thế Tôn đó, thưa ngài."

3. Rồi, sau khi đã đồng ý với gia chủ, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn:

4. (1) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn nói rằng: 'Người tại gia [gia chủ] đang thành tựu con đường đích thực, đó là Giáo Pháp thiện lành. Còn người đã xuất gia [để sống đời xuất gia tu hành] không phải đang thành tựu con đường đích thực, đó là Giáo Pháp thiện lành.' Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?" "Này môn sinh, ta nói về điều này sau khi đã làm sự phân tích;919 ta không nói về điều này chỉ theo một chiều. Ta không đề cao con đường tu tập sai trái (tà đạo) cho dù của người tại gia hay của người tại gia; vì cho dù là người tại gia hay xuất gia, người đã bước vào con đường tu tập sai

trái thì không thành tựu con đường đích thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành, bởi do con đường tu tập của người đó là sai trái. Ta đề cao con đường tu tập đúng đắn (chánh đạo) cho dù của người tại gia hay của người tại gia; vì cho dù là người tại gia hay xuất gia, người đã bước vào con đường tu tập đúng đắn thì sẽ thành tựu con đường đích thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành, bởi nhờ con đường tu tập của người đó là đúng đắn."

5. (2) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn nói rằng: 'Vì công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, nên nó thuộc

quả lớn. Vì công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, nên nó thuộc quả nhỏ.' Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?" "Lại nữa, này môn sinh, ta nói về điều này sau khi đã làm sự phân tích; ta không nói về điều này chỉ theo một chiều. (i) Có công việc dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, khi thất bại nó có kết quả nhỏ. (ii) Có công việc dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, khi thành công nó có kết quả lớn. (iii) Có công việc dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, khi thất bại nó có kết quả nhỏ. (iv) Có công việc dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, khi thành công nó có kết quả lớn.

6. "Này môn sinh, (i) cái gì là công việc dính líu nhiều hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ? Nghề nông là công việc như vậy dính líu nhiều hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ. Và, này môn sinh, (ii) cái gì là công việc dính líu nhiều hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn? Cũng nghề nông là công việc như vậy dính líu nhiều hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn. Và, này môn sinh, (iii) cái gì là công việc dính líu ít hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ? Nghề thương mại là công việc như vậy dính líu ít hoạt động … khi thất bại có kết quả nhỏ.920 Và, này môn sinh, (iv) cái gì là công việc dính líu ít hoạt động …

khi thành công nó có kết quả lớn? Nghề thương mại là công việc như vậy dính líu ít hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn.

7. "Này môn sinh, (i) cũng giống như nghề nông là công việc dính líu nhiều hoạt động … nhưng có kết quả nhỏ khi nó thất bại, công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động … nhưng có kết quả nhỏ khi nó thất bại. (ii) Cũng giống như nghề nông là công việc dính líu nhiều hoạt động … và có kết quả lớn khi nó thành công, công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động … và có kết quả lớn khi nó thành công. (iii) Cũng giống như nghề thương mại là công việc dính líu ít hoạt động … và có kết quả nhỏ khi nó thất bại, công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động … và có kết quả nhỏ khi nó thất bại. (ii) Cũng giống như nghề thương mại là công việc dính líu ít hoạt động … nhưng có kết quả lớn khi nó thành công, công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động … nhưng có kết quả lớn khi nó thành công."

8. (3) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định năm điều để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành." "Này môn sinh, nếu không rắc rối gì cho anh, hãy nói ra cho hội chúng này biết năm điều những bà-la-môn quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành." "Thầy Cồ-Đàm, không rắc rối gì cho tôi khi các vị ở đây, cũng như chính Thầy, và những người khác đang ngồi [trong hội chúng này]." "Vậy hãy kể ra năm điều đó, này môn sinh."

9. "Thầy Cồ-Đàm, sự-thật là điều thứ nhất mà những bà-la-môn đã quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành. Điều thứ hai là sự sống đời sa-môn (đời sống tu hành, đời sống sa-môn, phạm hạnh) … Điều thứ ba là sự sống độc-thân … Điều thứ tư là

sự học-hiểu … Điều thứ năm là sự bố-thí mà những bà-la-môn đã quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành. Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?" "Được rồi, này môn sinh:921 trong số những bà-la-môn có một bà-la-

môn nào nói như vầy: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"— "Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." "Rồi sao, này môn sinh: vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một thầy nào, hoặc một vị thầy (sư phụ, sư ông) của một thầy nào nói như vầy: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." "Rồi sao, này môn sinh: những ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú đó, những người soạn ra các bài kinh chú đó, những bài kinh chú của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục đọc tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà-la- môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yama- taggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—những ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó có bao giờ nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." "Như vậy thì, này môn sinh, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một bà-la-môn nào nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' – Và trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một thầy nào, hoặc một vị thầy của một thầy nào trong bảy thế hệ thầy đã từng nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' – Và những nhà ẩn sĩ bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú, những người soạn ra những bài kinh chú … thậm chí những nhà ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó cũng không nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' Ví như một hàng người mù đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn

thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này môn sinh, về câu khẳng định nhất nhất đó của họ, dường như những bà-la-môn cũng giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy."

10. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã giận và bất đồng với ví dụ một hàng người mù, và anh ta đã chửi rủa, chê bai, và chỉ trích đức Thế Tôn, anh ta nói: "Sa-môn Cồ- đàm sẽ bị tệ hại." (4) Rồi anh ta nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Pokkharasāti của họ tộc Upamaññā, là ông chủ của Khu Vườn Subhaga, tuyên bố rằng:922 'Có những sa-môn và bà-la-môn ở đây tuyên bố những trạng thái siêu nhân, những sự khác-biệt về sự-thấy và sự-biết xứng đáng của

những bậc thánh. Nhưng những điều họ nói hóa ra là đáng cười; nó hóa ra chỉ là lời nói, rỗng tuếch và trống không. Bởi vì làm sao một chúng sinh con người có thể biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân nào, một sự khác-biệt về sự-thấy và sự-biết nào (gọi là) xứng đáng của những bậc thánh? Điều đó là không thể.'"

11. "Vậy thì, này môn sinh, làm sao bà-la-môn Pokkharasāti hiểu được những tâm của tất cả những sa-môn và bà-la-môn đó, sau khi đã dùng tâm mình bao trùm tâm của họ?" "Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Pokkharasāti thậm chí còn không hiểu được tâm của cô nữ tỳ Puṇṇikā của ngài ấy, sau khi lấy tâm mình bao trùm tâm cô ấy, vậy làm sao ngài ấy có thể hiểu được những tâm của tất cả những sa-môn và bà-la-môn đó, sau khi đã dùng tâm mình bao trùm tâm của họ?"

12. "Này môn sinh, ví dụ có một người mù bẩm sinh không thể nhìn thấy những hình-sắc tối hay sáng; không thể nhìn thấy màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng; không thể nhìn thấy chỗ bằng phẳng hay chỗ không bằng phẳng; không thể nhìn thấy những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng. Người đó có thể nói như vầy: 'Không có những hình-sắc tối

hay sáng; không có màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng, và không ai nhìn thấy những hình-sắc màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng; không có thứ gì bằng phẳng hay không bằng phẳng, và không ai nhìn thấy thứ gì bằng phẳng hay không bằng phẳng; không có những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng, và không ai nhìn thấy những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng. Tôi không biết những thứ này, tôi không nhìn thấy những thứ này, do vậy suy ra những thứ này không có mặt.' Này môn sinh, khi nói như vậy là người mù đó nói một cách đúng hay không?" "Không, Thầy Cồ-Đàm. Có những hình-sắc tối và sáng, và có những người nhìn thấy những hình-sắc tối và sáng … có những vì sao, mặt trời, và mặt trăng, và có những người nhìn thấy những vì sao, mặt trời, và mặt trăng. Nếu nói 'Tôi không biết những thứ này, tôi không nhìn thấy những thứ này, do vậy suy ra những thứ này không có mặt' là người đó nói một cách không đúng."

13. "Cũng giống như vậy, này môn sinh, bà-la-môn Pokkharasāti là mù quáng và không có sự-thấy. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh—thì điều đó là không thể. Này môn sinh, anh nghĩ sao? Đối với những bà-la-môn khá giả ở Kosala như bà-la-môn Can- kī, bà-la-môn Tārukkha, bà-la-môn Pokkharasāti, bà-la-môn Jāṇussoṇi, hay cha của anh, bà-la-môn Todeyya—cái nào là tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định hợp với sự chấp nhận [quy ước, lẽ thường, sự nhìn nhận] của thế tục hay trái với sự chấp nhận của thế tục?"—"Những điều họ khẳng định hợp với sự chấp nhận của thế tục là tốt hơn, Thầy Cồ- Đàm" "Cái nào tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định là có suy nghĩ hay thiếu suy nghĩ?"—"Những điều khẳng định có suy nghĩ là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm"—"Cái nào tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định là sau khi suy xét hay không có suy xét?"—"Những điều khẳng định sau khi có suy xét là tốt hơn,

Thầy Cồ-Đàm”—“Cái nào là tốt hơn đối với họ:

những điều họ khẳng định là có ích lợi hay không ích lợi?”—“Những điều khẳng định có ích lợi là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm”.

14. “Này môn sinh, anh nghĩ sao? Nếu đã là như vậy, thì liệu điều khẳng định được nói bởi bà-la-môn Pokkharasāti có hợp với sự chấp nhận của thế tục hay trái với sự chấp nhận của thế tục?”—“Nó trái với sự chấp nhận của thế tục, Thầy Cồ-Đàm”—“Điều khẳng định đó được nói ra có suy nghĩ hay thiếu suy nghĩ?”—“Thiếu suy nghĩ, Thầy Cồ-Đàm”—“ Điều khẳng định đó được nói ra sau khi suy xét hay không có suy xét?”—“Không có suy xét, Thầy Cồ-Đàm”—“ Điều khẳng định đó được nói ra là có ích lợi hay không ích lợi?”—“Không ích lợi, Thầy Cồ-Đàm”.

15. “Bây giờ, này môn sinh, có năm chướng-ngại (ngũ cái). Năm đó là gì? Chướng ngại là tham-dục, chướng ngại là sự ác-ý, chướng ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc, và chướng ngại là sự nghi-ngờ. Đây là năm chướng-ngại. Bà-la-môn Pokkharasāti là bị cản trở, bị ngăn trở, bị ngăn cản và bị bao che bởi năm chướng-ngại này. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh— thì điều đó là không thể.

16. “Bây giờ, này môn sinh, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. Bà-la-môn Pokkharasāti bị trói buộc bởi năm dây khoái-lạc giác quan này, bị say mê với chúng và hoàn toàn dính theo chúng; ông ta thụ hưởng chúng mà không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng

thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh—thì điều đó là không thể.

17. “Anh nghĩ sao, này môn sinh? Trong hai loại lửa, loại nào có ngọn lửa, màu lửa, và sự phát sáng [tốt hơn]—loại lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ hoặc củi, hay loại lửa cháy không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi?” “Thầy Cồ-Đàm, nếu có thể có lửa cháy không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, thì loại lửa đó sẽ có ngọn lửa, màu lửa, và sự phát sáng [tốt hơn]” “Điều đó là không thể có, này môn sinh, không thể xảy ra loại lửa nào có thể cháy mà không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, ngoại trừ nhờ [sự vận dụng] thần thông. Giống như lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ

và củi, ta nói, rằng sự hoan-hỷ cháy tùy thuộc vào những khoái-lạc giác quan (dục lạc sinh hỷ). Giống như lửa cháy không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, ta nói, rằng sự hoan-hỷ (có được) từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện (ly dục lạc sinh hỷ). Và, này môn sinh, cái gì là sự hoan-hỷ (có được) từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện? Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Đây là loại sự hoan-hỷ có được từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện. (ii) 'Lại nữa: Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Đây cũng là loại sự hoan-hỷ (hỷ) có được từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện.

18. (5) "Này môn sinh, trong năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, điều nào họ quy định là nhiều phước quả nhất để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành?" "Thầy Cồ-Đàm, trong năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, họ quy định sự bố-thí là nhiều phước quả nhất để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành."

19. "Này môn sinh, anh nghĩ sao? Ở đây, một bà-la-môn có thể tổ chức lễ cúng tế lớn, và hai bà-la-môn khác đến đó họ nghĩ sẽ tham sự lễ cúng tế lớn đó. Một trong hai bà-la-môn đó có thể nghĩ: 'Ôi, ước gì ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, thức ăn cúng dường ngon nhất trong phòng ăn; rằng không bà-la-môn nào khác có được những thứ tốt nhất đó!' Và có thể bà-la-môn còn lại, không phải bà-la-môn đã ước, lại có được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, thức ăn cúng dường ngon nhất trong phòng ăn. Sau khi nghĩ về điều này, bà-la-môn đã ước có thể tức giận và bất đồng. Vậy những bà-la-môn sẽ quy định loại phước quả gì cho sự cúng tế này này?" "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn không bố thí những thứ theo cách như vậy và nghĩ 'Cứ để cho những người khác tức giận và bất đồng vì sự cúng tế này.' Thay vì vậy, những bà-la-môn bố thí mọi thứ vì động cơ của lòng bi-mẫn." "Nếu đã là vậy, này môn sinh, đây có phải cơ sở thứ sáu để làm việc công đức, đó là, động cơ của lòng bi-mẫn?"923 "Đúng là vậy, Thầy Cồ-Đàm, đó là cơ sở thứ sáu để làm việc công đức, đó là, động cơ của lòng bi-mẫn.

20. "Này môn sinh, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành—anh thường thấy năm điều đó trong số những người tại gia hay những người xuất gia?" "Thầy Cồ-Đàm, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện

việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, tôi thường thấy trong số những người xuất gia, ít thấy trong số những người tại gia. Bởi vì một người tại gia có nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách: cho nên người đó không luôn luôn và thường xuyên nói sự-thật, tu tập đời sống sa-môn, giữ giới độc-thân, tham gia học-hiểu, hay tham gia việc bố-thí. Nhưng một người xuất gia thì có ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách: cho nên người đó luôn luôn và thường xuyên nói sự-thật, tu tập đời sống sa-môn, giữ giới độc-thân, tham gia học-hiểu, hay tham gia việc bố-thí. Như vậy năm điều mà những bà- la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, tôi thường thấy trong số những người xuất gia, ít thấy trong số những người tại gia."

21. "Này môn sinh, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, ta gọi là 'công cụ của cái tâm', tức là, dùng để tu tập một cái tâm không hung-dữ và không ác-ý. Ở đây, này môn sinh, một Tỳ kheo là một người nói sự-thật. Do nghĩ rằng 'Ta là người nói sự-thật' nên người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý- nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được sự hoan-hỷ (hỷ) nối kết (câu hỷ) với Giáo Pháp. Chính sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp ta gọi là một 'công cụ của cái tâm'. "Ở đây, này môn sinh, một bà-la-môn là một (người sống đời sống) sa- môn … một người sống độc-thân … một người tham gia học-hiểu … một người tham gia việc bố-thí. Do nghĩ rằng 'Ta là một người tham gia việc bố-thí' nên người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp. Chính sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp ta gọi là một 'công cụ của cái tâm'. Như vậy năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành ta gọi là 'công cụ của cái tâm', tức là, dùng để tu tập một cái tâm không hung-dữ và không ác-ý."

22. (6) Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con

trai của Todeyya, đã nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ-Đàm biết rõ con-đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brāhma (Phạm thiên)." "Này môn sinh, anh nghĩ sao? Làng Naḷakāra ở gần đây hay cách xa?" "Thưa ngài, làng Naḷakāra ở gần đây, không cách xa đây lắm." "Này môn sinh, anh nghĩ sao? Giả sử có một người được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và khi anh ta mới đi ra khỏi làng Naḷakāra gặp người ta hỏi anh ta đường đi vô làng. Liệu anh ta có ngập ngừng hay phân vân khi trả lời hay không?" "Thưa không, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì anh ta được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và đã quen thuộc với mọi đường đi vô làng." "Nhưng, thật ra cũng có thể có người tuy được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra vẫn trả lời ngập ngừng và phân vân khi được hỏi về đường đi vô làng; nhưng một bậc Như Lai, khi được hỏi về cõi trời Brahmā (Phạm thiên giới) hay con-đường dẫn tới cõi trời Brahmā, thì sẽ không bao giờ ngập ngừng hay phân vân khi trả lời. Ta biết rõ vua trời Brāhma, và ta biết rõ cõi trời Brahmā, và ta biết rõ con-đường dẫn tới cõi

trời Brahmā, và ta biết rõ cách một người nên tu tập để được tái sinh trong cõi trời Brahmā.”924

23. “Thầy Cồ-Đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy con- đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brahmā. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-Đàm chỉ dạy cho tôi con-đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.” “Vậy thì, này môn sinh, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói” “Dạ, thưa Thầy”, anh ta đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

24. “Này môn sinh, cái gì là con-đường dẫn tới sự tái sinh trong cõi trời Brāhma? Ở đây, (i) một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai,

phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa.925 Đây là con-đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma.

25.–27. (ii) “Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) sự buông- xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông- xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây cũng là con-đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma.” 28. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn

trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời. 29. “Và giờ, thưa Thầy Cồ-Đàm, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc để làm.” “Này môn sinh, anh cứ tùy tiện mà đi.” Rồi môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về. 30. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇi đang lái ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa trên một chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa cái màu trắng.926 Ông ta nhìn thấy môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đang đến từ xa và hỏi anh ta: “Thầy Bhāradvāja đi về từ đâu vào lúc giữa trưa vậy?” “Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp sa-môn Cồ-Đàm.” “Thầy Bhāradvāja nghĩ gì về sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ- Đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?” “Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với bậc ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của bậc ấy.” “Thầy Bhāradvāja đang khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm với lời khen ngợi cao nhất đó.” “Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm? Sa-môn Cồ-Đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người. Thưa ngài, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, sa-môn Cồ- đàm gọi là ‘công cụ của cái tâm’, tức là, dùng để tu tập một cái tâm không

hung-dữ và không ác ý. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi cỗ xe màu trắng được kéo bởi những con ngựa cái trắng, và sau khi xếp lại phần y áo trên một vai, ông chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn đang ở và thốt ra lời cảm hứng này: “Đó là ích lợi cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, đó là ích lợi lớn lao cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, rằng Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đang sống trong lãnh thổ của nhà vua.”

100. KINH SANGĀRAVA (Sangārava Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một nữ bà-la-môn tên Dhānañjānī đang ở Caṇḍalakappa, có đầy đủ niềm-tin vào Phật, Pháp, và Tăng.927 Có một lần cô bị vấp ngã, và [khi đang lấy lại thăng bằng] đã thốt lên ba lần: “Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!”

3. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn Sangārava đang ở Caṇḍalakappa. Anh ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của

một bậc Vĩ Nhân. Sau khi nghe nữ bà-la-môn Dhānañjānī thốt ra những lời đó, anh ta nói với cô: “Nữ bà-la-môn này thật là đáng nhục và suy đồi, vì trong khi đang có những bà-la-môn ở xung quanh mà bà lại ca ngợi một sa-môn đầu trọc như vậy.” [Cô đáp lại:] “Này ngài thân mến, ngài không biết đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn đâu. Nếu ngài mà biết đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn, ngài sẽ không bao giờ nghĩ đến việc nhục mạ và phỉ báng bậc ấy.” “Được rồi, này quý bà, hãy báo tôi biết khi nào sa-môn Cồ-đàm đến Caṇḍalakappa.” “Được rồi, ngài thân mến”, nữ bà-la-môn Dhānañjāni đáp lại.

4. Rồi, sau khi đã đi thành nhiều chặng trong xứ Kosala, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Caṇḍalakappa. Ở Caṇḍalakappa đức Thế Tôn trú

trong khu Vườn Xoài thuộc những bà-la-môn của họ tộc Todeyya.

5. Nữ bà-la-môn Dhānañjānī nghe đức Thế Tôn đã đến, cô đến gặp môn sinh bà-la-môn Sangārava và nói với anh ta: “Này ngài thân mến, đức Thế Tôn đã đến Caṇḍalakappa và ở Caṇḍalakappa bậc ấy đang trú trong khu Vườn Xoài của những bà-la-môn thuộc họ tộc Todeyya. Ngài thân mến, giờ ngài có thể tùy tiện đến đó.” “Được, thưa bà”, anh ta đáp lại. Rồi anh ta đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói:

6. “Thầy Cồ-Đàm, có một số sa-môn và bà-la-môn tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].928 Thầy Cồ-Đàm đứng ở đâu trong số những sa-môn và bà-la-môn đó?”

7. “Này Bhāradvāja, ta nói rằng, có sự khác-nhau (nhiều dạng, nhiều hạng) trong số những sa-môn và bà-la-môn như vậy là những người đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này. (i) Có những sa-môn và bà-la-môn là những người theo truyền-thống, họ chỉ dựa trên sự truyền-thừa bằng miệng để tuyên bố [chỉ dạy] những nền- tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn- thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này; chẳng hạn như những bà-la-môn theo Ba Kinh Vệ-đà. (ii) Có những sa-môn và bà-la-môn là những người hoàn toàn dựa trên đức-tin để tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này; chẳng hạn như những người lý- giải và những người điều-tra tìm hiểu.929 (iii) Có những sa-môn và bà-la- môn là những người, sau khi đã tự mình trực-tiếp biết Giáo Pháp930 trong số ‘những điều chưa từng được nghe trước đó’, đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và

sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này.

8. “Này Bhāradvāja, ta là một trong những sa-môn và bà-la-môn (thứ ba) đó, là những người, sau khi đã tự mình trực-tiếp biết Giáo Pháp trong số ‘những điều chưa từng được nghe trước đó’, đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này.

9. “Ở đây, này Bhāradvāja, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ- tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta đã suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia là rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt đời sống tâm linh cho được hoàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được tẩy sạch. Hay ta cạo bỏ râu tóc, mặc y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’

10.–13. “Sau đó, này Bhāradvāja, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời … [Tiếp tục nội dung giống kinh MN 26 (Quyển 1), mục 14–17] … Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: ‘Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.’

14.–30. (i) “Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó … [Tiếp tục giống kinh MN 36 (Quyển 1), mục 17–33. Còn trong kinh MN 100 này thì mục 17-22 là tương ứng giống với mục 20–25 của kinh MN 36—chỉ khác là không có câu “Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.”] … Nhưng khi thấy ta ăn cơm và cháo, năm vị tu sĩ đó đã khinh khi và rời bỏ ta, trong đầu họ nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-Đàm giờ sống theo kiểu thụ hưởng; ông ấy đã từ bỏ sự chuyên-cần tu (tu khổ hạnh) và quay lại sống hưởng thụ.’

31.–41. “Lúc đó sau khi ta đã ăn lại thức ăn chắc bụng và đã lấy lại sức; rồi sau đó ta: (i) “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [Tiếp tục giống kinh MN 36 (Quyển 1),

mục 34–44. Nhưng trong kinh MN 100 này mục 36, 38, và 41 là tương ứng giống với mục 39, 41, và 44 của kinh MN 36—chỉ khác là không có câu “Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.”] … Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

42. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sangārava đã nói với đức Thế Tôn: “Sự chuyên-cần tu (tinh cần) của Thầy Cồ-Đàm thật là trung kiên, sự chuyên-cần tu của Thầy Cồ-Đàm là sự chuyên-cần tu của một chân nhân, vì (sự chuyên-cần tu) đó ắt hẳn là của một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, có những thiên thần hay không?” “Này Bhāradvāja, theo như ta biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần.” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao, khi ngài được hỏi ‘Có những thiên thần hay không?’, ngài trả lời ‘Này Bhāradvāja, theo như ta biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần’. Nếu nói như vậy, chẳng lẽ điều ngài nói là sáo rỗng và sai dối hay sao?”931 “Này Bhāradvāja, khi một người được hỏi ‘Có những thiên thần

hay không?', người đó trả lời 'Có những thiên thần' hay 'Theo như tôi biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần', thì một người có trí có thể rút ra kết luận chắc chắn (nhất định) rằng có những thiên thần." "Nhưng tại sao Thầy Cồ-Đàm không trả lời tôi luôn bằng cách thứ nhất (Có những thiên thần)?" "Này Bhāradvāja, điều đó đã được chấp nhận khắp thế gian rằng có những thiên thần." Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sangārava đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa

Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

HẾT QUYỂN 2

BẢNG VIẾT TẮT (trong phần CHÚ THÍCH)

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) BBS = Burmese-script Buddhasāsana Samiti: Ấn bản Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo bằng tiếng Miến Điện BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) Cv = Cūḷavagga: phần Tiểu Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Dhp = Dhammapada: tập kinh Pháp Cú ∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) Jāt hay Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Kh = Khandhaka: bộ Hợp Phần (bộ thứ hai thuộc Luật Tạng) MA = Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā: Luận Giảng Trung Kinh Bộ (Hầu hết những chú-giải trong bản dịch này là của MA). Miln = Milindapañha: tập Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) MLS = Middle Length Sayings: Bộ Kinh Trung bản dịch của Horner. ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Trung Ms: bản dịch Bộ Kinh Trung bằng chữ viết tay của nhà sư Ñāṇamoli MṬ = Majjhima Nikāya Ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh Trung Mv = Mahāvagga: phần Đại Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Ñm = Bhikkhu Ñāṇamoli: người dịch Bộ Kinh Trung với bản thảo Ms nói trên Pāc = Pācittiya: phần Ưng Đối Trị (phần thứ nhất, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng) Pār = Pārājika: phần Bất Cộng Trụ (phần thứ hai, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng)

PED = Pali-English Dictionary: Tự Điển Pali-Anh (của PTS) PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali Pṭs = Paṭisambhidāmagga: bộ Phân Tích Đạo (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) Pug = Puggalapaññatti: bộ Nhân Chế Định (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) SBJ = Sinhala-script Buddha Jayanti Tripitaka Series: phiên bản Trung Kinh Bộ bằng tiếng

Tích Lan * SN = Saṁyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên-Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Sutta Nipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Thag = Theragāthā: Trưởng Lão Kệ (thuộc KN) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập kinh Ud Vbh = Vibhanga: bộ Phân Tích (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) Vin = Vinaya Piṭaka: Luật Tạng Vsm = Visuddhimagga: Thanh Tịnh Đạo

PHẦN CHÚ THÍCH

Kinh 51: 538 [Từ sự khác nhau về cách chào Đức Phật cho thấy Pessa là một đệ tử của Phật, trong khi đó du sĩ Kandaraka là thuộc giáo phái khác—cho dù ông ta có sự tôn trọng và sự khâm phục.] (538) 539 [MA: Vì sự kính trọng đối với Phật và nhờ sự tu học họ đã có được, các Tỳ kheo không nói chuyện lẫn nhau lúc này, thậm chí không tằng hắng. Thân họ bất động, tâm thì không bị xao lãng, họ ngồi xung quanh đức Thế Tôn như đám mây hồng bao quanh Núi Tu-di (Sineru). Lúc này Kandaraka chắc hẳn đang so sánh hội chúng các Tỳ kheo với các hội chúng của những du sĩ, như đã từng được mô tả trong kinh MN 76.4.] (539) 540 [MA giải thích rằng Kandaraka không có sự trực-tiếp biết về những vị Phật trong quá khứ và tương lai. Nhưng ông ta nói ra câu này để thể hiện sự khâm phục đối với đoàn tăng các Tỳ kheo ở đó đã được tu học tốt, có kỷ luật, và tĩnh lặng như vậy. Tuy nhiên Đức Phật vẫn xác nhận điều ông đã nói trên cơ sở như đó là sự trực-tiếp biết của ông.] (540) 541 [MA diễn dịch: Bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) đã được đưa vào đây để chỉ ra cái nguyên-nhân làm nên thái độ tĩnh lặng và bình lặng của đoàn tăng ở đó. Về bốn nền tảng chánh-niệm, mời đọc lại kinh MN 10 ở PHẦN 1 của bộ kinh.] (541) 542 [MA giải nghĩa là: “Chúng con cũng vậy, những lúc chúng con có cơ hội, chúng con cũng chú tâm tới (pháp tu) này; chúng con cũng là những người thực hành; chúng con không bỏ lơ hết toàn bộ việc thiền tập.”] (542) 543 [Luận điểm của câu này là: sự xạo lừa và mưu mẹo của động vật chỉ là ít ỏi vài trò, nhưng của nhân loại thì vô cùng và đa dạng.] (543) 544 [MA giải thích đoạn này được đưa vào như phần tiếp-theo của lời tuyên bố của Pessa rằng đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của những chúng sinh; vì Phật đang chỉ ra 03 loại người đầu tiên thực hành những cách nguy-hại, trong khi loại thứ tư thực hành cách có ích-lợi. Đoạn này cũng có

thể được kết nối với lời khen ngợi của du sĩ Kandaraka về Tăng Đoàn và về “một-cách giống nhau” mà tất cả những vị Phật trong quá khứ, hiện tại, và tương lai huấn luyện những Tăng Đoàn của họ.] (544) 545 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Sukhapaṭisaṁvedī brahmabhūtena attanā. MA: Người đó trải nghiệm niềm chân-phúc của những tầng thiền định (jhāna), những thánh đạo, những thánh quả, và Niết-bàn.

- Chữ “Brahma”, nghĩa gốc là Trời Brahma, thuộc cõi trời, phạm trú, nhưng ở đây nên được hiểu là thánh thiêng hay thiêng liêng hay siêu xuất (seṭṭha). Ở đây chữ này có thể là đã mượn ý trong Áo Nghĩa Thư (Upanishad) cho rằng những bà-la-môn có tự-ngã sẽ nhập vào đại ngã (ātman) thiêng liêng của Trời Brahma lớn.] (545) 546 [MA giải thích: Pessa có lẽ ra đã chứng được thánh quả Nhập-lưu nếu anh ta không đứng dậy hỏi chỗ

ngồi và đi về trước khi Phật hoàn tất bài thuyết giảng. Những ích-lợi anh ta nhận được gồm 02 thứ: (i) anh ta đạt được niềm- tin vào Tăng Đoàn, và (ii) anh ta đã phát khởi một phương pháp mới để thấu hiểu bốn nền tảng chánh-niệm.] (546) 547 [Đoạn này (mục 8 này) liệt kê chi tiết về những sự hành xác khổ hạnh đã được thực hành bởi những người cùng thời với Phật lúc đó, và cũng như bởi bản thân Phật lúc còn là một Bồ-tát vào thời tu khổ hạnh trước khi giác-ngộ, giống như đã được mô tả trong kinh MN 12.45.] (547) 548 [Đoạn này (mục 10) chỉ ra sự thực hành của người hành xác bản thân với hy vọng đạt được công đức và tổ chức việc cúng tế liên quan tới việc tàn sát nhiều thú vật (để hiến tế) và áp bức những người làm công (làm những việc sát sinh đó).] (548) 549 [Đây là một A-la-hán. Để chỉ ra rõ rằng người đó không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, tiếp theo Đức Phật đã mô tả con đường thực hành nhờ đó người tu đạt tới thánh quả A-la-hán.]

(Lưu ý: Kế tiếp là (a) từ mục 12-19 là tương ứng giống hệt như mục 11-18 của kinh MN 27; và (b) từ mục 20 (1)-27 (8) là tương ứng giống hệt những đoạn thứ nhất của các mục 19 (1)-26 (8) của kinh MN 27 ở PHẦN 1 của bộ kinh MN này). (549)

Phần Chú Thích • 509

Kinh 52 550 [Tất cả những cụm chữ này là mô tả về một A-la-hán.] (550) 551 [Nguyên văn cụm chữ này: abhisankhataṁ abhisancetayitaṁ. Hai tính ngữ này (là có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý) thường xuyên được dùng một cách kết nối nhau để chỉ một trạng thái có điều-kiện trong đó sự cố- ý (tư; cetanā) là yếu tố điều-kiện nổi trội nhất (tức do cố-ý tạo tác mà có, nên đó là trạng thái có điều-kiện (hữu vi)).] (551) 552 [Đoạn này giảng giải một phương pháp để tu tập "minh-sát tuệ có sự định- tâm dẫn trước" (samathapubbangamā vipassanā; coi thêm kinh AN 4:170/ ii.157). Sau khi đã chứng ngộ một tầng thiền định, người thiền thoát ra khỏi nó và quán xét trạng thái đó là được tạo ra bởi những điều-kiện, đặc biệt là bởi sự cố-ý (tư).

- Dựa trên cơ sở này, người đó xác định chắc chắn về tính vô-thường, và sau đó quán xét trạng thái tầng thiền định bằng sự minh-sát nhìn thấu ba dấu-hiệu 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Mời coi thêm kinh MN 64.9–15 để thấy một cách tiếp cận khác tới sự tu tập minh-sát tuệ dựa trên cơ sở các tầng thiền định.] (552) 553 [Bởi do "sự tham-muốn Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó" (Dhammarāgena dhammanandiyā). MA giải nghĩa: hai cụm chữ này chỉ sự mong-muốn và tham-muốn (chandarāga) với sự tôn trọng đối với sự định- tâm và sự minh-sát (tham đắm định và tuệ). Nếu người tu có khả năng giục bỏ tất cả mong-muốn và tham-muốn đối với định và tuệ, thì người đó đó sẽ thành A-la-hán; nếu người tu không thể dẹp bỏ chúng, người đó sẽ thành bậc Bất-lai và được tái sinh trong một trong năm cõi Tịnh cư thiên.] (553) 554 [Phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] đã không được nói đến ở đây, bởi vì nó là một trạng thái quá vi-tế, bởi vì những yếu-tố cấu thành của nó nên được dùng như những đối-tượng của thiền quán (minh sát).] (554) 555 [Mười một canh cửa dẫn tới sự Bất-tử" là chỉ 11 trạng thái được đánh số từ (1)-(11) ở trên (gồm 04 tầng thiền định sắc-giới, 04 phạm trú 'từ, bi, hỷ, xả', và 03 tầng chứng đắc vô-sắc) được dùng làm những cơ-sở (định) để tu tập thiền quán minh-sát và chứng

ngộ A-la-hán.] (555)

510 • Phần Chú Thích

556 [Có lẽ là năm trăm tiền kahāpaṇa, đơn vị tiền tệ ở Ấn Độ vào thời đó.] (556)

Kinh 53

557 [Người ta tin rằng đó là nguồn công-đức cho những ai xây dựng chỗ ở mới để mời những vị nổi tiếng về tâm linh đến ở trước cho dù chỉ một đêm trước khi họ trú ở trong đó. Niềm tin này vẫn tiếp tục ở những xứ Phật giáo ngày nay, và người ta xây nhà mới để họ ở thì họ sẽ mời những Tỳ kheo đến ở trước và tụng niệm các kinh phòng-hộ (paritta) trong ngôi nhà mới, rồi sau đó họ mới dọn vào ở.] (557) 558 [Nguyên văn chữ này: Sekho pāṭipado. Về bậc học-nhân, sekha, mời coi lại chú thích 21 ở kinh MN 1.27 (Quyển 1).] (558) 559 [Về sự phân biệt giữa sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức (hiri) và sự biết sợ- hãi việc làm sai trái (ottappa), mời coi lại chú thích 416 ở kinh MN 39.3 (Quyển 1).] (559) 560 [Ở đây chữ sati (niệm, chú tâm, chánh niệm) đang được dùng theo nghĩa gốc của nó là sự nhớ, trí nhớ. Mối liên hệ giữa 02 nghĩa của chữ sati là [sự nhớ, trí nhớ] và [sự chú-tâm, niệm] có thể được trình bày bằng một câu như vầy: sự chú-tâm sắc xảo tới những hình thức hiện tại để có được sự-nhớ chính xác về quá khứ. (Tức là sự chú-tâm (niệm) là chú tâm vào đối-tượng hiện tại; còn sự nhớ (nhớ lại) là nhớ lại điều trong quá khứ). MA lại coi chữ sati ở đây là hàm nghĩa đại diện cho tất cả 07 yếu tố sự giác-ngộ (thất giác chi) trong đó sự chánh-niệm là cái dẫn đầu.] (560) 561 [MA giải nghĩa: Đây là trí-tuệ của sự minh-sát (thiền quán) và của thánh đạo, có khả năng thâm nhập thấu suốt sự lên (sinh) và sự xuống (diệt) của năm uẩn. Trí-tuệ của thánh đạo được gọi là “mang tính thâm nhập” (nibbedhikā) bởi vì nó xuyên phá và loại bỏ đống tham, sân, si; còn trí-tuệ của sự minh-sát được gọi là “mang tính thâm nhập” bởi vì nó tạm thời xuyên phá chúng và bởi vì nó dẫn tới sự thâm-nhập bằng thánh đạo.] (561) 562 [Ví dụ giống trong kinh MN 16.26.] (562) 563 [Câu này chỉ trạng thái tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), đó là nền-tảng (để thiền quán và) để dẫn tới 03 loại trí-biết (tam minh) theo sau.] (563)

Phần Chú Thích • 511

564 [Tới lúc này thì người đó không còn là bậc học-nhân (sekha) mà đã thành bậc A-la-hán.] (564) 565 [Những điều này cấu thành danh sách truyền thống gồm (a) 15 yếu-tố làm nên phần đức-hạnh (caraṇa) của một người tu, nó thường được gắn liền với (b) 03 loại trí-biết (tam minh) trong tiến trình hoàn thành sự tu học. Cả (a) và (b) đều nhập chung vào một đặc ngữ thường được dùng để tả Phật và những A-la-hán là vijjācaraṇasampanna (đã hoàn thiện về trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh), như trong đoạn mô tả và tưởng niệm về Phật. Mời coi thêm Vsm VII, 30–31.] (565) 566 [Đoạn thi kệ này đã được Phật tán đồng trong kinh dài DN 3.1.28/i.99.

- Theo MA, vị trời Brahmā Sanankumāra [Mãi Mãi Trẻ] từng là một thanh niên trẻ đã chứng đắc tầng thiền định, qua đời, và đã tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới), vẫn giữ nguyên hình dạng đẹp trai mà ngài đã từng mang khi hiện hữu ở cõi người. Coi thêm kinh dài DN 18.17–29/ii.210– 218.] (566)

Kinh 54 567 [Người ta tin rằng đó là nguồn công-đức cho những ai xây dựng chỗ ở mới để mời những vị nổi tiếng về tâm linh đến ở trước cho dù chỉ một đêm trước khi họ trú ở trong đó. Niềm tin này vẫn tiếp tục ở những xứ Phật giáo ngày nay, và người ta xây nhà mới để họ ở thì họ sẽ mời những Tỳ kheo đến ở trước và tụng niệm các kinh phòng-hộ (paritta) trong ngôi nhà mới, rồi sau đó họ mới dọn vào ở.] (557) 568 [Nguyên văn chữ này: Sekho pāṭipado. Về bậc học-nhân, sekha, mời coi lại chú thích 21 ở kinh MN 1.27 (Quyển 1).] (558) 569 [Về sự phân biệt giữa sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức (hiri) và sự biết sợ- hãi việc làm sai trái (ottappa), mời coi lại chú thích 416 ở kinh MN 39.3 (Quyển 1).] (559) 570 [Ở đây chữ sati (niệm, chú tâm, chánh niệm) đang được dùng theo nghĩa gốc của nó là sự nhớ, trí nhớ. Mối liên hệ giữa 02 nghĩa của chữ sati là [sự nhớ, trí nhớ] và [sự chú-tâm, niệm] có thể được trình bày bằng một câu như vầy: sự chú-tâm sắc xảo tới những hình thức hiện tại để có được sự-nhớ

chính xác về quá khứ. (Tức là sự chú-tâm (niệm) là chú tâm vào đối-tượng hiện tại; còn sự nhớ (nhớ lại) là nhớ lại điều trong quá khứ). MA lại coi chữ sati ở đây là hàm nghĩa đại diện cho tất cả 07 yếu tố sự giác-ngộ (thất giác chi) trong đó sự chánh-niệm là cái dẫn đầu.] (560) 571 [MA giải nghĩa: Đây là trí-tuệ của sự minh-sát (thiền quán) và của thánh đạo, có khả năng thâm nhập thấu suốt sự lên (sinh) và sự xuống (diệt) của năm uẩn. Trí-tuệ của thánh đạo được gọi là “mang tính thâm nhập” (nibbedhikā) bởi vì nó xuyên phá và loại bỏ đống tham, sân, si; còn trí-tuệ của sự minh-sát được gọi là “mang tính thâm nhập” bởi vì nó tạm thời xuyên phá chúng và bởi vì nó dẫn tới sự thâm-nhập bằng thánh đạo.] (561) 572 [Ví dụ giống trong kinh MN 16.26.] (562) 573 [Câu này chỉ trạng thái tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), đó là nền-tảng (để thiền quán và) để dẫn tới 03 loại trí-biết (tam minh) theo sau.] (563) 574 [Tới lúc này thì người đó không còn là bậc học-nhân (sekha) mà đã thành bậc A-la-hán.] (564) 575 [Những điều này cấu thành danh sách truyền thống gồm (a) 15 yếu-tố làm nên phần đức-hạnh (caraṇa) của một người tu, nó thường được gắn liền với (b) 03 loại trí-biết (tam minh) trong tiến trình hoàn thành sự tu học. Cả (a) và (b) đều nhập chung vào một đặc ngữ thường được dùng để tả Phật và những A-la-hán là vijjācaraṇasampanna (đã hoàn thiện về trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh), như trong đoạn mô tả và tưởng niệm về Phật. Mời coi thêm Vsm VII, 30–31.] (565) 576 [Đoạn thi kệ này đã được Phật tán đồng trong kinh dài DN 3.1.28/i.99.

- Theo MA, vị trời Brahmā Sanankumāra [Mãi Mãi Trẻ] từng là một thanh niên trẻ đã chứng đắc tầng thiền định, qua đời, và đã tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới), vẫn giữ nguyên hình dạng đẹp trai mà ngài đã từng mang khi hiện hữu ở cõi người. Coi thêm kinh dài DN 18.17–29/ii.210– 218.] (566)

Kinh 54 577 [Cặp chữ gần như đồng nghĩa này tạo nên một từ kết-hợp đồng nghĩa, và

02 cặp chữ kế tiếp cũng vậy.] (567) 578 [MA giải nghĩa: Mặc dù theo lý thuyết Phật giáo sự sát-sinh không thuộc 10 gông-cùm (kiết sử) hay 05 chướng-ngại (triền cái), nhưng nó

có thể được gọi là một gông-cùm theo cái nghĩa trói buộc vào vòng luân-hồi sinh tử và là một chướng-ngại theo cái nghĩa cản trở một người có được phúc-lợi đích thực.] (568) 579 [MA chú giải: Sự sát-sinh và sự gian-cắp sẽ được trừ bỏ bằng giới-hạnh về thân (thân giới); sự nói-dối nói láo và sự nói lời hiểm-độc ma mãnh thì được trừ bỏ bằng giới-hạnh về lời-nói (khẩu giới); sự tuyệt-vọng và sự kiêu- ngạo thì được trừ bỏ bằng giới-hạnh về tâm (tâm giới). Sự lăng-mạ và mắng chửi [có thể gồm cả những sự trả thù hung bạo] thì sẽ được dẹp bỏ bằng cả giới-hạnh về thân và về lời-nói (thân giới và khẩu giới).] (569) 580 [Có mấy ví dụ về những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) cũng được nói trong kinh MN 22, mặc dù trong kinh này không lặp lại những ví dụ đó.] (570) 581 [Theo MA: "sự buông-xả dựa trên sự phân-tán (của tâm)" là sự buông-xả [làm ngơ, thờ ơ, bàng quan] đối với năm dây khoái-lạc giác quan; còn "sự buông-xả dựa trên sự hợp-nhất (của tâm)" là chỉ sự buông-xả của tầng thiền định thứ tư (là sự buông-xả cao, tuyệt vời).] (571) 582 [Trong Ms, nhà sư Ñm đã dịch theo cách giải nghĩa của MA khi dịch chữ ājānīya là "những ai biết" (tức coi chữ này là phái sinh từ chữ ājānāti); điều đáng chọn là nên hiểu chữ này ở đây có nghĩa là "thuần chủng". Coi kinh MN 65.32 về chữ assājānīya (con ngựa non thuần chủng) và chữ purisājānīya (người thuần chủng) [chỉ một A-la-hán]; mời coi thêm kinh AN 3:14, AN 9:22.] (572)

Kinh 55

583 [Jīvaka từng là một đứa trẻ bị mẹ là một người hầu nữ bỏ rơi. Một hoàng tử đã tìm thấy và mang về nuôi dưỡng. Anh ta đã theo học ngành y dược ở xứ Takkasilā và sau này được bổ nhiệm làm lương y chăm sóc chữa bệnh cho Phật. Anh ta chứng Nhập-lưu sau khi nghe Đức Phật dạy Giáo Pháp.] (573) 584 [Đoạn này đã ghi rõ rệt những quy định về sự ăn thịt đã được đặt ra bởi

Phật đối với Tăng Đoàn. Điều này sẽ được lưu ý rằng Phật đã không yêu cầu những Tỳ kheo phải ăn chay tuyệt đối mà cho phép họ có thể ăn thịt khi họ tin chắc rằng con vật không phải bị giết thịt vì họ, để làm thức ăn cho họ. Loại thịt đó được gọi là tikoṭiparisuddha (trong sạch về ba phương diện), (thường được gọi (HV) là tam tịnh nhục), bởi vì thịt đó không được thấy, không được nghe, và không bị nghi ngờ là từ con vật bị giết vì họ, để lấy thịt nấu thức ăn cho họ.

- Giới-hạnh "không sát-sinh" của những Phật tử tại gia cũng cấm họ giết súc vật để lấy thịt ăn, nhưng không thấy có giới-hạnh cấm họ mua thịt được cắt ra từ con vật đã chết. Để đọc thêm chi tiết về vấn đề này, mời coi Vin Mv Kh 6/i.237–38, và quyển "Phật Giáo Tiền Thân và Việc Sát-Sinh" bởi nữ tiến sĩ I.B. Horner, trang 20–26.] (574) 585 [Chỗ này Đức Phật cho thấy Phật không chỉ an trú trong tâm-từ bằng cách khống chế sự ác-ý (sân) của mình bằng tầng thiền định dựa trên tâm-từ như cách mà vị trời Brahmā (Phạm thiên) đã làm, mà Phật còn bứng sạch gốc rễ của sự ác-ý thông qua sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (575) 586 [Sự hung-dữ, sự bất-mãn, và sân (vihesā, arati, paṭigha) là lần lượt đối nghịch với sự bi-mẫn, sự tùy-hỷ, và sự buông-xả.] (576) 587 [Hơi khó hiểu chỗ này khi Jīvaka ở đây tuyên bố anh ta là một đệ tử tại gia cứ như đây là lần

đầu quy y trong khi anh ta đã là bậc Nhập-lưu rồi. Có lẽ câu công thức này đã được dùng làm phương tiện để khẳng định lại sự cam kết quy y của một người đối với Tam Bảo và không bị hạn chế bởi sự quy y trước đó của mình.] (577) 588 [Chữ này có nghĩa là "tu sĩ cao kiều", ông được gọi như vậy vì chiều cao của ông.] (578) 589 [Daṇḍa: gậy, cây, đòn theo nghĩa là dụng cụ để phạt tội, và do vậy nó cũng có nghĩa bóng là sự phạt tội, hình phạt, cho dù hình phạt đó không dùng gậy gộc để đánh. Việc dùng chữ này ở đây cho thấy những người Ni-kiền-tử (đạo Jain) đã coi "những hành-vi của thân, lời-nói, và tâm" (i) là những công cụ được dùng để trừng phạt con người bằng cách kéo dài sự trói-buộc trong vòng luân-hồi và (ii) được dùng để hành khổ tra tấn những người khác bằng cách gây nguy hại cho họ.] (579)

Phần Chú Thích • 515

590 [MA giải thích: Những người Ni-kiền-tử cho rằng 02 "gậy" đầu tạo nghiệp một cách độc lập không dính líu tâm (acittaka), tách bạch giống như kiểu khi gió thổi thì những nhánh cây đung đưa và lá cây xào xạc, chứ không có sự chủ động của tâm.] (580) 591 [Đức Phật có thể đã nói ra điều này bởi vì trong giáo lý của Phật thì sự cố- ý hay ý-hành (tư, cetanā), một yếu tố thuộc tâm (tâm sở), là thành phần cốt yếu của nghiệp, và bên trong sự không-có sự cố-ý—[đó là, trong trường hợp hành vi không cố-ý của thân và lời-nói]—thì nghiệp không được tạo ra.

- Tuy nhiên, MA vẫn cho rằng Phật đã nói điều này là để chỉ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) với những hệ quả cố định (niyatā micchā diṭṭhi), và MA đã trích dẫn sự ủng hộ từ kinh AN 1:318: "Này các Tỳ kheo, ta thấy không thứ nào đáng chê trách cho bằng cách-nhìn sai lạc. Cách-nhìn sai lạc là đáng chê trách nhất trong tất cả mọi thứ."

- Những loại tà-kiến này được mô tả trong kinh MN 60.5, 13 và 21.] (581)

[Cách nói khoát lác bằng cả đoạn này cũng có trong kinh MN 35.5 bởi 592

môn sinh bà-la-môn Saccaka.] (582) 593 [Những chữ thêm vào trong ngoặc [...] là do Ñm thêm vào, những chữ đó do MA đưa ra. Ñm, trong Ms, đã tóm lược luận ý như vầy: Những người Ni- kiền-tử không được phép uống hay dùng nước lạnh (vì họ cho rằng trong nước lạnh có những sinh vật sống]. Bằng cách từ chối nước lạnh họ đã giữ được hành vi thân và lời-nói trong sạch, nhưng nếu họ trong tâm muốn dùng nước lạnh thì hành vi tâm của họ là không trong sạch, và do vậy họ tái sinh trong số "những thiên thần dính-tâm" (manosattā devā).] (583) 594 [Ở mục 15 bên dưới chúng ta sẽ đọc thấy ông Upāli đã tự nhận rằng: tới ngay lúc này ông đã có được niềm-tin vào Đức Phật. Tuy nhiên ông vẫn tiếp tục nói lời phản đối Phật bởi vì ông muốn nghe được những giải pháp của Phật sẽ nói ra cho vấn đề tranh cãi này.] (584) 595 [Câu này, có trong kinh dài DN 2.29/i.57, được gán cho chính giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta như một cách hình thành giáo thuyết của đạo Jain. Ñm đã chỉ ra trong Ms rằng chỗ này có lẽ liên quan một sự chơi chữ với chữ vāri, vừa có nghĩa là "nước" vừa có nghĩa là "sự kiềm chế" [từ gốc chữ vāreti: phòng, chặn].

516 • Phần Chú Thích

- Trong cách tôi đã dịch kinh Sāmannaphala Sutta (Kinh Sa-môn Quả), [trang 24, bản dịch tiếng Anh của TKBĐ] tôi đã dịch chữ này dựa theo "luận giảng về bộ kinh Trường Kinh Bộ" như sau: "Một Ni-kiền-tử bị kiềm chế đối với tất cả nước; người đó được phú cho sự tránh tất cả điều ác; người đó được thanh tẩy bởi sự tránh tất cả điều ác; người đó thấm đẫm bởi sự tránh tất cả điều ác."

- Mặc dù câu này của những Ni-kiền-tử cũng chuyển tải một sự quan tâm đến 'sự thanh-lọc đạo đức', nhưng giọng điệu (và cách hành văn) như vậy nhất định là khác với những giáo lý của Phật.]

- (Ở đây người dịch Việt dịch bốn sự này với sự tham chiếu theo cách dịch của trưởng lão Narada There, Mihinda Thera, và tiến sĩ I.B. Horner của PTS. Cách dịch nguyên văn của nhà sư Ñm và Sujato không lộ rõ ý nghĩa của lời kinh. Thầy Minh Châu dịch là bốn "chế giới" theo nghĩa chung cũng đồng nghĩa với "sự kiềm chế".) (585) 596 [Đức Phật đã chỉ ra sự mâu thuẫn giữa giáo thuyết đạo Jain và lời khẳng định của họ. Giáo thuyết cho rằng dù không có sự cố-ý (của tâm) thì "gậy thân" là phần đáng trách tội (có tội, tạo nghiệp) nhất; trong khi đó họ lại khẳng định khi có sự cố-ý thì tính chất đạo đức của hành-động xấu ác là nghiêm trọng và đáng trách tội. (Rốt cuộc họ cũng tự nhận sự cố-ý (tư, ý hành) mới là chịu trách nhiệm lớn nhất cho điều ác; mà sự cố-ý (tư, ý hành) là thuộc nghiệp tâm hay gậy tâm của họ).] (586) 597 [Mời coi thêm Jāt iii.463, v.133 trở đi., 267; v.144; vi.389, v.267; v.114, 267; và Miln 130.] (587) 598 [MA giải nghĩa: Tầm-nhìn của Giáo Pháp (dhammacakkhu) là thánh đạo Nhập-lưu. Cụm chữ "Mọi thứ có sinh thì có diệt" cho thấy cái phương thức trong đó thánh đạo đã khởi sinh. Thánh đạo lấy sự diệt [sự chấm-dứt = Niết- bàn] là đối-tượng của nó, nhưng chức năng của nó là thâm nhập thấu rõ "tất cả mọi trạng thái có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là 'do có sinh nên có diệt'" (sinh rồi diệt, do sinh diệt mà có, chỉ là sự sinh-diệt).] (588) 599 [Chữ "Giáo Pháp" ở đây là chỉ Bốn Diệu Đế. Sau khi đã nhìn thấy những Sự Thật (chân lý) này, ông đã cắt bỏ gông cùm nghi-ngờ (mạn nghi kiết sử) và giờ đã có được "tầm-nhìn (là) thánh thiện và mang tính giải thoát và [tầm nhìn đó] dẫn dắt người thực hành đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-

khổ" [như lời kinh MN 48.7].]. (589) 600 [MA giải nghĩa: Upāli nói điều này là chỉ thánh đạo Nhập-lưu mà ông đã vừa chứng đắc trước đó.] (590) 601 [Về thuật ngữ "sự hoang-dại trong tâm", coi kinh MN 16.3–7.] (591) 602 [PTS và SBJ đều ghi là vessantarassa; phiên bản kinh của BBS và MA thì ghi là vesamantarassa; MṬ đã ủng hộ cách ghi thứ nhất. MA giải nghĩa là: "Bậc ấy đã vượt trên trạng thái bất chánh (visama) của tham-dục ... vân vân."] (592) 603 [Chữ gốc là: monapattassa. Chữ "sự im-lặng" ở đây là trí-tuệ, liên hệ với chữ muni (bậc mâu-ni: bậc trí giả trầm mặc, bậc hiền trí bình an).] (593) 604 [Chữ "lá-cờ" chính là sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây). Coi kinh MN 22 mục 35.] (594) 605 [Chữ gốc: nippapancassa. Mời coi lại chú thích 229 thuộc kinh MN 18.8 ở Quyển 1 bộ kinh này.] (595) 606 [Chữ gốc: isisattamassa. MA diễn dịch chữ này có nghĩa là "người nhìnthấy thứ bảy"—tương ứng với khái niệm về hệ thiên trời (brahma) về bảy rishi (tiếng Hinhdu: thánh, bậc hiền trí)—và chữ đó dùng để chỉ vị trí của

Thích-Ca Cồ-Đàm là Phật thứ bảy tính từ Phật Vipassī [coi kinh DN 14.1.4/ii.2]; (hoặc coi thêm dãy kinh SN 12:0412:10 (Quyển 2)). Tuy nhiên, có khả năng hơn là chữ sattama ở đây là thể so sánh hơn nhất của chữ sad, và do vậy chữ kép đó có nghĩa là "bậc nhất trong những bậc nhìn-thấy". Cách diễn tả chữ isisattama cũng có trong kinh Sn 356, và luận giảng về thi kệ đó cũng cho phép cả 02 cách diễn dịch, cho rằng chữ uttama là chữ đồng nghĩa cho sattama.] (596) 607 [Cụm chữ này chỉ sự không còn sự dính-mắc (tham; dựa tới) hay sự kháng-cự (ưu, sân; dựa lui).] (597) 608 [Ñm dịch từ một bản tiếng Xiêm (Thái cổ) là chữ appabhītassa, chỉ ra rằng chữ appahīnassa được ghi trong PTS không đúng hay hợp nghĩa ở đây.] (598) 609 [MA chú giải: Một nỗi buồn nặng đã khởi sinh trong ông Ni-kiền-tử do bị

mất đi một đệ tử tại gia nổi tiếng là một người ủng hộ ông và giáo phái của ông, và điều này (như một cú sốc lớn trong tâm) tạo ra sự rối loạn trong thân dẫn tới sự học máu nóng ra khỏi miệng (như kiểu 'tức ói máu'). Thường sau khi học máu nóng ít người còn sống sót. Do vậy họ đã đưa giáo chủ Ni-kiền- tử Nātaputta trên một cái giá (băng ca, kiệu nằm) đi về Pāvā, và không lâu sau đó ông đã qua đời.] (599)

Kinh 57 610 [MA chú giải: Puṇṇa mang hai sừng trên đầu, cột một cái đuôi sau mình, và đi ăn cỏ chung với những con bò. Còn Seniya làm tất cả mọi hành động của chó.] (600) 611 [Nên lưu ý rằng sự tu tập sai trái của khổ sĩ sẽ có những hệ quả ít nghiêm trong hơn nếu người tu không có cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nếu đi kèm với cách-nhìn sai lạc thì những nghiệp quả sẽ nặng hơn. Mặc dù thời sau này ít còn ai tu theo hạnh con chó, nhưng nhiều lối sống lệch lạc mang những tà- kiến lại trở nên phổ biến, và những nghiệp quả càng nghiêm trọng và nguy hại hơn nhiều.] (601) 612 [Nguyên văn 03 cụm chữ tả ba loại nghiệp khổ này: Sabyābajjhaṁ kāyasankhāraṁ (vacīsankhāraṁ, manosankhāraṁ) abhisankharoti. Ở đây "sự tạo-tác của thân gây khổ đau" (thân hành dữ) có thể được hiểu là sự cố-ý (tư) chịu trách nhiệm cho 03 đường thân nghiệp bất thiện; "sự tạo-tác của lời-nói gây khổ đau" (khẩu hành dữ) có thể được hiểu là sự cố-ý (tư) chịu trách nhiệm cho 04 đường khẩu nghiệp bất thiện; "sự tạo-tác của tâm gây khổ đau" (tâm hành dữ) có thể được hiểu là sự cố-ý (tư) chịu trách nhiệm cho 03 đường tâm nghiệp bất thiện. Mời coi thêm kinh MN 9.4.] (602) 613 [Nghĩa là: người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ—địa ngục, hay cõi súc sinh, hay cõi hồn ma ngạ quỷ.] (603) 614 [Nguyên văn câu này: Bhūtā bhūtassa upapatti hoti. MA giải nghĩa: Những chúng sinh được tái sinh thông qua những nghiệp họ đã làm và theo những cách giống theo những cách mà những nghiệp đó đã được làm. Những hàm ý của luận thuyết này (về nghiệp và nghiệp quả) có thể được khám phá thêm trong kinh MN 135 và MN 136 trong Quyển 3 của bộ kinh này.] (604) 615 [Đây là chỉ những sự cố-ý (tư) chịu trách nhiệm tạo ra 10 đường nghiệp

thiện nghiệp, cùng với những sự cố-ý (tư) thuộc trạng thái những tầng thiền định (jhāna).] (605) 616 [Nghĩa là: người đó được tái sinh trong một cõi trời.] (606) 617 [Nói

một cách nghiêm ngặt: không có loại sự cố-ý (tư) nào cùng lúc vừa thiện và bất thiện, bởi vì sự cố-ý (tư) chịu trách nhiệm cho một nghiệp phải là thiện hoặc bất thiện mà thôi. Do vậy, chỗ này nên hiểu (như cách dịch Việt đã rõ) nghĩa là một người có tạo ra nhiều nghiệp thiện và có tạo ra nhiều nghiệp bất thiện trong suốt thời gian sống, tức người đó mang cả nghiệp thiện và bất thiện mà ở đây ý kinh, theo luận giảng, là không có loại nghiệp nào là nổi trội hơn loại nghiệp kia. (Dạng người này cũng chiếm khá nhiều trong dân gian, có lúc làm thiện, có lúc làm bất thiện, có lúc tốt, có lúc xấu, tất cả đều do sự cố-ý (tư, ý hành) tùy theo những ô-nhiễm tham, sân, si hay tùy theo 08 sự quay đảo thế gian 'được mất, sướng khổ, khen chê, vinh nhục').] (607) 618 [MA chú giải: Đây là sự cố-ý (tư) của/thuộc 04 thánh đạo siêu thế dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán. Cho dù những A-la-hán vẫn làm những hành- động, nhưng những hành-động của họ không có tiềm năng tạo nghiệp để tạo ra sự tái hiện-hữu hay đưa đến những nghiệp quả trong kiếp này.] (608) 619 [MA chú giải rằng pabbajjā (sự xuất gia, giới xuất gia) ở đây chỉ được nói ra ở đây theo nghĩa chung chung chứ không nghiêm ngặt theo đúng thủ tục. Đúng thực ở đây là: Seniya đã thụ nhận sự xuất-gia (thụ giới sa-di) trước giai đoạn tập sự (thời gian thử), và sau đó sẽ sống tu tập sự 04 tháng trước khi có thể thụ nhận toàn bộ giới (upasampadā; đại thọ giới) thành một Tỳ kheo trong Tăng Đoàn.] (609) 620 [MA giải nghĩa: Phật có thể quyết định: "Người nào phải cần thời gian tập sự bốn năm, người nào thì không cần trải qua thời gian tập sự đó." (Nghĩa là ở đây Phật đặc cách cho anh ta được thụ giới xuất gia và thụ toàn bộ giới để trở thành Tỳ kheo chứ không cần phải sống tu 04 năm tập sự theo đúng thủ tục nhưng những trường hợp khác).] (610)

Kinh 58 621 [Hoàng tử Abhaya là một trong những con trai của Vua Bimbisāra (Tầnbà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), không phải là thái tử hay người kế vị vua cha.] (611)

622 [Cả hai cái sừng nhọn (hai lưỡi, hai phần tiến thoái lưỡng nan) của "thế gài" do Ni-kiền-tử Nātaputta đặt ra đã giả định trước Phật sẽ trả lời bằng câu trả lời một-chiều (một mặt, đơn phương). Phật đã nói câu trả lời không phải là một-chiều (tức câu trả lời cho câu hỏi đó là nhiều chiều, đa phương, tùy theo phương diện nào). Cho nên câu hỏi bẫy hai-lưỡi này không còn "gài" được nữa.] (612) 623 [Đức Phật không do dự quở trách hay khuyên bảo những đệ tử của mình khi Phật thấy lời nói như vậy sẽ làm cho họ tốt hơn, vì phúc-lợi của họ.] (613) 624 [MA nói rằng "yếu-tố các thứ"="pháp giới" (dhammadhātu) chỉ trí-biết toàn tri của Đức Phật. Không nên nhầm lẫn chữ dhammadhātu (pháp giới) ở đây với cùng chữ dhammadhātu (pháp giới) có nghĩa là yếu-tố những đối- tượng của tâm trong số 18 yếu-tố; và chữ dhammadhātu (pháp giới) ở đây cũng không phải nghĩa pháp giới là 'một nguyên lý bao trùm vũ trụ' như trong Phật giáo Đại thừa đã dùng.] (614)

Kinh 59 625 [Pañcakanga (nghĩa là Năm Công Cụ, Năm Đồ Nghề) là người làm thợ mộc cho Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la), là một đệ tử thuần hành của Đức Phật. Pañcakanga cũng xuất hiện trong kinh MN 78 và MN 127.

- (Kinh này giống kinh SN 36:19 (Quyển 4).] (615) 626 (Kinh này giống kinh SN 36:19 (Quyển 4), nên những loại cảm-giác được nói trong kinh SN 36:19, và đặc biệt 108 loại cảm-giác, cũng được giảng giải trong kinh SN 36:22.)

[02 loại cảm-giác là cảm-giác thuộc thân và cảm-giác thuộc tâm, hoặc [ít thông dụng] là 02 loại cảm-giác mới được thợ mộc Pañcakanga nói ở mục 3.

- 03 loại cảm-giác là 03 loại mới được nói bởi Ngài Udāyin ở mục 3.

- 05 loại cảm-giác là những căn sướng [lạc căn thuộc thân], sự hoan-hỷ [thuộc tâm], sự khổ [thuộc thân], sự ưu [thuộc tâm], và sự buông-xả.

- 06 loại cảm-giác trong những cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc thông

qua sáu căn cảm-nhận (sáu giác quan, sáu nội xứ).

- 18 loại cảm-giác là 18 loại sự khám phá của tâm—khám phá sáu đối-tượng giác quan (sáu ngoại xứ, sáu trần) tạo ra sự hoan-hỷ, tạo ra sự ưu, và tạo ra sự buông-xả [coi kinh MN 137.8].

- 36 loại cảm-giác là 36 cảnh tình của chúng sinh—gồm 06 loại sự hoan-hỷ, sự ưu, và sự buông-xả mỗi loại dựa trên đời sống tại gia hay đời sống xuất gia [coi kinh MN 137.9–15].

- 108 loại cảm-giác là 36 loại kể trên tính theo mỗi thời quá khứ, hiện tại, và tương lai, tổng cộng thành 108.] (616) 627 (Về loại "cảm-giác không khổ không sướng", mời coi thêm chú thích trong kinh SN 36:19, mục (4) như vầy: [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự sướng và sự khổ nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng "khoái-lạc bình an và siêu phàm"; thường được gọi là sự "an trú" hay "lạc trú", theo nghĩa nó là "bình an và siêu phàm".] (247). Chú thích này giải thích nghĩa của câu cuối của thợ mộc Pañcakanga ở mục 3 ở đầu kinh.)

[MA chỉ ra rằng bằng cách đề cập tới cảm-giác không khổ không sướng [trung tính] của tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) là một loại cảm-giác hạnh phúc (sướng, lạc thọ), Đức Phật đã hàm ý ủng hộ quan điểm của người thợ mộc Pañcakanga.] (617) 628 (Về câu kết này, kinh SN 36:19 có chú thích như vầy: [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasmiṃpaññāpeti. Spk diễn dịch: Cho dù sự hạnh-phúc được cảm nhận hay sự hạnh-phúc không được cảm nhận, Như Lai chỉ mô tả rằng: "thứ gì không còn khổ là hạnh-phúc!".] (249).)

- [MA: Cả hai sự sướng (hạnh phúc, lạc) được cảm nhận và sự sướng không được cảm nhận đều được thấy có [loại thứ hai là thuộc sự trạng thái 'diệt thọ tưởng' vì không còn cảm-giác và nhận-thức]. Như Lai đã mô tả cả hai đều là sự sướng (lạc, hạnh phúc) theo cái nghĩa là chúng không còn khổ đau (nid- dukkhabhāva).] (618)

Kinh 60

629 [MA: Phật bắt đầu hỏi câu này bởi vì những làng Sālā nằm ngay cổng rừng và có nhiều tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn thuộc những nhánh phái khác nhau nghỉ qua đêm ở làng (trước khi họ đi vô rừng để sống đời tu ẩn sĩ), ở đó họ thường nói ra những quan-điểm của họ và bài bác những quan-điểm của những giáo phái khác. Điều này đã làm những dân làng hoang mang nghi ngờ, họ biết nên quyết định chọn theo một giáo lý nào.] (619) 630 [Giáo pháp hay 'giáo lý không thể lầm-lỗi' là tạm dịch chữ apaṇṇakad- hamma. MA giải nghĩa chữ này có nghĩa là một giáo lý không thể mâu thuẫn được, không còn sự mơ hồ, nhất định chấp nhận được (aviraddho ad-vejjhagāmī ekaṁsagāhiko). Chữ apaṇṇaka này cũng có trong đoạn đầu kinh AN 3:16 và AN 4:71 (với nghĩa tương tự là: không thể lầm-lỗi, không thể sai được, chắc chắn đúng đắn, không thể mâu thuẫn).] (620) 631 [Tiếp tục bên dưới: Có 03 quan-điểm (cách-nhìn, kiến) được thảo luận ở mục 5, 13 và 21 được gọi là những quan-điểm sai lạc (tà kiến) với quả dữ cố định (niyatā micchā diṭṭhi). Ai chấp theo chúng bằng một sự cố-chấp thì coi như đã bít cánh cửa về khả năng (a) có thể được tái sinh trong cõi trời và (b) chứng ngộ sự giải-thoát. Để thảo luận đầy đủ, mời coi thêm bài giảng của TKBĐ được đặt cùng tên với bài kinh mà thầy giảng luận, Kinh Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Hành (Kinh Sa-môn Quả), trang 79–83.

- Sự xem xét 03 quan-điểm đó diễn ra theo khuôn-mẫu sau đây: Đức Phật chỉ ra giáo-thuyết và quan-điểm (tà kiến) A và quan-điểm đối ngược với nó (chánh kiến) B. Thứ nhất xem xét A (tà kiến): trong mục A.i Phật chỉ ra tác động độc hại của quan-điểm A đối với 03 hành vi thân, lời-nói, và tâm. Trong mục A.ii Phật tiếp tục chỉ ra, nếu quan-điểm đó là sai, những hậu quả càng nguy hại hơn nữa đối với người đó. Rồi trong mục A.iii Phật chỉ ra cách một người có trí biết suy xét và đi đến kết luận quan-điểm đó là đúng hay sai, từ đó có cơ sở để từ chối nó là cách tốt nhất.

- Tiếp theo xem xét B (chánh kiến): trong mục B.i Phật mô tả tác động thiện lành của quan-điểm B đối với 03 hành vi thân, lời-nói, và tâm. Trong mục B.ii Phật tiếp tục chỉ ra, nếu quan-điểm đó là đúng, thì những hậu quả tích cực tốt lành hơn nữa khi áp dụng quan-điểm B đó. Rồi trong mục B.iii Phật chỉ ra cách một người có trí biết suy xét và đi đến kết luận, bất kể quan-điểm này là đúng thực hay không, thì sự áp dụng nó vẫn tốt (chắc ăn) cho cả 02 đường: nếu không thành công thì cũng được tốt như đang tốt [trong kiếp

này]; nếu thành công thì được tốt nhất [trong kiếp này và cả kiếp sau]. (Đó là cách chọn một 'giáo lý chắc ăn, không thể bị lầm lỗi, không thể bị chối cãi').

- (Ngay chỗ này quý vị chưa cần đọc chú thích: có thể sau khi đọc hết bài kinh sẽ dễ thấy cái "khuôn-mẫu phân tích" mà Phật đã nói ra!)]. (621) 632 [Chỗ này mời coi lại chú thích 425 ở mục 10, kinh MN 41, Quyển 1 của bộ kinh này để hiểu rõ một số thuật ngữ đã được dùng trong đoạn mô tả về cách-nhìn (tà kiến) này.] (622) 633 [Nguyên văn hai chữ tạm dịch đức-hạnh trong sạch và đức-hạnh suy đồi trong tiếng Pāli là susīlya và

dusīlya. Do “đức-hạnh duy đồi” nghe có lẽ mâu thuẫn (vì đức-hạnh là trái nghĩa suy đồi), nhưng chữ “đức-hạnh” ở đây là cách tôi [TKBĐ] dùng để dịch chữ thứ hai này. Ñm thì đã dùng chữ “vô đức- hạnh” (thất đức) để dịch chữ thứ hai.] (623) 634 [Người đó dư sức giữ được bản thân an toàn (sotthi) theo cái nghĩa người đó sẽ không phải bị khổ đau trong kiếp sau (vì đâu có thế giới nào khác để tái sinh về đó mà bị nguy hiểm, khổ đau). Tuy nhiên, người đó vẫn còn phải bị những khổ đau gặp phải ngay trong kiếp này, như Đức Phật đang kể ra tiếp (ví dụ ngay trong kiếp này vẫn bị khổ đau và ưu phiền vì sẽ bị người đời chê cười, chỉ trích, nguyền rủa… vì những việc làm bất thiện theo chủ nghĩa hư vô bất chấp của người đó).] (624) 635 [Thuyết hư vô là dịch chữ natthikavāda, nghĩa gốc của nó là “thuyết không hiện-hữu”, được gọi tên như vậy vì nó từ chối sự hiện-hữu của kiếp sau và nghiệp báo.] (625) 636 [Sự nhận lấy ‘giáo lý không thể lầm-lỗi’ này của người đó “chỉ với tới một mặt” theo cái nghĩa rằng người đó chỉ giữ được bản thân an toàn trong kiếp sau trong trường hợp không có kiếp sau; còn nếu có kiếp sau thì người đó thua thiệt cả hai kiếp.] (626) 637 [Thuyết xác-nhận là dịch chữ Atthikavāda: nghĩa là giáo thuyết xác nhận có sự hiện-hữu kiếp sau và có nghiệp báo.] (627) 638 [Có nghĩa là: Sự nhận lấy của người đó “với được cả hai mặt” vì người đó thu được những ích-lợi của quan-điểm xác nhận có kiếp sau và có nghiệp

báo, cho dù kiếp sau có thực sự có hay không.] (628) 639 [Thuyết không-làm-gì (akiriyavāda) này (đồng nghĩa là thuyết phi tạo nghiệp, phi tác nghiệp, không nghiệp không quả), trong kinh Sa-môn Quả (Sāmannaphala Sutta, DN 2.17/i.52–53), được gán cho Pūraṇa Kassapa. Mặc dù khi mới thoạt nhìn, quan-điểm này có lẽ dựa trên những cơ sở duy vật, như thuyết hư vô kế trên cũng dựa vào, nhưng có bằng chứng thuộc Kinh Điển cho thấy rằng Pūraṇa Kassapa đã theo thuyết định mệnh…]. (629) 640 [Đây là thuyết phi nhân-duyên (ahetukavāda) được chấp giữ bởi giáo chủ Makkhali Gosāla của những Ājīvaka; thuyết này cũng được gọi trong kinh Sa-môn Quả (Sāmannaphala Sutta) là “thuyết tự thanh lọc bởi vòng luân- hồi” [saṁsārasuddhi, kinh DN 2.21/i.54]. Triết lý của Makkhali Gosāla đã được xem xét một cách chi tiết bởi học giả Basham, trong quyển “Lịch Sử và Những Học Thuyết của những Ājīvika”, chương 12 và 13. Một bản dịch của phần Luận giảng Trường Kinh Bộ nói về học thuyết này có thể được đọc thấy trong tham luận của TKBĐ mang tên “Kinh Sa-môn Quả”, trang 70-77.] (630) 641 [Niyati: định mệnh hay số phận, là nguyên lý tiền đề để giải thích trong triết lý của Makkhali; hai chữ “hoàn cảnh và tự nhiên” (sangatibhāva) có lẽ lần lượt là những phương thức vận hành của những sự kiện bên ngoài và trong sự hình thành cá thể. Sáu loại (abhijāti) là 06 loại giai-cấp của con người được xếp theo trình độ tâm linh của họ, 03 loại cao nhất được dành cho 03 thầy giáo thọ của những Ājīvaka như đã được nói đến trong kinh MN 36.5 và chú thích: 03 người thầy đó là: Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makkhali Gosāla. Về sáu loại giai-cấp, mời đọc thêm bài tham luận của TKBĐ mang tên “Kinh Sa-môn Quả”, trang 73-75. Mời coi thêm kinh AN 6:57 (Sáu Loại Giai Cấp).] (631) 642 [Đây là sự từ chối về 04 cõi hiện-hữu vô-sắc giới là những trạng thái tương ứng của 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới.] (632) 643 [Đây là những thiên thần ở những cõi trời tương ứng với 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna). Họ có được thân bằng

vật chất vi-tế, không giống những thiên thần ở những cõi trời vô-sắc giới chỉ hoàn toàn có-tâm nhưng không có thân vật chất nào.] (633) 644 [MA diễn dịch: Cho dù người có trí đang nói ở đây vẫn còn những nghi-

ngờ về sự hiện-hữu vô-sắc giới, người đó đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư, và dựa trên cơ sở (tứ thiền) đó người đó cố gắng chứng tới những tầng chứng đắc vô-sắc giới. Nếu không làm được: người đó chắc chắc được tái sinh trong những cõi trời sắc-giới đẹp đẽ; nhưng nếu thành công: người đó sẽ được tái sinh trong những cõi vô-sắc giới. Như vậy đối với người đó sự đánh cuộc này là một "giáo lý không thể chối cãi" (tất đúng, không thể lầm lẫn, không sai trật).] (634) 645 [MA: Sự chấm-dứt sự hiện-hữu hay sự diệt-hữu (bhavanirodha) chính là Niết-bàn.] (635) 646 [MA chú giải rằng: Mặc dù người có trí này còn những nghi-ngờ về "sự chấm-dứt sự hiện-hữu" (tức nghi ngờ về Niết-bàn), nhưng người đó chứng đắc 08 tầng chứng đắc thiền định (gồm 04 tầng thiền định sắc giới và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới), và sau đó, dùng một trong những tầng định đó làm cơ-sở, người đó tu tập sự minh-sát (tuệ), nghĩ rằng: "Nếu có sự diệt-hữu, thì ta sẽ đạt tới thánh quả A-la-hán và chứng ngộ Niết-bàn." Nếu không làm được: người đó chắc chắn được tái sinh trong những cõi vô-sắc giới (như thánh Bất-lai); nếu thành công: người đó đạt tới thánh quả A-la-hán và chứng ngộ Niết-bàn. (Đây là khả năng "không thể chối cãi", chắc đúng, không thể lầm-lỗi, và sẽ diễn ra một trong hai cách như vậy; không thể sai trật).'] (636)

Kinh 61 647 [Rāhula là con trai duy nhất của Đức Phật, được sinh ra ngay trước ngày cha rời khỏi cung điện để đi tìm sự giác-ngộ. Đến năm 07 tuổi Rāhula được Ngài Xá-lợi-phất cho thụ giới sa-di nhân dịp Đức Phật lần thứ nhất trở lại kinh thành quê nhà Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) kể từ sau giác-ngộ. Đức Phật đã tuyên bố thầy Rāhula là đệ nhất trong những Tỳ kheo ham muốn tu tập.

- Theo luận giảng MA, bài kinh này đã được thuyết giảng cho Rāhula lúc thầy ấy 07 tuổi, như vậy gần như ngay sau khi thầy ấy thụ giới sa-di.

- Trong kinh MN 147 thầy ấy đã chứng thánh quả A-la-hán sau khi nghe một bài kinh do Phật nói về sự tu-tập minh-sát tuệ.] (637) 648 [Việc thừa nhận một hành-động (việc làm) sai trái như vậy, thú nhận nó, và đảm nhận sự kiềm-chế trong tương lai sẽ dẫn đến sự tăng-trưởng (phát triển tốt) trong giới-luật của Thánh Nhân. Coi thêm kinh MN 65.13.] (638)

649 [Tuy nhiên, riêng đối với "hành-động bằng tâm" này thì cụm chữ "thì thầy nên thú nhận hành-động bằng thân đó ... và giải bày nó ra" nên được thay bằng cụm chữ: "thì thầy nên thấy ghê-sợ, thấy nhục-nhã, và thấy ghê- tởm bởi hành-động bằng tâm đó. Sau khi đã thấy ghê-sợ, thấy nhục-nhã, và thấy ghê-tởm bởi hành-động bằng tâm đó ..." Sự thay thế này là cần thiết bởi vì những ý-nghĩ bất thiện [không giống như hành-động thân và lời-nói bất thiện, phạm tội] thì không đòi hỏi phải có sự thú nhận là phương tiện để chuộc lỗi, (tức là: mình đã nghĩ bất thiện, đã có tâm ý bất thiện thì mình tự

quán chiếu về ý-nghĩ đó và tự thấy ghê sợ, nhục nhã, và ghê tởm, rồi đảm nhận sự kiềm-chế những loại ý nghĩ bất thiện đó trong tương lai; chứ không cần phải thú nhận hay giải bày ra cho Sư Thầy hay sư huynh hay đồng đạo khác biết để làm chứng cho sự sám hối của mình). Cả nhà sư Ñm trong Ms và nữ tiến sĩ Horner trong MLS đều đã bỏ quên chỗ khác biệt cần thay thế này.] (639)

Kinh 62 650 [Theo MA, bài kinh này đã được dạy cho Rāhula khi thầy ấy 18 tuổi, với mục đích để dẹp tan sự tham-muốn dính líu với đời sống tại gia. Còn một kinh tương tự nữa là Tiểu Kinh Khuyên Dạy Rāhula, là kinh MN 147 trong Quyển 3 của bộ kinh này.] (640) 651 [MA giải thích: Khi thầy Rāhula đang theo sau Đức Phật, thầy ấy để ý khâm phục sự hoàn thiện về thân (tướng đẹp) của Vị Thầy và đã quán chiếu rằng bản thân mình cũng có tướng tương tự, thầy ấy nghĩ: "Tôi cũng đẹp giống như cha tôi là đức Thế Tôn. Thân sắc của Đức Phật đẹp và thân sắc của tôi cũng vậy." Phật đã đọc được ý-nghĩ của thầy Rāhula nên đã quyết định quay lại khuyên bảo thầy ấy ngay lập tức trước khi những ý-nghĩ như vậy dẫn thầy ấy đến những sự khó khổ lớn hơn. Rồi Phật đã đúc kết những lời khuyên dạy của mình thành chủ-đề để thiền quán "thân không phải là cái 'ta' hay cái 'của-ta'".] (641) 652 [MA giải thích: Ngài Xá-lợi-phất là sư thầy của thầy Rāhula, đã ban cho thầy Rāhula lời dạy này trong khi thầy Xá-lợi-phất không biết được thầy Rāhula cũng mới vừa được Đức Phật ban cho lời khuyên dạy khác về thiền. Thầy Xá-lợi-phất bị hiểu nhầm rằng thầy Rāhula đang ngồi tréo chân và thiền tập 'sự chánh-niệm hơi-thở' nên thầy ấy mới nói thêm như vậy.] (642) 653 [MA: Đức Phật bắt đầu chỉ dạy về sự thiền về bốn yếu-tố lớn (tứ đại)

[thay vì 'sự chánh-niệm hơi-thở'] để dẹp tan sự dính-mắc của thầy Rāhula đối với thân thể; vì sự dính-mắc này vẫn chưa được loại bỏ bởi câu khuyên dạy ngắn ngủi mà Phật đã quay đầu lại nói cho thầy Rāhula lúc đang đi khất thực. Coi thêm chú thích 329 trong kinh MN 28, Quyển 1 để đọc thêm chsu giải về vấn đề này.] (643) 654 [Không gian (ākāsa) không phải là một yếu-tố vật chất chính (như đất, nước, gió, lửa) nhưng nó được xếp loại là một dạng thể-sắc phái sinh (upādā rūpa).] (644) 655 [MA: Đoạn này gồm mục 13-17 được nói ra để chỉ dạy về phẩm chất không thiên vị (tādibhāva; hiền xả, vô tư).] (645) 656 [Mục 26 là đoạn thứ nhất của 04 phần đoạn trình bày về 'sự chánh-niệm hơi-thở'. Để coi các chú giải về các câu và các thuật ngữ trong mục 26, mời quý vị coi lại các chú thích từ 140–142 trong kinh MN 10 "Các Nền Tảng Chánh-Niệm" (Satipaṭṭhāna Sutta) ở Quyển 1.

- Còn để coi những chú giải về các câu và các thuật những trong 03 phần đoạn tiếp theo: mời đọc lại các chú thích trong kinh MN 118, kinh "Chánh Niệm Hơi Thở" (Ānāpānasati Sutta) ở Quyển 3.] (646) 657 [Nghĩa là: lúc đó người thiền chết một cách bình an tĩnh lặng, với đầy đủ sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác); (người chết còn tỉnh giác ngay cả lúc chết, thấy biết hơi-thở cuối cùng của mình lúc chết).] (647)

Kinh 63 658 [Vị Tỳ kheo này đã nói sẽ bỏ tu nếu Phật không giải thích thỏa đáng cho những vấn-đề thắc mắc siêu hình của mình. Nhưng kinh điển có ghi lại, sau này, khi

tuổi đã già, vị ấy đã được Phật thuyết giảng một bài kinh ngắn về sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ), rồi vị ấy tu tập một thời gian và chứng ngộ A- la-hán. Những ai quan tâm về hậu vận của vị Tỳ kheo này khi đọc chú giải này sẽ thấy vui lòng. Coi thêm kinh SN 35:95 (Quyển 4). Thi kệ của thầy ấy là Thag 399–404 và 794–817.] (648)

Kinh 64 659 [Năm gông-cùm thấp hơn (orambhāgiyāni saṁyojanāni; hạ phần kiết sử)

được gọi tên như vậy bởi vì chúng dẫn đến sự tái sinh trong những cõi dục- giới. Chúng sẽ được phá bỏ hoàn toàn bởi chặng thánh quả Bất-lai (nói cách khác, bậc thánh Bất-lai là bậc đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, hay khi người tu đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn thì người đó tập luyện như vầy chứng thánh quả Bất-lai).] (649) 660 [MA: Chúng ta có thể hỏi tại sao: khi Phật hỏi câu hỏi rõ ràng như vậy về những gông-cùm thấp hơn và vị Tỳ kheo trưởng lão đã trả lời đúng những gông-cùm đó như vậy, vậy tại sao Phật lại quở trách câu trả lời thầy ấy? Lý do là thầy Mālunkyāputta đã nắm giữ quan-điểm cho rằng: một người bị gông cùm bởi những ô-nhiễm (lậu hoặc) vào những lúc chúng tấn công người đó mà thôi, còn những thời gian khác thì người đó tập luyện như vậy thì không bị gông cùm bởi chúng. Đức Phật nói vậy là để chỉ ra sự sai-lầm trong quan-điểm này của thầy ấy.] (650) 661 [Nguyên văn câu cuối: Anuseti tvev'assa sakkāyadiṭṭhānusayo. Về những khuynh-hướng tiềm ẩn (anusaya; tùy miên), mời coi lại chú thích 473, kinh MN 44, mục 25. Trong các luận giảng, những ô-nhiễm (lậu hoặc) được phân biệt khi xảy ra ở 03 mức độ khác nhau: (i) mức độ anusaya (tùy miên, nằm ẩn), là khi chúng vẫn còn nằm ngầm ẩn trong tâm; (ii) mức độ pariyuṭṭhāna (bộc phát), là lúc chúng khởi sinh để ám muội và chi phối điều khiển cái tâm [đọc thêm mục 5 của kinh này]; và mức độ vītikkama (mạnh bạo, xúc tác), là lúc chúng điều động xúc tác những hành-vi thân và lời-nói bất thiện.

- Luận điểm để Đức Phật chỉ trích ở đây là: những gông-cùm, ngay cả lúc chúng chưa thể hiện và hoạt động mạnh, thì chúng vẫn còn nằm hoài ở mức độ anusaya (tùy miên) cho đến khi nào chúng chưa bị bứng bỏ bởi thánh đạo siêu thế.] (651) 662 [Nguyên văn là chữ dhammā. Chữ này có thể dịch là "các pháp: các thứ, các điều, những sự này sự nọ, những điều, những lý, những giáo lý ..." (Ở đây dịch của là những giáo lý hay những giáo pháp (là những điều có thể bị nghi-ngờ...).)] (652) 663 [MA: Gông-cùm (kiết sử) và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) theo nguyên lý là 02 thứ khác nhau; hơn nữa, một thứ ô-nhiễm có thể vừa được gọi là gông-cùm [theo nghĩa trói buộc] và là một khuynh-hướng tiềm ẩn [theo nghĩa nó chưa được trừ bỏ, còn tiềm ẩn.] (653)

664 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: upadhivivekā. MA giải nghĩa chữ upadhi (sự thu-nạp; (HV) sanh y) ở đây là chỉ năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Mặc dù 03 mệnh đề đầu [hiếm khi được dùng trong kinh điển] dường như cũng diễn tả ý cũng giống như 02 mệnh đề sau [thường được dùng trong các kinh để diễn tả về tầng thiền định thứ nhất], nhưng MṬ thì cho rằng 03 mệnh đề đầu là chỉ cái phương tiện trước khi trở thành "hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng

thái bất thiện"; (điều này nghe cũng có lý).]

- (Nhân tiện, trong quyển "Trích Chọn Những Kinh Theo Các Chủ Đề Giáo Lý", nhà sự TKBĐ có chú giải thêm về chữ này như sau: ["sự thu-nạp, sự thu-nhập; (HV) sanh y)" là dịch chữ "upadhi". Trong bối cảnh này hầu như diễn tả những sự thu-nạp về vật-chất, sự đắc-được, sự sở-hữu về vật chất, tiện nghi, hay về sắc-thân của 'ta' (sắc sanh y); chứ không phải chỉ sự thu-nạp về cách-nhìn hay quan-điểm (kiến sanh y).]) (654) 665 [Đoạn này cho thấy sự tu tập thiền quán minh-sát (vipassanā) dựa trên cơ sở trạng thái định-tâm (samatha), dùng trạng thái tầng thiền định (jhāna) làm cơ sở tu tập sự minh-sát và tầng thiền định đó làm đối-tượng thiền quán minh-sát. Coi thêm kinh MN 52.4 và chú thích 552 ở mục 4 đó.

- Ở đây, trong 11 tính chất đó, 02 thuật ngữ "vô thường" và "đang tan rã" là mô tả đặc tính của sự "vô-thường"; 02 thuật ngữ "như kẻ lạ", "trống không", và "vô ngã" là đặc tính của sự "vô-ngã"; 06 thuật ngữ còn lại là đặc tính của sự "khổ".] (655) 666 [MA giải nghĩa là: Người đó "chuyển hướng tâm mình" khỏi năm uẩn nằm trong tầng thiền định (jhāna) mà trong đó người đó nhìn thấy nó được ấn chứng bởi 03 đặc tính 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Yếu tố bất-tử (amatā dhātu) ở đây là chỉ Niết-bàn. Đầu tiên "người đó hướng tâm mình vào yếu tố nó" bằng tâm thức thấy-biết (minh sát), sau khi đã từng được nghe/học rằng nó được đề cao và mô tả là "bình an và siêu phàm"...vân vân. Rồi, bằng thánh đạo siêu thế, "người đó hướng tâm mình nó" bằng cách coi nó là một đối-tượng và thâm nhập nó là trạng thái "bình an và siêu phàm" ... vân vân.] (656) 667 ["Sự mong-muốn có được Giáo Pháp, sự thích-thú Giáo Pháp" là dịch cụm chữ "Dhammarāgena dhammanandiyā". Dường như sự mong-muốn có được Giáo Pháp và sự thích-thú Giáo Pháp làm cùng lúc 02 việc như sau: (1)

bởi vì cả 02 sự đó đều được hướng về Giáo Pháp, cho nên chúng thúc đẩy người tu đi tới tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử); (2) bởi vì cả 02 sự đó vẫn là dạng mong-muốn và vui-thích (= tham muốn, vui thích đều thuộc dạng tham-dục), cho nên chính chúng lại ngăn cản người tu chứng đắc thánh quả A-la-hán (vì còn tham-dục cho dù đó là tham-dục thiện. Chừng nào người tu tiêu diệt luôn các dạng vi-tế nhất của tham-dục và các gông-cùm cao hơn còn lại (thượng phần kiết sử) thì người tu mới có thể chứng đắc mục- tiêu cuối cùng, đó là sự tiêu-diệt sạch sẽ tham, sân, si theo như định nghĩa sơ đẳng nhất của Niết-bàn).

- Kinh MN 52 mục 4 cũng có chú thích 553 về nghĩa của đoạn này, mời đọc thêm.] (657) 668 [Ở đây, từ những tầng thiền vô-sắc giới, lời kinh chỉ còn nói về năm uẩn thuộc tâm (thọ, tưởng, hành, thức). Uẩn sắc không còn được nói đến (vì đây là những trạng thái vô-sắc giới).

- Lưu ý: từ mục 13 này cho tới mục 15 chỉ kể ra 03 tầng chứng đắc vô-sắc giới đầu tiên, chứ không đề cập tới tầng chứng đắc thứ tư là 'Phi tưởng phi phi tưởng xứ' vì nó là quá vi tế ... Mời coi lại chú thích 554 trong kinh MN 52, mục 14.] (658) 669 [MA chú giải: (i) Trong số người tu theo cách định-tâm [thiền định], một người tu nhấn mạnh sự

hợp-nhất của tâm—thì người đó được cho là người đạt được sự giải-thoát của tâm; người tu khác nhấn mạnh trí-tuệ—thì người đó được cho là đạt được sự giải-thoát nhờ trí-tuệ. (ii) Trong số người tu theo cách minh-sát [thiền quán], một người tu nhấn mạnh trí-tuệ—thì người đó được cho là đạt được sự giải-thoát nhờ trí-tuệ; người tu khác nhấn mạnh sự hợp-nhất của tâm—thì người đó được cho là đạt được sự giải-thoát của tâm.

- Hai vị đại đệ tử đã chứng thánh quả A-la-hán bằng cách nhấn mạnh cả sự định-tâm (thiền định) và sự minh-sát (thiền quán), nhưng Ngài Xá-lợi-phất trở thành người đạt được sự giải-thoát nhờ trí-tuệ và Ngài Mục-kiền-liên trở thành người đạt được sự giải-thoát của tâm. Đó là lý do những cách gọi khác nhau tùy theo các căn khác nhau của họ, tức là sự trội hơn về căn định hay về căn tuệ.] (659)

Kinh 65

Phần Chú Thích • 531

670 [Chỗ này đề cập sự thực hành của Phật chỉ ăn duy nhất một bữa trước giữa-trưa (giờ ngọ). Theo giới luật Tỳ kheo [Pātimokkha], các Tỳ kheo bị cấm ăn sau giờ ngọ cho đến sáng hôm sau; sự thực hành ăn duy nhất một bữa/trong một ngày đêm đã được khuyến khích, nhưng không phải bắt buộc.] (660) 671 [MA giải thích nghĩa là: Thầy ấy lo lắng và lo âu liệu mình có thể sống tu nỗi suốt trọn đời hay không (nếu chỉ ăn mỗi ngày một bữa như vậy).] (661) 672 [Sự lo âu của thầy ấy vẫn còn bởi vì thầy ấy vẫn chưa ăn hết cả bữa ăn trước giữa-trưa (nếu ăn phần còn lại sau giờ ngọ thì sẽ phạm vào giới-luật 'cấm ăn sau giờ ngọ').] (662) 673 [Đây là điều luật cấm ăn ngoài giờ quy định. Coi thêm Luật tạng Vin Pāc 37/iv.35.] (663) 674 [Trong mục 11 và 12: 07 cụm chữ mô tả các Tỳ kheo là sự xếp loại 07 hạng thánh nhân. 07 hạng thánh này cũng được giảng giải trong kinh MN 70, từ mục14-21.] (664) 675 [Cả nhà sư Ñm và nữ tiến sĩ Horner đều coi chữ sankameyya ở đây có nghĩa là Tỳ kheo đó lấy thân mình làm tấm ván lót, tức nằm xuống trên bùn để làm vật lót đường. Tuy nhiên, điều này đã mâu thuẫn với câu trả lời phủ định của thầy Bhaddāli là "Không có vậy, thưa Thế Tôn". Như vậy có lẽ chính xác hơn là động từ này có nghĩa là "người đó chỉ lo tự mình đi qua chỗ bùn" [như lời kinh nghĩa đen cũng là vậy] và không làm theo yêu cầu của Phật. (Nói gọn: ý Phật hỏi liệu người đó có cãi lời Phật hay không). MA đã (hữu lý) chỉ ra rằng đây chỉ là ví dụ chứ đã là vị Phật thì Phật không bao giờ đưa ra mệnh lệnh như vậy đối với những đệ tử của mình, ví dụ là chỉ để nhấn mạnh cái hành vi 'cãi lệnh' và bất tuân lời Phật của thầy Bhaddāli. (Ý lời kinh trong cả mục 11 là: ngay cả những bậc thánh đã giải-thoát hay những bậc chân tu cao đạo khác… mà khi Phật yêu cầu họ cũng không từ chối hay bất tuân, huống hồ một người dưới họ mà bất tuân hay làm trái với chỉ thị của Phật).] (665) 676 [MA giải thích là: Người đó duy trì bản thân bằng một mức độ niềm-tin thế tục và sự mến-mộ thế tục đối với người chỉ giáo và Sư Thầy (sư huynh, sự phụ, đạo hữu) của mình. Bởi vì những Tỳ kheo khác giúp đỡ người đó, người đó duy trì trong đời sống xuất gia và có thể sau này trở thành một đại

532 • Phần Chú Thích

Tỳ kheo là người đã chứng ngộ những loại trí-biết trực tiếp (giác-ngộ trí, minh).] (666) 677 [Đoạn này cho thấy nguyên tắc cố định của Đức Phật là Phật không quy định điều giới-luật nào cho đến khi có trường hợp phát sinh đòi hỏi phải chế định một điều luật tu hành thích hợp (để ngăn phòng và xử lý trường hợp tương tự sẽ xảy ra). Mời coi thêm Luật Tạng Vin Pār 1/iii.9–10.] (667) 678 [Nguyên văn câu cuối: Tasmiṁ ṭhāne parinibbāyati. Động từ được dùng ở đây là thể động từ của chữ parinibbāna, và nếu bám theo nghĩa gốc và dịch nhầm, thì người ta có thể dịch là "Nó chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng trong hành động đó". (Chữ này ở đây chỉ nên ở mức nghĩa là "bình an", ý Phật muốn ví dụ nếu một Tỳ kheo tu tập nhiều lần mỗi chặng tu tập tiến dần, thì cũng dẫn tới kết quả là người đó được "bình an").] (668)

["Bậc vô học nhân" (asekha) (nghĩa là không còn tu học) là một A-la-hán. 679

MA chú giải 10 phẩm chất là 10 yếu tố kết thành thánh quả A-la-hán.] (669) 680 [Sự hiểu-biết đúng đắn hay chánh-tri (sammā nāṇa) là loại sự hiểu-biết thuộc thánh quả A-la-hán; sự giải-thoát đúng đắn hay chánh giải-thoát (sammā vimutti) là sự giải-thoát của bậc A-la-hán khỏi tất cả mọi ô-nhiễm.] (670)

Kinh 66 681 [Từ đoạn này trở đi dường như Phật đã cấm thời gian các bữa ăn của các Tỳ kheo trong 02 buổi kế nhau, trước tiên chỉ cấm ăn bữa chiều và cho phép ăn bữa đêm. Tuy nhiên, trong Luật Tạng có ghi câu chuyện về nguyên nhân của điều luật Pāc 37 [Vin iv.85] không có đề cập tới việc cấm ăn trong 02 buổi kế nhau. Ngược lại, lời kinh ở đây dường như chỉ muốn nói chung rằng các Tỳ kheo không nên ăn thức ăn sau giờ giữa-trưa, và cho thấy Đức Phật đã quy định cấm tất cả những bữa ăn phi thời sau giờ giữa-trưa.] (671) 682 [Lời thốt ra rất đúng ngữ thông tục trong tiếng Pāli. MA giải nghĩa câu chửi này là: 'Nếu mẹ và cha của Tỳ kheo đó mà còn sống thì họ đã cho người con khất sĩ của họ nhiều thức ăn và chỗ ngủ chứ đâu để cho ông ta đi lang thang xin ăn vào ban đêm như vậy.'] (Câu chửi bóng có thể tương đương trong tiếng Việt là: 'Chết cha chết mẹ ông đi! Chứ họ còn sống sao không cho ông thức ăn và chỗ ở mà để ông đi xin ăn ban đêm khuất mặt như vậy'.

Đó là lời chửi do mới bị 'mất hồn' vì tưởng gặp ma quỷ rồi nhận ra đó là 'ông Tỳ kheo' nên chửi ông ta như để 'trả đũa' hay 'cho hả dạ'.) (672) 683 [MA: Đức Phật bắt đầu nói ra giáo lý này để phân tích về người chịu dẹp bỏ điều Phật yêu cầu dẹp bỏ [ở mục 9] thành 04 loại người khác nhau nữa.] (673) 684 [Upadhi: sự thu-nạp, sự thu-nhập, sự thu-vào; (HV) sanh y. MA giải thích câu này nghĩa là: Để dẫn tới sự dẹp bỏ 04 thứ thu-nạp (upadhi)— đó là: các uẩn (ngũ uẩn), những ô-nhiễm (lậu hoặc), những sự tạo-tác cố-ý (các hành), và năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục-lạc) (khandh'upadhikiles'upadhi abhisankhār'upadhi kāmaguṇ'upadhi).] (674) 685 [MA: Người bình thường, bậc Nhập-lưu, bậc Nhất-lai, và bậc Bất-lai đều có thể nằm trong số người thứ nhất [mục 14], bậc Bất-lai vẫn có thể bởi vì dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) vẫn còn trong người đó và do vậy nhiều lúc người đó có thể thích thú những ý nghĩ về sự hưởng lạc thế tục. Bốn loại người này cũng có thể nằm trong số người thứ

hai [mục 15], người bình thường vẫn có thể bởi vì người đó có thể khống chế những ô-nhiễm đã khởi sinh, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), tu tập sự minh-sát, và bứng bỏ những ô-nhiễm bằng cách chứng ngộ thánh đạo siêu thế.] (675) 686 [Loại người (3) này chỉ khác biệt với loại người (2) kế trước bởi sự chậm trễ trong sự phát khởi chánh-niệm để dẹp bỏ những ô-nhiễm đã khởi sinh.] (676) 687 [Đây là A-la-hán, người đã tự mình bứng sạch tất cả những gông-cùm (kiết sử).] (677) 688 [Ở đây nhà sư Ñm vẫn giữ dịch chữ sukha là "sự sướng", "khoái-lạc" nhưng chỗ này tôi dịch khác với thầy ấy thành "niềm hạnh-phúc" hay "chân phúc"; vì tôi nghĩ nếu cứ giữ sự nhất-quán nghiêm ngặt là dịch trước sau đều là "sự sướng" hay "khoái lạc" thì sẽ làm cho người đọc cảm thấy nghĩa toàn phàm tục như dục-lạc. (Tức là, cùng một chữ sukha nhưng nói về sự sướng, khoái-lạc giác quan hay dục lạc thì dịch là "sự sướng" hay "khoái lạc", còn trạng thái đó trong các tầng thiền định thì dịch là "sự hạnh-phúc", "niềm hạnh-phúc" hay "chân phúc" vì đó là loại 'sướng' có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan; thường cũng giúp dẫn tới an trú lạc trú nên thường được dùng chung trong từ ghép "an-lạc".)

- MA chú giải những tầng thiền định (jhāna) (1) là nekkhammasukha (xuất ly lạc) bởi vì chúng tạo ra niềm hạnh-phúc từ sự từ bỏ những khoái-lạc giác quan (dục lạc); hay (2) là pavivekasukha (viễn ly lạc) bởi vì chúng tạo ra niềm hạnh-phúc từ sự tách-ly khỏi chỗ đông người (xã hội, dân cư, gia đình...) và khỏi những ô-nhiễm; hay (3) là upasamasukha (tịch tĩnh lạc) bởi vì niềm hạnh-phúc của những tầng thiền định là vì mục đích làm tịch lặng những ô-nhiễm; và (4) là sambodhasukha (chánh giác lạc) bởi vì niềm hạnh- phúc của những tầng thiền định là vì mục đích (cơ sở) để đạt tới sự giác-ngộ. [Dĩ nhiên, bản thân những tầng thiền định (jhāna) không phải là những trạng thái giác-ngộ].] (678) 689 [Tất cả mọi trạng thái của tâm thấp hơn tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) đều được xếp vào loại trạng thái còn bị động chuyển (injita). Tầng thiền định thứ tư và tất cả những trạng thái cao hơn (04 tầng chứng đắc vô-sắc) thì được gọi là loại trạng thái không còn động chuyển (aninjita) (bất động, bất lay chuyển). Coi thêm chú thích 1000 (kinh MN 105, Quyển 3).] (679) 690 [MA giải nghĩa là: Không thích hợp (không đúng và chưa đủ) để người tu trở nên dính mắc vào trạng thái đó vì dục-vọng (tức người tu không nên tham dính hay mê đắm trạng thái Nhất thiền), và người đó không nên dừng-lại (mãn nguyện, dặm chân tại chỗ) ở điểm này (vì còn nhiều trạng thái cao hơn, thanh lọc hơn để tu tiến và chứng đắc).] (680) 691 [(Trạng thái) sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng định) không đơn giản chỉ là tầng chứng đắc cao hơn nữa trong những nấc thang định-tâm (những bậc thang chứng đắc thiền-định), mà nó còn hàm nghĩa là sự tu-tập toàn thiện sự minh-sát (tuệ quán) dẫn tới đỉnh-cao là thánh quả A-la- hán.] (681)

Kinh 67 692 [Kevaṭṭā manne macchavilope. 02 MA đưa ra 02 sự giải nghĩa: là những ngư dân đang la hô bán cá hoặc là những ngư dân la hô kéo lưới bắt đàn cá."] (682) 693 [Vị trời Brahmā Sahampati, đây cũng chính là vị trời đã gặp Đức Phật vừa mới giác-ngộ để thỉnh cầu Đức Phật đi giảng dạy Giáo Pháp cho thế gian. Coi kinh MN 26.20.] (683)

694 [MA giải thích rằng: Trong trường hợp này thầy Xá-lợi-phất đã sai sót không nhận ra trách nhiệm của mình, bởi vì Đoàn Tỳ kheo đó (hay Tăng Đoàn) là thuộc trách nhiệm của 02 vị trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-kiền- liên đang dẫn đầu. Do vậy Đức Phật đã quở thầy Xá-lợi-phất nhưng khen thầy Mục-kiền-liên là người đã nhận biết trách nhiệm của mình.] (684) 695 [MA: Từ chỗ này Đức Phật bắt đầu đưa ra giáo lý để cho thấy 04 điều sợ- hãi [hay 04 sự nguy-hại, bhaya) sau khi một người xuất gia và sống theo Giáo Pháp và giới-luật của Phật thường gặp phải. Những ai vượt qua 04 điều sợ-hãi này sẽ trở thành được thiết lập trong Giáo Pháp, và những người khác thì không thiết lập được trong Giáo Pháp.]

- (Nhân tiện, các bản dịch của nhà sư và học giả đều tương tự nhau về nghĩa cụm chữ cuối chỗ này: tiến sĩ Horner dịch là "bị sợ hãi bởi hiểm-họa của sóng nước, của cá sấu, của nước xoáy, của cá mập"; của Tỳ kheo Sujato dịch là "sợ hãi sự nguy-hại của sóng nước…"; HT Minh Châu dịch là "bị sợ hãi bởi sự sợ-hãi về sóng nước…". Thiết nghĩ nếu Tỳ kheo đó sợ-hãi những sự sân hận và bực tức (ví như sóng nước), sự ham ăn ham uống (ví như cá sấu), năm dục-lạc (ví như nước xoáy), và sự hấp dẫn của phụ nữ (ví như cá mập) thì có nghĩa người đó đang tu tập sự kiềm-chế đúng theo Giáo Pháp và Giới Luật và đâu có bỏ tu hoàn tục như lời kinh, và do vậy đâu có gì đáng chê trách về người đó. Do vậy người dịch Việt đã dịch theo ý nghĩa: (1) sự đi vào đời sống xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật được ví như sự lội xuống nước; và (2) sự sợ-hãi sự sân hận và bực tức là lớn (nghiêm trọng) như sự sợ sóng nước; sự sợ-hãi sự không được ăn uống theo ý thích là lớn như sự sợ cá sấu; sự sợ-hãi không được thụ hưởng năm dục-lạc là lớn như sự sợ nước xoáy; và sự sợ-hãi bị cấm khỏi phụ nữ là lớn như sợ cá mập".)

- (Lời kinh từ mục 14-20 là giống lời bài kinh AN 4:122, tuy nhiên trong đó cách dùng từ của TKBĐ có khác ít nhiều, ví dụ như trong AN TKBĐ dịch là: (với người lội xuống nước) (i) Hiểm họa bị sóng cuốn, hiểm họa bị cá sấu, hiểm họa bị nước xoáy, và hiểm họa bị cá dữ, và (ii) (với những Tỳ kheo) Hiểm họa như bị sóng cuốn, hiểm họa như bị cá sấu, hiểm họa như bị nước xoáy, và hiểm họa như bị cá dữ.) (685) 696 [Tiếng Pāli dùng 02 chữ khác biệt để chỉ 02 loại/nhóm thức ăn: khādaniya: thức ăn dùng được, gồm tất cả rau cải, hạt, trái cây… (tính cả những thứ ăn sống được, chưa nấu chín?); và bhojanīya: thức ăn ăn được,

gồm những thức ăn được nấu từ gạo, cốc, thịt, cá (đã nấu chín?). Còn những thứ nếm được (sāyitabba) là gồm những thức ăn nhẹ, ăn chơi.] (686) 697 [Thời gian quy định là từ sáng đến giữa trưa (giờ ngọ), nếu quá giờ đó thì chỉ được uống thức uống.] (687)

Kinh 68 698 [Cụm chữ "hỷ và lạc có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan…" là chỉ (02 yếu tố của) tầng thiền định thứ nhất và thứ hai; "trạng thái bình-an hơn đó nữa" là chỉ những tầng thiền định cao hơn và 04 thánh đạo. (Và kế tiếp theo là liệt kê 05 chướng-ngại xâm chiếm tâm người đó).] (688) 699 [Coi kinh MN 2.4 (về bảy cách phòng-trừ những ô-nhiễm). Đây là những sự thực-hành được đảm nhận bởi người

đang tu-học nhằm ngăn chặn sự khởi sinh những ô-nhiễm tiềm ẩn chưa được loại bỏ.] (689) 700 [Chỗ này nói về năng-lực của Phật nhìn thấy trước những trạng thái mà những đệ tử đã tái sinh trong đó.] (690) 701 [Trí-biết cuối cùng (annā) là trí-biết được chứng ngộ bởi A-la-hán. Chỗ này nên lưu ý rằng: Những tuyên bố về sự chứng đắc của người xuất gia (Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) bắt đầu từ thánh quả A-la-hán … Nhập-lưu [từ (a), (b), (c), (d)], coi từ mục 1017; trong khi đó đối với những người tại gia (nam và nữ) thì bắt đầu từ thánh quả Bất-lai … Nhập-lưu [từ (b), (c), (d)], coi từ mục 1821. Mặc dù trong kinh điển Phật giáo tiền thân có công nhận khả năng "có những người tại gia chứng thánh quả A-la-hán", như đã được xác thực trong các bộ kinh Nikāya, nhưng thực sự họ chỉ chứng A-la-hán ngay khi sắp chết hay đang chết hoặc ngay trước khi họ xin gia nhập Tăng Đoàn. (Một người tại gia nếu chứng thánh quả A-la-hán thì người đó tự động lập tức gia nhập Tăng Đoàn và tự động không thể ở tại gia thêm một thời gian nào nữa).] (691)

Kinh 69 702 [Điều này bị cấm bởi điều luật Pāc 46 [coi Vin iv.98–101]. Một Tỳ kheo có thể ghé thăm những gia đình trước hay sau bữa ăn chỉ khi thầy ấy đã thông báo cho Tỳ kheo khác trong tu viện về những ý-định của mình, ngoại trừ trong mùa (những người tại gia) đang may y-phục hay bố thí y-phục.] (692)

703 [Nguyên văn: Abhidhamma abhivinaya. MA giải nghĩa là: người đó nên áp dụng bản thân vào sự học hiểu các kinh văn và chú giải của Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka) và Luật Tạng (Vinaya Piṭaka). Lời chú giải này là sai lệch về thời gian (không liên quan tới thời mà bài kinh đang được nói, vì lúc này chưa có Vi Diệu Pháp Tạng).

- (1) Về chữ "Abhidhamma" trong ngữ cảnh của những bài kinh, mời coi lại chú thích 362 ở kinh MN 32, mục 8, Quyển 1, (ở đây chữ này đúng là có nghĩa là: vi diệu pháp, giáo pháp hay giáo lý bậc cao, nhưng nó không phải chỉ Vi Diệu Pháp Tạng như MA đã nhầm khi chú giải ở trên). (2) Về chữ "Abhivinaya" cũng đúng có nghĩa là giới-luật bậc cao. Nhưng ở đây dường như nó chỉ sự tiếp-cận mang tính hệ thống và phân tích về Luật Tạng (Vi- naya), có lẽ nó chỉ về những kiến thức như trong bộ Phân Tích Kinh (Suttavibhanga) của Luật Tạng.] (693) 704 [MA giải nghĩa như vầy: Cụm chữ này chỉ 08 tầng chứng đắc thiền định. [Tối thiểu thì người đó cũng nên thành thục về một đề-mục thiền căn bản, ví dụ mức độ căn bản như một kasiṇa (một vật-thể làm đối-tượng thiền định)] (?).] (694) 705 [MA giải nghĩa: "Trạng thái siêu nhân" ở đây là chỉ tất cả những trạng thái siêu thế. [Tối thiểu thì người đó cũng nên thành thục về một trạng thái tiếp cận được mức độ tu tập minh-sát rồi sau đó tiến dần cho tới đỉnh là thánh quả A-la-hán.] (?)] (695)

Kinh 70 706 [Về sự việc Phật quy định thời gian bữa ăn đối với các Tỳ kheo, mời coi lại chú thích 671 ở trên (kinh MN 66, mục 6). Để cho đồng nhất với kinh MN 66, mục 6, MA đã giải thích rằng Phật lúc đầu chỉ cấm ăn buổi chiều (sau trưa), và rồi một thời gian sau mới cấm ăn buổi tối luôn. Phật làm từng bước vậy vì quan tâm đến những Tỳ kheo

nhạy cảm trong Tăng Đoàn, họ sẽ mau bị đói và mệt nếu ngay từ đầu bị cấm ăn cả buổi chiều và buổi tối (tức cấm từ sau-trưa đến tận sáng hôm sau).] (696) 707 [Theo trong Luật Tạng, những Tỳ kheo đi theo Assaji và Punabbasuka được mô tả là những Tỳ kheo "thất đức và suy đồi" và được thấy làm nhiều loại hành-vi xấu làm suy đồi những người tại gia. Ở Kīṭāgiri một điều luật trục xuất đã được tuyên bố đối với họ, nhưng họ không tuân theo, và điều đó

dẫn tới việc ban hành Sanghādisesa 13 (13 điều luật Tăng Tàn), coi Vin iii.179–84.] (697) 708 [MA giải nghĩa: Câu này được nói ra để đề cập tới sự sướng (khoái lạc) được nếm trải trong sự ăn uống vào buổi tối, nó sẽ không giúp dẫn tới sự thực hành theo bổn phận của một Tỳ kheo; (tức là ăn uống buổi tối sẽ làm cho người ăn no nê, lười biếng, và buồn ngủ không thể nào tu tập hay thiền tập được. Đó là cảm-giác sướng sẽ dẫn tới gia tăng những trạng thái bất thiện trong tâm. Ngược lại, nếu người tu nhịn bỏ những cảm-giác sướng tức thời đó, thì họ sẽ thiền tập được vào buổi tối, và nhờ đó sẽ làm giảm những trạng thái bất thiện trong tâm và gia tăng những trạng thái thiện lành trong tâm—là mục đích và công việc phải làm của người tu hành).] (698) 709 [MA: Loại cảm-giác đầu loại (i) sự vui sướng 'dựa trên sự tại gia, phàm tục'; loại cảm-giác (ii) sau là sự vui sướng 'dựa trên sự xuất gia, thoát tục'.

- Tương tự như vậy đối với 02 mệnh đề tiếp theo, lần lượt chỉ loại cảm-giác khổ (hay ưu) và loại cảm-giác trung tính (hay xả) (i) 'dựa trên sự tại gia, phàm tục' và (ii) 'dựa trên sự xuất gia, thoát tục'. Coi kinh MN 137.9–15.] (699) 710 [Từ mục 8–10 là những thông tin nói ra dựa theo sự hoàn-toàn hiểu của Đức Phật để đưa ra những cơ-sở cho sự chỉ thị các Tỳ kheo đó dẹp bỏ tất cả những cảm-giác dựa trên đời sống tại-gia và tu tập những cảm-giác dựa trên đời sống xuất gia.] (700) 711 [Chỗ này bắt đầu xếp loại 07 hạng thánh nhân, nhưng không chỉ dựa vào cơ sở những thánh đạo và thánh quả của họ [như trong cách xếp loại 08 hạng thánh nhân thường làm] mà còn dựa vào những căn trội của họ. Một cách định nghĩa khác về 07 hạng thánh nhân cũng được ghi trong Pug 1:30– 36/14–15.] (701) 712 [Ubhatobhāgavimutta: người được giải-thoát bằng cả hai cách. MA giải nghĩa là: Người đó "được giải-thoát bằng các hai cách" bởi vì người đó được giải thoát khỏi thân-sắc (thân thể) bằng những tầng chứng đắc vô-sắc và được giải thoát khỏi thân-tâm (tức tâm) bằng thánh đạo [A-la-hán]. Pug thì định nghĩa là: "Người đó tiếp xúc bằng thân và an trú trong 08 sự giải-thoát, và những ô-nhiễm của người đó bị tiêu diệt bằng sự nhìn-thấy bằng trí-tuệ."

- MA nói rằng chữ ubhatobhāgavimutta này bao gồm (i) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi một hay mấy tầng chứng đắc vô-sắc, và (ii) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi trạng thái chấm- dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng định).] (702) 713 [Pannāvimutta: người được giải-thoát bằng trí-tuệ. MA giải thích chữ này bao gồm (i) những người chứng quả A-la-hán là những người tu thiền minh- sát 'khô' (sukkha-vipassaka: chỉ tu thiền minh-sát, không bị 'dính ướt' bởi

thiền-định = không tu thiền-định), và (ii) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi một hay mấy tầng thiền định sắc-giới (jhāna).

- Pug thì định nghĩa như lời kinh, chỉ thay cụm chữ "trong những sự giải- thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc" bằng cụm chữ "trong 08 sự giải-thoát".] (703) 714 [Kāyasakkhin: người thân chứng. MA giải thích: Loại này bao gồm 06 hạng thánh nhân—từ người đã được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán—là người trước tiên tiếp xúc những tầng chứng đắc [vô sắc] và sau đó chứng ngộ Niết-bàn.

- MṬ nhấn mạnh rằng: cần phải có một hay mấy tầng chứng đắc vô-sắc, gồm cả trạng thái diệt-định (diệt thọ tưởng), thì mới làm nên một kāyasakkhin.

- Pug định nghĩa như lời kinh, chỉ thay bằng "trong 08 sự giải-thoát" (như trong chú thích kế trên).] (704) 715 [Diṭṭhipatta: người đạt tới cách-nhìn; người đắc chánh-kiến. MA nói loại người này cũng nằm trong 06 hạng thánh nhân thuộc loại người thân chứng (kāyasakkhin) trong chú thích kế trên—(từ người đã được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán)—nhưng người này không đạt được những tầng chứng đắc vô-sắc.

- Pug định nghĩa người này là người đã hiểu Bốn Diệu Đế và đã ôn-lại và xem-xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai.] (705) 716 [Saddhāvimutta: người được giải-thoát nhờ niềm-tin. MA nói rằng loại người này cũng nằm trong 06 hạng thánh nhân trong chú thích kế trên—(từ người đã thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán). Pug cũng định nghĩa loại người này y hệt cách nó định nghĩa

loại người đã đạt tới cách-nhìn (diṭṭhipatta), nhưng bổ sung rằng người này đã chưa ôn-lại và xem-xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai bằng mức-độ mà loại người diṭṭhipatta kế trên đã làm được.] (706) 717 [Dhammānusārin: người tu trì theo Giáo Pháp. MA nói loại người này, và loại người tiếp theo saddhānusārin (người tu trì theo niềm-tin) đều là những hạng người đang trên thánh đạo Nhập-lưu, loại người trước thì trội về trí-tuệ (người căn trí), người sau thì trội về niềm-tin (người căn tín). Để đọc chi tiết thêm về 02 loại người này, mời coi lại chú thích 273, kinh MN 23, mục 46, (Quyển 1).] (707) 718 [MA giải nghĩa là: Bằng thân của tâm (thân ở đây là 'thân' của tâm) người đó chứng ngộ Niết-bàn, sự-thật tối thượng, và người đó thâm nhập nó bằng trí-tuệ thuộc thánh đạo siêu thế.] (708) 719 [Nghĩa ở đây Phật muốn nói là: những Tỳ kheo đó chưa có niềm-tin cần có (vào Đức Phật) để nhận lấy sự tu-tập được quy định cho họ bởi Đức Phật (đây là hoàn cảnh nhân duyên của bài kinh này, khi những Tỳ kheo này đã từ chối ăn theo giờ quy định bởi Phật).] (709) 720 [MA nói rằng "câu bốn ngữ" hay "câu bốn cụm chữ" (catuppadaṁ veyyākaraṇaṁ) là giáo lý Bốn Diệu Đế. Tuy nhiên ở đây lời kinh không hàm ý đề cập gì đến Bốn Diệu Đế. Có thể, câu bốn ngữ là sự quyết-tâm sự nỗ lực tu tập được nói bên dưới, với mỗi mệnh đề được tính là một ngữ hay một cụm chữ [trong đó mệnh đề điều-kiện (ta sẽ không …

chừng nào) được coi là 02 cụm chữ].] (710) 721 [MA giải nghĩa: Bằng câu này Phật đã chỉ ra rằng một đệ tử tốt tu tập bằng cách phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) và nguyện rằng: "Ta sẽ không đứng dậy (khỏi chỗ thiền) chừng nào ta chưa đạt tới thánh quả A-la-hán."—(Lời thệ quyết tâm này cũng có ghi trong các kinh SN 12:22, 21:03 (Quyển 2); AN 1:05, AN 8:13, đoạn (8); và Ja Ī 71,24–27.)] (711)

Kinh 71 722 Kinh này và kinh tiếp theo dường như thể hiện một câu chuyện của du sĩ Vacchagotta theo thứ tự thời gian về sự tiến hóa về tâm linh của ông. Trong Bộ Kinh Liên Kết (SN, Saṁyutta Nikāya) có nguyên một Chương (phẩm), SN 33 (Quyển 3), nói về du sĩ Vacchagotta này, bao gồm những bài đối thoại

ngắn giữa ông và Đức Phật. Trong Chương SN 44 cũng có, mời coi các kinh SN 44:07–11 (cuối Quyển 4).] (712) 723 [Đây là loại toàn trí (thấy biết tất cả) mà giáo chủ đạo Jain là Ni-kiền-tử Nātaputta đã tuyên bố mình có trong kinh MN 14.17 (Quyển 1).] (713) 724 [MA chú giải rằng: Mặc dù một phần của câu nói này cũng đúng, nhưng ở đây Đức Phật đã từ chối toàn bộ câu nói bởi vì có một phần là không đúng. Phần đúng của nó là phần tuyên bố Đức Phật 'là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả'; phần không đúng [quá lố] là phần tuyên bố sự-biết và sự-thấy liên tục và không gián đoạn có mặt đối với Phật trong mọi lúc mọi tư thế. Theo Phật giáo nguyên thủy hay Trưởng Lão Bộ (Theravāda), Đức Phật là toàn-trí theo cái nghĩa rằng tất cả mọi thứ có thể được biết thì thuộc khả năng có thể tiếp cận được bởi Phật. Tuy nhiên, Phật không thể đồng thời biết mọi thứ (theo nghĩa như cùng lúc hay có nghĩa cùng lúc có 'nghìn mắt nghìn tay') mà Phật cần phải hướng tâm tới điều gì mà Phật muốn thấy biết. Trong kinh MN 90.8 Phật đã nói nghĩa là "có khả năng biết và thấy tất-cả, cho dù không phải là đồng thời cùng lúc (không phải cùng lúc thấy và biết tất cả)", và trong kinh AN 4:24 Phật đã tuyên bố mình biết tất cả những thứ có thể được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết. Điều này được hiểu bởi những luận sư của Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) là sự tuyên bố về sự toàn-trí theo cái nghĩa có phẩm định (có điều kiện, tùy tình trạng, chứ không phải toàn-trí theo nghĩa là cùng lúc thấy biết tất-cả một cách vô điều kiện). Về vấn đề này có thể đọc thêm ở Miln 102–7.] (714) 725 [MA giải thích "gông-cùm của sự gia chủ" (gihisaṁyojana) là sự dính mắc vào những thứ làm nên một gia chủ, trong đó luận giảng MṬ còn liệt kê ra đó là những thứ như đất đai, vàng bạc, của cải, gạo thóc…

- MA nói rằng: ngay cả khi trong một số kinh có đề cập vài cá nhân là người tại gia đã chứng thánh quả A-la-hán, điều đó có nghĩa là: (i) nhờ thánh đạo A-la-hán họ đã tiêu diệt tất cả mọi sự dính-mắc đối với những thứ thế tục và ngay sau đó họ lập tức xuất gia thành Tỳ kheo và thành A-la-hán, hoặc (ii) họ chết lập tức ngay sau khi chứng đắc thánh quả. Câu hỏi về những A-la-hán là người tại gia đã được thảo luận trong Miln 264.] (715) 726 [Về những Ājīvaka (người ngoài đạo, là những Ni-kiền-tử), mời coi lại chú thích 73 ở kinh MN 5.31, Quyển 1.] (716)

727 [Vì Ājīvaka này tin rằng "hành-động có những tác động của nó" (nghiệp có nghiệp quả) nên ông ta không thể cam kết theo thuyết định mệnh nghịch lý nghịch lý của những Ājīvaka, họ không cho rằng có hệ quả về mặt đạo đức của những việc làm và những hành-động cố ý (nghiệp) trong việc tạo nên 'vận mệnh' của con người. MA nhận dạng rằng Ājīvaka này kiếp trước là một vị Bồ-tát.] (717)

Kinh 72 728 [(5) Quan-điểm cho rằng 'linh hồn (jīva) và thể xác là một' là chủ nghĩa duy vật, 'thu nhỏ và sát nhập' linh hồn vào thể xác. Còn kế tiếp (6) quan- điểm cho rằng 'linh hồn và thể xác là hai thứ khác nhau' là một quan-điểm bất diệt (thường kiến), coi linh hồn là chủ-thể tâm linh trường cửu có thể tồn tại độc lập với thân xác.] (718) 729 [(7) Quan-điểm cho rằng 'sau khi chết một Như Lai còn hiện hữu' là một dạng của chủ nghĩa bất diệt (thường kiến), coi Như Lai [hay một cá thể hoàn thiện về tâm linh] là sở hữu cái 'ta' [bản ngã] chứng đắc sự giải-thoát vĩnh cửu sau khi thân xác chết đi. Còn kế tiếp (8) quan-điểm cho rằng 'sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu' cũng nhận định Như Lai là một cái 'bản ngã', nhưng cho rằng bản ngã đó sẽ bị hủy diệt ngay khi thân xác chết đi. Còn (9) quan-điểm cho rằng 'sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu' là sự tổng hợp 02 quan điểm (7) và (8) này, Phật cũng từ chối vì cả hai thành phần đều là quan-điểm sai lạc. Và cuối cùng (10) quan- điểm cho rằng 'sau khi chết một Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu' dường như là một sự cố gắng mang tính hoài nghi để từ chối cả 02 trường hợp (hiện hữu hay không hiện hữu) hoặc để tránh nhận lấy một lập trường nhất định nào đó.] (719) 730 [Ở đây trong tiếng Pāli có một sự chơi chữ liên quan giữa chữ diṭṭhigata (quan-điểm do suy đoán) mà Như Lai đã dẹp bỏ đi, và chữ diṭṭha (cái đã được nhìn thấy bởi Như Lai bằng tầm-nhìn trực tiếp; và "cái đã được nhìn thấy" chính là sự lên và xuống của năm uẩn đang được nói ra.] (720) 731 [MA nói rằng đúng ra phải áp dụng chữ "không tái hiện", theo cái nghĩa A-la-hán không còn đi tái sinh hay tái hiện hữu ở đâu. Nhưng nếu Vaccha- gotta mà nghe điều này thì ông ta sẽ hiểu lầm đây là sự 'diệt-vong sau khi chết', và do vậy Đức Phật đã từ chối vì nếu theo cái nghĩa diệt-vong thì đó là điều không thể biện hộ hay bảo vệ được (vì Niết-bàn không có nghĩa là sự

diệt vong).] (721) 732 [MA nói đây là sắc-thân (thân thể vật chất) qua đó người ta dùng để mô tả Như Lai như một chúng sinh [hay một bản ngã] sở hữu sắc-thân. MṬ nói thêm rằng sắc-thân đã được dẹp bỏ bởi sự dẹp-bỏ những gông-cùm dính líu với nó, và nhờ vậy nó đã thành không còn khả năng khởi sinh lại trong tương lai.] (722) 733 [Đoạn này nên được nối kết với 'ví dụ ngọn lửa bị tắt đi' mới nói trên. Giống như một ngọn lửa tắt đi không thể được mô tả là đã đi về hướng nào; cũng giống như vậy, Như Lai sau khi đã bát Niết-bàn (thân chết) không thể được mô tả theo kiểu 04 trường hợp (của 04 câu hỏi đó). Ví dụ này chỉ liên quan tính hợp lệ của cách dùng thuộc ngôn ngữ và thuộc khái niệm, chứ không có ý tả thực rằng Như Lai đã đạt tới một trạng thái thần bí trong cõi Tuyệt Đối nào cả, như một số học giả đã cho rằng như vậy. Chữ "thâm sâu, không thể đo lường, khó thể đo đạt" là muốn chỉ cái phạm vi siêu việt của sự giải-thoát đã được chứng ngộ bởi bậc Tu Thành (A-la-hán, Phật), điều đó là không thể thấu đạt được bằng

những ý nghĩ suy lý.

- Dường như tại điểm này trong cuộc đối thoại, Phật phải nhờ cách dùng hình ảnh để giải thích cho những khái niệm không thể chuyển tải ý nghĩa. 02 hình ảnh là—ngọn lửa bị tắt đi và đại dương sâu—đã thiết lập một sự bất cập (bất tương đồng, khó hiểu, khó bào chữa) về mặt biện chứng, và do vậy cả 02 đều không nên bị chấp riêng để tránh rớt vào những quan-điểm một mặt phiến diện. (i) Hình ảnh ngọn lửa đã tắt đi, nếu tính riêng, là ngã theo hướng 'hoàn toàn tắt bặt', và do vậy cần được cân bằng bởi hình ảnh đại dương; hình ảnh đại dương, nếu tính riêng, đã gợi tả 'một phương thức bất diệt của chúng sinh', và do vậy cần phải được cân bằng bởi hình ảnh ngọn lửa đã tắt đi. Thêm nữa, sự-thật nằm ở chính giữa, vượt trên cả hai thái cực khó hiểu đó.] (723)

Kinh 73 734 [Câu hỏi này và câu hỏi kế tiếp đề cập tới thánh quả A-la-hán, mà [theo MA] Vacchagotta đã nghĩ đó là một đặc quyền riêng của Phật (chứ các đệ tử không chứng được).] (724) 735 [Câu hỏi này đề cập tới thánh quả Bất-lai. Nếu một bậc thánh Bất-lai là người sống tại gia, thì người đó chắc chắn chắn chắn sống giữ giới độc-thân,

bởi vì bậc Bất-lai là bậc đã cắt bỏ gông-cùm tham-dục.] (725) 736 [Câu hỏi này đề cập tới thánh quả Nhất-lai và Nhập-lưu, người tu này có thể vẫn còn thụ hưởng dục-lạc nếu người đó vẫn còn sống đời sống tại gia (cư sĩ).] (726) 737 [MA chú giải rằng: Lúc này thầy Vacchagotta đã chứng thánh quả Bất-lai và đang đến thỉnh cầu Phật chỉ dạy sự tu tập minh-sát (thiền quán) để đạt tới thánh đạo A-la-hán. Tuy nhiên, Phật đã nhìn thấy thầy ấy đã có những điều- kiện để chứng 06 loại trí-biết trực tiếp. Do vậy Phật đã chỉ dạy thầy ấy thiền- định (sự vắng-lặng) để tạo ra 05 trí-biết trực tiếp và thiền-quán (sự minh-sát) để đạt tới thánh quả A-la-hán.] (727) 738 [Cơ-sở thích hợp (āyatana) ở đây là tầng thiền định thứ tư để đạt được 05 trí-biết trực tiếp và sự minh-sát để đạt tới thánh quả A-la-hán.] (728) 739 [Nguyên văn câu này: Paricinṇo me Bhagavā, paricinṇo me Sugato. Đây là một cách gián tiếp để báo cho Đức Phật biết về sự chứng đắc thánh quả A- la-hán của thầy ấy. Những Tỳ kheo kia không hiểu điều này, và do vậy sau đó Phật đã giải thích ý nghĩa điều đó cho họ.] (729)

Kinh 74

740 [Du sĩ Dīghanakha là người cháu của thầy Xá-lợi-phất. Vào lúc này ông ta đến gặp Phật, thầy Xá-lợi-phất đã là một Tỳ kheo mới được 02 tuần và vẫn còn là một bậc Nhập-lưu.] (730) 741 [MA cho rằng ông Dīghanakha là một người theo thuyết diệt-vong (uc- chedavādin) và đã giải nghĩa câu tuyên bố này có nghĩa là: "Không có [hình thức] tái sinh nào là chấp nhận được đối với tôi." Tuy nhiên, lời kinh tự nó không đưa ra bằng chứng cụ thể nào để ủng hộ cách diễn dịch này của MA.

- Có lẽ đúng hơn là câu nói của Dīghanakha ["Không có gì là chấp nhận được đối với tôi" (sabbaṁ me nakhamati)] là cố ý dùng để chỉ riêng những quan-điểm học thuyết khác, và do vậy cho thấy ông Dīghanakha là một người hoài nghi triệt để và là loại người được đặc tả một cách châm biếm trong kinh MN 76.30 như một "người lươn lẹo". Câu khẳng định của ông có lẽ là tương đương với sự bác bỏ toàn bộ mọi quan-điểm

triết lý.] (731) 742 (Nghĩa là: ngay cả (A) cũng là một mệnh đề không chấp nhận được, cũng

Phần Chú Thích • 545

đáng hoài nghi, cũng không đáng tin, cũng chưa chắc là sự thật. Vậy là đối với ông, mọi mệnh đề đều không làm ông hài lòng hay chấp nhận là sự thật; ông hoài nghi tất cả).

[Chỗ đối thoại này, theo sự diễn dịch bởi MA và MṬ, nên được hiểu nghĩa như vầy: Bằng câu hỏi của mình, Phật đã gợi ý rằng lời khẳng định đó của ông Dīghanakha tự nó đã dính sự mâu thuẫn bên trong nó. Lẽ ra ông ta ít nhất cũng chấp nhận cái quan-điểm (a) của mình mới nói ra; nhưng đằng này rốt cuộc ông phủ nhận tất cả mọi mệnh đề, kể cả mệnh đề chính ông tuyên bố. Tuy nhiên, mặc dù ông Dīghanakha nhận ra hàm ý trong câu hỏi của Phật nhưng ông cứ tiếp tục khăng khăng quan-điểm của mình rằng "không có gì là chấp nhận được đối với ông ta".]

- (Chỗ này người dịch Việt tạm hiểu và dịch tiếng Việt như vậy, sau khi xét thấy không có hàm nghĩa khác. Tuy nhiên, người dịch vẫn đánh dấu (X) vì đoạn đầu kinh có thể là khó hiểu với nhiều người khi đọc các bản dịch).] (732) 743 [MA nói rằng: (i) câu đầu (nhiều người) là đề cập tới những người trước tiên nhận lấy một quan-điểm bất diệt (thường kiến) hay diệt vong (đoạn kiến) làm cơ sở, và rồi tiếp theo nhận lấy những biến-thể thứ cấp từ quan-điểm đó; (ii) câu thứ hai (ít người) là đề cập tới những người dẹp bỏ quan-điểm cơ sở của họ và không chọn lấy quan-điểm thay thế hay biến-thể nào khác. Nhưng nếu [như có vẻ hợp lý] ông Dīghanakha là một người hoài-nghi triệt để, thì câu nói của Đức Phật nên được hiểu là đã chỉ ra sự bất thỏa mãn vốn có sẵn trong lập trường của người hoài-nghi: đó là sự không thoải mái về mặt tâm lý nên cứ khăng khăng ở trong bóng tối (hoài nghi). Như vậy, phần lớn những người hoài-nghi, trong khi tuyên bố bác bỏ tất cả mọi quan-điểm, vẫn lén lút chọn lấy một quan-điểm nào đó; còn một số ít thì chịu dẹp bỏ sự hoài- nghi của mình để tìm kiếm con đường dẫn tới sự hiểu-biết của chính mình.] (733) 744 [MA thì định dạng 03 quan-điểm này lần lượt là quan-điểm bất diệt (thường kiến), quan-điểm diệt vong (đoạn kiến), và quan-điểm bất diệt bán phần (bán thường kiến). (i) Quan-điểm bất diệt là gần với tham-dục (sārāgāya santike) … vân vân, bởi vì nó khẳng định và mê thích sự hiện-hữu; (ii) quan-điểm diệt vong thì gần với sự vô-tham … vân vân, bởi vì, mặc dù nó dính líu một quan niệm sai lầm về một cái 'ngã' (ngã kiến, ngã chấp), nó

546 • Phần Chú Thích

dẫn tới sự không còn mê-thích (sự tỉnh ngộ) đối với sự hiện-hữu. Nếu quan- điểm thứ hai này được hiểu là chủ nghĩa hoài-nghi triệt để, thì nó có thể được coi là gần với sự vô-tham trong đó nó thể hiện 'sự không còn ảo-tưởng' về việc cố gắng củng cố sự ràng-buộc với sự hiện-hữu bằng nền tảng lý thuyết suông như vậy, và nhờ vậy thể hiện được bước tiến theo hướng dẫn đến sự chán-bỏ (đối với sự hiện-hữu). (Thực sự người dịch Việt cũng không thấu rõ ý nghĩa của lời chú giải này, cho dù chữ và nghĩa của nó đọc rõ ràng như vậy).] (?)] (734) 745 [MA: Giáo lý này được đưa ra để cho ông Dīghanakha thấy sự nguy-hại trong quan-điểm của ông và nhờ đó khích lệ ông dẹp bỏ

nó.] (735) 746 [MA: Tại thời điểm này ông Dīghanakha đã dẹp bỏ cái quan-điểm diệt vong của ông. Vì vậy bây giờ Phật bắt đầu chỉ dạy ông ta về thiền minh-sát (quán, tuệ), trước tiên theo cách quán xét 'sự vô-thường của thân' và sau đó theo cách quán xét 'sự vô-thường của những yếu-tố thuộc tâm' dưới tiêu đề "cảm-giác".] (736) 747 [MA chú giải bằng cách trích dẫn một bài thi kệ nói rằng một A-la-hán có thể dùng các đại từ 'tôi" và "của-tôi" nhưng không khởi sinh sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây) hay nhận lầm chúng là cái 'ta' hay 'tự ngã'; [coi kinh SN 1:05). Cũng coi thêm kinh DN 9.53, trong đó Phật đã giảng giải về sự sử dụng từ 'Ta' (ngã) như vầy: "Những chữ này chỉ là những danh từ, những sự diễn đạt, những vai trò (phiên) của lời-nói, là những cách dùng để gọi tên trong cách dùng thông dụng trong thế gian, Như Lai dùng chúng nhưng không hiểu lầm về chúng."] (737) 748 [MA: Sau khi đã suy xét về bài thuyết giảng được Phật nói cho người cháu của mình, Ngài Xá-lợi-phất đã tu tập sự minh-sát và đạt tới thánh quả A-la-hán. Còn du sĩ Dīghanakha thì chứng thánh quả Nhập-lưu (bằng các yếu tố như: không còn "nghi-ngờ", đã "nhìn thấy Giáo Pháp", đã "khởi sinh tầm- nhìn không còn dính bụi").] (738) 749 [Chỗ này mời coi lại chú thích 588–589, kinh MN 56.18.] (739)

Kinh 75 750 [Nguyên văn danh từ này: Bhūnahuno. Trong Ms, nhà sư Ñm đã diễn dịch chữ khó hiểu này là "kẻ phá hoại sự sống". Tôi làm theo nữ tiến sĩ Horner

dịch theo lời chú giải của luận giảng là hatavaḍḍhino mariyādakārakassa. MA giải thích rằng ông ta đang nắm giữ quan-điểm rằng "sự phát triển" nên được thực hiện đầy đủ đối với sáu căn cảm-nhận (sáu giác-quan) bằng cách trải nghiệm mọi đối-tượng giác quan mà người đó chưa trải nghiệm trước đó mà không dính-chấp theo những thứ vốn đã quen thuộc. Quan-điểm của ông như vậy là gần giống với thái độ đương thời rằng cường độ và sự đa dạng của sự trải nghiệm là điều tốt tột cùng và nên được theo đuổi (tu tập) chứ không cấm đoán hay kiềm chế. Lý do ông ta không tán đồng với Phật sẽ trở nên rõ ràng trong mục 8 của kinh này.] (740) 751 [MA giải nghĩa chữ nippurisa, nghĩa gốc là "không đàn ông", có nghĩa họ toàn là nữ. Không chỉ những nhạc công mà mọi người làm trong cung điện, kể cả những người gác cổng đều là nữ. Vua cha lúc đó đã chu cấp cho thái tử 03 cung điện và hàng phục vụ toàn nữ để cố giữ thái tử trong đời sống tại gia và làm cho thái tử quên lãng những ý nghĩ xuất gia của thái tử.] (741) 752 [MA diễn dịch rằng: Câu này là đề cập tới sự chứng đắc thánh quả A-la- hán dựa trên cơ sở tầng thiền định thứ tư. (Luận giảng Ps của Ngài Phật Âm cũng chú giải câu này tương tự: "Câu này là chỉ sự chứng định thánh quả A- la-hán (arahatta-phala-samāpatti) dựa trên sự định-tâm tinh khiết của tầng thiền định thứ tư.)] (742) 753 [Chữ "viparıtasaññā" trong kinh ở đây hàm nghĩa chỉ "sự nhận-thức sai lệch" (sannāvipallāsa), nhận thức thứ thực sự khổ là sướng ... MṬ nói rằng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là đau khổ vì chúng làm khởi sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc) đầy đau khổ và bởi vì chúng tạo ra những quả khổ đau sau đó và trong tương lai. Nữ tiến sĩ Horner đã nhầm khi dịch câu cuối là "[họ có thể] nhận một sự thay đổi về cảm-nhận và nghĩ nó là sướng" [MLS 2:187]. (743) 754 [Du sĩ Māgandiya rõ ràng đã hiểu bài thi kệ theo kiểu "58 tà-kiến" được nói trong kinh Lưới Trời (kinh Phạm Võng,

Brahmajāla Sutta) rằng: “Khi cái ‘ta’ này, được chu cấp và ưu đãi với năm dây khoái-lạc giác quan, say sưa trong chúng—tại điểm này cái ‘ta’ đạt tới Niết-bàn tối thượng ngay tại đây và bây giờ” [kinh DN 1.03.20]. (Đây là dạng chủ nghĩa khoái-lạc).] (744) 755 [MA chú giải: Toàn bài thi kệ đã được tụng đọc bởi những vị Phật trước kia những lúc họ đang ngồi giữa 04 loại hội chúng. Còn dân chúng thì chỉ biết đến nó như “một bài kệ liên quan tới điều thiện”. Sau khi vị Phật cuối

cùng (trước Phật Thích-Ca) qua đời, nó được lan truyền qua các du sĩ, vf họ chỉ bảo lưu được 02 dòng đầu của bài kệ và ghi trong kinh sách của họ.] (745) 756 [Từ nhấn mạnh ở đây là yeva (chính là, chính là, chủ yếu là) hàm ý sự dính-chấp (chấp thủ, thủ) trước giờ chính là hay chỉ là dính chấp vào sắc- thân, cảm-giác … và nhận lầm đó là cái ‘Ta’, cái ‘của-ta’, và ‘bản ngã của ta’. (Nói cách khác, cái mà ta dính chấp vào chỉ là sắc-thân, chỉ là cảm-giác … chỉ là thức chứ không phải một cái ‘Ta’ nào có tự tính, bền chắc, thường hằng như một cái ‘ta’ mà ta đã chấp lầm). Khi một người khởi sinh tầm- nhìn—đây là một thuật ngữ ẩn dụ để chỉ thánh đạo Nhập-lưu—thì ‘quan- điểm có danh-tánh’ hay ‘có cái ‘Ta’ (thân kiến) bị bứng bỏ ngay, và người đó hiểu được rằng năm uẩn chỉ là những hiện-tượng trống không không chứa cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào mà trước đó người đó cứ lầm tưởng và dính chấp theo chúng.] (746) 757 [“Này” ở đây là chỉ năm uẩn.] (747)

Kinh 76 758 [Ở đây có chữ tiracchānakathā. Nhiều dịch giả đã diễn dịch chữ này là “cuộc nói chuyện của loài vật”. Tuy nhiên chữ tiracchāna có nghĩa gốc là “đi ngang, theo chiều ngang”, và mặc dù chữ này được dùng để chỉ những loài thú vật (bàng sinh), MA vẫn giải nghĩa rằng trong ngữ cảnh lời kinh ở đây nó có nghĩa là cuộc nói chuyện một cách “theo chiều ngang” (ngang trái) hay “vuông góc” (chéo hướng) với con-đường dẫn tới cõi trời và sự giải-thoát. (Nói cách khác: (i) những người dịch dựa theo nghĩa gốc (đi ngang, bàng sinh, chỉ loài vật) là “sự nói chuyện của họ” giống như “sự nói chuyện của loài vật” (tức vô nghĩa, ngu si) và (ii) luận giảng MA chú giải cũng dựa theo nghĩa gốc (đi ngang, ngang trái, chéo hướng, khác đạo) là “sự nói chuyện của họ” là ngang trái so với chánh đạo dẫn tới cõi trời và sự giải-thoát.).] (748) 759 [(1) “04 cách phủ định đời sống tâm linh (đời sống phạm hạnh, đời tu hành)” [chữ abrahmacariyavāsā nghĩa gốc là: những cách không phải là sự sống đời sống tâm linh] ở đây là chỉ những giáo lý hay cách tu mà theo nguyên lý chúng sẽ vô hiệu hóa triển vọng đạt tới những đạo quả rốt ráo của pháp môn tâm linh (đạo pháp). Như lời kinh sẽ tiếp tục nói ra bên dưới, rằng những người tu theo những giáo lý đó—vốn không nhất quán (mâu thuẫn) với chính những giáo lý đó—đã giữ giới độc-thân và thực hành pháp tu hành

xác khổ hạnh. (2) Còn “04 loại đời sống tâm linh không có sự yên-ủi” (anassāsikāni brahmacariyāni) mặc dù không phá hoại những nguyên lý của đời sống tâm linh, nhưng chúng cũng không mang lại triển vọng đạt tới những thánh quả rốt ráo của đạo pháp.

- (chân đạo: đường-lối đích thực, pháp môn chân thực (ngược với đường-lối sai lạc, pháp môn sai lầm (tà đạo); thiện Pháp: Giáo Pháp thiện lành (ngược với Giáo Pháp bất thiện, tà Pháp).] (749) 760 [Đoạn này cho thấy những tiền đề của chủ nghĩa duy vật trong quan-điểm của chủ nghĩa hư-vô (từ chối tất cả mọi giáo lý tâm linh và tôn giáo; coi cuộc đời là vô nghĩa) như đã được nói trước đây trong kinh MN 60.7. Kinh Sa- môn Quả (Sāmannaphala Sutta) cũng mô tả và cho rằng quan-điểm này là của Ajita Kesakambalin [DN 2.23].] (750) 761 [Ý ở đây là: ngay cả khi một người không sống đời sống tâm linh, người đó cũng cuối cùng gặt hái những phần quả như những người sống đời sống tâm linh gặt hái; (người tu hành hay không tu hành đều có số phận như nhau), vì phần còn lại của đoạn này sẽ làm rõ ý này.] (751) 762 [Bắt đầu đoạn trong ngoặc […] này là quan-điểm 'bảy thân'. Trong Kinh Sa-môn Quả (Sāmannaphala Sutta) cái quan-điểm có "không-gian giữa bảy thân" được cho là của Pakudha Kaccāyana [DN 2.26]. Tuy nhiên trong kinh đó, đoạn cuối lặp lại "kẻ ngu và người trí … đều sẽ thoát khỏi sự khổ đau" là nối kết với thuyết phi nhân-duyên, và tiếp theo ngay sau đó là đoạn nói về thuyết phi nhân-duyên, mục 13. Toàn bộ quan-điểm này được cho là của Makkhali Gosāla. Bởi vì có những sự nối kết thấy rõ giữa thuyết phi nhân- duyên và những thứ trong hệ thống xếp loại [chẳng hạn khi đề cập tới "sáu giai-cấp", và do cả hai đều được biết là quan-điểm tiêu biểu của phong trào Ājīvaka được dẫn đầu bởi Makkhali Gosāla, cho nên có lẽ hệ thống xếp loại ở đây có "bảy thân" là đã được tạo ra do lỗi truyền miệng mà có. Phiên bản đúng về hệ thống xếp loại các thứ bởi những người ngoài đạo Ājīvaka có lẽ là trong Bộ Kinh Dài hay Trường Kinh Bộ (DN). Để đọc hệ thống xếp loại các thứ đó, coi lại bài giảng về Kinh Sa-môn Quả của TKBĐ, trang 72–77.

- (Thuyết này 'bảy thân' này cũng có ghi trong kinh SN 24:08).] (752) 763 [Đây là tuyên bố của giáo chủ đạo Jain là Ni-kiền-tử Nātaputta đã được nói trong kinh MN 14.17, và trong kinh AN 9:38 chúng ta thấy cả Ni-kiền-tử

Nātaputta và Pūraṇa Kassapa cũng đều tuyên bố 'sự biết và thấy tất-cả'. Sự thật rằng [ông ta đã có những phán đoán tồi (ví dụ nhà không có ai mà ông tưởng có người nên vô khất thực…) và luôn phải đặt những câu hỏi như vậy (đã cho thấy ông không thể biết gì)] thì đâu phải ông là bậc thấy và biết tất- cả, và do vậy không thể nào bào chữa cho lời tuyên bố của ông là bậc toàn- trí, thấy và biết tất-cả.] (753) 764 [Hai chữ này, như được ghi trong BBS và SBJ, chúng ta nên đọc là sussutaṁ và dussutaṁ. PTS thì ghi là sussataṁ và dussataṁ rõ ràng là bị sai.] (754) 765 [MA: Lập trường kiểu này này được gọi là sự lươn-lẹo (amarāvikkhepa) bởi vì giáo thuyết của người đó ngã tứ tung bên này bên kia, bên kia bên nọ, lúc này lúc khác, léo qua lận lại, giống như một con lươn uốn éo dưới nước và trên bờ và do vậy rất khó mà 'bắt' được nó. Trong Kinh Sa-môn Quả (Sāmannaphala Sutta) lập trường lươn-lẹo kiểu này được gán cho ông Sañja- ya Belaṭṭhiputta [DN 2.32].

- Rất có thể những người 'lươn-lẹo' ở đây là một lớp người hoài-nghi triệt để, họ luôn luôn nghi vấn về toàn bộ triển vọng có thể đạt tới trí-biết xác thực về những vấn-đề tột cùng rốt ráo (như sự giác-ngộ, sự giải-thoát, Niết-bàn).] (755) 766 [MA giải thích nghĩa

là: Người đó không còn khả năng cất giữ những thực phẩm và những thứ đồ đạc tiện nghi để hưởng thụ. (Ví dụ, một A-la-hán không cất giữ thức ăn, gạo đậu hay quần áo, chăn mền để sử dụng cho sướng thân…).] (756) 767 [Trong kinh dài DN 29.26 còn liệt kê thêm 04 điều nữa mà một A-la-hán không thể làm: người đó không còn khả năng dính vào 04 đường nghiệp bất thiện sai trái vì tham, sân, si (vì bậc A-la-hán đã tiêu diệt tham, sân, si).] (757)

[Sự dịch đoạn này làm theo cách ghi trong SBJ và PTS. Cách ghi trong 768

BBS thì nhiều chi tiết hơn, kỹ và dài dòng hơn.] (758) 769 [Những người giải-thoát ở đây là dịch chữ niyyātāro: Ñm đã dịch chữ này là "những người dẫn dắt", nữ tiến sĩ Horner dịch là "những người lãnh đạo lớn". Rõ ràng hai người đều đã dịch theo PED, trong đó coi chữ niyyātar là

một danh từ tác nhân liên quan chữ niyyāma(ka) (người lái, người cầm lái). Nhưng chữ niyyātar chắc hẳn là danh từ tác nhân của động từ niyyāti (đi ra, thoát ra [tới sự giải-thoát cuối cùng]), và do vậy được dịch là "người giải- thoát". Đây có lẽ là chỗ duy nhất trong toàn Kinh Tạng các Nikāya có chữ này được dùng và có nghĩa như vậy.] (759) 770 [Về 03 đạo sư của những người ngoại đạo Ājīvaka, mời coi lại kinh MN 36.5 và chú thích 383 ở đó (Quyển 1). MA giải thích cụm chữ puttamatāya puttā (những đứa con đã chết của những bà mẹ) như vầy: "Nghĩa là, du sĩ Sandaka đang có ý tưởng 'Những Ājīvaka đã chết; mẹ của họ có những đứa con đã chết.'", (nghĩa bóng là: coi như đã chết rồi, vì đã lầm đường lạc lối).] (760)

Kinh 77 771 [Nguyên văn cụm chữ: Anāgataṁ vādapathaṁ. Ñm đã dịch là: "một hệ quả hữu lý tương lai của một điều khẳng định". Nghĩa dường như là Đức Phật hiểu được tất cả những hệ luận không được nói ra của giáo thuyết của mình cũng như những giáo thuyết của những giáo phái đối nghịch khác.] (761) 772 [Toàn bộ Bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) đã được giảng giải trong kinh MN 10.

- Từ chỗ này trong kinh này trở xuống: là 07 nhóm "những trạng thái thiện" [mục 15–21] tạo thành 37 phần trợ-giúp giác-ngộ (37 phần bồ-đề; 37 phần trợ đạo; bodhipakkhiyā dhammā).] (762) 773 [Abhinnāvosānapāramippatta: sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp. MA giải thích cụm chữ này chỉ sự chứng đắc thánh quả A-la-hán. Đây có lẽ là nghĩa duy nhất mà chữ pāramī (sự hoàn-thiện) mang trong toàn bộ Kinh Tạng các Nikāya. Còn sau đó trong kinh điển Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda), bắt đầu từ những tác phẩm như Buddhavaṁsa (bộ Phật Sử) thì chữ pāramī này mới đi đến mang nghĩa chỉ những phẩm-hạnh hoàn thiện (ba-la-mật) mà một vị bồ-tát (bodhisatta) phải tu tập hoàn thiện qua nhiều kiếp để có thể đạt tới quả vị Phật. Trong ngữ cảnh đó thì chữ pāramī là tương ứng với chữ pāramitā của kinh điển Đại Thừa (Mahāyāna), mặc dù danh sách những phẩm-hạnh ba-la-mật (của Đại Thừa và của Phật giáo Nguyên thủy) thì chỉ giống nhau một phần.] (763)

774 [MA chú giải sự giải-thoát (vimokkha) ở đây có nghĩa là (a) sự giải-thoát hoàn toàn [nhưng tạm thời] của tâm khỏi những trạng thái ngược lại, và (b) sự giải-thoát hoàn toàn [nhưng tạm thời] bằng sự thích thú vào một đối- tượng. Nói rõ hơn, (i) sự giải-thoát thứ nhất là sự chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới (jhana) khi dùng một vật thể [kasiṇa] (làm đối-tượng thiền định) [coi mục 24 ké dưới và chú thích 768 ở đó] có từ một đối-tượng có màu sắc trong thân thể của người thiền; (ii) sự giải-thoát thứ hai là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới khi dùng một kasiṇa có từ một đối-tượng bên ngoài; (iii) sự giải-thoát thứ ba có thể được hiểu là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới thông qua một kasiṇa rất tinh khiết và có màu sắc đẹp đẽ, hay 04 sự an trú cõi trời (phạm trú, brahmavihāra). (iv)-(viii) sự giải-thoát thứ tư đến thứ tám là gồm 04 tầng chứng đắc vô-sắc và trạng thái diệt thọ tưởng (diệt định).] (764) 775 [MA giải thích rằng: đây được gọi là những cơ-sở cho sự vượt-trên (ab- hibhāyatana) bởi vì chúng vượt trên (abhibhavati: vượt trên, vượt khỏi, vượt qua, vượt thoát) những trạng thái ngược lại và những đối-tượng. Nói rõ hơn: (i) vượt qua những trạng thái ngược lại bằng cách áp dụng thứ giải trị đối trị đúng đắn, và (ii) vượt qua những đối-tượng thông qua sự khởi sinh của trí- biết.] (765) 776 [MA chú giải: Người thiền làm công việc sơ khởi trên một hình-sắc ở bên trong—chẳng hạn: màu xanh của mắt dùng làm một kasiṇa-xanh, màu da dùng làm một kasiṇa-vàng, máu dùng làm một kasiṇa-đỏ, răng dùng làm một kasiṇa-trắng—nhưng dấu-hiệu (nimitta, tướng, hình tướng) của sự định-tâm thì khởi sinh ở bên ngoài. Cái "sự vượt trên" những hình-sắc là sự chứng đắc tầng thiền định cùng với sự khởi sinh của dấu-hiệu. Sự nhận-thức "tôi biết, tôi thấy" là sự chú-tâm (ābhoga) diễn ra sau khi người thiền thoát ra khỏi tầng thiền định, không phải xảy ra trong tầng thiền định. Cơ-sở để vượt-trên thứ hai khác với cơ-sở thứ nhất chỉ ở chỗ sự khuếch trương dấu-hiệu từ kích thước hữu hạn tới vô hạn.] (766) 777 [MA chú giải: Cơ-sở thứ ba và thứ tư thì công việc sơ khởi được làm trên một hình-sắc ở bên ngoài và dấu-hiệu của sự định-tâm khởi sinh ở bên ngoài. Cơ-sở thứ năm cho đến thứ tám thì khác cơ-sở thứ ba và thứ tư ở chỗ chúng có sự tinh khiết hơn và có ánh màu của màu sắc của chúng.] (767) 778 [Định nghĩa: Kasiṇa là một đối-tượng thiền định xuất thân từ (có từ, được

hình dung từ) một vật thể cung cấp sự trợ giúp để (người thiền) có được cái dấu-hiệu (tướng, hình tướng) được hình dung ở bên trong nó. Như vậy, lấy ví dụ, một cái dĩa làm từ đất sét có thể được dùng làm đối-tượng sơ khởi để thực tập kasiṇa-đất; một chén nước để thực tập kasiṇa-nước. (Người tu hình dung tướng đất bên trong cái dĩa làm từ đất, hình dung tướng nước bên trong chén đựng nước, hình dung tướng xanh bên trong mắt xanh, hình dung tướng đỏ bên trong máu đỏ ...).

- Những kasiṇa đã được giảng giải chi tiết trong Vsm IV và V. Tuy nhiên, trong đó kasiṇa-không gian được hạn chế trong một không gian hữu hạn, và kasiṇa-thức thì được thay thế bởi kasiṇa-ánh sáng.] (768) 779 [Những ví dụ về trạng thái 04 tầng thiền định từ mục 25-28 trong kinh này cũng có ghi tương ứng trong các mục 15-18 của MN 39, và những ví dụ về 03 loại trí-biết ở cuối kinh này từ mục 34–36 cũng có ghi tương

ứng các mục 19-21 của kinh MN 39..] (769) 780 [Từ mục 29–36 mô tả 08 loại trí-biết cao hơn, mà trong kinh Những Kết Quả của Đời Sống Sa-môn (kinh Sa-môn Quả; Sāmannaphala Sutta), đã được mô tả là những kết-quả cao siêu của đời sống tu hành.] (770)

Kinh 78 781 [MA chú giải: khu tịnh xá này đã được cho xây bởi hoàng hậu Mallikā của vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của vương quốc Kosala (Kiều-tất-la), và nó được làm đẹp bởi nhiều cây hoa và cây ăn trái. Đầu tiên chỉ xây một hội trường, như tên gọi của nó, nhưng sau đó xây thêm nhiều hội trường. Nhiều nhóm đoàn những bà-la-môn và những du sĩ hay tụ họp ở đây để diễn thuyết và thảo luận về những giáo thuyết của họ.] (771) 782 [MA chú giải: Trước tiên Đức Phật chỉ ra cảnh giới và tình trạng của một A-la-hán, là bậc không còn tu học (vô học nhân) [tức chỉ ra 10 phẩm-chất], rồi sau đó Phật thiết lập một đề-cương áp dụng cho những người đang còn tu học (học-nhân, sekha). Chữ được dịch là "những thói quen" hay "những tập quán" ở đây là chữ sīla (giới), chữ sīla này thông dụng trong ngữ cảnh nghĩa rộng hơn thì có thể dịch là "những giới-hạnh".] (772) 783 [MA chú giải chỗ này là đề cập thánh quả Nhập-lưu, vì chính ngay chỗ này phần giới-hạnh kiềm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo) đã được

hoàn thiện [và, đối với Phật tử tại gia, đó là sự hoàn thiện Năm Giới]. MA cũng tiếp tục chú giải những đoạn sau bằng cách đề cập tới những thánh đạo và thánh quả tiếp theo. Mặc dù lời kinh rõ ràng không đề cập gì tới những sự chứng đắc như vậy, nhưng sự diễn dịch của luận giảng MA chắc đã được suy luận từ thành ngữ aparisesā nirujjhanti (chấm dứt sạch sẽ, không còn tàn dư), bởi vì chỉ có sự chứng đắc những thánh đạo và thánh quả thì mới xảy ra sự chấm-dứt sạch sẽ một loại ô-nhiễm nào đó. Cách diễn dịch này của luận giảng cũng được ủng hộ bởi phần chung-kết của bài kinh bằng hình ảnh của A-la-hán.] (773) 784 [MA chú giải: Khi còn trong thánh đạo Nhập-lưu, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, những thói quen bất thiện được cho là đã chấm dứt.] (774) 785 [Chỗ này chỉ A-la-hán, là người duy trì hành vi có đức-hạnh của mình nhưng không còn nhìn nhận 'mình' với đức-hạnh 'của mình' bằng sự nhìn nhận cái 'ta' hay 'của-ta'. Vì những thói quen có đức-hạnh của một A-la-hán không còn tạo nghiệp, nên chúng không thể được mô tả là "thiện" hay gì nữa.] (775) 786 [MA chú giải: Khi còn trong thánh đạo A-la-hán, người đó được cho là đang tu tập để dẫn đến sự chấm-dứt những thói quen thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả A-la-hán, những thói quen thiện được cho là đã chấm dứt. (Thánh đạo A-la-hán: đang dẹp bỏ những thói quen thiện; thánh quả A- la-hán: đã diệt sạch những thói quen thiện).] (776) 787 [MA chú giải: Chỗ này đề cập tầng thiền định thứ nhất thuộc thánh quả Bất-lai. Thánh đạo Bất-lai bứng bỏ tham-dục và ác-ý, và nhờ vậy ngăn chặn sự tái khởi sinh trong tương lai của 03 ý định bất thiện—ý định tham-dục, ý định ác-ý, và ý định hung-dữ.] (777) 788 [MA chú giải: Khi còn trong thánh đạo Bất-lai, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả Bất-lai, những ý định bất thiện được cho là đã chấm dứt. (Thánh đạo

Bất-lai: đang dẹp bỏ những ý định thiện; thánh quả Bất-lai: đã diệt sạch những ý định thiện).] (778) 789 [MA chú giải: Chỗ này đề cập tầng thiền định thứ hai thuộc thánh quả A-

la-hán.] (779) 790 [MA chú giải: Khi còn trong thánh đạo A-la-hán, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả A-la-hán, những ý định thiện được cho là đã chấm dứt. Vì những ý định có đức-hạnh của một A-la-hán không còn tạo nghiệp, nên chúng không thể được mô tả là "thiện" hay gì nữa. (Thánh đạo A-la-hán: đang tu tập để dẹp bỏ những ý định thiện; thánh quả A-la-hán: đã diệt sạch chúng).] (780) 791 [Chỗ này coi lại kinh MN 65.34.] (781)

Kinh 79 792 [Coi chú thích 408 ở kinh MN 38, mục 19.] (782) 793 [Nguyên văn câu cuối: Evaṁvaṇṇo attā hoti arogo param maraṇā. Chữ arogo thường có nghĩa là "khỏe mạnh", ở đây nên được hiểu có nghĩa là 'thường hằng'. MA chú giải rằng ý ông ta muốn chỉ sự tái sinh trong cõi trời Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên), đó là cảnh giới đối ứng của tầng thiền định thứ ba, mà ông ta đã từng nghe chứ cũng chưa tự thân chứng đắc nó. Quan-điểm này của ông ta dường như rớt vô loại tà-kiến như đã được mô tả trong kinh MN 102, mục 3.] (783) 794 [Những người dịch kinh trước kia dường như đã bị bối rối bởi chữ anassāma. Vì vậy, Ñm trong Ms đã dịch là: "Chúng tôi không từ bỏ những giáo thuyết của những vị thầy của mình là vì lý do này." Và nữ tiến sĩ Horner dịch: "Chúng tôi đã nghe được tới đây từ những vị thầy của chúng tôi." Nhưng chữ anassāma là thời quá khứ bất định của động từ nassati (làm hư hỏng, bị sai lạc, lầm lạc). Dạng chữ này cũng có xảy ra trong kinh MN 27.7. MA chú giải rằng: họ biết rằng trong quá khứ những người thiền làm công việc chuẩn bị (sơ khởi) dựa trên kasiṇa, chứng đắc tầng thiền định thứ ba, và được tái sinh trong cõi trời Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên). Nhưng theo thời gian, công việc chuẩn bị dựa trên kasiṇa không còn được hiểu biết bởi người đời sau, và do vậy những người thiền sau này không thể chứng đắc tầng thiền định thứ ba. Những du sĩ chỉ học được tới "một cảnh giới toàn sướng", và năm phẩm-chất đã được ông du sĩ nói ra ở mục 21 thì không phải là "phương cách thực hành" để chứng ngộ cảnh giới đó. Họ không biết gì về những cảnh giới toàn sướng cao hơn tầng thiền định thứ ba, và không biết gì

về phương cách tu tập cao hơn năm phẩm-chất đó.] (784) 795 [MA giải thích: Sau khi chứng đắc tầng thiền định thứ tư, bằng năng-lực siêu thường người đó đi đến cảnh giới Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên) và nói chuyện với những thiên thần ở đó.] (785) 796 [MA giải thích rằng: trong kiếp trước, du sĩ này đã từng là một Tỳ kheo trong thời kiếp của Đức Phật Kassapa (Ca-diếp), lúc đó ông đã xúi một Tỳ kheo bỏ tu hoàn tục để ông có được cà sa và bình bát của Tỳ kheo đó, và chính cái nghiệp cản trở này đã báo ứng và cản trở ông ta không thể xuất gia theo Đức Phật Thích-Ca trong kiếp này. Nhưng Phật đã thuyết giảng cho ông ta 02 kinh dài để cung cấp cho ông ta một điều-kiện

(duyên) để trong tương lai ông có thể chứng ngộ. Vào thời Vua Asoka (A-dục vương) ông ta đã xuất gia là Tỳ kheo Trưởng Lão Assagutta và đã chứng ngộ A-la-hán, là người siêu xuất về pháp tu "thiền về tâm-từ".] (786)

Kinh 80 797 [MA nhận diện Vekhanassa chính là sư thầy của du sĩ Sakuludāyin đã được nói đến trong kinh MN 77 và kinh MN 79 kế trên.] (787) 798 [MA chú giải: Cho dù ông ta là một du sĩ nhưng ông ta rất muốn những khoái-lạc giác quan. Từ chỗ này Đức Phật đưa ra giáo lý này để làm cho ông ta nhận ra sự quan tâm mạnh mẽ của ông ta đối với những khoái-lạc giác quan, và do vậy bài thuyết giảng này rất hữu ích cho ông.] (788) 799 [Trong tiếng Pāli câu này là dạng một câu đố, và cách dịch ở đây chỉ là sự phỏng đoán. MA giải thích rằng "khoái-lạc nằm ở đỉnh của thứ thuộc dục (giác quan)" [tức dục lạc cao nhất" (kāmaggasukhaṁ)] chính là Niết-bàn.] (789)

Kinh 81 800 [Đến cuối kinh này Phật Thích-Ca đã nói với ngài Ananda rằng Phật Thích-Ca chính là môn sinh Jotipāla trong thời kiếp đó. Trong kinh SN 1:50, thiên thần Ghaṭīkāra đã đến thăm Đức Phật Thích-Ca và nhắc lại tình bạn hữu của họ trong thời kiếp quá khứ.] (790) 801 [Câu này dường như thường được dùng bởi những bà-la-môn để biểu hiện

sự bất đồng đới với những người xuất gia, trái với lý tưởng sống tại gia và duy trì dòng dõi của những bà-la-môn.] (791) 802 [Ở phương Đông và Ấn Độ, trong những trường hợp thông thường nếu một người giai cấp thấp hơn mà chạm vào đầu người giai cấp cao hơn thì sẽ bị cho là vô lễ, vi phạm nghi thức lễ nghĩa. MA diễn dịch rằng Ghaṭīkāra đã sẵn sàng chấp nhận rủi ro vi phạm đó để cố thuyết phục Jotipāla đến gặp Đức Phật Ca-Diếp.] (792) 803 [MA chỉ ra rằng: những vị bồ-tát xuất gia dưới những vị Phật, thanh lọc giới-hạnh, học hiểu những giáo lý của vị Phật, thực hành đời sống thiền định, và tu tập sự minh-sát (thiền quán) cho tới khi đạt được trí-biết phù hợp (anu- lomanāṇa). Nhưng họ không cố gắng để chứng đắc những thánh đạo và thánh quả [vốn sẽ chấm dứt sự nghiệp bồ-tát của họ]. (Nói cách khác: những vị bồ- tát là những người chưa chứng nhập vào dòng thánh đạo, hoặc có thể, cao nhất chỉ là Nhập-lưu hay Nhất-lai để còn có cơ hội quay lại thế gian tiếp tục hạnh nghiệp bồ-tát; nếu họ chứng các thánh quả Bất-lai hay A-la-hán thì họ không còn cơ hội quay lại thế gian nữa).] (793) 804 [Những đức hạnh của người thợ gốm này gần giống của một Tỳ kheo mà một cư sĩ có thể dẫn dắt đời sống của mình như vậy khi sống tại gia. MA chú giải rằng anh ta không bán buôn những đồ gốm sứ mình làm ra mà sau khi làm ra anh mang đi trao đổi những thứ cần thiết khác với những người trong làng trong xóm (ví dụ nhu đổi lấy gạo để ăn…).] (794) 805 [MA chú giải rằng anh ta từ chối nhận vì bản tính "ít mong cầu" (appic- chatā) (thiểu dục tri túc) của mình. Anh ta nhận biết rằng nhà vua đã gửi chỗ thực phẩm cho anh ta bởi vì nhà vua đã nghe Phật Ca-Diếp kể lại những đức- hạnh của anh ta, nhưng anh ta nghĩ rằng: "Mình không cần phải có những thứ này. Với những thứ mình có thể có được từ công việc làm gốm, mình có thể nuôi dưỡng cha mẹ và cúng dường thức ăn cho Đức Phật".] (795)

Kinh 82 806 [Raṭṭhapāla là người đã bỏ ăn thà chết nếu cha mẹ không cho xuất gia đi tu, và nhờ đó cha mẹ đã đồng ý cho thầy ấy đi tu. Sau đó Tỳ kheo Raṭṭhapāla đã được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những người đã xuất gia vì niềm- tin đối với Phật. Thi kệ của thầy ấy là Thag 769–93.] (796)

807 Tôi lược bỏ những hàng chữ bắt đầu là ehi tvaṁ Raṭṭhapāla, trong SBJ có ghi và trong PTS được ghi trong ngoặc […] và trong BBS thì được ghi trong phần chú giải. Những hàng chữ này có lẽ phù hợp hơn trong mục 8 bên dưới, với động từ uṭṭhehi thay thế cho ehi.] (797) 808 [Mặc dù lời kinh gốc đã ghi "không lâu", MA đã chú giải rằng cũng đã mất 12 năm chuyên-cần tu (tinh cần, phấn đấu) thầy Raṭṭhapāla mới đạt được thánh quả A-la-hán. Lời chú giải này có lẽ chính xác nếu chiếu theo một sự kiện là trong lần thầy ấy trở về thăm cha mẹ của mình, người cha lúc đầu đã không nhận ra con trai mình (nghĩa là thời gian cũng đã qua lâu, sắc diện thầy ấy đã già đi và khác đi nên người cha đã không nhận ra con trai mình).] (798) 809 [MA chú giải rằng cha của thầy ấy muốn nói ý là: "Này Raṭṭhapāla, con yêu dấu của ta, có của cải của chúng ta mà—chúng ta đâu bị gọi là nghèo khó—mà sao con lại ngồi ở một nơi như vầy ăn cháo cũ!" Nhưng do ông đã đã đau đớn với nỗi sầu mất con nên lúc này cứ ú ớ và không thể nói ra đủ chữ đủ lời.] (799) 810 [Những dòng thi kệ này rõ ràng là nói về những người vợ cũ của thầy ấy, được trang điểm để quyến rũ thầy ấy quay lại đời sống tại gia. Lạ thay là, trong toàn phần văn xuôi của kinh không thấy nói gì về những người vợ của thầy ấy đã có trước khi xuất gia.] (800) 811 [MA: Khi nói tới vị Tỳ kheo trưởng lão này, nhà vua đã nói lời đề cao trước quân đội và hậu cung của ông như vầy: "Người trẻ tuổi đó đã làm xong điều khó làm—sau khi dẹp bỏ tài sản của cải lớn lao, người đó đã xuất gia không bao giờ quay lại hay thay đổi."] (801) 812 [Nguyên văn: Upanīyati loko addhuvo. MA giải nghĩa là: Nó bị cuốn đi theo hướng già-chết.] (802) 813 [Nguyên văn: Attāṇo loko anabhissaro. MA giải nghĩa là: Không ai có thể cung cấp cho thế gian nào một nơi trú-ẩn hay có thể an ủi thế gian bằng một chỗ nương-tựa nào cả. Dĩ nhiên ý câu này muốn nói là không có chỗ nương- tựa nào từ thế gian, ngoài chỗ nương-tựa là Giáo Pháp (mà Đức Phật đã nói trước khi từ giã trần gian).] (803) 814 [Nguyên văn câu này: Assako loko sabbaṁ pahāya gamanīyaṁ.] (804)

815 [Nguyên văn câu này: Ūno loko atitto taṇhādāso.] (805)

Kinh 83 816 [Coi kinh Chuyện Tiền Sinh Makhādeva (Makhādeva Jātaka) [kinh số 9] và Chuyện Tiền Sinh Nimi (Nimi Jātaka) [kinh số 541]. Vua Makhādeva và Vua Nimi là những kiếp tiền sinh của Đức Phật Thích-Ca.] (806) 817 [Khu vườn là do vua Makhādeva đã trồng và do vậy vẫn mang tên của ông.] (807) 818 [MA: Nghĩa là ông ta đã được thiết lập trong 10 đường nghiệp thiện.] (808) 819 [Ngày Bố-tát [Uposatha] là một ngày giữ giới tôn giáo (ngày trai giới) vào thời Ấn Độ cổ, và nó đã thấm nhuần và du nhập vào Phật giáo. Coi lại chú thích 59 ở kinh MN 04, mục 20.] (809) 820 [Theo vũ trụ học Phật giáo, dãi tuổi thọ của con người dao động từ tối thiểu 10 năm cho đến tối

đa là nhiều ngàn năm. Vua Makhādeva đã sống vào thời thuộc dãi tuổi thọ dài.] (810) 821 [Về "những thiên sứ" (sứ giả cõi trời)—là những dấu hiệu báo trước về sự già, bệnh, chết—coi thêm kinh MN 130.] (811) 822 [MA chú giải rằng: Trước tiên Mātali lái nhà vua qua đường tới địa ngục, sau đó quay lại, và lái nhà vua qua đường tới cõi trời.] (812) 823 [MA: Sự thực-hành tốt lành đó đang bị phá vỡ bởi một Tỳ kheo đức hạnh khi người đó nghĩ rằng 'Mình không thể chứng đắc A-la-hán' và do vậy người đó không nỗ-lực thực hành. Sự thực-hành đã bị phá vỡ bởi một Tỳ kheo suy đồi. Sự thực-hành đang được kế tục bởi 07 hạng thánh học-nhân (sekha). Sự thực hành đã được kế tục bởi bậc A-la-hán.] (813)

Kinh 84

[Về ngài Đại Ca-chiên-diên, mời coi lại chú thích số 230 ở kinh MN 18, 824

mục 10.] (814) 825 [Từ đoạn kinh này cho thấy: mặc dù có sự cứng nhắc về giai cấp như vậy

nhưng nó vẫn cho thấy rằng hệ thống giai cấp ở Ấn Độ thời đó cũng co giãn (lẫn lộn trên dưới) một cách đáng kể hơn so với hệ thống giai cấp kế thừa sau đó lại rất nghiêm ngặt (giai cấp nào ra giai cấp đó; ví dụ, một bà-la-môn cho dù nghèo hơn cũng không phục tùng một thương buôn giàu có hơn; không lẫn lộn về giai cấp).] (815)

Kinh 85 826 [Hoàng tử Bồ-Đề [Bodhi] là con trai của Vua Udena của xứ Kosambī; mẹ của hoàng tử là con gái của Vua Caṇḍappajjota của xứ Avantī. Phần kinh từ mục 2-8 cũng được thấy có ghi trong Luật Tạng Vin Cv Kh 5/ii.127–29, là lý do dẫn tới sự ban hành điều giới-luật được nói đến trong chú thích kế tiếp bên dưới.] (816) 827 [MA giải thích rằng Hoàng tử Bồ-Đề lúc này chưa có con trai và đang muốn có con trai. Hoàng tử nghe đồn người ta có thể làm được ước muốn của mình bằng cách cúng dường cho Đức Phật, do vậy hoàng tử đã cho phủ vải trắng hết cầu thang với ý nghĩ: "Nếu ta sắp có con trai, Phật sẽ bước lên tấm vải; nếu ta không có con trai, Phật sẽ không bước lên tấm vải." Đức Phật đã biết rằng do nghiệp ác trong quá khứ nên hoàng tử và vợ sẽ vô sinh. Cho nên Phật đã không bước lên tấm vải.

- Và sau sự việc này Đức Phật đã đưa ra điều giới-luật cấm những Tỳ kheo bước lên vải trắng, nhưng về sau điều luật đã được chỉnh sửa lại cho phép những Tỳ kheo được bước lên vải trắng như một điều phúc lành cho những gia chủ.] (817) 828 [Nguyên văn câu này: Pacchimaṁ janataṁ Tathāgato apaloketi. Phiên bản Luật Tạng Vin thì ghi chữ anukampati (có lòng bi-mẫn) nghe có vẻ đúng hơn. MA chú giải rằng Ngài Ānanda đã nói câu này với ý nghĩ trong tâm là: "Vào những thời sau này người ta sẽ tới tôn vinh những Tỳ kheo như một cách để bảo đảm làm được những ước muốn trần tục của mình; và họ sẽ mất niềm-tin vào Tăng Đoàn nếu sự tôn vinh cúng dường đó không mang lại thành quả cho ước muốn của họ."] (818) 829 [Đây là giáo lý căn bản của những người theo đạo Jain (những Ni-kiền- tử), như có nói trong kinh MN 14.20.] (819)

Kinh 86

830 [Tên gọi "Angulimāla" là biệt danh có nghĩa là "vòng hoa [mālā] làm bằng những ngón tay [anguli]". Hắn là con của bà-la-môn Bhaggava, là quan chẩn tế của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của vương quốc Kosala (Kiều-tất-la). Tên thật của hắn là Ahiṁsaka, có nghĩa là "người vô hại". Hắn từng học ở Takkasilā, ở đó hắn trở thành học trò được cưng thích nhất của vị thầy. Những bạn học của hắn, do ghen tỵ với hắn nên đã nói với vị thầy rằng Ahiṁsaka đã phạm tội ngoại tình với vợ của ông. Vị thầy do muốn vùi dập Ahiṁsaka nên đã ra lệnh cho hắn giao nộp cho ông ta 1 ngàn ngón tay từ bàn tay phải để trả học phí cho thầy. Ahiṁsaka đã sống trong rừng Jālinī, tấn công những khách du hành qua lại, cắt một ngón tay trái của họ, và xâu thành vòng hoa để đeo trên cổ. Vào lúc bài kinh bắt đầu hắn vẫn còn chưa đủ 1 ngàn ngón tay và đang quyết định giết người kế tiếp mà hắn gặp. Phật nhìn thấy mẹ của Angulimāla đang trên đường đến thăm hắn (và bà có thể bị hắn giết), và Phật biết rõ Angulimāla lại có những điều-kiện trợ giúp (duyên) để tu thành A-la-hán, Phật đã chặn hắn ngay trước khi mẹ hắn đến. Tội giết mẹ là một trong năm tội trọng đại ác nhất dẫn tới tái sinh lập tức trong địa ngục. Do vậy Phật đã chặn Angulimāla để ngăn không phạm vào tội này để bị đày như vĩnh viễn trong địa ngục.] (820) 831 [MA chú giải rằng: ngay lúc này Angulimāla đã nhận ra vị sa-môn trước mặt chính là Đức Phật và rằng Phật đã đến khu rừng để thực hiện mục đích chuyển hóa 'hắn ta'.] (821) 832 [MṬ giải thích lời diễn đạt này là mūḷhagabbha có nghĩa là thai nhi trong bụng mẹ chỉ lật được một phần và đang nằm ngang và do vậy kẹt đường ra, nên người mẹ rất đau đớn trong lúc cố sinh con.

- MA nói rằng, mặc dù Angulimāla đã giết gần cả ngàn người, trong thời đó 'hắn' chẳng bao giờ có ý nghĩ tha-thương nào đối với ai. Nhưng giờ, nhờ sức mạnh của sự thụ giới xuất gia, lòng bi-mẫn đã lập tức dâng trào khi thầy ấy nhìn thấy người phụ nữ đang sinh đẻ khó khăn và đau đớn.] (822) 833 [Cho đến tận ngày nay, câu nói này vẫn thường được đọc tụng vởi những tu sĩ Phật giáo như lời kinh phòng hộ (paritta) cho những phụ nữ đang sinh đẻ.] (823) 834 [MA chú giải rằng: mọi hành-động cố ý, tức nghiệp (kamma) đều có khả năng tạo ra 03 loại nghiệp quả: (a) nghiệp quả được nếm trải ngay tại đây và bây giờ (nhãn tiền), tức nghiệp và nghiệp quả xảy ra ngay trong kiếp này; (b)

nghiệp quả được nếm trải trong kiếp sau; và (c) nghiệp quả được nếm trải trong một hay những kiếp nào sau đó nữa, cho tới khi nào người đó vẫn còn tiếp tục lưu hữu trong vòng luân-hồi (saṁsāra).

- Bởi vì thầy Angulimāla đã chứng thánh quả A-la-hán, nên thầy đã thoát khỏi hai loại nghiệp sau (b) và (c) nhưng không thoát khỏi nghiệp quả nhãn tiền (a) trong kiếp này, bởi vì ngay cả những A-la-hán cũng phải bị nếm trải những nghiệp quả trong kiếp này của những nghiệp mà họ đã từng làm trước khi chứng thánh quả A-la-hán. (Nghĩa là, thầy Angulimāla phải nếm trải những nghiệp quả của những nghiệp ác (giết người) mà thầy ấy đã làm khi còn là tên cướp trước khi thầy ấy là một Tỳ kheo và bây giờ

A-la-hán).] (824) 835 [Một số dòng kệ bên dưới cũng có được ghi trong tập kinh Pháp Cú (Dhammapada). Tất cả những thi kệ của thầy Angulimāla cũng được ghi đầy đủ trong tập Thag 866–891.] (825) 836 [Mặc dù luận giảng MA nói rằng Ahiṁsaka (Vô Hại) là tên thật của An- gulimāla, nhưng quyển luận giảng tập kinh Theragāthā (Trưởng Lão Kệ) thì nói tên thật của thầy là Hiṁsaka (Nguy Hiểm).] (826) 837 [(Trong các kinh thường nói những người xuất gia ăn thức ăn cúng dường để nuôi thân tu hành mà chưa tu-thành thì coi như mang nợ những thí chủ và những xứ sở mình đã sống tu). [Những Tỳ kheo đức hạnh chưa chứng đắc A- la-hán thì được cho là ăn thức ăn cúng dường của xứ sở như tài sản kế thừa từ Đức Phật, còn những A-la-hán được cho là ăn thức ăn cúng dường "không bị mang nợ" bởi vì họ đã tu thành, đã làm cho bản thân mình hoàn toàn xứng đáng với những thứ cúng dường. Mời coi thêm giảng giải trong Vsm I, 125– 27.] (827)

Kinh 87 838 ['Sự thay đổi và biến đổi' hay 'sự thay đổi và biến cố' là cụm chữ hay được dùng để chỉ "sự bệnh nặng và chết".] (828) 839 [Viḍūḍabha là con trai (thái tử) của nhà vua, là kẻ sau này đã chiếm ngôi và tống nhà vua vào ngục. Kāsi và Kosala là những vương quốc nhà vua đang trị vì.] (829) 840 [MA chú giải: Nhà vua dùng nước để rửa tay và chân và rửa miệng để

kính lễ Đức Phật.] (830)

Kinh 88 841 [MA chú giải rằng: Nhà vua hỏi câu này là có ý đề cập tới trường hợp một nữ du sĩ tên Sundarī, là một vụ việc đang điều tra chưa xong vào lúc đó. Vì muốn hạ uy tín của Đức Phật, một số du sĩ đã dụ nữ du Sundarī cố tình đến thăm Khu Vườn Jeta (Tịnh xá Cấp Cô Độc) vào ban đêm và ra về vào buổi sáng, để cho người ta nhìn thấy sẽ nghi ngờ về Đức Phật. Rồi sau đó họ lại giết cô ta và đem chôn ở gần Khu Vườn Jeta, và sau khi phát hiện thi thể của cô ta, họ đã chỉ tay đổ thừa cho Đức Phật. Một tuần sau những lời đồn sai trái đó lan truyền, những quan quân điều tra của nhà vua đã tìm ra sự thật đằng sau vụ giết người đó. Mời coi thêm Ud 4:8/42–45.

- Tôi làm theo BBS và SBJ, có đưa thêm tính từ bổ nghĩa "có trí" vào cụm chữ "những tu sĩ và bà-la-môn" (samaṇehi brāhmaṇehi vinnūhi). Câu trả lời của thầy Ānanda cũng hàm nghĩa là sự chỉ trích của những tu sĩ và bà-la-môn có trí chứ không phải những tu sĩ và bà-la-môn bình thường. Cách ghi này là đúng và cũng được ủng hộ bởi những câu nói kế dưới của nhà vua (những câu trong mục 9) rằng Ngài Ānanda đã hoàn thành bằng câu trả lời đầy đủ mà chính nhà vua không thể hoàn thành bằng chính câu hỏi đầy đủ, tức là, trong câu hỏi nhà vua thiếu sự phân biệt giữa người có trí và người vô trí.] (831) 842 [Tóm tắt, đoạn này đã đưa ra năm khía cạnh của những hành động xấu ác: (i) tính bất-thiện nhấn mạnh tính chất về mặt tâm lý học của hành-động, (ii) sự tác-động không lành của nó đối với cái tâm; (iii) tính tội-lỗi của nó nhấn mạnh bản chất tệ hại của nó về mặt đạo đức; (iv) khả năng của nó tạo những kết quả khổ đau kêu gọi người nghe chú ý tới tiềm năng nghiệp quả xấu của nó; và (v) câu cuối cùng kêu gọi sự chú ý tới cả động-cơ xấu ác của nó và những hệ-quả nguy hại về lâu dài mà hành động

đó đã gây ra cho chính mình và người khác. Cách giải thích ngược lại đối với hành-động tốt, đã được nói đến ở mục 14.] (832) 843 [MA chú giải: Câu trả lời của thầy Ānanda đã vượt trên câu hỏi, vì thầy ấy đã chỉ ra rằng Đức Phật không chỉ nói lời đề cao sự dẹp bỏ tất cả những trạng thái bất thiện, mà Phật còn hành động theo lời của mình bằng cách đã tự mình tu tập và dẹp bỏ xong tất cả những trạng thái bất thiện.] (833) 844 [MA chú giải chữ bāhitikā, là tên của bài kinh, là một tấm vải được sản

xuất ở ngoại quốc (nước Ma-kiệt-đà của Vua A-xà-thế).] (834)

Kinh 89 845 [Dīgha Kārāyaṇa là nguyên soái của quân đội của Vua Pasenadi. Ông ta là cháu của Bandhula, thủ lĩnh của những người Malla và bạn cũ của Vua Pa- senadi. Nhà vua đã cho xử tử Bandhula cùng với 32 con trai của ông ta vì họ đã tạo phản thông qua âm mưu tạo phản của những quan thần thượng thư bị tha hóa của ông. Còn Kārāyaṇa là kẻ lúc sau kinh này đã thông đồng với thái tử Viḍūḍabha, con trai của Vua Pasenadi, chiếm đoạt ngai vàng của vua cha. (Hậu quả là Vua Pasenadi đã chết luôn đêm đó sau khi nhà vua đã gặp Đức Phật).] (835)

[03 do-tuần (yojana, dặm Ấn) là khoảng 20 dặm Anh (khoảng hơn 32 846

km).] (836) 847 [MA chú giải: Lúc này tướng Dīgha Kārāyaṇa đã nghĩ: “Trước kia, sau khi hội đàm riêng với sa-môn Cồ-đàm nhà vua đã bắt giam chú của ta và 32 con trai của ông ta. Có lẽ lần này là bắt giam ta.” Phù hiệu hoàng gia (lệnh bài của vua) cùng với quạt, dù, và dép của nhà vua đã cho tướng Dīgha Kārāyaṇa toàn quyền điều động mọi việc khi không có mặt nhà vua Pasenadi. Ông ta đã tức tốc chạy về kinh đô với phù hiệu hoàng gia và đưa thái tử Viḍūḍabha lên ngôi thành vua (lật đổ vua cha Pasenadi).] (837) 848 [Coi thêm kinh MN 13.11, những sự tranh chấp tranh cãi được cho là phát sinh từ nguyên nhân gốc là vì những khoái-lạc giác quan, (tức vì tranh giành tham muốn có được những dục lạc trên đời nên người ta tranh cãi tranh chấp với nhau, thậm chí xung đột, chiến đấu, chém giết lẫn nhau).] (838)

[Nội dung những lời vừa nói ra cũng có trong đoạn cuối của mục 6, kinh 849

MN 77.] (839)

[Nội dung của các mục 14-17 trong kinh này lần lượt giống nội dung các 850

mục 4-7 trong kinh MN 27 (Quyển 1).] (840)

851

[Hai người này vào lúc chết đã được Phật tuyên bố cả hai đều là những bậc thánh Nhất-lai. Coi kinh AN 6:44.] (841)

852

[Câu này cho thấy rằng kinh này đã xảy ra vào năm cuối đời của Đức

Phật.] (842) 853 [Khi vua Pasenadi quay trở lại chỗ nhà vua để Dīgha Kārāyaṇa chờ lúc nảy, nhà vua thấy chỉ còn một cô hầu nữ báo lại sự việc rằng tướng Dīgha Kārāyaṇa đã

tức tốc rời khỏi chỗ này sau khi nhà vua đi vào gặp Đức Phật. Nhà vua liền tức tốc lên đường đi đến thành Rājagaha (Vương Xá) để tranh thủ sự trợ giúp của cháu mình là Vua A-xà-thế (Ajātasattu). Nhưng khi nhà vua đến nơi, kinh thành đã đóng cửa. Bị kiệt sức bởi chuyến đi, nhà vua nằm xuống một hành lang bên ngoài kinh thành và chết trong tối đó.] (843) 854 [MA chú giải: "Những bảo tháp/ tượng đài đối với Giáo Pháp" có nghĩa là những câu chữ diễn đạt sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Khi nào sự tôn kính được thể hiện đối với một trong Tam Bảo, thì nó cũng thể hiện sự tôn kính đối với hai bảo còn lại; (tức là, khi một người tôn kính Phật thì người đó cũng tôn kính Giáo Pháp và Tăng Đoàn; tương tự đối với hai bảo còn lại. Nghĩa của câu kinh này là: Vua Pasenadi đã nói ra những lời như lời tuyên ngôn, như lời tuyên thuyết, như những tượng đài, như những bảo tháp, như những đền thờ đối với Giáo Pháp vậy).] (844)

Kinh 90 855 [MA chú giải: Hai 'chị em' ở đây là những người vợ của nhà vua [không phải chị hay em gái!]. (845) 856 [MA giải nghĩa câu này là: Không có ai có thể biết và thấy tất-cả—quá khứ, hiện tại, và tương lai—bằng một hành-vi hướng tâm (dụng tâm), bằng một hành vi của thức. Như vậy ý nghĩa của vấn đề này được thảo luận theo cơ sở 'một hành vi riêng lẻ của thức' hay một nhất-tâm (ekacitta). Về loại toàn-trí này của Đức Phật được giải thích bởi Phật giáo Theravāda, mời coi lại chú giải 714 ở kinh MN 71, cuối mục 5.] (846) 857 [Nghĩa là, nhà vua không hỏi về tư cách xã hội của họ mà hỏi về triển vọng có thể tiến bộ và chứng ngộ về tâm linh của họ (và dẫn tới sự tái sinh của họ).] (847) 858 [Đoạn này giống như kinh MN 85, mục 58.] (848) 859 [MA chú giải: sự quay trở lại (Hữu-lai) hay không quay trở lại (Bất-lai) là chỉ sự tái sinh, rằng những thiên thần không quay trở lại cõi người là những

bậc thánh Bất-lai, còn những ai còn quay trở lại cõi người thì vẫn là hạng "phàm-phu". Sự phân biệt này cũng giống như cách phân biệt trong thảo luận về những vị trời Brahmā (Phạm thiên) ở mục 15. Hai thuật ngữ chỗ này để phân biệt 02 loại thánh đã được ghi trong phiên bản PTS là savyāpajjhā và abyāpajjhā, nghĩa là còn dính sự ác-ý và không còn dính sự ác-ý; trong SBJ thì ghi là sabyāpajjhā và abyāpajjhā, nghĩa cũng tương tự như vậy; trong khi BBS thì ghi là sabyābajjhā và abyābajjhā, nghĩa là còn bị khổ và không còn bị khổ."

- Cách ghi cuối của BBS có sự ủng hộ từ luận giảng MA, nó cũng giải thích sự khác nhau theo cách diễn đạt bằng sự khổ về tâm. Trong những bản dịch trước của bộ kinh này tôi đã dịch theo cách ghi của BBS, nhưng giờ nhận thấy cách ghi đầu của PTS và SBJ có vẻ phù hợp hơn. Sau đó, có lẽ hoàng tử (tức tướng quân) Viḍūḍabha đã quan tâm về sự ác-ý của những thiên thần hơn là sự nếm trải khổ đau của họ. Lưu ý rằng: chữ itthatta, trong các câu kinh gốc để mô tả thánh quả A-la-hán là chỉ về một trạng thái hiện-hữu, mà chữ này ở đây đã được MA chú giải là manussaloka (cõi người, thế giới con người).

- Học giả K.R. Norman, trong một bài viết rất hay, đã đề xuất một sự biên tập lại làm sáng tỏ đoạn này của bài kinh, vốn đã gây ra những cách dịch nghĩa khác nhau như vậy. Nhưng do lời đề xuất của vị ấy không được ủng hộ hay được dựa trên phiên bản

nào (hay luận giảng nào), cho nên tôi vẫn do dự không làm theo vị ấy. Mời đọc thêm bài viết của Norman, trong tập Collected Papers (Tuyển Tập Những Bài Viết), 2:162–71.] (849)

Kinh 91 860 [Đây là một đoạn kinh mẫu thường được dùng để mô tả về một bà-la-môn nhiều học rộng. Theo luận giảng MA, Ba Kinh Vệ-đà (Veda) là Iru, Yaju, và Sāma [= Rig, Yajur, và Sāman]. Bộ kinh Vệ-đà thứ tư, Kinh Atharva, không được đề cập ở đây, nhưng MA chú giải rằng nó vẫn được bao hàm ở đây vì những môn lịch sử (Itihāsa) đã được gọi trong đoạn kinh này là phần "thứ năm", tức những tác phẩm được coi là có thẩm quyền của những bà-la-môn.

- Tuy nhiên, dường như đúng hơn là, những môn lịch sử được gọi là phần "thứ năm" này là phần kết nối với 04 phần của kinh Vệ-đà đã được nói ra trước phần "thứ năm" trong lời kinh mô tả.

- Việc dịch những thuật ngữ ở đây là làm theo luận giảng MA, với sự trợ giúp của Tự Điển Phạn-Anh của Monier-William (Sanskrit-English Dictionary (Oxford, 1899).

- Về những tướng số của một bậc Vĩ Nhân: MA chú giải đó là một khoa học dựa trên 12.000 tác phẩm giải thích về những đặc điểm tướng số của những bậc đại nhân, ví dụ như những vị Phật, những Phật duyên giác, những vị đại đệ tử hành đầu, những vị đại đệ tử, những vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương) ... Những tác phẩm này có chứa 16.000 dòng thi kệ được gọi là phần "The Buddha Mantra" (Phật Chú).] (850) 861 [32 đặc-điểm tướng số, sẽ được liệt kê trong mục 9 bên dưới, là chủ-đề chính của một bài kinh dài trong Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ), kinh DN 30, kinh Lakkhaṇa Sutta. Trong đó mỗi đặc-điểm tướng số được giải thích theo hệ quả của nghiệp (nghiệp quả) của mỗi phẩm chất đức-hạnh (phẩm hạnh) đã được hoàn thiện (ba-la-mật) bởi Đức Phật trong những kiếp hiện- hữu trước kia là một vị Bồ-tát.] (851) 862 [Bảy thứ báu này cũng được thảo luận trong kinh MN 129, mục 34–41. Sự có-được bánh xe báu giải thích tại sao ông được gọi là một "Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe" (chuyển luân vương).] (852) 863 [Nguyên văn câu cuối này: Loke vivattacchaddo. Để đọc những giả thuyết về dạng chữ gốc và nghĩa của thành ngữ này, mời coi bài viết Nhóm Những Bài Kinh II (Group of Discourses II) của Morgan, coi chú thích số 372, trang 217–18. MA: thế giới, bị bao phủ bởi bầu tối đen của những ô-nhiễm (lậu hoặc), bị che phủ bởi 07 bức màn: tham, sân, si, sự tự-ta (ngã mạn), những tà- kiến, sự vô-minh, và hành-vi thất đức. Sau khi đã loại bỏ những bức màn, Đức Phật an trú phát quang khắp mọi phương. Do vậy nên nói Phật là người đã vén mở bức màn trong thế gian. Hoặc cách khác, chữ vivattacchado có thể được phân giải thành chữ vivatto và vicchaddo; đó là, bậc ấy không còn vòng luân-hồi (vaṭṭarahito) và không còn những bức màn (chadanarahito). Nhờ không còn vòng luân-hồi (tức vòng tái-sinh, saṁsāra) nên bậc ấy là một bậc A-la-hán; nhờ không còn những bức màn nên bậc ấy là một bậc Toàn Giác.] (853) 864 [MA chú giải rằng: Phật đã làm màn thần thông này sau khi đã khẳng định người thầy của Uttara, tức bà-la-môn Brahmāyu, đã có tiềm năng chứng đắc thánh quả Bất-lai, và

sự chứng đắc thánh quả này của ông ta phụ thuộc vào

568 • Phần Chú Thích

sự xua tan những sự nghi-ngờ hiện tại của môn sinh Uttara (vì ông sẽ chờ nghe môn sinh về thuật lại cho ông biết).] (854) 865 [Bảy chỗ vun lồi là nằm sau tứ chi, hai vai, và mình.] (855) 866 [Nguyên văn chữ cuối này là: rasaggasaggī. Kinh Lakkhaṇa Sutta [DN 30.2.7] có giảng thêm: “Mỗi khi đầu lưỡi chạm đâu thì bậc ấy nếm được vị tận cổ, và vị được phân tán khắp nơi.”

- Tuy nhiên, rất khó hiểu được làm sao phẩm chất này lại được coi là một đặc điểm của thân, hoặc theo cách nào nó được nhận biết bởi người ngoài như vậy.] (856) 867 [Đặc-điểm cuối cùng này, uṇhīsa, là chỉ phần đỉnh đầu nhô cao thường được thấy trong những tranh và tượng của Phật.] (857) 868 [Đây là đoạn mẫu diễn tả về sự suy xét (quán chiếu, tâm niệm) về sự sử dụng thức ăn một cách đúng đắn (nuôi thân để tu), cũng được ghi trong kinh MN 2.14 (và một số kinh thuộc các bộ kinh khác).] (858) 869 [Lời chúc phúc hay lời tùy hỷ công đức (anumodanā) là đoạn tụng đọc ngắn sau bữa cơm, chỉ dẫn những thí chủ vài khía cạnh của Giáo Pháp và diễn đạt sự cầu ước rằng hành-động công đức (phước nghiệp) của họ sẽ mang lại phước quả dồi dào cho họ.] (859) 870 [Ở đây tôi dịch theo BBS, nó ghi đầy đủ hơn SBJ và PTS. MA chú giải rằng: Ý môn sinh bà-la-môn muốn nói là: “Những phẩm chất siêu xuất mà tôi chưa mô tả thì còn nhiều hơn những phẩm chất mà tôi đã mô tả. Những phẩm chất siêu xuất của Thầy Cồ-Đàm giống như đại địa cầu và đại dương vậy; nếu nói ra chi tiết thì chúng là nhiều vô kể và vô lượng, như không gian vậy.”] (860) 871 [Chữ Pāli jivhā (lưỡi) là thuộc chữ giống cái.] (861) 872 [Những gì phải được trực-tiếp biết (abhinneyya) là Bốn Diệu Đế, những gì phải được tu (bhāvetabba) là Bát Thánh Đạo, và những gì phải được trừ bỏ (pahātabba) là những ô-nhiễm (lậu hoặc) dẫn đầu là dục-vọng (ái). Ở đây ngữ cảnh đòi hỏi rằng chữ Phật [Buddha] nên được hiểu theo nghĩa là một bậc Toàn Giác (hay chánh đẳng chánh giác, sammāsambuddha).] (862)

Phần Chú Thích • 569

873 [Chữ gốc chỗ này là vedagū. Chữ này và 02 chữ kế sau—tevijja và sotthiya—có lẽ đã đại diện cho những loại thành-tựu lý tưởng trong số những bà-la-môn; mời coi thêm kinh MN 39, các mục 24, 26, và 27. Chữ thứ sáu và thứ bảy—kevalī và muni—có lẽ là những loại lý tưởng trong số những giáo phái không theo kinh Vệ-đà. Bằng câu trả lời của mình, Đức Phật đã phú cho những chữ này những nghĩ mới có được từ hệ thống tâm linh của Đức Phật.] (863) 874 [Ở đây và trong phần trả lời thì chữ Phật [Buddha] có thể chỉ có nghĩa là người đã giác-ngộ, người tỉnh-thức, theo cái nghĩa dùng để chỉ một A-la-hán, cho dù lời đáp lại của bà-la-môn Brahmāyu cũng gợi ý nó có thể có nghĩa hẹp hơn là chỉ một vị Phật Toàn Giác (chánh đẳng chánh giác).] (864) 875 [MA coi những dòng kệ của Đức Phật là đã trả lời tất cả 08 câu hỏi của bà-la-môn Brahmāyu.] (865) 876 [Toàn mục 36 này nội dung giống như mục 18 ở kinh MN 56 ở trên.] (866)

Kinh 92 877 [Lời kinh của kinh này không có ghi trong phiên bản bộ kinh MN này của PTS, bởi vì nó giống hệt bài kinh cùng tên trong tập Kinh Tập (Sutta Nipāta, Sn), nó đã

được xuất bản thành 02 ấn bản khác nhau bởi cùng PTS. Do vậy, các số ghi trong ngoặc ở đây như [102], [104] … [112] là chỉ số trang trong ấn bản tập kinh Sn thứ hai của PTS, được biên tập bởi học giả Dines Ander- son và Helmer Smith.] (867) 878 [Jambu là chữ tắt của chữ Jambudīpa (Diêm-phù-nề), có nghĩa là Đảo Táo Hồng, tức chỉ bán đảo lục địa Ấn Độ (kinh văn cổ hay gọi toàn cõi Ấn Độ là cõi Diêm-phù-nề, tức Đảo Táo Hồng).] (868)

Kinh 93 879 [Về sự khẳng định này, những luận điểm giải thích về sự khác-nhau giữa các giai-cấp về sự thanh-lọc thân tâm và tâm linh cũng được Phật giải thích trong MN 90, mục 10–12.] (869) 880 [MA chú giải rằng: Họ nói câu này với ý như là: "Sau khi đã học Ba Kinh

Vệ-đà, thầy đã được huấn luyện về những chú thuật (mantra) … Thầy đã thực hành cách cư xử của họ. Do vậy, thầy sẽ không bị đánh bại. Chiến thắng là của thầy."] (870) 881 [Câu nói này được nói ra để cho thấy rằng những bà-la-môn đó được sinh ra từ phụ nữ, và do vậy lời họ nói họ được sinh ra từ miệng của trời Brahmā là không có thực chất gì, (đó chỉ là lời nói sáo rỗng của họ mà thôi).] (871) 882 [Yona là tiếng Pāli được quy chuyển từ chữ Ionia. Còn Kamboja là một vùng nằm ở phía tây bắc của miền "Trung Phần" (giữa, trung tâm) của Ấn Độ.] (872) 883 [Những luận điểm từ mục 7–8 ở đây thực chất giống hệt trong kinh MN 84.] (873) 884 [MA nhận dạng Devala Bóng Tối chính là Asita Devala, đã từng gặp gỡ với Đức Phật trong một kiếp trước. Đức Phật kể lại câu chuyện dưới đây (mục 18 này) như để chỉ ra cho môn sinh bà-la-môn Assalāyana rằng: "Trong quá khứ, khi anh thuộc gia thế thượng đẳng (bà-la-môn) và ta thuộc gia thế hạ đẳng hơn, anh đã không khả năng trả lời câu hỏi ta đã hỏi về một sự khẳng định của những bà-la-môn về phân biệt sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vậy bây giờ làm sao anh có khả năng trả lời câu hỏi đó trong khi anh đang thuộc hạng thấp hơn và ta thì trở thành một vị Phật?"] (874) 885 [Về lời kinh như câu này, coi thêm kinh MN 38, mục 26 và chú thích 411 ở đó. Lưu ý rằng lời đối thoại dưới đây đã thiết lập nghĩa của chữ gandhabba (tạm dịch là hương ấm theo thầy Thích Minh Châu; hay đúng ra là dạng dòng thức tái sinh) là một chúng sinh đã chết và sắp được tái sinh.] (875) 886 [MA chú giải: Puṇṇa ở đây là tên của một người hầu của bảy vị ẩn sĩ bà- la-môn đó, anh ta cầm một cái muỗng, nấu những lá cây, và phục vụ cho họ.] (876)

Kinh 94

887 [MA chú giải: Thầy ấy làm vậy sau khi nhận thấy chủ đề mà bà-la-môn đặt ra cần phải có sự đàm đạo dài chứ không thể vừa đi vừa nói vài câu là được.] (877) 888 [Đồng tiền kahāpaṇa là đơn vị tiền tệ chính ở Ấn Độ thời đó.] (878)

889 [Vào những ngày cuối cùng của Đức Phật, Pāṭaliputta (kinh thành Pāṭali, kinh thành Hoa Thị) này vẫn còn là một khu làng nhỏ có tên là Pāṭaligāma (làng Pāṭali). Trong kinh dài DN 16.1.28, Đức Phật đã dự báo về sự phát triển to lớn sau đó của nó. Và đúng như vậy, về sau nó đã trở thành kinh đô của nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Thời

nay, hậu duệ của kinh thành Hoa Thị chính là thành phố Patna, thủ phủ của bang Bihar, Ấn Độ bây giờ.] (879)

Kinh 95 890 [Phần mở đầu của bài kinh này, từ đầu cho đến mục 10, là hầu như giống hệt với phần mở đầu của kinh dài Soṇadaṇḍa Sutta (DN 04).] (880) 891 [MA: Chỗ này được gọi tên như vậy vì ở chỗ này người ta từng tổ chức những lễ cúng cho những thiên thần.] (881) 892 [Pokkharasāti là một bà-la-môn giàu có khác cư ngự ở vùng Ukkaṭṭhā, cũng là một tài sản của hoàng gia được ban cho ông bởi Vua Pasenadi của xứ Kosala. Trong kinh dài DN 2.21 ông ta đã nghe một bài thuyết giảng của Phật, ông chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và sau đó ông đã cùng cả gia đình và những tùy tùng đều quy y theo Phật.] (882) 893 [Đó là tên những vị thánh (rishi) cổ mà những bà-la-môn cho là những tác giả ứng truyền của các bài kinh kệ Vệ-đà.] (883) 894 [Nguyên văn 05 chữ này là: saddhā, ruci, anussava, ākāraparivitakka, diṭṭhinijjhānakkhanti. Đây là 05 loại căn cứ để đi đến một kết luận. Căn cứ đầu tiên có vẻ chỉ dựa vào cảm tính; căn cứ thứ ba là sự chấp nhận truyền thống truyền tụng một cách không nghi vấn, và 02 căn cứ cuối cùng là dựa vào sự lý-giải hoặc sự điều-tra suy xét để nhận biết. Trong 05 loại thì 03 loại căn cứ sau cùng {(iii) điều do được truyền bá nhiều … (iv) điều do được nhận biết nhiều … và (v) điều do được xem xét kỹ nhiều} cũng nằm trong 10 loại căn cứ chưa đầy đủ để kết luận một sự-thật hay niềm-tin, như đã được nêu ra trong kinh AN 3:65, coi chỗ đoạn (I) và chú thích ở đó.

- Còn "trở thành hai cách khác nhau" có nghĩa là mỗi điều có thể trở thành (là) đúng hoặc sai.] (884) 895 [Nghĩa là: sẽ không hợp lý hay đúng đắn để một người có trí đi đến kết luận, bởi vì anh ta vẫn chưa tự mình xác thực sự thật đó, bởi anh ta chỉ mới

chấp nhận nó dựa trên căn cứ chưa đầy đủ khả năng xác thực chắc chắn về điều đó.] (885) 896 ["Bảo vệ sự thật" (saccānurakkhana): tức sự bảo hộ, duy trì, bảo trì một sự thật hay một điều gì đó (mà mình tin).] (886) 897 ["Sự khám-phá ra sự thật" (saccānubodha): tức sự nhìn ra, sự nhìn thấy sự thật, sự giác ngộ sự thật.] (887) 898 [Tiến trình khám-phá sự thật được nói ra sau đây trong kinh này có vẻ giống như sự lặp lại cách tiếp cận sự thật được mô tả trong kinh MN 47.] (888) 899 ["Người đó soi-xét kỹ (tūleti). MA chú giải nghĩa là: Người đó điều tra xét kỹ các hiện tượng (các pháp) để thấy có đúng là 'vô thường, khổ, và vô ngã'. Chỗ này có lẽ chỉ người tu đang ở giai đoạn thiền quán minh-sát.] (889) 900 [Mặc dù sự áp dụng ý-chí (ussahati) ở đây có vẻ là đồng nghĩa với sự chuyên-cần tu (tinh cần, phấn đấu; padahati), nhưng sự áp dụng ý-chí có thể được hiểu là sự cố-gắng được đảm nhận trước khi thiền quán minh-sát (tuệ), còn sự chuyên-cần tu là sự cố-gắng để đưa sự minh-sát (tuệ) lên trình độ của (thánh) đạo siêu thế.] (890) 901 [MA chú giải là: Người đó chứng ngộ Niết-bàn bằng thân của tâm [của thánh đạo Nhập-lưu], và sau khi đã thâm nhập thấu suốt những ô-nhiễm (lậu hoặc), người đó nhìn thấy Niết-bàn bằng trí-tuệ, làm cho nó rõ ràng và hiển nhiên.] (891) 902 [Trong khi "sự khám-phá ra sự thật" (saccānubodha) trong văn cảnh này có nghĩa là sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thì "sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật" (saccānuppatti) chắc hẳn có nghĩa là sự chứng ngộ thánh quả A-la- hán cuối cùng. [Ghi nhớ rằng "sự

đạt-tới cuối cùng tới sự-thật" không phải diễn ra bằng những cách tu-tập nào khác nữa, mà đó chỉ là sự tiếp-tục, sự lặp- lại các bước [các chi giác-ngộ, thất giác chi] như trước giờ người tu đã tu tập để dẫn tới "sự khám-phá sự -thật".] (Nghĩa là, người tu cứ lặp lại những bước tu-tập cho đến lúc hoàn thiện tất cả những (bảy) chi giác-ngộ đó, cho đến cuối cùng chứng đắc thánh quả cuối cùng là bậc A-la-hán).] (892) 903 [Mời coi lại chú thích số 524 ở mục 13, kinh MN 50, (Quyển 1) như vầy:

"Người thân tộc" (bandhu) ở đây là vị trời Brahmā (Phạm thiên), nhưng bà- la-môn gọi trời Brahmā như vậy vì họ coi vị trời đó là tổ tiên nguyên thủy sinh ra họ. MA giải thích rằng: đó chỉ là một đức tin của những bà-la-môn (brahmin), họ cho rằng họ là dòng dõi được sinh ra từ miệng của Trời Brahmā, những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) là từ ngực, những người giai cấp thương-nông (vessa) là từ bụng, và những người giai cấp bần-lao hạ tiện (sudda) là từ chân, và những tu sĩ sa-môn (samaṇa) là từ dưới bàn chân của trời Brahmā."] (893)

Kinh 96 904 [MA chú giải: Đi khất thực (đi xin bố thí) là sự thực hành từ cổ xưa, những bà-la-môn đi khất thực ngay cả khi họ rất giàu có.] (894) 905 [Mặc dù nông nghiệp là nghề lạ đối với một người được gọi là giai cấp thương-nhân (vessa), nhưng nên hiểu rằng những vessa không chỉ làm những nghề buôn bán kinh tài ở thành thị mà họ cũng làm chủ, giám sát, và đảm trách những nghề nông nghiệp như đồn điền, ruộng đồng, trồng trọt, và chăn nuôi. (Vì vậy, khi dịch chữ vessa, người dịch (và nhiều dịch giả trước đây) đã dịch theo một số giảng luận là giai cấp thương-nông, thay vì chỉ là thươngnhân).] (895) 906 [Nguyên văn câu này: Ariyaṁ kho ahaṁ brāhmaṇa lokuttaraṁ dhammaṁ purisassa sandhanaṁ pannāpemi.] (896) 907 [Nguyên văn cụm chữ này: Attabhāvassa abhinibbatti: nghĩa đen là, "ở đâu xảy ra sự thụ thai của ['cá thể', 'con người' của] người đó (thì tính theo ở đó)".] (897)

Kinh 97 908 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Sati uttarakaraṇīye. Thầy Xá-lợi-phất đã ra về mà không ban cho ông bà-la-môn một giáo lý để ông ta có khả năng đạt tới thánh đạo siêu thế và 'được định xong vận mệnh (như Nhập-lưu vào dòng thánh đạo) với đích-đến là sự giác-ngộ'. So với sự nhập lưu vào dòng thánh đạo thì sự tái sinh trong cõi trời Brahma được coi là "thấp kém hơn" (hīna).] (898) 909 [Lời nhận xét này của Phật có tác động như một lời quở trách nhẹ. (Chắc

do lẽ) Đức Phật đã nhìn thấy rằng bà-la-môn Dhānañjāni có tiềm năng đạt tới thánh đạo siêu thế; bởi vì chúng ta thấy trong những kinh khác [như kinh MN 99.24–27] chính Đức Phật chỉ dạy con đường tái sinh trong cõi trời Brahma chỉ khi nào người nghe của Đức Phật thiếu hẳn tiềm năng đó.] (899)

Kinh 98 910 [Lời kinh trong bài kinh này không được ghi trong phiên bản Bộ Kinh MN này của PTS, lý do giống như đã nói trong chú thích 867 ở kinh MN 92 ở trên. Trong PTS có dẫn số trang ghi trong ngoặc như [115], [116] … [123] là chỉ các số trang trong ấn bản tập kinh Sn của Anderson-Smith.] (900) 911 [Ở đây, chữ "hành-động" tức "nghiệp"

(kamma) phải được hiểu là hành- động (nghiệp) hiện tại, không phải chỉ nghiệp quá khứ vốn tạo ra những hệ quả (nghiệp quả) hiện tại. (Do vậy người dịch Việt dịch là hành-động cho khỏi nhầm, cho dù chữ gốc đúng là chữ nghiệp (kamma). Ở đây có lẽ những bà-la-môn không chấp nhận tất cả thuyết nghiệp báo của Đức Phật, nên chú giải nói họ đang chỉ hành-động hiện tại mà thôi.)] (901) 912 [Sāmannā (nghĩa gốc là danh, danh tính, sự cá biệt, nét riêng). MA chú giải: Giữa những sinh vật, sự khác biệt về hình dạng của những bộ phận thân của chúng được quyết định bởi chủng loại (yoni), (có thể ví dụ: cùng là loài rắn, nhưng có các chủng loại rắn có nọc độc hay có đuôi và có rắn không nọc độc hay không đuôi), nhưng đâu thấy có sự khác biệt gì về những bộ phận thân thể của những bà-la-môn so với những người khác. Trong trường hợp như vậy, sự khác biệt lẫn nhau giữa những bà-la-môn, những người giai cấp chiến-sĩ, những thương-nông, những bần-lao hạ tiện chỉ là sự khác nhau hay sự cá biệt về giọng nói mà thôi; nhưng sự khác nhau này chỉ là sự khác nhau do quy ước của người đời mà thôi, (tức là, nếu để tả sự khác nhau giữa những người trong loài người về số bộ phận thân thể thì không thể, vì gần như tuyệt đại đa số ai cũng có đủ những bộ phận như nhau. Cách người ta phân biệt được sự khác nhau giữa mọi người, ngay cả khi không nhìn thấy họ, đó là giọng nói của mỗi người. Bởi vì giọng nói của mọi người nghe thì giông giống nhau, nhưng nếu nghe riêng một giọng nói nào thì có thể nhận ra được đó là giọng nói của một cá nhân nào đó. Có lẽ ý nghĩa mô tả sự khác biệt duy nhất ở đây nôm na là vậy.)] (902)

[MA: Từ nảy đến giờ Phật đã phê phán sự khẳng định của môn sinh bà-la- 913

môn Bhāradvāja cho rằng sinh-cảnh (gia thế, giai cấp) làm nên một bà-la-

môn. Bây giờ Phật bắt đầu bàn về sự khẳng định của môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha cho rằng hành-động (nghiệp) làm nên một bà-la-môn. Vì những bà- la-môn cổ và những người có trí trong thế gian thời đó sẽ không nhận ra chế độ bà-la-môn là chế độ đầy khuyết điểm về mặt mưu-sinh, đức-hạnh, và hành-vi cư xử.] (903) 914 [Nguyên văn chữ cuối là "bhovādi". Bho (ngài, quý ông) là chữ những bà- la-môn và môn sinh bà-la-môn dùng để xưng hô lẫn nhau.

- Từ chỗ này trở đi: Đức Phật sẽ lần lượt định nghĩa 'một bà-la-môn đích thực' là gì, và đó là một A-la-hán.

- Những dòng kệ từ 27–54 ở đây là giống hệt trong tập kinh Pháp Cú [Dhp 396–423], ngoại trừ có 02 hai hàng được thêm vào trong thi kệ Dhp 423.] (904) 915 [MA chú giải ý câu này là: Bằng hành-động cố ý trong hiện tại (là việc làm nông, thủ công …) hình thành nghề nông, nghề thủ công … vân vân.] (905) 916 [Với dòng kệ này, chữ kamma (nghiệp, hành-động) bắt đầu một sự chuyển đổi về ý nghĩa, sự chuyển đổi này đã được ra hiệu trước bằng thuật ngữ "sự khởi-sinh tùy thuộc".

- Chữ kamma không còn có nghĩa chỉ là hành-động hiện tại quyết định giai cấp xã hội của một người, mà ở đây là nghiệp theo một nghĩa đặc biệt là một thế-lực trói buộc những chúng sinh trong vòng luân-hồi hiện-hữu. Nghĩa của dòng kệ này sẽ càng rõ hơn

trong đoạn thi kệ kế tiếp.] (906) 917 [Đoạn thi kệ 62 và đoạn 63 là chỉ về bậc A-la-hán. Tuy nhiên, ở đây sự tương phản không phải là giữa (a) một bậc A-la-hán là một người làm cho mình trở thành thánh thiêng bằng những nghiệp (tu) của mình so với (b) một bà-la-môn danh nghĩa được gọi theo gia thế giai cấp, mà ở đây là sự tương phản giữa (a) một bậc A-la-hán là một người được giải-thoát khỏi sự trói- buộc của nghiệp và nghiệp quả so với (c) tất cả những chúng sinh khác vẫn còn bị trói buộc bởi những nghiệp của mình vào bánh xe sinh-tử.] (907)

Kinh 99

918 [Todeyya là một bà-la-môn giàu có, là lãnh chúa vùng Tudigāma, một

ngôi làng gần Sāvatthī. Kinh MN 135 cũng được nói cho môn sinh bà-la-môn Subha này.] (908) 919 [Nguyên văn câu này: Vibhajjavādo kho aham ettha. Những tuyên bố như vậy của Phật lời khẳng định như vậy giải thích cho việc sau này Phật giáo được gọi là vibhajjavāda (giáo thuyết phân tích). Như ngữ cảnh đã làm rõ, Đức Phật đã từng gọi mình là một vibhajjavādin (người theo thuyết phân tích), điều đó không phải vì Phật phân tích mọi sự ra những thành phần của chúng [như đa số người ta đã tin theo nghĩa này] mà bởi vì Phật phân biệt những hàm nghĩa khác nhau của câu hỏi chứ không trả lời theo kiểu một chiều, một phía, phiến diện.] (909) 920 [Rõ ràng vào thời đó nghề buôn bán, thương mại chỉ ở giai đoạn đơn sơ. Nếu câu này mà nói trong thời hiện đại thì không còn đúng, (vì ngành thương mại ngày nay là quá đa dạng, đa chiều và quá lớn và do vậy tốn rất nhiều hoạt động, vai trò, đảm trách ...)! (Ý lời kinh có lẽ chỉ những người buôn bán thời đó chỉ ngồi một chỗ trong tiệm hoặc lâu lâu mới đi coi mua sản phẩm gì đó và mua về bán lại, chứ không phải như những nông dân suốt ngày làm quần quật đủ thứ việc như cày cuốc, gieo cấy, tưới bón, chăm sóc ... cho cây trồng ngoài đồng ruộng).] (910) 921 [Tiếp theo lời kinh mục này là giống như trong mục 13 kinh MN 95 ở trên.] (911) 922 [Lời nói này được nói ra chắc hẳn trước khi Pokkharasāti trở thành một đệ tử của Phật, như đã được thấy trong kinh MN 95.9.] (912) 923 [Nguyên văn cụm chữ này: anukampājātika.] (913) 924 [Loại trí-biết (minh) này thuộc loại thứ ba trong số những năng-lực của Như Lai, đó là biết rõ những cách thức đường lối dẫn tới tất cả mọi nơi-đến (nơi tái sinh). Coi lại kinh MN 12.12.] (914) 925 [MA chú giải: "nghiệp hạn chế" (pamāṇakataṃ kammaṃ) là nghiệp còn thuộc cõi dục-giới (kāmāvacara). Nó ngược với loại "nghiệp không hạn chế", tức "nghiệp vô lượng", tức là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới và vô sắc giới. Trong trường hợp này, người tu tu tập các tầng thiền định để được tái sinh vào những cảnh giới an trú cõi trời (phạm trú). Khi một tầng thiền định sắc giới hay tầng chứng đắc vô sắc giới được kiểm soát (được thiện

thạo, thuần thục, làm chủ, nắm vững bởi người tu) thì một nghiệp thuộc cõi dục-giới không thể có/tìm cơ hội để tạo ra nghiệp quả. Thay vì vậy, nghiệp thuộc cõi sắc-giới hoặc cõi vô-sắc-giới sẽ lấn át nghiệp dục-giới để tạo ra nghiệp quả của chúng. Một sự an

trú cõi trời (tức phạm trú, tức cảnh giới của một trong bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả) đã được kiểm soát như vậy sẽ dẫn tới sự tái sinh vào cõi trời Brahma.] (915) 926 [Mục 30 này cho tới chỗ "… được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người." có lời kinh giống như mục 2, kinh MN 27 (Quyển 1).] (916)

Kinh 100 927 [Dhānañjānī là một thánh Nhập-lưu. MA nói rằng bà-la-môn Sangārava được nói bên dưới cho đến hết kinh chính là em chồng của cô.] (917) 928 [Nguyên văn cả câu mẫu phức hợp này là: Diṭṭhadhammābhinnāvo- sānapāramippattā ādibrahmacariyaṁ paṭijānanti. MA giải nghĩa là: Họ tuyên bố họ là những bậc tổ (nguyên khai), những bậc tạo nhân, những người sản sinh ra một đời sống tâm linh (đời sống thánh thiêng, phạm hạnh), họ nói: "Sau khi đã trực-tiếp biết ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] và sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc, chúng tôi đã chứng ngộ Niết-bàn, (đó) được gọi là 'sự hoàn-thiện' bởi vì đó là sự siêu-thoát khỏi tất cả mọi thứ.".] (918) 929 [Chỗ này hơi khó hiểu, bởi vì những người lý-giải và những người điều- tra tìm hiểu (takkī và vīmaṁsī) ở đây lại được nói là họ chỉ hoàn toàn dựa trên mỗi đức-tin (saddhāmattakena). Chúng ta thường thấy trong những chỗ khác của các kinh thì đức-tin hay niềm-tin suông là tương phản với sự biết lý- giải, đó là hai nền-tảng khác nhau để quy kết về một điều, chẳng hạn trong kinh MN 95, mục 14 đã giảng giải; và sự (i) "chỉ dựa vào niềm-tin hay đức- tin" dường như gần giống loại với sự (ii) "chỉ dựa vào sự truyền-thống truyền miệng" hơn là sự (iii) "biết lý-giải và điều-tra tiềm hiểu".] (919) 930 [Nguyên văn cụm chữ này: sāmaṁ yeva dhammaṁ abhinnāya. Cụm chữ này nhấn mạnh sự tự mình chứng ngộ của một người mới là một nền-tảng để công bố (truyền bá, chỉ dạy) một đời sống tâm linh (đời sống thánh thiêng, phạm hạnh).] (920) 931 [MA nói rằng: bà-la-môn Sangārava có ý tưởng rằng Phật nói kiểu như

vậy là Phật không có sự biết thực sự về điều đó, và do vậy ông ta mới quy kết Phật đã nói lời nói dối. Trình tự những ý tưởng trong đoạn đối thoại này là rất khó để dịch theo và nó giống kiểu như lời kinh gốc đã bị hư, thiếu hay đứt đoạn chỗ nào trong đó. Học giả K.R. Norman đã đề nghị khôi phục lại lời kinh gốc của phần đối thoại này, nhưng cũng khó mà làm theo đề nghị của ông một cách (truy nguyên) chi li từng chữ. Mời đọc thêm Norman trong tập Những Bài Viết Chọn Lọc (Collected Papers), 2:1–8.] (921)

+++++

TÓM TẮT CÁC KINH QUYỂN 2: NĂM MƯƠI KINH GIỮA

Chương 1: [Chương "Những Gia Chủ"] 51. Kandaraka Sutta: [Kinh Nói Cho Kandaraka]. Đức Phật đã thảo luận về 04 loại người được thấy có trong thế gian—(i) loại người hành khổ bản thân mình, (ii) loại người hành khổ người khác, (iii) loại người hành khổ bản thân mình và hành khổ chúng sinh khác; và (iv) loại người không hành khổ mình cũng không hành khổ chúng sinh khác, chính là loại người có thể sống đời sống tâm linh thánh thiện, và đi tới sự giác-ngộ, sự giải-thoát. Những định nghĩa về mỗi loại người là rất hay và chúng ta sẽ dễ dàng nhìn thấy mỗi loại người đó trong đời sống.

52. Aṭṭhakanāgara Sutta: [Kinh Về Người Đến Từ Aṭṭhakanagara]. Ngài Ānanda đã chỉ dạy về "11 cửa dẫn tới sự Bất-tử", nhờ đó một Tỳ kheo có thể chứng đắc tới "sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc" (tức sự giải-thoát khỏi sự hiện hữu và ràng buộc ở thế gian).

53. Sekha Sutta: [Kinh Về Bậc Học-Nhân] (Người đang trong giai đoạn tu học bậc cao, tức 07 hạng thánh nhân từ thánh đạo Nhập-lưu đến thánh đạo A- la-hán, trừ bậc A-la-hán). Theo yêu cầu của Đức Phật, Ngài Ānanda nói bài thuyết giảng cho những người dân Thích-Ca ở gần kinh thành Ca-tỳ-la-vệ về những sự tu-tập của một học-nhân mà một đệ tử là bậc học-nhân đảm nhận tu học.

54. Potaliya Sutta: [Kinh Nói Cho Gia Chủ Potaliya]. Gia chủ Potaliya tự đại đã tuyên bố rằng ông ta đã từ bỏ mọi công việc, sự việc, sự ràng buộc dính líu trong đời sống thế tục. Nhưng Đức Phật đã chỉ dạy cho ông ta ý nghĩa thực thụ của sự "cắt bỏ mọi sự đời" đúng theo Giới-luật Thánh nhân là gồm những điều gì. Và ông ta đã học được điều đó một cách rốt ráo. Đặc biệt, bài kinh đã đưa ra một loạt những ví dụ rất hay về những sự nguy-hại trong những khoái- lạc giác quan (dục lạc).

55. Jīvaka Sutta: [Kinh Nói Cho (lương y) Jīvaka]. Đức Phật đã giảng giải những quy định mà Phật đã đặt ra về việc ăn mặn (thịt, cá) và giảng giải cách lý giải để những đệ tử khỏi bị những người khác kết tội 'ác và bất thiện' (khi họ kết tội Phật và các Tỳ kheo đã dính vào sự việc sát-sinh hay cố ý ăn thịt con vật đã bị giết thịt vì mình). Đây là kinh nói về 03 loại thịt có thể được ăn bởi các Tỳ kheo (trong bối cảnh thời Phật) nếu chúng đáp ứng 03 yêu cầu về sự trong-sạch của tâm người ăn; thường được gọi là giới luật về Tam Tịnh Nhục. (Bởi vì thời Phật ở Ấn Độ dân chúng nghèo khó, họ không thể gánh thêm gánh nặng nấu thức ăn chay để cúng dường cho các Tỳ kheo khất thực, nên Phật vẫn cho phép các Tỳ kheo có thể nhận thức ăn mặn, với điều kiện là họ "không biết, không nghe, và không thấy" rằng những thịt đó đã được lấy từ con vật đã bị cố ý giết để làm thức ăn cho họ. Ngày nay ở những xứ có điều kiện sống tốt hơn, và những thí chủ có thể nấu thức ăn chay để cúng dường cho những Tỳ kheo, thì những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni nên chỉ nhận lấy những thức ăn chay cho đúng chỉ thị và giáo lý không sát-sinh của Phật!)

56. Upāli Sutta: [Kinh Nói Cho Gia Chủ Upāli]. Gia chủ Upāli giàu có và uy thế, ông là một nhà tài trợ lớn của những Ni-kiền-tử theo đạo Jain, ông đã đề nghị đến gặp Phật để bác bỏ giáo thuyết của Phật theo sự xúi giục của giáo chủ giáo phái đó. Nhưng đến khi gặp Phật và nghe Phật thuyết giảng, ông Upāli đã chuyển đạo theo đạo Phật. Chuyện kinh gắn liền với sự kiện giáo chủ giáo phái Ni-kiền-tử đã qua đời không lâu sau khi ông gặp gia chủ Upāli và biết Upāli đã thực sự chuyển đạo theo đạo Phật.

57. Kukkuravatika Sutta: [Kinh Nói Về Khổ Sĩ Theo Hạnh Con Chó]. Phật đã gặp 02 khổ sĩ, một người sống bắt chước theo mọi hành vi của con chó, người kia thì làm theo con bò. Đức Phật đã nói cho họ biết sự vô ích vô dụng trong những cách thực hành của họ và cảnh giới tái sinh của họ chỉ là cõi súc- sinh hay địa ngục mà thôi. Và sau đó Phật đã giảng dạy cho họ giáo lý về nghiệp và nghiệp quả. Kết quả là một người đã quy y thành

đệ tử tại gia trọn đời, và người kia đã xin được xuất gia và trở thành một Tỳ kheo và sau đó đã thành một A-la-hán.

58. Abhayarājakumāra Sutta: [Kinh nói cho Hoàng tử Abhaya]. Giáo chủ đạo Jain, là Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta, đã xúi giục hoàng tử Abhaya đặt

câu hỏi "chặn hai đầu" [hai sừng, hai lưỡi] thiến thoái lưỡng nan dùng để bác bỏ giáo thuyết của Đức Phật. Nhưng khi hoàng tử đến gặp Phật để đặt câu hỏi, Phật đã tránh cái 'thế gài' đó, và bắt đầu giảng dạy cho hoàng tử về những loại lời-nói nào không nên nói ra (vì không ích lợi cho người nghe) và những loại lời-nào nên nói ra vào những thời lúc thích hợp (vì ích lợi cho người nghe).

59. Bahuvedanīya Sutta: [Kinh nói về Nhiều Loại Cảm-Giác]. Tùy theo trường hợp, tùy theo các căn cảm-nhận, các tùy theo phương diện, tùy theo chủ đề... mà Phật đã từng chỉ dạy 2 hay 3, hay 18 hay 108 loại cảm-giác khác nhau. Do vậy, trong kinh Phật đã liệt kê ra những loại cảm-giác sướng và khổ khác nhau mà chúng sinh khác nhau có thể nếm trải.

60. Apaṇṇaka Sutta: [Kinh thuyết giảng về Giáo Lý Không Thể Lầm Lỗi (không thể sai trật)]. Đức Phật đã giảng giải cho một nhóm gia chủ bà-la-môn một "giáo lý không thể lầm lỗi" (tức chắc ăn, chắc chắn hợp lý, an toàn, không thể sai trật, không thể bị thua thiệt, không bị nguy hại, không bị sai lầm nếu áp dụng theo giáo lý đó), để giúp họ chọn thực hành cho an tâm, bởi vì họ đang băn khoăn và không biết chọn giáo lý nào cho đúng để thực hành để mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu; vì lúc đó ở khu làng của họ là 'trạm dừng chân' của rất nhiều tu sĩ và giáo sĩ đã ghé lại và thuyết giảng nhiều giáo lý khác nhau và bài bác những giáo lý của những người khác.

Chương 2: [Chương "Những Tỳ Kheo"] 61. Ambalaṭṭhikārāhulovāda Sutta: [Lời Khuyên Dạy Tỳ Kheo Rāhula ở Ambalaṭṭhikā]. Đức Phật đã khuyên bảo thầy Rāhula (La-hầu-la), con trai của Phật, lúc đó là một sa-di, trước tiên về những sự nguy-hại lớn nếu một người tu nói-dối. Và sau đó Phật chỉ dạy và nhấn mạnh sự quan trọng của sự liên tục quán-chiếu về những tính chất bất thiện (nguy-hại) và những tính chất thiện lành (an lạc) trong mỗi hành-động (của thân, lời-nói, tâm) mà mình muốn làm, đang làm, và đã làm để lần lượt quyết định làm hay không làm, dừng lại hay làm tiếp, và thú nhận tội sám hối hay sẽ được hạnh phúc và ho- an hỷ.

62. Mahārāhulovāda Sutta: [Đại Kinh Khuyên Dạy Tỳ Kheo Rāhula]. Đức

Phật đã chỉ dạy cho thầy Rāhula sự thiền tập về 'các yếu-tố' (giới), về 'sự chánh-niệm hơi-thở', và về những chủ-đề thiền khác.

63. Cūḷamālunkya Sutta: [Tiểu Kinh Nói Cho Tỳ Kheo Mālunkyāputta]. Tỳ kheo này đã dọa sẽ bỏ tu hoàn tục nếu Phật không trả lời những câu hỏi siêu hình mang tính võ đoán của mình (thực ra đó là 10 câu hỏi mà nhiều tu sĩ trong và ngoài đạo thời Phật

thường hay hỏi). Đức Phật vẫn không trả, bởi vì những vấn đề đó không phải là căn bản hay liên hệ tới đời sống tu hành và giải thoát. Bằng ví dụ nổi tiếng về một người bị bắn bằng mũi tên độc, Phật đã làm rõ rằng: những vấn đề Phật đã tuyên bố là coi như đã tuyên bố và quan trọng để hiểu và thực hành (như Tứ Diệu Đế), còn những vấn đề Phật không tuyên bố thì coi như đã không tuyên bố và không quan trọng.

64. Mahāmālunkya Sutta: [Đại kinh Nói Cho Tỳ Kheo Mālunkyāputta]. Đức Phật đã giảng dạy con đường và phương cách để dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) để người tu có thể chứng ngộ tới thánh quả Bất-lai.

65. Bhaddāli Sutta: [Kinh Nói Cho Tỳ Kheo Bhaddāli]. Chủ đề đầu tiên là nói về giới luật "Ăn một bữa duy nhất trước giờ ngọ trong ngày". Tỳ kheo Bhaddāli không tuân theo giới luật này trong khi Đức Phật và Tăng Đoàn đều tuân theo. Đức Phật đã khiển trách Tỳ kheo Bhaddāli vì bất tuân giới-luật, và giảng giải cho thầy ấy những sự bất-lợi khi không tuân theo những giới-luật tu hành.

66. Laṭukikopama Sutta: [Kinh Ví Dụ Chim Cút]. Đức Phật đã lần lượt dạy về sự dẹp-bỏ những gông-cùm trói buộc, và nhấn mạnh sự dẹp-bỏ tất cả mọi gông-cùm, cho dù chúng có thể nhìn thấy là vô hại hay nhỏ nhặt hay cho dù đó là những trạng thái lạc trú của những tầng thiền định sắc giới và những tânhf chứng đắc vô sắc giới.

67. Cātumā Sutta: [Kinh Ở Cātumā]. Đức Phật đã dạy cho một nhóm Tỳ kheo về 04 sự sợ-hãi có thể xảy ra đối với một người đã xuất gia sống trong Giáo Pháp và giới-luật của Đức Phật khiến cho người đó có thể bỏ tu hoàn tục.

68. Naḷakapāna Sutta: [Kinh Ở Naḷakapāna]. Đức Phật đã giải thích lý do tại

sao sau khi những đệ tử của Phật qua đời, Phật tuyên bố về cấp bậc chứng- đắc của họ và cảnh giới tái sinh của họ là gì. Mục đích là để cho những đệ tử của Phật sau khi nghe sẽ có được niềm cảm hứng và được hoan hỷ, nhờ đó họ hướng tâm của họ đến những sự chứng ngộ đó, và sẽ nỗ lực tu tập để chứng ngộ được những trạng thái đó như những người đồng đạo đã qua đời đã làm được.

69. Gulissāni Sutta: [Kinh Gulissāni]. Gulissāni là một Tỳ kheo sống tu trong rừng, nhưng thầy ấy thiếu giới-hạnh, lơi lỏng trong những hành-vi của mình. Nhân đó, Ngài Xá-lợi-phất đã giảng giải cho các Tỳ kheo về 17 điều một Tỳ kheo sống tu trong rừng cần nên làm để không bị những Tỳ kheo khác chê trách. Và 17 điều này cũng càng nên được tu tập bởi những Tỳ kheo sống tu gần thôn làng hay phố thị. Đây là một kinh hay dành cho những Phật tử xuất gia. Những tăng, ni cần tu tập nghiêm túc về những giới này.

70. Kīṭāgiri Sutta: [Kinh Ở Kīṭāgiri]. Ở thị trấn Kīṭāgiri có một nhóm Tỳ kheo thiếu giới-hạnh đã không làm theo quy định "cấm ăn các bữa ăn sau giữa-trưa", Đức Phật đã cho gọi họ và khuyên bảo họ. Và nhân tiện Đức Phật giảng giải về 07 hạng thánh nhân dựa theo sự giải-thoát và những căn tâm linh của họ.

Chương 3: [Chương “Những Du Sĩ”] Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Tevijjavacchagotta Sutta: [Kinh Dạy Vac- chagotta Về Tam Minh]. Đức Phật đã từ chối khi du sĩ Vacchagotta hỏi Phật có được sự toàn trí và nhìn-thấy tất cả (trong mọi lúc mọi nơi) hay không, bởi vì câu hỏi của ông ta chỉ đúng một phần đối với Phật. Rồi Phật giảng giải cho ông ta về ba loại trí-biết trực tiếp [tam minh] (gồm túc mạng minh, thiên nhãn minh, và lậu tận minh) mà Phật đã có được.

72. Aggivacchagotta Sutta: [Kinh Dạy Vacchagotta Về Ngọn Lửa]. Đức Phật đã giảng giải cho du sĩ Vacchagotta tại sao không nên nắm giữ những quan- điểm do suy đoán. Bằng “ví dụ ngọn lửa tắt đi” rất nổi tiếng Phật đã cố gắng hàm chỉ cho du sĩ Vacchagotta về ‘nơi-đến’ của những chúng sinh được giải-

thoát.

73. Mahāvacchagotta Sutta: [Đại Kinh Dạy Vacchagotta]. Bài kinh này là câu chuyện về sự chuyển đạo hoàn toàn của du sĩ Vacchagotta, sự xuất gia, và chứng thánh quả A-la-hán của vị ấy.

74. Dīghanakha Sutta: [Kinh Nói Cho Dīghanakha]. Đức Phật đã gặp phải những lời tuyên bố của du sĩ Dīghanakha về sự chấp nhận và từ chối những quan-điểm này nọ (ở phần đầu tiên của kinh, gồm mấy câu hỏi hơi khó hiểu khi mới đọc, nên người dịch cũng tạm đánh dấu (X) trên tên bài kinh). Rồi Phật đã chỉ dạy cho ông ta con đường dẫn tới sự giải-thoát thông qua cách tu thiền quán về những cảm-giác.

75. Māgandiya Sutta: [Kinh Nói Cho Māgandiya]. Đức Phật đã gặp Māgan- diya, một triết gia theo chủ nghĩa khoái-lạc (có quan-điểm ‘thả cửa’ các giác- quan để chúng trải nghiệm mọi thứ cảm-giác, và coi đó là cách tốt nhất). Nhưng Phật đã trình bày và chỉ ra cho ông thấy những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), rồi tiếp theo là những ích-lợi của sự từ- bỏ chúng, và cuối cùng là ý-nghĩa của Niết-bàn.

76. Sandaka Sutta: [Kinh Nói Cho Sandaka]. Ngài Ānanda đã chỉ dạy cho một nhóm những du sĩ về (1) “04 đường-lối phủ định sự sống đời sống tâm linh” và (2) “04 loại đời sống tâm linh không có sự yên-ủi”. (1) là chỉ 04 đường-lối (cách tu, đạo) của những sư thầy ngoại đạo không coi trọng và không hiểu được ích-lợi của sự sống đời sống tâm linh (những sa-môn quả) và (2) là chỉ những kiểu ‘đời sống tâm linh’ (phạm hạnh) không mang lại sự yên-ủi (sự an ủi, sự yên bề, sự mãn nguyện với đời tu). Và (3) khi một người có trí nhìn thấy ‘đường-lối’ tu hành giống một trong 04 trường hợp (1) hoặc thấy ‘đời sống tâm linh’ giống như một trong 04 trường hợp (2), thì người đó quay lưng và rời bỏ nó, để đi tìm ‘đường-lối đích thực’ (chân đạo), đó chính là Giáo Pháp thiện lành (thiện Pháp). Và Thầy Ānanda đã giảng giải về đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn, và cho thấy nó mang lại kết-quả ích lợi ra sao.

77. Mahāsakuludāyi Sutta: [Đại Kinh Nói Cho Sakuludāyin]. Đức Phật đã chỉ dạy cho một nhóm du sĩ về những lý do tại sao những đệ tử tôn vinh và sống

Tóm Tắt Các Kinh • 585

nương dựa vào vị Sư Thầy, và tu tập theo sự hướng dẫn của vị thầy. Kinh lớn này đã lặp lại toàn bộ tiến tu tập của một người tu từ bắt đầu cho đến khi chứng ngộ những trí-biết và sự giải-thoát, Niết-bàn.

78. Samaṇamaṇḍikā Sutta: [Kinh Nói Cho Samaṇamaṇḍikāputta]. Phật đã giảng giải theo cách nào một người là "người đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng".

79. Cūḷasakuludāyi Sutta: [Tiểu Kinh Nói Cho Sakuludāyin]. Bài kinh nói về quan-điểm không có chỗ dựa và sáo rỗng của những du sĩ, trong đó Phật đã dùng ví dụ về "cô gái đẹp nhất xứ" để giải thích cái sự vô nghĩa và sáo rỗng đó. Và chúng ta đọc thấy những ví dụ rất hay của Phật về sự phát sáng của một viên ngọc, con đom đóm, ngọn đèn dầu, đóng lửa lớn, sao mai, trăng rằm, mặt trời, những thiên thần theo thứ tự tăng dần để giải thích những "sự huy hoàng", tức những trạng thái chứng ngộ và giải thoát cũng được Phật lần lượt nói ra (nhưng trong các kinh khác).

80. Vekhanassa Sutta: [Kinh Nói Cho Vekhanassa]. Bài kinh này một phần giống với kinh kế trên, với phần nói thêm về những khoái-lạc giác quan (dục lạc) cho Vekhanassa.

Chương 4: [Chương "Những Vua Chúa"] 81. Ghaṭīkāra Sutta: [Kinh Nói Về Người Thợ Gốm Ghaṭīkāra]. Bài kinh là câu chuyện Đức Phật Thích-Ca đã kể lại cho Ngài Ananda về người thợ gốm Ghaṭīkāra là một người cúng dường tận tâm nhất của Đức Phật Ca-Diếp trong Phật kiếp đó, trong đó người thợ gốm đã tìm mọi cách để giúp cho người bạn thân, là môn sinh bà-la-môn tên là Jotipāla, gặp được Đức Phật Ca-Diếp để nghe Giáo Pháp và xuất gia. Và Jotipāla đó chính là một kiếp trước của Đức Phật Thích-Ca.

82. Raṭṭhapāla Sutta: [Kinh Nói Về Raṭṭhapāla]. Kinh là câu chuyện về một thanh niên trẻ vì niềm-tin vào Đức Phật đã làm mọi cách để xuất gia đi tu mặc dù điều đó trái lại với mong muốn của cha mẹ. Và phần kết là sau khi đã chứng A-la-hán, thầy ấy trở lại nhà để thăm cha mẹ, và ở đó thầy ấy cũng gặp nhà vua của xứ đó và đã giảng giải những lẽ-thực phũ phàng của sự sống và thế gin cho nhà vua nghe. Đây là một bài kinh đáng cảm động về sự chia lìa

586 • Tóm Tắt Các Kinh

với gia đình để xuất gi tu hành và đáng nhớ về một tấm gương tu thành.

83. Makhādeva Sutta: [Kinh Nói Về Vua Makhādeva]. Câu chuyện về một vị vua tên là Makhādeva đã luôn giữ các giới trong những ngày lễ rằm Bố-tát, và khi về già ông từ bỏ ngai vàng để xuất gia đi tu trong khu Vườn Xoài mang tên ông. Và truyền thống giữ giới Bố-tát và khi về già cũng xuất gia đi tu cũng trong khu Vườn Xoài đó đã được kế tục thực hiện bởi 80 ngàn đời vua con, vua cháu nội … của ông ta. Và cuối kinh là phần nói về cách mà truyền thống tốt lành đó đã bị phá bỏ bởi vị vua cuối cùng do sự lơ tâm

phóng dật. Để kết thúc câu chuyện, Đức Phật đã nói truyền thống hiện tại mà Phật đang để lại là sự tu-tập con đường Bát Thánh Đạo, và Phật mong muốn truyền thống này sẽ được kế thừa liên tục không bị phá vỡ bởi những thế hệ Phật tử sau thời Phật.

84. Madhurā Sutta: [Kinh Ở Madhurā]. Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã hỏi ý kiến của Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahā Kaccāna] về lời tuyên bố của những bà-la-môn rằng họ là giai cấp thượng đẳng cao nhất. Thầy Đại Ca- chiên-diên đã suy xét và giảng giải chứng minh cho nhà vua thấy điều đó chỉ là 'lời do họ nói ra' mà thôi, chỉ là điều sai giả, còn trong hiện thực thì không đúng như vậy. Đây là một bài kinh hay về sự bác bỏ sự phân biệt giai-cấp.

85. Bodhirājakumāra Sutta: [Kinh Nói Cho Hoàng Tử Bồ-Đề]. Hoàng tử Bodhi (Bồ-Đề) đã nói với Phật quan-điểm của họ là: "Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ." (Đây là một quan-điểm căn bản của những Ni-kiền- tử). Đức Phật đã giải thích về sự sướng (lạc) có được từ sự hành khổ đau đớn trong thời gian Phật đi tìm cầu sự giác-ngộ. Và Phật đã giảng giải thêm cho hoàng tử về sự chuyên-cần tu (tinh cần) tu tập để dẫn tới những sự ac lạc thực sự. Phật đã nói ra những phẩm-chất cần có của một người bước vào tu tập, và những phương pháp tu tập theo đạo Phật để dẫn tới sự giải-thoát, Niết- bàn.

86. Angulimāla Sutta: [Kinh Về Angulimāla]. Bài kinh là câu chuyện về một người từng là một "tên cướp sát nhân tên Angulimāla". Và phần sau là cách Phật đã chinh phục kẻ tội đồ khét tiếng đó và 'hắn' đã quy y theo Phật để trở thành một Tỳ kheo, và Phật đã dẫn dắt Tỳ kheo Angulimāla chứng ngộ thánh

quả A-la-hán. Đây là một trong những bài kinh nổi tiếng về một 'tên cướp sát nhân' nổi tiếng mà giới Phật tử thường hay kể cho nhau.

87. Piyajātika Sutta: [Kinh Ái Sinh]. Ý nghĩa là 'sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng' được sinh ra từ những người hay những thứ người ta yêu dấu, ví dụ như sau khi những người thân yêu đau bệnh hay chết đi, hoặc khi những thứ yêu quý mất đi. Và Đức Phật đã giải thích về những sự thật đó. Ý nghĩa bài kinh: những sự yêu dấu, sự luyến ái, tình yêu, tình cảm cũng là những nguyên nhân gây ra sự buồn sầu và khổ đau (ngoài những nguyên nhân chính đã được nói ra trong phần Nguồn-gốc Khổ của Bốn Diệu Đế).

88. Bāhitika Sutta: [Tấm Vải Ngoại Nhập]. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã cố gặp ngài Ānanda để hỏi những câu hỏi về những hành-vi của Đức Phật (còn có khả năng nào là bất thiện hay không), bởi do lúc đó có một vụ án nghiêm trọng về một nữ du sĩ chết do những du sĩ ngoại đạo cố tình dựng ra để vu khống Phật), và thầy Ānanda đã lần lượt trả lời những câu hỏi của Vua Pasenadi về những hành-vi của Phật.

89. Dhammacetiya Sutta: [Kinh Những Bảo Tháp Đối Với Giáo Pháp]. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã đưa ra 10 lý do tại sao ông đã đích thân thể hiện sự tôn kính đới với Đức Phật. (Và 10 điều ông đã trình bày đã được Phật gọi là những bảo tháp (như những

tượng đài, những tuyên ngôn, những đền thờ) đối với Giáo Pháp). Bài kinh này cũng đánh dấu lần cuối cùng vị vua Phật tử thành tín và nổi tiếng đã gặp Đức Phật (vì ông đã chết trong đêm đó), và đây cũng là thời gian trong năm cuối cùng của Đức Phật còn ở tại thế gian này.

90. Kaṇṇakatthala Sutta: [Kinh Ở Vườn Nai Kaṇṇakatthala]. Nhà vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi về sự toàn-trí, về sự khác-biệt về sự thanh-lọc (tức sự tu tập và chứng đắc tâm linh) giữa các giai cấp xã hội thời đó, và về những thiên-thần và cả trời Brahmā (Phạm thiên) có còn tái sinh xuống cõi người hay không. Đức Phật đã trả lời và làm thỏa mãn nghi vấn của nhà vua.

Chương 5: [Chương "Những Bà-La-Môn"] 91. Brahmāyu Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Brahmāyu]. Bà-la-môn

Brahmāyu là một người đã già, 120 tuổi, rất uyên bác; ông nghe tin về Đức Phật nên đã sai một môn sinh bà-la-môn tên Uttara rất thông thái của ông đến gặp Phật để tìm hiểu về 32 đặc điểm tướng tốt của một bậc Đại Nhân như một điều kiện cần có trước để xác định đó là một vị Phật hay không. Học trò Uttara đã đến gặp Phật, và sau khi nhìn thấy những đặc điểm tướng tốt của Phật, anh ta tiếp tục theo dõi Phật suốt 07 tháng như hình với bóng để coi tất cả những hành-vi sinh hoạt của Phật: từ thời lịch đi lại, thuyết pháp ... trong một ngày, cho đến: sự đi, đứng, ngồi, nằm, tay, chân ... thuyết pháp, giọng nói ... cho đến cách ăn uống, cách rửa bình bát ... Và anh ta đã về kể lại với sự ca ngợi cho bà-la-môn Brahmāyu nghe. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã đến gặp Phật, và sau khi nghe Phật trả lời và thuyết giảng, ông đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời, và không lâu sau đó ông mất và được tái sinh thành một bậc thánh Bất-lai.

- (Đây có lẽ là một bài kinh dài và đầy đủ về (i) 32 đặc điểm tướng tốt của Đức Phật, và (ii) đặc biệt là một bài chỉ dạy về những hành-vi cử-động sinh- hoạt và cách-sống thường ngày của một vị Phật, mà những tu sĩ Phật giáo (các Tăng và Ni ở mọi cấp bậc) đều phải học biết và tu tập theo những hành- vi sinh hoạt hàng ngày của Đức Phật, từ việc đi đứng ... cho đến ăn uống, thậm chí trong việc rửa tay rửa bình bát ... Những hành-vi sinh hoạt giống Phật ít nhiều cũng đã được đưa vào trong các quy định ở các tự viện.)

92 Sela Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Sela]. Câu chuyện bắt đầu từ chuyện tu sĩ tóc búi tên Keṇiya đã đến gặp Phật, nghe Phật thuyết pháp, và ông đã cố gắng mời Phật và Tăng Đoàn đến dùng bữa cơm ngày hôm sau. Khi ông đang chuẩn bị cho bữa cúng dường lớn đó, bà-la-môn tên Sela là sư thầy của ông đã đến tìm hiểu, và Keṇiya đã kể lại cho ông tin tức lan truyền về Sa-môn Cồ-đàm là một bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, và một vị Phật Toàn Giác. Bà-la-môn Sela ngạc nhiên vì hiếm thay trong thế gian thấy được một vị Phật! Do vậy, ông đã cùng 300 môn sinh bà-la-môn đến trực tiếp gặp Phật cho biết. Đến nơi ông đã tìm thấy 32 đặc điểm tướng tốt của Phật, nhưng do vẫn chưa tin chắc đó là một vị Phật, ông đã hỏi về những phẩm-chất của một vị Phật bằng cách ca ngợi bằng một bài thi kệ. Sau khi Phật trả lời cho ông, ông đã tin chắc đó là một vị

Phật. Và cuối kinh ông đã cùng 300 môn sinh bà-la-môn xin quy y và xuất gia theo Phật. Sau đó ông và tất cả họ đều tu-

thành với thánh quả A-la-hán.

93. Assalāyana Sutta: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Assalāyana]. Đây là câu chuyện Phật nói cho môn sinh bà-la-môn nổi tiếng học rộng tên là As- salāyana. Môn sinh bà-la-môn này đã bị những bà-la-môn trưởng lão khác xúi dục và thách thức đi đến gặp Phật để bác bỏ lời nói của Phật là "Sự thanh-lọc thân tâm là làm được bởi tất cả mọi thành phần giai cấp, chứ không dành riêng cho bà-la-môn' và để biện luận cho điều khẳng định của những bà-la-môn rằng "Bà-la-môn là giai cấp cao nhất.'

- Và Đức Phật đã bác bỏ toàn bộ luận điệu đó của họ bằng một sự thuyết giảng bằng 10 trường hợp phân tích (kể cả ví dụ) rất hay và xác đáng. Đây có thể được gọi là một bài tuyên ngôn tuyệt vời của Đức Phật để bác bỏ mọi luận điệu phân biệt giai cấp trong xã hội. Và theo Đức Phật, chỉ có giới-hạnh, sự tu-dưỡng và chứng-ngộ tâm linh mới thực sự là thước đo phẩm cấp của một người. Và cuối cùng môn sinh bà-la-môn Assalāyana đã hài lòng với lời giảng giải của Phật và đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

94. Ghoṭamukha Sutta: [Kinh Nói Cho Ghoṭamukha]. Bài kinh là câu chuyện bà-la-môn Ghoṭamukha đã đến đặt vấn-đề với Tỳ kheo Udena rằng: 'Không có đời sống xuất gia nào đúng theo Giáo Pháp' (chữ 'đời sống xuất gia' ở đây là kể cả những du sĩ, ẩn sĩ, và sa-môn). Thầy Udena đã giải thích chi tiết cho bà-la-môn về những loại người nào (du sĩ, khổ sĩ) đang thực hành không đúng theo Giáo Pháp (tà đạo), và những loại người nào (các Tỳ kheo, sa- môn) đang thực hành đúng theo Giáo Pháp (chánh đạo). Sau khi nghe xong phần giảng giải của thầy Udena, bà-la-môn Ghoṭamukha đã quy y nương tựa Tam Bảo cho đến hết đời. Kết thúc bài kinh, ông muốn xây và cúng dường cho thầy Udena một tịnh xá, nhưng nghe theo lời của thầy ấy, ông đã cho xây một hội trường cúng dường cho Tăng Đoàn ở Kinh Thành Hoa Thị (Pāṭali- putta) mà thời sau nó được gọi tên là Hội Trường Ghoṭamukha.

95. Cankī Sutta: [Kinh Có Bà-la-môn Cankī]. Phần đầu mô tả về bối cảnh quen thuộc Phật đến một địa phương bà-la-môn, và về bà-la-môn Cankī đã nói cho đám đông bà-la-môn khác bằng những lời đề cao chi tiết về những phẩm-hạnh của Đức Phật. Sau đó là phần Đức Phật thuyết giảng cho cả hội chúng rất đông bà-la-môn đến gặp Phật ở khu Vườn Cây Sāla, đại diện đặt

những câu hỏi là môn sinh bà-la-môn tên Kāpaṭhika, họ là Bhāradvāja. Rồi Phật đã lần lượt giảng giải cho họ về 'sự bảo-vệ một sự thật', 'sự khám-phá sự thật', 'sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật' (Niết-bàn, thánh quả bậc A-la-hán), và những điều-kiện để lần lượt đạt được những thành-tựu đó, từ bước sơ tu cho đến khi chứng đắc thánh quả cuối cùng.

- (Đây cũng là một cách Phật giảng dạy cho các Tỳ kheo từ bước đầu biết tôn-trọng và gặp-gỡ một vị sư thầy là người thuyết pháp để lắng-nghe, nghe- được, và xem-xét ý

nghĩa của Giáo Pháp, cho đến khi có sự nhiệt-thành, thì có sự áp dụng ý-chí, và sự chuyên-cần tu (tinh cần; lặp lại sự tu tập thường xuyên bảy yếu-tố giúp giác-ngộ hay thất giác chi), và dẫn tới sự chứng-ngộ và sự thâm-nhập sự thật.)

Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đã hài lòng và xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

96. Esukārī Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Esukārī]. Những bà-la-môn quy định về 04 cấp phục-vụ (phụng sự) và 04 loại tài-sản của 04 giai cấp. Như trong nhiều kinh khác, Đức Phật đã bác bỏ 'sự tự cho mình là giai cấp thượng đẳng' của những bà-la-môn; trong đó Phật đã trả lời và giảng giải cho bà-la- môn Esukārī về những sự vô-lý trong quan-điểm của những bà-la-môn và những sự hữu-lý trong cách-nhìn phi giai cấp và chánh-kiến của Đức Phật. Cuối cùng bà-la-môn Esukārī đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

97. Dhānanjāni Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Dhānanjāni]. Ngài Xá-lợi- phất đã giải thích và khuyên bảo một bà-la-môn nổi tiếng khi ông này cố viện lý do mình bận bịu với những bổn phận và công việc làm ăn nên không thể chuyên chú tu tập. Về sau, khi ông bà-la-môn gần chết, thầy Xá-lợi-phất đã đến giảng giải cho ông ta nhiều điều giáo pháp và chỉ dẫn cho ông con đường dẫn đến sự tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên) bởi vì thầy ấy thấy những bà-la-môn đều nhắm tới cõi trời Brahma (do họ nghĩ họ được sinh ra từ những vị trời đó). Cuối cùng Phật đã quở thầy Xá-lợi-phất, vì lẽ ra thầy có thể dẫn dắt ông bà-la-môn đó đi đến những sự chứng-ngộ cao hơn (như thánh đạo dẫn tới sự giải-thoát hơn là sự tu tiên để lên cõi trời như vậy).

98. Vāseṭṭha Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Vāseṭṭha]. Đức Phật đã giảng

giải và giải quyết sự tranh chấp bởi hai bà-la-môn trẻ về những phẩm-chất của một "bà-la-môn đích thực" là gì. "Bà-la-môn đích thực" là chỉ một bậc chân tu, một bậc giác-ngộ, hoặc A-la-hán. Và Phật đã nói ra hàng loạt phẩm- chất của một 'bà-la-môn đích thực' bằng những dòng thi kệ. Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

99. Subha Sutta: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Subha]. Môn sinh bà- la-môn này đã hỏi Đức Phật về "sự thành tựu con đường đích thực" (chân đạo) bởi người tại gia và người xuất gia; về "năm điều quy định bởi những bà-la-môn về việc làm có công-đức", Đức Phật đã giảng giải và chứng minh cho anh ta điều gì là đúng ... Và cuối cùng, theo yêu cầu của anh ta, Phật đã chỉ dẫn cho anh ta đường dẫn đến sự tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên).

100. Sangārava Sutta: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Sangārava]. Môn sinh bà-la-môn này đã hỏi Đức Phật về cơ-sở dựa vào đó Phật chỉ dạy những nền-tảng của đời sống tâm linh (tu hành; phạm hạnh). Phật đã trả lời rằng một người chỉ nên tuyên bố và chỉ dạy những nền tảng của đời sống tâm linh sau khi mình đã tự nhìn thấy Giáo Pháp và đã tự mình chứng ngộ những sự chứng ngộ đó. Rồi đã kể lại cho anh ta cả quá

trình tu hành của Phật từ khi xuất gia đến khi giác-ngộ. Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Sangārava đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

+++++

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.